

QUÁCH TẤN - QUÁCH GIAO

ĐÀO TẤN

và

hát bội
bình định

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

QUÁCH TẤN – QUÁCH GIAO

ĐÀO TẤN
Và
HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC



Đào Tấn

Tư liệu hình ảnh của Tuần lý Huỳnh Khắc Dụng

*Trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm
trích dẫn trong tập sách này. Chúng tôi mong
nhận được sự cảm thông và giúp đỡ của quý tác
giả vì không biết địa chỉ để liên lạc xin phép.*

Thư ngỏ

Sau khi xuất bản cuốn “Nước Non Bình Định” thân phụ tôi có ý định viết tiếp về Hát Bội Bình Định

Trong Nước non Bình Định phần về hát bội tuy có nhưng rất đơn sơ.

Tư liệu về hát bội thân phụ tôi sưu tập được nhiều. Các bản tuồng có trên trăm gồm nhiều thể loại: Hán, Nôm và Quốc ngữ. Đa số là các bản chép tay của bà Đào Chỉ Tiên, bản đánh máy của bác Bữu Thủ và các bản in ở miền Nam. Ngoài ra còn có các bản bút ký của các bậc tiền nhân như các cụ nghệ Nguyễn Trọng Trì, Nguyễn Bá Huân có liên quan đến tuồng cụ Đào.

Những câu chuyện lý thú về hát bội Bình Định do các nghệ nhân, nhà lý luận về tuồng như các cụ tù Đặng Văn Thám, cụ tù Võ Kiêm và các cụ Tàu Sáu, Đoàn Phong, Nguyễn Dật, Mai Cao Lương, Trần Thiệu Du... và các nghệ sĩ tuồng như Cửu Vị, Bầu Chư, Chánh ca Đông, Hoàng Chinh, Tư Cá, Thuỷ Triều ... kể lại đều được ghi chép.

Năm 1960 thân phụ tôi bắt đầu viết về Đào Tấn đăng trên tạp chí Lành Mạnh ở Huế liên tiếp trong nhiều số.

Năm 1982 tập “Dạo Quanh Hý Trường” được hoàn tất và nơi trang đầu có ghi:

Những câu chuyện trong “Dạo Quanh Hý Trường” đây tôi đã thu lượm được từ thời thiếu tráng, trong hai khoảng thời gian sống nơi quê hương Bình Định, một khoảng từ ngày thơ ấu đến ngày ly hương vì sinh kế (1910 – 1930) một khoảng trong thời gian kháng chiến chống Pháp, tôi hồi cư về ở Bình Khê (1945 – 1954)

Chuyện mất thấy ít hơn chuyện tai nghe.

Tôi được nghe các bậc tôn trưởng kể lại. Kể lại trong những lúc thân tâm người kể cũng như người nghe không bị cảnh phiền toái của đời sống hàng ngày chi phối. Cho nên tình tiết đưa ra được dồi dào và thu nhận được đầy đủ. Lắm chuyện mới nghe qua thì lẹt lẹt, dường chỉ có tánh cách mua vui, nhưng xét kỹ thì ngậm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc.

Đã nhiều lần tôi định chép lại, nhưng "tay cầm viết dần đo chẳng viết".

Trong vài ba năm nay, tôi nhận thấy có một số anh em văn nghệ sĩ có ý muốn chấn hưng nghệ thuật hát bội và ra công nghiên cứu luống cổ. Nghĩ rằng những chuyện mình đã lược lặt được chắc cũng có thể giúp ích cho bạn hữu tâm trong muốn một, tôi bèn thực hiện ý định trước đây, chép kỹ lại những chuyện lui còn nhớ.

Nhờ được bao nhiêu chép bấy nhiêu và nhờ sao chép vậy.

Chép xong, viết mấy hàng này trình lên các bậc cao minh nhã chính.

Nha Trang, mùa sen nở năm Canh Tuất (1982)

Năm 1986 vì lý do sức khỏe nên thân phụ tôi giao cho tôi phụ trách hoàn chỉnh lại tập "Đôi Nét Về Đào Tấn" đã soạn năm 1960. Thân phụ tôi đã viết lời tựa cho tập này:

Tôi viết "Đôi Nét Về Đào Tấn" năm 1960 và đã cho đăng ở tờ Nguyệt San Lành Mạnh Huế, số 19, 20, 21, 22.

Trước khi gởi đăng báo, tôi gởi bản thảo cho bà Đào Trúc Tiên và Đào Chi Tiên xem. Hai bà rất hoan hỷ. Để thưởng công, bà Chi Tiên gởi tặng tôi năm bản tuồng: *Tán Dã*, *Cổ Thành*, *Hộ Sanh*, *Trầm Hương*, *Diễn Võ* của cụ Đào mà bà đã thuộc lòng và tự tay chép lấy, kèm theo bài thất tuyệt bằng chữ Hán diễn ra thơ Nôm:

Huy hào châu ngọc thế nan tầm
Nhất khúc du dương ý tứ thâm
Kim nhật hỷ phùng cao nhã khách
Thiên thu bất phụ cố nhân tâm.

Dịch nghĩa:

Hươi bút ngọc nhả giòng châu
Du dương một khúc dễ đầu mấy người

*Mừng nay gặp khách chân tài
Nghìn thu chẳng phụ lòng người khi xưa.*

Bà Trúc Tiên gửi tặng 1 thanh quế Thanh và hai xấp gấm, kèm theo một bức thư yêu cầu dừng phổ biến việc Bồi Ba và Đội Niên vì một lý do không tiện nói ra giấy mực.

Do đó mà việc Bồi Ba và Đội Niên không có trong những bài đăng ở Lành Mạnh.

“Đôi Nét Về Đào Tấn” của tôi không gây được tiếng vang trong văn giới. Không nhà văn nào tìm hiểu Đào Tấn, tìm đọc tác phẩm của Đào Tấn. Tuy vậy gặp được một bài thơ, một câu văn của Đào Tấn, nghe được một câu chuyện về Đào Tấn tôi vẫn thu nhặt và vẫn ghi chép để dành.

Trong mấy năm gần đây, Ty Văn hoá và Thông tin Nghĩa Bình ra công nghiên cứu về Đào Tấn. Tôi rất mừng. Để chứng tỏ rằng trong im vắng lòng mình vẫn không lãnh đạm trước những công tác văn học, tôi chuẩn bị bổ chính bản “Đôi Nét Về Đào Tấn” cho được nghiêm túc thêm. Nhưng sức khoẻ không chiều theo ý muốn nên tôi bèn nhờ sự cộng tác của con trai là Quách Giao.

Dựa theo bản “Đôi Nét Về Đào Tấn” cũ của tôi, với những tư liệu tôi thu thập được khoảng sau này và dưới sự hướng dẫn của tôi Quách Giao soạn thảo bản mới song vẫn mang tên cũ vì bản mới tuy có phần phong phú hơn nhưng vẫn chỉ nói lên đôi nét đại khái về thân thế cũng như về sự nghiệp văn chương của Đào Tấn mà thôi.

Đây không phải là một công trình biên khảo mà chỉ là những tư liệu chưa được phối kiểm chặt chẽ, mới được hệ thống hoá, thêm vào những ý kiến riêng, những nhận xét không tránh khỏi chủ quan. Tuy vậy chúng tôi làm việc với tấm lòng chân thành, kính cẩn đối với danh nhân với văn học. Chúng tôi không có ý định gì khác hơn là mong góp phần xây dựng nền văn học của nước nhà mỗi ngày mỗi thêm giàu thêm vững.

Quách Giao soạn thảo xong, tôi duyệt kỹ trở lại. Và sau khi sửa chữa những chỗ chưa ổn, tôi viết mấy hàng này kính trình cùng các bạn tương thân tương trợ:

Chút lòng dó cũng như đây
Rách lành đùm bọc dở hay đỡ dằn...

Nha Trang quý hạ năm Bính Dần (tháng 8 năm 1986)

Năm 1987 được bác Bửu Thủ khuyến khích và cung cấp tư liệu, tôi viết tiếp phần các điệu hát và thể văn hát bội. Phần trích dẫn đều trích trong các bản tuồng Bình Định của các cụ Đào Tấn, Nguyễn Diêu, Nguyễn Trọng Trì ...

Phần lược thuật tuồng hát bội cổ là những bài thân phụ tôi viết cho Ban Hán Nôm trong Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam để dùng cho bộ Tự điển bách khoa.

Năm 1993 chú Quách Tào về thăm Nha Trang và ở chơi hơn nửa năm. Chú đã giúp tôi nhiều ý kiến hữu ích để bổ sung cho nội dung tác phẩm. Ngoài ra chú Quách Tào đã cho phép tôi sử dụng những tư liệu của chú viết về tuồng trong tập hồi ký và bản tham luận về cuốn “Hý Trường Tuy Bút” của Đào Tấn.

Đồng thời tôi tập hợp các bài viết về hát bội của thân phụ tôi đã đăng rải rác trong các tác phẩm Nước Non Bình Định, Xứ Trầm Hương, Hứng Phấn Năng Hương, Hương Vườn Cũ... và các bài đăng trên các báo Lành mạnh, Bình Định, Khánh Hòa...

Tóm lại tập “Đào Tấn và Hát Bội Bình Định” là một tập hợp ghi chép các sự kiện văn học có liên quan đến hát bội Bình Định và cụ Đào Tấn dựa theo các văn bản tuồng, những câu chuyện được các bậc tiền bối kể lại phối hợp với các suy tư, lý luận, ý kiến của thân phụ và thúc phụ chúng tôi.

Đây chưa phải là một công trình biên khảo đầy đủ nên còn rất nhiều thiếu sót. Kính mong bạn đọc lượng thứ.

Nha Trang rằm trung thu Nhâm Ngọ(2003)
QUÁCH GIAO

Dạo Quanh
Hệ Trường

1

ĐÀO TẤN SỬ TUỒNG CỤ NGUYỄN ĐIỀU

Cụ tú Nguyễn Điều hiệu Quỳnh Phủ ở Nhơn Ân (Tuy Phước, Bình Định) sống vào khoảng Minh Mạng Tự Đức (1820 – 1883), là thầy học cụ Đào Tấn.

Cụ là một trong bốn nhà hay chữ nổi tiếng ở Bình Định⁽¹⁾ và chẳng những giỏi về văn chương chữ Hán mà còn có tài về soạn tuồng. Cụ còn để lại:

– Ngũ Hồ Bình Tây (Còn có tên nữa là Dịch Thanh Ly Thợn). – Nhất Tiến Song Điều (Tổng Thái Tổ mưu giết Trịnh Ân và Hàn Tổ Mai).

– Tinh Trung Tử Khúc gồm có: 1) Trương, Hứa thệ tử thủ cô thành – 2) Trần Gia Cốc – 3) Văn Tín Công (Văn Thiên Tường) – 4) Dương Châu tuần quốc.

– Liệu Đố.

Được truyền tụng nhất là Ngũ Hồ Bình Tây. Trong tuồng soạn giả có ký thác tâm sự.

Nguyên khi còn đi học, ở trọ nhà một phú ông làng Xuân Quơn (gần Quy Nhơn), cụ giao tình cùng người con gái của phú ông. Sau khi thi đậu, cụ xin mẹ cưới nàng. Nhưng vì coi tuổi không được nên bà mẹ nhất định không chịu và buộc cụ phải cưới người khác do bà chọn lấy. Người con gái phú ông tên Thìn. Cô Thìn nghe tin người yêu phụ tình liền nhảy xuống giếng tự tận. Lúc khám liệm

⁽¹⁾ Bốn nhà hay chữ đó là: Đăng ở Tri Thiện, Điều ở Nhơn Ân, Trinh ở Vinh Thạnh, Hiến ở Phụng Sơn. Bốn nhà hay chữ hợp với bốn nhà làm giàu là Bình, Danh, Hạnh, Huệ thành “Bát danh” (Bình Định bát danh).

người nhà mới biết nàng đã có thai. Hay biết sự tình, cụ Tú hết sức đau khổ!

Cái chết của người yêu luôn luôn ám ảnh cụ. Mỗi lần vào trường thi thì thấy nàng hiện đến, tay bồng con, tóc tai quần áo ướt đầm đìa. Tâm thần cụ hoảng hốt, khi thì làm vấy mực vào quyển, khi thì viết nhầm chữ cấm bị phạm trường quy. Cụ bị phạm nhiều nhất là chữ Thì. (Chữ Thì cũ tên nhà vua, phải viết là Thìn và đọc là Thời). Cho nên khoa nào cụ cũng hỏng trường tư hoặc không được vào trường tư. Liên tiếp 5 khoa, từ khoa Mậu Thân – Tự Đức nhị niên (1848) đến khoa Canh Thân – Tự Đức thứ 13 (1860), cụ chỉ giữ được chân tú tài. Chán việc thi cử, cụ ở nhà mở trường dạy học.

Bên mình tuy có vợ con và học trò cụ vẫn không gỡ nổi mối thương tâm. Để giải bớt ưu sầu cụ soạn tuồng Ngũ Hồ Bình Tây, mượn Địch Thanh thay mình, Trại Ba công chúa thay người yêu nói lên những nỗi cay đắng chất chứa trong lòng, nói lên những niềm giằng co xung đột giữa Trung, Hiếu và Tình...

Văn chương, tình tiết bốn tuồng rất hay. Khi cụ Đào Tấn thi đậu và được bổ làm quan ở Các⁽¹⁾ có dâng tuồng này lên ngự lãm. Vua Tự Đức rất tán thưởng. Nhưng trong tuồng có một đoạn không được hợp lý. Đó là đoạn Địch Thanh ở nước Thộn Thộn được tin dữ của mẹ bèn trốn công chúa Trại Ba rời Thộn Thộn để đi đánh Tây Liêu. Cáp Man đóng cửa ải, không cho Địch Thanh rời Thộn Thộn. Nhân đó Trại Ba mới đuổi kịp chồng. Đuổi kịp chồng, lại còn truyền – Bớ Cáp Man! Nghe lệnh mỗ án cần, đóng ải quan cần mật. Nhược hữu nhất hào sơ thất, tất can trọng cứu nan đào.

Nhưng sau khi nghĩ kỹ đến đạo Hiếu Nghĩa, Trại Ba để cho chồng đi đánh Tây Liêu. Cho Địch Thanh đi mà không truyền Cáp Man mở ải. Hai bên chỉ than thở:

Trại Ba:

Chưa lạt rượu giao hoan một chén,
Đã xem hình vịnh biệt nghìn trùng!

⁽¹⁾ Các tức là nhà nghề - nơi các tiến sĩ tân khoa vào làm việc văn thư của vua ở trong nội. Sau này người ta dùng từ nội các để dịch chữ cabinet và cuộc họp nội các bằng conseil les ministres do Thủ tướng chủ tọa. Còn đời Minh Mạng - Tự Đức thì nội các là một văn phòng của vua trong nội do một vị quan tam phẩm chỉ huy.

Khó theo chân tảo tặc nguyên nhung,
Xin soi dạ tư phu thực nữ.

Nam: Soi dạ tư phu thực nữ
Đoạn thâm tình nhất khứ nhất lưu

Dịch Thanh:

Ruột đường dao cắt chín chiều
Sương bay trước mặt gió hiu bên đường.

Trại Ba:

Mỗi duyên Chức Nữ – Ngưu Lang
Cầu Ô đã bắc lại toan dứt cầu.

Dịch Thanh:

Dùng dằng nghĩa trước tình sau
Dây phiền đó buộc chuỗi sầu dây mang.

Rồi hai bên chia tay nhau:

Dứt tình một khúc Dương Quan
Tây Liêu anh tới, Đơn Bang em về.

Như vậy, Đơn Bang em về thì được, chớ Tây Liêu anh tới thì
tới làm sao trong khi cửa ải đóng “cẩn mật”?

Cụ Đào định trình lại để thấy sửa cho ổn. Nhưng chưa kịp thì
cụ Tú qua đời. Để y nguyên thì bốn tuồng là một viên ngọc liên
thành có vết, còn tự ý sửa thì thất lễ với thầy. Mãi khi đã về tri
sỹ cụ mới mua một con heo và sắm lễ vật đến nhà thầy làm cỗ
bàn cúng tế rồi xin thầy cho phép “mở cửa ải để đưa nguyên soái
lên đường”. Lễ xong cụ thêm vào bản cáo, ngay ở sau câu hát Nam
“Dây phiền đó buộc chuỗi sầu dây mang” một đoạn:

Trại Ba:

Bỏ Cáp Man. Truyền Cáp Man mở ải,
(Đặng cho ta) Đưa Nguyên soái lên đường.
(Phu Quân ơi!) Song lụy san san, thốn tâm cảnh cánh.
Hồn ly biệt đường mê đường tình.
Mối ân tình khó dứt khó chia.
Dặm Tây Liêu hiểm trở sơn khê.
(Còn) Tinh La Hải cao cường pháp thuật.
Sợ khó nổi bêu đầu ác tặc.
(Me mẹ ơi!) Biết bao giờ thấy mặt từ nhan?!

(Phu Quân ơi!) Rượu vơi vơi nâng rót chén vàng.
Chân rén rén diu đưa người ngọc.
Rén rén diu đưa người ngọc
Kể khôn cùng chân tóc kẻ răng

Dịch Thanh:

– Thôi em ở lại, sương sa hoa nở, mẹ tròn con vuông, rồi anh sẽ về.

Anh hùng nước bước còn sảng
Đừng dun mảy liễu mà quần ruột lan⁽¹⁾

Trong khi vợ chồng than vãn thì cửa ải từ từ mở. Hai bên mới chia tay bằng câu thơ của cụ Tú:

Dứt tình một khúc Dương Quan
Tây Liêu anh tới, Đơn bang em về...⁽²⁾

Tình thấy trò, lòng yêu quý văn chương thật cao đẹp!

Ở Bình Định, khi nhắc đến cụ tú Nguyễn Diêu và cụ Đào Tấn, các vị tiền bối thường đề cập đến chuyện cô THÌ và chuyện sửa tuồng của cụ Đào.

Hai câu chuyện thường đi đôi với nhau.

Một bên trở thành huyền thoại. Một bên trở thành giai thoại.

Và danh sĩ Nguyễn Bá Huân thường nói:

Văn tài của Đào công do thụ giáo Quỳnh Phủ tiên sinh nhưng nhờ thiên tư cao mạng nên tài vượt thấy khá xa. Rõ là “Xanh từ chàm mà ra, nhưng tươi thắm hơn chàm”.⁽³⁾

⁽¹⁾ Phần nhiều tuồng chép là RUỘT BA hoặc RUỘT HOA..

Chữ HOA hay BA không bắt vần được với chữ QUAN ở câu dưới. RUỘT LAN là RUỘT CHỮA, lấy tích mẹ Tấn Mục Công nằm mộng thấy nuốt hoa lan rồi thọ thai sanh ra Mục Công.

⁽²⁾ Câu chuyện sửa tuồng đã có ghi trong NƯỚC NON BÌNH ĐỊNH do Nam Cường xuất bản năm 1967 và Hý trường tùy bút của Đào Tấn do Ty Văn hóa và Thông tin Nghệ Bình xuất bản 1981.

⁽³⁾ Thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam.

2

ĐẶNG VĂN THẨM CHÊ TUỒNG ĐÀO TẤN

TUỒNG ĐÀO TẤN là những áng văn chương tuyệt tác. Các nhà soạn tuồng đương thời đều phục tài cụ Đào.

Cụ Nguyễn Hiến Đình, tục gọi là cụ tuần An Quán ở Quảng Nam, gọi cụ Đào là “Trạng nguyên tuồng hát”.

Cụ Nguyễn Bá Huân, một chí sĩ ở Bình Định, gọi cụ Đào là “Phụng hoàng trong loài chim, Kỳ lân trong loài thú”.

Cụ Nguyễn Trọng Trì, em ruột cụ Huân, gọi cụ Đào là “Hoa mẫu đơn làm chúa các loài hoa”.

Trong giới hàn mặc cũng như trong giới kịch trường, hễ nói đến tuồng Đào Tấn thì ai nấy đều khen ngợi. Chỉ có một người mạnh dạn nói:

– Hay thì thật là hay, song chưa độc.

Người đó là tú tài Đặng Văn Thám, tục gọi là tú Thám, người làng Lương Bường, huyện Tuy Phước. Đối với cụ Đào, ông Tú đứng vào hàng con cháu.

Đặng Văn Thám đậu tú tài lúc 16 tuổi, đậu một khoa cùng hai anh em Đào Nhữ Tuyên, Đào Nhữ Thuần, con cụ Đào Tấn.

Ông Tuyên đậu cử nhân. Ông Thuần đậu tú tài.

Ông cử Trần Kế Xương, làng Thanh Quan huyện Tuy Phước, đi cho hai anh em ông Tuyên một câu đối mừng:

+ Huynh cử nhân đệ tú tài, văn chương thiên hạ;

+ Phụ tại triều tử đẳng báng, cầm tú nhất đường.

Câu đối, ý nghĩa đã đầy đủ, cách đối tiếng lại rất tài tình ⁽⁶⁾. Hai anh em ông Tuyên rất mừng, thuê thợ sơn son thếp vàng treo ở phòng khách. ⁽⁷⁾

Cụ Đào Tấn về thăm nhà, hay biết mọi việc, sai hạ cặp liễn sơn son thếp vàng xuống, lựa 3 chiếc roi mây đầu quán vải điều, bó roi và liễn chung lại, sai người đem lên Văn Chỉ. Cụ khăn áo chỉnh tề đến Văn Chỉ, cho mời ông cử Xương và hai anh em ông Tuyên đến. Cụ truyền hai anh em ông Tuyên nằm xuống, đặt hai chiếc roi lên lưng, nghiêm giọng hỏi:

– Hai ông tân khoa có hiểu ý nghĩa câu đối của thầy Cử đó chăng? Thử nghĩ: Con nhà thi lễ mà anh đậu cử nhân gần chót bảng, em chỉ đậu tú tài, như thế mà gọi là “văn chương thiên hạ” thì còn gì nữa mai bằng? Thêm nữa “văn chương thiên hạ” còn ngụ ý bảo là “văn chương của thiên hạ gà cho”. Bị người ta khinh miệt, đã không biết xấu hổ mà còn đem sơn thếp để bêu danh!

Hai anh em ông Tuyên sợ run, mồ hôi trán nhỏ giọt!

Đoạn cụ xoay qua ông cử Xương, ôn tồn nói:

– Con cái tôi ngu dốt, thầy Cử phạt chừng nấy chưa đủ sao mà còn lôi cha chúng ra nữa? Có phải nhờ tôi làm quan tại triều mà con tôi thi đậu đầu mà thầy cho là “một phường giá áo?”.

Ông cử Xương cứng cả miệng lưỡi, không đợi truyền, vội nằm xuống chịu tội.

Trước thái độ thành thật hối quá, cụ bảo ba người đứng dậy... và truyền chêm chum hai câu liễn vàng son.

Nghe chuyện liễn đối, ông tú Thám đâm lo:

(⁶) Ông Trần kế Xương học rộng, lấy trường thi làm trường bán chữ để sinh nhai. Đi thi nhiều khoa, khoa thì làm cho đủ quyển, khoa thì chỉ làm bài cho đủ đậu tú tài để khoa nào cũng được vào trường làm bài mướn, được trúng cử nhân, ông dậm chân than: “Quan trường đập bể nồi gạo tôi rồi!”.

(⁷) Câu đối nghĩa là: “Anh đậu cử nhân, em đậu tú tài, văn chương giỏi quán thiên hạ; cha ở nơi triều đình, con đỗ đạt. Một nhà rục rờ gấm sô”. “Thiên hạ” mà đối với “Nhất đường” là đối tiếng, đối bóng: Thiên là Trời đồng âm cùng với Thiên là Ngàn, đối với Nhất là Một. Hạ là dưới đồng âm cùng Hạ là nhà ở, đối với Đường là nhà chính trong cung thất. Đối như thế là tài tình.

Vì bị cái hay bên ngoài làm mờ tâm trí nên anh em ông Tuyên không nhận thấy ẩn ý của câu văn.

– Không kịp thì chầy, thế nào rồi cũng đến lượt mình.

Ông bèn đi “nước trước”, dồn tâm lực soạn tuồng Du Long Hí Phụng. Tuồng soạn xong, ông mang đến xin ra mắt cụ Đào. Cụ Đào vốn đã nghe tiếng “tuổi trẻ tài cao” của ông Tú và lời ông phê bình tuồng hát của cụ nên cụ tiếp ông Tú rất niềm nở, không phân biệt trẻ già. Sau đôi câu chuyện về việc học hành, thì cử, cụ Đào nói sang qua tuồng hát Bình Định và hỏi:

– Không biết thầy Tú đã xem qua những bốn tuồng vụng về của tôi chưa.

Vì đã trang bị tinh thần trước nên ông Tú không chút lung túng:

– Bẩm dâ Ai cũng bái cụ lớn là Tổ sư Bồ Đề. Không những nội tình nhà mà cả toàn quốc.

Cụ Đào cười:

– Thầy Tú tới đây để tán dương tôi? Hà! Không lẽ để tan dương tôi? Có lẽ để “tán” tôi là phải?– Bẩm cụ, con đâu dám. Con hết sức gồng mình, xin trình lên cụ vở tuồng Du Long Hí Phụng con vừa soạn xong để xin cụ chấm.

Cụ Đào đón vở tuồng, sai người nhà đốt trầm rồi ngồi đọc.

Du Long Hí Phụng diễn tích Lý Đán – Phụng Kiều. Xem đến đoạn “Lý Đán giả kết duyên cùng con gái Đào Tri phủ để mượn bữu bối phá giặc” gặp những câu:

***Gạnh nói gì một bữa lẫn chiêm
Con luống chịu bốn bề trở trôn⁽¹⁾***

– Miễn trả xong cái nợ Thái Hàng

Đến chừng ấy (gạnh e lắm, ghạnh e nó) phá tan u cốc⁽²⁾

Cụ Đào cao hứng đọc to và nói:

– Nếu được chấm, tôi đổ cả nghiên son.

Đọc xong bốn tuồng, cụ nói:

– Thầy đáng...

⁽¹⁾ Lời của con gái Đào Tri phủ.

⁽²⁾ Nợ Thái Hàng: Lý Đán nói dối cùng tân nhân rằng: “Có lời thề cùng thần núi Thái Hàng khi nào trừ được giặc mới cưới vợ”.

Lý Đán muốn mượn Âm Dương cảnh của Đào Tri phủ để phá Hỏa Luân bài của giặc, nên mới gả duyên cùng con gái tri phủ.

Bỏ lung câu nói, rồi cười nói tiếp:

– Tôi gặp được người TÁN tôi xứng đáng.

Hai câu chuyện không mấy chốc được truyền đi xa. Người ta bàn tán về thái độ cụ Đào đối với hai lời chê. Ông cử Xương chê với ác ý. Ông tú Thám chê một cách thẳng thắn, đứng trên lập trường “vận hoành công khí” mà chê. Cho nên cách đãi ngộ của cụ Đào khác hẳn nhau. Hai câu chuyện đó, các cụ xua cho rằng vừa là chuyện lý thú, vừa là gương sáng đáng treo.

NÉT ĐỘC ĐÁO TRONG TƯỚNG ĐẶNG VĂN THÁM

Ông tú Đặng Văn Thám là một trong những văn nhân soạn tuồng có tiếng ở Bình Định. Ngoài vở Du Long Hí Phụng ông còn nhiều vở khác mà vở Phụng Nghi Đình được phổ biến nhất. Phụng Nghi Đình diễn truyện Tam Quốc, đoạn Vương Doãn cùng Điều Thuyền làm kế mỹ nhân để ly gián董卓 và Lã Bố.

Văn chương khắc hoạch. Lắm câu hiểm quái tức “độc”. Độc chẳng những không kém những câu “Gạnh nói gì một bữa lần chiêm, con luống chịu bốn bề trở trống...” trong Du Long Hí Phụng mà còn thâm thúy hơn, như:

– (*Lão nghĩ như Hán vận chữ*) Sự đảo sự thổ, sự đảo thổ! (Hèn chi) nhân tình giai thổ đảo!

(*Lão thấy trăng trong gió mát như đêm nay*) Nguyệt đoàn nguyệt viên, nguyệt đoàn viên; (Rằng mà) ngã ý bất viên đoàn? ⁽¹⁾

Đó là một câu hát khách và là lời than thở của Vương Doãn dưới trăng khuya.

Đây là lời Điều Thuyền thưa cùng Vương Doãn:

– (*Con nói thiệt, quyết phen này*) Vấy gió tình cho tối mặt gian thần, Hừng lửa dục đăng đốt gan tặc tử.

Wương Doãn mời Lã Bố sang tư dinh, hứa gả Điều Thuyền. Bố mừng về lo việc nghinh hôn. Vương Doãn bảo Điều Thuyền vào sửa soạn để đón董卓:

⁽¹⁾ Việc đổ việc hư, việc hư đổ.

(nên) tình đời để hư đổ. Trăng đầy trăng tròn, trăng tròn đầy (sao) lòng ta chẳng tròn đầy?

– (Điều Thuyền, con hãy vào chỉnh đốn nhan sắc lại cho tử tế, để cha qua mời Tế tướng sang đây, đặng con)

Lấy má đào mà lãng lú trước gió tình,

(Thời) Dầu mặt sắt cũng uốn mềm trong lửa dục.

Những câu ấy, ở Bình Định không mấy người yêu hát Bội mà không thuộc. Và tuy rằng mắc mỏ và khó hát, khó diễn các ca công kịch sĩ đều ưa.

Phó bảng Nguyễn Đình Hiến khi ngồi Tổng đốc Bình Định, một hôm xem diễn tuồng Phụng Nghi Đình, cao hứng bưng cả mâm tiền thưởng đổ lên thân ca công đóng vai Vương Doãn, khi nghe dứt câu “Dầu mặt sắt cũng uốn mềm trong lửa dục.”

Cụ Biểu Xuyên Đào Phan Duân nghe những câu trên chê là: “Văn chương khúc mắc”. Tuy cụ nổi tiếng là hay chữ, song vốn người thiên về đạo đức, không hay xem tuồng hát nên không biết soạn giả Phụng Nghi Đình là ai. Sau biết là Đặng Văn Thám thì nói:

– Làm văn mà chùy u tặc hiểm thì thi không đậu là phải. Đó là do tài chớ không phải do mệnh.⁽¹⁾

Ông tú Đặng Văn Thám còn nhiều tác phẩm bị mai một. Cụ Đào Tấn khen tuồng ông Tú là giai tác song chê là quá thiên về nhu, trái với tuồng hai anh em cụ Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Tri quá thiên về cương. Người viết tuồng, lòng phải đủ cương nhu phối hợp mới có thể soạn thành tác phẩm đặc sắc.⁽²⁾

⁽¹⁾ Soi chỗ thâm u, trở nét hiểm quái.

⁽²⁾ Cương là gọn gàng minh bạch. Nhu là tỉ mỉ dềnh dàng.

4

CỤ ĐÀO TẤN CHÉM TÊN BỒI BA

Năm Đồng Khánh thứ 2 (1887), cụ Đào Tấn làm Phủ Doãn Thừa Thiên được nhà vua ban phượng kiếm và cho phép được tiền trăm hậu tấu. (Điểm này cần xét lại)

Thời bấy giờ ở Huế có tên bồi của viên Khâm Sứ Pháp, tục gọi là Bồi Ba, cậy thế chủ hoành hành. Hầu hết các quan văn võ nơi kinh đô đều phải kiêng nể nên Bồi Ba muốn làm gì thì làm, không sợ ai hết. Những thương gia ở thành phố Huế và chợ Đông Ba, Gia Hội bị y bóc lột, hiếp đáp không biết kêu ca vào đâu. Vợ con lương dân bị cưỡng ép cũng đành cắn răng chịu nhục mà làm lơ... Nghe đến tên Bồi Ba ai nấy đều khiếp sợ phải tìm cách tránh xa để khỏi mang họa.

Hắn ra đường thường chống cây ba tông, nên người ta gọi hắn là Cọp Ba Chân.⁽¹⁾ Hắn lại thường mặc áo dài trắng cổ ưỡi cứng, chít khăn đen, khoác chiếc veston màu xám tro nên có tên nữa là Con Cọp Xám.⁽²⁾

Tánh hung ác của hắn không ai không biết.

Tiếng đồn đến tai cụ Đào. Sau khi điều tra rõ sự thật, cụ cho người theo dõi, hề gặp hắn hoặc người nhà hắn phạm pháp là bắt ngay, bất kỳ việc lớn nhỏ.

Một hôm con vợ hắn ra chợ Đông Ba, ý thế đánh người. Lính bắt về phủ nhốt. Bồi Ba hay tin, xách ba tông đến phủ đường

⁽¹⁾ Ngày xưa có con cọp què một chân, to lớn và hung dữ nổi tiếng, thường đi khắp dãy Trường Sơn để bắt mồi. Năm 1773, làm trấn thủ thành Diên Khánh, ông Nguyễn Văn Thành gài bẫy bắt được tại núi Đồng Bò (Khánh Hòa)

⁽²⁾ Người bình dân thường gọi cọp bằng Ông và nhiều nơi có miếu thờ. Nhưng gọi tên bồi là Con vì khinh hắn không bằng súc vật.

thịnh nộ. Cụ truyền bắt bỏ ngục. Hấn cho người về báo chủ. Viên Khâm sứ thân hành đến can thiệp. Cụ ôn tồn kể hết tội ác của tên bồi. Viên Khâm sứ đáp:

– Hiện thời còn một số người Việt Nam có nã bài Pháp. Họ thấy tên Bồi Ba trung thành với tôi nên ghét mà đặt ra chuyện nọ chuyện kia, khiến ngài nghe trái lẽ mà giận đó thôi, chớ đâu có gan làm những chuyện phi pháp như thế.

Cụ liềm dung, truyền linh dẫn tên bồi ra.

Tên bồi quen thói hống hách, quen được quan gia kiềng nể nay bị bắt giam thì giận căm gan. Cho nên lên thấy chủ ngồi đó thì lấy làm đắc thế, bèn thả bùng cơn giận ra, chỉ vào mặt quan Phủ Doãn, mắng nhiếc không tiếc lời. Cụ vỗ bàn hét linh bắt chém. Viên Khâm sứ tái mặt nói:

– Tôi xin ngài nể mặt tôi.

Cụ nghiêm nét mặt đáp:

– Tôi mong quan lớn biết trọng pháp luật Nam triều. Tôi thay mặt nhà vua để trị dân, để giữ an ninh trật tự trong nước. Những kẻ phạm pháp, tôi phải trị tội, không ai được phép can thiệp. Như tên bồi này, quan lớn thử nghĩ, đối với tôi đây và có mặt quan lớn đó mà còn dám hành hung bức ấy, hưởng hồ đối với dân chúng và sau lưng quan lớn. Mà vì sao hấn lại có những hành vi không kể đến phép nước như vậy? Có phải tại quan lớn dung túng hấn hay không? Quan lớn đã trưởng ác cho hấn mà quan lớn không biết. Nếu quan lớn muốn tha hấn thì kiếm đây, ấn đây, tôi xin giao cho quan lớn.

Viên Khâm sứ thất kinh đứng dậy xin lỗi, rồi nói cùng tên bồi:

– Mấy làm bậy thì mấy chịu lấy, tao không làm sao được.

Viên Khâm sứ nói xong, giận dữ bỏ ra về. Cụ Đào liền ra lệnh chém tên bồi, bêu đầu răn chúng. (Điểm này cần xét lại: Bồi Ba bị kết án tử hình, có lẽ đúng hơn).

Ai nấy đều khiếp đảm và mừng được thoát khỏi nạn bồi Tây. Các thương gia ở Huế vui mừng cực độ. Ở các dãy phố nhiều tiệm

thiết hương án trước cửa, nói rằng tạ ơn Trời Phật nhưng sự thật là ngấm tạ ơn cụ Đào. ⁽¹⁾

Cụ Đào Tấn có một người con tục gọi là Ấm Bô.

Ấm Bô tánh ngang tàng hung bạo, thường làm chuyện phi vi. Bên ngoài tiếng than oán đã nhầy nhụa nhưng cụ không hay biết vì người nhà tìm đủ cách dấu che. ⁽²⁾

Nhân tuồng có diễn tích Phàn Lê Huè, vợ Tiết Đình San chém Dương Phàm bị máu văng vào mình trong lúc mang thai, sanh ra Tiết Cương hình thù cổ quái giống hệt Dương Phàm.

Và nhân Ấm Bô sanh dưới triều Đồng Khánh, trong khoảng cụ Đào làm Phủ Doãn Thừa Thiên, chém tên Bồi Ba.

Nên dư luận cho rằng Ấm Bô là hậu thân của Bồi Ba cũng như Tiết Cương là hậu thân của Dương Phàm.

Chuyện hoang đường không đáng tin nhưng đáng gẫm.

Bà Đào Chi Tiên thường bảo rằng Ấm Bô đối với thân danh, sự nghiệp cụ Đào Tấn là một cục bùn quăng xuống dòng thanh tuyến chùa Linh Phong. ⁽³⁾

⁽¹⁾ Trong “Đôi nét về Đào Tấn” tôi có ghi rõ chuyện này nhưng bà Đào Trúc Tiên yêu cầu đừng công bố nên bài đăng trong tạp chí Lãnh Mạnh số 48, ngày 1-9-1960 không có nói đến.

⁽²⁾ Sau đem về an trí tại từ đường ở Vinh Thạnh (Tuy Phước, Bình Định).

⁽³⁾ Đền chùa Linh Phong, cụ Đào có câu “Thanh tuyến tế ẩm tri chơn vị”. Chính vì không muốn người đời nhắc đến Ấm Bô nên bà Đào Trúc Tiên yêu cầu tôi bỏ đoạn viết về Bồi Ba.

NGUYỄN THÂN, TIẾT NGHĨA VÀ THÓI KIỀNG TÊN

Cốt truyện trong tuồng Hộ Sanh Đàn của Đào Tấn rút trong truyện Phán Đường của Trung Quốc nhưng nhân vật bên phản diện cũng như bên chính diện đều được xây dựng theo ý riêng của soạn giả, nhiều khi khác hẳn nhân vật trong truyện xưa.

Những nhân vật trong tuồng mang tâm sự, cảm xúc của cụ Đào hoặc biểu trưng một số nhân vật đương thời.

Ví dụ Tiết Nghĩa là hình ảnh của Cao Ngọc Lệ, một tên phản thầy phản bạn để cầu danh.

Lệ là học trò của nhà chí sỹ Tống Duy Tân. Chí sỹ lãnh đạo phong trào Cần Vương vùng Nghệ Tĩnh. Phong trào bị thất bại, chí sỹ lên ẩn nơi Hồng Lĩnh với ý chí rửa quốc hận lần thứ hai. Pháp không biết đâu mà tìm. Lệ bèn đem Pháp đến vây bắt, nhờ đó mà được đi làm quan.

Cụ Đào soạn tuồng Hộ Sanh Đàn lúc ngồi Tổng Đốc An Tĩnh lần thứ nhất, dưới triều Thành Thái, khoảng năm 1890 – 1894.

Khi tuồng mới ra đời thì Tiết Nghĩa là Cao Ngọc Lệ nhưng về sau thì lại trở thành Nguyễn Thân vì tâm địa và hành động của Thân không khác Lệ. Cả hai đều là phường bất nhân bất nghĩa, đều là phường phản quốc phản sư. Cho nên tuồng diễn ở Nghệ Tĩnh thì Tiết Nghĩa là Lệ nói tiếng Nghệ Tĩnh; diễn ở Huế, Quảng Nghĩa, Bình Định... thì Tiết Nghĩa là Thân nói tiếng Quảng Nghĩa.

Nguyễn Thân rất thích hát Bội. Trong dinh có một đoàn hát phục vụ riêng cho gia đình và thân hữu. Nghe tiếng tuồng Hộ Sanh Đàn, Nguyễn Thân truyền cho đoàn tuồng của mình tập để diễn cho y và và người nhà

cùng bạn bằng xem. Các ca công trong đoàn không ai dám đóng vai Tiết Nghĩa, phải nhờ bạn đồng nghiệp ở ngoài.

Trong buổi diễn, các vai đều lột được tinh thần của bốn tuồng. Vai Tiết Nghĩa xuất sắc nhất. Ca công không dùng tiếng Nghệ cũng không dùng tiếng Quảng mà dùng tiếng Huế để khỏi phạm “bê trên”. Chàng diễn hay đến nỗi Nguyễn Thân cao hứng, nói cùng bà vợ ngồi bên cạnh:

– Giống tôi như hệt.

Sau buổi diễn, Nguyễn Thân đàm ra mê tuồng Hộ Sanh Đàn, mặc dù biết rằng cụ Đào mượn vai Tiết Nghĩa để “chửi” mình.

Có người đem câu chuyện hỏi cụ Vân Sơn Nguyễn Trọng Trì. Cụ đáp:

– Không có gì lạ. Nguyễn Thân cũng như Cao Ngọc Lệ làm những điều vong ân bội nghĩa là làm có mục đích, có suy kỹ nghĩ chín. Trước khi làm y đã biết thế nào cũng không tránh khỏi riu búa của dư luận. Nhưng y theo thuyết của tên vô lại đời Tống là Đặng Oản, “Tiểu mạ hoàn tha tiểu mạ, hảo quan hoàn ngã vi chi”⁽¹⁾. Y đã đạt được mục đích, làm quan đến cực phẩm, uy quyền lấn cả vua. Vì đã tiên liệu từ trước nên bị chê bai oán giận, dù dưới hình thức nào, y nào có động tâm. Còn “mê tuồng Hộ Sanh Đàn” thì hoặc y bị văn chương tình tiết quyến rũ, hoặc y muốn dùng thủ đoạn xảo quyệt để cho người đời cạ nghĩ tưởng rằng y có lượng bao dung, biết yêu quý văn chương nghệ thuật.

Lại hỏi:

– Như thế, tại sao trong tuồng Cổ Thành Hội, có câu hát khách:

“Thủ bá thanh long, sát hổ tương như hành vân sậu vô;

Thân thừa xích thố, nhập xà đồ tợ khởi phụng đằng giao”⁽²⁾

Nguyễn Thân lại cấm ban hát không được hát là “thân thừa” mà phải hát trại là “thận thừa...”. Việc xấu xa không húp lại đi húp cái tên?

Cụ cười:

⁽¹⁾ Tiểu mạ hoàn tha tiểu mạ, hảo quan hoàn ngã vi chi: Chửi mắng, trả thù, mắng lại cho người, còn quan sang cứ đưa đến cho ta làm.

⁽²⁾ Thủ bá... thân thừa...: Tay cầm thanh long đao, giết hổ tương như mây bay mưa xối; Thân cỡi ngựa xích thố, vào trận rần tợ phụng múa rồng tuôn.

– Dê mà mang lột cạp thì khi gặp cỏ liền hiện nguyên hình dê. Nguyễn Thân là kẻ tiểu nhân đặc thế, đôi lúc muốn làm mặt quân tử với đời nhưng cốt tiểu nhân vẫn cứ lộ, lộ một cách tự nhiên, một cách bất ngờ, đến nỗi đương sự không nhận thấy hoặc nhận thấy mà không kịp “rút lui”.

Thói kiêng tên thời phong kiến nhiễm sâu vào tâm não người Việt Nam, nhất là trong giới thống trị.

Gọi người có tuổi tác, có quyền vị, người ta dùng thứ bậc trong gia đình mà gọi, như “ông hai...”, “chú ba...”, “thầy tư...” hoặc dùng chức tước, dùng bút hiệu, dùng tên làng... mà gọi, như gọi cụ Nguyễn Trọng Trì là cụ nghề Vân Sơn, cụ Đào Phan Duẩn là cụ Tuần Biểu Xuyên, cụ Hồ Sỹ Tạo là cụ Tấn sỹ Hòa Cư, cụ Nguyễn Diêu là cụ tú Nhơn Ân, cụ Đào Tấn là cụ Đào Vinh Thạnh ...

Đó là người ngoài vì quý trọng bậc tôn trưởng mà kiêng tên.

Bất người ta không được kêu tên mình chỉ có bọn quyền thế.

Không phải một mình Nguyễn Thân dùng uy quyền để tự tôn mà còn nhiều viên quan khác như Huỳnh Yến chẳng hạn.

Trước ngày toàn dân khởi nghĩa chống Pháp, Huỳnh Yến ngồi Tổng đốc Bình Định. Một hôm xem tuồng Cổ Thành Hội đã tức giận vì ban hát không kiêng tên mình.

Hôm ấy ca công là Xã Đại, thường gọi là xã Đồng Nhứt ở Đồng Thọ (Bình Khê), đóng vai Trương Phi. Trương Phi nghe thám tử báo rằng Quan Công đã đầu Tào và được Tào trọng đãi “thượng mã đề kim, hạ mã đề ngân, tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến”, Trương Phi bèn đập bàn nói:

– Yến yến, ẩm ẩm...! Ầi Ầi! Hay cho Quan Hầu! vân vân...

Quan Tổng Đốc, ngài liền kéo Xã Đại ra căn đánh 40 roi!

Xã Đại giận căm gan, nhưng không biết làm cách nào để rửa hận. Nhà nho Nguyễn Dật ở Phú Phong (Bình Khê) nói bên cùng Xã Đại:

– Cũng may quan lớn ngài không để ý tới câu của Trương Phi nói với Quan Công sau khi đã biết lỗi:

– (Thưa thưa), Đốn thủ trần tình; Thăng thân thọ tội⁽¹⁾

⁽¹⁾ Cúi đầu bày tình, trối mình chịu tội.

Chớ nếu ngài nghe thì mông dít chú ăn bánh canh cũng đến nứt niềng.

Xã Đại vốn biết rõ câu “Thằng thân thọ tội”, cụ Đào Tấn viết ra cốt để “chửi khéo” Nguyễn Thân và Nguyễn Thân thù cụ Đào đến “tam đại” nhưng không biết mối liên hệ giữa Nguyễn Thân và Huỳnh Yến nên nói với giọng hơi bực mình:

– Không lẽ Nguyễn Thân đội mồ lên đánh tôi?

– Cần chi đến Nguyễn Thân, nội ông rể Tổng Đốc họ Huỳnh, mông chú cũng đủ thúi thệt. Cho nên từ nay hễ quan trên rước đi hát thì nhớ mang mo cau theo vì quan nào cũng có máu Nguyễn Thân Huỳnh Yến ở trong mình, không nhiều thì ít.

Không biết kiêng tên “kê bề trên” thì nhất định bị phạt. Còn biết kiêng và khéo kiêng thì nhiều khi được thưởng:

Thời Pháp thuộc ở Trinh Tường, huyện Bình Khê (Bình Định), có một “vị” cường hào “nắm quyền sinh sát trong tay”, người làng từ già đến trẻ ai ai cũng phải sợ.

Một năm nọ, làng Trinh Tường tổ chức hát Bội tại đình. Gánh hát của bầu Chu ở Phú Phong (Bình Khê) được rước diễn. Diễn tuồng Hộ Sanh Đàn. Bầu Chu đóng vai Tiết Cương. Trong đoạn bị Võ Tam Tư rượt chạy, Tiết Cương than:

– Sơn trung thán bì mã.

Hải thượng bì cô hồng! (Phu nhân ơi!) Xiết bao tình, người cùm bắc kẻ gành đông!

(Chỉ nữa) Phải lần bước, sớm qua Hồ chiều lại Việt.

Lần bước qua Hồ lại Việt

Mặt bờ phờ mái nguyệt cầu sương.

Ngã hành sơn xuyên dị. Hốt tại thiên nhất phương!

(Ái thương hại cho tôi) Hà sự đáo thiên nha?!

(Chỉ phu nhân tôi) Thân hoài cương bảo, lưu lạc thù hương.

(Tôi biết ở mô mà tìm? Hèn chi cổ nhân than) Sanh biệt thường trắc trắc (thì đã phải). (Còn như tôi đây, ha ha).

Vị nho phùng thế nạn.

(Nên) Sầu tứ cánh mang mang!

Ài viên mấy tiếng đoạn tràng

Chưa xong ân oán dễ than vận thi

*Bước lưu ly sơn thủy trạch bạn
Cụm mây tàn bóng nhận xa xa⁽¹⁾*

Vì “vị” cường hào cầm châu nên bầu Chuư gắng hết sức làm vừa lòng kẻ cả. Và biết gia đình kẻ cả kiêng chữ Nhận nhưng không biết tìm chữ gì thích hợp để thay nên khi hát đến câu “Cụm mây tàn...” sau chữ “bóng” thì xuống mạnh giọng rồi kéo dài thành tiếng “hợm”: “Cụm mây tàn, bóng ... “hợm”... xa xa”.

“Vị” cường hào khoái ý đánh châu muốn gây dùi trống và đổ cả khay thẻ xuống sân khấu để thưởng tài. Mãn cuộc lại còn thưởng riêng cho bầu Chuư hai đồng bạc “ông Tý”⁽²⁾

Sau đó “vị” cường hào thường khoe cùng “thiên hạ”:

– Lũ hát bội “ân bất hoài oai bất úy”⁽³⁾ mà đối với tao phải kính nể thì bay phải biết ân oai của tao lớn đến bậc nào?

Nhà nho Nguyễn Dật nghe nói, đi tìm bầu Chuư:

– Khi nào gánh chú diễn tuồng Phụng Nghi Đình thì nên rước “kẻ cả” đóng vai Đồng Trác. Khỏi mất công ôn tuồng, khỏi mất công dợt bộ. “Ngài” đã sẵn giọng điệu rồi. Rất tiếc “Ngài” không làm quan to, để khỏi mất công sấm áo mào.

Thời Ngô Đình Diệm (1954 – 1963), đình Cẩm Thượng ở Quy Nhơn có tổ chức một đêm hát Bội mua vui.

Vì là “thời dân chủ” nên không dùng tuồng xưa. Đoàn nghệ sĩ cho diễn một bản tuồng mới. Bốn tuồng do ca công Quách Đán (tức là Thập Số) soạn (không nhớ tên bốn tuồng). Soạn giả lại thủ vai chính trong tuồng. Hát Nam có câu:

*Nào nùng thay buổi chiều thu
Ngàn lau nhuộm bạc giếng ngô rụng vàng.*

Quách Đán bị công an bắt đánh học máu và giam ngót hai tháng. Lý do:

⁽¹⁾ Những câu “Lẩn bước... cầu sương”, “Ai viên... bóng nhận xa xa” là những câu hát Nam.

⁽²⁾ Đồng bạc ông Tý là đồng bạc của Pháp đúc, trên mặt có hình người, không hiểu tại sao lại gọi thế. Ở Bình Định gọi là “ông Tý”, ở Bắc gọi là “Bà đầm xộc”.

⁽³⁾ Ân bất hoài oai bất úy: Ôn không nhớ, oai không sợ. Câu cổ nhân nói về bạn hát.

– Đặt câu hát mĩa mai chế độ là mùa thu và cầu cho họ Ngô chóng sụp đổ.

Tôi được tin, đến can thiệp. Viên Ty trưởng công an tên Bích, một thầy nhà Dòng hồi tục, tương đối hiền lành, nhưng là một “ông thiên lôi” sai đâu đánh đó. Lúc ấy có viên chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định tên Mẹo đến chơi. Mẹo nói:

– Quân “ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản”, đánh cho vỡ sọ, giam cho rục xương mới đáng. Ông can thiệp làm gì?

Tôi liêm dung hỏi:

– Bằng vào đâu mà bảo rằng Quách Đán “thờ ma Cộng sản”?

– Chỉ có Cộng sản mới ghét Quốc gia, mà làm thơ ca chỉ trích Quốc gia do Ngô Tổng thống lãnh đạo, không phải thiên Cộng là gì?

– Câu “Nào nùng... Giếng ngồ...” kia là một câu trong bài Chiêu hồn của Nguyễn Du chứ đâu phải của Quách Đán. Câu ấy có liên quan chi đến Cộng sản và nhà Ngô?

– Câu thơ xưa mà nay đem ra dùng, tức là mượn xưa nói nay. Lại còn kêu “ngồ kia ngồ nọ” ra nữa thì tội rõ như ban ngày còn chối cãi gì được.

Biết rằng trong vụ này Mẹo là đầu nậu, tôi nói với Bích:

– Nếu ông xét thấy Quách Đán có tội thì đưa hắn ra tòa án. Công an không được giam người quá 24 tiếng đồng hồ. Nếu giam người trái phép để tăng công, và nếu gia đình người bị giam khiếu nại thì tôi e ông Ty trưởng đã không công mà còn có tội đó.

Hai hôm sau Quách Đán được trả tự do, đến thăm tôi. Tôi nói:

– Chú không nhớ chuyện Xã Đại bị bốn chục roi đòn vì “yến ẩm, yến ẩm” đó sao?

Đán cười như mếu:

– Đâu có muốn chàm chọc ai. Tuồng là tuồng cương, chỉ có cốt truyện, có lớp lang..., lên sân khấu vai nào lo lời lẽ vai nấy, hát Nam hát Khách phần nhiều mượn nơi tuồng cũ, chỗ này ít câu chỗ kia ít câu..., chấp đầu vá đuôi, miễn sao cho hợp tình hợp cảnh, cho nghe được thì thôi. Em nhớ có đọc nhiều thơ cổ nên thường mượn mà hát. Vụt nhớ liền hát, đâu có kịp nghĩ xa nghĩ gần... Nhưng Xã Đại chỉ sung dít, ít bữa thời lành. Em bị đập phối, e mang bệnh...

Nói rồi thở dài:

– Nghiệp nghệ sĩ! Thật chẳng khác lũ ong mật:

*Vơ vét trăm hoa làm mật ngọt
Đáng cay măn kiếp ngọt ngon ai?*⁽¹⁾

Tôi tìm lời an ủi. Đán tiếp:

– Ngày xưa bị chửi là “quân chủ, chuyên chế”. Ngày nay tự xưng là “dân chủ”, là “cách mạng”, là “công bình hợp lý”. Thử nói trong Hộ Sanh Đàn, Tiết Nghĩa nói “thằng Cương kia, thằng Cương nọ”, trong Cổ Thành Hội, hết Châu Thương nói “Mã hạ khuynh thân” đến Trương Phi nói “Thằng thân thọ tội”. Thế mà nửa thế kỷ nay không có kếp hát nào mang lụy. Còn nay mới đụng đến “Giếng ngô” mà đã sắp thành phế nhân! Hèn chi chúng bảo bội là bạc! Từ đây xin giải nghệ.⁽²⁾

⁽¹⁾ Thơ vịnh Ong Mật của Phan Tây Hồ.

⁽²⁾ Hèn chi chúng bảo bội là bạc, Bôi mặt cùng nhau cú lại thôi: Thơ Vịnh Hát Bội của Phan Văn Trị.

6

CỤ ĐÀO TẤN VÀ ĐIỆU BỘ DIỄN TẢ

Cụ Đào Tấn chẳng những tài về soạn tuồng mà còn tinh về diễn tuồng. Hát đã hay mà điệu bộ lại lên đến điệu xứ.

Ca công Bát Phàn nổi tiếng về vai Trụ Vương trong tuồng Trâm Hương Các. Cụ Đào bảo diễn thử.

Bát Phàn hát câu:

*Gió hương thổi lọt hoàng bào
Kiều mai tuyết điểm động đào mây giăng.*

Cụ Đào phê:

– “Gió hương... Mây giăng”, giọng điệu đều lọt được hết tình thần câu văn. Riêng “tuyết điểm” thì chưa đạt.

Luôn luôn được người ta khen, nay bị chê, dù chê khế, chê trong khen, Bát Phàn nổi lòng tự ái:

- Con có thấy tuyết ra sao đâu mà bảo diễn cho đúng?!
- Không thấy chớ cũng nghe. Tuyết trắng, trong và lạnh.

Bát Phàn nói kháy:

- Làm sao diễn tả được ba tánh chất ấy? Xin cụ lớn dạy cho.

Cụ Đào bảo Bát Phàn trao mũ áo cho mình, lên sân khấu hát lại câu ấy... Bát Phàn liền sụp lạy:

- Con đã trông thấy “tuyết” và đã nhận thấy “tuyết điểm” rồi.

Từ ấy thờ cụ Đào làm thầy và nhờ công dạy dỗ của cụ Đào, Bát Phàn luyện nghệ thuật đến tuyệt đỉnh, rồi truyền lại cho con em sau này. Nhiều người nổi tiếng.

Có người hỏi bí quyết của cụ Đào, Bát Phàn đáp:

– Có bí bầu gì đâu. Cụ chỉ nhấn chữ “Tuyệt” một cách thần tình, làm cho tôi lạnh xương sống và cất giọng trong trẻo khiến tôi nhìn thấy vẻ trong trắng của tuyết. Thế mà tôi phải tập đi tập lại không biết bao nhiêu lần mới lột được tinh thần câu hát.

Nghe người con kế nghiệp của ông Bát là Bầu Chư kể lại câu chuyện, tôi yêu cầu ông bầu hát lại câu ấy cho tôi nghe. Ông bầu cười:

– Tính khi nhô tập hoài còn chẳng được, huống chi bây giờ sức đã yếu giọng đã khan.

Một người Việt gốc Hoa là Diệp Trường Phát, tục gọi là Tàu Sáu ở An Thái (An Nhơn), thơ Nôm giỏi, hát bội hay đã hát câu “Gió hương...” cho tôi nghe. Chú Sáu đã lột được tinh thần câu thơ nhưng không có thể giảng cho tôi rõ kỹ thuật diễn tả. Chú Sáu đưa tôi đến giới thiệu cùng thầy tú Lâm Thúc Mậu ở Nhơn Nghĩa (An Nhơn).

Thầy Lâm Thúc Mậu đậu tú tài dưới triều Thành Thái, thi tiếp mấy khoa nữa không đậu được cử nhân bèn bỏ việc thi cử ở nhà rước thầy học hát bội. Đến khi rảnh nghề, thầy mở trường dạy hát. Ở làng bên lại có một ông cử nhân chuyên môn làm văn “hô bài chòi” để bán. Một nhà thơ trào phúng địa phương là Tám Ngại có một tuyệt rằng:

*Tú tài dạy hát bội
Cử nhân đặt bài chòi
Làng Nho ra thế ấy
Ai muốn coi thì coi.*

Thầy Tú đã sưu tầm và hiệu đính hàng trăm vở tuồng cổ. Nhờ học rộng, hỏi kỹ, nghĩ chín, thầy đã thấu triệt ý nghĩa của từng vở tuồng, nắm vững được kỹ thuật diễn xuất và có được những lý luận về sân khấu khá rõ ràng.

Nhận thấy tôi ham thích nghe, nhận thức nhanh, thầy cao hứng giảng giải nhiều điểm mới lạ tôi chưa từng đọc nơi sách vở, chưa từng nghe nơi các ca công có danh mà tôi quen biết.

Về câu “Kiều mai tuyết điểm”, thầy giảng:

– Để biểu hiện cái thần của câu tuồng, kép hát thường dùng điệu bộ, chớ ít người biết dùng ngôn ngữ làm lợi khí. Trong ngôn ngữ có nhiều loại tiếng, phát từ họng, lưỡi, răng, môi. Mỗi loại có

mỗi đặc tính, mỗi khả năng. Diễn viên phải biết rõ từng loại để vận dụng cho thích nghi. Khi câu hát tả một âm thanh, diễn viên phải dùng loại tiếng có khả năng tạo cho thính giả cái cảm giác như nghe âm thanh ấy thật. Khi câu hát tả một hình dáng, một màu sắc thì diễn viên phải dùng loại tiếng có khả năng tạo cho thính giả cái cảm giác thấy hình dáng ấy, màu sắc ấy hoặc gây nơi khán giả một sức tưởng tượng có thể hình dung được hình dáng, màu sắc mô tả trong câu tuồng. Đó là kỹ thuật tượng thanh và tượng hình. Chưa khó bằng kỹ thuật diễn tả cảm xúc. Như diễn tả cảm giác TRONG và LẠNH, diễn viên phải dùng loại tiếng có khả năng truyền đạt sang thính giả, về TRONG và khí LẠNH mà diễn viên cảm nhận được khi cất tiếng.

Chính cụ Đào đã dùng kỹ thuật gợi hình ảnh và gợi cảm xúc để lột cái thần trong câu “Gió hương..., tuyết điểm... Mây giăng”...⁽¹⁾

Tôi không rành điệu hát bội nên không lãnh hội được thấu đáo lời giảng của thầy Tú và không cố ý nhớ để áp dụng nên chỉ nhớ đại khái thế thôi.

Gặp thầy trợ Mai Cao Lương, thầy học cũ của tôi có tiếng hát hay, tôi kể lại cuộc nghe giảng. Thấy cười:

– Thầy tú Lâm dạy hát bội chẳng khác nào các giáo sư giảng văn ở các trường trung học, trường sư phạm. Nhưng học trò không có người nào nổi danh như học trò cụ Đào Vinh Thạnh. Tri và hành thật khó hợp nhất. Nghĩ như câu: “Kiểu mai tuyết điểm”, thầy đã giảng cho tôi nghe rồi, và tôi cũng đã tập đi tập lại hoài nhưng không thấy ai “sụp lạy” như Bát Phàn đối với cụ Đào cả!

Lại một hôm cụ Đào ngồi xem diễn tuồng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan. Cửu Khi đóng vai Giả Thị. Một kép có danh đóng vai Hoàng Phi Hổ.

Hoàng Phi Hổ đóng bình nhĩ đêm nơi một cổ miếu. Trần Ngô lập mưu đốt miếu. Hồn Giả Thị hiện đến miếu báo mộng cho chồng biết để tránh nạn. Phi Hổ thấy mặt vợ. Hồn ma biến rồi lại hiện. Phi Hổ chụp nữa, chụp đi chụp lại đến 3 lần, đều bị chụp hụt...

⁽¹⁾ Để cụ thể hóa lời giảng, thầy Tú và chú Sáu có hát lại câu “...Tuyết điểm...” cho tôi nghe. Tôi nhận thấy tiếng chũu ảnh hưởng răng (xi âm) được vận dụng nhiều nhất để diễn tả cái thần của tuyết. Rất tiếc tôi không biết hát nên không thể thí nghiệm.

Sau cuộc thao diễn, cụ Đào phê bình:

– Phi Hồ không thương nhớ vợ hay sao mà chụp vờ như thế? Và chụp như thế, trẻ con cũng biến được, nữa là hồn ma!

Các nhà nghệ sĩ thường mang lòng tự ái khá lớn, nhất là trong giới ca sỹ. Những ông kép hát có ít nhiều tiếng tăm lại càng dễ phần nộ mỗi khi lòng tự ái bị chạm. Diễn viên đóng vai Phi Hồ kia cũng thế, nên nghe cụ Đào chỉ trích liền phản ứng ngay:⁽¹⁾

– Bẩm cụ lớn, hồn ma là thằng Khi chớ có phải là hồn ma thật đâu. Nếu tôi chụp thiết thu nó biến thế nào được?

Cụ Đào lấy áo mao khoác vào rồi lên sân khấu diễn lại lớp ấy. Cũng Cứu Khi làm Giả Thị. Cụ chụp với tất cả nhiệt tình của người chồng thương nhớ vợ. Cụ chụp ba lần với ba cách khác nhau, nghiêng, ngửa, sắp và chụp “rất thật” mà hồn ma vẫn biến ra khỏi vòng tay cụ một cách dễ dàng và tự nhiên.

Diễn viên bảo cùng bạn:

– Chẳng có gì lạ.

Nhưng y tập mãi vẫn không được. Để trị tội “không biết phục thiện”, cụ không chỉ “mánh lới”. Sau y phải đến thành khán xin lỗi, cụ mới truyền cho... Nhân đó cụ giảng cho anh em diễn viên nghe chung:

–Phi Hồ thấy hồn ma của vợ, ngỡ là người thiết nên liền giơ tay chụp. Chụp với niềm thương yêu mong nhớ nồng nhiệt thiết tha. Song hồn ma trên sân khấu lại là người thiết, mà đã là hồn ma thì khi bị chụp phải biến đi, không để chụp được. Muốn cho hồn ma “bằng xương bằng thịt” biến được thì người đóng vai Phi Hồ phải thấy Phi Hồ chụp vờ... Cái động tác “chụp vờ” gây cho khán giả ranh điệu 2 cảm giác: Một là Phi Hồ không thật thương yêu mong nhớ vợ, hai là hồn ma không phải thật là hồn ma. Nghĩa là yêu giả tạo, hồn ma cũng giả tạo...

Có người phản ứng:

⁽¹⁾ Ca công tên gì tôi quên. Có người nói là Bát Phàn. Không phải Bát Phàn nhưng Bát Phàn sau khi nghe cụ Đào chỉ giáo và giảng dạy, đóng vai Phi Hồ rất xuất sắc. Những cái hay của cụ Đào, ông Bát hấp thu được hết. Sau khi ông Bát có tuổi thì Cứu Khi thủ vai Phi Hồ, ca công Ghình thủ vai Giả Thị. Ghình lớn tuổi thường đóng vai Phi Hồ còn vai Giả Thị thì truyền lại cho nữ ca sỹ Thu.

– Bấm cụ lớn, hát bội là diễn lại những sự tích cũ, mà diễn lại là giả. Trên sân khấu, tất cả đều giả, sao lại gọi rằng “gây cho khán giả rành điệu 2 cảm giác “giả””. Đã giả rồi còn gây gì nữa?

Cụ cười:

– Ai lại không biết sân khấu là nơi diễn chuyện giả. Nhưng phải diễn thế nào cho khán giả không thấy là giả mà có cảm giác là thật thì mới là điệu, mới gọi là thành công... Phi Hồ chụp Giả Thị thì phải chụp thật. Nhưng trong những cái chụp thật của Phi Hồ đó, diễn viên phải để, một cách khéo léo, một cách có nghệ thuật tinh vi, một chỗ hở kín đáo ở ngoài nhìn vào không sao trông thấy, để cho hồn ma “bằng xương bằng thịt” có đường để “biến”.

THÂN TÌNH GIỮA CỤ ĐÀO VINH THẠNH VÀ HAI CỤ VÂN SƠN

Buổi tráng niên, cụ nghề Vân Sơn Nguyễn Trọng Trì đối với cụ Đào Tấn, rất có ác cảm. Vì:

– Cụ Đào không hưởng ứng phong trào Cần Vương, lại ra làm quan cùng triều đình do thực dân Pháp dựng lên để sai khiến.

– Cụ Đào trước khi đi làm quan đã có vợ có con. Khi đi làm quan để bà Đào ở nhà nuôi mẹ. Ra Huế gặp một người hoàng phái có sắc có tài, cụ cưới làm thứ thất. Suốt thời gian làm quan, cụ ở với bà này và khai với triều đình bà này là chính phối để được thụ phong Nhất phẩm Mạn phụ. Bà lớn không có gì! ⁽¹⁾

Cụ nghề chê cụ Đào: Đối với nước không có lòng ưu ái, đối với nhà không trọn đạo tào khang.

Cụ Đào có bài thơ Cầm Thuật làm dưới triều Thành Thái:

*Ngắm nghía mày râu cũng đã vừa
Chén rượu nhớ hoài người lớp trước
Cung đàn quên phất ngón ngày xưa
Mẹ già tám kỷ trông hôm sớm
Vua trẻ nhiều phen gọi móc mưa
Ngoảnh lại rào đông muôn dặm cách
Cụm từng khóm cúc hử còn lưu.*

Cụ nghề phê:

⁽¹⁾ Bà chính thất tên Phạm Thị Trăn. Bà thứ thất tên Tôn Nữ Nhuận Khanh (Ngọc Trâm). Còn bà thứ 3 là em bà Trâm và 6 người hầu.

– Lòng bất minh bất chính, dù che phủ mấy lớp gấm sô, nhiều khi cũng bị lộ! Ôn mưa móc của các tiên đế, công phụng dưỡng mẹ già của người vợ tào khang, đành “quên phất”, chỉ nhớ đến ơn của “vua trẻ bù nhìn”, chỉ còn nghĩ đến giai nhân được phong “Nhất phẩm mạng phu”!

Phần đông sĩ phu Bình Định đều bất mãn cụ Đào về hai điểm ấy, nhất là việc hạ đường bà vợ tào khang.

Bị búa rìu dư luận, cụ Đào cũng rất lấy làm khổ tâm.

Cụ Đào vốn là người có trí có nhân, lẽ đâu lại không biết điều phải trái. Công việc ở ngoài nhìn vào thì thấy đơn thuần giản dị nhưng biết bao nhiêu uẩn khúc ở bên trong. “Đèn nhà ai tổ nhà ấy”. Nỗi lòng biết tỏ cùng ai? Cụ đành gói gắm trong tuồng hát:

– Ít kẻ giờ đèn chiếu ám, nhiều người cảm đuốc soi như!

Tỏ trắng chậu úp còn lơ, dòm ống vẽ beo sao thấu.⁽¹⁾

Phúc Bồn đã lờ gương nhật nguyệt,
U cốc đành khuất bóng dương quang.
Khéo trăm trớ lời quạ Dã Tràng,
Thêm dẻo dắt tiếng ve Tây lục.
Dẻo dắt tiếng ve Tây lục
Tuồng oan tình ruột thắt đòi con
Ngàn năm uống oán ăn hờn
Âu lo nghiệp chúa, riêng than nỗi mình

Trong tuồng nào, cụ cũng đều có ký thác tâm sự, hoặc nhiều hoặc ít, khi kín đáo khi rõ ràng.

Ngày văn cảnh, cụ Văn Sơn đọc được nhiều tuồng của cụ Đào. Ban đầu phục văn chương trác việt, sau nhận thấy rõ tánh tình, tư tưởng ẩn hiện nơi dòng chữ lời thơ, lần lần lòng hiềm khích đổi ra lòng hăm mộ. Và đến khi cụ Đào hưu trí về ở Vinh Thanh, mở Học Bộ Đình, cụ Văn Sơn thường tới lui và đôi bên trở thành tri kỷ.

Từ ấy những tác phẩm của đôi bên thường trao đổi cho nhau xem. Hai bên đều thấy rõ chỗ sở trường sở đoản của nhau. Cụ Nguyễn Bá Huân, anh ruột cụ Nghè, một kỳ sĩ đất Đồ Bàn, cũng trở thành bạn văn chương với cụ Đào Tấn.

⁽¹⁾ 2 Tuồng Khuê Các anh hùng.

Cụ Huân khen cụ Đào là “văn tài trác tuyệt”.

Cụ Đào xem Tây Sơn thi sử, Tây Sơn danh tướng, chinh Nam truyện của cụ Nguyễn Trọng Trì và tuồng Tây Sơn Tiếm Long lục của cụ Nguyễn Bá Huân, đã khen “tác phẩm cảm lòng người đọc rất mực” và than rằng “hai anh em cụ Nguyễn cực kỳ to gan lớn mật”, “tự thẹn mình không bằng”.

Có người hỏi cụ Đào:

– Tuồng của hai nhà chí sĩ họ Nguyễn làng Vân Sơn có thật hay chăng?

Cụ đáp:

– Hai ông là bậc hiền nhân quân tử, văn tài lỗi lạc khó có người hơn. Nhưng vì không thạo âm luật, tánh lại trực bức soạn tuồng nghiêng về cương, cho nên tiết điệu đôi khi không hợp, tình tiết nhiều khi nghèo nàn khô khan. Người xem có thể tán thưởng trong nhất thời, chớ nếu ngẫm nghĩ kỹ càng thì không còn thấy hứng thú. Tôi đã đem điều này nói cùng hai anh em ông Nguyễn và khuyên hai ông nên viết các loại sử ra thì ca thì hơn.

Người kia lại đem lời nói của cụ Đào nói lại cùng hai cụ Nguyễn. Hai cụ nói rằng đó là lời nói của bậc đại nhân.

Cụ Nguyễn Bá Huân nói thêm:

– Người soạn tuồng ở Bình Định không ít nhưng đều là hoa hường, hoa thược dược. Đào Tấn mới là hoa mẫu đơn làm chúa các loài hoa.

Và cụ Nguyễn Trọng Trì nói:

– Trước kia tôi muốn tranh tài với ông Đào. Song sau khi xem được một phần lớn tuồng của ông thì tôi nhận thấy ông là phụng hoàng trong loài chim, kỳ lân trong loài thú. Mình có ráng theo bắt quá cũng là công là hổ báo mà thôi. Nên tôi đã nghe lời khuyên của Đào công mà bỏ việc soạn tuồng hát.

Giữa cụ Đào và hai cụ Nguyễn còn nhiều câu nói rất hay về tuồng hát, về nghệ thuật diễn tuồng. Rất tiếc không nhớ hết.

8

MỐI THÙ GIỮA ĐÀO TẤN VÀ NGUYỄN THÂN

Giữa cụ Đào Tấn và ông Nguyễn Thân có một hố thù vô để.

Nhiều người cạ nghị tưởng rằng do cụ Đào hay dùng lời lẽ của nhân vật trong tuồng để công kích châm chích Nguyễn Thân. Đó chỉ là nguyên nhân gần. Nguyên nhân xa là một bên chánh một bên tà, một bên trung, một bên nịnh. Tánh tình khác nhau, tư tưởng khác nhau... Bên nào cũng muốn tìm cách tiêu diệt lẫn nhau. Như:

Dưới triều Thành Thái (1889 – 1907) cụ Đào làm Tham tri bộ Hộ, Nguyễn Thân làm Tổng đốc Bình Định. Năm Thành Thái nguyên niên (1889) cụ Phan Đình Phùng lập chiến khu ở Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, đúc súng, luyện nghĩa binh chống Pháp. Thanh thế lấy lòng. Quán thực dân và Nam triều đánh dẹp ngót hai năm trời, hao binh tổn tướng rất nhiều mà không bình định nổi. Năm 1895, Triều đình Huế triệu Nguyễn Thân về kinh, phong “Túc Liệt Tướng”, làm Khâm Mạng tiết chế quân vụ đem quân đi tiêu trừ. Nguyễn Thân đem quân ra vừa tới Hà Tĩnh thì cụ Phan cũng vừa mất, nghĩa binh không đánh cũng tan. Nguyễn Thân được thăng thưởng lên đến chức Cần Chánh Điện Đại học sĩ. Tuy được thăng thưởng lên đến bậc đệ nhất triều đình Nguyễn Thân vẫn căm thù cụ Đào đến tận xương tủy vì biết rằng chính cụ Đào cùng quan Thượng Thư bộ Lại là Hà Đình Nguyễn Trọng Thuật lập mưu đưa y ra Nghệ để mượn tay nghĩa binh giết y.

Y quyết tâm trả thù.

Y bảo quan Ngự sử hạch tội cụ Đào đã dùng tuồng Diễn Võ Đình để tả phong trào Đông Du do cụ Phan Sào Nam lãnh đạo.

Diễn Võ Đình diễn tích Thiệu Khánh Sanh dòng dõi một khai quốc công thần đời Tống bị bọn gian thần là Bàng Hồng và thủ hạ lòng bất để tiêu diệt, phải chạy trốn ra nước ngoài.

Nguyễn Thân bảo Triệu Khánh Sanh trong tuồng là Phan Bội Châu đương bị Triều đình và Chánh phủ Pháp truy nã. Đó là có ý phản nghịch.

Vua Thành Thái vốn yêu quý cụ Đào, lại thêm từ khi lên ngôi đã nuôi sẵn chí đánh đuổi Pháp ra khỏi nước nên bác lời đàn hặc của quan Ngự sử.

Khi cụ Đào đã về hưu trí ở Bình Định, kẻ hậu học là ông cử Huỳnh Bá Văn, muốn rõ sự thật về hai chuyện trên, đến thỉnh vấn cụ. Cụ không trả lời thẳng vào vấn đề, chỉ hỏi:

– Thấy cử có nhớ chuyện Tô Đông Pha đời Tống và chuyện Nguyễn Văn Thuyên con trai Trung Quân Nguyễn Văn Thành triều vua Thế Tổ?

– Thấy ông cử không đáp ngay, cụ tiếp:

– Ông Tô có bài thơ Vịnh Hai Cây Bách:

*Lẫm nhiên tương đối cảm tương khi
Trực tiết lãng vân yếu vị kỳ
Căn đảo cửu tuyền vô khúc xú
Ta gian duy hữu trập long tri⁽¹⁾*

Bọn nịnh thần Lý Định, Thư Đản đem ra hạch tội. Chúng bảo:

– Rồng tượng trưng nhà vua đương ở ngôi. Vậy rồng phải là “Phi long” tức “rồng bay lên trời” (Phi long tại thiên) mới đúng như hào thứ 5 quẻ Càn trong kinh Dịch, chứ sao lại nói là “Trập long”, tức rồng nấp dưới đất? Đó là một ý làm phản, mưu lật đổ ngai vàng.

Vua Tống Thần Tông đáp:

– Không thể hiểu thơ theo cách đó được. Hấn vịnh cây bách thì có liên quan gì đến ta?

Tô Đông Pha may hơn Nguyễn Văn Thuyên vạn bội.

Nguyễn Văn Thuyên là một thanh niên anh tuấn, đậu cử nhân, hay chữ, sính thơ, thường lấy văn chương kết giao cùng khách hàn

mặc, nghe tiếng hai danh sĩ đất Thanh Hóa là Nguyễn Văn Khuê và Nguyễn Đức Nhân, cử Thuyên liền làm thơ mời vào chơi:

*Văn đạo Ái châu đa tuấn kiệt
Hut hoài trắc tịch đục cầu ty
Vô tâm cứu bão Kinh Sơn phác
Thiện tướng phương tri Kỳ Bắc kỳ
U cốc hữu hương thiên lý viễn
Cao cương minh phượng cửu thiên tri
Thử hỏi nhữc đặc sơn trung tế
Tá ngã kinh luân chuyển hóa kỳ⁽¹⁾*

Người đem thơ là Nguyễn Trương Hiệu trao thơ cho Nguyễn Hữu Nghi xem. Nghi xuyên tạc câu “Tá ngã kinh luân chuyển hóa kỳ”, cho rằng Thuyên rêu Khuê – Nhân vào để mưu đồ việc cướp ngôi cửu ngũ, bèn xúi Hiệu đi cáo với Lê Văn Duyệt. Ông Duyệt vốn đã có thù cùng ông Thành, nắm được cơ hội, liền vào sàm tấu cùng vua Thế Tổ. Nhà vua lập tức sai bắt Nguyễn Văn Thuyên bỏ ngục, rồi tru di cả ba họ của Nguyễn Văn Thành!

Cụ Đào không nói gì thêm và ông cử Huỳnh cũng không dám hỏi gì thêm.

Sau khi cụ Đào qua đời, một nhóm Nho sĩ huyện Bình Khê do ông tú Đào Tăng Liên hướng dẫn, đến hầu chuyện cụ nghệ Văn Sơn Nguyễn Trọng Tri.

⁽¹⁾ Nghĩa bài thơ Nguyễn Văn Thuyên gửi ra Thanh Hóa:

Nghe nói Châu Ái có nhiều tay tuấn kiệt,
Lòng ao ước cầu được người hiền, nung nấu đã từ lâu.
Núi Kinh Sơn vô tâm ôm giữ mãi viên ngọc phác;
Nhưng tài xem tướng đã cho thấy rõ giống ngựa kỳ lân ở Kỳ Bắc rồi.
Bởi nơi u cốc có hương bay xa nghìn dặm,
Và chim phượng hoàng kêu nơi gò cao, tiếng lên đến chín tầng trời.
Phen này nếu gặp được ông tế tướng trong núi sâu.
Để giúp ta xoay lại guồng máy của hóa công thì may biết chừng nào.

* Sơn trung tế: ông Tế tướng trong núi: Đào Hoàng Cảnh, đời Lương (502 - 549) học rộng tài cao nhưng không chịu làm quan. Vua Lương Vũ Đế muốn hỏi gì thì sai sứ thần vào núi mà hỏi. Đời tặng công danh hiệu là “Sơn trung tế tướng”.

Về việc Nguyễn Thân, cụ nói:

– Một tên hại nước hại dân, mình không tự tay giết được thì mượn tay kẻ khác. Đó là việc chính đáng. Nhưng họa hổ bắt thành thì tay đã dấu rồi còn thò ra làm chi? Đã chẳng ích gì mà còn có hại.

Còn về tướng Diễn Võ Đình, cụ nói:

– Ông Đào có nói cùng anh tôi rằng ông không ngụ ý gì trong tướng cả. Song tôi nghĩ: Viết tướng đâu phải để làm vui tai mắt cho thiên hạ. Chính trong bụng có những điều không thể nói, không dám nói. Mà không nỡ không nói nên phải mượn lời người trong tướng để nói thay mình, nói một cách xa xôi bóng bẩy, hầu tránh con đường vào “ngục văn tự” lúc nào cũng sẵn sàng đón bợn văn nhân. Diễn Võ Đình viết ra là do lòng phẫn uất đối với chánh trị. Gian thần chặn đường, kẻ trung nghĩa làm sao phát tích? Triệu Khánh Sanh phải “sắt mã lộ tây đông”, trốn ra nước ngoài để mưu đồ việc cứu quốc. Thời bấy giờ, Triệu Khánh Sanh trong tướng không phải Phan Bội Châu ngoài đời thì tôi ngắm không còn ai.

– Thưa, còn anh hùng Tăng Bạt Hổ?⁽¹⁾

– Người viết tướng Diễn Võ Đình, nếu là anh tôi hay là tôi thì Triệu Khánh Sanh nhất định là Tăng Tướng quân. Nhưng ông Đào đã không ứng nghĩa Cần Vương thì hình ảnh một chiến sĩ Cần Vương không thể nào hiện nơi tâm trí ông khi cầm bút.

Tướng Diễn Võ Đình không được phổ biến bằng Hộ Sanh Đoàn và Cổ Thành Hội. Hai tướng này được giới soạn tướng và giới nghệ sĩ sân khấu coi là “tướng thật”. Nhưng cụ Nguyễn Bá Huân lại cho Diễn Võ Đình là bốn tướng hay nhất của Đào Tấn. Cụ thường nói:

⁽¹⁾ Phong trào Cần Vương tỉnh Bình Định do Mai Xuân Thưởng làm Nguyên Soái, Tăng Bạt Hổ làm Đại Tướng trấn giữ miền Bắc, Nguyễn Bá Huân bên trong lo việc thảo hịch, bên ngoài lo việc điều binh, Nguyễn Trọng Tri làm Hiệp trấn coi giữ thứ Hương Sơn thôn, An Chánh, huyện Bình Khê...

Tăng Bạt Hổ tên thật là Tăng Doãn Văn, Bạt Hổ và vinh hiệu (Bạt Hổ Đại tướng quân) do Mai Xuân soái phong tặng.

Nguyễn Thân là người trong nghĩa binh Cần Vương, phản đảng đầu Pháp, đã giết hại nhiều chiến sĩ Cần Vương. Sau làm tổng đốc Bình Định đã giết nhiều người Bình Định vô tội.

-- Diễn Võ Đình, về mặt thi từ, tình tiết đã tuyệt diệu, mà về cách kết thúc cũng thật độc đáo tân kỳ. Triệu Khánh Sanh sau khi đánh ngã Bàng Hồng, rồi một thân một ngựa ra đi:

Chút thân liều gởi cung dâu

Đố con lương mã biết đâu là nhà...

Những người quen với lối kết thúc có hậu của tuồng cổ, không thích. Song những kẻ biết suy xa nghĩ chín, có thể tưởng tượng lúc Khánh Sanh trở về rửa quốc thù thì hường không biết bao nhiêu hứng vị. Đó là “ngoại vi chi vị, ngoại huyền chi thanh”. Phải có trình độ học vấn cao, khả năng nhận thức sâu mới có thể lãnh hội nổi chỗ dụng ý của soạn giả.

Có người hỏi:

– Triệu Khánh Sanh là hậu duệ của Triệu Khuôn Dẩn. Vua nhà Tống thuộc phái Triệu Khuôn Nghĩa, nghe lời Bàng Hồng, tìm cách giết Khánh Sanh để trừ cho tuyệt gốc. Như vậy Triệu Khánh Sanh có phải là Cường Đế thuộc dòng Hoàng tử Cảnh đó chăng?

Cụ đáp:

– Tôi không rõ Triệu Khánh Sanh có phải thuộc chi phái Triệu Khuôn Dẩn hay chẳng. Nhưng dù là Phan Sào Nam, hay Cường Đế, hay là một người nào khác, Khánh Sanh cũng là hình tượng của những người yêu nước bị bọn Pháp và Triều đình Huế truy tầm để trừ hậu họa. Còn Bàng Hồng là tướng tinh của bọn gian thần bán nước mà Nguyễn Thân là kẻ cầm đầu.

Rồi một đêm, một mình ngồi uống rượu, cụ cao hứng đem tuồng Diễn Võ Đình ra hát. Tên Bàng Hồng cụ đổi ra tên Nguyễn Thân trong lời Triệu Khánh Sanh:

– Nguyễn Thân mấy hỡi mấy! Làm cho mỡ thay hình đổi dạng, cũng vì mấy uốn lưỡi khua môi. Tao nói thiệt: Chưa gặp thời (nên) mặt mỡ còn bôi; Chờ tới vận, thịt mỡ (tao) quyết xê.

Lại vừa hát vừa khóc:

Xấn tay lần gỡ sợi sầu

Tóc lo đã trở trên đầu hùng anh

Khôn lau giọt lệ thương tình

Nỗi ai ngơ ngáo nỗi mình buồn khuông.

Hát rồi gói một bầu rượu một bó nhang một cặp đèn sáp và đội một chiếc ghế nghi, ra ngoài gò bên cạnh nhà, tế Trần Quang

Diệu. Tể xong, ngồi uống rượu và cao giọng ngâm bài tuyệt cú kết thúc bản Tây Sơn Danh Tướng Chính Nam của cụ Nguyễn Trọng Trì. Bài thơ tả Trần Quang Diệu tỉnh cơn ác mộng, ngồi nhìn vào hư không, gọi lòng theo cơn mưa phùn lạnh lẽo:⁽¹⁾

*Tiểu tụy hành môn nhất thốc ông
Hồi đầu vô sự bất thành không
Khả liên vạn lý bình nhung chí
Tận phó tiêu tiêu tể vũ trụ*⁽¹⁾

Bầu rượu cạn, cơn hứng tàn, cụ nhảy lên ghế nghỉ nằm ngủ. Người nhà không dám đến gần, đứng xa xa canh chừng. Trời khuya, sương xuống lạnh. Cụ vùng ngồi dậy hét to một tiếng, rồi ngã xuống... ngủ luôn...

⁽¹⁾ Võ tướng Diên Võ Đình và tập Tây Sơn Danh Tướng Chính Nam, cách kết thúc tương tự, rất được cụ Nguyễn Bá Huân ưa thích nên 2 bản văn thường theo cụ song song.

⁽¹⁾ Nghĩa bài thơ tả Trần Quang Diệu:

Trong nơi ẩn đặt một ông già đầu sói, hình dáng bơ phờ gầy gò,
Ngoảnh đầu nhìn lại không có việc gì là chẳng hóa ra không.
Khả thương chí giết giặc cứu nước xa nghìn dặm,
Phó trọn vào trong cơn mưa phùn phơi phơi bay.

Cụ Nguyễn Bá Huân là anh ruột cụ Nguyễn Trọng Trì, người làng Văn Sơn, phủ An Nhơn, nhưng lên ở Phú Phong cùng hai ông em là Nguyễn Quý Luân và Nguyễn Thúc Mân. Cụ Nghè Trì vẫn ở Văn Sơn. Cụ Huân không con cháu. Cụ Trì còn mấy người chắt ngoại ở Phú Phong, họ Bùi và họ Đào.

NGUYỄN THÂN CHÉM CON GÁI MÊ KÉP HÁT

Nguyễn Thân là con người gian ác, lấy chém giết làm oai.

Trong dinh y có đoàn hát bội. Trong đoàn có một kép hát tuổi trẻ, sắc đẹp, hát hay. Y rất yêu quý.

Một hôm trong dinh tổ chức diễn tuồng Lý Phụng Đình.

Lý Phụng Đình là một tuồng nổi tiếng. Ở Bình Định có câu:

*Nhưng Đông đóng Lý Phụng Đình
Dù chông có dành thì mình cũng đi.*

Sự tích trong tuồng, đại lược như thế này:

Lý Phụng Đình là một tráng sĩ chưa gặp vận được quan đại thần là Thiện Hầu đem về nuôi làm nghĩa tử. Hầu có người con gái tên Loan Dung. Bên dinh hầu có một hồ sen rộng, trong hồ có một thủy quái hiệu Lân Tinh. Lân Tinh mê nhan sắc Loan Dung, giả hình Lý Phụng Đình, đêm lên vào phòng Loan Dung trêu ghẹo. Loan Dung tức mình chạy đi tìm cha. Thiện Hầu biết kẻ gian không phải Lý, bèn đưa con đến hiên tây, nơi Lý ở để “chứng nghiệm”.

Loan Dung, sau khi biết Phụng Đình bị nghi oan về phòng thì bị Lân Tinh bắt. Nhờ Lý Phụng Đình giết được Lân Tinh, Loan Dung thoát nạn. Hầu truyền mổ bụng Lân Tinh ra xem thì thấy hai thanh bảo kiếm, bèn tặng kiếm và gả Loan Dung cho Lý Phụng Đình.

Viên “kép đẹp trai” đóng vai Lý Phụng Đình.

Cả gia đình Nguyễn Thân đều đến xem hát.

Hát xong lớp thứ nhất thì tạm nghỉ để giải lao. Cô con gái út của Nguyễn Thân xin phép ra ngoài “có việc”. Khi cô ta trở vào

thì thấy nơi má có vết son bôi mặt của vai Lý Phụng Đình. Nguyễn Thân liền thét đem viên kếp ra chém. Cô gái sụp lạy:

– Lỗi nơi con.

Nguyễn Thân bèn truyền:

– Tha cho tên kia, đem chém con này.

Quân đao phủ dạ.

Ngoài hý viện, tiếng khóc náo nùng. Trong hý viện, Nguyễn Thân thân nhiên ngồi đánh châu và viên kếp vẫn bình tĩnh tiếp tục diễn.

Khi tuồng sắp vãn, đến đoạn Thiện Hầu tặng song kiếm cho Phụng Đình, viên kếp đón kiếm, hát:

– *Gươm kia còn có thư hùng*

Trách ai nỡ chẻ chữ đồng làm hai.⁽¹⁾

Và kêu dài một tiếng:

– Em ơi! Em hãy đợi anh đi với!

Rồi đâm hòng chết!

Nguyễn Thân nói gọn lỏn một tiếng “chôn”, rồi thân nhiên đứng dậy đi vào dinh.

Về người con gái, có hai thuyết:

– Nàng bị chém ngay sau khi ra khỏi hý viện vì không ai dám trái lệnh Nguyễn Thân, nhất là lệnh chém giết.

– Bà Thân ngầm ra lệnh đem giấu nàng một nơi, đợi khi Nguyễn Thân nguôi giận sẽ năn nỉ xin tội dùm cho con. Nhưng khi nàng nghe tin người yêu đã tự vẫn thì lên đến nơi nộ tự vẫn chết theo.

Câu chuyện bay vào Bình Định, có người đề nghị cùng ông cử Huỳnh Bá Văn viết thành tuồng hát. Ông cử đáp:

– Tôi viết tuồng hài thì được, chớ không viết nổi tuồng bi.⁽²⁾

⁽¹⁾ Câu hát do viên kếp ứng khẩu chớ không có trong tuồng do cụ nghệ Trì nhuận sắc cũng như trong bản tuồng cổ.

⁽²⁾ Ông Huỳnh Bá Văn thích lấy chuyện xảy ra trong dân gian diễn thành tuồng. Ông có bốn tuồng Mãi Tiên rồi được truyền tụng ở hạt Bình Khê. Tuồng viết ra

Ông cử liền đi tìm ông tú Đặng Văn Thám. Ông Tú nói:

– Viết tuồng xong, không còn đầu thì lấy gì để xem diễn?

Rồi thời gian qua, người xưa không còn nữa, câu chuyện không được ghi chép bị “biến chất” lần lần và tên họ của hai nạn nhân bị lu mờ, không biết tìm ai để hỏi.

Dưới triều Bảo Đại (1924 – 1945) ông Nguyễn Tri, con Nguyễn Thân, tục gọi là Hậu Tri, vào làm việc tại cơ quan tỉnh Bình Định. Thấy con người hiền lành, chỉ thích hát bộ và ghiền tài bàn, một nhân sĩ Bình Định đem câu chuyện hai nạn nhân kia và những chuyện khác về Nguyễn Thân ra hỏi. Ông Hậu đáp bằng một câu tập Kiều với giọng hát Nam:

*Chuyện đời nắnng sớm mưa chiều
Thì cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi.*

để châm biếm ông tham Mậu trấn thủ thứ Hương Sơn thời nghĩa quân Cần Vương hoạt động. Nhân vật chính là một người Tàu bán tiêu bị tham Mậu bắt vì tình nghi tiếp tế cho Pháp.

CỤ ĐÀO TẤN SỬA TUỒNG CỔ

Có người hỏi cụ Đào Tấn:

– Hầu hết các tuồng cổ, văn chương thường quê vụng. Khi đem ra diễn, nhờ hơi hám điệu bộ của diễn viên mà khán giả hưởng được nhiều hứng thú. Nhưng khi đem ra đọc thì nhạt nhẽo khô khan. Một số tuồng đã được cụ nhuận sắc. Nhưng sao cụ chỉ tu chỉnh đôi đoạn mà thôi?

Cụ cười, đáp:

– Trong bữa cơm rau, thỉnh thoảng ăn một đôi miếng thịt mới thấy ngon miệng. Chớ đem thịt vào nhiều quá thì còn gì hương vị của rau.

Thời kháng chiến chống Pháp, khoảng 1945 – 1947, một nhóm thân sĩ Bình Khê đến Biểu Chánh (Tuy Phước) thăm cụ Biểu Xuyên Đào Phan Duân. Nhân bàn về nghề hát bội, đưa lời nói của cụ Mộng Mai ra thỉnh giáo. Cụ Biểu Xuyên đáp:⁽¹⁾

– Cách nói chuyện của cụ Hiệp Đào đượm phong thái của người thời Đông Châu liệt quốc. Cụ thường đưa ra những ví dụ bất ngờ, đầy ý nghĩa. Tôi xin kể cho quý ông nghe một câu chuyện mà suốt đời tôi không quên: Năm Thành Thái thứ 7 (1895) tôi ra Kinh thi Hội, đậu Phó Bảng. Lúc ấy cụ làm Thượng thư bộ Công. Tôi vào yết kiến. Nhân đó hỏi thăm họ Đào Vinh Thạnh và họ Đào Biểu

⁽¹⁾ Cụ Đào Tấn (1845 - 1907) hiệu Mộng Mai, quán làng Vinh Thạnh (Tuy Phước). Cụ Đào Phan Duân (1864 - 1947) hiệu Biểu Xuyên, quán làng Biểu Chánh (Tuy Phước).

Chánh có phải bắt nguồn từ Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ chăng?⁽²⁾ Sẵn trên án thư có tập tuồng *Địch Thanh Ly Thận* của Quỳnh Phủ tiên bối⁽³⁾, cụ cầm lên hỏi tôi có biết chuyện “*Địch Thanh và bức tượng Địch Nhơn Kiệt*” chăng? Tôi là kẻ hậu học, trong bao nhiêu năm đèn sách, chỉ lo đọc chính sử để đi thi, chớ thì giờ đâu và sách ngoại truyện đâu có sẵn mà đọc! Biết rằng tôi không biết, không đợi tôi đáp, cụ nói tiếp: “*Khi Địch Thanh bình Liêu xong, được nhà vua phong hầu. Một nhân sĩ mang một bức tượng vẽ hình danh thần Địch Nhơn Kiệt đến tặng. Người ấy bẩm: “Đây là vật truyền thế của gia đình tôi. Từ đời Đường đến nay, trải bao nhiêu dâu bể mà bảo vật vẫn giữ được nguyên lành. Tôi nhận thấy tôi không đủ tư cách để cất giữ mà chỉ có ngài, dòng dõi bậc danh thần, mới xứng đáng giữ làm kỷ vật. Nên tôi xin kính dâng. Mong được ngài chiếu cố”.* Địch Thanh liền đứng dậy nói: “*Địch Nhơn Kiệt*” là bậc siêu phàm, tài gồm văn võ, lòng trung nghĩa cao sáng như mặt trăng mặt trời. Còn Địch Thanh tôi thời may lập được chút công danh nhỏ mọn, đâu dám nhận là con cháu của người. Đến bức tượng kia là vật gia bảo của ông, ông phải lo bảo tồn lấy. Nếu ông đem trao cho tôi mà tôi lảnh thì ông mang cái bất hiếu, tôi mang tiếng bất liêm...”. Cụ kể với một giọng ôn tồn, song tôi không tránh khỏi nhột nhột, ngồi lặng thinh. Rồi cụ tiếp: “*Đến như họ Đào của chúng ta, thì giữa ông cùng tôi, người đồng thời, đồng cháu quận, mà còn chưa dám chắc rằng có bà con với nhau chăng, huống hồ đối với Lộc Khê Hầu gốc ở Thanh Hóa và cách chúng ta gần 300 năm...”. Nghe đến đó tôi thẹn đỏ mặt! Cụ gọi lính pha trà, rồi lại tiếp: “Bình Định chúng ta có ba họ Đào, 2 họ của chúng ta và 1 họ của cụ Hương Lô Đào Doãn Địch ở Tùng Giản. Có lẽ cả ba xưa kia cùng một gốc, nhưng về sau vì nhà nghèo, phải đi làm ăn mỗi người mỗi ngã, lâu ngày không qua lại với nhau, thành xa dần rồi quên hẳn! Đó là lỗi tại nghèo chớ không phải tại lòng”. Cụ vừa nói vừa cười... Ngồi kể chuyện lại cùng quý ông, tôi còn thấy phong độ cao nhã của cụ ẩn hiện ở trước mắt. Còn về việc sửa tuồng hát của cụ, tôi thiết tưởng không phải nhân lúc cao hứng mà làm. Cụ là người cẩn trọng, bất kỳ việc nhỏ lớn, trước khi làm cụ đều cân nhắc đắn đo. Tôi không*

⁽²⁾ Đào Duy Từ giúp chúa Nguyễn đánh Trịnh, được phong tước Lộc Khê Hầu.

⁽³⁾ Địch Thanh Ly Thận tức là Ngũ Hồ Bình Liêu của cụ tú Nguyễn Diêu. Cụ tú là thầy học của cụ Đào, hiệu là Quỳnh Phủ.

được đọc hết tất cả các vở tuồng của cụ Đào. Song tôi vẫn biết rằng trong tuồng nào, cụ cũng có ký thác. Và những đoạn tuồng cổ mà cụ tu chỉnh hay cải biên, không phải để làm “đĩa thịt trong bữa cơm rau” như lời cụ nói mà chính để nói lên những gì có thể nói được ở chỗ này mà không nói được ở chỗ khác, hoặc ở chỗ này nói thuận lợi hơn ở chỗ khác. “Văn chương chỉ sự thốn tâm thiên cổ”⁽¹⁾ Quý ông phải xem kỹ những đoạn ấy và phải biết rõ những đoạn ấy sửa chữa trong thời kỳ nào thì mới nhận thấy được nổi lòng dưới hàng chữ, mới nghe được tiếng đàn ở ngoài dây tơ.

Cụ tú Võ Kiêm ở Hưng Trị (Phù Cát), tác giả tuồng Dương Lễ – Lưu Bình và Hoàng Thúc nhập nhoái, cũng đồng quan điểm với cụ Biểu Xuyên về việc sửa tuồng của cụ Đào Tấn.

Cụ Võ nói:

– Trong Sơn Hậu, cụ Đào chỉ sửa 2 lớp. Một lớp là lớp “Kim Lâm phò Hoàng tử qua đèo, Linh Tá hiện hồn dẫn đường cho Kim Lâm tới Sơn Hậu”. Ở lớp này, tuồng cũ không tả cảnh chạy đêm và chỉ cho thấy Linh Tá bị Ôn Đình chém chết, trở dậy xách đầu chạy theo Kim Lâm... Trong lớp tu chỉnh, chúng ta thấy Kim Lâm phò Hoàng tử đi trong cảnh “Núi chớm chớ khôn dời nước bước, đêm tối tâm chẳng thấy nẻo đường...”. Rồi Kim Lâm lại được Linh Tá dùng thần đăng đưa đi nẻo tắt đến thành Sơn Hậu... Lớp nữa là lớp “Đồng Mẩu bị Ôn Đình bắt đem về thành để dụ Kim Lâm đầu hàng”. Hai lớp được tu chỉnh này tuyệt diệu. Tình tiết đã hay, văn chương lại càng hay. Hát khách có những câu như:

“Trung hiếu khí năng toàn, tố đắc trung thần chân hiếu tử;

Tử sanh hà túc toán, tu tri tử nhật thị sanh niên”.

Hát Nam có những câu như:

“Ngọn cờ tiếng trống bơ phờ

Thảo thân ngay chúa sùng sờ hai vai”.

Thật là “văn chất bản bản”.

Về Khuê Các Anh Hùng, cụ nói:

⁽¹⁾ Câu của Trần Tử Ngang đời Đường: “Văn chương chỉ sự thốn tâm thiên cổ, phi tài hoa phần sức ư nhất thời”.

- Tuồng này là hồi thứ 2 của Tam Nữ Đồ Vương rút ra và chỉnh lại. Ban đầu tuồng lấy tên là “Cần quốc anh hùng”. Nhưng sau khi kết thân cùng anh em họ Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Trì thấy trong số tác phẩm anh em ông Huân có tập Cần Quốc Anh Hùng nói về bà Bùi Thị Xuân, cụ bèn đổi tên tuồng là Khuê Các Anh Hùng.

Cụ cho biết:

- Cụ Đào chinh biên Khuê Các Anh Hùng lúc cụ lên tỵ nạn tại chùa Linh Phong. Chùa Linh Phong ở trên núi Phương Phi cách Hưng Trị không xa mấy. Thỉnh thoảng tôi lên chơi chùa có gặp cụ. Lúc bấy giờ tôi còn là một bạch diện thư sinh. Đối với cụ, địa vị cũng như tuổi tác, tôi thuộc hàng đệ tử. Song trong cảnh vắng người, tôi được cụ coi là bạn vong niên. Lúc cụ về hưu ở Vinh Thạnh, tôi cũng thường đến hầu chuyện. Nhờ vậy mà tôi học được nhiều về cách thức soạn tuồng và biết được ít nhiều về tâm sự u ẩn của cụ.

Theo cụ Võ thì tâm sự cụ Đào lúc tỵ nạn nơi chùa Linh Phong gửi trong những câu:

*“Dấu ngựa đường hoa đêm quanh quẽ;
Chày kinh dinh liễu tiếng lao xao.
Sá chi tôi sương tắm mặt đào;
Thương nỗi chứa bụi lấm vóc ngọc.
Vóc ngọc ngùi thương nỗi chứa
Bước gập ghềnh lối cũ đường xưa
Nhận chiều chen đám mây thưa
Loi thôi chiếc bóng bơ phờ tiếng kêu
Gian nan chút phận đã liễu
Cò đang gió tạt bằng kiêu sương rơi!”*

Đó là cụ mượn lời Xuân Hương, Trương Chánh Hậu, Khương Đoàn để tỏ nỗi lòng đối với vua Hàm Nghi bỏ ngôi chạy ra Quảng Trị.

Và niềm nhớ thương vua Tự Đức gửi gắm nơi lời Bích Hà cải dạng Trương Chánh Hậu:

*“Yên tỏa Hàn sơn sương ỉu ỉu;
Lộ ngưng tương thủy tuyết ai ai!
Ấm hận trường thiên tư bắc khuyết;
Hàm sâu bạch nhật khắp Tây đài.
Tuyết ai ai tuyển đài ẩn ước
Vội vội nhìn kìa nước nọ trăng*

*Mơ màng ngút phủ mây giăng
Biển xanh phút đổi lẽ hằng khôn thay.*

Xét kỹ: Cụ Đào Tấn ty nạn chùa Linh Phong thời Hàm Nghi, khoảng 1884 – 1886. Nhưng theo gia phả họ Đào thì cụ cải biên Tam Nữ Đồ Vương dưới triều Thành Thái, khoảng 1889 – 1893. Có lẽ Khuê Các Anh Hùng lúc này được điều chỉnh lần thứ hai, hoặc thường được đem ra biểu diễn chớ chắc cụ Võ không thể làm được.⁽¹⁾

Cũng theo lời cụ Võ, cụ Đào soạn Trăm Hương Các, mục đích chính là để cảnh giác vua Thành Thái về tánh dâm dục. Thần Nữ Oa nói:

*“Bồi Thành Thang bừu đình tượng di;
Xui Trương Thọ tà tâm tự khi”.*

Nhưng thấy nhà vua đã không hối cải mà càng ngày việc thương luân bại lý càng tăng nên cụ rút hồi thứ 3 trong Gián Thập Điều, cải biên thành Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan để cho nhà vua thấy rõ nguy cơ sắp xảy đến: Nghi như Hoàng Phi Hổ là một bậc hiền tài hết lòng trung quân ái quốc, mà trước cảnh dâm loạn cương thường, cũng phải bỏ vua Trụ về với vua Châu, “phế hôn quán chi tàn bạo, phò hữu đạo chi hiền lương”. Phải trông gương vua Trụ mà sửa mình.

Cụ Võ còn cho biết thêm:

– Chỗ dụng ý của cụ Đào nhiều khi quá sâu sắc. Nếu cụ không nói ra thì ít người nhận thấy. Như nhuận sắc tuồng Sơn Hậu, cải biên tuồng Khuê Các Anh Hùng, ngoài mục đích vừa nêu còn để chỉ trích luật “tru di tam tộc” quá tàn khốc của nhà Nguyễn. Luật tru di chẳng những tàn khốc mà còn quá bất công! Một người có tội với triều đình mà cả ba họ bị chết chém! Kìa xem như trong tuồng Sơn Hậu, Tạ Thiên Lăng cướp ngôi vua nhưng Tạ thứ hậu Nguyệt Cảo, chị Thiên Lăng, lại hết lòng gìn giữ cơ nghiệp nhà Tê và đã từng giúp Thứ phi Phàn Phụng Cơ cùng Hoàng tử thoát nạn. Như thế há có thể vì em tàn bạo, vì em bất nghĩa bất trung mà bỏ cả lòng trung nghĩa của chị? Trong tuồng Khuê Các Anh

⁽¹⁾ Cụ Võ Kiêm, pháp danh Minh Tịnh, đậu tú tài, có tiếng hay chữ. Thơ Nôm hay, tuồng hát xuất sắc. Về tuồng hát cụ muốn dùng chữ Nôm thay thế chữ Hán trong các điệu hát Khách, Ngâm, Xướng, Bạch... Cụ đã thực hiện trong tuồng Dương Lễ - Lưu Bình.

Hùng, Triệu Văn Hoán cướp ngôi của Nguyên vương, con là Triệu Tử Cung lại ra tay gây dựng lại cơ nghiệp nhà Nguyên; Tạ Kim Hùng bất trung bất hiếu nhưng cha là Tạ Ngọc Lân và em gái là Tạ Phụng Cơ lại hết lòng cứu khốn phò nguy. Như vậy há có thể vì cha phản vua mà làm tội con? Há có thể vì con và anh bất trung bất hiếu mà làm tội cả cha già lẫn em gái là những người tận hiếu tận trung? Dùng tuồng hát, để chỉ trích luật pháp mà khỏi mắc vào tội phỉ báng, há chẳng hơn lời can gián của quan Ngự sử đã không được triều đình nghe mà còn bị khiển trách.

Những lời này cụ Đào thường nói cùng nhân sĩ Bình Định đến thăm cụ sau khi cụ đã về vườn ở Vinh Thạnh.

Cụ Võ Kiêm thú thật rằng trước kia phần đông người xem tuồng Sơn Hậu và Khuê Các Anh Hùng cũng như cụ, đều chỉ nhận thấy rằng tu chính hai vở tuồng này cụ Đào chỉ nhằm mục đích nêu cao lòng Trung, Hiếu, Nghĩa và đề cao vai trò phụ nữ chứ không ngờ soạn giả còn dụng ý vạch rõ sự bất công và mức ác độc của luật tru di.

CHỖ DỰNG Ý TRONG TUỒNG HÁT VÀ VAI VUA

Dưới triều Thành Thái, khoảng 1904 – 1907, tại đình làng Phú Phong, huyện Bình Khê (Bình Định) có diễn tuồng Phong Ba Đình của cụ Đào Tấn. Diễn viên đóng vai Nhạc Phi và vai Tần Cối rất xuất sắc. Nhiều người đã sụt sùi khóc trước cái chết của Nhạc Phi và một bà lão đã vác gậy lên sân khấu rượt đánh Tần Cối.

Cụ Đào Tấn nghe chuyện, nói cùng thân bằng:

– Khêu gợi được lòng yêu trung ghét nịnh như thế là thành công. Nhưng mới thành công được một nửa. Soạn tuồng Phong Ba Đình tôi muốn phơi bày lòng gian trá của vua Tống Cao Tông. Quân Kim đánh nước Tống. Tống yếu sức, Thượng Hoàng (Huy Tông) và vua Khâm Tông bị bắt đem về Kim. Vua Cao Tông lên ngôi nhà Tống. Quân Kim tiến quân bức các nơi. Nhạc Phi quyết tâm chống lại quân Kim và đã thắng nhiều trận. Cao Tông sợ Nhạc Phi thắng sẽ đem cha (Huy Tông) và anh (Khâm Tông) về nước thì ngôi báu của mình bị lung lay nên mưu cùng Tần Cối giết Nhạc Phi ở Phong Ba Đình. Người đời sau không nhìn sâu nghĩ chín, chỉ mắng chửi Tần Cối bán nước cầu vinh và thương Nhạc Phi vì lòng ngu trung mà bao nhiêu công cán bị vùi theo tấm thân tám thước. Tôi đã vạch rõ trên mặt giấy trong tuồng Phong Ba Đình việc làm bất hiếu bất đễ của Tống Cao Tông để cho người sau thấy rõ lòng quên ơn phụ nghĩa, hầu suy nghĩ kỹ việc tôn quân...

Cụ nói thêm:

– Xưa nay phần đông đều cho rằng đóng vai vua rất dễ, cho nên các gánh hát thường để các kép hát tầm thường đóng. Cũng có lý vì vai vua diễn cũng như hát rất ít. Nhưng đôi khi cái ít đó lại là cái rất khó. Như diễn tuồng Phong Ba Đình mà vai Tống

Cao Tông lại không làm cho khán giả để ý đến tội ác của nhà vua vong ân bội nghĩa. Đó cũng vì một là diễn viên đóng vai Cao Tông không hiểu dụng ý của kẻ soạn tuồng, hai là nghệ thuật còn non kém. Lòng gian ác của Cao Tông thể hiện nơi lời nói của nhà vua và Tần Cối. Diễn viên phải làm thế nào cho qua những lời nói của vua tôi ấy, khán giả biết được rằng Nhạc Phi đã thắng quân Kim ở Chu Tiên trấn và cuộc chiến thắng ấy bất lợi cho ngôi vàng... Cái khó là ở chỗ đó. Tống Cao Tông và Tần Cối là một cặp vua tôi cực kỳ gian trá, xảo quyệt và tàn ác. Chúng đều chung một âm mưu là phải ngăn chặn không để cho Nhạc Phi thắng quân Kim, phải giết Nhạc Phi! Nếu không, thì Nhạc Phi có thể sẽ đánh tận Yên kinh giải thoát hai vua cha, anh, đưa về làm cho Cao Tông có thể mất ngôi báu và làm cho Tần Cối mất món lợi khổng lồ do bán một phần đất nước cho giặc. Nhưng chúng cố che giấu động cơ, mục đích đốn mạt của chúng bằng chiêu bài “vì muốn bảo vệ đất nước khỏi bị tàn phá, muốn tránh cho nhân dân thảm họa chiến tranh nên phải “cất đất cầu hòa”. Không phải chúng chỉ muốn lừa bịp công luận, xoa dịu nhân dân mà giữa chúng với nhau cũng là một trò lừa dối nhau, lợi dụng nhau. Tần Cối lôi kéo vua theo quan điểm của mình và mượn uy quyền của vua giết Nhạc Phi và ngược lại Cao Tông cũng lấy điều vì dân, vì nước để mượn bàn tay đao phủ của Tần Cối giết người trung lương, trụ cột của nước. Tần Cối có thể đã khoe với vợ là đã thuyết phục, gạt gẫm được nhà vua theo mưu của mình nhưng nó biết đâu chính bản thân nó cũng chỉ là một công cụ trong tay Cao Tông. Bao nhiêu đời nay, ai biết âm mưu ấy của đôi vua tôi gian ác này cũng đều cảm thù cao độ đối với Tần Cối và chỉ một số ít người mới lên án đúng mức Tống Cao Tông. Cái gian trá của Cao Tông như thế người kép biểu hiện thế nào cho đủ các mặt? Đó là điều khó. Thầy tôi, Quỳnh Phủ tiên sinh, soạn tuồng Nhất Tiễn Song Điêu, vai Tống Thái Tổ cũng rất khó diễn. Tống Thái Tổ sau khi đã nhất thống sơn hà, đã thu đoạt binh quyền của các tướng trước kia phò tá mình. Nhưng Trịnh Ân là người bạn kết nghĩa tử sanh đương hùng cứ nơi biên tái. Trịnh Ân nhân lúc say rượu có lời phạm đến vua. Tống Thái Tổ muốn giết nhưng chưa có dịp tốt. Trong cung lại có quý phi Hàn Tổ Mai đẹp nhất và được vua yêu nhất trong ba ngàn cung nữ. Nhưng nhà vua lại muốn dùng vợ vua Thục mới hàng làm quý phi thay Tổ Mai. Còn đương chờ cơ hội thì xảy ra việc Hàn Phụng, chú Tổ Mai lạm dụng long xa đi du ngoạn, gặp

Trịnh Ân bỏ ải về triều. Trịnh Ân thấy long xa tướng Tống Thái Tổ đi tuần, bèn quỳ lạy. Sau biết được là Hàn Phụng, bèn rượt đánh gãy răng. Phụng vào triều xin vua trị tội Trịnh Ân. Thái Tổ ngoài mặt thì quở Phụng về tội mạo tọa long xa mà không trách Ân về tội dả thương đại thần. Nhưng trong thâm tâm muốn trị tội Trịnh Ân tự tiện hời kinh, không đợi chiếu mệnh. Để thực hiện ý muốn đã canh cánh bấy lâu, Thái Tổ giả say mượn tay Tổ Mai thảo chiếu chém Trịnh Ân để báo thù cho chú. Rồi lại mượn tay Đào Tam Xuân vợ Trịnh Ân giết Tổ Mai để báo thù cho chồng. Thái Tổ làm bộ đau xót trước cái chết oan uổng của Trịnh Ân, sợ sệt trước sự báo thù của Tam Xuân, thương tiếc buồn thương trước cảnh chia ly cùng Tổ Mai.. Thủ đoạn “bắn một mũi tên giết được hai con chim” cao cường đến khủng khiếp! Nếu diễn viên không hiểu dụng ý của tác giả thì dễ làm cho ông vua giả nhân giả nghĩa, bạc ác thâm hiểm kia trở thành ông vua hiền chỉ vì say mà lỗi đạo. Đóng được vai Tống Thái Tổ trong Nhất Tiễn Song Điêu, vai Tống Cao Tông trong Phong Ba Đình với thái độ gian trá của con người vong ân bội nghĩa thì không ai bằng đội Hiệp.

Đó là lời thầy tú Lâm Thúc Mậu kể lại cho “nhóm mè điệu” Bình Khê là Mai Cao Lương, Đoàn Phong, Hương Sơn, Tam Hà... nghe thời kháng chiến chống Pháp. Thầy tú Thêm:

– Vì dụng ý của soạn giả quá sâu xa, diễn viên phần đông ít học không thể nhận thức nổi...

Tam Hà nói:

– Thì thầy dạy hát phải giải thích sao cho anh em nghệ sĩ biết.

Thầy tú cười:

– Nếu ai cũng được sức học vấn, tài nhận thức như anh thì dễ biết mấy. Rất tiếc rằng những người theo nghề hát bội hầu hết là “Uất Tri”, dạy cho họ biết nghĩa lý câu tuồng để họ hát cho đúng điệu đúng bộ cũng đã đủ mệt rồi, huống còn giảng cho họ thấu triệt những ẩn ý trong từng tuồng một. Thêm nữa vai vua đóng đã khó lại ít ai để ý nên anh em họ chỉ ung học đóng vai quan văn quan võ, quan ninh quan trung...

Thầy lại nói:

– Sau khi cụ Đào mất, các ông đội Hiệp, bát Phàn... mất, tuồng Nhất Tiễn Song Điêu và Phong Ba Đình ít được các gánh hát dùng đến. Tuồng Nhất Tiễn Song Điêu đã được thay thế bằng

tuồng Tống Thái Tổ Trảm Trịnh Ân do người trong Nam soạn và Tống Thái Tổ Tuy Trảm Trịnh Ân do người miền Trung soạn. Tôi không rõ là của ai. Tuồng Trảm Trịnh Ân thì Thái Tổ say bảo Tổ Mai thảo chiếu giết Trịnh Ân. Tuồng Tuy Trảm Trịnh Ân thì Thái Tổ say túy lúy bị Tổ Mai cầm tay phóng lệnh tiến chín lần truyền đem chém Trịnh Ân. Hai bốn tuồng này soạn giả không có dụng ý phơi bày bộ mặt trái của ông vua thâm độc Tống Thái Tổ. Cho nên vai vua dễ đóng. Tuồng Phong Ba Đình bị thay thế bằng tuồng Tống Nhạc Phi cũng do người trong Nam soạn. Tuồng này không có vai vua. Do đó mà những vở tuồng này được các gánh hát dùng biểu diễn trong các thôn quê. Còn tuồng của cụ tú Diêu và cụ Đào Tấn chỉ thỉnh thoảng dùng trong các trường hát lớn ở đô thị. Nhưng cũng không ai để ý đến vai vua. Người ta chỉ để ý đến thanh, sắc và điệu bộ của các diễn viên.

Cậu Đoàn Phong nhìn thấy trợ Mai Cao Lương, nói:

– Anh Trợ có bộ râu ba chòm, đóng vai Tống Thái Tổ coi đẹp lắm.

Anh Hương Sơn tánh ưa hài hước, cười nói:

– Anh Trợ đóng vai Tống Thái Tổ chẳng những đẹp vì hàm râu mà cho anh một hồ rượu nguyên chất thì anh không cần phải giả say cũng giống vua giả say Tống Thái Tổ.

Thấy trợ Lương cười:

– Nếu tôi theo ác, thì chắc không được làm vua. Vì vai vua các ông bầu đều dành cho mấy chú học trò mới tập hát.

Đoạn quay lại hỏi thầy tú Lâm:

Không biết chuyện này có thực chẳng? Một người mới học nghề, mang râu đội mũ ra rạp làm vua. Thấy anh ta lúng túng, thầy tuồng đứng sau màn bảo nhỏ: “Làm vua thì phải vuốt râu chớ”. Anh chàng tưởng thầy nhắc tuồng liền tay vuốt râu, miệng hát: “Hề làm vua thì phải vuốt râu”. Thầy tuồng tức mình mắng: “Đồ chó chết, đánh một cán dáo lên đầu cho bỏ mẹ nó đi”. Anh chàng liền hát tiếp: “Đồ chó chết, đánh cán dáo lên đầu cho bỏ mẹ nó đi”.

Ai nấy đều cười rộ.

Thầy tú đáp:

– Đó là chuyện tiểu lâm. Nguyên lối sau này kép hát, đào hát làm biếng học cho thật thuộc tuồng trước khi ra hát. Để giúp họ

khỏi cầm râu ông nọ vào cầm bà kia, các gánh hát thường nuôi thấy nhắc tuồng. Thấy nhắc tuồng đứng nấp sau bức màn ngăn đôi sân khấu và buông hát. Hễ khi nào diễn viên quên câu tuồng thì lui gần bức màn để nghe nhắc. Vì không thuộc tuồng, không hiểu ý nghĩa trong câu tuồng, cứ theo câu của người nhắc mà hát, hát như một cái máy nên không thể biểu hiện được cái thần của tuồng. Có thuộc lâu tuồng mới hiểu rõ tình ý trong từng câu từng chữ. Có hiểu rõ tình ý từng câu từng chữ thì tình ý mới ăn sâu vào lòng, mới có cảm xúc để biểu hiện. Chớ không có gì cảm trong lòng thì lấy gì mà bày tỏ ra để cho người xem cũng đồng cảm. Ngày xưa cụ Đào mở Học Bộ Đình dạy hát, đã bắt con hát thuộc lâu lời tuồng mà còn giảng giải những ý sâu xa trong từng lời từng đoạn... Nhờ vậy mà cụ đào tạo được nhiều ca công nổi tiếng.

Thầy trợ Lương hỏi:

– Sao không theo gương cụ Đào?

Thầy tú không đáp, gõ nhịp hát câu hát Khách, bằng câu thơ dụng trong bài ca trù “Đời đáng chán hay không đáng chán” của Tản Đà tiên sinh:

*Giang Hà nhật hạ nhân giai trọc
Thiên địa lô trung thực hữu tình⁽¹⁾*

Rồi mượn câu:

*Biết ai gan ruột gởi mình
Mua tơ thêu lấy tượng Bình Nguyên Quân.*

trong Hoài Cổ Ngâm Khúc của Tương An Quận Vương để xuống hát Nam.

Anh Hương Sơn đánh châu miệng, cậu Đoàn Phong giống trống chiến miệng, anh Tam Hà đàn miệng. Thầy trợ Lương cao hứng tán vào một câu thơ cổ:

*Lạc hồng bất thị vô tình vật
Hoán tác xuân nê hộ bách hoa.⁽²⁾*

⁽¹⁾ Sông Giang, sông Hà mỗi ngày mực nước mỗi cạn dần cho nên người đời đều đục hết;

Trong lò tào hóa còn ai là kẻ có tình?

Ý thầy tú muốn nói là hết người biết quý nghệ thuật hát bội.

*Rồi dịch nghĩa câu thơ, xuống hát Nam:
Hồng rơi há phải vô tình
Hóa làm bùn thấm hộ cành hoa thơm.*

⁽²⁾ Thầy trò Lương mượn câu thơ cổ để nói rằng nghề hát bội dù đã tàn nhưng công thầy íu cũng như công cụ Đào vẫn để lại ảnh hưởng cho đời sau.

13

NHỮNG NGÓN VỐ TRONG TUỒNG CỔ

Có khách hỏi thầy tú Lâm Thúc Mậu:

– Trong các tuồng, tuồng nào cũng có ít nhất là một viên võ tướng. Tại sao chỉ có Ôn Đình trong tuồng Sơn Hậu mới có động tác “Đá giáp” mà thôi?

Thầy tú đáp:

– Vì Ôn Đình bị Phàn Diệm đâm trúng vai, Đình phải đá giáp lên che vết thương cho ba quân không trông thấy máu chảy.

Khách còn thắc mắc:

– Sao lại đâm trúng vai mà không đâm trúng chỗ nào khác?

Gặp thầy trợ Mai Cao Lương khách hỏi. Thầy hỏi lại:

– Sao không hỏi thầy tú?

– Sợ hỏi cặn kẽ quá thất lễ.

Thầy trợ cười:

– Sợ thất lễ hay sợ thầy tú không “cởi mở được thắc mắc” của chú? Nếu thầy tú “bó tay” thì tôi xin đề nghị với chú đi tìm soạn giả bốn tuồng Sơn Hậu mà hỏi, chớ tôi... xin làm Ôn Đình bị thương, “Đá giáp” rồi chạy... vào buồng trốn.

Biết rằng các nhà nho không rõ và ít thích các môn võ dùng trong tuồng, khách đi tìm Quách Kiến Đạo, một người vừa rành nghề hát bội vừa giỏi võ.

Kiến Đạo nói:

– Môn võ của Tạ Ôn Đình là một điều rất lý thú về võ thuật. Nhưng hầu như các ca công nghệ nhân, thầy tuồng của Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam... từ lớp chánh ca Đông về sau, ít ai chú ý đến và cũng ít ai biết.

Cũng như tuồng Tam Nữ Đồ Vương, tuồng Sơn Hậu là tuồng cổ mà lại là tuồng Ngự. Khi biểu diễn trong cung ngày xưa, các ông đội trưởng vũ ca rất chú trọng các môn võ dùng trong tuồng, phải xử lý rất đúng, với từng trường hợp đặc biệt dùng những ngón đặc kỹ riêng.

Tạ Ôn Đình có một tuyệt kỹ là Hối thương phản đao, giả thua chạy, chĩa thương đâm ra sau bằng tay phải, lừa cho địch thủ tránh mũi thương nép sang bên trái thì dùng tay trái rút đao chém lui là trúng.

Khương Linh Tá làm tuồng Ôn Đình dùng ngọn Hối mã thương, giả chạy, rồi thỉnh linh quay lại đâm, tránh bên phải, nép qua bên trái nên bất ngờ bị lưỡi phản đao chém ngược lại đứt đầu.

Đến sau gặp Đồng Kim Lân, Ôn Đình cũng giở ngón Hối thương phản đao ấy, lại không thành công, bởi Lân biết Đình trá bại, không đuổi. Vì vậy khi Đình quay lại chém không có Lân, thì khen là “Lân giỏi”.

Tới Phan Diệm lại khác hẳn. Diệm đã khỏe, thương pháp lại giỏi nên khi Đình hối thương đâm lui, Diệm không tránh mà còn dùng sức ghìm thương của Đình, lướt sát vào bên phải. Đình rút đao chém lui bên trái, thành chém hụt và phoir cả vai trái ra, bị Diệm đâm cho một thương thấu giáp vai trái, phải đá giáp giữa vắt qua vai để giấu máu, chạy trốn...

Một ngón sở trường 3 lần dùng, chỉ một lần thành công, bị một lần thất bại lớn. Bí mật của thành công và thất bại là chỗ nói trên. Đánh cho được ngón ấy rất khó. Tập cho ăn khớp không phải dễ. Diễn biến trên sân khấu đã quá nhanh, không gian lại chật hẹp nên thực hiện không rầm rộ, không đẹp mắt, ca công pha chế dần dần. Thêm thất vào cho rôm rả, rồi dần dần quên cả cốt lõi của ngón võ tuyệt kỹ (đánh thương mà lại chém bằng đao, hai tay phải luyện và phải khỏe mới thực hiện nổi). Cho đến khi ra diễn ngoài nhân dân thì không còn ai nhắc đến, cả cái tên của ngón võ ấy cũng bị lãng quên.

Nghe Kiến Đạo giải thích, tôi chợt nhớ một câu chuyện khá vui:

Thời kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), để làm quỹ cho ủy ban ủng hộ kháng chiến, nhân sĩ Bình Khê (Bình Định) tổ chức tại Trường Định, một đêm hát bội. Diễn tuồng Sơn Hậu. Một viên kép đóng vai Ôn Đình đá giáp. Khán giả vỗ tay khen hay. Ông cầm châu đánh trống giòn như pháo nổ. Nhưng viên kép vừa thua chạy vào buồng thì liền bị ông Nhưng đánh cho một cán dao và mắng:

– Đồ ngu! Đá chân phải, vắt lên vai trái, chớ sao đá quẹo lại cho giáp vắt xà lên vai phải?

Mọi người đều đồn tai mắt ra ngoài rạp, ít ai để ý đến chuyện trong buồng. Và mãi sau khi nghe Kiến Đạo giảng về ngón “Hồi thương phản đao”, tôi mới hiểu lý do “ông Nhưng đánh viên kép” (Trong tuồng đoạn Ôn Đình nói với Lôi Nhược khi bị Phan Diệm đâm trúng vai có nói đến ngón hồi thương phản đao bị thất bại).

Kiến Đạo lại giảng thêm:

– Trong Tam Nữ Đồ Vương có nói đến một số thế võ: khi Kim Hùng bị cha là Ngọc Lân đánh cho tối mặt phải chạy dài, thuật lại cho Lý Khắc Minh nghe, có nói: “Tất cả những ngón sở trường mà cha tôi trước đã truyền cho tôi như Phượng đầu phá kiếm, Dịch thủy điệu ngư... Tôi đem ra dùng, đều bị lão già ấy phá sạch...” Nhưng trên sân khấu chỉ thấy Tạ ngọc Lân dùng thế Loạn đả toàn vân, đánh gậy vù vù, còn Kim Hùng chỉ đưa dao ra vừa chống đỡ vừa nhảy tránh, không thấy Phượng đầu... Dịch thủy... gì cả. Khán giả rất thích thú thấy thằng Hùng bị đánh tơi bời, không ai đòi hỏi nó đưa Phượng đầu... Dịch thủy... ra dịch...

Cho đến nay chỉ còn thấy một thế đà đao của Quan Công là dùng đạt. Nhưng đây lại không phải là thế võ của lớp tuồng mà chính là do thiên tài của anh em ông Chánh ca Đưng và tám Ngọ sáng tạo ra trong vở Quan Công đánh với Hạ Hầu Đôn khi quá quan trăm tướng.

Nguyên trong chính bản tuồng biểu diễn trước kia (cũng như theo truyện) thì Hạ Hầu Đôn cùng Quan Công chưa kịp đấu nhau; hai bên chỉ mới hát đối đáp mấy câu khách thì Trương Liêu đến... và như vậy lớp tuồng lúc ấy rất nguôi. Anh em ông Chánh ca (Ngọ đóng vai Quan Công, Đưng đóng Hạ Hầu Đôn) biểu diễn hơi khác, ghép ngay việc khấu đầu vào việc đấu khẩu, thành ra rất rầm rộ, náo nhiệt, sinh

động. Như Quan Công hát câu “Thủ bả thanh long, sát hổ tướng như hành vân sâu vồ” thì vừa hát vừa đấu.

Khi hát “Thủ bả thanh long” thì đao xung thiên, chân co lên và chuyển quay mình sang đả đao. Đến chữ “sát” thì nhanh như chớp phản trảm vào Hạ Hầu Đôn. Cùng lúc ấy, Đôn cúi rạp mình xuống tránh lưỡi long đao, hoặc ngã xoài ra tránh và hô “xí huyệt”. Hoặc cao hơn nữa, như anh Dư Thiệu, nhảy lộn đầu xuống đất một vòng, đứng dậy, tránh lưỡi đao chém vút qua. Đấu thì ít mà rất đẹp, trông như thật, xem đến lạnh mình. Và từ ấy lớp này biểu diễn theo phương thức Đưng – Ngộ, trở thành lớp rất hay, rôm rả, sinh động, đẹp mắt.

Trong biểu diễn tuồng, các cách đấu nhiều khi chỉ theo một công thức cũ kỹ. Sau này chịu ảnh hưởng cải lương và hát Tàu có thêm lối đánh mới, nhưng không có ý nghĩa đặc biệt. Riêng trong vở Triệu Tử phá Dương Dương, người đóng Triệu Tử hay nhất là xã Quang. Xã Quang có ngón võ đặc biệt, một tay cầm thương dăm, một tay cầm kiếm chém lui mà mỗi lần chém là trúng cổ một đối phương tướng Tào.⁽¹⁾

Vì trong các vở tuồng, phần nhiều đều có những trận khẩu đấu, cho nên những người được tuyển vào Học Bộ Đình, cụ Đào Tấn cho học võ trước rồi mới cho tập hát. Và các nghệ sĩ sân khấu, từ đời Thành Thái trở về trước, hầu hết đều biết võ, ít nhất là biết cách cầm, cách dùng các vũ khí thông dụng như đao, thương, trường kiếm, song kiếm, độc phủ, song phủ...

Phần đông người Bình Định mộ điệu mong được thưởng thức chẳng những hát hay mà còn múa khéo. Mà chỉ những nghệ sĩ nào biết ít nhiều võ nghệ múa mới thật đẹp mắt. Dường như người các tỉnh khác, người diễn cũng như người xem chỉ chú trọng đến hát hay.

⁽¹⁾ Những ngón võ trên, Kiến Đạo đã được ông Hương Lễ Nghè ở An Định (Tuy Phước) cho biết. Ông Hương Lễ là thân sinh nhà thơ Vương Linh, nổi tiếng về roi.

VÌ SAO TUỒNG TIẾT CƯƠNG GỌI HỘ SANH ĐÀN

Trong khoảng đệ nhất Thế chiến (1914 – 1918) cụ Văn Sơn Nguyễn Trọng Tri lên Phú Phong (Bình Khê) thăm con gái là bà tú Đào Tăng Liên, tục gọi là bà tú Năm và ở chơi cùng con rể gần nửa năm. Biết cụ ưa thích tuồng hát bội, các nhân sĩ Bình Khê, phần đông là môn sinh của cụ, đem tặng một quyển Hộ Sanh Đàn của cụ Đào Tấn. Quyển tuồng rất đẹp: chữ chơn phương sắc sảo chép trên giấy quỳn, có nét son của tác giả sửa những chữ sai, thêm những chỗ sót. Quyển tuồng ấy là của ông Bát Phàn để lại cho con là ông Bầu Chư. Các nhân sĩ "này lại" bằng một số lúa là 10 vuông thơm trì.

Cụ Văn Sơn rất lấy làm quý.

Nhân đó cụ nói cùng các nhân sĩ:

– Tuồng ông Đào Vinh Thanh, vở nào cũng tuyệt tác. Nhưng anh tôi thích nhất vở Diễn Võ Đình. Còn tôi thì cho Hộ Sanh Đàn là hay nhất. Tình tiết giàu, sắp đặt khéo, văn chương lại linh diệu. Chẳng những hát Nam hát Khách, Nói lối mới hay mà cả những câu hường cũng thật đẹp! Ông Đào thương cho văn lục bát của mình không bì kịp cụ Tiên Điền. Đó là lời khiêm tốn và nói về thơ trường thiên. Chớ nói về cái hay, thì cái hay của cụ Tiên Điền trong thơ ông Đào vẫn có, mà cái hay của ông Đào trong Đoạn Trường Tân Thanh tìm không có. Ví dụ những câu trong Hộ Sanh Đàn:

- *Lao xao sông bủa ngọn tùng*
Gian nan là nợ anh hùng phải vay...
- *Thế sự huyền như xuân mộng*

*Nhân tình bạc tợ thu vân
Cắn răng cười cười cũng khó khăn
Ôm bụng chịu chịu càng vui sướng.
Vui sướng cho tình cho cảnh
Ngóng phương trời gởi gánh non sông
Mấy phen gối bắc đầu đông...
Bể xanh chưa đổi dặm hồng còn xa...*

Hùng mà bi, bi mà trang. Văn của cụ Tiên Điền phần nhiều trang nghiêm phong nhã. Những câu như:

*Chọc trời khuấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai...*

Dư hiên ngang nhưng thiếu thâm trọng...

Có người hỏi ý kiến cụ Nguyễn Bá Huân đối với Hộ Sanh Đàn. Cụ đáp:

– Anh tôi thích Diễn Võ Đình mà vẫn khen Hộ Sanh Đàn. Thường nói rằng: “Ông Đào đã mượn Tiết Cương trong truyện Phấn Đường mà tạo thành một Tiết Cương của ông. Tiết Cương trong truyện Tàu là một tên công tử thô lỗ, tánh vũ phu đã gieo trên đầu ba họ nhà mình một tai nạn bằng trời. Ai thấy cũng ghét. Còn Tiết Cương trong Hộ Sanh Đàn, có tình có nghĩa, khẳng khái hiên ngang mà kiên trì nhẫn nại..., một Tiết Cương đủ phẩm cách phong độ kẻ anh hùng trong cơn ly loạn. Tượng mạo xấu xí nhưng thái độ hành vi dễ làm cho người đời cảm mến, kính yêu. Còn Loan Anh cũng có đủ phong cách một nữ hào kiệt, một nữ hào kiệt có tình có nghĩa, có khí tiết, có can trảng. Ông còn đổi họ Kỳ sang họ Trần để tô thêm màu sắc dân tộc cho nhân vật mình sáng chế...”. Anh tôi thích Diễn Võ Đình, nói cho đúng là thích cách kết thúc vở tuồng, kết thúc bằng cách bỏ lửng, cho Triệu Khánh Sanh ra đi với lời tự thán:

*Chút thân liễu gởi cung đầu
Đố con lương mã biết đâu là nhà...*

Cũng như anh đã thích quyển Tây Sơn Danh Tướng Chinh Nam của tôi lấy cảnh Trần Quang Diệu tình cơn ác mộng, ngồi nhìn cơn mưa phùn mà nghĩ đến “vạn lý bình nhung chí” của mình..., làm kết truyện.

Hỏi sao cụ Đào lại gọi tuồng Tiết Cương là Hộ Sanh Đàn trong khi việc hộ sanh của chư thần chỉ diễn trong một màn nhỏ. Cụ Vân Sơn đáp:

– Ông Đào dụng ý rất thâm. Ý tại ngôn ngoại. Ông soạn tuồng Diên Võ Đình và Hộ Sanh Đàn để tỏ bày một cách kín đáo hầu tránh ngục văn tự, lòng phần uất đối với chánh sách đàn áp của đám cầm quyền đã làm cho nước nhà điêu đảo, hào kiệt không còn đất dung thân phải chạy hết Đông rồi Bắc... Ngoài ra ông còn gieo vào lòng khán giả, độc giả niềm hy vọng “sẽ có ngày kẻ trung nghĩa diệt được bọn gian nịnh, đem thái bình thanh trị lại cho đất nước thân yêu”. Trong Diên Võ Đình, tác giả chỉ gợi niềm hy vọng ấy trong trí tưởng tượng của người đọc, người xem. Trong tuồng Tiết Cương, tác giả dùng tên tuồng Hộ Sanh Đàn để nói cùng kẻ thức giả rằng “kẻ mình đặt niềm hy vọng diệt thù cứu quốc” đã có rồi đó, đã có nơi Đàn Hộ Sanh. Thần miếu đã nói cùng Hộ Sanh sứ giả:

*“Thai sản rày đương lúc lỡ làng;
Anh linh phải hết lòng giúp đỡ.
Triệu chư thần tốc hạ.
Tùng bốn miếu hiện lai.
Nhật nguyệt phù hộ bi chân thai;
Cam lộ thủy cừu sanh quý tử”.*

Qua lời Thần Miếu, kẻ sáng trí biết ngay “chân thai” kia, “quý tử” kia, không phải là vật tầm thường cho nên thần linh phải lo phù hộ. Quả vậy. Sau này chính Tiết Quý, chứ không phải Tiết Cương, giúp nhà Đường diệt được họ Võ, lấy lại giang san xây dựng nền hình trị cho đất nước.⁽¹⁾

Cách dụng ý sâu sắc này chính ông Đào đã học được của Quỳnh Phủ tiên sinh trong Nhất Tiễn Song Điêu. Phải có kiến thức sâu rộng mới nhận thấy.⁽²⁾

⁽¹⁾ Tiết Cương phò Phòng Châu Lưu Lăng Vương.

⁽²⁾ Bà Tú Năm cho biết: Sau khi cụ Vân Sơn mất, quý t. Hộ Sanh Đàn cùng với trên trăm võ tướng do cụ sưu tầm đều giao cho ông Tam Chu, người con thừa tự, giữ. Nhưng thời kháng chiến chống Pháp, giấy hút thuốc thiếu, bao nhiêu sách chữ Hán chữ Nôm trong nhà cụ đều theo thần Chúc Dung hết!!!

QUANH TUỔNG CỔ MIẾU VĂN CA

Khoảng năm 1930 – 1935, tại huyện Bình Khê (Bình Định) xuất hiện một người Huế, dòng Tôn thất, được viên tri huyện sở tại giới thiệu là một lương y kiêm phong thủy nổi tiếng ở Thần Kinh. Người trạc ngoại tứ tuần, dáng vẻ Nho lâm. Các tổng lý và các nhà giàu trong hạt đua nhau đón rước, hoặc làm thuốc hoặc làm địa. Những người Tôn thất thường được gọi là “cậu tôn”. Những ông này vì thân với quan nên người Bình Khê gọi là “Thầy tôn”.⁽¹⁾

Đối với nhân vật Bình Khê, “thầy tôn” tỏ ý khinh thường. Trừ một số tổng lý và đôi nhà trọc phú ra, hầu hết người có học đều “ô nhi viễn chi”.

Một hôm làng Kiên Mỹ (Bình Khê) tổ chức hát bội mừng xuân. Hát tuồng Cổ Miếu Văn Ca của cụ Đào Tấn. Hát ban đêm. Người xem đông đúc. Nhóm “mộ điệu” Mai Cao Lương, Đoàn Phong, Hương Sơn, Tam Hà và “thầy thuốc kiêm thầy địa” cũng có mặt. Hát văn, ông xã trưởng Trần Trạm mời nhóm mộ điệu, thầy Tôn và vài ông lý hương qua Phú Phong ăn khuya.

“Nhóm mộ điệu” phê bình diễn viên. Khen vai Tiết Giao lột được tinh thần vỡ tuồng và chê vai Nguyệt cô có vẻ e lệ chưa diễn tả được tánh dâm dăng của con hồ ly. “Thầy tôn” chen vào:

– Một bốn tuồng dâm dật làm tổn thương danh giáo như thế mà được hoan nghênh! Chỉ có người Bình Định “Sơn bất cao, thủy bất thâm, nam đa trá, nữ đa dâm” mới ưa thích...⁽²⁾

⁽¹⁾ Tiếng Thầy nghe thì quý nhưng đi với tiếng Tôn không mấy đẹp.

⁽²⁾ Câu này người Huế thường dùng để mỉa mai người Bình Định.

Lời vừa dứt thì thầy Tôn bị một đá văng nhào ra khỏi quán, mồm hộc máu tươi!

Người đá thấy Tôn là cậu Đoàn Phong.

Cậu Đoàn Phong võ giỏi có tiếng ở Bình Định nhưng tánh nhẩn nhục. Nhiều khi bị các võ sĩ khiêu khích để thử tài, cậu vẫn làm lơ, mặc dù biết rằng hễ đấu thì mình thắng. Cậu thường nói: “Học võ để giữ mình chớ đâu phải để đánh lộn”. Song đêm hôm ấy vì “thầy Tôn” xúc phạm đến cả tỉnh nên cậu không dằn được nộ khí... May cú đá có phần nhẹ vì thuận chân đá chân trái, lại đá ngồi và ngồi gần...

Sau trận “đổ máu mồm” đó, “nhóm mộ điệu” đem tuồng Cổ Miếu Văn Ca ra bàn:

– Bốn tuồng có tổn thương đến danh giáo chăng?

Anh Tam Hà tánh hay hổ bướng, hỏi:

– Danh giáo là cái gì mà bảo tổn thương hay không tổn thương?

Thầy trợ Mai Cao Lương ôn tồn nói:

– Ý Tam Hà muốn định nghĩa 2 chữ DANH GIÁO trước rồi sẽ bàn đến việc “có tổn thương hay không tổn thương”. Tôi xin giải thích: “Danh giáo là danh dự, danh phận và giáo hóa”, tức là “thuần phong mỹ tục” của một nước, ta thường nói là phong tục, phong hóa... Có thuần phong mỹ tục là nhờ việc giáo dân hóa đạo tốt, nhờ người trong nước biết trọng danh dự, biết lo cho thân phận...

Tam Hà cướp lời:

– Như thế thì vì giáo hóa không ra gì nên mới sanh dâm dăng... “Dâm dăng” là quả, còn “việc giáo hóa không ra gì” là nhân. Quả kia tự nó đã làm hại đến nhân rồi, cần chi phải đợi đến tuồng hát...

Anh Hương Sơn vỗ tay cười ha hả, rồi nhái giọng Trại Ba trong tuồng Ngũ Hồ Bình Tây:

– Lời nó nói, có quấy cũng khi có phải. Nếu cấm chân Nguyên Soái, khó che miệng thế gian...

Thầy trợ Mai cười:

– Hương Sơn chưa biết cách cương. Mượn lời cũ nhưng phải sửa đổi cho hợp tình hợp cảnh. Phải cương như thế này: “(Lời Tam Hà nói) có quấy cũng khi có phải. (Nếu hôm trước mà anh Đoàn

Phong) không dùng xả chân trái, (thì tôi e thấy Tôn) phải lột trâm miệng mỡ. Ló đuôi chồn thương hại Nguyệt Cô; (Mà) Thót dài ngựa nực cười Trần Trạ⁽¹⁾

*Trần Trạ cũng phường mộ điệu
Ngoài hý trường ngất ngilu chén trăng
Giận vì lỗ miệng bá nhăng
Đêm vui cần cụt còn bằng nửa gang..."*

Câu chuyện bay đến tai thấy tú Lâm Thúc Mậu. Thấy nói:

– Nhiều người hể ai động đến danh dự mình thì nổi lôi đình nhưng lại đứng dưng trước cảnh quê hương bị xúc phạm. Cái giận của anh Đoàn Phong là cái giận nghĩa khí...

Về bốn tuồng Cổ Miếu Văn Ca, thấy tú nói:

– Theo quan niệm các nhà Nho nghiêm khắc, các nhà Nho mà nhân giới không ra khỏi những quyển sách dạy đạo đức luân lý của Tống Nho, thì Cổ Miếu Văn Ca là dâm thư cũng như truyện Kiều của Tố Như tiền bối. Nhưng theo thiển kiến thì đó là một quyển sách giới dâm. Tác giả cho chúng ta thấy lòng dâm dục làm tiêu tan tất cả những gì quý báu của bản thân và làm hư hỏng lây đến những quốc gia đại sự. Cụ Đào cũng như nhiều nhà soạn tuồng trước đây cho rằng “tuồng hát chỉ phối nhân đạo” cho nên soạn tuồng, tuồng gì cũng vậy, luôn luôn nhắm mục đích giáo dục. Cụ Đào cùng cụ Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Trì thường bàn về vấn đề này. Cho nên tôi mới dám quả quyết rằng “Cổ Miếu Văn Ca” không phải là dâm thư mà là sách giới dâm. Diễn “Cổ Miếu Văn Ca” dù không lột hết được tinh thần bốn tuồng, cũng không có gì gọi là làm “tổn thương danh giáo”. Làm tổn thương danh giáo chính là lời nói khinh bạc của tên “thầy thuốc kiêm thầy địa” kia vậy.

⁽¹⁾ Hôm ấy ông Trần Trạ sợ hết hồn vì tưởng ông Tôn thất bị đập phổi chết. Viên tri huyện Bình Khê nhận thấy khí bất bình của thân sĩ Bình Khê bốc cao nên không dám bênh vực ông khách quý của mình.

SỰ THÀNH TỰU CỦA MỘT VỞ TUỒNG

Cụ Đào Tấn nói cùng cụ Nguyễn Bá Huân và cụ Nguyễn Trọng Tri:

– Sự thành tựu của một vở tuồng vốn nhờ có đặc điểm của ba người là người soạn tuồng, người diễn tuồng và người xem tuồng. Nếu người soạn tuồng được trời cho có tài văn chương mà người diễn tuồng không phát được cái hay trong tuồng thì người xem tuồng không hưởng thú được trọn vẹn. Nhược bằng người xem tuồng đều là những người ngu muội hoặc quá thấp kém thì làm sao hiểu được cái hay trong tuồng.

Một đêm rằm thời kháng chiến chống Pháp (khoảng 1947 – 1949), một số người hâm mộ nghệ thuật hát bội hợp tại nhà chú Diệp Trường Phát, tục gọi chú Tàu Sáu ở An Thái (An Nhơn). Trong số có chánh ca Đông là một nghệ sĩ nổi danh lớp lớn, Quách Đán một nghệ sĩ trẻ tuổi, vừa là một danh ca vừa là một soạn giả tuồng tiểu thuyết. Câu nói của cụ Đào Tấn được đem ra bàn.

Chú Diệp Trường Phát cho biết rằng buổi sanh tiền cụ Vân Sơn Nguyễn Trọng Tri thỉnh thoảng đi chợ phiên An Thái. Mỗi lần đến An Thái, cụ đều có ghé nghỉ chơi nơi nhà chú nên chú và thầy tú Lâm Thúc Mậu thường được nghe cụ nói về hát bội. Câu của cụ Đào vốn phát biểu bằng chữ Hán:

– Nhất khúc chi thành tựu hữu đặc điểm giả tam: Soạn khúc giả, diễn khúc giả dữ quan khúc giả. Nhược soạn khúc giả hữu thiên tứ chi văn tài, dẫn linh nhân bất năng phát dương kỳ khúc trung chi giai xứ, thử khúc diệc bất sử quan giả tận thưởng kỳ thú hỷ. Nhược quan khúc giả giai thị ngu phu ngu phụ, hoặc thị đệ tam hạ tứ chi nhân, hà năng thức kỳ khúc trung chi giai xứ hồ.

Câu này đã được thầy tú Lâm chép làm câu khẩu hiệu. Có nhiều người giải nghĩa câu “khẩu hiệu” treo nơi nhà dạy hát của

cụ tú Lâm rằng: “Một khúc hát chung thành tựu ấy có ba đặc điểm ấy là soạn khúc, ấy là diễn khúc và ấy là xem khúc”.

Thầy trợ Mai Cao Lương vỗ đùi cười lớn:

– Rõ là “Nhơn chi sơ, tánh bốn thiện” là “Người chung đầu, tánh gốc lành”. Thật là chữ đầu nghĩa đó: Chi là chung, Giả là ấy!

Nhiều người chưa lãnh hội được ý thầy trợ Mai. Định Phong, một người tân học đã từng được dự những khóa giảng về ngữ pháp Trung Hoa, nói:

– Chữ CHI ở trong câu ngày nghĩa là CỬA. Người xưa dùng chữ Chi, người nay dùng chữ ĐÍCH. Tức là chữ Chi trong văn ngôn được thay thế bằng chữ ĐÍCH trong Bạch thoại. “Nhất khúc chi thành tựu” là “sự thành công trọn vẹn của một vở tuồng”. Còn chữ GIẢ đây là NGƯỜI. “Soạn khúc giả, Diễn khúc giả, Quan khúc giả” là người soạn tuồng, người diễn tuồng, người xem tuồng. Nói tắt là soạn giả, diễn giả, quan giả. Như vậy “hữu đặc điểm giả tam” nghĩa là “có đặc điểm của ba người”, “đặc điểm” tức là “khả năng đặc biệt”. “Đặc điểm giả” là “người có khả năng đặc biệt”. Dịch nghĩa như câu được nghe truyền “Sự thành tựu của một vở tuồng nhờ có đặc điểm của ba người...”. Ý nói “Một vở tuồng gọi là thành công mỹ mãn nhờ sự hợp tác của ba người đủ khả năng: Người soạn tuồng đủ khả năng biên soạn, người diễn tuồng đủ khả năng diễn xuất, người xem tuồng đủ khả năng lãnh hội. Thiếu một không thể thành công mỹ mãn.

– Cử tọa đồng ý: “Một cây làm chẳng nên non, ba cây dùm lại thành hòn núi cao”.

Rồi nguồn hứng lên cao, mọi người đều dành nhau phát biểu ý kiến:

– Soạn giả chỉ cần 1, diễn giả phải cần trên 1. Còn quan giả thì phải cần nhiều. Trong số ít lại dễ có người đủ khả năng, còn trong số nhiều lại khó có nhiều người có khả năng... Như vậy ít khi một vở tuồng được thành tựu như lời cụ Đào nói.

– Bởi vậy, cụ Đào tự mình soạn tuồng, tự mình dạy kép hát để diễn tuồng mình và người xem hầu hết là bạn đồng điệu của cụ.

– Như thế thì chỉ nơi Học Bộ Đình mới gồm đủ người phục vụ cho tuồng hát được thành công và chỉ có cụ Đào Tấn mới đủ điều kiện để làm cho một vở tuồng được thành công mỹ mãn. Chớ ở các rạp hát, trường hát không thể nào cầu được toàn thiện toàn mỹ.

Chánh ca Đông nói:

– Đâu phải cụ Đào có ý “cầu toàn trách bị”. Và người xem đủ khả năng nhận thức được cái hay của võ tuồng, của diễn viên, không cần phải nhiều, chỉ vài ba người là đủ. Quan trọng nhất là người cầm chầu. Người cầm chầu dùng tiếng trống để tán thưởng câu văn hay, giọng hát hay, bộ múa khéo, vừa làm cho đào kép yên tâm và hào hứng mà diễn vừa hướng dẫn cho đại đa số người xem nhận thức được không nhiều thì ít những cái hay trong tuồng và trong cách biểu diễn. Cho nên chỉ người cầm chầu thông văn chương, hiểu nghệ thuật là đủ cùng soạn giả có tài, diễn giả lão luyện “dặm lại thành hòn núi cao”.

Chú Diệp Trường Phát tán thành lời nói của chánh ca Đông:

– Cho nên đi xem hát mà gặp được võ tuồng hay, đào kép hay, người cầm chầu giỏi thì hứng thú mới thật là đầy đủ.

Câu chuyện trở xoay quanh người cầm chầu:

– Người cầm chầu gọi là người chấp lĩnh. Hễ đào kép diễn trúng cách thì thưởng bằng tiếng trống. Nếu diễn không trúng cách thì phạt bằng tiếng gõ dùi vào tang trống. Thưởng để làm cho đào kép phấn khởi trở hết tài nghệ. Phạt để cho đào kép biết mà sửa chữa cách diễn xướng lại cho trúng. Ví bằng không am hiểu nghệ thuật, thưởng phạt loạn xạ thì bạn hát khinh khi, buổi diễn giảm mất nhiều hứng thú.

– Thưởng phạt phải cho công minh. Phạt không đúng làm cho diễn giả bất bình đã đành, đến thưởng không đúng cũng làm cho họ khó chịu. Như thời trước đây, tại trường hát Quy Nhơn có xảy ra một vụ “thưởng trật” nổi tiếng. Nguyên viên Tri phủ Tuy Phước lúc bấy giờ (quên tên) rất mê hát bội nhưng không rành điệu. Không rành điệu mà lại thích đánh chầu. Đêm nào cũng giành đánh chầu, mà đánh mười tiếng lọt vào miệng ca công, ca nhi hết sáu bảy tiếng. Và hễ nghe giọng tốt, múa khéo là “nặng ầm ầm” chớ chẳng biết có trúng cách hay không. Mặc dù tiền thưởng tuôn theo tiếng trống, anh chị em nghệ sĩ rất “sực”. Một đêm chánh ca Ghình đóng vai Phi Hồ, ra giáo đầu, rồi hát Khách: “Phản Trụ đầu Châu, Ngô nguyên phế hôn quân chi tàn bạo”. Quan phủ ngài cao hứng đánh trống liền tay, rồi ném một tờ bạc con công 5 đồng xuống sân khấu. Bị những tiếng trống “bất nhập cách” làm gây cản tài biểu diễn, chánh ca Ghình bực mình liền đình diễn, lấy

ngọn giáo hất từ bạc giấy lên trả lại cho quan Phủ. Quan Phủ kinh ngạc hỏi. Đáp: "Hát như vậy mà thưởng như vậy, chấp nữa hát hay hơn nữa lấy chi mà thưởng nữa?"

Chánh ca Đông nói:

– Người cầm châu không ranh điệu, diễn viên thật khó lột hết được tinh thần của vở tuồng. Nhưng ranh điệu mà khắc phạt quá cũng không được. Ví dụ cụ Nguyễn Đình Hiến. Khi cụ ngồi Tổng đốc Bình Định, tôi là người hát hầu cụ. Đám hát nào cụ đến dự tôi cũng được đem đi theo. Hát hay, cụ thưởng đúng mức, có khi đổ cả khay tiền lên sân khấu. Nhưng rủi bị sai chút đỉnh cũng bị gõ tang. Trừ các nghệ sĩ lão thành như chánh ca Đưng, chánh ca Ngọ, chánh ca Ghình, cai Tư... ra, ca công nào cũng bị cụ phạt. Đó là vì non gan, khiếp oai cụ nên "phạm húy" chứ không phải vì chưa thuần thục trong nghề.

Chú Diệp Trường Phát tiếp:

– Để cho anh chị em nghệ nhân hào hứng biểu diễn thì người cầm châu phải biết cách tán thưởng, khuyến khích, hướng dẫn... Nếu thấy có chỗ sơ suất, có điểm không trúng cách nhưng không mấy nặng thì không gõ tang mà nên đánh trống một cách êm nhẹ, vừa để che lấp chỗ khuyết, chỗ sai đối với khán giả, vừa để nhủ thầm cho diễn viên biết chỗ sai của mình mà sửa chữa.

Thầy trợ Mai vuốt râu cười:

– Phần đông người ưa hát bội đều thích đánh châu nhưng đánh châu theo kiểu chú Sáu e ít ai theo, vì một là khó, hai là vì "tội gì ăn cơm nhà đi vác gà cho... các nghệ sĩ". Tôi nhận thấy đánh châu dù giỏi mấy cũng không có lợi, nhất là đánh châu nơi các rạp hát ở thôn quê. Đánh châu ở các trường hát nơi thị tứ chỉ bị bạn hát "sục", còn thưởng nhiều thì chủ nhà "sục". Nhiều khi bị ném đất ném đá lố đầu. Ông Hương bốn Dật ở Phú Phong có bài thơ khá hay:

*Ông cha thuở trước tội gì đâu
Con cháu sanh ra thích đánh châu
Bộ mặt li li ngồi phản ngựa
Hươi tay lia lịa đập đa trâu
Giọng trợn múa khéo ùm ba tiếng
Diễn đúng văn hay ném một xâu*

*Thường ít thường nhiều sao cũng sực
Đất cày đá cục ném u đầu.*

Quách Đán có tài hài hước, thưa:

– Đó là cảnh tượng ngày xưa, thời mà dân ông sang giàu còn mặc áo dài hoa, che dù gời, đi dép bướm. Chờ từ ngày cải lương đã “chiến thắng” hát bội thì chầu muốn đánh sao thì đánh, đánh nhiều thì da trâu chịu, đánh ít thì da trâu nhờ, chờ chủ nhà cũng không sực mà bạn hát cũng không sực. Bởi thỉnh thoảng có ông già bà cả nào thuê hát “trá lè” thì họ khoán với một giá nhất định, còn hát trường thì bán vé. Thế là không phải lo phần chủ nhà liệng đất. Đến anh chị em nhà nghề thì có ai lấy nghệ thuật làm lẽ sống, mà hầu hết đều dùng nghệ thuật để kiếm miếng sống. Miếng sống miễn cho có, còn nghệ thuật ra sao thì ra. Đương hát Nam ngon lành vùng xuống 3 câu vọng cổ... làm cho phần đông khán giả vỗ tay rầm rầm. Như vậy còn sợ gì tiếng trống đánh loạn đả, đánh lộn vào miệng vào mồm, còn cần chi đến người chấp lĩnh thiện nghệ...

Định Phong nói:

– Thị hiếu của người đã đổi, cái hay cái đẹp của ngày xưa không còn được mấy ai thưởng thức. Có người muốn chấn hưng hát bội. Dám chắc không thể thành công. Thiết tưởng nên giữ kỹ những vở tuồng xưa, ghi lại những lời nói có ý nghĩa có lý thú của người trước, hầu giúp ích cho những nhà nghiên cứu về nghệ thuật sân khấu, về lịch trình tiến hóa của hát tuồng..., như thế thì hơn...

TUỒNG ĐỊCH THANH LY THỌ

Là hồi thứ hai trong tuồng Ngũ Hồ Bình Tây của cụ tú Nhơn Ân (Tuy Phước – Bình Định) tức cụ Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu.

Tuồng Ngũ Hồ Bình Tây gồm 3 hồi, hồi thứ 2 xuất sắc nhất. Hồi này là “thốn tâm thiên cổ” của cụ Tú. Sau khi lấp đôi chỗ hở nhỏ, trau chuốt đôi vết nhỏ, cụ Đào Vinh Thạnh tức là Tô Giang Đào Tấn rút ra làm một vở tuồng độc lập lấy tên là *Địch Thanh Ly Thọ*.

Cốt truyện trong hồi thứ 2, đại khái rằng:

Địch Thanh vâng lệnh vua Tống đem binh đi đánh Tây Liêu. Quân Tống đi lạc đàng qua nước Thon Thộn tức Đôn Bang. Tùng quyền Địch Thanh phải kết duyên cùng công chúa Thon Thộn là Trại Ba. Năm vị hổ tướng dưới cờ Địch Thanh phải đi trấn ở các ải ngoài của Đôn Bang. Tin Địch Thanh làm phò mã Thon Thộn bay sang Trung Quốc. Vua Tống cho là Địch Thanh làm phản, bắt Địch mẫu tống lao. Lưu Khánh về Trường An thám thính, biết được tin dữ, báo cho chủ tướng biết. Địch Thanh thừa lúc công chúa Trại Ba vào cung thăm mẫu hậu liền trốn ra khỏi kinh thành. Lưu Khánh vâng lệnh Địch Thanh đi ra các ải báo tin cho các tướng biết để cùng đi chinh Liêu. Lưu Khánh nhờ có “Tịch vân phách” nên bay cao đi nhanh được dễ dàng. Lưu Khánh gặp các tướng Tống rồi, trở lại tìm Địch Thanh. Vừa bữa công chúa Trại Ba trở về dinh, biết Địch Thanh đã trốn đi liền cùng nữ binh đuổi theo bắt lại. Đuổi kịp Địch Thanh, công chúa liền nới áo không cho đi. Lưu Khánh can thiệp. Địch Thanh được giải thoát liền “viễn tẩu cao phi” nhưng đến ải Phong Quan bị tướng giữ ải là Cáp Man chặn lại. Công chúa đuổi kịp ra lệnh:

– Bớ Cáp Man! Nghe lệnh mỗ ân cần, đóng ải quan cẩn mật. Nhược hữu nhất hào sơ thất, tất can trọng cứu nan đào.

Địch Thanh nói: *(Thưa công chúa, kẻ hạ quan buồn lắm!)*

– Thành sầu nọ đã cao, chuỗi phiên kia lại buộc! *(Hề làm người thì)*

*Hiếu ư gia trung ư quốc.
Sanh vi tướng tử vi thần.
Nếu bận bịu tư ân.
Ắt lỡ làng công sự.*

Công chúa nói:

– *(Á thôi!)* Chớ chớ hoa ngôn xảo ngữ.

Đừng đừng bạc nghĩa vô tình.

(Ông nghĩ lại coi, tôi đãi ông) Tựu ký thanh, hào ký hình.

(Mà ông nữ) Khứ vô tông lai vô tích *(cho đành hời)?*

Địch Thanh nói:

– *(Thưa công chúa, như tôi)* Tội đã cam phản nghịch, *(nên)* Tình khó nghĩ phu thê.

Công chúa nói:

– *(Ồ Phò mã không nghĩ tình phu thê? Phò mã hãy ngó bụng tôi Phò mã coi)*

Hình hài ai, khí huyết ai? *(Mắn rằng mà ông nữ bỏ ông đi lo)* Sự nghiệp đó, công danh đó?

(Nay Phò mã bỏ tôi Phò mã đi bình Liêu, rồi Phò mã về Tống. Khổ cho tôi lắm, Phò mã ơi)

Nghĩa phụ mà ra quả phụ, hữu phu lại hóa vô phu.

Trăng đã cười phản thiếp đơn cô,

(Mà) Gió chẳng cợt duyên ai tịch mịch *(đó chẳng)?...*

Hai bên tranh luận với nhau rồi sanh ra ẩu đả. Lưu Khánh ở trên mây trông thấy liền hạ xuống, buông lời mắng nhiếc Trại Ba rồi đánh một côn ngựa ngựa. Địch Thanh liền nhảy xuống ngựa, đỡ công chúa dậy và bảo Lưu Khánh tạ tội cùng Công chúa. Lưu Khánh bảo mình không có tội gì mà phải tạ, rồi bay đi mất. Chỉ còn Địch Thanh và công chúa ở trước ải.

Địch Thanh nói:

(Thưa công chúa) Đoạn tình vì nghĩa, tội tớ đến thấy.

Xin vị mặt đây, mà dung tội đó.

Công chúa nói:

– *Khó nổi nhiều dung tội đó;*

Nghĩa thêm bức tức lòng đây.

(Nhưng mà) Giận trò chẳng giận thấy!

(Nghĩ cho kỹ, lời nó nói) Có quấy cũng khi có phải.

Nếu cảm chân Nguyên soái.

Khó che miệng thế gian.

(Thôi thôi) Cẩn rắng mà ngậm chữ đoạn tràng;

Nhắm mắt lại chờ ngày tái ngộ.

Địch Thanh nói:

– *(Như mẩn ri đây)* Ôn ấy nghìn ngày khó lọt;

(Còn) Nghĩa kia muôn kiếp càng sâu.

(Công chúa cho kẻ hạ quan đi phen này) Miễn quét thanh hơi bụi
Từ Châu.

Thời gặp lại trong đài Bửu Cảnh.

Công chúa nói:

– *(Phu quân ơi!)* Chưa lạt rượu giao hoan một chén;

Đã vắng hình tương biệt nghìn trùng.

(Như em mang mảnh mẩn vi đây) Khó theo chân tảo tặc
nguyên nhung;

(Phu quân ơi) Xin soi dạ tư phu thực nữ.

Soi dạ tư phu thực nữ

Đoạn thám tình nhất khứ nhất lưu.

Địch Thanh hát Nam: – *(Phu nhân ơi!)*

Ruột đường đao cắt chín chiều

Sương bay trước mặt gió hiu bên dăng.

Công chúa hát Nam:

Cái duyên Chúc Nữ – Ngưu Lang

Cầu Ô đã bắc lại toan đứt cầu.

Địch Thanh hát Nam:

*Dùng dằng nghĩa trước tình sau
Dây phiền đó buộc chuỗi sầu dây mang.*

Địch Thanh, Công chúa đồng hát Nam:

*Dứt tình một khúc Dương Quan
Tây Liêu anh tới, Đơn bang em về.*

Địch Thanh đi rồi, Công chúa trở về, vừa đi vừa than:

- (Nhu tới) Đoạn thâm luống dề mê;
*Tắm lòng thêm lựu điệu.
Vị chút nhân duyên lãng liú;
Khiến nên tình nghĩa vẩn vương.
(Phu quân ơi!) Cực thân chàng thủy viễn sơn
trường; (Mà rồi đây) Khổ nỗi thiếp canh thâm
dạ tịnh.
Dạ tịnh dề mê tứ cố
Cảnh mô hồ xuân thọ mộ vân
Mấy phen liễu ủ mai quần
Hơi hương đã nhuốm bóng trắng lại lờ
Chỉ miền cố quốc lẩn dò
Ôm lòng ráng bước qua dò âm dương.*

Văn chương và tình tiết hồi thứ 2, người trong nghề cũng như người mộ điệu ai cũng khen là tuyệt diệu. Nhưng một hôm cụ Tú Nhơn Ân đem tuồng ra duyệt lại cùng cụ Đào Tấn. Cụ Đào thưa cùng thầy:

– Câu Trại Ba kể lể cùng Địch Thanh “Tùng ký thanh, hào ký ninh” mà đổi “Khứ vô tông lai vô tích” thì thật hay. Và hay kể miếng ăn miếng uống cùng chồng là thói thường của nhi nữ. Nhưng đó là hạng đàn bà dung tục, chớ Trại Ba công chúa là trang đài các phong lưu, con e không thích hợp.

Cụ Tú khen phải và sửa lại:

– (Như ông cùng tôi, có phải là) Tương thân như ảnh như hình; (Sao ông lại nỡ) Lai khứ vô tông vô tích (làm vậy, chẳng tẻ lắm ư)?

Đó là vào khoảng 1867 – 1871, sau khi cụ Đào đậu cử nhân và trước khi cụ đi làm quan. Trong lúc đi làm quan ở Huế, đọc lại tuồng Ngũ hổ, đoạn “núu kéo” giữa Trại Ba và Địch Thanh,

thấy còn có chỗ sơ hở: “Công chúa đã ra lệnh cho Cáp Man đóng cửa ải cẩn mật nhưng đến lúc cho Địch Thanh đi thì không bảo mở cửa ải thì làm sao Địch Thanh đi cho được?”. Đào công định sẽ trình thấy chính lại, song việc quan bận rộn, không về Bình Định để gặp thấy được. Đến khi có dịp thuận tiện thì cụ Tú đã mất rồi. Đào công nghĩ sửa văn thấy là thất lễ, còn để vậy thì có chút vết trên viên ngọc liền thành. Bèn làm thịt một con heo đem lên Nhơn Ân, làm lễ tế thầy rồi xin phép “được mở cửa ải cho Địch Thanh qua”. (Xem bài 1)

Nhưng khi Đào công về hưu ở Vinh Thạnh (1904 – 1907) một thanh niên đến thưa:

– Đoạn chót hồi thứ hai tướng Ngũ Hồ được cụ lớn thêm vào một đoạn nhỏ, thật là “áo gấm thêm hoa” song dường như cụ lớn không để ý đến chút nhập lập dưới những đường thêu quá khéo.

Đào công ngạc nhiên, hỏi:

– Chỗ nào?

– Bẩm trong câu:

Mấy phen liễu ủ mai quần

Hơi hương đã nhuộm bóng trắng lại lơ.

– Tại sao?

– Tại vì Trại Ba phải xa Địch Thanh thì buồn thương tuy ray rứt song không oán hận, không căm hờn. Còn câu “liễu ủ mai quần” lại ngậm tình uất ức. Lại thêm “liễu ủ mai quần” bên ngoài thì hai sắc thái mà bên trong chỉ có một tánh chất. Như thế không cân với “Hơi hương đã nhuộm bóng trắng lại lơ”, cảnh hai mà tình cũng hai.

Đào công gật đầu khen:

– Hậu sanh khả úy!

Không sửa câu tướng lại cho ổn thì để một vết trên hòn ngọc bích, mặc dù chỉ là một vết nhỏ, phải nhờ kính hiển vi mới nhìn thấy. Còn tự ý sửa văn thấy thì lẽ giáo không cho phép. Chẳng lẽ lại sát sanh một lần nữa? Đào công bèn cầu viện nơi cụ Tiên Điền:

Mai cốt cách, tuyết tinh thần

Hơi hương đã nhuộm bóng trắng lại lơ.

Thật tài tình!

Câu trên tương ứng, câu dưới tương phản làm cho ý thêm viển, tình thêm thâm. Và nhờ tía bỏ những nét ủ ê quần quai mà thần câu thơ trở nên sáng, khí câu thơ trở nên nhẹ khiến mạch văn như mạch “thào xà khôì tuyến” chảy từ trên xuống dưới, ngo qua như đứt nhưng ngấm ngằm không chút lơi. Hai câu đầu tưởng tượng đến tương lai, hai câu tiếp vừa nghĩ đến quá khứ vừa nói về hiện tại, hai câu chót vừa tả cảnh hiện tại vừa tỏ ý chịu đựng với cảnh tương lai. Thủ vĩ tương cổ. Thật là “đại gia văn chương”.

Nhất cử lưỡng tiện! Đào công đối với thầy đã trọn nghĩa trọn tình mà đối với nền văn học nước nhà cũng xứng đáng với danh “người cầm bút”.

Còn kẻ “hậu sanh khả úy” kia là ai?

Theo bào đệ Quách Tạo thì “nghe đâu” là hành thanh niên đậu tú tài lúc 16 tuổi và đã cả gan phê bình tuồng Đào Tấn “hay nhưng không độc”: Đặng Văn Thám ở Lương Bường.

Bào đệ lại cho biết thêm rằng:

– Câu “Mấy phen liễu ủ mai quần” sửa đi sửa lại đến hai lần. Cụ Đào mượn câu Kiều chưa lần thứ nhất. Rằng hay thì thật là hay. Nhưng các cô đào đóng vai Trại Ba hát tới nó thì “ngậm đắng nuốt cay” với ba chữ “cốt cách tuyệt” là ba tiếng trắc thuộc đoản nhập thanh, đứng liền nhau trong một câu Nam mái 6 chữ. Câu Nam mái thì giọng và lấy đều hoặc Bình hoặc Trám; nếu có LÊN cũng chỉ 1, 2 chữ đã là khó hát rồi. Đây đến ba chữ trắc đoản nhập thì phải là kỹ thuật của bậc nghệ nhân bậc thầy như Bát Phàn, Cửu Khi, Chánh ca Đưng..., chị Ngọ, cô Đức v.v... mới hát hay được, mà không bị pha láy trống. Vì vậy để nhẹ bớt khó khăn về kỹ thuật cho các cô đào, thầy tú Lâm Thúc Mậu đã chữa lại lần thứ 2:

Mai gầy liễu yếu một thân

Hơi hương đã nhuộm bóng trắng lại lò.

Trong câu 6 cũng có 3 tiếng trắc Liễu, Yếu, Một. Song Liễu thuộc trường thượng thanh, Yếu thuộc đoản khứ thanh, Một thuộc trường nhập thanh nên có xuống có lên (modulation), dễ hát.

Lại có người cho câu:

Chỉ miền cố quốc lần dò

Ôm lòng gắng bước qua dò âm dương

Quá trệ, nên sửa lại là: “Ôm lòng ngoảnh lại bóng cờ qua Liêu”.

Thầy tú Lâm Thúc Mậu sửa tuồng vì muốn “đỡ gánh nặng” cho nghệ nhân, sửa có mục đích. Còn người sửa “Ôm lòng rắng bước qua đồ âm dương” ra “Ôm lòng ngoảnh lại bóng cờ qua Liêu” chỉ vì lòng tin nhảm, vì lòng tin nhảm mà quên dụng ý của tác giả bốn tuồng!

Trong hồi thứ 2 tuồng Ngũ Hổ Bình Tây, cụ tú Nhơn Ân ký thác bao nhiêu tâm sự đau thương buồn thảm của mình. Cụ vì hiếu mà phải phụ tình khiến người yêu phải quyền sinh với đứa con trong bụng. Cụ mượn lời Trại Ba trách mắng Dịch Thanh để thay lời người yêu trách mắng mình, mượn lời than của công chúa để thể hiện nỗi lòng đau đớn đến cực độ của người yêu mà cụ thông cảm và chung phần. “Qua đồ âm dương” cũng như “Cẩn rắng mà ngậm chữ đoạn trường; Nhắm mắt lại chờ ngày tái hợp” đều ngậm ý CHẾT LÌA (tử biệt), đều có “quỷ khí”. Song cảnh “chết lia” là sự thật, “Quỷ khí” không phải vô tình, mà chính hữu ý gây nên để diễn tả cho đúng nỗi lòng đau xót.⁽¹⁾

Vô tình mà có quỷ khí trong văn thơ mới sợ TRỆ, chứ đã hữu ý đem “quỷ khí” vào văn thơ thì còn TRỆ nỗi gì nữa? Huống nữa tác giả không sợ trệ thì thôi, mắc mớ gì độc giả lại “ăn cơm nhà vác ngà cho voi”? làm giảm giá trị một câu thơ tuyệt tác!

Hơn nữa “qua đồ âm dương” là nói việc công chúa sắp đến kỳ sinh nở (Cái thai trong bụng là âm, mà sinh ra là dương). Cẩn xem lại đoạn trên, sự có mang của công chúa được người nhắc đến 3 lần thì lúc chồng đi rồi, ngoài thương nhớ còn nỗi lo vượt cạn sau này, đó là lôgich.

Sửa câu “qua đồ âm dương” chưa đáng trách bằng sửa câu:

– *Dứt tình một khúc Dương Quan*
Tây Liêu anh tới Đơn bang em về...

Ra câu:

– *Chia nhau một nẻo Dương Quan*
Em về Đơn quốc anh sang Liêu thành,

Hoặc:

– *Chia nhau một nẻo quan hà*
Em về Đơn quốc anh qua Liêu thành.

⁽¹⁾ Xem bài 01 ở trước, đã nói rõ cuộc tình duyên giữa cụ tú Nhơn Ân và cô Thên. Bài này viết để bổ sung bài số 01.

Sửa như thế là “ném vàng ra tra thiết vào”. Có lẽ là “công tác” của các ông “thầy nhắc tuồng” chỉ đọc thông chữ Nôm chữ Hán mà tưởng mình đã có sức học của Bảng Nhãn, Thám Hoa. Hoặc đó là “tài làm khéo làm khôn” của những người phiên Hán Nôm ra Quốc ngữ, không thông thạo phép làm văn làm thơ, nhất là văn thơ cổ điển.

+ Sửa “khúc dương quan” ra “nẻo dương quan” vì lầm tưởng KHÚC đây là khúc đường, chứ không ngờ rằng KHÚC đây là khúc ca. Khúc Dương Quan là khúc ca tống biệt, là Dương Quan Tam Điệp Khúc.

Nguyên Vương Duy đời Đường tiễn bạn là Nguyên Nhị sang sứ Tây An ở bên kia ải Dương Quan tỉnh Cam Túc, có thơ tống biệt rằng:

Vị thành triều vũ ải khinh trần
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu
Tây xuất Dương Quan vô cố nhân.

Nghĩa là:

*Mưa mai lấp bụi Vị thành
Xanh xanh quán khách mấy cành liễu tươi
Khuyên ai cạn chén ải mời
Dương Quan qua khỏi không người quen thân.*

Bài thơ được phổ nhạc và đem dùng trong những tiệc rượu đưa nhau. Câu đầu xướng một lần, 3 câu sau mỗi câu lặp lại 2 lần. Cho nên bài thơ trở thành khúc ca mệnh danh là Dương Quan Tam Điệp Khúc.

“Dứt tình một khúc Dương Quan” nghĩa là “mượn khúc Dương Quan để dứt tình bịn rịn cho lòng người đi kẻ ở nhẹ bớt buồn thương”.

Chữ Dương Quan ở đây dùng rất đặc địa. Vì Định Thanh đi đánh Tây Liêu ở phía tây Thôn Thộn, mà trong câu thơ trước chữ Dương Quan có chữ Tây Xuất. Và nhân trước câu “Tây xuất Dương Quan vô cố nhân” có câu “Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu”, cụ Đào Tấn mới đem rượu vào điểm xuyết đoạn tuồng của mình thêm ở trên: “Rượu vui vui nâng rót chén vàng”. Thành ra câu “Dứt tình một khúc Dương Quan” thừa thừa tiếp hạ, làm cho văn đã luyện mà tình thêm thâm.

Đôi Khúc ra Nèo đã là “Vút hạt châu thâu mắt cá” rồi, sao còn đôi Nèo Dương Quan ra Nèo Quan Hà.

Đó là vì:

Không hiểu tại sao hầu hết các vở tuồng Dịch Thanh Ly Thận đều chép câu “Đừng dun mày liễu mà quần ruột lan” ra “mà quần ruột HOA”. Chữ RUỘT HOA không biết xuất xứ là đâu, chớ RUỘT LAN có điển: Vợ hầu của Trịnh Văn Công thời Đồng Châu nằm mộng thấy nuốt hoa lan, rồi sanh ra Mục Công nối ngôi nước Trịnh. Do đó có chữ “MỘNG LAN” là Mang Thai và RUỘT LAN là Ruột Chứa. Điều này rất thông dụng. Không hiểu tại sao lại sửa RUỘT LAN thành RUỘT HOA? Và vì câu trên hạ vần HOA không ăn vần với câu dưới vận QUAN nên DƯƠNG QUAN mới bị sửa ra QUAN HÀ. “Khúc Dương Quan” bị sửa thành “Nèo dương quan”, rồi “Nèo Dương Quan” bị sửa thành “Nèo quan hà”. Đã sửa câu trên thì phải sửa luôn câu dưới. Rồi đào kép cứ hát, người nghe cứ nghe, các nhà sưu tầm tuồng cổ “không chịu khó lựa lọc, suy gẫm” cứ nghe sao chép vậy thành ra “lẫn lộn vàng thau”.

Còn một điểm nữa:

Câu tuồng nguyên tác của cụ tú Nhon Ân là “Tây Liêu anh tới Đơn bang em về” mà các tuồng lại sửa là “Em về Đơn quốc anh sang Liêu thành” hoặc “Em về Đơn quốc anh qua Liêu thành”. Sửa như thế phạm đến 2 lỗi: 1 là không thạo tâm lý, 2 là không theo đúng “mẹo tuồng”:

Phạm lúc tiễn đưa nhau, lúc chia tay thì người ở luôn luôn đứng đợi người đi đi xa đi khuất rồi mới trở về. Cho nên cụ tú Nhon Ân mới viết “Tây Liêu anh tới Đơn bang em về”. Chớ nếu “Em về Đơn quốc anh sang (qua) Liêu thành” thì không hợp nhân tình. Đây lại “người đi ước đi cho mau”, còn kẻ trở về với “tấm lòng luyến luyến” thì bỏ đi trước thế nào được?

Hướng nữa Dịch Thanh, một khi chia tay thì đi thẳng còn Trại Ba thì sau khi “bóng cờ qua Liêu” đã khuất mới “Chỉ miền cố quốc lần dò”. Như thế “mẹo tuồng” bắt buộc phải để “Đơn bang em về” sau “Tây Liêu anh tới”. Hướng nữa cụ tú Nhon Ân và cụ Đào Vinh Thanh rất chú trọng ở sự gieo vần. Trong các bản tuồng, chẳng những vẽ trên vần với vẽ dưới mà nhiều khi đoạn trước câu cuối cũng vần với câu đầu đoạn sau. Ví dụ câu hát Nam:

Dứt tình một khúc Dương Quan

Tây Liêu anh tới Đơn bang em về...

Vần VỀ ở câu hát Nam bắt với vần MÊ ở câu nói lối ở đoạn tiếp:

*Đoạn thăm luống đê mê,
Tấm lòng thêm lịu địu.*

Đoạn trên đoạn dưới bắt vần với nhau không phải là điều bắt buộc, song cách bắt vần khăng khít như thế là một đặc điểm của tuồng Bình Định, nhất là tuồng của cụ Nhơn Ân và cụ Vinh Thạnh. Người mộ điệu tuồng cũng nên biết để hưởng cho trọn cái hay cái thú trong các vở tuồng có danh...

Tuồng của cụ tú Nguyễn Diêu cũng như tuồng của cụ Đào Tấn và nhiều vở tuồng cổ khác, thường dùng điển cố. Hoặc là lấy tích xưa, hoặc trích câu, mượn chữ trong những áng văn chương nổi danh của Hán, Đường, Tống... Muốn giải thích, muốn hiệu đính, muốn cải biên... tuồng cổ thiết tuồng phải, chẳng những rành lý luận rành kỹ thuật về hát bội, mà còn cần có sức học cao hơn hoặc tương đương với tác giả, như cụ Đào Tấn với cụ Nguyễn Diêu. Bằng không thì cái trò Đông Thi nhân mặt sẽ tái diễn ở Việt Nam.

Đã biết rằng:

– Sự đồ như hý, hà tu giả xứ tiểu phi chân.

Nhưng cũng phải:

– Tùy xứ khôi hài,

– Thì mới gọi là– Mạn Thiên Tiên bản sắc.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Chữ mượn trong các câu đối dẫn rạp hát của cụ Đào Tấn. Nghĩa là:

- Sự đời đều giống trò đùa, thì sao lại cười rằng không thật ở nơi giả, tàm.

- Tùy trường hợp mà điều cốt thì mới là bản sắc của tiên Đông Phương Sóc.

BỆNH NGHIỆN HÁT BỘI Ở BÌNH ĐỊNH

Người Bình Định, 10 người mắc bệnh nghiện đến 6,7. Không phải nghiện nha phiến mà nghiện hát bội. Nghiện đến nỗi trong thời kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), toàn dân dồn công sức, thời giờ vào công việc đuổi giặc giành độc lập cho nước nhà mà cũng lén lút tổ chức những cuộc trình diễn nho nhỏ làm vui. Không cần sân khấu, không cần áo mào đai hia. “Trình diễn theo lối hát ngồi” và đánh trống miệng. “Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng” nên nhiều khi quên cả ngày giờ.

Một hôm thấy trợ Mai Cao Lương rủ tôi cùng anh Hương Sơn Nguyễn Đình Mẫn, anh Tam Hà Trần Thiếu Du và chú Diệp Trường Phát, người Việt gốc Hoa, tục gọi là chú Tàu Sáu, đi thăm cụ Bùi Văn Lãng ⁽¹⁾

Chúng tôi đến nhằm lúc cụ đương nhờ một thầy nhắc tuồng đọc bốn tuồng Khuê Các Anh Hùng bằng chữ Nôm để cụ phiên ra Quốc ngữ. Thấy trợ Lương và anh Tam Hà là hai tay nghiện nặng, thầy vờ tuồng chẳng khác “đương cơn nghiện mà mua được thuốc tỉnh”. Vài câu chào hỏi xã giao xong, anh Tam Hà liền cầm vờ tuồng và thầy Trợ tổ chức cuộc “hát ngồi”. Chú Tàu Sáu đóng vai Tạ Ngọc Lân, thầy trợ Lương đóng vai Phương Cơ, Tam Hà đóng vai quân canh, thầy nhắc tuồng “cầm chầu”, anh Hương Sơn “đánh trống chiến” và “thổi kèn”. Anh Hương Sơn tánh ưa hài hước, nhìn bộ râu dài của thầy trợ Lương, cười ha hả:

⁽¹⁾ Thầy Mai Cao Lương ở Trường Định, anh Tam Hà ở Thuận Nghĩa, anh Hương Sơn ở An Chánh, ba thôn đều thuộc huyện Bình Khê. Chú Tàu Sáu ở An Thái thuộc An Nhơn. Cụ Bùi Văn Lãng, một học giả có tiếng ở Bình Định, người thôn Cù Lâm (An Nhơn). Cụ Bùi đã viết Danh Nhân Bình Định, Lịch Sử Nhà Tây Sơn và dịch ra Pháp Văn tập Chính Phụ Ngâm của Đoàn Thị Điểm và Thu Dạ Lữ Hoài ngâm của B.N.Thận.

– Phương Cơ đâu có phải tép mà có râu!

Chú Tàu Sáu đáp:

– Để cho ra gái điên, Phương Cơ lấy râu bấp kết vào cằm mình, như thế là “đúng điệu”.

Mở màn bằng mấy câu ba lơ, rồi nhập cuộc.

Cụ Bùi và tôi làm khán giả. Chú Tàu Sáu hát thật hay, đó là nhờ đã thọ giáo ông Bát Phàn trong nhiều năm. Chú hát hay nhưng lên sân khấu không được vì tiếng nhỏ hơi ngắn. Thầy trợ Lương và anh Tam Hà hát cũng rất vững. Trống chiến trống châu “dồn tang” cửa miệng.

Vui thật là vui.

Sau bữa cơm chiều, cơm ghé mì với rau luộc chấm mắm cua, chúng tôi nằm nói chuyện về hát bội.

Trước nhất là nói về bốn tuồng Khuê Các Anh Hùng. Thầy nhắc tuồng nói:

– Bốn tuồng này tôi sao theo bản của thầy tú Lâm Thúc Mậu ở Nhơn Nghĩa. Thầy Tú đã coi lại và sửa chữa kỹ càng. Thầy bảo tuồng hát dùng trong các gánh hát hiện thời bị “tam sao thất bổn” nhiều lắm. Thầy sưu tầm được bốn nào đem về nghiên cứu, phối kiểm, tự tay chép lại rồi mới đem ra dùng.

Chú Tàu Sáu tiếp:

– Anh tú Lâm là học trò cụ nghệ Văn Sơn Nguyễn Trọng Trì. Anh tú vừa học chữ vừa học soạn tuồng nơi cụ nghệ. Nhưng sau khi chán việc thi cử rồi, ở nhà rước ông Bát Phàn về nhà học hát. Khi nghệ đã vững rồi thì noi gương cụ Đào Tấn mở trường dạy hát. Tôi nhờ học ông Bát một lần với ảnh nên mới biết được chút đỉnh về cái hay cái khó trong nghề.

Cụ Bùi Văn Lăng nói:

– Những nhà soạn tuồng có tiếng ở Bình Định, ngoài cụ tú Nhơn Ân và cụ Đào Vinh Thạnh, tôi chỉ nghe tiếng thầy tú Đặng Văn Thám ở Lương Bường (Tuy Phước), Huỳnh Bá Văn ở Thạnh Danh (An Nhơn) chứ không nghe nói cụ Văn Sơn Nguyễn Trọng Trì giỏi về nghề soạn tuồng.

Chú Tàu Sáu đáp:

– Tuồng của cụ nghệ Trì nhiều cương ít nhu, không được “ăn khách”, các gánh hát trong tỉnh nhà không hay dùng nên không

có tiếng. Thấy tú Đặng Văn Thám nổi tiếng nhờ vở Phụng Nghi Đình có nhiều câu độc đáo, khó hát nhưng dễ hát được thì phải đổ hết khay tiền thưởng. Thấy tú Huỳnh Bá Văn nổi tiếng nhờ bốn tuồng Mãi Tiêu tục gọi là Tuồng Thứ, diều cợt vị Tham Trấn thứ Hương Sơn (An Chánh) không lo chống Pháp mà chỉ lo hiệp đáp dân lành. Còn một người nữa có tài soạn tuồng đến vua Tự Đức cũng phục, nhưng ở tỉnh nhà ít ai biết đó là cụ Vũ Đình Phương ở Tân Thanh (Hoài Ân) đã cùng cụ Đào Tấn và Ngô Quý Đồng soạn tuồng Vạn Bửu Trình Tường.

Chú nói tiếp:

– Trừ cụ Đào Tấn soạn tuồng đã tài mà hát cũng rất hay, các nhà soạn tuồng Bình Định, từ cụ tú Nhơn Ân đến thầy tú Huỳnh, không mấy vị biết hát. Đôi vị hát được song nghe không được bùi tai. Còn anh tú Lâm Thúc Mậu dạy hát giỏi, hát cũng hay song lên sân khấu coi không được vì hay ngó xuống trông như ngủ gục. Anh có soạn mấy bốn tuồng song không có bốn nào dùng được nên đem đốt hết.

Nghe cụ Bùi và chú Tàu Sáu nói tôi ngạc nhiên, tự nhủ:

– Có một người học giỏi có tiếng từ lúc nhỏ, soạn tuồng hát không nhượng thầy tú Thám, có hơn thầy tú Huỳnh Bá Văn, song trong tập Danh Nhân Bình Định cụ Bùi không đem vào, trong cuộc đàm thoại này chú Tàu Sáu cũng không nhắc đến?

Người đó là cụ tú Võ Kiêm ở Hưng Trị (Phù Cát). Cụ đã gặp cụ Đào Tấn lúc cụ Đào tỵ nạn ở chùa ông Núi và khi cụ Đào về hưu ở Vinh Thạnh thì cụ là người tới lui thường nhất. Do đó mà cụ được cụ Đào truyền sở đắc và tỏ tâm sự, tuy “kể không cùng chân tóc kẻ răng” song cũng khá đầy đủ ⁽¹⁾... Không nghe ai nhắc đến cụ Võ, tôi bèn ngồi dậy nói:

– Còn một nhà soạn tuồng nữa mà giới mộ điệu tuồng không nên quên.

– Ai? Ai?

– Soạn giả hai bốn tuồng Dương Lễ – Lưu Bình và Hoàng Thúc Nhập Nhoái.

Anh Tam Hà nhảy miệng nói:

⁽¹⁾ Đã nói rõ trong bài số 10.

– Tôi có nghe nói đến hai bốn tuồng ấy nhưng không biết là của ai.

Ông “thầy nhắc tuồng” nói:

– Tuồng Dương Lễ – Lưu Bình đã có gánh đem ra diễn song ngội lăm, ít “ăn khách” nên bạn hát không mấy người thuộc lòng được đoạn nào cả và cũng không mấy ai biết tên soạn giả là ai.

Thầy trợ Lương tiếp:

– Tuồng Hoàng Thúc Nhập Nhoái nghe đâu là của cụ Đào Vinh Thanh chứ?

– Cụ Đào nhuận sắc và cho diễn ở Học Bộ Đình nên người ngoài nhiều người tưởng lăm là của cụ Vinh Thanh.

Anh Hương Sơn thiếu kiên nhẫn, giục:

– Vậy soạn giả chính là ai? Nói phứt cho rồi.

– Cụ tú Võ Kiêm ở Hưng Trị. Chính tôi nhờ cụ mà biết trộm trèm về hát bội và nhiều giai thoại ở trong và ngoài trường hát.

Anh Hương Sơn nói tiếp:

– Nhân tiện tôi xin hỏi anh: Vợ tuồng này là vợ Tam Nữ Đồ Vương, tại làm sao lại để ngoài bìa là Khuê Các Anh Hùng?

Vốn biết tánh anh Hương Sơn ham làm thơ, ham hát bội nhưng không ham tìm tòi để đi sâu vào mỗi vấn đề, đi xa ra ngoài phạm vi của vấn đề mình khảo sát nên kiến thức không được thâm viễn, tôi bèn giải đáp với lòng thân yêu:

– Tam Nữ Đồ Vương gồm có 3 hồi. Hồi thứ nhất thường gọi là hồi “Lão Tà cời nghe”, hồi thứ hai thường gọi là hồi “Phượng Cơ giả đại”, hồi thứ ba thường gọi là hồi “Lão Tà lẩn lửa”. Đó là lấy nội dung lớp hay nhất trong mỗi hồi mà mệnh danh. Cụ Đào Tấn lựa hồi thứ hai là hồi cụ thích nhất, rút ra nhuận sắc làm một vở độc lập và đặt cho tên mới là Khuê Các Anh Hùng.

Sẵn đà, tôi đem chỗ dụng ý của cụ Đào Tấn khi nhuận sắc Khuê Các Anh Hùng mà tôi được cụ Võ Kiêm cho biết, ra trình bày:

– Trong tuồng Khuê Các Anh Hùng, cha trung con nịnh, cha nịnh con trung. Chớ đâu phải “cây nào trái nấy”. Vậy nếu trong gia đình có người phạm tội với triều đình mà nữ đem làm tội cả ba họ thì thật là quơ dũa cả nắm! Nhuận sắc hồi thứ hai của Tam

Nữ Đồ Vương cụt Đào dụng ý chỉ trích luật Gia Long quá ác nghiệt quá bất công về điểm “tru di tam tộc”.

Cụ Bùi Văn Lăng tỏ ý không tin lời nói của tôi:

– Cụ Đào Tấn là một đại thần của nhà Nguyễn. Trải ba triều Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái, cụ nhận được nhiều ân sủng. Lẽ đâu lại có tư tưởng chống đối như thế.

Chú Diệp Trường Phát nói:

– Tôi đã nghe anh tú Lám nói điều ấy. Nhưng tôi nghĩ luật tru di đã có sẵn đó, cụ Đào không sợ họa sao mà dám bày ý kiến mình trên giấy trắng mực đen nên tôi không mấy tin. Không tin thì dễ bụng chớ không dám hở môi vì sợ mịch lòng anh Tú. Nay ông Quách lại nói một lần nữa, tôi xin hỏi thật ông đó là ông nhận thấy dưới hàng chữ trong tuồng hay nghe ai nói lại?

Tôi đáp:

– Đó là cụ Võ Kiêm nói lại. Cụ Võ cũng không tự mình khám phá được trong tuồng hát mà chính nhờ cụ Đào nói ra. Chẳng những một mình cụ Võ nghe cụ Đào nói mà còn nhiều vị nhân sĩ Bình Định khác được nghe.

Cụ Bùi vẫn còn nghi ngờ:

– Cụ Đào nói ra không sợ hay sao?

Tôi thưa:

– Cụ Đào nói ra lúc cụ đã về hưu ở Vinh Thạnh. Lúc bấy giờ phong trào dân chủ đã nhóm lên khắp nước, nhà Nguyễn đã bị thực dân Pháp đè gấn bẹp, còn quyền lực đâu nữa mà làm dữ với nhân dân. Huống nữa cụ chỉ tâm sự với những người có sỹ khí nho phong.

Mọi người đều gật đầu khen:

– Có lý.

Trên đường về, anh Hương Sơn nói bỡn:

– Bình Khê, An Nhơn, Tuy Phước đều thuộc Tuy Viễn ngày xưa. Mà nay An Nhơn, Tuy Phước đều có danh sĩ soạn tuồng xuất sắc để danh thơm hậu thế. Còn Bình Khê...!

Thầy trợ Lương đáp:

– Không phải người Bình Khê bắt tài. Đó là khôn: Để cho An Nhơn, Tuy Phước soạn tuồng sẵn rồi mình nằm vách mấy hát ngêu ngao có phải sướng hơn không.

– Người ta đã soạn tuồng sẵn cho mình hát... Nhưng Bình Khê cũng không có anh kếp cô đào nào nổi danh.

Chú Diệp Trường Phát nói:

– Sao lại không? Ông Bát Phàn lớp trước, ông xã Đại hiện thời, tài nghệ dễ mấy người sánh kịp. Còn một người nữa là Quách Đán, tài bông lơn nếu được đưa ra ngoài sân khấu quốc tế thì Charlo phải tìm kết nghĩa anh em.

Anh Tam Hà tiếp:

– Sao có nỡ địa phương hẹp hòi thế ấy? Tuy Phước, An Nhơn, Bình Khê đều là của Bình Định mà Bình Định là của Việt Nam thì những nhân tài kia, những giai tác kia là của chung Tổ quốc, kè biệt ra làm chi?

Rồi lại nói:

– Tôi chỉ ngạc nhiên một điều là anh Q.T. không nghiện hát bội như chúng ta mà lại biết nhiều điều mà bọn nghiện chúng ta không biết.

Thầy trợ Lương cười:

– Có gì là lạ? Nghiện hát bội cũng như nghiện nha phiến. Một bên thì đốt thì giơ trên đèn dầu phụng, một bên thì giết thì giơ nơi hý trường, còn thì giờ đâu học hỏi thêm để mở rộng tai mắt. Và ông Tấn tuy không nghiện thuốc phiến nhưng nghiện bàn đèn. Anh em làng bẹp khi nằm đợi hút thì lỗ miệng ở không thường đem những gì mình biết ra kể, đến khi kéo vo vo và sau khi “đã” rồi thì không còn biết đến trời đất... Còn anh nghiện bàn đèn tỉnh táo nằm nghe, những gì nghe được in vào tâm khảm. Khi về nhà có thì giờ đem ra nghiền ngẫm, đem ra hoặc khai triển hoặc bổ sung. Nay một ít mai một ít, “tích tiểu thành đa”, “kiến tha lâu đầy tổ”.

CÁC BỐN TƯỚNG ĐƯỢC CỤ ĐÀO NHUẬN CHÍNH

Sau ngày đi thăm cụ Bùi Văn Lãng chừng một tháng, tôi gặp lại thầy Mai Cao Lương và anh Trần Thiếu Du nơi nhà anh Nguyễn Đình Mẫn ở An Chánh.

Mai, Trần, Nguyễn là ba người nghiện hát bội nổi tiếng ở Bình Khê. Thầy Mai ở Trường Định, anh Trần ở Thuận Nghĩa, anh Nguyễn ở An Chánh. Trường Định ở giữa, Thuận Nghĩa ở phía Tây, An Chánh ở phía Đông. Thôn này nằm kề thôn nọ. Tây xuống Đông, Đông lên Tây đều phải qua Trường Định. Cho nên bộ ba này muốn gặp nhau thì thường thường hoặc anh Hương Sơn lên Trường Định rủ thầy Mai lên Thuận Nghĩa, hoặc anh Tam Hà xuống Trường Định rủ thầy Mai xuống An Chánh. Trong những cuộc vui, ít khi bộ ba này thiếu một. Làng hát bội Bình Khê gọi bộ ba này là “Trục tam giác”.

Gặp tôi “Trục tam giác” không nói chuyện gì ngoài hát bội.

Thầy trợ Mai nói:

– Tuồng hát của cụ Đào Tấn thật là quán tuyệt cổ kim, đã nhiều mà lại tinh diệu.

Tôi thưa:

– Thầy khen là “quán tuyệt cổ kim” thật không chút quá đáng. Những nhà soạn tuồng đồng thời với cụ như cụ Tuần An Quán Nguyễn Hiến Dĩnh, cụ Vũ Đình Phương, cụ Ngô Quý Đồng, cụ Nguyễn Trọng Trì..., lớp sau như thầy tú Võ Kiệt, thầy tú Đặng Văn Thám, thầy tú Huỳnh Bá Văn... đều phải nghiêng mình trước tài

nghệ của cụ. Chẳng những người đồng thời, kẻ hậu học kính phục mà cả cổ nhân, nếu trở về được với chúng ta, ắt cũng phải ngâm:

*Nhờ chàm mới có màu xanh
Xanh kia lại thắm lại xanh hơn chàm⁽¹⁾*

Nói có sách sách có chứng: Những tuồng cổ Sơn Hậu, Tam Nữ Đồ Vương, Gián Thập điều, Ngũ Hồ Bình Tây, Nguyệt Cô Hóa Cáo, Đào Phi Phụng... được cụ Đào hoặc nhuận sắc, hoặc bổ chính, hoặc cái biên, đều hay hơn nguyên tác. Điều này từ trước đến giờ không ai chối cãi.

Anh Tam Hà hỏi:

– Anh đọc những tuồng này ở đâu mà “thấu ngọn nguồn lạch sông” đến thế?

– Tôi chỉ có những bản đã được sửa chữa cẩn thận bằng chữ Quốc ngữ. Thấy tú Lâm Thúc Mậu có những bản sao chữ Nôm mà thấy cho biết rằng là những bản đã “sao từ gốc”. Ngoài những bản này, thấy tú còn rất nhiều bản tuồng khác của cụ Đào và của các danh nhân Bình Định.

Anh Hương Sơn chất lưỡi.

– Mình ở gần và thường đến chơi mà không được thấy tú cho biết những gia bảo ấy. Còn anh Tấn mới ở Nha Trang về mà có điểm phúc hơn!

Thầy trợ Mai cười:

– Có gì lạ đâu. Tại khi mình tới với thầy tú thì cũng như tới với chú Tàu Sáu, cứ lo hát, còn thì giờ đâu mà nói mà hỏi điều gì khác. Huống nữa bọn nghiện chúng mình chỉ cần thuốc để hút cho đã, chớ nào có cần biết thuốc ở đâu mà ra, thuốc Lào khác thuốc Điện Biên như thế nào.

Anh Tam Hà nói:

– Lúc này chúng tôi không bị “tiếng gọi của khói mây quyến rũ” nên “tai mắt thông sáng”, yêu cầu anh Tấn nói cho nghe về các bản tuồng được cụ Đào tu chỉnh.

Anh Hương Sơn tán thành. Thầy trợ Mai nói:

⁽¹⁾ Phỏng dịch câu “Thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam”, câu cụ Vân Sơn đã tặng cụ Vinh Thanh khi so tài cụ Vinh Thanh với cụ Nhơn Ân.

- Hai anh muốn nghe thì tôi cũng nghe kể cho đỡ ghiền.

Tôi bèn trình bày đại lược:

+ Tuồng Đào Phi Phụng soạn khoảng đầu nhà Nguyễn, không biết tên tác giả. Cụ Đào Tấn nhuận sắc dưới triều Thành Thái. Tuồng gồm 4 hồi và lấy tên nhân vật chính làm tên tuồng. Nhiều khi tuồng cũng mang tên là Liễu Nguyệt Tiềm, tên vợ Đào Phi Phụng, nhân vật chính hàng thứ hai trong tuồng. Tuồng được cụ Đào sửa trọn bộ, song chỉ sửa sơ qua. Hồi thứ tư được cụ để ý hơn cả.

+ Tuồng Sơn Hậu chỉ được sửa hai đoạn: Đoạn “Hồn Linh Tá đưa Kim Lân qua ải” và đoạn “đổi mẹ đổi chị”.

+ Tuồng Nguyệt Cô Hóa Cáo (cũng thường gọi là Tiết Giao đoạt ngọc) được sửa chữa toàn bộ. Tuồng gồm hai hồi và được đổi tên là Cổ Miếu Văn Ca.

+ Tuồng Gián Thập Điều, không biết tên tác giả, sản xuất thời Nguyễn sơ. Cốt chuyện trong tuồng dựa theo truyện Phong Thần nên có tên nữa là Phong Thần Truyện Thập Điều. Tuồng có 3 hồi, cụ Đào rút hồi thứ hai ra chính đốn lại thành một vở tuồng độc lập lấy tên Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan, thường gọi tắt là Quá Giới Bài Quan, lấy tên cửa ải mà thân sinh Hoàng Phi Hổ là Hoàng Cốn giữ (cửa ải cuối cùng mà Phi Hổ phải vượt qua để đến với Châu Vô Vương) đặt tên tuồng.

+ Tuồng Tam Nữ Đồ Vương, cũng như tuồng Gián Thập Điều, không được sửa chữa toàn bộ 3 hồi. Cụ Đào chỉ sửa hồi thứ hai và đặt tên là Khuê Các Anh Hùng làm một vở tuồng độc lập.

+ Tuồng Ngũ Hồ Bình Tây (các gánh hát sớ động, đổi 2 chữ Bình Tây ra Bình Liêu), gồm 3 hồi. Tuồng này cụ Đào không sửa chữa mà chỉ thêm một đoạn nhỏ và bỏ bớt những màn, những lớp không cần thiết trong hồi thứ hai, rồi rút ra thành một vở độc lập mang tên là Địch Thanh Ly Thận. Trong Địch Thanh Ly Thận nhân vật chỉ còn có Lưu Khánh, Địch Thanh, Trại Ba và Cáp Man. Các tướng dưới cờ Địch Thanh, trừ Lưu Khánh, không có mặt. Những lớp những màn các tướng gặp Lưu Khánh đều bỏ. Bỏ cả những lớp “Bàng Hồng tâu vua Tống bắt tội Địch Thanh”, “Địch mẩu bị bắt giải về kinh tống ngục”... và màn chót “Vua Thon Thận kéo binh đi tìm Trại Ba và cha con gặp nhau cùng hợp đoàn trở về cung”. Vở Địch Thanh Ly Thận chấm dứt nơi câu hát Nam:

Chỉ miễn cố quốc lần dò

Ôm lòng ráng bước qua dò âm dương.

Thầy trợ Mai nói:

– Té ra là thế! Từ trước đến giờ phần đông người mộ điệu không phân biệt đâu là nguyên tác đâu là tu chỉnh. Các gánh hát khi thì dùng bản nguyên tác, khi thì dùng bản tu chỉnh, khi thì trộn nhập cả hai và rút tĩa bớt màn lờp hay thêm thắt chi tiết theo sở thích mình vào... để diễn. Những người không có óc nghiên cứu như chúng tôi thường lầm lẫn mất cả với hạt châu.

Tôi nói:

– Vì vậy nên trước kia cụ nghệ Vân Sơn đã sưu tập và hiệu đính trên trăm bốn tuồng cổ và ngày nay thầy tú Lâm cũng ra công phối kiểm cẩn thận các vở tuồng rồi mới đem ra dạy.

Tam Hà tiếp:

– Thầy tú Lâm là học trò ruột của cụ Vân Sơn. Cụ Nghè qua đời rồi, chắc thầy tú cũng hưởng được phần nào di sản tuồng hát của thầy học.

Tôi đáp:

– Điều ấy tôi không được thầy tú nói cho biết. Tôi chỉ biết rằng cụ Nghè chỉ có một người con trai là anh Tám Chu. Anh Tám Chu lúc nhỏ làm biếng học, lớn lên chỉ biết uống rượu và hát bội chứ không biết quý sách. Cho nên lúc về già cụ giao tất cả sự nghiệp tinh thần của cụ cho bà con gái là bà tú Đào Doãn Mai tức là Đào Tăng Liên ở Phú Phong (Bình Khê). Bà tú Liên tục gọi là bà tú Năm, hay chữ và sành Nôm, thạo nghệ thuật hát bội. Tôi thường được hầu chuyện cùng bà. Nhờ bà mà tôi thu thập được một số lớn thơ chữ và thơ Nôm của cụ tú Khuê, cụ Nguyễn Bá Huân và cụ Nguyễn Trọng Trì... Số sách vở của cụ Nghè để lại được bà giữ cẩn thận. Nhưng gần đây vì ở Phú Phong thường bị tấn cư qua, bà già yếu không thể “đi đâu cũng mang theo đó” nên đã đem về Vân Sơn giao cho anh Tám Chu. Lúc này giấy hút thuốc khan hiếm, tôi rất ngại rằng số di sản quý giá kia tan theo mây khói quá! Nếu thầy tú Lâm có giữ được phần nào thì mới chắc rằng phần đó khỏi “lụy phần dư”.

Hương Sơn nói:

– Ông Đào Sư Nhuận là cháu nội cụ Đào Tấn, tôi có quen. Có người hỏi thăm về tuồng hát của cụ Đào, ông Nhuận trả lời rằng trong nhà không còn giữ được trọn vẹn. Ông Nhuận nói “không còn giữ được trọn vẹn” chớ tôi nghi rằng “không còn giữ được gì cả”.⁽¹⁾

Thầy trợ Mai với giọng buồn buồn nói:

– Hát bội đã bị hát cái lương đánh bại rồi, chỉ có bọn lạc hậu chúng ta còn quý tuồng cổ mà thôi!

Rồi cất giọng hát:

*Phong trần đến cả sơn khê
Tang thương đến cả hoa kia cỏ này!*

⁽¹⁾ Quả vậy. Tôi chỉ chép được nơi thấy tú Lâm 5 bốn tuồng chữ Nôm của cụ Đào và bà Đào Chi Tiên chép thuộc lòng cho tôi một số nữa: Tân Dã Đồn, Cổ Thành Hội, Hò Sanh Đàn, Trầm Hương Các, Diễn Võ Đình, 3 hồi trong Vạn Bửu Trình Tường.

TUỒNG VẠN BỬU TRÌNH TƯỜNG

Năm 1957, sau Hiệp định Genève, tôi có dịp ra Huế. Tôi tìm đến Thư viện Bảo Đại để xin xem cho tận mắt những tuồng hát mà cụ Đào Tấn đã vâng lệnh vua Tự Đức soạn thảo.

Tôi nhớ lại, khoảng 1930 – 1931 lúc tôi làm việc tại Huế, tôi được nghe các cụ Văn Bình Tôn Thất Lương, Thảo Am Nguyễn Khoa Vy, Ứng Bình Thúc Giạ Thị nói chuyện về cụ Đào Tấn.

Theo các cụ thì cụ Đào Tấn vừa được bổ làm quan liền được vua Tự Đức giao việc soạn tuồng hát là nhờ bốn Tấn Dã Đồn của cụ Đào. Sau khi cụ Đào soạn xong 3 bản tuồng *Đăng Khấu*, *Bình Địch*, *Tam Bảo Thái Giám* vua Tự Đức càng thấy rõ tài năng. Nhân trong cung có bộ *Quần Phương Tập Khánh* dày đến 5, 6 chục hồi của *Diên Khánh Vương* để lại, mà nhân vật trong tuồng đều là hoa thảo được nhân cách hóa, nhà vua sắc cho cụ soạn tuồng *Quần Trân Hiến Thụy* lấy những vật báu trên đời làm nhân vật, để so tài cùng *Diên Khánh Vương*. Vua Tự Đức là ông vua hay chữ, sành thơ và nghiền tuồng. Đọc *Quần Trân* khoái ý nhưng chưa “đã nghiền” bèn truyền cho Đào công soạn bộ *Vạn Bửu Trình Tường*, càng dày càng tốt. Nhà vua sợ một mình cụ Đào không đảm đương nổi mới cho cụ *Vũ Đình Phương* và cụ *Ngô Quý Đồng* giúp sức. Bộ tuồng này soạn ròng rã trên một năm trời mới xong. Phần lớn do cụ Đào soạn. Cứ xong một hồi thì dâng lên ngự lãm. Mỗi khi trả bản thảo đã được ngự phê lại cho cụ Đào thì nhà vua cấp trong giấy một nén bạc để thưởng tuồng... Trừ những người trong *Các* và trong *Cung* ít người được đọc trọn bộ các tuồng “ứng chế”. Cụ *Thảo Am* cho biết rằng sau khi vua *Bảo Đại* về nước thì tất cả sách vở trong *Các* đều dời ra trữ nơi *Thư viện Bảo Đại*. Bộ *Vạn Bửu Trình Tường* đã được chép lại 2 bản có châu phê. Một bản để nơi thư viện của *Các*, một bản để trong *cung*. *Triều Bảo Đại* bản để trong *Cung* đã đem xuống *cung An Định*, theo lệnh bà

Từ Cung, mẹ vua Bảo Đại. Còn bản ở Các thì đưa ra Thư viện Bảo Đại. Nhờ đó mà nhiều người đã được đọc toàn bộ và nhiều hồi đã được chép và phổ biến nơi kịch trường dân gian.

Lúc tôi làm việc ở Huế thì tôi mới bắt đầu yêu thơ chớ chưa biết gì về hát bội. Chỉ vì cụ Đào Tấn là người Bình Định nên tôi lắng tai và ghi dạ những điều các cụ nói về tuồng. Mãi sau này, nhất là thời kháng chiến chống Pháp, nhận thấy những cái hay trong tuồng hát có ích cho thơ rất nhiều nên tôi mới để ý sưu tầm. Cụ Võ Kiêm và thầy tú Lâm thường nhắc đến những “tuồng ngữ” của cụ Đào và đều tiếc rằng chưa được đọc. Tôi cũng háo hức được đọc nên khi ra Huế tôi tìm đến Thư viện Bảo Đại ngay.

Nhưng năm 1946, toàn dân nổi dậy chống Pháp thì Thư viện cũng như đền đài cung miếu ở Cựu Thần Kinh đều bị nạn binh hỏa. Những bộ tuồng của cụ Đào không biết có được làm bấy ến của họ Vương họ Tạ mà “phi nhập tầm thường bách tách gia” hay chẳng?! Trong bài thơ cảm tác của tôi có câu:

*Tro tàn thư viện duyên ngao ngán
Đá nát hoàng cung bước ngõ ngang.*

Vì những bộ tuồng ở trong cung không được phổ biến ngoài dân gian nên nhiều người đã lầm lẫn Quần Phương Tập Khánh là Quần Trân Hiến Thụy.

Tôi để ý tìm lại được phần nào hay phần nấy, những tuồng “ít người được đọc” kia và mới tìm được hồi thứ nhất tuồng Quần Phương Tập Khánh bằng chữ Nôm có mang dấu châu ấn trong cung, một số hồi phiên Quốc ngữ của Vạn Bửu.

NÓI VỀ THANH, SẮC, VĂN TRONG TUỒNG HÁT

Cái hay trên sân khấu phải gồm đủ 3 yếu tố Thanh, Sắc, Văn mới là trọn vẹn.

– Thanh là giọng tốt, hát đúng không trại không chinh (hát có cảm xúc, có thần).

– Sắc là dung mạo đẹp, bộ tịch khéo, hát và múa hòa hợp nhau như ảnh với hình, nét mặt phải đi đôi với ý nghĩa câu hát (nghệ thuật diễn xuất tuồng).

– Văn là câu văn hay của tuồng phải được diễn viên làm sáng tỏ ý nghĩa, làm nổi bật tinh thần bằng thanh điệu âm vận.

Người nghệ sĩ phải biết rõ 3 yếu tố cần thiết ấy mới thành công mỹ mãn.

Người thưởng thức phải biết rõ 3 điểm ấy mới thưởng thức được đầy đủ cái hay của tuồng hát, của diễn viên. Người chấp lệnh, tức người cầm châu lại càng phải “lành nghề” mới có thể thưởng phạt công minh, mới khỏi bị biếm bãi.

Vì vậy nghệ sĩ cần phải thuộc tuồng, khán giả thích cầm châu cần phải thuộc tuồng. Do đó những bốn tuồng hát đem ra diễn phải được đúng với nguyên tác. Những người mộ điệu sao tuồng để đọc đều phải thận trọng khi sao tuồng, phải phối kiểm chặt chẽ để xem bốn tuồng mình có trong tay có được chính xác chăng.

Đó là về thời hát bội thịnh hành, từ Duy Tân Thành Thái trở về trước.

Đến khi hát bội bị cải lương chiếm hết ưu thế thì diễn viên không xem cái hay của câu tuồng là quan trọng. Còn phần đông

khán giả hề thấy đào đẹp kếp xinh, hơi dài giọng ngọt là thưởng..., bất chấp câu tuồng đúng hay sai, nội dung có được thể hiện đúng đắn hay lệch lạc. Từ ấy, diễn viên không cần thuộc tuồng. Để giúp cho diễn viên khỏi bị lúng túng các gánh hát mới thuê “thầy nhắc tuồng”. Các “thầy nhắc tuồng” thường tự ý sửa tuồng cổ, hoặc vì không hiểu ý nghĩa câu văn, không nhận thức được dụng ý của soạn giả; hoặc sửa đổi để cho thích hợp với trình độ nghệ thuật của kếp của đào. Những bốn tuồng chính xác do đó mà sai lạc dần dần... Các nhà nghiên cứu tuồng cổ bị cảnh “vàng thau lẫn lộn” làm điên đầu. Có nhiều người không thận trọng, hấp tấp lấy lộn “rau ông” cắm vào “cầm bà”.

Còn một điểm này nữa cũng gây nhiều rắc rối cho các nhà khảo cổ, là tuồng chẳng những bị sửa chữa lung tung mà hầu hết không mang tên soạn giả. Có nhiều vở tuồng cùng diễn một sự tích, cùng mang một nhan đề mà văn chương khác hẳn nhau, tình tiết nhiều chỗ trái ngược nhau. Khi tìm được tên soạn giả của những tuồng ấy thì không biết đích xác tuồng nào của soạn giả nào. Như:

- Lý Phụng Đình,
- Phụng Nghi Đình,
- Trâm Trinh Ân,
- Phong Ba Đình...

+ Lý Phụng Đình là một tuồng nổi danh và rất ăn khách. Ở Quảng Nghĩa, vở tuồng đã làm cho Nguyễn Thân chém con gái vì cô này mê người kếp đóng vai Lý Phụng Đình. Ở Bình Định phần đông các thiếu phụ “sanh nghiêng” hóa liễu:

*Nhưng Đông dồng Lý Phụng Đình
Dù chồng có đánh thì mình cũng đi...*

Tuồng có hai bốn, 1 bốn của cụ Vân Sơn Nguyễn Trọng Trì, 1 bốn khuyết danh. Cốt truyện và thứ lớp trong hai bốn đều giống nhau, chỉ khác nhau đôi chi tiết không mấy quan trọng. Riêng văn chương thì khác hẳn nhau. Bốn của cụ Vân Sơn văn chương nghiêm trang, có hát Nam hát Khách. Bốn khuyết danh, văn chương chất phát và không có hát Nam. Ở Bình Định, các nhà mộ điệu chỉ biết bốn của cụ Nghè. Từ Nha Trang trở vô, các gánh hát chỉ dùng bản khuyết danh. Có người lầm tưởng bốn này là của cụ Vân Sơn.

Bốn khuyết danh cũng như bốn của cụ Văn Sơn trước kia tôi mới được đọc qua. Cả hai đều đã phiên ra quốc ngữ. Đã có lần bào đệ Quách Tạo cho biết rằng tuồng Lý Phụng Đình không phải do cụ Văn Sơn soạn mà chính cụ đã nhuận sắc một vở tuồng cổ. Tôi đã định hỏi thầy tú Lâm Thúc Mậu song không có dịp. Gần đây tôi mua được nơi hàng bán sách cũ, bốn Lý Phụng Đình bằng chữ Nôm, đồng thời tôi lại được anh Bửu Thù – người bạn học trước kia của tôi – tặng tôi một số tuồng cổ đã phiên Quốc ngữ, trong đó có bốn Lý Phụng Đình. Xem ra thì bốn của anh Bửu Thù là bốn của cụ Văn Sơn, còn bốn chữ Nôm là bốn khuyết danh tôi đã được đọc. Bản chữ Nôm không để tên soạn giả nhưng lại có ghi là “Đệ Nhất Hồi”. Như vậy tôi đoán chắc rằng Lý Phụng Đình là tuồng cổ có nhiều hồi và cụ Văn Sơn đã cải biên hồi thứ nhất, như lời bào đệ đã nói.

Bốn chữ Nôm đã quá cũ bị rách nát nhiều chỗ, tôi phải bồi lại mới dám đem ra dùng để phiên ra Quốc ngữ. Tôi chắc chắn đây là bản sao. Không biết đã sao nơi bản chính hay đã sao lại nơi bản “tam sao”...

Ai muốn nghiên cứu về tuồng Lý Phụng Đình tường cần phải phối kiểm tài liệu cần thận mới mong thấy rõ chân diện mục.

+ Phụng Nghi Đình, tục gọi là tuồng Lã Bố – Điều Thuyền. Có 2 bốn. Một bốn của thầy tú Đặng Văn Thám ở Lương Bường (Bình Định), 1 bản khuyết danh tương truyền là do một danh sĩ trong Nam soạn. Hai bốn đều được hoan nghênh như nhau. Các gánh hát, gánh thì dùng bốn Bình Định, gánh thì dùng bốn “trong Nam”, có gánh lại pha bữa cả hai bốn, lấy bỏ những câu những đoạn tùy nghi tùy thích. Lâu ngày khán giả không còn phân biệt đâu là “nguyên chất”, đâu là “biến chế”. “Trong đêm tối mèo nào cũng xám!”. Chỉ có người nào đã sống ở Bình Định thời Pháp thuộc và thời Kháng chiến chống Pháp mới phân biệt được tuồng nào là “tuồng Nam”, tuồng nào là của thầy tú Thám.

Tuồng của thầy tú Thám, văn chương khắc hoạch, có nhiều câu độc đáo, cả những đoạn nói lối lẫn những câu Bắc xướng. Còn tuồng Nam thì văn chương dung dị. Tuồng thầy tú Thám phải có đào kép thượng thặng mới lột nổi tinh thần bốn tuồng, mới hát nổi những câu hát Khách hiểm hóc. Do đó các gánh hát thích dùng tuồng Nam để diễn. Thời Việt – Mỹ (1955 – 1975) một số đào kép để “câu khách thích cái lương” lại còn pha thêm những

câu vọng cổ “tân chế”, khiến những người mộ điệu còn sống sót không “có gan” đến xem diễn, mặc dù rất nhớ “bàn đèn”.

+ Tuồng Trảm Trịnh Ân có nhiều tên:

- Nhất Tiễn Song Điều của cụ tú Nguyễn Điều, ở Bình Định,
- Tống Thái Tổ Trảm Trịnh Ân, khuyết danh, tương truyền là “tuồng Nam”.

- Tống Thái Tổ Túy Sát Trịnh Ân hay Đào Tam Xuân loạn trào của Phan Xuân Thận ở Quảng Nghĩa.

Cụ Tú Nhơn Ân soạn tuồng Nhất Tiễn Song Điều là “Một mũi tên bắn hạ được hai con điều” để vạch mặt nạ Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dã đã mượn tay Hàn Tổ Mai giết người em kết nghĩa là Trịnh Ân rồi mượn tay vợ Trịnh Ân là Đào Tam Xuân giết Hàn Tổ Mai, một ông vua giả nhân giả nghĩa mà được sử sách khen là minh quân.

Còn 2 tập sau lại dụng ý bào chữa cho Tống Thái Tổ, cho rằng Tống Thái Tổ bị Hàn Tổ Mai phục rượu nên mới phạm tội ác và Hàn Tổ Mai bị Đào Tam Xuân giết để trả thù cho chồng là phải. Em chết, vợ chết Tống Thái Tổ đau lòng.

Soạn giả Nhất Tiễn Song Điều dụng ý sâu sắc, người cạn cợt không hiểu thấu. Do đó không ăn khách bằng tuồng Nam và tuồng ông Phan, lâu ngày bị thất truyền.

+ Tuồng Phong Ba Đình có 2 bản:

- Một bản của cụ Đào Tấn, tục gọi là “Tuồng Trung”,
- Một bản của Chánh Vệ Nhi, tục gọi là “Tuồng Nam”. Cũng có tên nữa là Tống Nhạc Phi.

Cụ Đào Tấn soạn tuồng Phong Ba Đình là hưởng ứng quan điểm của thầy trong Nhất Tiễn Song Điều. Cụ Tú lột trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của Tống Thái Tổ. Cụ Đào vạch cho người ta thấy bộ mặt vong ân, bội nghĩa của Tống Cao Tông. Vì sợ Nhạc Phi thắng quân Kim rước vua cha và vua anh về, ngôi vua của mình khó giữ vững nên Cao Tông đã mượn tay gian thần Tần Cối giết bẽ tôi “tinh trung báo quốc”. Cụ không quên nêu cao lòng trung nghĩa của Nhạc Phi.

Tuồng Nam không nhấn mạnh điểm gian ác của vua Tống. Soạn giả chỉ nêu cao lòng trung hiếu của Nhạc Phi. Trung với vua, vua báo chết phải chết, mặc dù biết rằng mình chết oan. “Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung”. Hiếu với mẹ, vì mẹ đã xâm nơi

lưng 4 chữ “Tĩnh trung báo quốc”, mà Quốc là Quân, Quân là Quốc. Chết cho trọn trung trọn hiếu. Trung hiếu là để lên trên mạng sống của mình. Tác giả lại còn nêu cao lòng nghĩa dũng của các tướng đối với Nhạc Phi: Chủ soái chết, không cứu được, chết theo, không trả thù được cũng chết theo. Vì Trung, Hiếu, Nghĩa mà coi cái chết nhẹ như lông mùa thu, đó là Dũng. Trung, Hiếu, Nghĩa đều được thể hiện trong tuồng. Cho nên tuồng rất được khán giả ưa thích.

Còn vai vua trong tuồng Phong Ba Đình của cụ Đào cũng như trong tuồng Nhất Tiến Song Điều của cụ Nhơn Ân, rất khó đóng. Dưới cái lột tôn nghiêm, diễn viên phải làm nổi bật một cách kín đáo lòng bất hiếu bất đễ của Cao Tông, lòng bất nhân bất nghĩa của Thái Tổ. Chỉ có hai nghệ nhân đóng hay là Đội Hiệp ở Tuy Phước và Bát Phàn ở Bình Khê, đóng hay nhờ cụ Đào chỉ giáo. Cụ Đào và ông Đội, ông Bát qua đời, tuồng Phong Ba Đình cũng như tuồng Nhất Tiến Song Điều đều biệt tích trên sân khấu.

Hiện nay những tuồng “chính gốc” không dễ gì tìm ra. Những bản tuồng sao bằng chữ Nôm, những bản tuồng được phiên ra Quốc ngữ còn “sống sót” sau mấy phen khói lửa cũng không có nhiều ngoài dân gian cũng như trong các thư viện lớn nhỏ. Cho nên nhất được tìm được một bản tuồng cũ, dù dở mấy, tuồng cũng nên giữ gìn nâng niu. “Aimez ce que jamais on ne verra deux fois” (Hãy yêu những gì không bao giờ thấy lại đến hai lần trên thế gian).

NÓI VỀ LỤC TỰ TRONG TUỒNG HÁT

Sau khi cụ Đào Tấn qua đời (1907), cụ Vân Sơn Nguyễn Trọng Trì thường nói cùng bạn mộ điệu tỉnh nhà:

– Ông Đào Vinh Thanh là học trò cụ Nhơn Ân nhưng nhờ làm quan ở Các, đọc được nhiều sách hay sách quý mà tài nghệ vượt hẳn thầy. Đàm đạo cùng ông trong một vài buổi cũng bằng đọc sách cả mười năm. Rất tiếc rằng tôi kết thân với ông quá muộn và gần ông không được lâu.

Lời nói chí tình của một chí sĩ, một đại gia văn chương.

Mười lăm năm sau, cụ Vân Sơn cũng qua đời (1922).

Sở đặc của cụ Vinh Thanh truyền lại cho cụ tú Võ Kiêm ở Hưng Trị (Phù Cát).

Sở đặc của cụ Vân Sơn truyền cho thầy tú Lâm Thúc Mậu ở Nhơn Nghĩa (An Nhơn).

Nhờ có liên hệ gia đình với cụ tú Võ và nhờ thường qua lại cùng thầy tú Lâm mà tôi được biết ít nhiều về hát bội. Tôi không biết hát, không nghiên xem hát, cũng không có ý định soạn tuồng hát hay nghiên cứu tuồng xưa. Từ ngày bước chân vào làng văn, tôi chú tâm vào thơ. Nhân thấy trong nghệ thuật hát bội có nhiều điểm giống nghệ thuật làm thơ nên nghe được điều gì hay tôi liền ghi chép kỹ, ghi chép để rút những cái hay cái đẹp đem vào thơ.

Thời Pháp thuộc, khoảng 1929, 1940, tôi nghe cụ Võ, nhân nói chuyện về nghệ thuật đánh chầu với mấy bạn ở Quy Nhơn, cụ giảng về TAM THUỞNG là thưởng Thanh, thưởng Sắc, thưởng Văn. Vì cụ thấy phần đông người cầm chầu chỉ chú trọng đến Thanh, Sắc mà không để ý đến câu tuồng, thưởng “cầm râu ông nọ vào cầm bà kia”, nên cụ nhấn mạnh về Văn. Tôi nhận thấy Tam Thuởng chẳng những người cầm chầu phải biết mà người lên sân khấu cũng phải thuộc lòng.

Thời kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), tôi đem Tam Thương ra trình cùng thầy tú Lâm. Thầy nói:

– Còn LỤC TỰ dạy kỹ hơn gấp bội.

Lục Tự là 6 chữ cần phải hiểu rõ là Thanh, Sắc, Thực, Tinh, Khí, Thần.

Thầy giảng:

– Theo đúng nghệ thuật tuồng cổ, hát hay không phải ở chỗ giọng tốt, hơi dài, hát đúng, múa khéo... mà chính ở chỗ diễn đạt đầy đủ, sâu sắc nội tâm của nhân vật mình thủ vai.

Diễn viên trước hết cần phải có Thanh và Sắc.

Nhưng Thanh, Sắc mới đáp ứng nhu cầu bên hình thức. Nghệ thuật đòi hỏi sự thể hiện nội dung.

Muốn thành công, diễn viên phải hiểu rõ hiểu đúng tánh cách, tâm sự của nhân vật mình đóng, nắm được thấu đáo những ý lộ ý ẩn của câu tuồng để khi hát khi múa, tâm trạng của nhân vật được thể hiện chính xác, đầy đủ, tình ý câu tuồng được diễn tả tinh tường sâu sắc. Đó là Thực tức chín chắn.

Khi ra sân khấu, diễn viên phải gạt bỏ tất cả những gì bận rộn để cho tâm hồn được rảnh rang trong sạch, hầu tập trung vào vai tuồng, vào câu tuồng một cách trọn vẹn, không có một chút gì ở bên ngoài chen lẫn vào, có thể làm sai lạc những gì sắp trình diễn. Đó là Tinh.

Và trước khi hát khi múa, diễn viên phải lấy hơi cho đầy, lấy sức cho vững, nghĩa là phải vận khí, điều tức, để múa cho dẻo, hơi khỏi bị hụt, giọng khỏi đuối, tiếng ngân được kéo dài. Đó là Khí tức là hơi hướng.

Có Thanh, có Sắc, thanh sắc luyện được Tinh Thực, lại dương được Khí thì diễn viên đã đạt được 3 phần tư nghệ thuật. Nhưng còn phải có Thần thì mới lên được diệu xứ.

Thần là anh ba của Thanh, Sắc, Khí phát tiết ra và hòa hợp lại, tạo cho nhân vật một “sức sống thật sự”, biến nhân vật “giả” của tuồng thành nhân vật “thiệt” của sân khấu. Khán giả ngồi xem Tiết Cương và Trại Ba than vãn trên sân khấu có cảm tưởng rằng mình đương đối diện với cảnh huống đương xảy ra trên đường đời.

Như thế là thành công mỹ mãn.

Lục Tự trong nghệ thuật diễn tuồng tương tự LỤC TỔ trong nghệ thuật làm thơ.

Lục tổ trong thơ là: Thanh, Sắc, Vị, Tinh, Khí, Thần.

- Thanh là âm nhạc,
- Sắc là hình ảnh,
- Vị là hứng thú,
- Tinh là cô đọng,
- Khí là sống động,
- Thần là tươi sáng.⁽¹⁾

Tôi nhận thấy trong lục tự chỉ có 4 yếu tố là Thanh, Sắc, Khí, Thần. Bốn yếu tố nhờ công luyện tập cho đến thuần thục tình vì để đi đến diệu xứ của nghệ thuật biểu diễn. Thành ra Thực và Tinh là kết quả của công luyện tập chứ không phải là yếu tố cần thiết cho sự HÁT HAY. Còn trong LỤC TỔ thì cả 6 đều là yếu tố cần thiết để tạo nên một bài thơ hay, một bài thơ gồm đủ 3 chức năng là ĐẠT Ý, TRUYỀN CẢM, TRÌ HỨNG là một bài thơ hoàn hảo. Tinh và Thực trong Lục Tự là động từ hoặc tính từ. Còn Tinh trong Lục Tổ là danh từ. Hai bên chỉ khác nhau ở điểm đó và ở điểm Thực trong Lục Tự đổi ra Vị trong Lục Tổ. Thực cũng như Tinh tác động lên trên 4 yếu tố Thanh, Sắc, Khí, Thần và đưa diễn viên lên đến diệu xứ của nghệ thuật. Còn Tinh, Vị trong Lục Tổ cũng như 4 yếu tố khác phải đợi công “uẩn nhượng, huân tập” của nhà thơ, mới có công dụng. Vì vậy tôi đã mượn “Tinh” và “Thực” trong hát bội đem áp dụng vào Thơ.

Còn nhiều điểm khác tương tự như thế.

Thấy tôi ham học hỏi về hát bội, thầy tú Lâm thường khuyên tôi viết về lý luận nghệ thuật sân khấu:

Ông nên lo viết gấp đi, kẻo tôi chết rồi không còn ai hướng dẫn.

Tôi muốn trao “gánh nặng” ấy cho bào đệ Quách Tạo vì tôi không đủ sức, còn Tạo hiểu nhiều về hát bội có thể “hoàn thành công tác” dễ dàng.

Nhưng vì việc đời bận rộn, chúng tôi chưa thực hiện ý muốn thì thầy tú Lâm đã qua đời trước ngày thống nhất đất nước. Cụ tú Vô cũng đã khuất núi từ lâu, từ thời thực dân phong kiến. Kể thật đáng tiếc. Song:

*Còn non còn nước còn người
Đá còn ghi mãi những lời nguyện xưa.*

⁽¹⁾ Tôi đã nói rõ trong Luật Thơ Sơ Yếu.

VỀ TUỒNG CƯƠNG

Trong bài 05, 11 và bài 14 có nhắc đến cương tuồng và tuồng cương. Cũng nên nói rõ thêm về tuồng cương mà trong thời trước 1975 ở miền Nam đã thường diễn.

Tuồng đồ có kịch bản đầy đủ ghi chép các lời nói lối, hương, tán, kẻ v.v..., những câu hát Nam, hát Khách, những bài ca ngâm, bạch, tán, thán, lý ... để diễn viên học trước cho thuộc, tập trước cho nhuần nhuyễn...Tuy thế khi ra sân khấu bất chợt lại quên một đôi đoạn, đôi câu...thì đã có thầy tuồng (trước là công việc ông Nhưng) đứng sau màn nhắc tuồng...Cũng có khi diễn viên nhanh trí tự mình ứng ra hoặc mượn câu khác thế vào.

Còn tuồng cương là những vở tuồng đưa ra diễn xuất trên sân khấu mà không có kịch bản (không có bốn tuồng viết). Thầy tuồng nghĩ ra, dựa theo tiểu thuyết, truyền thuyết, truyện kể dân gian, trình bày nội dung tỉ mỉ cho tất cả các ca công, nhạc công nghe, rồi phân hồi, phân lớp, phân công cho người nào đóng vai nào, nói những gì để đạt kết quả gì... v.v... Câu nói lời thì hoặc do thầy tuồng gợi ý, ca công sắm vai nào tự mình tìm ra lời thích hợp, hoặc mượn trong các tuồng đã thuộc, những câu cũ, sửa đổi, thêm thắt vào cho sát... Còn Nam, Khách thì thầy tuồng có chuẩn bị câu sẵn, khi ra đó sẽ nhắc (Sẽ nói rõ vì sao giữ kẽ như thế ở sau). Các bài ngâm, xướng, bạch thì mượn tuồng cũ dễ dàng hơn. Các ca công đóng những vai có liên quan với nhau, tập chung cho khớp và dẫn nhau những câu đối đáp, cách xử sự cho khéo ...

Tập như thế rất nhanh, rồi diễn thử chung là đủ. Vai trò của thầy tuồng quyết định và hoạt động của thầy tuồng sau màn rất mệt nhọc, chạy từ góc này đến góc khác để nhắc lời, có khi phải chỉnh cả một cử chỉ, một thái độ của diễn viên trên sân khấu.

Ngày trước, kép hát tuồng ít người biết chữ mà các bản tuồng chép được không dễ dàng nên trừ một số vở tuồng cổ để hát rập, các ca công đã học kỹ, tập kỹ, còn phần lớn là tuồng cương do ông Nhung đảm nhiệm việc xây dựng, giàn dựng, chỉ huy. Mỗi gánh hát có một số tuồng cương của mình. Những tuồng cương ấy sau nhiều năm, được các nghệ nhân cải tiến dần, được các ông Nhung sửa chữa, ghi lại thành kịch bản, phổ biến (đó cũng là một sự phát triển tuồng Cương lên tuồng Đồ).

Câu chuyện sau đây sẽ cho chúng ta thấy cái tài ứng chế kịp thời, sáng tác nhanh chóng, lắp ghép tài tình của một ông Nhung một gánh hát nhà quê:

Gánh hát ấy ở Bình Định, nghe nói bên đảo Thanh Châu dân chài rất nhiều tiền, rất mê hát bội nhưng đã lâu chưa có gánh hát nào ra diễn, nhân dân rất thèm khát... bèn thuê ghe qua đó xin hát. Trong làng chài có một cường hào giàu và có uy quyền lớn, nhân dân đều khiếp sợ. Muốn được biểu diễn, ông bầu phải trầu rượu đến ra mắt và xin phép.

Ông Cả (cường hào ấy) đang uống rượu, quát: Bọn hát bội chúng mày ra đây xin hát, tao cho phép nhưng cấm không được xỏ xiên nhạo báng. Bao giờ hát?

– Dạ tối mai, vì hôm nay còn sắp xếp chỗ ăn ở.

– Được. Vậy tối mai tao đến xem. Chúng mày về diễn tuồng Quan Công đại chiến Uất Trì. Nghe chưa?!

– Dạ! Dạ thưa Cả... sao lại Uất Trì.

– Dạ thưa cái gì? Uất Trì Cung mà không biết à! Không diễn nổi à? Vậy mà cũng đi hát dạo!

– Dạ xin vâng.

Ông bầu không được mời uống chén nào mà mặt đỏ gay, bước chân loạng choạng ra về, gọi ông Nhung và các kép, đào đến họp bàn. Một cô đào hỏi: Thưa bác, sao không nói rõ là không hề có vở tuồng ấy?

– Tôi chỉ mới “dạ thưa Cả” đã bị quát nạt, nói thêm Cả nổi xung lên không cho hát thì làm sao?

Anh em bàn tán không ra lẽ. Ông Nhung nói:

“Thôi ta cương đi thôi”. – Cương thế nào?

– Tôi đã suy nghĩ rồi, may mà còn một ngày một đêm để tập và diễn thử.

Thế là vỡ tuồng Quan Công đại chiến Uất Trì, xưa nay chưa từng có, đã được giàn dựng và cấp tốc tập dượt suốt một ngày là thành.

Trống kèn, cờ lọng, đào kép kéo đi quảng cáo rùm beng. Và tối tới, rạp hát che tạm bằng buồm, bật đèn gió, giọng trống kèn, thúc giục:

Cả được rước đến ngồi phản giữa đánh chầu. Người xem ngồi chật cả hai dãy chiếu hai bên và đứng chen nhau sau phản giữa, chen cả lên ngồi quanh sân khấu.

Giáo đầu rôm rả, có kép xéo, kép đỏ, kép đen, có đào ra từng người rồi ra từng cặp, xướng, bạch, hát khách, hát nam, rồi đánh nhau, rượt đuổi, lính reo, cờ phất kéo dài độ 20 phút rầm rộ...

Mở màn:

Quan Công, theo sau xe của Tôn phu nhân ra sân khấu, Tôn Càn theo sau:

Quan Công bạch: Cái thế anh hùng đệ nhất danh (v.v... cả 4 câu hỏi Quá quan)

Quan Công thị ngã danh – Đình Hầu mộng Hán thụ

*Từ gặp lại đệ tam tẩu tẩu
Quyết phò tri tìm gặp ca ca
Đã nhiều ngày tháng trời qua*

Đã bay qua Nam Quận, Kinh Châu, Thành Đô, Kiếm Các, mà vẫn chưa gặp mặt, mà chỉ thấy trời mây dằng dặt.

Thưa chị: Lâu nay chị em ta chỉ bay trên trời mây nên chưa gặp được Vương huynh. Hay là ta xuống mượn đường trần để đi lên Bạch Đế, may ra gặp được chăng.

Tôn phu nhân:

Việc định đoạt, xin trông vào Thúc Thúc.

Bước nhọc nhằn lo giúp đỡ tiện nương (ta hạ xuống đây thôi).

*Cầu trời gặp lại Tiên vương
Thỏa sáu trăm năm thương nhớ.*

Quan Công: Ta xuống đất rồi. Quân! tiền xa chinh túc, hậu kỵ bài khai. Theo Trường Giang đi thẳng về Tây, đến Bạch Đế ngõ tìm dấu cũ.

Quan Công hát Khách, Tôn phu nhân hát Nam.

Câu: Diêu Sơn viễn hải thân như điệp...

(Hạ)

Uất Trì: Quan cư Thượng tướng Đường triều

Ngã Uất Trì Cung thị giả

(Hát những câu của Hạ Hầu Đôn ở vở Quà Quan)

Quân báo: Thậm cấp thậm cấp, chí nguy chí nguy. Một đoàn quân xâm nhập biên thùỵ, nên thần hạ vội vàng cấp báo.

Uất Trì: Hát những câu của Hạ Hầu Đôn, rồi hát khách kéo quân đi (hạ)

Hai bên vừa gặp nhau, Uất Trì lăn xả vào đánh Quan Công và hát:

Hưu khứ, hưu khứ, vật hành vật hành.

Hữu ngã lai đối địch đối địch, khuyến quân mạc đào sinh đào sinh.

Hai bên đánh nhau, Quan Công 3 lần chém, Uất Trì tránh, khen (giỏi, tài thật) – rồi đứng thủ thế.

Quan Công: Bớ tên giặc cướp kia. Như ta là: đang bận phò tri tâu tấu, ngô tìm gặp lại ca ca, nên chi ta không muốn giao tranh, chớ còn kháng nhữ bối, ta e nan địch lắm sủa.

Khách: Xa hạ đường lang bất lượng lực cầm lai đương trở (còn như ta đây).

Nhân trung kỳ ký, dĩ phùng thời dĩ tự phẫn dương.

Uất trì: Quân! Chúng nó chỉ mười tên, quân ta hơn vạn bội. Đừng sợ, bao vây lại.

Khách: Kiểm kích tể khai thê phẫn ngã, anh hùng chi diện tha. Trần ai tảo địch, bất nhiêu tha kiêu ngạo chi cuồng ngoan.

(Rồi xáp vào đánh)

Quan Công: (Khóan đã ma) – Hãy ngừng thương hãy ngừng thương; nghe ta hỏi nghe ta hỏi đây.

Người muốn đánh, ta sẽ cho ngươi biết. Nhưng trước hết hãy xưng rõ là ai mới được chứ.

Uất Trì: Đường trào Nguyên soái ngã Uất Trì Cung đây (Rồi lại đánh).

Quan công: (Khoan đã ma) – Chuyện sao quá lạ, thật chẳng bình thường. Người xưng là tướng Sơ Đường, mà ta lại sống thời Tam Quốc. Hai triều đại cách nhau xa lắc (tĩnh cờ) ngày hôm nay gặp mặt nơi đây.

Uất Trì: Ủa vậy chứ ông là ai?

Quan Công: Ta là Quan Vũ Vân Trường

Tước Đình Hầu nhà Hán.

Uất Trì: – Khán kiến tàm mi phụng nhần

Quan Trường xích diện long tu

Ồi thôi! Quả người là Hán Thụ Đình Hầu

Từng kết nghĩa lưu gia Hoàng Thúc đây mà.

Thật may phúc thật may phúc

Nghĩ lạ kỳ nghĩ lạ kỳ

(Trăm lạy người, ngàn lạy người, như tôi mất thật người trần, mẹ muội không biết nên đã vô lễ cùng người là vì):

Nghe báo tin binh mã phạm biên thù (nên chi phải)

Cấp tốc điều quân ra kháng trở

Trót buông lời thô lỗ

Mà mạo phạm tôn nhan (tội tôi đáng chết)

Thấp hèn, chút phận Đường lang

Sống sót mong ơn đại xá (cho)

Quan Công: Uất tướng quân, ta miễn lỗi cho tướng quân đó.

Đây đó âm dương hai ngã – Hán Đường cách biệt 6 triều.

Nay tình cờ gặp nhau đây. Giữa lộ đồ không tiện nói nhiều (thôi ta chào tướng quân ở lại). Nương hơi gió trông chừng thành Bạch... (Xin mời chị đi) (Hạ).

Uất Trì: (Chấp tay bái theo) Sống trung nghĩa, chết nên hiển hách

Gặp bất ngờ, chuyện thật lạ lùng

Uất Trì đánh với Quan Công

Cách nhau 10 giáp vốn không oán thù. (Chư tướng, truyền thu binh hồi trào).

Đồng Bắc tướng: Hạnh ngộ tri âm, hạnh ngộ tùng

Sở tam vô tứ nguyệt lung tung

Túy ngộ sa trường quân mạc tiểu

Quan Công đại chiến Uất Trì Cung(1)

(Hạ)

Đó là một tướng cương ứng phó kịp thời ngày trước.

Đến thời miền Nam trước 1975, tướng cương lại trở thành món hàng phổ biến. Nhiều gánh tuồng chuyên diễn tuồng tiểu thuyết – kiếm hiệp, tiểu thuyết chương, đưa lên sân khấu những chuyện ly kỳ, siêu phàm của các hiệp sĩ, hảo hán, chúa trại lục lâm mà nhân dân đã làm quen qua các bộ tiểu thuyết dịch từ sách chương Hồng Kông. Loại truyện này rất thích hợp với tuồng nhưng không tài nào sáng tác kịch bản cho kịp nên nhất thiết phải cương.

Cương những vở tuồng này không khó. Cốt chuyện, lớp lang cho đến câu nói, tình huống, tành tình nhân vật... đều đã đầy đủ trong tiểu thuyết và chính diễn viên cũng như khán giả đều đã thuộc biết trước rồi. Thấy tuồng chỉ còn phân hồi, phân lớp, sắp xếp màn, cảnh cho thích hợp, rồi chuyển những câu đối đáp, lời nói trong tiểu thuyết thành nói lối, thành hường, tán... và đưa vào những câu nam, câu khách cho đúng chỗ là được.

Tôi có người em họ đã làm thấy tuồng đi nhắc tuồng cho nhiều gánh hát ở Bình Định. Theo chú ấy cho biết thì chỉ cần thuộc nhiều câu nam, khách, thơ lục bát, thất ngôn, câu đối nôm, câu đối chữ, một số tuồng cũ là đủ. Đó là cái quỹ tư liệu để rút ra những câu thích ứng với từng vai, từng lúc mà nhắc. Điều quan trọng là đọc kỹ tiểu thuyết, rồi ra một dàn bài đơn giản, ghi chú riêng cho mình nhớ. Nhất thiết không nên viết kỹ ra giấy. Ông bầu gánh mà nhắc được thì mình bị rìa mắt. Và những ông cùng nghề mà bắt được thì cũng đoạt mất chỗ làm của mình.

Mà thật ra cũng không tài nào viết cho kịp. Tôi có trong quỹ riêng trên vài chục pho tuồng tiểu thuyết, mỗi pho gồm hàng vài chục hồi diễn hàng năm không hết. Có tuồng diễn đi diễn lại

(1) Đây là một bài liên ngâm của 4 ông quan đối mà sinh chữ, mỗi người một câu kết thành... Theo truyện tiểu lâm.

nhiều lần và mỗi lần tôi lại thay đổi câu hát để nhắc làm cho anh kếp nào sáng trí mấy cũng không nhớ được hết để có thể phớt lờ thấy tuồng.

Đó là bí quyết bảo vệ nghề nghiệp.

Trên đây chúng tôi nói về từ “Cương” trong hát bội. Cương là ứng khẩu đặt ra lời, ra câu hát, khi ra diễn xuất trên sân khấu, có thể cương một số câu mà diễn viên quên thành linh, nhắc không kịp. Cũng có thể cương cả một hồi, một vở, một màn kịch... Nhưng thỉnh thoảng tôi lại có dùng từ “TUÔNG CƯƠNG” theo cách nói thông thường trong số các ông nhắc tuồng và các gánh hát. Gọi là tuông cương thì thật ra không đúng.

Từ TUÔNG có nghĩa là KỊCH BẢN VIẾT của sân khấu HÁT BỘI. Khi diễn trên sân khấu, nói lối, hát nam, hát khách, xướng, ngâm, than, oán, bạch, bài, bản, lý... và cả những hương, kẻ v.v... cộng với các điệu bộ, các điệu múa... thì đó là hát bội. Lời hát, nói (hoa mỹ, văn chương) ấy là BỘI. Nhưng nếu đã ghi chép thành văn, thành kịch bản để diễn viên học thuộc, hiểu cho chính, tập cho nhuần rồi đem lên biểu diễn trên sân khấu thì kịch bản ấy gọi là tuông. Vì vậy, không thể có tuông cương mà chỉ có những vở hát bội cương, những hồi cương, những cảnh cương, những lớp cương mà thôi. Đó là theo nghĩa tôi trình bày trên (ứng khẩu, tức thì).

Hơn nữa cái ý nghĩa cương trình bày trên cũng chỉ là hiểu theo cách thông thường của anh em nghệ nhân hát bội và trong dân gian ở Bình Định mà thôi. Ở Quảng Nam, ở miền Nam, chưa chắc đã hiểu theo ý nghĩa ấy.

Theo cụ Đào Tấn thì có TUÔNG CƯƠNG, đối lập với TUÔNG ĐỒ: Tuông đồ có nghĩa là loại vở tuông dựa theo con đường đã vạch sẵn của người xưa mà sáng tác ra. Đồ là con đường. Trong dân gian cũng có câu: “Có tích mới dịch ra tuông” mà tích đây là sự tích lịch sử, hoặc trong truyện xưa để lại. Còn tuông cương là sự việc diễn biến đều do tác giả kịch bản nghĩ ra, sáng tạo ra, bịa ra, hư cấu, không phải rút, trích từ sử, sách, truyện nào cả. Và cụ nói thêm: Nhưng trong tuông đồ cũng phải có cương ít nhiều mới thật hay, cũng như tuông cương có khi cũng đưa chút ít vào sử sách cũ.

Theo ý kiến của cụ Đào Tấn thì tuông cương không phải là loại như chúng tôi đã trình bày trên theo cách hiểu thông thường mà là tuông có kịch bản đầy đủ, chỉ một điều là nội dung sự việc, diễn

biến đều do tác giả kịch bản nghĩ ra, không dựa vào sử sách, truyện ký cũ... mà thôi (chính vì vậy mà gọi là tuồng cương).

Theo như ý kiến của nhà sáng tác tuồng bậc thầy ấy thì những pho tuồng lớn như *Quản Phương Tập Khánh*, *Vạn Bửu Trình Tường*... lấy các loại hoa, các vị thuốc bắc làm nhân vật, hư cấu ra những xung đột, diễn biến... kịch, đều là tuồng cương, viết rất công phu thành hàng trăm tập, mấy trăm hồi.

Và những tuồng *Hộ Sanh Đàn*, *Trầm Hương Các*... vừa có dựa vào lịch sử tiểu thuyết Tàu lại vừa có nhiều hư cấu, sửa đổi lại cả tánh cách nhân vật... có lẽ thuộc loại tuồng đồ có pha cương.

Còn *Tam Nữ Đồ Vương*, *Sơn Hậu*, *Diễn Võ Đình*, có dựa vào tên triều đại Tàu (*Tề*, *Nguyên*, *Tống*), có lấy cả tên một số nhân vật lịch sử Tàu (*Bao Công*, *Bàng Hồng*...) nhưng sự việc diễn biến không hề có chép trong một sách cổ nào cả, hoàn toàn hư cấu... thì có lẽ là loại tuồng cương có ghé đồ.

Riêng tuồng *Sơn Hậu*, theo cụ *Phạm Phú Tiết* (một nà nghiên cứu tuồng lão thành), có thể coi là một tuồng lịch sử, mượn tên triều *Tề*, đặt tên những nhân vật kiểu Tàu để diễn lại những sự kiện quan trọng ở thời *Lê Trung Hưng*, sự tranh cướp quyền thế giữa *Trịnh Kiểm* (rể) và *Nguyễn Kim* (cha vợ) giết em vợ (*Uông*) làm cho *Nguyễn Hoàng* phải xin vào *Phú Xuân* (*Sơn Hậu*)... Nếu đúng như thế thì đây là tuồng Đồ hay là tuồng Cương, hay là Đồ ngụy trang pha Cương...?

Hơn nữa ngay bản thân từ tuồng Đồ cũng có nhiều cách hiểu nghĩa khác nhau... Nhưng tất cả các điều nói trên về Cương và Đồ nên để nhường lại các nhà nghiên cứu tuồng chuyên nghiệp và các nhà ngôn ngữ học phân giải. Ở đây chỉ đạo quanh hý trường, chưa thâm nhập hẳn vào Tuồng nên xin miễn tranh luận.

GIẢI THOẠI TRONG TUỒNG HÁT

Bạn nghiện thương tới lui cùng tôi, ngoài anh Trần Thúc Lâm còn có anh Đoàn Thành.

Anh Đoàn Thành, biệt hiệu La Dung, người Quảng Nam, làm giáo viên cấp trung học thời Pháp thuộc, về hưu định cư Nha Trang. Anh giỏi Pháp văn, ham thích thơ Đường luật, thường đi đôi với anh Trần Thúc Lâm đến tôi để nói chuyện thơ.

Năm 1972 anh mở tiệc mừng thất tuần. Trong bài Thất Thập Tự Thọ có câu:

*Bảy chục xuân rồi không bận rộn
Bao nhiêu xuân nữa nở bòn ba.*

Để mua vui tôi họa luôn mấy bài, có đôi câu khá thú:

*Song Nam đã gác roi Trình Từ
Trận bút còn hăng tiết Phục Ba.
So bề tuổi tác tôi thua sáu
Mà cảnh giàu sang bạn gấp ba
Mong đem Đường luật bàn cho chín
Thường với Trần Lâm kết bộ ba.*

La Dung nghiện thơ nhưng có ý ghét hát bội. Anh thường nói: “Bội là bạc” và hay ngâm mỗi khi nghe anh Lâm và tôi nói chuyện hát bội:

*Trông trâu thả lộn dây tiêu
Con theo hát bội mẹ liêu con hư...*

Nhưng một hôm đến thấy anh Lâm cùng tôi đang chép tuồng Đào Tấn, anh cầm xem. Anh xem nhầm đoạn Trương Liêu và Quan Vân Trường tương biệt:

“Trương Liêu:

– (Á khoan!) Tương phùng hà thảo thảo!?

Tích biệt hựu thông thông (*răng cho dành?*).

Xin ân huynh tạm yết đồ trung.

Cho tiểu đệ thiển thân trần khát (*đã nao*).

(*Tùy quân! Rượu đây*). (Thưa thưa): Cung trần bạc chước, hạnh nhả quang nghi.

(*Mời ân huynh dùng. Như chén rượu này là*)

Chén tương phùng mà cũng chén tương ly (*là mãn rì đây!*).

(*Thưa thưa*) Người viễn khứ xin nhớ người viễn vọng.

Viễn vọng xiết bao tình tự

Giọt ly sầu tắm tã chinh y.

Quan Vân Trường:

– Ốc thủ nan vi biệt!

Đồng bôi vị hữu kỳ?

Kim nhật trường đình lao viễn mộng;

Minh triều lương địa khí tương ty!

Xót xa thay lúc phân kỳ

Tình kia nghĩa nợ dốc ghi tấc lòng.

Trương Liêu:

– Tịch dương độ cô nhận,

Ly quần thanh bán không! (Như ân huynh là:)

Mạng thế tối đa tài, hựu thử phong trần lão cổ kiếm!? (*Còn như em đây: Từ dũ ân huynh tương ngộ, cũng nghĩ là tử hải tri kỳ. Nay ân huynh lại hữu thiên lý chi hành mà em trường đình bá lụy như vậy! Thôi thôi!*)

Chiêm hàn thán vô phận, không tương thế lụy khắp bình tung!

Biết đâu là hội tương phùng

Lòng son hẹn với non sông chẳng mòn...”

Chúng tôi tiếp tục làm việc. La Dung lặng lẽ ngồi đọc. Đọc đi đọc lại rồi xấp bản tuồng lại, than:

– Hay! Thật hay! Si là phải!

Tôi ngừng tay đánh máy, anh Lâm hạ quyền tuồng, cất gương mặt. Tôi nhìn La Dung, cười thâm trong bụng:

– Si là phải, tức là bắt đầu si rồi!

Đoạn ung dung đọc:

*Hoán tình thế thượng, si nhi nữ
Tình vông khôì la giải thoát nan.*

Anh Lâm vỗ đùi khen:

– Hay! Câu thơ đã hay mà “trả đũa” câu “Trông trâu thả lợn
dây tiêu” lại càng hay!

Sẵn câu thơ đã dịch rồi, tôi cất giọng hát:

*Tình si nhấn trẽ thơ dào
Lười tình lỏng lỏng mắc vào khó ra.
Anh Lâm hát tiếp:
Trăm năm trong cõi người ta
Tu là cõi phúc tình là giây oan.*

La Dung cười:

– Tiếc quá tôi không biết hát, để nối theo... Xin đổi “món”.

Đoạn cao giọng ngâm theo lối ngâm Kiều:

*Giây oan buộc khách si tình
Ở ai si trước cho mình chung si.*

Từ ấy tôi cho La Dung mượn tuồng về xem và anh Lâm giảng
cho biết các điệu hát.

Chừng một tháng sau La Dung đến trả tuồng. Anh nói:

– Tôi đã có xem hát. Tôi đã có đọc tuồng. Song đọc nhằm
những bản tuồng dở, dở cả sự tích lẫn văn chương. Vào rạp hát,
tiếng trống châu trống chiến diếc tai không nghe được gì cả.
Thành ra ghét hát bội và có ý khinh những người say mê.

Tôi đáp:

Mê hát bội có nhiều hạng. Thứ nhất là mê văn chương, mê tài
biểu diễn, tức mê nghệ thuật sân khấu. Thứ hai là mê giọng hát
hay, điệu bộ khéo tức là mê thanh mê sắc. Hạng thứ ba không
hiểu gì nghệ thuật cả mà mê say mê sưa, đêm nào cũng đến
trường hát, hát hay thưởng đã đành, hát dở cũng cứ thưởng, miễn
đào kép có sắc đẹp có giọng du dương. Có người bán cả gia tài để
lập gánh hát... Đó không phải là mê hát mà là mê kép mê đào.
Còn lắm hạng mê khác nữa. Song đó là ba hạng tiêu biểu.

– Anh thuộc hạng nào?

– Cả ba hạng đều thuộc, song không thuộc hạng nào cả.

– Không hiểu gì về hát bội mà say mê thì đáng trách thật. Song chưa hiểu thấu chỗ tinh diệu của hát bội mà đã vội chê, như tôi, thì lại càng đáng trách gấp trăm. Những người như tôi tưởng không phải ít.

– Tôi biết rằng chẳng những anh chê mà thôi. Anh còn có ý khinh miệt.

– Tôi không chối cãi.

– Đó là do quan niệm không đúng đắn của xã hội cũ, “Xương ca vô loài”. Mà có quan niệm ấy là tại một số đồng anh chị em nghệ nhân có thái độ không đúng đắn, “Ăn bất hoài, oai bất úy”. Tôi xin nêu đôi ví dụ:

+ Thời Pháp thuộc, một gánh hát Bình Định vào Nha Trang. Ông bầu hát đến nhờ một viên chủ sự quen biết xin dùm giấy phép. Việc xong, ông bầu đến phòng viên chủ sự, có vẻ khúm núm và xưng con. Bị người lớn tuổi xưng con với mình, viên chủ sự khó chịu nói:

– Ông lẩn quá! Sao lại xưng con...?!

Ông bầu liền liêm dung:

– Tôi xưng con là xưng với chức vụ của ông chứ đâu phải xưng với ông vì ông chỉ đáng làm con tôi mà thôi.

Rồi về nói cùng bạn:

– Thằng con nít mà lên mặt với mình!

+ Cùng thời Pháp thuộc và cũng tại Nha Trang, nơi rạp hát cô Hai, xảy ra một việc nữa:

Rạp diễn tuồng Tam Nữ Đồ Vương, hồi thứ nhất. Người chấp lệnh, tức cầm châu, là viên tri huyện Vĩnh Xương. Không biết vì hát dở hay vì viên tri huyện không thạo ngón châu nên cứ điểm cầm chùng. Diễn xong lớp Lão Tạ Cối Nghé, 1 màn hài hước diễn tiếp: một người đội mền xám làm trâu, một người làm hể, tay cầm roi quất nhẹ lên lưng trâu, trâu không chịu đi, chủ hể cầm roi vào miệng, dung hai tay đẩy mõng trâu. Lão Tạ ra thấy vậy, liền nói lớn: “Da trâu chó da ông da cha gì mà mày mà mày không dám đánh”. Biết rằng người kếp hát chửi xỏ mình, viên tri huyện giận dữ ném ngay dùi châu lên

dầu người kếp. Người kếp xây lưng lại nói: “Đít tôi đây, sao quan lớn không quăng, lại quăng xả lên đầu tôi?”. Vừa nói vừa vỗ đít... Phần đông người xem vỗ tay cười... Một số bỏ ra về...

Chỉ kể hai vụ mà tôi được mắt thấy tai nghe. Chớ những chuyện tương tự thật “hàng hà sa số”.

Nhưng nghĩ kỹ tại sao anh em nghệ nhân thường có thái độ không tốt đẹp không hay ho như thế? Tại vì xã hội. Hát được một câu hát hay, múa được một điệu múa khéo, phải tập luyện hết hơi hết sức, chớ đâu phải tự nhiên mà có? Đã đem hết hơi hết sức mình ra phục vụ xã hội mà xã hội lại cho mình là hạng ti tiện, gọi cả đào lẩn kếp là “con hát”, là “vô loài” thì có đáng căm thù hay chẳng. Chẳng lấy gì để chống trả sự bất công kia, nghệ nhân chỉ biết dùng đến sự chàm chọc làm khí giới...

Chợt anh Trần Thúc Lâm đến... Câu chuyện bị gián đoạn..., rồi tiếp tục.

La Dung nói:

– Nghệ nhân bên hát bội bị bạc đãi, chẳng những về mặt địa vị xã hội mà cả về mặt tiền lương. Chớ anh chị em bên hát cải lương được cả chủ gánh hát lẫn khán giả trọng vọng biết mấy. Nhưng vẫn không bì được với nghệ nhân nước ngoài. Nhiều danh ca giàu sang hơn văn sỹ, thi sỹ thập bội.

Tôi trở lại vấn đề “tác phong của nghệ nhân”:

– Tác phong không đúng đắn của một số nghệ nhân sanh ra bởi lòng căm tức chất chứa đời này sang đời nọ, mà cũng bởi sự thiếu học vấn thiếu giáo dục. Các thầy dạy hát như cụ Đào Tấn, thầy tú Lâm Thúc Mậu chỉ chăm đào tạo diễn viên về mặt nghệ thuật chớ không chú trọng đến mặt đạo đức. Đến khi anh chị em thất lễ thì kẻ có quyền thế chỉ biết trừng trị bằng cách nọc ra đánh giữa công chúng hoặc đánh xối lên đầu lên óc..., chớ không biết cải hóa bằng cách phê phán khuyên răn. Nếu người có quyền, có thế trong xã hội biết cải thiện đời sống, nâng cao nhân phẩm của anh chị em nghệ nhân hát bội thì chẳng những tình trạng khiếm nhã trên sân khấu không còn nữa mà nghề hát bội không còn ai dám khinh khi.

Hai ông bạn biểu đồng. Tôi nói tiếp:

– Phần nhiều nghệ nhân hát bội vừa có tài vừa lanh trí. Tôi xin kể một vài chuyện mà phần đông phụ lão Khánh Hòa đều biết:

+ Ông Lê Văn Duyệt rất thích hát bội. Trong dinh có một đoàn hát, trong đoàn có người kệp tên Hứa Văn hát hay nổi tiếng. Một hôm Hứa Văn đóng vai Thủy thần cỡi cá chép về thủy phủ. Quen lệ thường, Hứa Văn đeo “roi ngựa kết tua xanh đỏ” nhảy lên lưng cá chép và hát:

*Bóng chiều đã xế gần kê
Mau lên lưng cá mà về thủy cung.*

Ông Duyệt vừa muốn gõ tang phạt vì cỡi cá chớ đâu phải cỡi ngựa mà đeo roi tua. Hứa Văn lanh trí hát tiếp:

*Thủy cung lật đật ra về
Tuồng đâu ô mã ai dè lý ngư...*

Ông Duyệt bật cười, ném cho mấy xâu tiền thưởng.

+ Chẳng những các nghệ nhân hàng ưu tú mới có tài “day trở”, các chú chạy hiệu, các chú đóng vai hề, lắm lúc “tùy cơ ứng biến” cũng rất giỏi:

Hai chú lính canh, để khỏi buồn ngủ, đố nhau:

– Tao đố mày giống vật gì vừa cái vừa đực?

Biết rằng nó biếm mình là thái giám, ông Duyệt toan gõ tang phạt. Chú lính kia lanh miệng đáp:

– Để quá! Con thần lẩn⁽¹⁾. Đã Con còn Thăng, có phải vừa cái vừa đực chẳng?

Ông Duyệt quở:

– Lũ bay xác cả tao nữa! Nếu muốn khỏi bị đòn thì “Con thần lẩn” đối với vật gì vừa đực vừa cái?

– Bấm cụ lớn “Thằng con nít”. Đã Thăng lại Con. Dạ bấm cụ lớn, thằng con nít,... Chính quá⁽²⁾.

– Lũ bay lại xác tao một lần nữa! Tao tha tội, nhưng truất phần thưởng.

– Bấm cụ lớn có truất cũng không sao vì chúng con cùng cụ lớn là người trong một nhà.

Thấy chúng lờn mặt, ông Duyệt thét:

⁽¹⁾ Từ Huế trở vô Nam, những chữ có G và không G ở cuối, đều đọc như nhau.

⁽²⁾ Nếu đọc luôn hơi thì có nghĩa: Cụ lớn là thằng con nít.

– Lũ bay muốn đòn phải không?

Hai chú lính rút cổ lại, đồng thanh:

– Bấm không.

Rồi chạy vào buồng nhanh như chớp.

Nói về Lê Văn Duyệt, tôi liên tưởng đến Nguyễn Thân.

Khi vào làm tổng đốc Bình Định (triều Thành Thái) Nguyễn Thân đem theo thú hút thuốc Sòì.

Thuốc Sòì là thứ thuốc điều vắn giấy quuyến, đầu nhỏ đầu to như thuốc điều thường nhưng chỉ lớn hơn mứt dưa đôi chút. Người hút thuốc Sòì đeo trước ngực chiếc túi nhỏ hình lục giác hay bát giác, nhiều màu rực rỡ để đựng thuốc và khi hút thuốc thì cầm bằng hai ngón tay trỏ và giữa. Quan trên dùng, quan dưới dùng theo, kẻ có quyền dùng, kẻ không có quyền mà có tiền cũng dùng theo. Cụ tú Nguyễn Khuê ở Phú Phong (Bình Khê) có thơ rằng:

*Ai khéo bày ra hút thuốc sòì
Người què lẹ mắt xúm nhau coi
Hươi tay nhông nhảnh cầm hai ngón
Trước ngực tòn ten đựng một lòì
Trẻ đại trăm trở kêu cái rọ
Bà già chỉ trở gọi là toi
Rằng sang nghĩ chẳng sang chi đó
Con cháu rông tiền khéo nầy nòi.*

Một hôm Nguyễn Thân ngồi xem hát. Vai hề là người Bình Định (Đoàn tuồng của Nguyễn Thân gồm hầu hết người Quảng Nghĩa). Nguyễn Thân truyền:

– Người Bình Định có tài châm biếm. Mà hãy “diễn” thế nào mà tao không bắt tội được thì tao thưởng tiền. Bằng không thì phạt roi như thường lệ.

Vai hề “dạ”. Vào buồng giấy lát rồi trở ra, khúm núm đến trước mặt Nguyễn Thân, lấy trong áo ra một điều thuốc vắn lá chuối khô lớn bằng cổ tay, lễ phép bấm:

– Bấm cụ lớn, cho con mỗi.

Nguyễn Thân cười hả hả và bưng cả mâm tiền thưởng đổ lên vai hề.

Câu chuyện xảy ra tại thành Bình Định.

Ở huyện Bình Khê cũng xảy ra một chuyện khác về thuốc sòì.

Một màn hài kịch có 3 nhân vật: Hai anh lính đứng hầu quan huyện. Quan huyện muốn hút thuốc. Một anh lính lấy bình điếu đem đến. Quan quở:

– Thằng này ngu quá! không biết theo thời!

Anh lính thứ hai vội lấy 1 điếu thuốc sòì và quẹt lửa châm... Quan huyện khen... Nhưng điếu thuốc đút vào miệng quan thì rơi xuống đất. Anh lính lại đốt điếu thứ hai..., rồi điếu thứ ba,... thứ tư... thuốc vẫn rơi xuống đất. Anh lính cầu nhàu:

– Miệng thì quá rộng, còn điếu thuốc thì quá nhỏ! Biết làm sao chứ?

Anh lính thứ nhất nói:

– Đàn ông rộng miệng thì sang. Quan lớn nhờ lỗ miệng rộng mà được làm quan rộng... quên quên... làm quan lớn. Miệng rộng chừng nào thì tiền vào nhiều chừng nấy, chức thăng mau chừng nấy. Không hút được thuốc sòì cũng chẳng sao mà mầy cầu nhàu?

Quan huyện nghe bùi tai, vuốt râu nói:

– Lũ bay thật xứng đáng làm lính hầu tao. Thấy nào trò nấy. thật là xứng kếp xứng đào. Mà bay biết vì sao miệng tao lại rộng như thế này chẳng.

– Bẩm không biết.

– Thế mà bà mẹ tao, chưa sanh tao đã biết trước rằng tao sẽ làm quan, nên bả sanh tao rộng miệng. Đến khi ra làm quan, tao tấp mấy miếng dích đáng nên đã rộng càng rộng thêm và mỗi ngày mỗi thêm rộng... Đã rộng lại còn cứng!

– Lũ bay biết tại sao miệng tao lại cứng không?

– Dạ bẩm không.

Lũ bay không biết là phải, vì lũ bay là lính chớ đâu phải quan... Lũ bay phải biết: Rộng là do trời. Cứng là do người. Do người rèn luyện. Tao rèn ngày luyện đêm, rèn luyện cho miệng “có gang có thép” để trước cho xứng đáng “miệng quan sang”, sau – sau nhưng lại quan trọng nhất – để nhai tiền cho bẻ cho nát cho tan hầu nuốt khỏi nghẹn...

Người cầm châu là quan huyện Bình Khê, một khoa bảng xuất thân. Quan huyện chống dùi châu, lẳng lẳng ngồi xem diễn.

Nhưng sáng hôm sau, lính huyện đến bắt anh kép đóng vai tri huyện. “Huyện giả” ung dung theo lính huyện đến huyện đường. Trước sân huyện đã đóng sẵn hai cây nọc, để sẵn một bó roi mây. “Huyện giả” làm bộ run sợ, khúm núm đến trước mặt quan huyện, đứng chấp tay cúi đầu. Quan huyện xẵng giọng quát:

– Sao mi dám xúc phạm quan trên?

– Bẩm quan lớn, con có dám xúc phạm ai đâu. Phàm hát bội thì phải có ba lơn. Con ba lơn giữa trời, ai “có đuôi nấy quít”. Con nghĩ quan lớn đường đường là một vị Phó Bổng, lẽ đâu...

“Tri huyện giả” bầm chưa hết lời, “tri huyện thật” đập bàn thét:

– Cầm mồm, cút ngay!

Tri huyện giả mỉm cười, vái tri huyện thật:

– Dạ, con xin cút.

Câu chuyện – 1 vở kịch 2 màn – không mấy lúc bay xa. Một “vè sĩ” địa phương có bài vè rằng:

*Mua vui cùng điệu thuốc sòi
Đit anh hể suýt ấi roi của quyền
Quan sang miệng để nhai tiền
Thuốc sòi thôi chớ làm phiền quan sang
Phận hèn miệng chẳng thép gang
Quan sòi ngực cứ tòn tang thuốc sòi
Đit hể còn muốn ấi roi
Miệng quan sang lấy thuốc sòi nhét vô...*

TỔ HÁT BỘI LÀ AI? NGƯỜI NỔI DANH VÀ TUỒNG NỔI DANH

Nghe anh Đoàn Thành nói rằng tôi đương nghiên cứu tuồng hát bội, cụ Văn Am Nguyễn bá Nhiễm gặp tôi, hỏi:

– Ông nghiên cứu tuồng hát bội mà có biết ông Tổ hát bội là ai chẳng?

Cụ Nguyễn Bá Nhiễm là người Huế vào ở Nha Trang từ sau ngày Hiệp định Genève ký kết. Cụ thông Hán học, đọc được Pháp văn và làm thơ Quốc âm thành thạo. Tuy tuổi đã gần bát tuần mà vẫn còn thanh niên tánh. Cụ chê bà Đoàn Thị Điểm dịch Chinh Phụ Ngâm nhiều chỗ sai và dịch lại toàn tập, tự cho là hay hơn bà Đoàn.

Biết rõ tánh cụ, tôi đáp:

– Ông Tổ hát bội, người thì kêu là “Ông Sớ”, kẻ thì gọi là “Ông làng”. Ông Học Lạc ở Nam Bộ có bài vịnh rằng:

*Chi chi trong khám sắp ngay hàng
Coi lại thì ra mấy bọm làng
Trong bụng trống trơn mang cổ giữa
Trên đầu trọc lóc chít khăn ngang
Vào buồng gọi tổ châu đầu lạy
Ra rạp làm con nịt nách mang
Uớם hỏi hàm ân người lớp trước
Hay là một lũ rất con hoang.*

Cụ nói, nửa bỡn nửa thật:

– Ta hỏi, có biết thì nói biết, không biết thì ta nói cho biết, chớ sao lại nói quanh co làm chi!

– Dạ, xin cụ chỉ giáo.

– Đông Phương Sóc.

– Thưa cụ, Đông Phương Sóc có tài châm phúng chớ đâu có tài hát bội? Hát Bội là một môn nghệ thuật của Việt Nam, khác hẳn ca kịch của Trung Quốc. Mà giới nghệ nhân Trung Hoa cũng không thờ Đông Phương Sóc làm tổ?

– Vậy chớ ông bảo Tổ hát bội là ai

– Hỏi người trong nghề cũng không biết rõ là ai, hướng chi tôi.

Lúc ấy có anh Đoàn Thành và anh Trần Thúc Lâm.

Anh Lâm nói:

– Theo chỗ tôi nghe thì hát tuồng đã có từ đời Lý, đời Trần... Nhưng đó là Hát Chèo, thịnh hành ở miền ngoài mà thôi. Khi ông Đào Duy Từ vào Miền Trong (Đàng Ngoài, Đàng Trong) thì pha trộn hát chèo với hát Chiêm Thành, chế tạo ra Hát Bội. Ông Đào Duy Từ khởi xướng, cụ Đào Tấn hoàn chỉnh. Cho nên từ Huế vào Bình Định, giới nghệ sĩ hát bội thờ Đào Duy Từ làm Tiên Hiền, Đào Tấn làm Hậu Hiền.

Anh Thành nói:

– Tiên Hiền và Hậu Hiền không phải là tổ. Cụ Văn Am nói Tổ đó là Thủy Tổ. Người hỏi là cụ Văn Am đã không biết rõ, người bị hỏi là anh Tấn cũng không biết rõ... thì bọn mình “vi bất tri” cho rồi.

Ai nấy đều cười xòa.

Cụ Văn Am lại hỏi tôi:

– Người soạn tuồng ở Việt Nam, Bắc – Nam – Trung có những ai?

– Trước kia có những ai, tôi không được biết. Đời Tự Đức có 3 người nổi danh là:

+ Ngụy Khắc Đản, người xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An, đậu Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cáp Đệ, đệ tam danh, tức Thám Hoa, khoa Bính Thìn, thời Tự Đức thứ 9 (1856), tác giả tuồng Kim Vân Kiều.

+ Bùi Hữu Nghĩa, người làng Long Tuyền, phủ Vĩnh Định, tỉnh Cần Thơ, đậu Thủ khoa khoa Ất Ty (1835), tác giả tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên, Tây Du, Mậu Tòng...

+ Đào Tấn, người làng Vinh Thạnh, phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đậu cử nhân khoa Đinh Mão, Tự Đức thứ 20 (1867). Tác giả rất nhiều tuồng có giá trị, nổi tiếng nhất là: Vạn Bửu Trình Tường, tuồng ngự, gồm đến 216 hồi; Cổ Thành Hội, Trầm Hương Các, Diễn Võ Đình, Hộ Sanh Đàn, Tân Dã Đồn, là những vở tuồng phổ biến khắp Trung – Nam – Bắc. Còn mấy tuồng xưa được cụ chỉnh đốn lại và rất nổi danh như Phi Hồ Quá Giới Bài Quan, Khuê Các Anh Hùng, Cổ Miếu Văn Ca.

Cụ hỏi tiếp:

– Ông có đủ những tuồng ấy chăng?

– Trừ Vạn Bửu Trình Tường, tôi chỉ có được mấy hồi. Còn các tuồng kia, đều có đủ.

– Ông cho tôi mượn.

Tôi cười:

– Cụ quên câu: “Tá thơ si, hoàn thơ si” hay sao?

Cụ cũng cười:

– Ông không cho mượn để tôi đọc cho biết thì ông phải nói cho tôi biết những gì tôi hỏi ông.

– Tôi chỉ sợ tiếng sấm to quá, tiếng trống không lọt vào tai người nghe.

– Đừng khách khí. Tôi xin hỏi thật đây: Tuồng xưa, tức từ Gia Long trở về trước, tuồng nay tức từ Tự Đức trở về sau, tính chất và hình thái của hai thời kỳ khác nhau như thế nào?

– Đó là một vấn đề cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng rồi mới dám phát biểu. Tôi không phải nhà khảo cổ và mới đọc qua vài chục vở tuồng thì không thể nào nói đúng và nói đủ. Nhưng cụ đã hỏi thì tôi phải thưa: Tôi không biết từ Lê Trung Hưng trở về trước đã có hát bội chưa, đã có những vở tuồng viết ra giấy chưa. Những vở tuồng xưa nhất mà tôi có là Tam Nữ Đồ Vương, Sơn Hậu, Đào Phi Phụng. Những bản tuồng này có từ thời Lê Mạt Nguyễn Sơ. Tuồng cổ chung chung đều xoay quanh chủ đề “phấn đấu để phục hồi chế độ Chúa sáng Tôi hiền”. Tuồng nào cũng có bên nịnh bên trung bên chống nhau, cũng có bọn nịnh chiếm ngôi vua, nhóm trung thần của triều cũ đánh dẹp bọn tiếm ngôi, đem lại cảnh thái bình cho dân chúng với một vị vua mới. Còn tuồng nay thì tôi có tuồng của cụ tú Nguyễn Diêu (Ngũ Hồ Bình Tây, Liêu Đố) của cụ Đào

Tấn, của cụ tú Đặng Văn Thám (Phụng Nghi Đình), của cụ nghề Nguyễn Trọng trì (Lý Phụng Đình) Thám hoa Ngụy Khắc Đản (Kim Văn Kiêu) vân vân..., thường lấy đề tài về quốc sự thời sự. Tuồng nào cũng nhấm vào một sự kiện lịch sử, một câu truyện liên quan đến đời sống xã hội, một nhân vật quan trọng trong giới cầm quyền hay ngoài quần chúng.

Tuồng nay cũng như tuồng xưa, mục đích ngoài việc mua vui cho đời còn để khuyên răn những thói hư nết xấu và tuyên dương lòng trung nghĩa, những điều hay lẽ phải, hầu treo gương cho đời soi chung. Tuồng nào cũng phản ánh không nhiều thì ít trạng thái xã hội, tình hình quốc gia... Ví dụ:

+ Tuồng Tam Nữ Đồ Vương, tuồng Sơn Hậu phản ánh thời Nam Bắc triều, tức thời Lê Mạc, Lê Trịnh.

Trong tuồng Tam Nữ, gian thần Triệu Văn Hoán tiếm ngôi vua Nguyên. Trong tuồng Sơn Hậu, gian thần Tạ Thiên Lăng tiếm ngôi vua Tề. Nhân vật trong cả hai tuồng đều là hư cấu. Nhưng hai tên gian thần trong tuồng hát có phải là hình ảnh của Mạc Đăng Dung và Trịnh Kiểm chăng?

Trong tuồng Tam Nữ, khi Văn Hoán tiếm ngôi, Quảng Hợi đã mắng vào mặt Văn Hoán và bị Văn Hoán hạ ngục. Trong tuồng Sơn Hậu, khi bọn Tạ Thiên Lăng mưu việc cướp ngôi, Triệu Khắc Thường cũng nặng lời nhiếc mắng chúng, khiến chúng giết ngay giữa triều. Hai nhân vật hư cấu ấy có phải chăng là hình ảnh của Lê Tấn Mậu và Nguyễn Thái Bạt, cựu thần nhà Lê, kẻ ném đá người nhổ nước miếng vào mặt kẻ phản chúa là Mạc Đăng Dung và bị Đăng Dung giết chết?

Chúng ta thử xem chuyện: Tạ Thiên Lăng tiếm ngôi vua Tề, Khương Linh Tá và Đồng Kim Lân kết nghĩa anh em, thề cùng sống thác lo việc nước, Nguyệt Cảo chị Thiên Lăng, có lòng trung với nhà Tề, làm nội ứng giúp cho Kim Lân cứu thoát Hoàng Tử mới sanh; Khương Linh Tá, để giúp cho Kim Lân có đủ thì giờ qua đèo trốn đưa Hoàng Tử sang Sơn Hậu Thành, phải ở lại ngăn giặc và chịu chết. Và sau khi Thiên Lăng tiếm ngôi, thết tiệc đãi các quan, Đồng Kim Lân cáo bệnh không đến dự... Những sự kiện và nhân vật trung quân trong tuồng có giống chuyện Nguyễn Kim chăng?

Nguyễn Kim chết, Trịnh Kiểm cướp nghiệp chúa. Hai người con Nguyễn Kim là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng là hai cái gai ở

trước mắt Trịnh Kiểm. Nguyễn Uông bị Trịnh Kiểm giết. Nguyễn Hoàng nhờ bà Ngọc Bảo, chị Nguyễn Hoàng và vợ Trịnh Kiểm, giúp mới vào được Đàng Trong...

Tạ Thiên Lăng là hình ảnh Trịnh Kiểm.

Khương Linh Tá là Nguyễn Uông.

Nguyệt Cáo là bà Ngọc Bảo.

Đồng Kim Lân là Nguyễn Hoàng. Đồng Kim Lân giả đau không đến dự tiệc lúc Thiên Lăng lên ngôi vua, có khác gì Nguyễn Hoàng cáo bệnh không đến triều khi Trịnh Kiểm lên ngôi chúa. Và Kim Lân qua ải là Nguyễn Hoàng qua Đèo Ngang.⁽¹⁾

Còn hoàng tử theo lời trời của Nguyễn Kim “Dùng Thuận Hóa làm nơi dựng nghiệp” là chí của Nguyễn Hoàng đeo đuổi theo lời trời của cha.

Đó là tuồng cổ.

Còn tuồng kim, thì như:

+ Tuồng Trầm Hương Các gián tiếp cảnh cáo vua Thành Thái mà vua Trụ là tượng trưng.

+ Tuồng Diễn Võ Đình nói lên cảnh huống của nhân tài trong nước bị bọn gian nịnh ngăn đường đón ngõ không cho xuất đầu lộ diện, phải tìm cách chạy trốn ra nước ngoài. Triệu Khánh Sanh tượng trưng cho Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... Tăng Bạt Hổ...

+ Tiết Nghĩa trong Hộ Sanh Đàn là hình ảnh của bọn phản nước phản dân, lừa thầy lừa bạn, tiêu biểu nhất là Nguyễn Thân ...Tuồng kim phản ảnh thái độ chống vua chúa, phê phán những hành vi không tốt của vua, của kẻ quên nòi quên giống, của những kẻ có quyền thế đặt quyền lợi riêng của mình lên trên quyền lợi chung... Tư tưởng trong tuồng kim tiến bộ hơn trong tuồng cổ. Tuồng cổ quá nặng về hai chữ Trung Hiếu. Tuồng Kim không bỏ Trung Hiếu, song nặng nhẹ tùy trường hợp, chớ không cố chấp “quân xử thần tử, thần bất tử bất trung; phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu”.

Về nội dung đại khái là thế.

⁽¹⁾ Phỏng theo một quyển sách khảo luận về tuồng cổ mà tôi đã đọc nhưng quên tên sách và tên người viết sách.

Còn về hình thái thì tuồng xưa văn chương bình dị, mộc mạc. Tuồng nay thì văn chương đủ loại đủ vẻ, trang nhã có, văn hóa có, tân kỳ có, hùng tráng có, ủy mỵ có... Nhưng về nghệ thuật sân khấu thì nay phải học xưa. Những tuồng như tuồng Sơn Hậu, tuồng Tam Nữ Đồ Vương, người đời sau dù soạn tuồng giỏi đến đâu như cụ Đào Tấn chẳng hạn, cũng tôn là Tuồng Thấy. Từ Tuồng Thấy nói trên có nghĩa “Tác giả là bậc thầy trong các nhà soạn tuồng”. Danh từ Tuồng Thấy liên quan đến Đào Duy Từ cũng như tên Lũy Thấy. Nhiều người cho rằng: Tuồng hát bội, nghệ thuật hát bội do Đào Duy Từ đưa vào là những mẫu mực về nội dung về kết cấu, về làn điệu, về cả cách biểu hiện, cách xướng âm, các bộ múa... bắt buộc nghệ nhân khi biểu diễn phải theo đúng: đúng theo lời thấy. (Cốt để cho cách hát, điệu hát, điệu bộ giữ đúng như nguyên, không bị pha tạp lẫn hồi mất gốc).

Các tuồng thấy như nói trên kia thường dựa vào một mô hình đơn giản: vua băng – nịnh chiếm – diệt nịnh phò ấu chúa – tôn vương truất vị – là hết. Vì vậy ở các rạp tư khi kết thúc, dù hát tuồng gì cũng phải có màn cuối: Tôn vương.

Hơn nữa, Đào Duy Từ là một người ca xướng, ở Bắc bị khinh khi không được đi thi, không được dùng vào việc lớn, bỏ vào Nam, được đặc dụng đem tài học của mình ra xây dựng, củng cố, phát triển một triều đại riêng, làm quốc sư, Ông đem hát bội làm một công cụ giáo dục từ vua đến quan quân và cả nhân dân. Đó cũng là một cách để chứng minh rằng xướng ca không phải vô lại mà là một nghệ thuật cao quý, giữ nước. Trong khi ở Đàng Ngoài cấm hát bội thì ở Đàng Trong lại đưa hát bội vào cung vua, trở thành một nghệ thuật cung đình, nhờ đó mà được các bậc hay chữ quan tâm vui thích, tham gia sáng tác giúp cho nghệ thuật ngày càng cao, cho đến Đào Tấn là lên cao tuyệt đỉnh, làm cho tuồng hát bội xứng đáng đứng vào số ba môn đặc sắc trong văn nghệ Việt Nam là:

- Tiểu thuyết bằng thơ ca.
- Hát ca trù.
- Hát tuồng.

Đây cũng chính là một cống hiến lớn lao của Đào Duy Từ cho Miền Trung và cho cả nước mà lịch sử cần ghi chép.

*Đôi nét
về
Đào Tấn*

PHẦN I

THÂN THỂ

(1845 – 1907)

Đào Tấn tự Chí Thúc, hiệu Tô Giang, biệt hiệu Mộng Mai, tiểu hiệu Mai Tăng, sinh ngày 27 tháng 2 năm Ất Tỵ (1845), mất ngày rằm tháng 7 năm Đinh Mùi tức 28 tháng 8 năm 1907.

Chánh quán thôn Vinh Thạnh, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Sinh quán thôn Tùng Giản tục gọi Gò Bồi, cũng thuộc huyện Tuy Phước.

Hai thôn cách nhau chừng 15 cây số. Vinh Thạnh là nông thôn, Tùng Giản là thị tứ.

Ông cụ thân sinh là Đào Đức Ngạc, người Vinh Thạnh, một nho sỹ nghèo, làm nghề thầy thuốc và nghề coi tướng coi số.

Bà cụ thân sinh là Hà Thị Loan, người thôn La Chữ, Huế, theo cha mẹ vào Gò Bồi làm ăn.

Ông Ngạc thường đi đây đi đó để hành nghề. Sau khi kết duyên cùng bà họ Hà mới cất nhà ở hẻm Gò Bồi, ông tiếp tục làm nghề cũ, bà bán quan và đổi nước chè.

Hai ông bà sinh được ba người con trai:

- Đào Đức Hanh,
- Đào Đăng Tấn,
- Đào Tịnh Viên.

Ông Hanh và ông Viên không có gì xuất sắc đáng kể. Riêng Đào Đăng Tấn từ lúc trẻ đã có nhiều điểm khác thường.

Từ lúc khai tâm Đào Đăng Tấn bỏ chữ lót và cho đến 14, 15 tuổi chỉ học loanh quanh cùng các thầy đồ ở quanh vùng Gò Bồi. Học ít chơi nhiều, tánh lại ham coi hát bội. Hễ nghe đâu có đám hát thì dù xa mấy cũng lên đi xem và khi trở về luôn luôn có trong bọc một ông SÓ tức ông LÀNG hát bội (thường gọi là ông TỔ). Gần chợ Gò Bồi có một cây cổ thụ, thân cao cành rậm. Những ông SÓ lấy trộm được, Đào bí mật đem để ngồi trên đọt cây bàng. Khi người ta phát hiện được thì trên đọt bàng đã có hàng chục ông SÓ ngồi nghiêm chỉnh. Ai cũng lấy làm lạ nhưng không ai dám xâm phạm, cũng không ai bỏ công điều tra “lý lịch” của các ông LÀNG.

Tuy nhác học, song học đâu nhớ đó, học một biết mười. 13, 14 tuổi đã thông nghĩa sách và đã biết làm thơ.

Một hôm có 3 ông khách vào quán bà cụ uống nước. Quán sạch sẽ, trời trưa có gió nồm, 3 ông khách cao hứng thách nhau làm thơ, ra vẻ đắc ý không coi người chung quanh ra làm sao. Đào Tấn ngồi quạt nước bên cạnh, lấy cây quạt lửa quạt lia quạt lia trước mũi. Một người khách trông thấy, hỏi:

– Chú nhỏ biết làm thơ à?

Đào đáp:

– Biết chút chút.

– Vậy hãy Vịnh Bát Nước Chè. Hễ hay thì thưởng tiền, dờ thì đánh 10 cán quạt.

Đào nghĩ ngợi chốc lát rồi đọc:

*Trên thời bọt nước lênh đènh nổi
Dưới lại con rồng đáp dới bay.*

Ba ông khách đều kinh ngạc, toan lấy tiền thưởng. Đào ngăn lại và ứng khẩu đọc:

*Mỗi chữ nghìn vàng cân mới xứng
Ba thấy một nhúm thắm chỉ khoe.*

Rồi bỏ chạy mất.

Câu chuyện đến tai một nhà phú hộ có uy thế trong làng, cũng họ Đào nhưng đồng tánh chứ không đồng tông với Đào Tấn.

Nhà phú hộ đó là Đào Tăng Sở.

Vốn đã không đồng tông, lại bên chánh, bên ngụ, bên giàu bên nghèo nên giữa hai họ Đào tự nhiên có một hố ngăn cách, không ưa thích nhau. Khi nghe tin Đào Tấn “khoe tài” với một thái độ xác xược, họ Đào chính quán thêm ghét họ Đào ngụ cư và chê Đào Tấn là người không đức hạnh, dù có tài đến đâu cũng không làm nên trò trống gì.

Ông Đào Tăng Sở có người con trai lớn hơn Đào Tấn một giáp, học rất chăm chỉ nhưng đi thi mãi mà “cử nhân không đỗ tú tài cũng không”. Người trong làng bảo là “học tài thi phận”. Đào Tấn cười:

– Thứ một sách đọc thủng hết chữ nhưng không thông nghĩa thì thi phải rớt là lẽ tất nhiên, chớ mắc mớ gì phải đỗ thừa tài với phận.

Người con trai ông Sở là Đào Tăng Sắc, tự là Doãn Dịch thi liên tiếp ba khoa đều bị hỏng, bèn gác bút nghiên, mở trường dạy học.

Một hôm Đào Tấn đi ngang qua trường, nghe Đào Doãn Dịch giảng sách, liền dừng chân, vén quần tiểu ngay trước cổng. Đào Doãn Dịch nổi giận sai học trò ra bắt càn đánh 30 roi. Bị yếu thế, Đào Tấn đành phải chịu nhục ra về, chờ dịp rửa hận.

Cách ít lâu lại xảy tiếp vụ Hương Thân giảng Thập Điều.

Thập Điều là 10 điều răn của vua Tự Đức ban bố và buộc nhân dân phải học tập cho thấm nhuần. Các làng xã tổ chức cuộc học tập vào mỗi buổi tối. Viên thủ chỉ trong làng tục gọi là Hương Thân chủ trì việc giảng dạy. Đồng bào bị bắt buộc phải đến đình làng nghe những lời “nhảm nhí”, mất giấc ngủ lấy lại sức cho ngày mai, rất bất mãn song không ai dám hé môi phản nản. Bỗng nơi chợ Gò Bồi thấy dán 1 tờ thơ:

Thập Điều là cái chi chi
Hàng đêm nói mãi ra gì mà nghe
Hương Thân giảng dạy lẽ nê
Bắt dân tập hợp mà nghe thập điều.

Vậy có thơ rằng:

*Cả làng đều sợ một Hương Thân
Ông cũng người ta không phải thần
Ông giảng thập điều không phải gián
Khác ông Văn Trọng gián hôn quán.*

*Gò Bồi dân chúng luống kêu vang
Hết việc quan gia đến việc làng
Xâu thuế quanh năm lo muốn chết
Mà đêm nằm ngủ cũng không an.*

Đồng bào rất lấy làm thích thú. Không mấy chốc, bài thơ được lưu truyền khắp làng rồi bay sang làng lân cận. Đám cảm quyền rất căm. Bằng vào việc làm thơ nơi quán và việc tiểu trước cổng trường, mọi người đều đoán biết tác giả “sự nghịch ngợm” nầy cũng như “sự ông Sớ ngồi đọt bằng” không ai khác hơn là Đào Tấn. Cho nên đồng bào Gò Bồi đối với họ Đào ngày càng thêm yêu mến, còn bọn cảm quyền trong làng thì lại coi gia đình họ Đào như chiếc đinh trước mắt, cần phải nhổ càng sớm càng hay.

Liệu không thể sống yên với đám cường hào Gò Bồi, cụ Đào Đức Ngạc phải bán nhà, đem vợ con về Vinh Thạnh.

Về Vinh Thạnh, Đào Tấn đến thọ giáo cùng cụ tú Nhơn Ân.

Cụ tú tên là Nguyễn Diêu, hiệu là Quỳnh Phủ, 1 trong 4 tay hay chữ nổi tiếng ở Tuy Phước:

- Nhất Bằng (Nguyễn Văn Bằng, ở Vinh Thạnh),
- Nhì Diêu (Nguyễn Diêu ở Nhơn Ân),
- Tam Trinh (Trần Quang Trinh ở Lục Lễ),
- Tứ Hiến (Nguyễn Thế Hiến ở Phụng Sơn)

Tục gọi là Tuy Phước Tứ Hiến.

Cụ tú Nhơn Ân chẳng những hay chữ mà còn giỏi Nôm và sở trường môn soạn tuồng hát bội.

Cả lớn gặp biến khơi tài năng của Đào Tấn phát triển vừa nhanh vừa mạnh. Cụ tú thương yêu như con, đem tất cả sở đắc của mình ra truyền thụ. Chỉ trong 5 năm học hành chăm chỉ, Đào Tấn đã trở thành một sĩ tử tài hạnh kiêm toàn. Và năm 23 tuổi lều chiếu vào trường thi, Đào Tấn liền đậu cử nhân hạng ưu tú.

Đó là khoa Đinh Mão, năm Tự Đức thứ 20 (1867).

Theo lệ, hễ đậu cử nhân rồi thì phải đến Kinh đô thi Hội. Nhưng vì nhà nghèo và lòng không mấy ham thích khoa danh, Đào Tấn cáo bệnh. Không còn bận việc học hành, Đào cử nhân dùng thì giờ rảnh rỗi đi thăm các danh thắng trong tỉnh nhà, tìm những người có học có tài để kết thân và mỗi khi gặp được một ca

công rành điệu thì cố học cho thấu đáo những cái hay cái khó trong nghề rồi đem tất cả những gì thu nhặt được về thảo luận cùng thầy. Nhờ vậy mà học thức về văn chương cũng như về nghệ thuật hát bội mỗi ngày mỗi thêm tinh tiến.

Không mấy lúc danh trò nổi song song cùng danh thầy.

Bốn năm sau ngày thi đỗ, năm Tự Đức thứ 24 (1871), Triều đình Huế lục xét lại danh sách cử nhân còn tại quán để trưng tập, Đào Tấn được bổ Hàn Lâm Điển Tịch, sung chức Hiệu Thư ở Nội Các.

Năm Tự Đức thứ 27 (1874), được thăng hàm Biên Tu và bổ Tri phủ Quảng Trạch (Quảng Bình). Lúc này, nhờ đọc được nhiều sách quý trong thư viện nội các, Đào Tấn đã trở thành một danh sỹ của Quốc gia, Bắc Nam đều biết tiếng.

Truyền rằng vua Mãn Thanh gửi tặng vua Tự Đức 1 bức tranh Sơn Hồ. Vua Tự Đức truyền các quan đề thơ. Thơ dâng lên hàng trăm, trong triều có ngoài quận có, nhưng chỉ 14 chữ của họ Đào được ngự thưởng:

Sơn nhược hữu thần hô Hán tuế
Hồ như tri thánh bá Châu niên.

Nghĩa là:

Núi nếu có thần thì cất tiếng hô “vạn tuế” ba lần như thần núi Tung Sơn đã hô mừng vua Hán Vũ Đế;

Và còp mà biết được vua Thánh thì kéo nhau đến châu lạy như ba trăm con hổ đến châu lạy Vũ Vương khi thành lập nhà Châu.

Đó là ngụ ý sánh vua Tự Đức với vua Vũ Đế nhà Hán, vua Vũ Vương nhà Châu. Câu thơ còn ngụ ý tự tôn tự cường của dân tộc Việt Nam mà nhà vua là đại biểu. Một dân tộc mạnh như hổ, vững như núi, giặc xâm lăng đừng manh ý dòm hành.

Ngôi tri phủ Quảng Trạch, Đào Tấn có nhiều chánh tích tốt, nhân dân rất cảm phục.

Trong khoảng 1874–1876 ở Quảng Bình có xảy ra một trận bão tố lớn. Một chiếc tàu Hải Nam bị chìm, hàng hóa bị đắm hết, chỉ trôi dạt vào bờ một số hành khách trên 300 người đói khát khổ sở. Tình cảnh đáng thương nhưng của kho không có mà tiền riêng cũng không, Đào tri phủ thân hành đến từng nhà phú quý, xin tiền giúp đỡ nạn nhân. Nhờ vậy mà trên 300 người Hải Nam khỏi

bỏ xương nơi quê người lại sắm được phương tiện trở về xứ sở. Nhớ ơn cứu mạng họ lập sanh từ thờ Đào công ở Hải Nam và gửi sang tặng cặp đối đề Sanh Từ:

*Tam bách dư nhân tồn tánh mạng
Số thiên lý ngoại kiến sanh từ.*

Nghĩa là: Trên ba trăm người còn tính mạng nên ngoài nghìn dặm cát sanh từ để ghi ơn.

Kèm theo cặp đối còn một bức thêu 4 chữ CÔNG HOÀNG VINH VIỄN, nghĩa là CÔNG ƠN GHI TẠC ĐỜI ĐỜI.

Ngồi tri phủ Quảng Trị được 2 năm thì Đào công được triệu về kinh thăng Thừa Chỉ Nội Các (1876). Hai năm sau (1878) được thăng Thị Độc Học Sĩ. Đến năm Tự Đức thứ 34 (1881) lại được thăng Hồng Lô Tự Khanh. Tuy đã lên hàm Đường nhưng còn sung Các vụ nên chỉ là hư hàm, hữu danh vô vị, còn phải thuộc quyền quan trên. Năm sau (1882) được lãnh chức Thừa Thiên Phủ Doãn mới là thiết chức. Làm Phủ doãn Thừa Thiên Đào công đảm nhiệm sáu huyện, có nhiều thành tích, được Triều đình tặng 3 chữ THANH THẬN CÂN và được vua Tự Đức phê tặng 4 chữ BÁT ÚY CƯỜNG NGỰ (Không sợ oai mạnh của vua).

Đào Tấn là một tay văn chương tài bộ, vua Tự Đức lại là ông vua hay chữ, sành văn chương nên vua tôi rất tương đắc. Gặp vua tri kỷ, song lại gặp lúc nước nhà lăm việc, thời buổi khó khăn. Giặc Pháp như tầm ăn dâu, chiếm cứ xong miền Nam, lại tìm cơ ra xâm lấn miền Bắc. Năm 1873, Pháp đánh lấy Hà Nội nhưng liệu chưa có thể đặt nền đô hộ, phải ký hòa ước giao lại cho triều đình Huế, chỉ buộc triều đình Huế nhượng đứt 6 tỉnh Nam bộ và mở đôi cửa biển Việt Nam cho tàu ngoại quốc vào ra buôn bán. Sức yếu của mình đã sờ sờ ra đó mà triều đình Huế vẫn chưa giác ngộ, tự cho mình là văn minh, chê nước ngoài là dã man, nhất định bế môn tỏa cảng, không chịu giao thiệp cùng các nước Tây phương. Các đình thần nặng lòng thủ cựu, lo việc chính trị đương thời mà khư khư lấy chuyện vua Nghiêu vua Thuấn ra làm gương mẫu, hễ nghe ai bàn đến những gì mới lạ thì cho là ngụy thuyết, bác hẳn đi.

Các nhà chí sĩ như Nguyễn Trường Tộ đi du học về làm tờ điều trần xin vua cải lương mọi việc, như Đinh Văn Điền dâng sớ đề nghị mở mang kinh tế, chỉnh đốn quân sự, tiếp xúc ngoại bang... Đại để đều là

những điều ích quốc lợi dân. Thế mà các quan đại thần cho là lời nói càn nói bậy làm hủy hoại kỷ cương, đòi bắt làm tội! Thậm chí đến lời trần tấu của các sứ thần như Nguyễn Trọng Hiệp đi sứ Xiêm La về, Lê Đình đi sứ Hương Cảng về, đem cảnh tượng ở nước ngoài về nói lại để mong triều đình noi gương mà canh cải cho hợp thời, thầy thầy cũng đều bị đình thần bác bỏ.

Vua Tự Đức cũng có ý muốn canh tân song không thể tự chuyên được. Đứng trước họa xâm lăng mỗi ngày mỗi bành trướng, nhà vua lo sợ thường hỏi quần thần những phương pháp làm phú quốc cường binh. Nhưng kẻ bàn thế nầy người bàn lẽ nọ, nào thủ nào chiến... cải cộ lung tung... rốt cuộc không tìm ra một chước gì để cứu vãn tình thế!

Đào Tấn vốn là người thức thời, rất tán thành những lời của các nhà hữu tâm dâng lên nhà vua. Nhưng thế lực yếu ớt, Đào công đành phải ngậm miệng khoanh tay. Hưởng lộc nước mà không dùng được khả năng để cứu nước, trong khi thế nước đương nguy, Công rất lấy làm tủi hổ:

*Thịt đi thầy chạy bồi bồi
Lộc vua ăn uống cột trời để xiêu!*

Và rất lấy làm khổ đau:

*Sụt sùi lệ nhỏ thấm bầu
Hột cơm tám áo để dầu quên ơn.*

Nhưng biết làm sao được, đành cam vùi thân vào sách vở, mượn văn chương để gửi gắm lòng ái u.

Vào khoảng cuối đời Tự Đức, thế nước lại càng nguy khốn. Không lẽ ngồi đợi nước đến tròn mới nhảy, Công bèn lấy cớ còn cha mẹ già, dâng sớ xin về phụng dưỡng. Vua Tự Đức không bằng lòng nên chẳng những không chuẩn y lời xin lại còn giáng 4 cấp. Nhưng không bao lâu, ông cụ thân sinh qua đời, Đào công được phép về đình gian.

Đó là vào khoảng đầu xuân năm Quý Mùi (1883).

Trong khi Đào Tấn đình gian ở Bình Định thì trong triều ngoài nước xảy ra nhiều việc rối ren.

Thành Hà Nội bị Pháp đánh chiếm lần thứ 2, quan Tổng đốc Hoàng Diệu tuần tiết. Vua Tự Đức ngầm sai sứ sang cầu cứu nhà Thanh. Thừa cơ can thiệp hầu mong chiếm đoạt quyền lợi, quân

Tàu kéo sang đóng ở các tỉnh gần biên giới. Quân Pháp tiếp tục đánh lấy những nơi hiểm yếu. Triều đình Huế tăng cường việc phòng thủ kinh đô.

Trong khi tình hình đương trở nên quyết liệt thì một biến cố quan trọng xảy ra nơi triều đình Huế: Ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi (1883) vua Tự Đức thăng hà. Đám quyền thần Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường tự do hành động theo ý muốn. Từ tháng 6 đến tháng 10, trong vòng 4 tháng đã phế lập 3 ông vua là Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc. Hễ ai phản đối thì bị diệt trừ! Cảnh triều đình thật vô cùng rối loạn.

Quân Pháp nắm được cơ hội tốt bèn kéo chiến thuyền vào đánh Thuận An. Kinh đô bị uy hiếp. Triều đình liệu thế không chống cự nổi, buộc lòng phải ký hiệp ước Quý Mùi (1883) và Giáp Thân (1884) công nhận quyền bảo hộ của nước Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Quân Pháp liền đóng cơ quan hành chính ở nam ngạn Hương Giang.

Do đó có câu:

Nhất giang lưỡng quốc ngôn nan thuyết
Tứ nguyệt tam vương triệu bất tường.

***Nghĩa là:** Trên 1 con sông mà đến hai nước đóng đô, thật hết
ngữ nói. Còn 4 tháng mà thay đổi 3 đời vua đó là triều chẳng
lành. (Trong câu chữ Hán dùng chữ Thuyết và chữ Tường để ám
chỉ hai quyền thần gây rối trong triều đình Huế lúc bấy giờ).*

Thế là nước Việt Nam hoàn toàn mất chủ quyền

Đào Tấn mặc dù đã biết trước, mặc dù cố tránh xa để khỏi
trông thấy tận mắt những cuộc tang thương, song khi nghe tin
sơn hà xã tắc bị sụp đổ, vẫn không cầm được nước mắt.

*Thương ai công nghiệp nửa chừng
Cây im khi gió lửa hừng khi mưa!
Sầu ai ai đã hay chưa
Trăm năm đời lệ một giờ tang thương.*

Nhưng cũng như một số sỹ phu tâm huyết khác như Hoàng
giáp Phạm Như Xương, Tam nguyên Nguyễn Khuyến, Án sát Chu
Mạnh Trinh... tự biết mình bất lực trước thời cuộc, Đào Tấn đành
nằm yên...

Vua Kiến Phúc trị vì được 6 tháng thì mất. Vua Hàm Nghi lên thay. Lễ phong vương cử hành ngày 27 tháng 6 năm Giáp Thân, tức 17-8-1884.

Vua Hàm Nghi muốn khôi phục chủ quyền. Đêm 22 tháng 5 năm Ất Dậu (4-7-1885) quân triều đình đánh thành Mang Cá và tòa Khâm sứ Huế. Quân Pháp cầm cự suốt đêm, sáng ngày mới phản công. Quân triều đình bị tan vỡ, thành Huế bị Pháp chiếm.

Vua Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết chạy ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần Vương. Trừ tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế, các sĩ phu yêu nước, từ Quảng Trị trở ra, Quảng Nam trở vào, đều ứng nghĩa. Người lãnh đạo nghĩa binh Bình Định là Đào Doãn Định.

Đào Doãn Định ở nhà dạy học cho đến năm 45 tuổi mới đi thi trở lại và đậu tú tài khoa năm Tự Đức thứ 31 (1878), rồi đi học Quốc Tử Giám và được bổ đi làm quan. Đến triều Hàm Nghi lên đến hàm Hương Lô Tự Khanh và lãnh chức Bắc Kỳ Khâm sai quân thư tán tương. Sau khi kinh thành Huế thất thủ thì phụng chiếu Cần Vương, về Bình Định cùng quan Tổng đốc và các sĩ phu dựng cờ khởi nghĩa. Biết Đào Tấn đang ở Bình Định, Đào Doãn Định sai sứ đến mời tham gia. Đào Tấn từ chối. Cho rằng Đào Tấn không biết nghĩ đến đại nghĩa, đã từng hưởng ơn vua mà không lo đến nợ nước, Đào Doãn Định sai quân đến vây nhà, bắt về làm tội.

Đào Tấn cùng người lão bộc, đang đêm nhảy qua rào sau, chạy lên núi Hoàng Mai xã Phước Thuận (Tuy Phước) ẩn náu. Nhưng rồi nhận thấy Hoàng Mai không thể ở lâu được, bèn ra Phù Cát, lên núi Phương Phi xin tá túc nơi Linh Phong tự, tục gọi là chùa Ông Núi.

Vì sao Đào Tấn không ứng nghĩa Cần Vương? Có phải vì không biết nghĩ đến đại nghĩa như một số người trong phong trào Cần Vương Bình Định đã noi hay chăng?

Có người đáp:

– Không phải thế mà chính vì mối thù 30 roi ngày xưa.

– Không phải không dùng. Nhưng đó là nguyên nhân gần, nguyên nhân phụ. Nguyên nhân chính là sự nắm vững tình hình trong nước, sự tri kỷ tri bỉ: Lực lượng quân sự của ta kém địch quá, đình thần không đồng tâm nhất trí để chống địch, người thất lòng yêu nước yêu dân thì ít, kẻ đục nước béo cò thì nhiều; Sĩ phu trong nước chỉ đeo nặng bầu nhiệt huyết, còn đường hướng cứu

nguy, phương tiện diệt thù thì thiếu hẳn; nghĩa binh hăng hái thì hăng hái thật, song không tập luyện không binh khí, làm sao chống nổi với quân xâm lăng thiện chiến lại có vũ khí tối tân? Vì nhìn thấy rõ sự việc nên sanh lòng tiêu cực, nghĩ rằng chống cự đã chẳng cứu được nước mà còn làm khổ thêm dân. Nên đành “từ bi xin chứng lòng này đắng cay”. Chớ nếu bảo rằng chính vì mối tư thù đối với vị lãnh đạo phong trào, thì sau khi nghĩa binh bị thua trận Cần Úc, chạy lên đóng ở An Khê thì quyền chỉ huy giao cho anh hùng Mai Xuân Thưởng người mà Đào Tấn rất kính phục, sao công vẫn mai danh ẩn tích nơi Linh Phong tự?

Linh Phong tự là một danh thắng tỉnh Bình Định.

Chùa có từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

Ban đầu chỉ là một am tranh gọi là Dũng Tuyền Tự.

Người sáng lập là một nhà sư Trung Hoa, tên là gì không ai biết đích xác. Có người bảo là Lê Bang, song không lấy gì làm chắc. Người địa phương gọi là Ông Núi vì thấy nhà sư ở tu trên núi suốt năm. Truyền rằng Ông Núi dùng vỏ cây làm y phục và ít khi xuống đồng bằng. Thỉnh thoảng cần lương thực thì gánh một gánh củi xuống chân núi để nơi ngã ba đường rồi trở lên. Người quanh vùng đem gạo muối đến ngã ba để đồ rồi gánh củi về dùng. Hôm sau nhà sư đến nhận gạo muối, nhiều ít không thiết, mắt còn không bận. Những khi trong vùng có bệnh tả bệnh dịch thì tự nhiên nhà sư đem thuốc đến cứu chữa. Chữa xong đi ngay, một cái vái cũng không nhận. Nhà sư viên tịch đời Tây Sơn. Hiện còn bửu tháp.

Ngôi chùa tranh Dũng Tuyền sau được xây lại bằng gạch ngói và đổi tên là Linh Phong Thiền Tự.

Quy mô chùa không lấy gì làm rộng lớn. Kiến trúc cũng không có gì đặc sắc nhưng phong cảnh quanh chùa thật kỳ mỹ:

Chùa cất trên đầu núi, trong rừng cây cổ thụ, tịch mịch thâm u. Nhiều cây sống lâu đời, hình thù cổ quái. Quanh chùa đá mọc ngổn ngang và có muôn hình vạn trạng. Một dòng suối từ ngọn núi phía sau lưng chùa chảy xuống đến chùa thì chia làm hai nhánh lớn bao bọc lấy chùa và nhiều nhánh nhỏ chảy vào sân vào bếp... quanh co róc rách, rồi tất cả nhập lại nơi sân trước để chảy vào hồ sen trước chùa. Sen trong hồ toàn là sen trắng, mùa đông vẫn còn hoa.

Nơi sườn núi phía đông có một hang đá rộng lớn ăn sâu vào lòng núi. Trước hang có một con cạp đá màu vàng “nằm ngủ”.

*Thạch thất thiên niên hoàng hổ ngọa
Hoa tri thập nguyệt bạch liên khai.*

(Đào Tấn)

Nghĩa là:

*Động đá cạp vàng thêm thiếp mộng
Hồ đông sen trắng ngát ngào hương.*

Trông ra bốn mặt thì nào biển nào đầm nào đồng nào bãi, mênh mông bát ngát trong bóng khói màu dương...

Phong vị thật cực kỳ thanh thú.

Chùa ở trong nơi xa vắng, khách thập phương rất ít người tới lui. Ngoài vị hòa thượng trụ trì, người trong chùa không ai biết rõ lai lịch của Đào Tấn.

Ngày ngày Đào công cùng vị trụ trì giảng cứu kinh Phật. Công lấy tiểu hiệu là Mai Tăng và có 1 luật để nơi vách chùa:

*Bách bát chung thanh xuất thọ diên
Ngẫu tùy ngâm tiết khẩu đàn duyên
Thập niên hồ hải quy lai mộng
Nhất kính yên hà tự tại thiên
Giai sỹ từ bi ninh thị phật
Sơn ông danh tự bán nghi tiên
Thanh tuyến tế ẩm tri chơn vị
Bất phụ nhân gian phát diệm truyền.*

Tạm dịch:

*Cành xanh trăm tám tiếng chuông rơi
Hứng tới đàn duyên bước thảnh thơi
Một bức yên hà trời tự tại
Mười năm hồ hải mộng quy lai
Am mây Ông Núi chững tiên đây
Lượng bể người thơ đích Phật rồi
Ngậm nước thanh tuyến chơn vị tỏ
Tiếng thơm không phụ ngát phương trời.*

Đào Tấn ẩn trú nơi Linh Phong tự được gần 1 năm thì được chỉ triệu về Kinh.

Đó là vào khoảng đầu năm thứ 2 triều Đồng Khánh.

Vua Đồng Khánh lên thay vua Hàm Nghi ngày 6 tháng 8 năm Ất Dậu (1885). Đồng Khánh không được sỹ phu và nhân dân ở các tỉnh phía Nam và phía Bắc Thừa Thiên công nhận. Lúc bấy giờ vua Hàm Nghi còn ở trong nước, thực dân Pháp lòng bất chưa được, các tỉnh Nam Bắc còn đặt hy vọng cứu nước nơi nhà vua. Ca dao có câu:

Gấm xem thế sự mà rầu

Chính giữa Đồng Khánh hai đầu Hàm Nghi.

Tuy ở nơi khuất tịch, Đào Tấn vẫn hiểu rõ nhân tâm thế sự. Đã không ứng nghĩa Cần Vương lại ra làm quan cùng nhà vua của địch đặt lên ngôi và ở dưới quyền sai khiến của địch thì làm sao tránh khỏi những nhất riu hủa nặng nề của Xuân Thu. Song biết làm sao được: Nơi núi non không phải là chốn dung thân lâu dài và vững chắc. Lại thêm cảnh mẹ già nhà khó, phải lo sao cho khỏi lỗi đạo làm con. Thế bất buộc Đào công phải phụng chỉ.

Không dám trở về nhà, vì nghĩa bình Cần Vương đóng rái rác khắp các huyện, Công cho người lão bộc về trình cùng bà cụ thân sinh và một mình lên đi đường hẻm ra Huế.

Đào công đến Huế khoảng đầu năm Đinh Hợi (1887).

Được thăng hàm Quang Lộc Tự Khanh, tái lãnh chức Thừa Thiên Phủ Doãn. Đứng trước tình thế khó khăn, Đào công tỏ ý ngăn ngại. Vua Đồng Khánh thông cảm liền ban cho kiểm Thượng Phương, cho phép tiền trạm hậu tấu. Không cứu được nước mà gặp cơ hội được vua tin dùng, Đào công nguyện đem tài năng ra giúp dân cho trọn đạo.

Lúc bấy giờ ở Huế có tên bồi của viên Khâm sứ Pháp, tục gọi là Bồi Ba, cậy thế chủ hoành hành không kể gì phép nước. Hầu hết các quan văn võ ở Huế đều kiêng nể nên y muốn làm gì thì làm không sợ ai hết. Những thương gia trong thành phố Huế và ở chợ Đông Ba bị y bóc lột hiếp đáp, không biết kêu kiện vào đâu. Vợ con người bị cưỡng bức cùng đành cắn răng chịu nhục mà làm ngơ... Nghe đến 2 tiếng Bồi Ba thì ai nấy đều khiếp sợ, phải tìm cách tránh xa để khỏi mang họa.

Tiếng đồn đến tai Đào Phủ Doãn. Sau khi điều tra rõ sự thực, Công cho người theo dõi, hễ gặp y phạm pháp là bắt ngay bất kỳ việc lớn nhỏ.

Một hôm vợ của y ra chợ Đông Ba ý thế đánh người. Lính bắt về phủ nhốt. Tên Bồi Ba hay tin, xách ba tông đến phủ đường thịnh nộ. Đào công truyền bắt tổng giam. Y liền cho người về báo chủ. Viên Khâm sứ thân hành đến Phủ Doãn can thiệp. Quan Phủ Doãn ôn tồn kể hết tội ác của Bồi Ba. Viên Khâm sứ đáp:

– Hiện thời còn một số người Việt Nam có não bài Pháp. Họ thấy tên Bồi Ba trung thành với tôi nên ghét mà bịa đặt chuyện kia chuyện nọ, khiến ngài nghe trái lẽ mà giận đó thôi, chớ hấn đâu dám làm chuyện phi pháp thế ấy.

Công truyền dẫn tên Bồi ra.

Tên Bồi quen thói hống hách, quen được các quan lớn kiềng nể, mà bị quan Phủ doãn bắt giam thì giận căm gan. Cho nên khi thấy có chủ ngồi đó thì lấy làm đắc thế liền thả bùng cơn giận ra, chỉ vào mặt quan Phủ doãn mà mắng nhiếc không tiếc lời. Đào công vỗ bàn thét lính bắt chém. Viên Khâm sứ tái mặt, nói:

– Tôi khuyên ngài hãy nể mặt tôi.

Công liềm dung đáp:

– Tôi mong quan lớn biết trọng pháp luật Nam Triều. Tôi thay mặt vua để cai trị dân, để giữ an ninh trật tự trong nước. Những kẻ phạm pháp, tôi phải trừng trị, không ai được phép can thiệp. Như tên bồi nầy, quan lớn thử nghĩ, đối với tôi đây và có mặt quan lớn đó mà hấn còn dám hành hung bậc ấy, hướng hổ đối với dân chúng và sau lưng quan lớn. Mà vì sao hấn lại có những hành động không kể đến phép nước như thế? Có phải tại vì quan lớn dung ẩn hay không? Quan lớn đã trường ác cho hấn mà quan lớn không biết. Nếu quan lớn muốn tha hấn thì kiếm dây ấn đây, tôi xin giao cho quan lớn.

Viên Khâm sứ thất kinh, đứng dậy xin lỗi, rồi giận dữ nói cùng tên Bồi:

– Mấy làm thì mấy chịu, tao không phương cứu mấy.

Đoạn bỏ ra về.

Liền đó tên Bồi bị kết án tử hình. Thủ cấp đem bêu nơi chợ Đông Ba. Kẻ gian khiếp đảm. Người ngay thoát khỏi nạn bêu tây. Khắp thành phố Huế, các thương gia đều thiết hương án trước cửa, bên ngoài thì bảo rằng tạ ơn trời phạt nhưng bên trong thì để tạ ơn Đào công. (Theo DQHT)

Sau vụ Bồi Ba thì Đào Tấn đổi sang Thị lang bộ Hộ sung Tham tá Cơ Mật Viện, rồi khâm phái đi công cán Gia Định để hội thảo cùng viên lãnh sự đầu tiên của triều đình Huế là Nguyễn Thành Ý về việc bang giao Pháp – Nam.

Năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), Đào công được thăng Tham tri bộ Hộ, và năm Thành Thái nguyên niên (1889) được bổ Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An Hà Tĩnh).

Nghệ An Hà Tĩnh là đất xung yếu. Dân khí hùng, dân trí cao, sỹ phu nhiều người học giỏi, đồng bào lại vừa trải qua những cơn binh lửa. Việc cai trị không phải dễ dàng. Kẻ cầm quyền phải có một chánh sách nhân hậu, phải có đường lối mềm dẻo, sáng suốt thì mới có thể đem lại an cư lạc nghiệp cho nhân dân. Đào công trước hết lo thu phục nhân tâm. Lấy lễ nghĩa đối với các cựu chiến sỹ Cần Vương, các nhà cách mạng, các nhà khoa bảng. Lấy nghiêm mà khoan đối với những kẻ phạm pháp. Trái lòng thương yêu giúp đỡ đối với đại đa số đồng bào. Ai nấy đều phục tình mến đức.

Lúc bấy giờ có viên đội trưởng, tục gọi là Đội Niên, lãnh đạo một số đồng bào Nghệ Tĩnh, chiếm giữ một vùng hiểm trở, chống lại chánh quyền. Đội Niên lập căn cứ tại Hà Tĩnh, tự xưng là Chân Tổng đốc An Tĩnh và gọi quan triều đình bổ nhiệm là Ngụy Tổng Đốc. Quân Pháp đánh mãi nhưng không dẹp được. Đào công được lệnh tiểu trừ. Công cho người đi dò xét kỹ lưỡng tình hình của đối phương, rồi tâu xin hai chánh phủ Pháp – Nam, hể Đội Niên đầu hàng thì không được làm tội, dù là một tội nhỏ. Lời thỉnh cầu được chấp thuận. Đào công liền gửi cho Đội Niên một bức thư. Thư không dă động đến đại sự quốc gia mà chỉ hỏi thăm sức khỏe, nói việc đồng áng và bàn việc văn chương. Đội niên vốn là người có học, đọc thư Đào công tự nhiên sanh cảm tình, bèn phúc đáp một cách từ tốn. Từ ấy đôi bên thường có thơ từ qua lại, mỗi ngày tình mỗi thêm thân. Khi đã kết được tình thân thiện cùng Đội Niên, Công mới đem việc quốc gia ra bàn và khuyên nên sớm quy thuận. Công cam đoan bảo toàn tánh mạng và tài sản. Lời chân thành, lẽ vững chắc. Đội Niên cảm kích, giải tán đồ đảng, một mình sang dinh Đào công... Triều đình Huế và chánh phủ Pháp giữ lời hứa, không buộc tội Đội Niên và tha cho tất cả bộ hạ.

Thành tích ấy làm cho sỹ phu An Tĩnh đã mến phục Đào Tấn càng mến phục thêm.

Chánh tích đã tốt, văn tài lại cao, Đào công đã trở thành một ngôi sao sáng vùng Nghệ An Hà Tĩnh.

Thành Nghệ An đã xây dựng từ năm Minh Mạng thứ 12 (1832) nhưng nơi khung câu đối ở Cửa Tiền vẫn để trống vì không quan Tổng đốc hay nhà đại khoa nào dám trở tài. Đào công liền đề:

*Hồng sơn Lam giang như tại tả hữu;
Hoàng đồng bạch tẩu dĩ nhiên vãng lai.*

Nghĩa là: Núi Hồng sông Lam đứng bên tả nằm bên hữu, một cách tự tại; Trễ nít ông già sớm đi qua chiều đi lại, một cách thần nhiên.

Ai cũng công nhận là hay song không mấy ai thấu triệt ý nghĩa bốn chữ “hoàng đồng bạch tẩu”. Nhiều người cắt nghĩa nhưng nghe cũng có phần cưỡng ép theo chủ quan.

Để mua vui trong lúc rỗi rảnh, Đào công thường cùng con là Đào Thụy Thạch đọc sách viết văn và tổ chức những đêm hát bội cho mọi người đến xem. Bên cạnh dinh Tổng đốc có nhà “Phụ Tử Độc Thư Đường” và rạp hát “Như Thị Quan”.

Nơi Độc Thư Đường có dán câu đối:

*Nghi nghĩa tượng văn giai bất tri, phủ chương đại tiểu;
Lương thời nhā tập hốt vị kiến, cách song tiểu hồ.*

Nghĩa là:

*Nghĩa sách còn mờ, hỏi nhau đều không biết, vỗ tay cười to;
Lúc rảnh đến chơi, nhìn quanh chợt chưa thấy, hé cửa gọi nhỏ.*

Nơi rạp hát cũng có đôi câu đối

*Thiên bất dữ nhân, thả hướng mang trung tâm tiểu hạ;
Sự đô như ý, hà tu giả xứ tiểu phi chân.*

Nghĩa là:

*Trời chẳng cho nhân, trong bận rộn tìm vui chút đỉnh;
Đời toàn chuyện cợt, chốn bóng đùa sao chấp giả chân.*

Những câu đối bề ngoài ngộ như giản dị song bên trong ngầm chứa nhiều ý nghĩ sâu xa. Nếu đọc kỹ nghĩ chín, có thể thấy rõ tư tưởng của Đào công: Phận vụ lo tròn nhưng việc làm quan xem như trò du hí, lúc nào vui được cứ vui...

Đến năm Thành Thái thứ 6 (1894), Đào công được triệu về Kinh lãnh chức Thượng Thư bộ Công, 2 năm sau (1896) đổi sang

Thượng Thư bộ Binh. Năm Thành Thái thứ 9 (1897) lại sang giữ chức Thượng Thư bộ Hình. Tháng 5 năm ấy, cụ bà thân sinh mất, Đào công được về đình gian.

Tháng 3 năm Thành Thái thứ 10 (1898), Đào công được thăng Hiệp Biện Đại Học Sỹ, lãnh Nam Nghĩa Tổng đốc.

Năm ấy gặp khoa thi hội Mậu Tuất, Quảng Nam đậu được 3 tân sỹ (Phạm Tuấn, Phan Quang, Phạm Liệu) và 2 phó bảng (Nguyễn Đình Hiến, Ngô Chuân). Đào công cho theo cờ đề chủ Ngũ Phụng Tề Phi và cho đi rước tận địa đầu giáp tỉnh Thừa Thiên, cực kỳ long trọng. Về tỉnh các tân khoa lại được đãi yến và được tặng thơ. Thanh danh bay khắp Nam Bắc, trở thành một giai thoại được lưu truyền.

Quảng Nam cũng như Nghệ An, Hà Tĩnh, có nhiều danh sỹ, chí sỹ. Đào công không bỏ sót một nhân sỹ ưu tú nào của Ngũ Hành Sơn. Nguyễn Thuật, Nguyễn Thành, Trần Quý Cáp, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... đều là bạn thân giao.

Ở Nam Nghĩa mới được 8 tháng, Đào công được đổi ra Tổng đốc An Tĩnh lần thứ 2 (Thành Thái thứ 11 – 1899). Công đặc biệt chú ý đến lớp nhân sỹ trẻ tiến bộ, nhất là Sào Nam Phan Bội Châu.

Năm Canh Tý (1900), khoa thi hương trường Nghệ, Phan Bội Châu đậu thủ khoa. Có 1 quyển, văn chương đáng đậu cử nhân nhì, song vì phạm trường quy nên bị đánh hỏng. Quan chánh chủ khảo là Khiếu Năng Tĩnh thấy tác giả quyển thi là Đoàn Tử Quang, già 82 tuổi, thương tình hội ý cùng Đào Công, tư xin bộ cho Thủ khoa Phan Bội Châu đứng riêng một bảng, phạm trường quy Đoàn Tử Quang được dự hàng cử nhân chót bảng. Triều đình Huế chấp thuận.

Đào công mừng Thủ khoa Phan, 14 chữ:

Lương tuế tam nguyên thiên hạ hữu
Độc danh nhất bảng thế gian vô

Nghĩa là: Trong 2 năm mà 3 lần đỗ đầu, vốn đã có trong thiên hạ; Còn một mình đứng riêng 1 bảng, xưa nay chưa từng có trên thế gian.

Hai năm 3 lần đỗ đầu, là ám chỉ Tam nguyên Trần Bích San, người Nam Định, triều Tự Đức, đậu Thủ khoa năm Giáp Tý, qua năm Ất Sửu đậu tiếp Hội nguyên và Đình nguyên.

Công lại tặng cử nhân họ Đoàn 2 tuyệt liên hoàn:

Khả thị Hương Sơn Đoàn tú tài
Niên hoa bát thập nhị hồi khai
Thao trường bạch chiến tu như kích
Đoạt đắc nhất chi đơn quế lai
Đoạt đắc nhất chi đơn quế lai
Thung dung huệ trượng quá nam cai
Từ Vy cầu thập bát tuế hỷ
Thí kiền nhị lang đắc ý hồi.

Nghĩa là:

*Khả thật Hương Sơn Đoàn tú tài
Tuổi hoa nở đã tám mươi hai
Trường đua bạch chiến râu lâm mác
Cướp quế cung trăng sức chẳng hòa
Cướp quế cung trăng sức chẳng hòa
Thềm huyên nương gậy bước khoan thai
Mẹ già chín tám tuổi rồi vậy
Mới thấy con mình thỏa chí trai.*

Đào Tấn vốn biết Phan Bội Châu là một nhà cách mạng nuôi chí lớn, mượn khoa danh chỉ để hoạt động mà thôi nên luôn luôn tìm cách ủng hộ.

Mùa hạ năm Tân Sửu (1901), Phan Bội Châu cùng vài chục đồng chí như Phan Bá Ngọc, Vương Thúc Quý, Trần Hải... thảo luận định đến ngày kỷ niệm cộng hòa Pháp (Quatorze Juillet – 14 tháng 7) nhân lúc địch lo vui mừng ngày lễ, sẽ dùng giáo mác để cướp vũ khí của địch, rồi đánh lấy tỉnh thành Nghệ An. Kế hoạch đã sắp sẵn nhưng cơ mưu bị tiết lộ. Tên mật thám Pháp là Nguyễn Diễm, một cử nhân đỗ đồng khoa cùng Sào Nam, một mặt cho người đến báo sứ, một mặt thân hành đến dinh Tổng đốc để tưng cồng.

Lúc ấy Đào Tổng đốc vừa ăn cơm tối xong, đang nằm trong phòng riêng đọc sách. Nguyễn Diễm xồng xộc chạy thẳng vào phòng, quỳ ngay dưới chân giường thưa lạy bập: “Bẩm, bẩm cụ lớn...”. Đào công ngồi dậy bảo: “Khoan đã”. Rồi công dắt Diễm ra phòng khách mời ngồi:

– Anh với tôi cùng là văn thân với nhau cả. Có điều gì cần thì anh bảo lính nó mời tôi ra phòng khách nói chuyện, chứ việc gì

mà lại vào quỳ dưới chân giường tôi, làm mất thể giá văn thân làm vậy? Bây giờ ngồi đằng hoàng rồi, anh hãy nói đi.

Điềm ngó quanh ngó quất rồi bấm nhò rằng: “Phan Bội Châu chuẩn bị làm phản”. Công nói: “Có chắc không?”. Hấn quả quyết: “Hiện tại nhà Phan Bội Châu có tài liệu đầy đủ về việc chuẩn bị đánh thành Nghệ An và việc Đông Du”. Công đưa giấy bút cho Diềm làm tờ trình và cam đoan. Trong lúc ấy công vào thư phòng gọi lính hỏa bài lên báo:

– Cấp tốc chạy về huyện Nam Đàn bảo huyện sức ngay cho xã Đan Nhiệm sửa soạn nghi lễ để sáng mai cụ Tỉnh về bất giặc.

Lính hỏa bài đi rồi, công ra phòng khách. Diềm viết xong tờ trình dâng lên. Công xem qua chỉ cho hấn mấy chỗ chưa ổn và bảo hấn viết lại... Sáng hôm sau, nghi vệ đầy đủ, Đào Tổng đốc về huyện rồi xuống xã, đến tận nhà Phan Bội Châu lục soát. Nhưng tất nhiên là không thấy gì. Đáng lẽ tên Diềm phải bị tội vu khống theo tờ cam đoan. Song nhờ Sứ can thiệp nên mọi việc đều trôi qua.

Mùa thu năm Nhâm Dần (1902), nhân chánh phủ Pháp mở hội khánh thành cầu sắt sông Nhị Hà, Đào Tấn cấp cho Phan Bội Châu một giấy thông hành để đi xem hội. Nhờ đó mà Phan công gặp được anh hùng Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, cùng các nhà chí sĩ Bắc Hà.

Bên ngoài thì lo việc an dân, bên trong thì ngấm ngấm lo việc cứu nước. Nhưng “tỏ trắng chậu úp còn lờ, dòm ống vế beo sao thấu”. Nỗi buồn lắm lúc tràn ngập văn thơ. Để “mang trung tâm tiểu hạ” Đào công nhờ đến cảnh hý trường.

Để vừa mua vui cho bản thân vừa có ích cho hậu thế, Công quyết tâm phát triển nghệ thuật hát tuồng. Công gọi những ca công có tiếng ở Bình Định, Quảng Nam... ra Nghệ để vừa dạy đoàn hậu bối vừa rèn luyện thêm nghệ thuật. Công mở hẳn một trường dạy hát và đưa anh em kép hát chính vào quân đội. Anh em lãnh lương theo cơ đội ở tỉnh và nhận hàm phẩm võ giai nhưng chỉ chuyên về hành nghề và học nghề dưới quyền chỉ huy của Công. Do đó mới có những ca công xuất sắc như Bát Phàn, Cửu Khi, Cửu Ổ, Quán Thường, Đội Hiệp, Cai Hối, Cai Tư... Những chức Cai, Đội, Quán, những phẩm hàm Bát, Cửu là chức hàm trong quân đội chứ không phải nhờ hát hay mà chánh quyền

ban cho như nhiều người đã lầm tưởng. Triều thần đều biết rõ việc này, song một mặt vua Thành Thái ham thích hát bội không kém vua Tự Đức, một mặt Đào công lúc này đã đủ uy thế, các đại thần đều nể nang nên công việc của Công làm cho nghệ thuật đều không có mấy may trở ngại.

Năm Thành Thái thứ 14 (1902) Đào Tấn được gia thăng Thái Tử Thiếu Bảo, rồi được phong Tử Tước và được phong tặng Tam Đại: Cụ Đào Đức Ngạc được cáo tặng Gia Nghị Đại Phu, cụ bà Hà Thị Loan được cáo phong Tam Phẩm Thục Nhân. Trên 2 đời nữa là đời ông Nội và đời ông Cố đều được truy tặng quan hàm theo điển lễ.

Năm Thành Thái thứ 15 (1903) Đào công về Thượng thư bộ Công lần thứ 2, sung Cơ Mật Viện Đại Thần.

Về bộ lần này cũng như mấy lần trước, Đào công cực lực phân đối quyền thần Nguyễn Thân. Thân rất căm, song vì Đào công không có tỳ vết, lại được vua Thành Thái trọng vọng nên không làm hại nổi. Y rình rập từng giờ từng phút, hễ nắm được chút sơ hở gì của Đào công là chụp lấy ngay. Ngựa bốn chân trèo đèo còn vấp, huống chi Đào công làm sao tránh khỏi đôi lúc sai lầm.

Nguyên ông sui của Đào công là Hường Hàng đầu thầu làm lại dây trại Đông Ba. Trong điều kiện sách không ghi rõ những vật hạng cũ thuộc về nhà thầu hay về Chánh phủ. Hường Hàng nghĩ rằng làm lại trại mới thì trại cũ là đồ phế thải tất nhiên thuộc về nhà thầu, bèn đem gởi dờ nơi vườn sau bộ Công. Nguyễn Thân liền mật báo cùng tòa Khâm rằng “Đào Tấn thông đồng với Hường Hàng, biển thủ của công đem về giấu sau bộ”. Viên Công sứ tức tốc cho lính Tây đến bao vây bộ Công, không cho người vào ra, rồi cùng Nguyễn Thân đưa sự vụ ra đình nghị. Vua Thành Thái cùng một số đại thần biết rằng Đào Tấn vô tội. Song phe Nguyễn Thân đã đóng lại được viên Khâm sứ Pháp làm hậu thuẫn nên cán cân công lý nghiêng hẳn về phía chúng. Chúng đề nghị cách hết chức tước của Đào Tấn. Vua Thành Thái không chịu, phán:

– Ta còn ngồi trên ngôi ngày nào thì Đào Tấn không mất một trật nào hết.

Lời vua thì nặng nhưng thế vua không mạnh bằng thế của tòa Khâm. Lễ phải không thể nghiêng cán cân về phía Đào Tấn. Để cứu người ngay mắc nạn, Hữu thần Hà Đình Nguyễn Thuật bàn

mật sai người tâm phúc mang thư ra Hà Nội, trình bày sự thật cho viên Toàn quyền Đông Dương và thỉnh cầu can thiệp. Vốn biết Nguyễn Thuật và Đào Tấn là hai đại thần trung lương, liêm chính, không bao giờ có thể làm việc phi vi, viên Toàn quyền liền đi ngay vào Huế. Nhưng để làm vừa lòng đôi bên, bên vua và bên tòa Khâm, bên dân xếp:

– Đào Tấn được giữ nguyên hàm – hàm Hiệp Tá Đại Học Sỹ – nhưng phải về hưu trí.

Đó là năm Thành Thái thứ 16 (1904). Đào công đúng 60 tuổi.

Đào Tấn là một đại nhân, Nho thâm Phật cũng thâm. Hư tâm tiếp vật, tùy ngộ nhi an. Được vời ra làm quan, được thăng chức phong tước, không lấy làm hãnh diện, bị giáng cấp, bị buộc về hưu, không mấy bận tâm. Huống nữa “quy hưu” là sở nguyện: “Mãi điên hà nhật toại quy hưu”. Trước kia xin mà không được, nay không xin mà được thì chẳng những không chút bận tâm mà còn hoan hỷ là khác. Lòng “muốn về” bấy lâu đeo nặng, hễ gặp dịp là thể hiện ra văn chương.

Như khi làm Tham tri bộ Hộ, đưa ông bạn đồng châu là Án sát Nguyễn Duân, người thôn Kim Trì (Tuy Phước) về thăm quê, Đào công có câu:

Gia tình tợ ngã mưu thăng dẫu
Hương tứ tùy quân quả Hải Vân.

Nghĩa là: Anh cũng như tôi

Xuất sỹ

Bắc đắc dĩ vì thân lão gia bản

Nay anh

Dặm Dò Bàn hóm hờ đưa chân

Để tôi

Hồn quê lẻo đẹo qua Hải Vân theo về.

Lòng chán làm quan, muốn về quê hương vui cùng vườn ruộng chẳng những mới biểu lộ trong văn chương thời “nhất giang lương quốc”. Chúng ta cũng thường gặp trong các thi từ sáng tác thời đất nước chưa bị tam phân. Một bài thơ làm dưới triều Tự Đức sau đây là một bằng chứng:

KINH SƯ ĐẮC GIA THƯ

Giang thủy tam thiên lý
Gia thư thập ngũ hàng
Hàng hàng vô biệt ngữ
Chỉ đạo tỏa hoàn hương.

Nghĩa là:

*Làng quê sông nước muốn trùng
Thư nhà gửi gắm mười dòng nhớ thương
Chuyện đời không chút vấn vương
Chỉ mong con sớm hoàn hương là mừng.*

Ngày Đào công về hưu là ngày danh sĩ Hồ Sĩ Tọa ở Hòa Cư (An Nhơn) đậu Tấn sĩ vinh quy. Công tặng cặp câu đối:

Lục tuần ngã dĩ hưu quan khứ
Tam giáp quân sơ đắc đệ hồi.

Nghĩa là:

*Sáu mươi tôi đã về hưu
Bằng vàng tam giáp anh vui về làng.*

Ngâm bảo vị tân khoa: “Đường hoạn không ra gì đâu, hãy lấy tôi làm gương, sớm trở về quê mai danh ẩn tích thì hơn”.

Về hưu, Đào Tấn nhất định ở Vinh Thạnh, mặc dù ở Huế công có vườn nhà rộng mát. Cho nên công hốt cốt bà cụ thân sinh đem về chôn gần mộ ông cụ trong vùng Thấp Bính Ít.

Bà cụ mất ở La Chử, trước khi nhắm mắt dặn an táng nơi quê ngoại, xã Cổ Bưu ở Đông Ba đi xuống. Dời mộ về Bình Định thì trái lời trời của mẹ. Còn nếu để yên ở Cổ Bưu thì một mai biết nhờ ai coi chạp! Lòng hiếu tử lắm lúc thật khó giữ cho tròn. Nên khi cải táng Đào công có câu tâm sự:

Si nhi đồng khóc vì tiền mệnh
Từ mẫu anh thiêng phản cố san.

Nghĩa là:

*Lòng con thăm thiết sai lời trời
Hồn mẹ linh thiêng lại chốn xưa.*

Về hưu trí Đào Tấn dành trọn thì giờ để hưởng nhàn. Công thường đi dạo chơi trên các ngọn núi có danh trong hạt như Kỳ

Sơn, Phụng Sơn, Mai Sơn, Hàm Long sơn, Thù Lộ Sơn, Xuân Quang Sơn... và có bài ĐĂNG SƠN:

Thanh san như mỹ nhân
Tảo văn khan giai hảo
Tối thị tuyệt thắng xứ
Thường xuân bất kiến lão.

Nghĩa là:

*Non xanh chẳng khác người xinh
Chiều trông vẫn đẹp vẫn tình như mai
Rõ nơi tuyệt thắng đây rồi
Mầu xuân đã thấm nuôn đời vẫn xuân.*

Công chọn hòn Mai Sơn làm nơi an nghỉ cuối cùng của mình.
Khi tìm được “Vườn Thọ” công có 1 tuyệt:

Nhàn hương Mai Sơn bốc thọ vôn
Thạch đầu cao cứ tiểu vô ngôn
Mai tăng tha nhật tàng mai cốt
Ứng hữu mai hoa tác mộng hồn.

Nghĩa là:

*Nón mai tìm được sanh phần
Trèo lên mỏm đá dừng chân mỉm cười
Mai Tăng ngày giờ xương mai
Hồn mai chung giấc mộng dài nở hương.*

Đào công lại trưng được mấy mẫu đầm, đắp bờ cừ nuôi cá.

Đầm nằm dưới chân núi Xuân Quang. Sông Hà Thanh trước khi ra biển Thị Nại, rót nước vào đầm lênh láng chứa chan. Trên non dưới nước phong cảnh hữu tình. Công dựng một tiểu đình nơi mé đầm làm chốn thừa lương và đặt tên là Tiểu Hạ Đình. Nơi đình có dán 1 luật và 1 tuyệt:

Tiểu Hạ Đình Ngẫu Thư

Tỳ thử lâm lưu kiết tiểu đình
Tiền xuyên hoa liễu trợ song linh
Nghinh phong bán quyển liêm tam diện
Trử nguyệt hư phân thủy nhất đình
Dục bãi hân nhiên tầm Quý Nhã
Nhàn lai ngẫu nhĩ khán Tây Minh

Phù châu ngư dữ đa thanh hứng
Tiểu ngã giang hồ mộng vị tỉnh.

Phỏng dịch: **NGÃU ĐỀ NƠI ĐÌNH TIỂU HẠ**

*Tránh nắng đình ven mé nước gần
Trước song hoa liễu thấm dòng xuân
Lững lơ đón gió rèm ba mặt
Chân chửa dầm trắng nước một sân
Tắm mát thanh thoi tìm nhả khách
Ngồi nhàn chăm chú đọc cao nhân
Doi cò vục cá nhiều thanh thú
Hò hải cười chưa tỉnh mộng trần.*

VÔ HẬU NHÀN NGÂM

Vô hậu tình hòa thiên khí tận
Sơn hà cảnh sắc ánh trung chân
Dã hoa để điệu xuân vô tận
Tự ngã hưu đình độc túy nhân.

Phỏng dịch: **SAU MƯA NGÂM LỄU**

*Xứng mưa khi mát trời trong
Chân như hiện giữa non sông rõ ràng
Chim rừng hoa nội xuê xoang
Đình hưu say thú thanh nhàn riêng ta.
Xuân Quang, Hoàng Mai ở gần Vinh Thạnh.*

Vui với cảnh mới gần nhà, Đào công vẫn không quên cảnh cũ nơi xa cách: Chùa Ông Núi ở Phù Cát. Đi đường bộ có hơi nhọc nên những lúc đi thăm, Công thường đi đường biển. Một bận đi thăm chùa về thuyền gặp mưa gió, Công ngẫu chiếm một tuyệt:

PHÒNG LINH PHONG TỰ QUY CHÂU PHONG VŨ ĐẠI TÁC

Mai Tăng kim nhật hựu lai du
Khước tạ thiên phòng tiểu bất lưu
Khả ái sơn ông vô sở hữu
Chỉ tương phong vũ tổng quy châu.

Phóng dịch:

*Mai Tàng trở lại viếng Linh Phong
Tạ từ sư ông
Sư không cảm ở lại
Chỉ nhờ nụ cười thoát mai
Núi lại cũng như chùa
Trống trải tự ngày xưa
Thuyền về biết lấy gì đưa
Ân cần gởi trăn gió mướn theo thuyền.*

Đào công về hưu, các nghệ sỹ có danh ở Bình Định cũng theo về hết. Ở gần Công có Đội Hiệp người Tuy Phước. Những người ở các huyện khác như Bát Phần, Cửu Khi... cũng thường tới lui cùng Đào công. Công nghĩ rằng hát bội là một môn nghệ thuật, không rèn luyện đúng phương pháp thì không tới được điệu xứ của nghề. Công bèn mở trường dạy hát, nhờ các nghệ nhân có tài và có tâm huyết đến phụ trợ. Về hưu Công được triều đình Huế cấp cho 4 mẫu lộc điền. Công dùng huê lợi đó và huê lợi đầm nuôi cá Xuân Quang để trợ cấp cho các huấn luyện viên và làm sở phí cho trường hát.

Trường mệnh danh là Học Bộ Đình, có dán câu đối thờ Tổ:

– Tuyền xứ khôì hài, Mạn Thiên Tiên bản sắc;
Phùng trường tác hỷ, Hoan Hỷ Phật tiên thân

Nghĩa là:

– *Điệu cợt đúng nơi đúng lúc: Bản sắc Tiên Mạn Thiên;*
Mua vui gặp chốn gặp hời: Tiên thân Phật Hoan Hỷ.

Và Công giải thích cùng nhân sỹ Bình Định:

– Tôi dùng hai chữ Học Bộ để đặt tên cho cái đình của tôi vốn có 2 ý.

Một là người diễn tuồng phải lấy điệu bộ là trọng. Điệu bộ phải ăn khớp với điệu nhạc như trống, phách, sanh, nhất là với điệu hát như Nam, Khách, Xương. Bạch, cả những câu nói lối, câu tán, câu hường. Điệu bộ miêu tả cho khán giả thấy rõ nỗi lòng của nhân vật, nỗi lòng ấy câu hát câu nói chỉ diễn đạt một phần lớn, còn một phần nữa phải nhờ ở điệu bộ thì mới lột hết được tinh thần của vở tuồng. Có nhiều vai tuồng chỉ dùng điệu bộ để nói lên

những điều thâm kín của nhân vật mà vai tuồng ấy đóng. Ví dụ vai Tống Thái Tổ mượn cơ say rượu để giết Trịnh Ân, vai Tống Cao Tông mượn tay Tần Cối để giết Nhạc Phi. Nhân vật trong tuồng “ném đá giấu tay”, điệu bộ của diễn viên phải làm sao cho “tay nhân vật cố giấu mà mắt khán giả vẫn nhìn thấy nhân vật ấy giấu tay”.

Hai là nêu cao đức khiêm tốn. Nghệ thuật diễn tuồng vô cùng thâm viển, điệu xử cách xa thiên vạn trùng, phải đi từng bước từng bước chứ không thể bay mau chạy nhanh được. Cái Đình nầy tôi dùng để dạy nghề cho những người muốn trở thành ca nhân. Ai muốn học thì tới đây học từng bước một. Mới học và còn học thì không thể hay, không thể hay đến tuyệt đỉnh được. Người đến xem nếu thấy những chỗ sơ xuất thì chỉ cười mà tha thứ chứ không nỡ trách bị.

Có người lại giải thích rằng:

– Hai chữ Học Bộ thoát thai từ điển tích người nước Yên học bó người nước Tấn: Một người nước Yên nghe người nước Tấn có lối bước rất đẹp, bèn rời Yên sang Tấn học bước. Học thành tài về nhà khoe tài bước đẹp của mình đã học được. Người nước Yên bảo: “Lối bước của anh còn kém xa người Tấn, nhưng anh lại bỏ mất vẻ đẹp riêng của người nước Yên rồi!”.

Đào Tấn nghe được cười:

– Giải thích như thế kể cũng rộng đó. Song con chim đậu ở nhánh Nam và trương cung nhắm nơi nhánh Bắc thì dù có tài như Hậu Nghệ cũng không thể bắn trúng chim.

Sợ con cháu trong nhà không hiểu thấu đáo ý mình, Công nói thêm:

– Cái hay của hát tuồng là cái hay riêng của người Việt Nam. Đem cái hay của người Việt Nam dạy cho người Việt Nam thì sắc thái của nghệ thuật không tăng thời thời lẽ đâu lại còn làm mất đến tánh chất dân tộc. Như thế sao lại đem chuyện người nước Yên học bước người nước Tấn mà gán cho Đình?

Dạy hát bội cũng như ra làm quan, chỉ là “phùng trường tác hỷ” song Đào Tấn tận dụng công phu:

– Những người đến xin học đều được chọn lọc kỹ: thân vóc, diện mạo phải cho coi được; tiếng phải cho tốt hơi phải cho dài,

sức khỏe phải cho đầy đủ; võ nghệ phải biết chút đỉnh, ít nhất là phải biết múa kiếm, múa dao, phải biết đánh biết né... Thanh sắc sức vóc được chăm mà không biết võ thì người được chăm phải về học tập võ nghệ trong ít lâu rồi sẽ đến học hát.

– Học hát thì sau khi các điệu đã thạo rồi, đến học bộ. Điệu bộ đã thạo rồi thì tập diễn. Trước khi diễn thì phải thuộc tuồng, phải hiểu nghĩa từng chữ, hiểu ý từng câu... để có thể lột được hết tình thần của vở tuồng.

Đào công chỉ vẽ từng nét, giải thích từng điểm hay điểm sai của từng học viên từng diễn viên... Nhờ vậy mà những người đã từng ở trong Học Bộ Đình đều luyện được nghệ thuật chín chắn. Và chẳng những người trong tỉnh Bình Định đến học mà có nhiều người ở các tỉnh khác ở tận ngoài Bắc trong Nam tìm đến thọ giáo.

Vừa để luyện tập học trò, vừa để giúp vui cho đồng bào trong hạt, Đào công thường tổ chức những đêm hát nơi Học Bộ Đình hoặc nơi rạp cất tạm trên đất trống trong làng. Có khi sân khấu là những vùng đất rộng có đủ sông núi ở trong vùng. Tuồng Tân Dã Đồn lớp Ông Chài và lớp Thủy Chiến đã được diễn trên nhánh sông Hà Thanh chạy dưới chân núi Hàm Long, lớp Từ Thứ Quy Tào đã được diễn trên quảng đường từ Vinh Thanh đến Hàm Long.

Đối với việc làm của Đào công, kẻ khen người chê, dư luận bất nhất. Chánh quyền Pháp – Nam để mắt dòm hành song thấy không hại chi đến việc trị an nên không ngăn cấm.

Các sỹ phu Bình Định vì Đào công không tham gia phong trào Cần Vương và lại ra làm việc cùng chánh phủ bù nhìn do thực dân Pháp dựng lên nên trước kia đối với Đào công rất ác cảm. Có nhiều người đã liệt Đào công vào hàng Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân. Nhưng sau khi nhìn thấy chánh tích của Đào công, từng giúp dân chớ chưa hề làm hại ai hết, nhận thấy thái độ của Đào công, đối với bản thân lấy thanh liêm, cần kiệm làm mực thước, đối với những kẻ sỹ đi khác đường với mình thì lấy thành tâm thiện ý làm nền tảng. Không gán kẻ gian nịnh, không sợ kẻ quyền thế. Lúc làm quan cũng như lúc về hưu luôn luôn sống đời sống thanh đạm... Khi ra đi nhà từ đường lợp tranh. Lúc trở về vườn nhà vẫn không chút thay đổi, trừ hai trụ “Lý môn” đứng sừng sững cạnh đường Quốc lộ I tại đầu con đường hương lộ chạy vào nhà Công. Hai trụ ba biểu này do quan tỉnh Bình Định cho xây để đón quan khâm sai đệ sắc vua phong GIA NGHỊ ĐẠI PHU

cho cụ cố Đào Đức Ngạc, năm Thành Thái thứ 14 (1902). Làm quan 30 năm, Đào công chỉ còn để 2 trụ biểu “Lý môn” làm sản nghiệp. Thấy rõ được chân tướng của Đào Tấn, các sỹ phu Bình Định đổi hẳn thái độ. Những người trước kia công kích Đào Tấn nhiều nhất như Nguyễn Trọng Trì, Nguyễn Bá Huân (cựu chiến sỹ Cần Vương ở An Nhơn)... trở thành bạn tâm đắc.

Hai ông họ Nguyễn thường đến bàn chuyện văn chương cùng Đào công và rất phục Đào công, phục đức độ, phục học vấn và phục nhất là tài soạn tuồng và diễn tuồng.

Thường đến cùng Đào công còn hai người nữa là thầy tú Võ Kiêm ở Hưng Trị (Phù Cát) và thầy tú Đặng Văn Thám ở Lương Bường (Tuy Phước).

Cũng như hai cụ họ Nguyễn ở Vân Sơn, 2 thầy tú họ Võ họ Đặng đều là những nhà soạn tuồng nổi danh. Cả bốn người đều tôn Đào công vào bậc trưởng thượng.

– Cụ Nguyễn Bá Huân gọi Đào công là “phụng hoàng trong loài chim, kỳ lân trong loài thú”.

– Cụ Nguyễn Trọng Trì gọi Đào công là “hoa mẫu đơn làm chúa các loài hoa”.

– Thầy tú Thám gọi Đào công là “Tổ sư Bồ Đề”.

– Thầy tú Kiêm đã được công truyền những bí quyết về soạn tuồng, diễn tuồng và đã nhận sắc 2 võ tòng Dương Lễ – Lưu Bình và Hoàng Thúc Nhập Nhoái. Hai võ tòng này đã được đem ra diễn ở Học Bộ Đình và rất được hoan nghênh.

Một số người hậu học ngỡ rằng nhân sỹ Bình Định cũng như vua Tự Đức vua Thành Thái, mến phục Đào Tấn vì tài soạn tuồng hát mà thôi. Nhưng rồi họ hối hận rằng mình không thấy xa suy kỹ, sau khi đã đọc được những “giai phẩm động thời văn” như các câu đối phúng các chiến sỹ chống Pháp đã hy sinh vì Tổ quốc. Ví dụ:

– Câu đối diêu anh hùng Mai Xuân Thưởng tuần quốc năm Đinh Hợi (1887) sau khi thất bại trận Bàu Sấu:

+ **BINH** tặc chí nan thành, **ANH** phong Linh Đồng xuy cao thụ;

+ **ĐÌNH** biên công vị toại, **HÙNG** khí Côn giang phó bích lưu.

Nghĩa là:

+ Bình giặc già, chí không phí chí, Anh phong Linh Đồng đui hiu
thổi lạnh đánh cây cao;

+ Định côi bờ, công chưa thành công, Hùng khí Côn giang lơ lững
trôi xuôi dòng nước biếc.

Ý nói: Tuy đại sự không thành, song tiếng Bình Định Anh Hùng
vẫn bất diệt với Côn Giang Linh Đồng.

- Câu đối diêu anh hùng Phan Đình Phùng bị bệnh mất năm Ất
Mùi (1895):

+ Thành bại anh hùng mạc luận. Thử cò trung thử đại nghĩa, thế
dư chư quân tử thủy chung. Châu chi anh Mạc chí linh, độc thư mỗi
niệm cương thường trọng. Khả hận giả! Thủy diên đại hạ, nhất mội
nan chi. Cung lãnh yên tiêu, thủy nhân bất tác thâm sơn oán! Huống
đương nhật long phi vân ám, cộng ta nhân sự vô thường! Khả liên La
Việt giang san, bách niên văn hiến phiên cung mã;

+ Cờ kim thiên địa vô cùng. Nhi lưu thủy nhi cao phong, đồng thử
đại trường phu vũ trụ. Lam chi phong Hồng chi tuyết, xung hàn vô
nại bách tung diêu. Vị hà tai? Hội quyết đôi ba, trung lưu để trụ.
Tinh di vật hoán, hà nhân bất khởi cố viên tình! Cập thử thời nhạn
tán phong xuy, kham thán thiên tâm mạc trợ! Độc thử Tùng Mai khí
tiết, nhất tử tinh thần quán đầu ngư.

Tạm dịch:

+ Anh hùng thành bại chớ bàn. Trung đường ấy nghĩa đường này,
thẻ vụn thủy chung tình chiến hữu. Đẹp hòn Sơn linh đỉnh Mực, bút
nghiên những nặng gánh cương thường. Khả giận thay! Ngựa
nghiêng nhà lớn, chống đỡ một cây. Cung lạnh hương tàn, non thẳm
cũng sôi lòng oán hận! Huống đương lúc rồng bay mây tối, lại thêm
việc thế rối ren. Những thương La Việt giang san, văn hiến trăm
năm thay kiếm mã.

+ Trời đất xưa nay chẳng đổi. Non mãi cao nước mãi chảy, nổi
liền vũ trụ chí anh hào. Tuyết ngàn Hồng gió sông Lam, rét mướt chi
sờn gan trắc bá. Làm sao được! Dồn dập sóng to, lẻ loi cột đá. Sao
dài vạt đời, tình quê thêm nặng mối buồn thương! Lại gặp cơn gió
thổi nhạn tan, trách bấy lòng trời lơ lao. Riêng vững Tùng Mai khí
tiết, tinh thần nghìn thuở rạng trắng sao.

Trong khi ngục vãn tự mở khắp nước, những người không có đại dõm hùng tâm hỏi ai dám công nhiên viết ra những lời đầy nhiệt tình nhiệt huyết như thế?

Tiếp đến những quyển sách cấm được lên lút chuyển tay cho những người có lòng với đất nước xem. Quyển Niên Biểu của cụ Phan Bội Châu cho biết rằng Đào Tấn lúc làm quan lớn đã từng qua lại với các nhà chí sĩ và đã từng giúp các chiến sỹ cách mạng hoạt động, giải cứu những người lo đại sự thoát khỏi nanh vuốt của phong kiến thực dân. Quyển Cuộc Đời Cách Mạng của Cường Để đã cho biết rằng Đào Tấn là một người trong giới quan lại đã gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội sớm nhất. Không bao giờ Đào công nói cho ai biết những việc bí mật mình đã làm.

Nhưng lòng của Đào công mỗi ngày mỗi được quốc dân thấy rõ và danh của Đào công mỗi ngày mỗi rạng rỡ thêm.

Vui hưởng thanh nhàn được 3 năm từ ngày về hưu trí. Năm Đinh Tỵ, Thanh Thái thứ 19 (1907), một hôm vào khoảng trung tuần tháng 7, Đào công đi xuống Xuân Quang, dặn người nhà lau chùi lán ghé và sửa sửa lễ vật để đến ngày Vu Lan làm lễ cầu siêu cho tiền nhân. Trưa 13 Công ra thăm Hạ Thanh tắm gội. Công rút chiếc trâm vàng đeo nơi hõn da ven méo đâm. Thành linh một con chình to lớn bơi đến dớp chiếc trâm rồi lặn mất. Công cho là triệu bất tường. Về đến nhà thì xan xuống đau. Chỉ cảm sơ sơ. Nhưng hai hôm sau thì mất. Mất vào ngày rằm, thọ 63 tuổi.

Mất một cách bình an tĩnh táo. Trước khi nhắm mắt có câu:

Điền cuồng lục thập tam niên tẩu
Tự phụ lâm tuyền đệ nhất nhân.

Nghĩa là:

*Lão cuồng tuổi sáu mươi ba
Lâm tuyền, tự phụ: ngoài ta không người.*

Đám tang rất trọng thể. Các sỹ phu trong tỉnh, viên công sứ Quy Nhơn, viên Tổng đốc Bình Định đều đến đưa đám.

Câu đối phúng diếu có đến vài trăm. Được truyền tụng nhất là câu đối của chí sỹ Nguyễn Bá Huân, vì cảnh chân tình thiết, dễ lọt cuốn lòng người đọc người nghe:

+ Trừu trăm quy lão dĩ tam đông, bách ưu vô phục lụy, Phò trọng Xuân Quang biệt lữ, Phương Thái linh phong, mỗi phùng giai tiết tương yêu, hứa đa thành thú;

+ Hàm lệ đàm tâm tài thất nhật, nhất bệnh hồ trường từ, Khu xa Vinh Thạnh lý môn, Huỳnh Mai cao trủng, đồ thán cố nhân an tại, năng bất thương tình.

Tạm dịch:

+ Rút trăm về lão đã ba đông, trăm mối lo âu thôi vương dạ, Nương gậy đến Xuân Quang nhà mát, Phương Thái núi thiêng, Những mong giai tiết chung vui, hẹn nhiều thành thú;

+ Ngậm lệ tỏ lòng vừa bấy bữa, một lần đau yếu vội chia tay, Vịn xe qua Vinh Thạnh cổng hoa, Hoàng Mai cửa mộ, đành để cố nhân yên nghỉ, nghỉ lắm thêm thương.

Anh cốt táng nơi Hoàng Mai sơn. Mỗi bận xuân về hoa vàng nở hương tràn gió núi. Và

Núi Mai gìn giữ xương Mai

Hồn mai cùng giấc mộng dài đơm xuân.

VỢ CON

Đào Tấn có:

- 3 bà vợ chính thức, 1 bà Bình Định, 2 bà Huế.
- 6 nàng hầu.

Bà Bình Định tên là Phạm Thị Trịn, kết duyên cùng Đào công từ khi Công mới đậu cử nhân. Suốt thời gian công đi làm quan, bà ở nhà thay chồng phụng dưỡng cha mẹ. Ông cụ bà cụ qua đời, bà ở nhà coi việc hương khói, thú ngựa xe lầu gác, lòng không hề ước mơ.

Ra Huế, Đào công gặp song nga, người Hoàng phái. Chị là Tôn Nữ Ngọc Triêm, em là Tôn Nữ Diêu Tiên, đã có sắc lại có học. Nghề riêng, bà chị nữ công khéo có tiếng, bà em đàn hay có tiếng

Trai phong lưu Bình Định

Gái thanh lịch Thừa Thiên

Ba sinh dù chẳng hương nguyên

Khuôn xanh sẵn mối lương duyên buộc ràng.

Ở Huế Đào công có một sở vườn nhà tại La Chữ đặt tên là Mai Viên, để về nghỉ ngơi trong những lúc việc quan rỗi rảnh. Bà Ngọc Triêm lãnh phần giữ Mai Viên để bà Diêu Tiên theo phục vụ Đào công. Do đó người nhà gọi bà chị là Bà Vườn, bà em là Bà Bộ.

Khi Đào công thăng Hiệp Biện Đại Học Sĩ và được phong Tử Tước thì vợ cũng được phong tạng. Vinh dự này lẽ ra bà Bình Định được hưởng. Nhưng vì Đào công khai bà Ngọc Triêm là nguyên phối nên bà nầy được sắc phong Nhất Phẩm MẠNG PHỤ. Ở Bình Định có dư luận không tốt đối với Đào công. Các vị túc nho bảo:

– Bụng Đào tấn chứa thiên kinh vạn quyển nhưng bỏ sót câu nói của Tống Hoàng chép trong Hậu Hán Thư: “Tào khang chi thể bất khả hạ đường”.

Bà Đào Chi Tiên nói:

– Không phải tiên công tôi phụ nghĩa mà chính bà Bình Định tự thấy mình quê mùa không xứng với hàm phẩm quá cao nên đã thuận nhượng.

Đền nhà ai nấy tỏ. Nhưng chắc chắn là Đào công không phải là người “đeo thối bạc của kẻ giàu sang”. Bởi khi bà Bình Định qua đời, Công có bài điều tang rất thống thiết:

Tự cố sinh ly tức cảm thương
Tranh giao tử biệt tự tương vương
Hoang pha hà xứ phần tam xích
Lão nhân tha hương lệ số hàng
Đa sự xuân phong xuy mỏng tán
Vô tình hàn nguyệt chiếu canh trường
Hoàn gia nhật thị tàn hàn tiết
Nhẫn kiến đường không chỉ quảĩ tường.

Phỏng dịch:

*Sinh ly long chịu lắm đau thương
Tử biệt thêm bao nỗi đoạn trường
Gò vông chôn dấu tình cụ chấn
Mặt già tuôn mối lệ tha hương
Đều hưu thổi gió xuân tàn mộng
Lạnh lẽo soi canh nguyệt gác trường
Hàn thực ngày về thăm chốn cũ
Còn nơ lưng còng mảnh thể lương.*

Đôi với ba bà vợ, Đào công yêu quý bà Diêu Tiên hơn hết. Tình của công đối với bà biểu lộ nhiều trên văn chương. Xin đơn cử một tuyệt.

THỌ ĐIÊU TIÊN PHU NHÂN NGŨ THẬP SƠ ĐỘ

Diệc xưng lương hữu diệc xưng khanh
Bạch phát thanh sơn cảnh hữu tình
Thảo thất khuynh trường dữ quân thọ
Bách niên bán đi đo phù sinh.

Phỏng dịch:

*Chung đôi bạn tốt vợ hiền
Non xanh tóc bạc cho duyên đượm đà
Rót chung thọ ta cùng ta
Trăm năm phu nhê mộng qua nửa rồi.*

Còn 6 nàng hầu đều là người nấu nướng khéo hát múa hay, dùng để gia vị cho thú phong lưu theo thời thượng. Giá trị ngoài xã hội cũng như trong gia đình không mấy cao sang.

Đào công có nhiều con, trai có trên 10 người, gái có đến 5, 6 người. Được nhiều người biết tiếng.

Bên trai có:

- Đào Bá Quát, con bà Bình Định,
- Đào Thụy Thạch, Đào Nhữ Tuyên. Đào Nhữ Thuận.

Bên gái có:

- Đào Trúc Tiên,
- Đào Chi Tiên.

Ba ông con trai và hai bà con gái này đều con bà Ngọc Triêm. Bà Diêu Tiên không con.

+ Đào Bá Quát từ nhỏ đến lớn đều ở Vinh Thanh với mẹ. Đậu cử nhân. Mất sớm. Đào công ở Nghệ An được tin khóc:

Dị lộ bất tăng từ ngã khứ
Viễn thành du ước mộng nhi lai.

Phỏng dịch:

*Ra đi con chẳng một lời
Cùng ta từ biệt về nơi u huyệt
Thành xa còn nhớ những đêm
Con nương giấc mộng ra tìm thăm cha.*

+ Đào Thụy Thạch hay chữ nổi tiếng. Hay chữ tương đương với Đào công. Đi thi, ai cũng cho chắc là chức thủ khoa nắm vững trong tay. Điểm thi cao nhất trường Song vi là người Bình Định thi trường Thừa Thiên, lại thêm quan Chánh chủ khảo là Đào Phan Duán vừa đồng hương vừa đồng tánh, tỵ hiềm, đánh Thụy Thạch xuống cử nhân nhì, nhường ghế thủ khoa cho một người địa phương. Thụy Thạch rất lấy làm bất mãn. Đào công cất Phụ Tử Độc Thư Đường ở Nghệ An, là một cách an ủi khéo léo Đào Thụy Thạch. Thụy Thạch mất sớm, chưa kịp thi thố tài năng với đời.

+ Đào Nhữ Tuyên đậu cử nhân.

+ Đào Nhữ Thuận đậu tú tài.

Hai anh em đậu một khoa trường Bình Định.

Ông cử Trần Kế Xương, làng Hanh Quang (Tuy Phước), đi cho hai anh em một câu đối mừng:

- Huynh cử nhân đệ tú tài, văn chương thiên hạ;
- Phụ tại triều tử đẳng bång, cầm tú nhất đường.

Câu đối ý nghĩa đầy đủ, cách đối tiếng lại rất tài tình. Hai anh em ông Tuyên rất mừng, thuê thợ sơn son thếp vàng treo nơi phòng khách.

Đào công về thăm nhà, trông thấy câu đối, sai hạ xuống, lựa 3 chiếc roi mây quán vãi đều nơi đầu roi, rồi cho người một mặt mang roi và liễn vàng son đến Văn Chỉ Tuy Phước, một mặt mời thầy cử Xương cùng cử Tuyên tú Thuần đến Chỉ. Khăn áo chỉnh tề, Công đến làm lễ thánh hiền, rồi truyền hai ông con nằm xuống, đặt hai chiếc roi lên lưng, nghiêm giọng hỏi:

- Hai ông tân khoa có hiểu thâm ý của câu đối mừng đó chăng? Thử nghĩ: Con nhà gia giáo mà anh đậu cử nhân gần chót bảng, em chỉ đậu tú tài, như thế mà gọi là “văn chương thiên hạ” thì còn lời mĩa mai nào bằng? Thêm nữa “văn chương thiên hạ” còn ngụ ý là “văn chương của thiên hạ là cho chó không phải thực lực”. Bị người ta khinh miệt, đã không biết xấu hổ còn đem sơn son thếp vàng để bêu danh!

Hai anh em ông Tuyên sợ run, mồ hôi trán nhỏ giọt.

Đoạn Đào công quay qua phía ông cử Xương, ôn tồn nói:

- Con cái tôi ngu dốt, thầy cử phạt chừng nấy chưa đủ sao mà còn lời cha chúng ra nữa? Đâu có phải nhờ tôi làm quan tại triều mà con tôi thi đậu? Sao thầy nở mắng là “phương giá áo chỉ có mã lè loét bên ngoài”?

Ông cử Xương cứng cả miệng lưỡi, không đợi truyền, vội nằm sấp mặt xuống đất chịu tội.

Trước thái độ thành khẩn của ba người, Đào công bảo cả ba đứng dậy... và truyền chẻ chum 2 câu liễn vàng son.

Sau ông Tuyên và ông Thuần đi học Quốc Tử Giám, được bổ đi làm quan.

Đào Nhữ Tuyên được bổ tri huyện Đức Phổ ở Quảng Nghĩa.

Họ Đào vừa đến lý sở buổi chiều thì sáng sớm hôm sau, nơi hai trụ ba biểu trước cổng huyện viết trên lớp vôi trắng mới quét, một

bên 2 chữ Hát Hay, một bên 2 chữ Học Dốt. Lính canh trông thấy chạy vào bẩm quan. Họ Đào mỉm cười, bảo lính mài mực lấy bút, ra cổng nối thêm mỗi bên 5 chữ nữa, thành 2 câu đối:

+ Hát hay rõ kếp Quy Nhơn thật;

+ Học dốt làm quan Quảng Nghĩa chơi.

Đào Nhữ Thuần được bổ tri huyện Hòa Đa tỉnh Bình Thuận.

Người đời thỉnh thoảng nhắc đến ông do câu đối của ông cử Xương và câu đối khôi hài của Đào công tặg khi ông đậu tú tài:

+ Cống sỹ an cảm hy! Ngán bằng đề lai, đi tại lộc mình yến thượng;

+ Tú tài hà tàng tiện? Thiết kiêu quy khứ, tùy văn khuyến phê thôn trang.

Nghĩa là:

Cử nhân dám sánh đâu, tên yết bằng ngán, yến lộc mình thơm ngát;

Tú tài sao hèn thế? bước qua cầu sắt, tiếng chó sủa vang lòng.

Lộc mình nghĩa đen là nai kêu, tên một bài thơ trong Kinh Thi nói về yến tiệc. Những người thi đậu cử nhân được quan tỉnh đãi yến và được cử trông rước về làng. Còn tú tài thì không được dự yến, nằm đợi nơi quán trọ để đi theo đám rước các ông cử “cho vui chân”. Ở tỉnh thành Bình Định về làng Vinh Thạnh phải qua cầu Tân An. Lúc bấy giờ đã bỏ cầu gỗ làm cầu sắt. Cử nhân thì trông giống cờ sỏ, còn tú tài thì chỉ có tiếng chó nghe tiếng trống sủa theo!

Về trên khen ông Tuyên,

Về dưới mắng ông Thuần.

Nghe qua thì có vẻ bông đùa nhưng gẫm lại thì quá nghiêm khắc! Có thể gọi là “bàn tay sắt bọc một lớp nhung dày”. Ông Thuần bị đánh đau nhưng phải gượng cười trong nước mắt.

+ Hai bà con gái, bà Trúc Tiên và bà Chi Tiên ở bên cạnh Đào công từ lúc bé cho đến lúc có chồng. Được Công dạy dỗ nên chữ giỏi, nôm giỏi và hát rất hay. Hai bà còn để lại nhiều văn thơ, nôm có chữ có, song chỉ phổ biến trong vòng thân thích cho nên không được nổi danh trên thi đàn như bà Tương Phố, mặc dù tác giả “Giọt lệ thu” là bạn tâm giao và rất phục tài nghệ.

+ Các nàng hầu, hơn một nửa có con song không có người con nào xuất sắc. Riêng nàng hầu thứ 5 có một người con trai không thể không nhắc đến.

Người con trai ấy tục gọi là cậu Ấm Bỏ, diện mạo đã dữ tợn, tánh nết lại hung hăng, thường cậy thế cậy thân làm nhiều điều phi pháp. Để tránh tiếng cho Đào công, gia đình phải đem Ấm Bỏ về an trí ở Vinh Thạnh, thuê người canh giữ không cho ra khỏi nhà.

Ấm Bỏ sanh đúng lúc Bồi Ba bị hành quyết. Thời bấy giờ các gánh hát thường diễn tuồng Phàn Lê Huê chém Dương Phàm liền sanh ra Tiết Cương... Nên có dư luận rằng Ấm Bỏ là Bồi Ba đầu thai để báo thù họ Đào, cũng như Dương Phàm đầu thai làm Tiết Cương để báo thù họ Tiết.

Bà Đào Chi Tiên khi thuật lại chuyện Bồi Ba và Ấm Bỏ đã than:

– Ấm Bỏ là một cục bùn dơ ném vào dòng suối trong mát của họ Đào...!

Nhưng bùn dơ đã trôi đi sạch, dòng suối trong mát họ Đào vẫn trong mát nghìn thu. Và:

Thanh tuyến tế ẩm tri chơn vị

Bất phụ nhân gian phát diệm truyền.

(Nước suối trong uống từng ngụm nhỏ mới biết được chơn vị;

Chẳng phụ với người đời thì hương thơm mãi mãi truyền).

PHẦN II

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

Đào Tấn để lại cho chúng ta một sự nghiệp văn chương vĩ đại: Tuồng hát Hán – Nôm, Thi Từ Hán tự.

Sự nghiệp ấy không giấu kín nơi danh sơn nhưng ngót 60 năm trời chúng ta chưa khai thác được mấy chút!

TUỒNG HÁT

Trong số nhà soạn tuồng hát Việt Nam từ xưa đến nay, Đào Tấn là người tài nghệ cao nhất và sáng tác cũng nhiều nhất.

Tác phẩm gồm có:

- Tân Dã Đôn,
- Đãng Khấu,
- Bình Định,
- Tam Bảo Thái Giám Thủ Bửu,
- Tứ Quốc Lai Vương,
- Quần Trán Hiến Thụy,
- Vạn Bửu Trình Tường,
- Cổ Thành Hội,
- Hộ Sanh Đàn,

- Trầm Hương Các,
- Diên Võ Đình,
- Phong Ba Đình.
- Quỳnh Lâm Diễm Mộng,
- Liễu Hạng Ba Cù,
- Biện Kinh Thất Thủ,
- Trường Giang Chiến Cổ,
- Hàn Thế Trung v.v...

Ngoài ra Đào công còn nhuận sắc hoặc cải biên một số tuồng cổ:

- Khuê Các Anh Hùng (tức Tam Nữ Đồ Vương),
- Sơn Hậu,
- Hoàng Phi Hổ quá Giới Bài Quan,
- Cổ Miếu văn ca
- Đào Phi Phụng,
- Định Thanh ly Thợn ... của cụ tú Diêu

Đào công lại còn đọc và phân loại trên một trăm vở tuồng cổ soạn từ thời Tây Sơn, do danh sỹ Nguyễn Trọng Trì sưu tầm và hiệu đính.

Công của Đào công thật lớn lao!

Đối với tuồng Đào công lưu tâm thể ấy, trước hết là do sở thích. Sở thích có từ lúc bé. Lớn lên lại gặp được ông thầy đồng sở thích vun quén tài năng. Sở thích và tài năng hợp lại, lớn dần thành sở trường, rồi dùng sở trường để soạn tuồng, sửa tuồng... Không phải chỉ để “tác hỷ” trong lúc “phùng trương”, mặc dù quan niệm rằng “sự đồ như hỷ”, mà còn nhắm nhiều mục đích.

- Ký thác tâm sự,
- Chấn hưng đạo đức,
- Canh tân chánh trị,
- Duy trì phong tục...

Lúc về hưu ở Vinh Thạnh, công thường nói cùng nhân sĩ Bình Định:

– Những người viết tuồng ở nước ta đều là bậc hiền nhân quân tử bị cùng bách, có điều ẩn chứa trong lòng không thể nói ra, không dám nói ra, mà lại không nỡ không nói, như phẫn uất về chánh trị áp chế, đau xót về xã hội nhơ bẩn, buồn thương về việc hôn nhân không được tự do... nên phải dùng cách mềm dẻo khéo léo mà nói ra... Tác giả dùng sức mạnh của ngòi bút tả cảnh ngộ, tả cảm xúc... của nhân vật trong tuồng một cách lâm ly thâm thiết, lôi cuốn được tất cả lòng người trong mọi tầng lớp nhân dân. Ở nước ta người thông kinh sử, hiểu sâu văn chương thì ít mà kẻ không biết chữ thì nhiều. Sáu kinh không thể dạy họ được thì tuồng hát có thể dùng để dạy họ. Lịch sử không thể vào tâm não họ được thì có thể dùng tuồng hát mà cho vào. Luật lệ không thể trị họ được thì có thể dùng tuồng hát để trị họ... Tôi đã từng thấy nhiều ông cha nhiều bà mẹ đem những sự tích trong tuồng hát mà răn dạy con, có nhiều con trai, con gái soi gương những nhân vật trong tuồng hát mà sửa mình... Nhiều trẻ em đã đem những nét xấu xa của nhân vật trong tuồng hát ra giễu cợt bạn bè có những hành vi không tốt...

Lại nói:

– Luật pháp của nước ta đối với bọn cầm bút thật là khắt khe. Nét mực có chút đỉnh chệch sai triều chính thì ngục vắn tự lập tức dấy lên. Những vụ án Nguyễn Văn Thành, Cao Bá Quát mỗi khi nghĩ đến không thể không rung mình mọc ốc! Dùng tuồng hát nói lên được việc quốc gia mà không mắc vào tội phỉ báng há không hơn lời trung chính của quan Ngự sử bị trách cứ hay sao.

Vì vậy trong tất cả các tuồng, tuồng sửa cũng như tuồng soạn, việc lập ngôn rất thận trọng, việc dụng ý rất tinh thâm.

+ TÂN DÃ ĐỔN – là vở tuồng đầu tiên của Đào Tấn. Sự tích rút trong Tam Quốc Chí diễn nghĩa: Lưu Bị đồn binh ở Tân Dã để chống Tào Tháo. Tướng Tào là Tào Nhân đương đêm kéo đại binh từ Phàn Thành sang đánh Tân Dã. Quân sư của Lưu Bị là Đan Phúc dùng mưu chia binh nghênh chiến. Tào Nhân bị đại bại. Binh bị tiêu diệt gần hết, Phàn Thành lại bị mất.

Tào Nhân chạy về Hứa Xương trình bày cho Tào Tháo biết rằng mình bị thua vì lầm mưu Đan Phúc. Tào Tháo dò biết Đan Phúc là Từ Thứ cải danh. Tháo liền sai người đi bắt mẹ Từ Thứ đem về Hứa Xương ép buộc gọi con về. Từ Mầu không chịu. Tháo nghe lời Trình Dục giam Từ mầu lại, rồi giả dạng chữ Từ mầu,

viết thư gửi sang Tân Dã báo Từ Thứ về gấp để cứu nạn. Từ Thứ làm kế, bóp bụng từ già Lưu Bị. Từ Thứ đi rồi, Lưu Bị dắt chú tướng lên gò cao đứng trông theo. Đi được một quãng xa, Từ quay lại để cử Khổng Minh và giục Lưu Bị kịp đến Nam Dương cầu Khổng Minh.

Tướng gồm 1 hồi 2 lớp: Lớp I gọi là Đan Phúc phân binh, thường gọi là Tân Dã phân binh. Lớp II gọi là Từ Thứ quy Tào.

Trọng tâm của tướng là đề cao trung hiếu hai bên đều nặng như nhau nhưng phải tùy trường hợp mà đặt bên nào dưới bên nào trên, chớ không mấy khi trung hiếu được vẹn toàn.

- *Thế sự nhán tình khéo khéo,*
Vội hỏi người toàn hiếu toàn trung.
- *Muốn cho tôi chứa đoàn viên,*
Chi xiết mẹ con ly biệt.
- *Nong nã vì thương nỗi mẹ,*
Lỡ làng cam lỗi phận tôi.

Trong trường hợp Từ Thứ, trung phải nhẹ hơn hiếu.

Vở tướng rất được “ăn khách”. Khi mới ra đời, tướng liền được hoan nghênh nhiệt liệt. Đến khi Đào công đã quy lão, tướng lại được đem diễn trên sân khấu thiên nhiên và được khán giả nhiệt liệt hoan nghênh một lần nữa.

Tướng soạn năm nào không được rõ. Bà Đào Chi Tiên bảo rằng Đào công soạn lúc 18 tuổi. Không dám tin chắc, bởi lúc Đào công 18 tuổi thì mới được thọ giáo cùng cụ Nhơn Ân. Gặp được thầy hay, Đào công dồn hết công sức vào việc học tập cả Hán lẫn Nôm. Đến khi bên Hán đã thành công rồi, mới đem sở học về Nôm ra thí nghiệm. Như thế chúng ta có thể tin chắc chắn rằng Tân Dã Đồn ra đời sau khi Đào công đã đậu cử nhân (1867) và trước khi ra làm quan (1871), trong khoảng 4 năm.

Thong thả cười mây cợt nước
Một chữ nhàn nửa phước nửa duyên...

Chính vở Tân Dã Đồn đã giúp vua Tự Đức biết rõ tài nghệ của Đào Tấn nên khi mới sơ hở đã được sung vào chức Hiệu thơ và sắc chỉ soạn 3 bốn tướng Đảng Khấu, Bình Định và Tam Bảo Thái Giám Thủ Bửu.

+ ĐĂNG KHẤU, BÌNH DỊCH, TAM BẢO THÁI GIÁM THỦ BỬU

Ba vở tuồng này có tánh cách thời sự.

Lúc bấy giờ trong nước có nhiều cuộc nổi dậy chống chánh quyền. Triều đình Huế gọi là Thảo Khấu (giặc cỏ) cần phải Đăng (quét). Còn Dịch là bọn xâm lăng Pháp, cần phải Bình (dẹp yên).

Hai vở này đều hư cấu.

Vở Tam Bảo Thái Giám diễn sự tích Trịnh Hòa đời Minh được vua sai đi bang giao với các nước láng giềng để mong giữ vững đất nước đương bị ngoại bang đe dọa.

Tuồng soạn năm Tự Đức thứ 25 (1872) và chỉ phổ biến trong cung vua.

+ TỬ QUỐC LAI VƯƠNG – Không rõ nội dung ra sao.

+ QUẦN TRẦN HIẾN THUY – Soạn năm Tự Đức thứ 31 (1878).

Nguyên trong cung có bộ Quần Phương Tập Khánh của Diên Khánh Vương dùng cây cỏ hoa trái làm nhân vật. Bốn tuồng gồm đến 60 hồi (?) mà cốt tuồng hoàn toàn hư cấu. Vua Tự Đức bèn sắc chỉ cho Đào công soạn một bộ khác lấy những bảo vật trong thiên hạ làm nhân vật để sánh với Quần Phương và lấy tên là Quần Trần Hiến Thụy.

Bộ tuồng chỉ được diễn trong cung. Không mấy người được đọc. Chưa có ai cho biết rõ bốn tuồng gồm bao nhiêu hồi, nội dung nói những gì. Chỉ nghe cụ tú Võ Kiêm ở Hưng Trị (Phù Cát), người được gần Đào công nhiều nhất nói rằng: “Trong tuồng nhân vật chính là Vi Sỹ Châu. Sỹ Châu là hình ảnh của Đào công lúc thiếu thời. Sỹ Châu nhà nghèo, chăm học. Không tiền mua dầu, đêm đêm nhặt củi làm đuốc để đọc sách tập văn cho đến sáng. Lúc Đào công học cùng thầy tú Nhơn Ân, cũng tương tự như vậy. Sỹ Châu vốn biết thương, bông, côn, quyền. Đào công cũng ưa tập võ nghệ, tay chân mềm dẻo, múa đao múa kiếm rất nghề. Đến khi thi đậu, Sỹ Châu được vua sáng biết tài. Đào công bước chân vào hoạn đồ, cũng được vua Tự Đức có biệt nhân...”. Thầy tú Lâm Thúc Mậu, người thế kỷ XX muốn nói chí Đào công chán hưng nghề hát bội, thú thật rằng chưa được đọc một hồi, một lớp nào của Quần Trần.

Vì Quân Trần Hiến Thụy ít người biết nên nhiều nhà văn viết về Đào Tấn đã dùng lầm Quân Phương Tập Khánh của Diên Khánh Vương làm Quân Trần.

+ VẠN BỬU TRÌNH TƯỜNG – Vua Tự Đức là một ông vua ham văn chương và thích hát bội. Đọc Quân Trần Hiến Thụy, nhà vua rất phục tài Đào Tấn. Lòng ham thích vô biên, để thỏa mãn thị hiếu, nhà vua lại sắc chỉ Đào Tấn soạn tiếp một bộ nữa dày thập bội mà không được dựa vào Sử, Truyện, Tiểu thuyết Bắc hay Nam. Sợ Đào công không đủ sức, nhà vua cho 2 các thần là Ngô Quý Đồng, Vũ Đình Phương, 2 tay soạn tuồng hữu danh, phụ tá.

Tuồng gồm 216 hồi, đóng thành 108 quyển. Nhân vật xây dựng trên cơ sở các vị thuốc Bắc, tánh thuốc làm sao thì tánh nhân vật làm vậy. Ngô Quý Đồng soạn 28 hồi. Vũ Đình Phương soạn 36 hồi. Còn bao nhiêu là công trình của Đào Tấn.

Ba người soạn ròng rã gần hai năm mới xong. Truyền rằng mỗi lần soạn xong một hồi, trình lên ngự lãm, khi phát hoàn thì có một nén bạc và 1 gói thuốc Cẩm Lệ kèm theo để “thù lao”. Toàn bộ soạn xong trình lên thẩm duyệt, nhà vua châu phê” **THẦN HỒ KỶ HỖ! NGHĨA LÀ THẦN DIỆU THAY! KỶ TUYỆT VẬY!**

Vạn Bửu Trình Tường đòi hỏi một sân khấu rộng lớn, một số diễn viên đông đảo (có khi đến hàng trăm người lên sân khấu) nên chỉ nơi cung đình mới diễn nổi. Ngoài dân gian chỉ rút đôi hồi ngắn ngắn, đôi lớp nho nhỏ để mua vui mà thôi.

Có một lớp rất được phổ biến là lớp trích trong hồi 41 diễn sự tích Xương Dương và Chân Châu gặp nhau:

“Xương Dương vàng lệnh thầy đi hái thuốc. Hái thuốc xong ngồi trên đá nghỉ chân. Chợt chợt mộng thấy trước mắt trải bày một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp. Trong cảnh có hồ nước trong có hoa thơm thắm. Chàng lần bước xuống hồ. Giữa hồ thoảng đưa tiếng sanh tiếng tiêu văng vẳng. Nhìn kỹ thì thấy ẩn hiện trong đám hoa sen một chiếc thuyền do một giai nhân chèo. Xương Dương liền cất tiếng gọi. Giai nhân còn đương ngơ ngác thì một trận gió đẩy thuyền vào bờ. Xương Dương cho biết lai lịch. Nhận thấy phong tư tài mạo khác phàm, lại có gió đưa duyên, giai nhân không còn ngần ngại, mời Xương Dương xuống thuyền và tỏ thật tên mình là Chân Châu tu nơi động Huyền Xà đã 10 năm. Hai bên mừng rỡ, cùng nhau xướng: “Tiên hữu phụng tiên, được phổ

hoa trì phi ngẫu nhi” (Tiên lại gặp tiên, kẻ vườn thuốc người ao hoa, đâu phải chuyện tình cờ không hẹn trước).

Chợt tỉnh mộng, Xương Dương cảm thấy bàng hoàng. Bóng dáng giai nhân còn thấy rõ ràng trước mắt... Sực nhớ mình đi hái thuốc đã lâu, sợ thấy trông, vội quảy giỏ thuốc trở về tiên động.

Dọc đường gặp một đạo hữu là Từ Cô. Từ Cô xin theo về động ra mắt Sư Trưởng. Xương Dương cùng Từ Cô tới động thì cửa động đóng kín. Trước cửa treo một phong thư và một thanh kiếm báu. Mở thư xem thấy mấy hàng ngắn gọn: “Mộng trung nhân, tâm trung sự. Bảo kiếm tiên thư hảo tặng nhữ”. (Người trong mộng, việc trong lòng. Kiếm báu thư tiên vui tặng đó). Biết rằng thầy bảo mình còn nặng nợ trần, phải xuống núi lập công nghiệp, chàng bèn chia tay cùng Từ Cô, một mình mang kiếm lên đường.

Trong khi Xương Dương xuống núi thì Chân Châu ở nơi động Huyền Xà ngồi ôn lại cuộc gặp gỡ trên ao sen mà nàng vừa thấy trong mộng. Nàng còn thấy rõ dung mạo và nhớ rõ tên họ của người trong mộng. Buồn bã, nàng tìm đến hồ sen, bơi thuyền đi hái hoa mong tìm lại giấc mộng cũ. Thuyền nàng vừa khuất trong hoa thì Xương Dương cũng vừa đến nơi bờ hồ. Hồ rộng nước sâu, chàng không sao qua được bên kia bến. Nhớ lại kiếm có phép linh chàng liền cầm chỉ xuống nước. Một con cá gáy to lớn nổi lên mặt hồ. Chàng lên lưng cá, cá lướt ra khơi. Ban đầu chàng lấy làm thích thú nhưng rồi cá lướt nhanh, mỗi lúc mỗi thêm nhanh, nhanh quá làm chàng hốt hoảng. Thấy người bơi thuyền trong hoa, chàng liền xưng tên và kêu cứu. Chân Châu nghe xưng tên, mừng rỡ, toan bơi thuyền đi cứu thì trên bờ nghe có tiếng kêu. Nàng ngẩng lên nhìn thấy Từ Cô. Trong khi ấy thì cá chở Xương Dương chạy mất hút! Nàng than: “Nghĩ bẽ bàng cho chuyện hữu duyên! Khéo gặp gỡ chi người bất ước!”.

Thế là mộng mà trở thành thực, mà thực lại hóa thành mộng!

Vở tuồng được Đào Tấn đặt tên là Hoa Trì Mộng, ngoài đời thường gọi là mộng Xương Dương.

Cũng như Hoa Trì Mộng, phần nhiều hồi lớp trong Vạn Bửu Trình Tường đều đượm khí vị thần tiên ma quái như Tây Du Phong Thần...

Những tuồng soạn theo sắc chỉ nhà vua đều phải theo ý nhà vua không nhiều thì ít.

Cá tánh và tâm tư của Đào Tấn chỉ được tự do biểu lộ trong các tuồng soạn sau khi vua Tự Đức thăng hà, hầu hết đều soạn vào khoảng Đồng Khánh Thành Thái (1885 – 1904). Những bốn nào soạn vào năm nào thật không biết đích xác.

+ CỔ THÀNH HỘI – Sự tích rút trong Tam Quốc Diễn Nghĩa. Diễn đoạn Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, sau khi thất thủ Hạ Bì, bị lưu lạc mỗi người mỗi ngả. Quan Vũ tòng quyền tạm hàng Tào Tháo, rồi bỏ Tào Tháo đi tìm Lưu Bị. Trải bao nhiêu gian lao, Quan Vũ gặp được Trương Phi ở nơi Cổ Thành. Quan Trương chuẩn bị đi rước Lưu Bị về “hợp tác nhất đào viên”.

Viết Cổ Thành, Đào Tấn dụng ý chỉ trích triều đình Huế đầu hàng Pháp khiến cho đất nước phải chia ba. Ý đó đã tiết lộ nơi lời giận dữ của Trương Phi: “Chẳng biết Nhị ca Phi Đẩu, Đẩu, Đẩu là Đẩu làm sao chứ? Thương hại cho ca ca Phi! Khổ! Khổ! Khổ! Nhưng trong chỗ bất mãn, có ẩn náu niềm hy vọng “Bắc Nam Trung sẽ thu về một mối như cũ, như Lưu Quan Trương hội hợp nơi Cổ thành sau bao năm chia cách”. Và tình cảnh đi đường của Quan Vũ có phải là tình cảnh đi đường của Đào Tấn từ chùa Ông Núi ra đến Thần Kinh?

+HỘ SANH ĐÀN – Sự tích rút trong Thuyết Đường Diễn Nghĩa. Tuồng diễn từ đoạn Võ Tam Tư xuất đại binh rượt bắt Tiết Cương. Nhờ Loan Anh đem lều la đến cứu giải, Tiết Cương cùng vợ về sơn trại. Tam Tư lại đem binh đến vây sơn trại. Vợ chồng Tiết Cương phá vòng vây chạy thoát nhưng bị lạc nhau trong rừng. Giữa đường Loan Anh chuyển bụng đẻ. Thần miếu hiện đến truyền Hộ Thai sứ giả dâng đàn để đem Nhật Nguyệt Phù, Cam Lộ Thủy đi hộ “chân thai” cứu “quý tử”. Nhờ vậy mà Loan Anh sanh nở được mẹ tròn con vuông, rồi chạy thoát khỏi vòng vây của Võ Tam Tư. Còn Tiết Cương bị rượt chạy đến Đãng Châu, vào nhà Tiết Nghĩa xin tỵ nạn. Tiết Nghĩa phục rượu Tiết Cương say rồi bắt giải nạp cho Võ Hậu. Vợ Tiết Nghĩa là Tú Hà thấy chồng làm việc phi nghĩa, bèn đưa tin đến cho bạn cũ của Tiết Cương là Ngưu Hùng và Tần Hớn biết. Hùng, Hớn đem quân giải cứu được Tiết Cương và giết Tiết Nghĩa. Vợ chồng Tiết Cương theo Hùng, Hớn về ẩn nơi núi Thiên Lãnh...

Hộ Sanh Đàn là công trình tập thể của hai cha con: Đào Tấn và Đào Thụy Thạch. Công xây cốt, dựng lớp, giàn ý. Thụy Thạch soạn thảo dưới sự hướng dẫn và uốn nắn của Đào công.

Đào Tấn đã đổ nhiều tâm huyết vào bốn tuồng này.

Mục đích? – Có nhiều.

Trước hết là để xóa nhòa dư luận cho rằng Ấm Bồ là hậu thân của Bồi Ba, cũng như Tiết Cương là hậu thân của Dương Phàm.

Tiết Cương trong Thuyết Đường là một công tử thô lỗ hung bạo, làm náo loạn kinh đô, tạo thành tai họa tày trời đẩy cha mẹ, anh em, bà con ba họ vào bàn tay độc ác của Vũ Hậu. Ai nấy đều ghét.

Đào Tấn biến cái con người lỗ mãng khà ố thành con người đủ Trung, Hiếu, Nghĩa, Dũng, có những hành động đáng yêu đáng kính, có những ngôn ngữ hùng hậu, bi tráng làm rung động tận đáy sâu lòng người còn giữ được thiên lương.

Hình ảnh Tiết Cương của Đào Tấn trên sân khấu làm tan biến hình ảnh Tiết Cương trong Thuyết Đường. Mà hình ảnh Tiết Cương trong sách Tàu đã bị xóa mờ thì hình ảnh và tên tuổi của Ấm Bồ cũng dần dần lu mờ trong tâm trí đồng bào, câu chuyện hoang đường về Bồi Ba dần phai... không còn ai nhắc đến nữa.

Đó là mục đích gần nhắm trong một thời gian ngắn ngủi.

Mục đích xa và lâu dài là gợi tác lòng “hoài đại chí”, mượn văn chương để “nguôi ngoai sầu khổ”.

Khi soạn Cổ Thành Hội, Đào công hy vọng rằng giang san sẽ được thống nhất trong một ngày gần gũi. Nhưng mỗi ngày nhận thấy tình hình trong nước mỗi thêm đen tối, nhân tâm sững sờ mỗi thêm rời rạc tiêu trầm, có diệt được quân thù giành được độc lập cho Tổ quốc hẳn phải chờ đến thế hệ sau. Cái hoài bão sẽ có người đứng lên cứu dân tộc ra khỏi ách thực dân, người ấy không phải là những anh hùng nghĩa sĩ đương hoạt động mà là những người ở trong đám hậu sinh. Cũng như Tiết Cương hết lòng hết sức chống Vũ Hậu nhưng phải đợi đến đời Tiết Giao qua, đời Tiết Quý đến, thời nhà Đường mới được phục hưng. Cái hoài bão của Đào công biểu hiện một cách nửa sáng nửa tối, lộ mà ẩn, ẩn mà lộ nơi tên bốn tướng : HỘ SANH ĐÀN.

Hộ Sanh Đàn không phải là Đàn Đờ Đê như Nhà Hộ Sinh, Phòng Đờ Đê ngoài xã hội, mà là cái Đàn Thần, cái “đàn vô hình” mà “Hộ sanh sứ giả” đã bước lên để lãnh mệnh đi “hộ chân thai, “cứu quý tử”. Đó là cái đàn mà Đào công đặt lòng hy vọng sẽ có đấng anh hùng trong tương lai, như Tiết Quý đối với nhà Đường.

Để cho lòng hy vọng của mình được vững chắc, để cho lòng tin tưởng của những người cũng yêu nước như mình được vững chắc, Đào

công xây dựng một Tiết Cương “Lao xao sóng bủa ngon từng, gian nan là nợ anh hùng phải vay” và một Lan Anh biết “liều sanh tử giữa chông gai”, biết quý “ân tình trong khói lửa”. Chồng như thế, vợ như thế thì cái thai kia nhất định là “Chân Thai”, đứa trẻ sanh ra kia nhất định là “Quý Tử”, nhất định là những anh ba của Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Trưng Nữ Vương, Triệu Bà Vương, Bùi Thị Xuân... kết tụ. Quý tử tương lai này sẽ quật cường đánh đuổi bọn xâm lăng, đem nước non về một mối, như Tiết Quý đã lấy trong tay họ Võ, chiếc ngói báu lại cho nhà Đường.

Trong khi “hoài đại chí”, Đào công không quên bọn buôn dân bán nước, phản bạn lừa thầy... mà điển hình là Tiết Nghĩa. Tiết Nghĩa, cái tên rất tốt dán ra ngoài cái lòng rất xấu. Đó là cái thói thường của đám dơy danh. Tiết Nghĩa trong nước ta thời bấy giờ đâu phải có một.

Hộ Sanh Đàn được soạn trong thời gian Đào công ngồi Tổng đốc An Tĩnh lần thứ nhất (1889–1894).

Tiết Nghĩa, khi bốn tuồng mới được hoàn chỉnh ở An Tĩnh, là hình ảnh của Cao Ngọc Lễ. Lễ là học trò nhà chí sĩ Tống Duy Tân. Tống chí sỹ là lãnh tụ phong trào Cần Vương Nghệ Tĩnh. Phong trào thất bại, chí sỹ lên ẩn trên Hồng Lĩnh với ý chí rửa quốc hận lần thứ hai. Hồng Sơn đến 99 ngọn, Pháp không biết đâu mà tìm. Cao Ngọc Lễ vẫn đã biết rõ nơi ẩn trú của thầy, bèn đem quân Pháp lên vây bắt. Nhờ đó mà được làm quan to. Tiết Nghĩa lúc ấy nói tiếng Nghệ.

Nhưng khi tuồng đem về Huế, Bình Định thì Tiết nghĩa trở thành hình ảnh Nguyễn Thân và “nói tiếng Quảng Nghĩa”.

Thời Tự Đức, Thành Thái, hát bội thanh hành. Trong cung vua có đoàn hát ngự. Các quan lớn trong triều ngoài quận, phần đông đều có đoàn hát riêng. Nguyễn Thân cũng có một đoàn riêng, con hát đông, áo mào toàn đồ thêu Trung Quốc và đồ trần thiết nơi sân khấu đều là những món đắt tiền. Về đẹp bên ngoài chỉ có đoàn hát của Hoàng Cao Khải mới sánh kịp. Đoàn hát của Đào Tấn chỉ hơn hai đoàn kia về mặt nghệ thuật còn hình thức thì thua xa.

Nguyễn Thân nghe đồn tuồng Hộ Sanh Đàn hay bèn bảo đoàn hát của mình diễn. Anh em trong đoàn không ai dám đóng vai Tiết Nghĩa, bèn đi nhờ bạn đồng nghiệp ở ngoài. Trong buổi diễn,

các vai đều lột được tinh thần của bốn tuồng. Vai Tiết Nghĩa xuất sắc nhất. Ca công không dùng tiếng Nghệ, cũng không dùng tiếng Quảng mà dùng tiếng Huế và diễn hay đến nỗi Nguyễn Thân cao hứng, nói cùng vợ ngồi bên cạnh:

– Giống tôi như hệt.

Nói là nói vậy cho đỡ xấu, cho những cái khó chịu bên trong khỏi bị lộ ra bên ngoài. Đó là thủ đoạn của kẻ gian hùng. Chớ sự thật thì Nguyễn Thân giận căm gan Đào Tấn. Chẳng những giận về vai Tiết Nghĩa mà còn giận về những “lời chửi khác” trong nhiều bốn tuồng của Đào công. Như trong Hộ Sanh Đàn, Tiết Nghĩa đã tự tố giác sự ăn của đút và hút thuốc phiện bằng một câu “Có cái rương đựng bạc của tôi để bên bàn đèn đó. Anh lấy đem dìm xuống đây cho tôi, anh nghe”,... Trong Cổ Thành Hội có những câu kêu cả tên ra mà “chửi”, như “thằng thân thọ tội”, ...

Hai bốn tuồng Cổ Thành Hội và Hộ Sanh Đàn được giới soạn tuồng cho là hai vở tuồng Thầy, ảnh hưởng sâu rộng không kém hai vở tuồng cổ Sơn Hậu và Tam Nữ Đồ Vương. Còn đối với những người thích hát bội thì Cổ Thành và Hộ Sanh có sức hấp dẫn mạnh khó cưỡng lại nổi. Nghe đâu có diễn hai tuồng ấy thì bận mấy cũng đi, xa mấy cũng đi. Hát trường thì trống chầu trống chiến chưa giống, vé đã bán hết. Hát nhà quê thì đất cày bị dẫm giẫm như nện. Đi xem hai tuồng đó chẳng những được hưởng cái thú về văn chương, về tình tiết, về tài diễn xuất... ở rạp mà còn được hưởng những lời bàn tán về câu này về màn nọ, nhất là những lời bông đùa của khán giả do những câu tuồng khơi nguồn. Như trong Cổ Thành Hội có câu “Thân thừa xích thố” nghĩa là thân cỡi ngựa xích thố, Nguyễn Thân bắt bạn hát phải hát là “Thận thừa xích thố” để tránh tên của y. Đào công nghe được bảo: “Việc kiêng tên, chỉ kiêng tên vua mà thôi. Nguyễn Thân là hạng người nào mà bắt kếp hát phải kiêng tên mình?”. Viết đoạn cuối tuồng, Công lại “măng thẳng vào mặt tên bán nước cầu vinh” bằng câu: “Đốn thủ trần tình, thằng thân thọ tội”. “Thằng thân thọ tội” là “trời mình chịu tội”, lời của Trương Phi nói cùng Quan Vũ. Như thế thì Nguyễn Thân muốn bắt bẻ thì bắt bẻ làm sao? Muốn cho bạn hát tránh thì tránh làm sao? Ngòi bút sắc nét thật! Một người bảo: Câu “thằng thân...” lời nặng nhưng ý không độc bằng “Thân Thừa Xích Thố”.

– Độc ở chỗ nào?

– Ở chỗ ngầm bảo rằng “Nguyễn Thân là cút ngựa”.

– “Cắt ngựa” ở chỗ nào?

– “Thân Thừa Xích Thố”, nghĩa đen là “thân cỡi xích thố”, nghĩa bóng là “tên Thân vốn là của thừa xích thố”. Xích thố là ngựa. “Của thừa xích thố” nếu không phải “cắt ngựa” thì là gì?

Thế là một trận cười khoái trá nổi lên.

Trong Hộ Sanh Đàn, Tiết Nghĩa than: “Cha ơi! Mẹ ơi! Hèn chi ông thầy Tàu ông coi tướng tôi, ông nói cái mặt tôi trên to dưới nhỏ nên hậu vận cực lắm...”. Một người hỏi:

– Đố các anh Đào công tá bộ mặt ai?

– Thì mặt bọn nịnh thần mà Tiết Nghĩa là đại biểu, chớ còn mặt ai nữa!

– Chẳng lẽ tên nịnh thần nào cũng có bộ mặt trên to dưới nhỏ như Tiết Nghĩa hay sao? Đồng Trác bộ mặt chành bành, Bàng Hường mặt cũng Chành Bành chớ có trên to dưới nhỏ đâu. Nói cho đúng, Đào công không tả mà ví, ví mặt kẻ nịnh như...

– Như cái gì?

– Anh đã có vợ rồi sao còn hỏi...?

Thế là tiếng cười nổi lên như bắp rang.

Đó là những cuộc vui ngoài rạp, gọi tắt là “Vui Ngoài”.

Tuồng nào cũng đem đến cho khán giả thú Vui Trong và Vui Ngoài cả nhưng thú vui ngoài cũng như trong do hai tuồng Cổ Thành và Hộ Sanh đem đến rộn rịp và nồng nàn hơn cả.

+ DIỄN VÕ ĐÌNH – Soạn trong giai đoạn Đào công ngồi Tổng đốc An Tĩnh lần thứ hai (1889–1903). Sự tích mượn ở ngoại sử đời Tống nước Tàu. Nội dung đại khái là: Thái sư Bàng Hồng muốn nắm trọn quyền bính trong nước, tìm đủ cách để tiêu diệt đám trung thần nhà Tống. Họ Triệu, năm đời có huân công, 3 triều phò vua giúp nước, bị triều đình nghe lời sàm tấu của Bàng Hồng, tru di toàn tộc, chỉ còn sống sót một mình Triệu Khánh Sanh. Khánh Sanh bị Bàng Hồng truy nã phải cải trang làm gái, lấy tên là Bích Đào đến lánh nạn nơi nhà một hủ quan là Vương Quý. Họ Vương vốn là bạn đồng liêu cùng cha Triệu Khánh Sanh, bèn gả con gái là Kiều Quang cho Sanh. Bàng Hồng dò biết được, đem quân vây bắt. Khánh Sanh phải từ giả vợ, bỏ nước Tống chạy sang Phiên Quốc tỵ nạn.

Tuồng 1 hồi 3 lớp. Kết thúc bỏ lửng với câu:

Chút thân liễu gửi cung dẫu
Đố con lương mã biết đâu là nhà?

Ông Ngô Quý Đồng xem diễn xong nói cùng Đào công:

– Vở tuồng về mặt thi, từ, tình tiết, có thể nói là tuyệt diệu. Nhưng kết thúc vở tuồng không hợp ý tôi lắm. Triệu Khánh Sanh sau khi đánh Bàng Hồng bị thương, một người một ngựa ra đi, không biết đi đến đâu! Người xem rất khó hài lòng.

Đào công đáp:

– Đó là dụng ý của tôi. Ôi! Gian thần chặn đường thì kẻ trung nghĩa làm sao phát tích? Triệu Khánh Sanh đến xứ lạ để mưu đồ việc phục quốc. Người xem có thể tưởng tượng lúc họ Triệu đem binh về nước rửa thù.

Ông Ngô không cho như vậy là phải, về soạn vở “Diễn Võ Đình Tục Khúc”, cho Khánh Sanh sang Phiên được vua Phiên cho mượn binh đánh ải Đông Quan. Vua Tống biết được nỗi oan của Khánh Sanh triệu về, gia phong quyền tước. Còn Bàng Hồng thì bị cách hết chức tước, đuổi về quê.

Ông Ngô Quý Đồng nặng lòng thủ cựu nên muốn tuồng phải có hậu mới bổ ích cho người xem, mới có thể gọi là hoàn mỹ. Trái lại chí sỹ Nguyễn Bá Huân cho Diễn Võ Đình là vở tuồng hay nhất của Đào Tấn. Hễ khi nào buồn là đem Diễn Võ Đình ra hát. Một đêm rượu say, đổi tên Bàng Hồng ra Nguyễn Thân, trong lời Triệu Khánh Sanh:

– Nguyễn Thân mây hỡi mây! Làm cho mỡ thay hình đổi dạng, cũng vì mây uốn lưỡi khua môi. Tao nói thiệt: Chưa gặp thời (nên) mặt mỡ còn bôi, chớ tới vận, thịt mây (tao) quyết xẻ.

Rồi vừa hát vừa khóc:

*Xăn tay lần gỡ sợi sầu
Tóc lo đã trở trên đầu hùng anh
Khôn lau giọt lệ thương tình
Nỗi ai ngơ ngác nỗi mình băng khuôn.
Đêm ấy là đêm Nguyễn công tắt ngời!*

Viết Diễn Võ Đình, Đào công dụng ý ký thác hy vọng khôi phục nơi những người xuất dương như Cường Để, Phan Bội Châu.

Nguyễn Thân “đánh hơi” được, báo quan Ngự sử hạch tội là “Đào Tấn dùng tượng để tả phong trào Đông Du do Phan Bội Châu lãnh đạo”. Vua Thành Thái vốn đã nuôi chí khôi phục từ lâu... liền bác lời đàn hoặc của Ngự sử.

Sao lại đặt tên tượng là Diễn Võ Đình?

Diễn Võ Đình là tên một tiểu đình ở gần nơi Khánh Sanh ty nạn. Trong đình có cây thần tượng bằng đá lan can nặng 500 cân. Cây Lan can thần tượng này là vật kỷ niệm của dòng họ Triệu. Gia tổ của Khánh Sanh đã nhờ cây thần tượng này mà khai sáng cơ đồ cho họ Triệu và được vua ban cho Triệu Hoàng Vương. Vì gia thế suy lạc mà bảo vật bị chuyển di. Trông thấy lại vật kỷ niệm của cha ông, Khánh Sanh phấn lòng báo phục.

Lấy tên Diễn Võ Đình để đặt cho tượng này, cũng như lấy tên Cổ Thành, Hộ Sanh Đàn đặt cho hai vở trước, Đào Tấn dụng ý mượn nơi để gợi lòng hy vọng giải phóng dân tộc, thống nhất giang san. Gợi lòng hy vọng trong hiện tại ở Cổ Thành. Gợi lòng hy vọng trong tương lai ở Hộ Sanh Đàn. Gợi lòng hy vọng về quá khứ để cho vững lòng tin vào tương lai ở Diễn Võ Đình. Sắc thái niềm hy vọng tuy có thay, song niềm hy vọng vẫn không đổi. Có người bảo rằng lòng tin tưởng trong Diễn Võ Đình không mạnh, vì thấy tương lai mờ mịt bấp bênh: “Đố con lương mã biết đâu là nhà”. Nói như thế là vì để tâm vào 4 chữ “biết đâu là nhà” mà không lưu ý đến chữ ĐỐ. Hễ khi nào đố ai điều gì thì người đó phải biết rõ điều mà mình đố. Không biết thì hỏi chớ không ĐỐ bao giờ. “Đố con lương mã biết đâu là nhà” là một câu thơ đượm vẻ lạc quan. Phải hát thế nào cho khán giả “có thể tưởng tượng lúc họ Triệu đem binh về nước rửa thù” như lời Đào Công đã nói cùng cụ Ngô Quý Đồng. Đi sâu vào một tầng nữa: Câu “Đố con lương mã biết đâu là nhà” chịu ảnh hưởng câu “Ứng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm” trong kinh Kim Cang. Nghĩa là “Đừng sanh vọng tâm trụ chấp một nơi nào”. Ý Đào công muốn nhấn những đồng chí xuất dương phải sáng suốt mà nhận thức tình hình, đừng để lòng vương mắc vào bất kỳ CÁI GÌ có thể đưa mình đi sai mục đích.

Đào Tấn cho Nguyễn Bá Huân biết nguyên nhân sáng tác tượng Diễn Võ Đình và Hộ Sanh Đàn là “phần uất vì sự áp chế của chánh trị”. Nguyên nhân thúc đẩy là thế nhưng khi hành văn thì nhiều mục đích hiện ra trước mắt. Soạn tượng cũng như viết

văn làm thơ, có nhiều cảnh, nhiều tình, nhiều sự lý... không nghĩ trước, thỉnh linh nảy ra một cách bất ngờ trong khi làm việc.

+ **TRẦM HƯƠNG CÁC** – Vua Thành Thái khi mới lên ngôi liền nghĩ đến việc lấy lại nước. Nhà vua bèn tuyển nhiều cung phi, rồi biến cung phi thành đội binh phụ nữ ngày ngày tập luyện theo phương pháp Tây Phương. Để che mắt bọn thực dân Pháp, nhà vua giả đồ ham mê sắc dục, lộng giả thành chân, nhà vua trở thành ham mê thật sự. Để cảnh giác, Đào công mới soạn tuồng Trầm Hương Các, sự tích rút trong truyện Phong Thần:

Trụ Vương đến Trầm Hương Các dâng hương. Trông thấy tượng nữ thần Nữ Oa xinh đẹp, Trụ Vương động tà dâm, buông lời trêu ghẹo. Nữ Oa giận sai Hồ Ly Tinh đi trả thù. Gặp dịp Tò Hộ đem con gái là Đắc Kỷ vào dâng cho Trụ vương, Hồ Ly Tinh bèn chặn đường hớp hồn Đắc Kỷ, rồi đội lột Đắc Kỷ theo Tò Hộ vào cung Trụ Vương.

Được Đắc Kỷ, Trụ Vương say mê nhan sắc, ngày đêm đắm mình trong việc truy hoan, không ngó ngàng đến việc nước. Đắc Kỷ giả tìm cách giết lần hồi những trung thần và làm nhiều điều quái ác trong cung. Tể thần Thương Dung và Thành Vương Hoàng Phi Hổ nhìn thấy nguy cơ, cùng nhau lo cứu vãn tình thế.

Một hôm Đắc Kỷ giả dưới hình thức thỉnh chư tiên đến Lộc Đài đãi yến để cầu phúc cho nhà vua, ngầm gọi bà con giả tiên đến ăn uống. Phi Hổ và Thương Dung dò biết, bèn dùng hỏa công giết hết.

Đào Công mượn lời thần Nữ Oa máng Trụ Vương để cảnh cáo Thành Thái:

– Vả Thành Thang bửu đỉnh tương di,

Xui Thương Thọ tà tâm tự khởi.

Vua Thành Thái say mê hát bội không kém gì vua Tự Đức. Đọc Trầm Hương Các biết rằng Đào Tấn “trương cung bắn vào mình” song thấy tuồng hay quá, liền đem ra cho đoàn hát ngự diễn, diễn đi diễn lại đến mấy đêm! Và không chút giận Đào Tấn.

Ngoài dân gian thì Trầm Hương Các “bị ế”. Không gánh hát nào dám dùng, không nhà nào dám thuê diễn, bởi “hệ lắm”. Truyền rằng mỗi lần diễn Trầm Hương Các thì hoặc bạn hát, hoặc làng sở tại hay chủ nhà thuê hát đều gặp nạn do yều quái gây ra.

+ PHONG BA ĐÌNH – Diễn tích Tần Cối giết Nhạc Phi rút trong Tống Sử. Không biết soạn vào lúc nào. Đoán chừng dưới triều Thành Thái.

Nguyên cụ tú Nhơn Ân có tuồng Nhất Tiền Song Điều nêu tội ác của Tống Thái Tổ “ném đá giấu tay”, mượn tay Hàn Tổ Mai giết Trịnh Ân, rồi mượn luôn tay vợ Trịnh Ân giết Hàn Tổ Mai mà trong chính sử nhà Tống lấy cớ “say rượu” để bào chữa cho chính phạm Tống Thái Tổ, bao nhiêu tội lỗi đều trút lên đầu Tần Cối. Diễn viên đóng vai Tống Thái Tổ phải thật có tài khéo léo mới làm cho khán giả thấy được bàn tay kín đáo của Tống Thái Tổ giấu sau lưng Hàn Tổ Mai và vợ Trịnh Ân. Đào Tấn theo phương pháp của thầy soạn ra tuồng Phong Ba Đình, nêu tội Tống Cao Tông mượn tay Tần Cối để giết trung thần Nhạc Phi.

Vai Tống Cao Tông cũng như Tống Thái Tổ rất khó đóng vì chỉ dùng điệu bộ để diễn tả một cách hết sức kín đáo, cái dã tâm của hai ông vua nhà Tống. Thời Đào Tấn, chỉ có Đội Hiệp và Bát Phần đóng nổi hai vai vua Thái Tổ và Cao Tông của nhà Tống. Cho nên sau khi hai nghệ sỹ này theo Đào Tấn về bên kia thế giới thì hai vở tuồng Nhất Tiền Song Điều và Phong Ba Đình cũng vắng bóng trên sân khấu. Để lấp vào chỗ trống, trong Nam có tuồng “Tống Thái Tổ trảm Trịnh Ân và tuồng Tống Nhạc Phi (chủ là Phong Ba Đình) ra đời. Ở miền Trung lại có tuồng Tống Thái Tổ túy sát Trịnh Ân thường gọi là tuồng Đào Tam Xuân loạn trào, của Phan Xuân Thận ra đời. Nhiều bạn không nghiên cứu kỹ, tưởng lầm Trảm Trịnh Ân hay Sát Trịnh Ân là Nhất Tiền Song Điều. Và tuồng Tống Nhạc Phi thường bị lầm là của Đào Tấn vì nơi trang đầu dưới tên Tống Nhạc Phi có ghi là Phong Ba Đình. Cũng may là tuồng Tống Nhạc Phi có ghi tên tác giả là Chánh Vệ Nhị, tuồng Tống Thái Tổ Túy Sát Nhạc Phi có ghi tên tác giả là Phan Xuân Thận nên dễ cải chính. Còn tuồng Trảm Trịnh Ân vì khuyết danh nên bảo không phải là Nhất Tiền Song Điều thì có nhiều bạn đánh câu hỏi! Nhưng với những bạn thấy rõ bút pháp của cụ Nhơn Ân thì không cần phải biện bạch thị phi.

+ QUỲNH LÂM ĐIỂM MỘNG

+ LIỄU HẠNG BA CÙ

Cốt chuyện đều rút trong tiểu thuyết Tàu, diễn tả đời sống trong thanh lâu hý viện. Trong 2 vở toàn biểu dương tài năng tình tứ của kỹ nữ và miêu tả số mệnh không may của họ.

Phần đông các nhà nho nổi lên công kích khi tuồng được đem ra diễn vì “làm hại đến phong tục”. Đào công nói cùng các bạn thân:

– Kỹ nữ không phải hoàn toàn là loại bán phần buôn hương. Tình cảnh của họ rất đáng thương. Có nhiều người vừa đẹp vừa tài tình, chỉ vì hoàn cảnh gia đình bức bách, vì số phận rủi ro mà phải đem thân làm đệ tử thần Mây Trắng. Người ta thường đổ thừa rằng tại trời xanh ganh ghét. Theo tôi không phải tại trời mà tại chính trị bất minh, quan lại tham tàn đẩy người ta vào vực lửa. Vậy người đẹp nghiêng thành bước vào đường lầy lội, đâu có phải lỗi của người đẹp mà là lỗi của triều đình, của xã hội. Dùng bút mực biểu minh thảm cảnh của khách thanh lâu, há chẳng phải là một đòn giáng vào đầu bọn có quyền có thế đương thời đã gây ra cảnh tàn nhẫn độc ác kia sao?

Chí sỹ Nguyễn Trọng Trì lại rất tán thưởng hai vở tuồng này.

Một hôm chí sỹ nói chuyện cùng viên Án sát Bình Định, 1 phó bảng xuất thân. Viên Án sát bảo rằng hai vở tuồng của Đào Tấn có nhiều chỗ làm tổn thương danh giáo. Nguyễn chí sỹ vốn là người cương trực, không sợ uy vũ, liền đáp:

– Dùng hình luật tàn ác đẩy người lương thiện vào thanh lâu sao lại không thấy đó là làm hại danh giáo. Còn diễn tả những cảnh đáng thương đáng khóc của kỹ nữ chốn thanh lâu lại gọi là làm thương tổn đến danh giáo.

Gặp Đào công, chí sỹ đem lời nói ấy nói cho công biết và khen:

– Dụng ý của ông trong Quỳnh Lâm Diễm Mộng và Liễu Hạng Ba Cù thật là sâu sắc.

Đào công cảm động đáp:

– Người hiền đa sớm biết rồi! Tâm giao thật không uống.

Nhưng cả hai tuồng đều không được phổ biến vì đòi hỏi nơi khán giả một trình độ thưởng thức khá cao mới hưởng nổi cái hay, cái sâu sắc trong tuồng.

+ BIỆN KINH THẤT THỦ – Tuồng soạn thời Tự Đức, sau ngày thành Hà Nội thất thủ, quan Tổng đốc Hoàng Diệu tuần tiết (1882). Để phát lòng phản uất thù hận, Đào Tấn soạn ra tuồng này. Trong tuồng có vai nịnh là Kim Ngột Truật, hình dung xấu xí, đại biểu cho bọn cướp nước và vai trung là Tống Lục Đăng, lời lẽ cương trực, đại

biểu cho kẻ sỹ yêu nước. Đào công sợ “động thời văn” nên không cho công bố.

Bà Đào Chi Tiên thú thật rằng tướng Biện Kinh Thất Thủ cũng như tướng Phong Ba Đình bà chỉ nghe nói chứ chưa được đọc nên không biết cận kê về tình tiết cũng như về văn chương. Thân sỹ Bình Định cũng ít người được thưởng thức.

+ TRƯỜNG GIANG CHIẾN CỔ – Không rõ nội dung.

+ HÀN THẾ TRUNG – Mượn sự tích Hàn Thế Trung đời Tống để châm biếm Trương Như Cương.

Hai bốn tướng nầy và bốn Biện Kinh thất Thủ mới được hai ông Đặng Văn Tuấn và Nguyễn Thế Triết, người Tuy Phước, tìm thấy với nhiều tác phẩm của Đào Tấn, tại nhà cổ võ sư Hồ Ngạnh ở Thuận Ninh (Bình Khê – Bình Định). Những áng văn chương nầy chưa gặp thiện duyên để hành thế.

Tướng sáng tác của Đào Tấn đã nhiều mà tướng nhuận sắc cũng không ít. Và những tướng đã được Đào công nhuận, tướng nào cũng hơn nguyên tác thập bội. Song công chỉ nhuận một vài lớp, một vài đoạn, chứ ít khi nhuận toàn tập, đôi khi mới nhuận cả hồi, rút ra trong những vở tướng lớn thành một vở tướng riêng biệt...

Có người hỏi Đào công:

– Hầu hết các tướng cổ, văn chương thường chất phác, nhiều khi quê vụng. Khi đem ra diễn, nhờ hơi hương điệu bộ của diễn viên mà khán giả hưởng được nhiều thú vị. Nhưng khi đem ra đọc thì nhạt nhẽo khô khan. Một số tướng đã được cụ nhuận sắc nhưng sao cụ lại chỉ tu chỉnh đôi đoạn trong mỗi tướng mà thôi?

Đào công cười đáp:

– Trong bữa cơm rau, thỉnh thoảng ăn đôi miếng thịt mới thấy ngon miệng. Chớ nếu đem thịt vào nhiều quá thì còn gì hương vị của rau.

Nói là nói vậy cho vui thôi. Chớ trong tướng sửa cũng như tướng soạn, trong tướng nào Đào công cũng có ký thác tâm sự. Những đoạn tướng cổ mà công tu chỉnh hay cải biên, không phải “làm đĩa thịt trong bữa cơm rau” như lời công nói, mà chính để nói lên những điều “có thể nói được ở chỗ nầy mà không thể nói được ở chỗ khác”, hoặc ở chỗ nầy nói được tiện lợi hơn chỗ khác. Sửa văn người xưa để nói

lòng mình hầu che mắt bọn cú vọ hoặc làm cho miệng lẫn lưỡi mỗi không uốn vào uốn ra được dễ dàng.

Trong số tướng cổ được Đào Tấn nhuận sắc, nổi tiếng nhất là tướng Khuê Các Anh Hùng.

+ **KHUÊ CÁC ANH HÙNG** – Tướng này là hồi thứ 2 của Tam Nữ Đồ Vương rút ra và chỉnh lại. Ban đầu tướng mang tên là Càn Quốc Anh Hùng. Nhưng sau khi kết thân cùng 2 nhà chí sỹ làng Vân Sơn là Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Trì, thấy trong số tác phẩm của ông Huân có tập Càn Quốc Anh Hùng nói về bà Bùi Thị Xuân, Đào công liền đổi tên tướng là Khuê Các Anh Hùng.

Theo lời cụ tú Võ Kiêm, người được gần gũi Đào công nhiều nhất trong số thân sỹ Bình Định, thì Khuê Các Anh Hùng được cải biên trong khoảng thời gian công lên tỵ nạn ở Linh Phong Tự. Nỗi lòng đau xót đối với thời cuộc lúc bấy giờ thể hiện trong những câu:

*“Dấu ngựa đường hoa đêm quanh quẽ
Chày kinh dinh liễu tiếng lao xao
Sá chi tôi sương tắm mặt đào
Thương nỗi chứa bụi lấm vóc ngọc!
Vóc ngọc ngùi thương nỗi chứa
Bước gập gềnh lối cũ đường xưa
Nhận chiều chen đám mây thưa
Loi thôi chiếc bóng bơ thờ tiếng kêu
Gian nan chút phận đã liễu
Cô đăng gió tạt bằng kiều sương rơi...”*

Đó là Đào công mượn lời Xuân Hương, Trương Chánh Hậu để tỏ nỗi lòng đối với vua Hàm Nghi bỏ ngôi chạy ra Quảng Trị.

Thương vua Hàm Nghi “bụi lấm vóc ngọc”, Đào công chạnh nhớ đến vua Tự Đức, mượn lời Bích Hà trong vai Chánh Hậu, để than:

*Yên tỏa Hàn Sơn sương yếu yếu,
Lộ ngưng Tương Thủy tiết ai ai (Tiên quân ơi!)
Ấm hân trường thiên tư Bắc khuyết,
Hàn sâu bạch nhật khắp Tây Đài!
Tuyết ai ai tuyền đài ẩn ước
Vội vội nhìn nọ nước kia trắng
Mơ màng ngút trời mây giăng
Tang thương phút đổi lẽ hằng khôn thay.*

Bị Sý phu Bình Định cho mình là không nghĩ đến đại nghĩa, Đào công rất lấy làm buồn, mượn lời Bích Hà than cho Chánh Hậu, để than cho mình:

*Phúc bồn đã lờ gương nhật nguyệt,
U cốc đành khuất bóng dương quan.
Khéo trăm trớ lời qua Dũ Tràng
Thêm réo rất tiếng ve Tây Lục.
Tây Lục ve kêu rêu rắt
Gấm oan tình ruột thắt đòi cơn
Nghìn năm uống oán ăn hờn
Chung lo nghiệp chúa riêng than nỗi mình.*

Lòng Đào công đối với cảnh huống của nước thời bấy giờ đều gởi gắm nơi nhân vật chánh diện trong tuồng.

Như vậy tuồng Khuê Các Anh Hùng chắc chắn là được cải biên trong thời gian Đào công tỵ nạn tại Linh Phong Tự.

Sau Khuê Các Anh Hùng đến Sơn Hậu, đoạn sửa cũng xuất sắc.

+ **SƠN HẬU** – Là một tuồng cổ gồm 3 hồi. Đào Tấn chỉ sửa 2 lớp, 1 lớp ở hồi thứ 2, một lớp ở hồi thứ 3.

Lớp ở hồi thứ 2 là lớp Kim Lân phò Hoàng tử qua đèo, Linh Tá bị Ôn Đình giết, hiện hồn dẫn đường cho Kim Lân đến Sơn Hậu. Ở lớp này tuồng cũ không tả cảnh chạy đêm và chỉ cho thấy Linh Tá bị Ôn Đình chém chết, trở dậy xách đầu chạy theo Kim Lân... Trong lớp tu chỉnh, chúng ta thấy Kim Lân phò Hoàng tử đi trong cảnh “núi chớm chừ khôn dờn nước bước, đêm tối tầm chẳng thấy nẻo đường”... Rồi Kim Lân lại được Linh Tá dùng thần đăng đưa đi nẻo tắt đến thành Sơn Hậu...

Lớp ở hồi thứ 3 là lớp “Đồng Mẩu bị Ôn Đình bắt đem về thành để dụ Kim Lân đầu hàng”

Hai lớp tu chỉnh này tuyệt diệu. Tinh tiết đã hay, văn chương lại càng hay. Hát khách có những câu như:

- + Trung hiếu khí năng toàn, tổ đác trung thần chân hiếu tử;
- + Tử sanh hà túc toán, tu tri tử nhật thị sanh niên.

Hát Nam có những câu như:

*Ngọn cờ tiếng trống bư phờ
Thảo thân ngay chúa sững sờ hai vai.*

Làm cho khán giả phải khóc!

Tuồng này chắc được sửa chữa thời Đồng Khánh, Thành Thái.

Giá trị văn chương trong những đoạn tu chính không kém hai tuồng này, đó là tuồng Phi Hồ Quá Giới Bài Quan.

+ PHI HỒ QUÁ GIỚI BÀI QUAN – Tuồng này được tu chính vào khoảng cuối đời Thành Thái.

Nhận thấy vua Thành Thái mỗi ngày mỗi buông lung lòng tà dâm và đã đi đến chỗ loạn luân, Đào công mới rút hồi thứ 3 trong tuồng cổ Gián Thập Điều ra viết lại và cho diễn chung với Trầm Hương Các để cảnh cáo nhà vua một lần nữa.

Hồi này diễn chuyện Trụ Vương hãm hiếp Giã Thị là vợ Hoàng Phi Hồ. Giã Thị giữ mình khỏi bị làm nhục liền nhảy xuống lầu tự tử. Không thể chờ một nhà vua dâm loạn càng thương, Hoàng Phi Hồ buộc lòng phải “Đầu Châu phế Trụ”. Kéo binh tướng qua Châu, đến ải thứ tư, Hoàng Phi Hồ bị Trần Ngô là tướng giữ ải phản bội, âm mưu dùng hỏa công đốt nơi miếu. Nhờ hỏn Giã Thị đến cứu thoát. Tới Giới Bài Quan lại bị Hoàng Cỗn là thân sinh Phi Hồ chặn đánh không cho qua. Phi Hồ phải dùng lời ngay thật để thuyết phục, không được, phải dùng mưu để khiến cha giác ngộ theo mình sang đầu Châu.

Quá Giới Bài Quan bắt đầu diễn từ lớp Hoàng Phi Hồ kéo binh tướng qua ải, gặp Trần Ngô, chớ không diễn lớp Trụ Vương cưỡng hiếp Giã Thị. Nhưng tội ác của Trụ Vương đều được các nhân vật chính diện trong tuồng vạch trần ra hết. Đào Công muốn bảo cùng vua Thành Thái rằng lòng dâm loạn của vua đã làm cho những trung thần “nòng cốt” như Hoàng Phi Hồ phải kéo hết gia đình đi “đầu mình phế ám” hướng hỏ những người tội khác. Nhà vua hãy sớm tỉnh ngộ, đừng để đến khi nước đến trôn...

Truyền rằng Hoàng Phi Hồ Quá Giới Bài Quan xuất hiện trên sân khấu khoảng 1903 – 1904, sau vụ Hường Ích xảy ra làm náo động đất Thần Kinh đến nỗi viên Khâm sứ Pháp Ernest MOULIÉ phải can thiệp mới yên. Vụ này tương tự vụ Hoàng Phi Hồ.

Nhưng đó là mục đích gần, mục đích nhắm trong nhất thời. Mục đích xa mà Đào Tấn nhắm khi cải biên Hoàng Phi Hồ, cũng như khi soạn Tân Dã Đôn, khi sửa Khuê Các Anh Hùng, Sơn Hậu, là nói về, là bày tỏ quan niệm mình về chữ TRUNG, chữ HIẾU.

Trung, Hiếu là hai mặt của chữ Nhân. Trong gia đình Nhân là Hiếu, Hiếu là Nhân. Ngoài xã hội Nhân là Trung, Trung là Nhân. Không bên nào nặng hơn bên nào. Nhưng phải tùy từng trường hợp mà đặt trên dưới. Trong Tán Dã Đồn, Hiếu trên Trung. Trong Khuê Các Anh Hùng, Trung trên Hiếu, dành “Phời gan giúp chúa chầu mày phụ cha”. Trong Sơn Hậu, lòng Đồng Kim Lân không dứt khoát, bà mẹ phải vạch rõ: “Trung hiếu khi năng toàn, vì đặc trung thần chân hiếu tử”, “tức Trung phải để trên Hiếu. Trong Quá Giới Bài Quan, nghĩa chữ Trung được Đào công cho thấy một cách chính xác. Nghĩa chữ Hiếu cũng được công “giải thích thích đáng” bằng hành động của Hoàng Phi Hổ đối với cha là Hoàng Cồn. Đó là Trung Hiếu theo đúng tinh thần nho giáo: “Trung với vua sáng. Trự là tên giặc của nước”. Theo đạo Nho thì có ba điều BẤT HIẾU mà kẻ sỹ phải khắc vào xương chạm vào lòng là “Gia bản thân lão, bất vị lộc sỹ; A ý khúc tòng, hãm thân bất nghĩa. Bất thú vô tử, tuyệt tông tổ tự” (Nhà nghèo cha mẹ già mà không chịu ra làm quan để lấy bổng lộc nuôi cha mẹ; Cha mẹ muốn gì cứ chịu theo, mặc dù việc cha mẹ muốn đó là việc ác, như vậy là đẩy cha mẹ vào chỗ bất nghĩa. Không lấy vợ để có con nối dõi, làm cho tổ tiên tuyệt mất kẻ lo việc hương khói). Phi Hổ không chịu theo ý muốn của cha là “nhất định phải giữ lòng trung với Trự, mặc dù Trự tàn bạo”, và đã tìm hết cách đưa cha ra khỏi chỗ tối, bước theo con đường sáng.

Quan niệm về Trung, Hiếu của Đào Tấn đã hiển hiện trong các vở tuồng trên. Nhưng công lại thường giải bày cùng hàng hậu học đến cùng công trong lúc công về trí sỹ ở Bình Định:

– Trong các tuồng của nhiều tác giả, nhân vật tả rất khéo, song tâm trạng có nhiều chỗ thiên lệch. Tôi trung chỉ biết có vua có nước mà không nghĩ đến nhà. Người con hiếu chỉ biết có cha mẹ mà không niệm đến tình yêu đương. Do đó mà tạo thành những biểu tượng theo phạm quy quá ư nghiêm khắc, bất cận nhân tình. Con người đâu phải gỗ đá mà không có tình? Trung thần há không yêu cha mẹ sao? Hiếu tử há không yêu vợ con sao? Trong các tác phẩm của tôi và trong các tuồng tôi nhuận sắc, tôi tránh sự thiên lệch đó. Ví như Đồng Kim Lân trung với nhà Tề, oán hận họ Tà nhưng vì thương mẹ mà muốn bỏ Tề về Tà. Nhiều người cho nhân vật như vậy không phải là TỐI TRUNG. Song theo quan niệm của tôi, đó là “bản lai diện mục” của con người sống ở đời. Như Từ Thứ tuy căm nghĩa của Lưu

Hoàng Thúc nhưng không thể không nghĩ đến sự an nguy của mẹ. Vì vậy mà Từ Thứ bỏ chữ Trung theo chữ Hiếu. Nếu Từ Thứ không nghĩ đến mẹ mà chỉ nghĩ đến chữ Trung ở lại giúp Lưu Hoàng Thúc đại phá quân Tào thì Trung quả Trung đó, song Từ Thứ như vậy thì là con người gỗ đá, đâu còn có cảm tình nữa? Sân khấu tuy là nơi diễn chuyện giả nhưng lấy chuyện giả mà bàn chuyện thật. Một Đồng Kim Lân, một Từ Thứ có thể đại biểu cho muôn nghìn Đồng Kim Lân, muôn nghìn Từ Thứ trong nhân quần từ xưa đến nay. Nếu tình cảm không đầy đủ thì nhân vật trong tuồng không được khán giả tán thưởng, như vậy tuồng đem diễn có ích chi cho đời? Theo tôi, chữ Trung có thể giữ vẹn thì giữ, không thể giữ vẹn thì tùy nghi mà hành động, không nên cố chấp. Như Hoàng Phi Hổ bỏ Trụ đầu Châu, Lê Thái Giám đem ấn dâng cho họ Tạ..., Tiết Cương chống lại nhà Đường...

Công lại nói:

– Quan niệm TRUNG VỚI VUA của nhà Nho, hiện nay vẫn còn nhưng vua sáng với vua hôn, vua hiền với vua ác, cần phải biện biệt. Vua đại diện cho nước để đem yên vui no ấm đến cho dân. Cho nên TRUNG QUÂN tức TRUNG QUỐC. Song chỉ hết lòng hết sức với đấng minh quân, chân chúa là người biết rõ bốn phận mình, lo trọn nghĩa vụ mình, chớ thứ hôn quân bạo chúa... thì không diệt được vì không đủ tài, đủ sức, đủ can đảm... thì thôi, chớ đâu lại đi cù cung tận tụy. Cái nghĩa TÔN QUÂN... phải cho sáng suốt

Có người nghe Đào công giảng, thắc mắc hỏi:

– Vậy sao trong Phong Ba Đình, ngài lại để cho Nhạc Phi ôm khư khư chữ TRUNG làm cho cha con chết oan trong tay Tần Cối?

Đào công đáp:

– Trung của Nhạc Phi là Ngu Trung, chữ Trung đã bị Hán Nho và Tống Nho hùa theo kẻ cầm quyền tối cao bóp méo: “Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung”. Nhạc Mậu sợ con thực hiện chữ Trung một cách mù quáng, lệch lạc đã khắc sau lưng 4 chữ Tinh Trung Báo Quốc. Bà để chữ Tinh là thuần túy tinh vì mà không để chữ Tận, để chữ Quốc chớ không để chữ Quân. Đó là dụng ý báo “nên sáng suốt mà thực hiện lòng trung, “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, Quân vi khinh”. Nhạc Phi không hiểu thấu đáo ý mẹ nên đã thi hành lệch lạc chữ Trung! Sao không vì nước mà sống để đánh lấy lại nửa phần đất phía bắc cho nhà Tống? Sao lại trung

với một mình Tống Cao Tông mà không tận trung với Thượng Hoàng Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông bị quân Kim bắt đem về nước? Chữ Hiếu mà Nhạc Phi đeo nặng trong lòng, như thế cũng không tròn vẹn. Nhưng viết Phong Ba Đình tôi không dụng ý đề cao chữ Trung chữ Hiếu. Vì thấy tôi có tuồng Nhất Tiễn Song Điêu lột trần lòng vong ân phụ nghĩa của Tống Thái Tổ, tôi theo bước thầy viết tiếp Phong Ba Đình để cho thiên hạ thấy lòng bất hiếu bất đê của Tống Cao Tông.

– Tần Cối giết Nhạc Phi, sao lại bảo rằng Tống Cao Tông là bất hiếu bất đê?

– Như thế là quý ông đọc sử không được chín! Quý ông thử nghĩ kỹ: Quân Kim đánh lấy hết phần đất phía bắc Trung Nguyên, đánh vào kinh đô nước Tống là Biện Kinh, bắt Thái Thượng Hoàng là Huy Tông và đương kim hoàng đế là Khâm Tông đem về nước. Con Khâm Tông là Khương Vương Cầu lên ngôi nhà Tống ở Lâm An. Từ ấy sử gọi nhà Tống là Nam Tống. Khương Vương Cầu là Tống Cao Tông. Trong triều Nam Tống lúc bấy giờ chia làm 2 phe, một phe chủ chiến quyết đánh lấy lại phần đất đã mất vào tay quân Kim, một phe chủ hòa bằng lòng cắt phần đất phía bắc nhượng cho quân Kim để được an cư lạc nghiệp ở phía nam. Phe chủ chiến có Nhạc Phi cầm đầu. Phe chủ hòa thì tể tướng Tần Cối cầm đầu. Nhạc Phi trong tay cầm binh quyền quá đồi lớn, vua Cao Tông ngấm sợ sự phản trắc... Nhạc Phi lại hay nhắc nhở đến nhị đế Huy Tông và Khâm Tông đương bị giam cầm ở Ngũ Quốc Thành và tuyên bố quyết đánh đến Kim quốc để cứu và rước nhị đế về nước... Nếu để cho Nhạc Phi thực hiện được quyết tâm của mình rước vua ông và vua cha về nước thì liệu ông vua trẻ đương trị vì là Cao Tông có còn giữ vững ngôi vàng được chăng? Vì muốn giữ vững ngôi vàng mà Cao Tông mới ngấm ăn cánh với Tần Cối giết Nhạc Phi. Tần Cối chủ hòa. Nhạc Phi chết rồi thì cắt đất chia cho quân Kim, ông và cha chết già nơi đất khách. Người đời sau không xét kỹ cứ mắng chửi Tần Cối là quân bán nước cầu vinh và thương cho Nhạc Phi, chớ không biết việc làm bất hiếu bất đê của Tống Cao Tông. Tôi viết Phong Ba Đình để lột trần lòng gian trá của Cao Tông, hầu mong người đời khi bàn đến “tôn quân hay không tôn quân” nên suy nghĩ cho kỹ để khỏi lầm lỗi.

Những lời nói của Đào công thuật trên đây là do cụ tú Võ Kiêm kể lại cho con cháu trong nhà nghe. Cụ còn nói thêm:

Chỗ dụng ý của Đào công nhiều khi quá sâu sắc. Nếu công không nói ra thì ít ai nhận thấy. Như nhuận sắc tướng Sơn Hậu, cải biên tướng Khuê Các Anh Hùng, ngoài mục đích đã nói trước đây, công còn dụng ý chỉ trích luật “tru di tam tộc” quá tàn khốc của triều Nguyễn. Luật tru di chẳng những tàn khốc mà quá bất công! Một người có tội với triều đình mà cả 3 họ bị chết chém!! Kia xem như trong tướng Sơn Hậu, Tạ Thiên Lăng cướp ngôi vua, nhưng Tạ Thứ Hậu Nguyệt Cảo, chị Thiên Lăng, lại hết lòng gìn giữ cơ nghiệp nhà Tề và đã từng giúp thứ phi Phàn Phụng Cơ cùng Hoàng tử thoát nạn. Như thế há có thể vì em tàn bạo, vì em bất nghĩa bất trung mà bỏ cả lòng trung nghĩa của chị? Trong Khuê Các Anh Hùng, Triệu Văn Hoán cướp ngôi của Nguyên Vương, mà con là Triệu Tử Cung lại ra tay gây dựng lại cơ nghiệp nhà Nguyên. Tạ Kim Hùng bất trung bất hiếu nhưng cha là Tạ Ngọc Lân và em là Tạ Phương Cơ lại hết lòng cứu khốn phò nguy. Như vậy há có thể vì cha phản vua mà làm tội con? Há có thể vì con và anh bất trung bất hiếu mà làm tội cả cha già lẫn em gái là những người tận hiếu tận trung. Dùng tướng hát để chỉ trích luật pháp mà khởi mắc vào tội phỉ báng, há chẳng hơn lời can gián của quan Ngự sử đã không được triều đình nghe mà còn bị khiển trách?

+ CỔ MIẾU VĂN CA – là vợ tướng cổ mệnh danh là Nguyệt Cô Hóa Cáo, lại có tên nữa là Tiết Giao đoạt ngọc, được Đào Tấn chỉnh lý sau Trầm Hương Các và trước Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan để bảo thâm vua Thành Thái: “Muốn lo đại sự mà không bỏ lòng dâm dục thì nhất định sẽ bị thất bại như Nguyệt Cô”. Hãy nghe lời than của Nguyệt Cô than trong nơi cổ miếu dưới bóng trăng nư:

- Uống trăm năm râu góp bấu càn khôn,
Sẩy một phút tan tành trường phong nguyệt!
- Đã phũ rồi son phấn một trường
Âu trở lại nước non nghìn dặm
Ngàn dặm thẹn cùng non nước
Gấm mơ màng thân trước thân sau.
Dặm hòe một bước một đau
Nhìn xem phong cảnh ra màu dũ đang.

Và cũng như trong Trầm Hương Các, Đào công muốn nói cho vua Thành Thái biết rằng “Thời suy quý lộng”, nơi cung đình bọn gian tà đang lộng hành, mà bọn gian tà ấy lại là những người được tin dùng nhất như Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, Trương Như Cương... Bọn này là những con cáo đội lốt người, chẳng khác Nguyệt Cô, Đắc Kỳ... Mặc dù đuôi của chúng được giấu kỹ, song đã nhiều lúc để lộ ra rồi đó... Nhà vua phải đề phòng...

Có người hỏi:

– Trong các tuồng Hộ Sanh Đàn, Khuê Các Anh Hùng, Sơn Hậu, Đào Phi Phụng... Đào công đều dụng ý đề cao vai trò phụ nữ. Tại sao trong Cổ Miếu Văn Ca, Công lại đem Nguyệt Cô ra làm tiêu biểu cho nét xấu xa. Như thế thì ý kiến của Đào công đối với phụ nữ chẳng là bất nhất hay sao?

Xin thưa:

– Chỗ dụng ý của Đào công trong mỗi tuồng mỗi khác. Trong Cổ Miếu Văn Ca, Đào công muốn đánh mạnh vào lòng tà tâm của vua Thành Thái. Nguyên nhà vua bí mật tổ chức trong cung cấm một đạo nữ binh thiện chiến, chuẩn bị việc đánh Pháp giành lại độc lập cho giang san. Đào công cảnh cáo rằng nếu dùng phụ nữ vào đại sự mà đeo tước vị và danh thì địch sẽ dùng lợi khí của mình đánh thẳng vào nhược điểm của mình, rốt cuộc đại sự đã thất bại mà nghìn thu còn lưu xú. Hãy nhìn vào tấm gương Nguyệt Cô.

Không nhận thấy chỗ dụng ý của Đào công, nhiều nhà Nho đã chê Cổ Miếu Văn Ca là “tuồng khiêu dâm”, không nên đem trình diễn

+ ĐÀO PHI PHỤNG – là một pho tuồng cổ gồm 4 hồi, soạn vào khoảng đầu nhà Nguyễn. Đào Tấn sửa toàn bộ, nhưng 3 hồi trước chỉ sửa qua loa. Hồi thứ tư được công chú ý hơn, song không ra công tu chỉnh như đối với các tuồng Sơn Hậu, Tam Nữ, Nguyệt Cô...

Hồi thứ tư là hồi thường được đem trình diễn nhất vì đồng bào rất thích. Thích nhất đoạn Đào Phi Phụng gặp vợ là Nguyệt Tâm (thường gọi là Nguyệt Tim). Khi vợ chồng xa nhau thì Phi Phụng mặt trắng không râu. Khi vợ chồng gặp nhau lại thì Phi Phụng được Quan Công thay đổi hình dung trở thành người râu dài mặt đỏ. Nguyệt Tâm không nhìn, Phi Phụng phải đem tất cả những điều riêng tây của vợ chồng từ lúc mới gặp nhau cho đến lúc chia tay đi lo việc nước... Chừng đó Nguyệt Tâm mới nhận chồng...

Đào công sửa tuồng này để diễn cho vui, chứ không có dụng ý sâu sắc, không gởi gắm tâm sự.

Còn một tuồng nữa Đào công cũng sửa sơ đôi chút để diễn, vì tuồng rất được đồng bào ưa thích. Đó là tuồng Phục Huê Dung Đạo.

+ **PHỤC HUÊ DUNG ĐẠO** – cũng là một vở tuồng cổ diễn sự tích Quan Vũ tha Tào Tháo tại đường Huê Dung. Đào công ít sửa văn, mà sửa điệu bộ, nhất là điệu bộ Tào Tháo. Diễn viên đóng vai Tào Tháo thường “biến” Tào Tháo thành một tên “hề”. Đào công bảo sửa “tư cách” cho ra “người lớn”, cho ra một “gian hùng ngộ nạn”. Công giảng: “Quan Công tha Tào Tháo không phải vì lời kể lể của Tào, mà chính vì sự hiện diện của Trương Liêu. Sự hiện diện của Trương Liêu làm cho Quan Công nhớ lại lời mình hứa cùng Trương lúc chia tay nơi ải thứ 6 ở biên giới đất Tào: “Thôi Tướng quân về. Ta xin gởi lời cùng Thừa tướng rằng: Tạ tướng công chí khí tương kỳ. Đãi tha nhật ân tình tất báo”. Vì vậy hình ảnh Trương Liêu phải nổi bật ở sau Tào Tháo, để rồi sau khi Tháo đi rồi, Trương nán lại, Quan Công thổ lộ tâm tình: “Niệm thử cự tình tâm bất nhần. Trí ngộ dung xá mạng Tào Công”.’

Tuồng này có đem diễn tại Học Bộ Đình ở Vinh Thạnh nên nhiều người không xem kỹ văn chương, lầm tưởng rằng là tuồng của Đào Tấn soạn.

Những bốn tuồng cổ kể trên được Đào công tu chỉnh hoặc ít hoặc nhiều khi công đã ra làm quan và lúc đã về trí sĩ. Có một bốn tuồng được Đào công góp phần trau chuốt đến ba lần – lúc còn ở nhà, lúc ra làm quan, lúc về vườn – Đó là tuồng Dịch Thanh Ly Thộn.

+ **DỊCH THANH LY THỘN** – là hồi thứ hai trong tuồng Ngũ Hồ Bình Tây của cụ tú Nhơn Ân.

Tuồng Ngũ Hồ Bình Tây sau đổi là Ngũ Hồ Bình Liêu để khỏi bị vạ “ngục văn tự” của bọn thực dân Pháp. Sau khi đỗ cử nhân rồi Đào công thường cùng thầy bàn luận về tuồng hát. Đọc Ngũ Hồ đến đoạn Công chúa Trại Ba đuổi theo kịp Dịch Thanh, nắm áo kể lể: “-... (Tôi đãi ông Phò mã thôi còn nói chi) Tửu ký thanh, hào ký hình. (Thế mà ông nỡ) Khử vô tông lai vô tích (cho đành)? Đào công thưa cùng thầy:

– Hay kể lể miếng ăn miếng uống cùng chồng là thói thường của các bà vợ. Nhưng đó là phụ nữ thường, chứ Công chúa Trại Ba là bậc phong lưu đài các, e không thích hợp.

Cụ tú cười và chữa lại:

– (Như ông cùng tôi, có phải là) Tương thân như ảnh như hình.
(Sao ông nữ) Lai khứ vô tông vô tích (làm vậy chẳng tệ lắm à)?

Khi ra làm quan ở Huế, đọc lại Dịch Thanh Ly Thợn, công nhận thấy còn một chỗ hở nữa, cũng trong đoạn “núi kéo nơi ái Cáp Man”

Địch Thanh chạy ra đến ái Tây, Cáp Man đóng cửa ái không cho qua. Trại Ba đuổi kịp, lại truyền: “Cáp Man! Nghe lệnh mở án cần, đóng cửa quan cần mật. Nhược hữu nhất hào sơ thất, tất cam trọng tội nan đào”. Nhưng khi nghĩ kỹ đến đạo hiếu nghĩa, Trại Ba để cho chồng đi đánh Tây Liêu. Cho Địch Thanh đi mà không truyền cho Cáp Man mở ái. Hai bên chỉ than thở rồi chia tay:

– Dứt tình một khúc Dương Quan
Tây Liêu anh tới, Đơn Bang em về.

Như vậy, Đơn bang em về thì được, chứ Tây Liêu anh tới thì tới làm sao được vì cửa quan còn đóng “cần mật”?

Đào công định trình lên thầy để thầy sửa cho ổn. Nhưng chưa có dịp trình thì cụ Tú qua đời. Để y cũ thu bốn tuồng chẳng khác viên ngọc liên thành có vết, còn tự ý sửa thì thất lễ với thầy. Mãi khi Đào công đã về trí sỹ, mới mua một con heo, đến nhà thầy, làm cỗ bàn cúng tế, rồi xin thầy cho phép “mở ái để đưa nguyên soái lên đàng”. Lễ xong cụ thêm vào bản cáo, ngay ở sau câu hát Nam “Giây phiền đó buộc chuỗi sấu đây mang”, một đoạn:

Trại Ba:

– Bớ Cáp Man! Truyền Cáp Man mở ái, (Đặng cho ta) Đưa Nguyên soái lên đàng

(Phu Quân ơi!) Song lỵ san san, thốn tâm cảnh cảnh.

Hồn ly biệt đường mê đường tỉnh;

Mối ân tình khó dứt khó chia.

Dặm Tây Liêu hiểm trở sơn khê,

(Còn) Tình La Hải cao cường pháp thuật.

Sợ khó nổi bèo đầu ác tặc.

(Mẹ mẹ ơi!) Biết bao giờ thấy mặt từ nhan?!

(Phu Quân ơi!) Rượu vui vui nâng rót chén vàng;

Chân rén rén diu đưa người ngọc.

Rén rén diu đưa người ngọc

Kể khôn cùng chân tóc kẻ răng

Dịch Thanh:

– Thôi em ở lại, sương sa hoa nở, mẹ tròn con vuông, rồi anh sẽ về.

Anh hùng nước bước còn sảng

(Em hãy nín đi)

Đừng dun mảy liễu mà quần ruột lan.

Trong khi vợ chồng than vãn thì cửa quan từ từ mở. Hai bên mới chia tay nhau bằng câu hát nam của cụ Tú:

Dứt tình một khúc Dương Quan

Tây Liêu anh tới, Đơn bang em về...

Chuyện sửa tuồng của Đào công trở thành một giai thoại trong làng bút mặc.

Cách đó ít lâu có người đến thưa cùng Đào công:

– Sau khi đưa chồng qua ải rồi, Trại Ba công chúa trở về than:

Đoạn thám đã dè mê, tấm lòng thêm lịu địu!

Vì chút tơ duyên lằng lịu, khiến nên tình nghĩa vẩn vương.

Cực thân chàng thủy viễn sơn trường,

Khó nổi thiệp canh tâm dạ tịnh.

Dạ tịnh dè mê tứ cố

Canh mò hồ xuân thọ mộ vẩn

Mấy phen liễu ử mai quăng

Hơi hương đã nhuộm bóng trăng lại lờ

Chỉ miễn cố quốc chán dò

Ôm lòng gượng bước qua dò âm dương.

Đoạn này thật hay mà cũng thật thảm. Nhưng có một câu con nhận thấy chưa tuyệt diệu.

Công ngọc nhiên hỏi:

– Câu nào?

– Bẩm, câu “Mấy phen liễu ủ mai quàng”, vì “liễu ủ mai quàng” có ngụm ý hận và bên ngoài thì 2 sắc thái mà bên trong chỉ một tánh chất, con e không cần với câu dưới, cảnh hai mà tình cũng hai.

Đào công gật đầu khen:

– Hậu sinh khả úy!

Nhưng không lẽ sát sinh một lần nữa, Công bèn cầu viện nơi cụ Tiên Điền:

*Ma, cốt cách, tuyết tinh thần
Hơi hương đã nhuộm bóng trăng lại lơ.*

Thật tài tình!

Câu trên tương ứng, câu dưới tương phản, làm cho tình thêm bi thiết, ý thêm thâm viễn. Và nhờ tĩa bỏ những nét ủ ê quẩn quại mà thần trở nên trong, khí trở nên nhẹ, khiến mạch thơ chảy suốt từ trên xuống dưới, không còn u trệ, thấm thía mà thông dong.

Nhất cử lưỡng tiện! Đào công đối với văn chương đã trợn ghĩa vẹn tình, mà đối với thầy cũng khỏi mang tội thất lễ.

Nhưng không nên quên công người đã đưa vết nhỏ trong viên ngọc cho Đào công tẩy. Người ấy là ai? Là một chiến sĩ vô danh, chỉ muốn hưởng vinh dự trong vắng lặng.

(Trong một bức thư gửi cho anh, chú Quách Tạo đã nhắc tên người nêu ý kiến: đó là ông tú Đặng Văn Thám).

GIÁ TRỊ VĂN CHƯƠNG TRONG TUỒNG

Tuồng của Đào Tấn đã nhiều, mà văn Đào Tấn cũng tuyệt.

Tất cả các tuồng, tuồng sửa cũng như tuồng soạn, văn chương cũng như nghệ thuật, giá trị rất cao. Các nhà soạn tuồng đồng thời và hậu tiến, như Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Trì, Ngô Quý Đồng, Nguyễn Hiền Đình..., Võ Kiêm, Đặng Văn Thám, Lâm Thúc Mậu... đều công nhận là ít ai sánh kịp. Cách kết cấu vừa chặt chẽ vừa gọn gàng, thứ lớp phân minh liên tục. Còn văn chương thì những câu hát nam, hát khách, những câu xướng, câu ngâm... hay đã đành, mà cho đến câu nói lối, những câu hường, câu tán, những chữ đệm vẫn được chọn lọc, trau dồi.

Trích đôi đoạn nói lối làm mẫu:

– Lời Từ Thứ trong Tân Dã Viên:

*"Tân Dã từ ngày hội ngộ;
Dĩnh châu chạnh nỗi thần hôn.
Bướm Trang Chu lơ lửng mộng hồn,*

Quyên Thục Đế nào nùng oán mộ. (Mẹ, mẹ ơi!)

Mẹ lụm cụm gió sương mấy độ;

(còn) Con bằng xương cung ngựa bốn phương.

*Biết sao cho mẫu tử nhất đường.
Vậy mới gọi kiếu trung lương lập".*

– Lời Lan Anh trong tuồng Hộ Sanh Đoàn, khi nghe tin Tiết Cương bị Võ Tam Tư rượt đánh, đem lâu la đến cứu:

"(Ồi chao ôi!) Bất thăng kinh hãi, kinh hãi!

(Chẳng biết phu quân tôi mất rồi mà) Chí thử gian nan, gian nan!

(Ồi phu quân ôi!) Cừu khúc trường, lửa đốt xốn xang!

(Còn) Song hàng lụy, mưa tuôn lã chã!

(Nay phu quân tôi chích thân ngộ nạn, tặc chúng lai truy. Phu quân tôi biết chạy đường mô? Thương hại!) Qua Xuyên quận giảng trình hiềm trở.

(Còn) Về Long Sơn lâm lộ đa kỳ !

(Phu quân ôi!) Vì hiếu tình nong nả quyết ra đi.

(Bây chừ) Con hoan nạn bơ vơ ai giúp đỡ?!

(Nhưng thôi thôi) Bước anh hùng đã lỡ;

Gan nhĩ nữ càng dày.

Nếu chẳng liễu sanh tử giữa chông gai;

(Thời) Ai còn kể ân tình trong khói lửa”.

Những câu nói lối đối nhau chan chất, nhưng rất trôi chảy và tự nhiên. Vẫn nối nhau khăng khít, không mấy khi lạc hoặc lơi. Những đoạn nói lối với những lời chải chuốt như trên, trong vở tuồng nào cũng đầy nhẩy. Những câu non nớt, những vắn lạch lạch không hề thấy trong tuồng Đào Tấn, tuồng sửa cũng như tuồng soạn. Tất cả đều chỉnh đốn, thanh nhã.

Đây một đoạn nữa trích trong tuồng Trầm Hương Các, lời Trụ Vương thốt ra khi thấy tượng của thần Nữ Oa:

“(Tốt a!) Đoái thấy kiều tư my thới;

Rõ là ngọc diện hồng trang!

Khéo vẽ vời thu thủy xuân sang.

Thêm mềm mại sơ mai nộn liễu!

(Ừa! Té ra cốt bằng trăm hương! Ý chao! Đã mềm mà còn thơm nữa! (Nhưng) Dung mạo đó tuy rằng yếu diệu

(Mà) U Minh rày còn hãy cách phân

(Mới uống cho chớ!) (Ta chẳng dám nào... Mà thôi...!) Phải chi mà lạc bước phong trần;

Thời hán cũng vấy duyên cầm sắc (chớ chẳng không).

(Nay ta nhất kiến tiên dung, chốn sanh trần niệm, mần rì là) Bất thị quá nhân hiếu sắc.

(Thử nghĩ lại mà coi. Cha chá còn ai hơn nữa? Nhưng thôi!) Khả lân thái thượng vô tình!”.

Lắm câu đẹp dè nhịp nhàng như những câu thơ. Như:

– *Bướm Trang Sinh lơ lửng mộng hồn
Quyén Thục Đế nảo nùng oán mộ*

(Tân Dã Đôn)

– *Đầy áo rơi muôn học thiên hương
Đôi mắt vẽ một người quốc sắc
Phảng phất hơi thu đường mát mặt
Mơ màng hồn điệp khéo trên người*

(VBTT)

Như trong Trầm Hương Các, lời Trụ Vương và Đắc Kỷ đối đáp với nhau nơi hoa viên:

“– (Quý nhân, Ta chào. Ồi chao! Sao dậy sớm thế? Ấy vậy mà ta tưởng) Giấc hải đường còn hơi say sưa (Đó té).

(Ấu là ngồi xuống đây) Mầu trúc điệp cung nhau chuyễn choáng...

– (Như tôi lù) Phận liễu bồ khép bóng thu phong;

(May mà đừng) Phụng cân trắc (mẩn ri là) nhờ ơn xuân hải.

Lại có những câu âm điệu nhịp nhàng như những câu phú:

– Bóng chung tình hồn cố quốc treo trước ngọn đèn xanh;

Bề tự vệ chúc phòng nhân phơi thêm chòm tóc trắng.

(Van Bửu Trình Tường)

– Oan cảm nọ miệng còn ngậm đá, (Nền chi)

Quốc sỹ nầy mặt phải bôi than. (Tứ Quốc Lai Vương)

– Cánh học hồng đã sẵn chí lãng tiêu,

Sức kỳ ký há cam lòng phục địch. (Cổ Thành Hội)

Thình thoảng, lại dùng những câu thơ cổ, nhào trộn biến chế thành những câu nửa Hán nửa Nôm, rất ý vị. Như lời Loan Anh trong Hộ Sanh Đàn:

*Từ phu tướng Trương An tế tảo
Luống thâm khuê vĩnh dạ ưu sầu.
Khéo loi thoi dương liễu mạch đầu
Thêm thánh thót hoàng oanh chi thượng.*

Nhiều khi đương noi một việc, bỗng đổi sang việc khác, đương nói với người này trở qua nói cùng người khác, cách xoay xở rất tài tình, ý tứ đã không lệch, mạch lạc đã không đứt, mà câu văn đối nhau lại vừa chỉnh đốn vừa tự nhiên. Ví dụ trong *Hộ Sanh* Đoàn lúc Loan Anh chạy lạc vào rừng, phần mệt mỗi phần đau đẻ, nàng vừa than cảnh ngộ vừa nói cùng Hồ Nô:

– Bước quanh co khác nẻo khác đường! (*Ồi chao ôi! Mản rằng mà*)

Mình mỗi mệt khôn lui khôn tới!

(*Hay là tôi*) Vì lướt chốn tên bay pháo đội

(*Cho nên ra nóng nôi ấy? Á không, Không phải... Bớ Hồ Nô, con hãy bồng lấy em... Chao ô* (Chắc bà)

Đã gần ngày nhụy nở ba khai, (*Rồi đó con*).

Và khi sanh xong, Loan Anh trông bốn phía nói:

– Đoái thấy tường quang xán lạn... (*Ừa! Đây là đèn miếu chi đây? Chao ôi là may!*)

Thiệt nhờ tiên thánh hộ trì... (*Ừa! Té ra tôi đẻ dưới bụi Quỳ Hoa đây mà. Bớ con ơi! Chữ cha con còn thất lạc, có một mình mẹ đây, thôi*)

Mượn tên cây đặt chữ Tiết Quỳ.

Vừa nói đến đó thì nghe tiếng quan la ó, Loan Anh giật mình, ngó dớn dác, nói tiếp:

– (*Ồi chao ôi!*) Vang góc núi lưng binh Võ Thị!

– (*Thưa thưa*) Cúi đầu làm lễ, tạ đức cứu sinh. (Bớ Hồ Nô, chữ bà đã mạnh rồi, để bà bồng cả hai em, cho con dắt lấy ngựa, mang lấy cung kiếm, nghe. *Ồi phu quân ôi! Như em chữ*)

Vì vương mang gánh nghĩa gánh tình,

(*Nên*) Phải lịu dịu tay bồng tay ẵm.

Đối cặp nào sít sao cặp nấy, không một chữ non. Thế mà câu văn không chút vướng mắc, không chút gập ghềnh, giọng văn tự nhiên, thanh thoát, đọc nghe dòn dă, nhịp nhàng. Những nỗi mừng lo buồn tủi... đều thể hiện trên từng chữ từng câu.

Mà chẳng những các câu nói lối, từ chương mới chỉnh đốn thanh nhà, mà cả những câu hường, những chữ đậm – như chúng ta đã thấy ở các đoạn thượng dẫn (chúng nằm trong dấu ngoặc

đơn) vẫn cũng được chọn lựa cân nhắc, ý không thiếu, lời không thừa. Các tuồng xưa ít Hường, tuồng Đào Tấn nhiều Hường nhất, nhiều hơn tất cả tuồng xưa và tuồng nay. Và chính nhờ nhiều Hường mà các đoạn nói lối, những câu hát nam hát khách... được thêm sống động, được thêm sáng sủa và làm giảm bớt vẻ trịnh trọng của sự đối ngẫu, làm bớt những mực thước cứng rắn kém tự nhiên... Chính chúng làm cho văn tuồng Đào Tấn thêm duyên thêm vị. Chính là muối tiêu là rau răm đối với thịt gà luộc, nhưng đừng dùng quá nhiều và phải khéo tay thì mới thêm hương thêm vị cho đĩa thịt.

Nói tóm lại là văn Nói Lối trong các bốn tuồng Đào Tấn, những câu hường cũng như câu chính, đều thanh nhã thuần thực, không hề thấy những chữ non nớt, những chữ quê mùa, sống sượng cả trong lời thật thà của một ông lão chơn chất, trong lời bông đùa của một người lính canh. Ví dụ lời Tạ Ngọc Lân nói cùng Phương Cơ khi Cơ đòi ra Trương An thám thính:

“– (Tao hỏi mấy, mấy xuống đó, quân tuần nó bắt mấy, nó đánh mấy năm ba roi, mấy còn chịu được. Nó đánh đến chín chục, mười chục... Ấy ấy... Chi cho khỏi đau chân há miệng. Mấy khai với nó mấy tên gì họ gì, con ông nào bà nào, sai mấy đi đâu, mấy nói xì vấy xì vá, xì bậy xì bạ ra... Rồi nó trói mấy lại... Có phải à)

Cha ngồi thùng khôn bề cất thùng,

(Còn) Con vương tơ khó nổi gỡ tơ!

(Á thôi đi) Việc để mặc cho già.

Công chẳng màng đến trẻ.

(Đi vào đi. Đi vào kéo tao đánh chết chứ) (Khuê Các)

Ví dụ lời quân giữ ải mắc mưu Phương Cơ, để cho Cơ chạy qua khỏi ải:

– (Ồi chao!) Con này giả dại.

Mình lại chẳng khôn!

Nó đã dong đuôi chồn,

(Chẳng lẽ) Mình đành thương mắt ếch

(Hãy đuổi theo bắt lại) Đánh cho què cho lết,

(Rồi) Chặt cả cẳng cả đầu.

Dem quăng xuống ruộng sâu

Cho cua kênh nó kẹp.”

Hoặc bị Tạ Kim Hùng đánh chạy thoát, bỏ lại một bức thư, q: an đèn nhặt thư nói:

“– *Thằng chi chi rất mạnh!*

Mình vậy vậy mà thua!

Ưa kìa) Lá gì đây rần rịt như bùa?

(Coi thử, anh em xúm coi thử). (Tôi e)

Thằng quỷ đó rập ranh bỏ ngãi (cũng nên).

Thật rõ ràng, gãy gọn, mộc mạc mà thanh khí, dí dỏm mà không tục, không lá.

Đến các loại hát nam, hát khách, xướng, ngâm... thì văn chương lại càng được trau dồi thập bội. Hầu hết đều là giai tác, lắm câu lắm bài tuyệt tác. Giọng văn luôn luôn thay đổi theo nhân vật, theo hoàn cảnh.

– Khi thì hùng hồn khẳng khái, như:

– Trúc Tự mau mau trực chỉ

Quyết ra tài khí nguy phò chon

Chen vai gánh vác kiên khôn

Miếu đường cật dĩa giang sơn tay bỗng

Dậm ngàn gai góc lướt xông

Cánh hồng thuận gió cửa rồng vên mây.

(Khuê Các)

– *Lao xao sóng bủa ngọn từng*

Gian nan là nợ anh hùng phải vay.

– *Non từng sóng vỗ lao xao*

Trần ai gọi bước anh hào còn xa...

– *Thế sự huyễn như xuân mộng;*

Nhân tình bạc tựa thu vân!

Cán rãng cười, cười cũng khó khăn,

Ôm bụng chịu, chịu càng vui sướng.

Đau đớn cho tình cho cảnh

(Tiết Giao con ơi!, gắng lấy nhé!)

Ngóng phương trời gọi gánh non sông.

Mấy thu gối bắc đầu đông

(Ấy vậy mà tôi tưởng rằng)

Bể xanh chưa đổi dặm hồng còn xa...

Cuộc phong ba đầu là chỉ ngàn

(Ồi phu nhân ơi!)

Nỗi ân tình đòi đoạn pha phôi!

(Hộ Sanh)

+ Khi thì trầm uất bi tráng, như:

*Điều tích ngộ toan lẫn lời
Nghĩ sự tình nhiều nỗi cay co
Hai vai chất chặt tang hồ
(Bờ Võ Hậu, nầy tao nói thiệt:)
Biến oan chưa lấp mặt thù càng ngon.
Tiếng đục dồn phong huyền nhật hám,
Giục vó lửa chỉ dặm Long Sơn.*
(Hộ Sanh)

– Hà! Phong cấp viên thanh sấu!

Hèn chi cố nhân có câu: Đồ cùng cô nhận khóc

(Thì dâ phải. Nhưng tôi nghĩ lại:) Tái ông thất mã an tri phi phúc.

(Còn như sự tình tôi đây, biết bao giờ cho:) Hiệp phố hoàn châu khả dĩ giải ưu?!

*Xắn tay lần gỡ sợi sầu
Tóc lo đã trở trên đầu hùng anh
Khôn lau giọt lệ thương tình
Nỗi ai ngơ ngáo nỗi mình băng khuâng
Tiếng ba quân nghe chừng khơi tán
Giục mã để tách đoạn sơn khê.*
(Diễn Võ Đình)

+ Khi thì thống thiết lâm ly. Như:

– Sơn trung thán bì mã;
Hải thượng bì cô hồng!

(Ồi phu nhân ơi!) Xiết bao tình người cụm bắc kẻ gành
đóng! *(Hà)! (Chị nữa)*

Phải lần bước sớm qua Hồ chiều lại Việt.
Lần bước qua Hồ lại Việt
Mặt bơ thờ mái nguyệt cầu sương
Ai viên mấy tiếng đoạn trường
Chưa xong ân oán thêm thương vận thì
Bước lưu ly sơn thủy trạch bạn
Cụm mây tàn bóng nhận xa xa.

(Hộ Sanh Đàn)

– *(Phu quân ơi!)* Sợi nhân duyên vẫn vôi lướng thương thâm!
Đường danh lợi dỡ dang xin chịu vậy.
Chịu vậy đường ân nỗi ái

Tâm sự nầy khó hải cao xanh
Trì trì bạch nhật vân
Niều niều bì phong sanh.
(Thương hại cho tôi)
Phu tể khinh bạc nhĩ.
Tại thế bất xứng ý!
(Chừ tôi biết đi mô đây? Thôi thôi)
Giang san dao lạc xứ
Tử biệt dĩ thôn thanh! (Hà!)
Mảnh gương phút đã tan tành
Xuân vì gió lạnh thu tình trắng trong
Bước non sông ngại ngừng chi xiết
Nợ phong trần trả hết từ đây...

(Hộ Sanh Đàn)

– Nữ tử hữu hành, oán biệt hốt kinh thiên lý ngoại.
Hương quan hà xứ! Dạ chung tàn nguyệt nhận quy thanh!
Nhận quy thanh giục tình ly biệt
Oan trái nầy dễ biết vì đâu!
Non xanh nước biếc một màu
Cân duyên đã chích tơ sầu lại vương
Ngập ngừng một bước giang quan
Kim ô phút đã bóng tàn non xanh.

(Trầm Hương Cúc)

+ Khi thì trang nhã đài các. Như:

– Bưu điện xe rồng trực chỉ
Cảnh thái bình sơn thủy thanh cao
Gió hương thổi lọt hoàng bào
Kiêu mai tuyết điểm động đào mây giăng
Khương Cù ngợ hát vang rân
Xiêm Nghiêu thông thả chín tầng vô an.

(Trầm Hương)

– Thường thắng trải miền hương quốc
Gió trắng lồng một bức kỳ quan
Hương trời sắc nước xuê xoang
Nồng đêm tố nguyệt về ngàn tịch dương
Gió thanh tao dọn làn sóng nhỏ
Bóng mơ màng... Ai đó? vấn tâu...

(Vạn Bửu)

+ Khi thì diễm lệ thanh tao. Như:

– Hồ động phản phản lối cũ
Việc nhân tiền tán tụ chòm mây
La phù một giấc hay hay
Bóng treu thu nguyệt mùi gầy xuân sầu
Thuyền đầu trắng nước đầu
Màu lam thoát đã rẽ cầu thần tiên
(Vạn Bửu)

– Dấu ngựa đường hoa đêm quanh què
Chày kinh dinh liễu tiếng lao xao
Sá chi tôi sương tắm mặt đào
Thương nỗi chúa bụi lấm vóc ngọc.
Vóc ngọc ngùi thương nỗi chúa
Bước gập ghềnh lối cũ đường xưa
Nhạn chiều chen đám mây thưa
Loi thoi chiếc bóng bơ thờ tiếng kêu
Gian nan chút phận đã liễu
Cò dang gió tạt bằng kiều sương rơi
Bước đường mai phong ai bao sá
Đoái quê nhà phút đã gần nơi...
(KCAH)

Lối văn trang nhã, thanh tao chiếm phần lớn nhất trong tuồng Đào Tấn. Nhưng lắm đoạn văn chương rất tự nhiên bình dị. Như:

– Mịt mù ngút tỏa sương che
Vó câu lẩn lữa bánh xe gập ghềnh
Chút thân dày đọa đã đành
Khéo vương vì nỗi ân tình chia phối
(Cổ Thành)

– Con cu bay bổng qua sông
Hỏi thăm em bầu có chồng hay chưa?
Có chồng năm ngoái ngày xưa
Năm nay chồng chết nên chưa có chồng
– Có chồng không nói qua hay
Qua cho thúng nếp cho khay trầu nguồn
(KCAH)

Những câu đó đã trở thành ca dao Bình Định. Có người lầm tưởng rằng Đào công đã lấy ca dao đem vào tuồng mình. Nói như thế là chưa biết rõ tài viết văn của Đào công cũng như chưa rõ

thái độ viết văn của Đào công: Nhân vật mình xây dựng lên, nói điều gì cũng phải từ lòng nhân vật ấy nói ra miệng. Huống hồ chữ đã sẵn trong bụng thì cần gì phải vay mượn của ai.

Có nhiều câu văn chương tự nhiên, mới đọc nghe tưởng ý tứ cũng bình thường giản dị như lời. Nhưng đọc kỹ lại thì rất hàm súc, có khi vừa cổ kính vừa tân kỳ. Như những câu lý của Phương Cơ trong Khuê Các Anh Hùng:

– Khen ai tắc lưỡi kéo dài
Cắt lia trung ái như mài lưỡi gươm
Trách ai đặng ná quên nôm
Hồ riêng với nước tửu thâm cùng trăng
Thương ai công nghiệp nửa chừng
Cây im khi gió lửa hùng khi mưa
Sầu ai ai biết hay chưa
Trăm năm đời lệ một giờ thương tang!

Không làm sao nói đủ những cái hay cái đẹp trong bao nhiêu bốn tuồng Đào Tấn, mỗi tuồng có một tánh chất một sắc thái riêng. Đây chỉ nói qua ĐÔI NÉT lớn thường gặp trong các tuồng.

Đào công thường nói:

– Tài của cụ Tiên Điền thật cao như núi dài như sông. Viết Đoạn Trường Tân Thanh, 3256 câu mà không có một câu trùng một ý lặp. Còn tôi viết từ 4 đến 12 câu thì còn nghe được, chớ trên nữa thì bất thành văn. Tài người xưa và người nay thật là ao trời, vực cá!

Đó là lời nói của đức khiêm tốn. Chớ gom hết văn lục bát trong bao nhiêu vở tuồng Đào Tấn thì có trên vài ba vạn câu. Và những cái hay thanh nhã hoa lệ trong Đoạn Trường Tân Thanh, đều có trong tuồng Đào Tấn. Nhưng những cái hay hùng hồn, bi tráng trong tuồng Đào Tấn, không thấy có hoặc có mà không được nhiều trong Đoạn Trường Tân Thanh. Nói thế không phải bảo Tiên Điền sút hơn Vinh Thanh. Hoa bạch mai, hoa thủy tiên cùng 1 sắc trắng song mỗi bên có mỗi cốt cách mỗi tinh thần riêng, phẩm giá dễ gì phân cao hạ.

Đó là nói về thơ Lục Bát, nói về Hát Nam trong tuồng Đào Tấn. Còn về hát Khách và các lối khác bằng chữ Hán thì cũng đủ sắc thái đủ tánh chất như bên chữ Nôm, nghĩa là văn chương tùy nhân vật trong tuồng mà thay đổi giọng điệu.

Nhiều câu hát khách tuyệt diệu. Như lời bà Đồng Mẫu nói cùng Đồng Kim Lân:

- + Trung hiếu khởi năng toàn, tố đắc trung thần chân hiếu tử;
- + Tử sanh hà túc toán, tu tri tử nhật tự sanh niên.

(Trung hiếu khó tròn hai, thành được tôi trung ấy con hiếu;

Tử sanh coi vẫn một, xui nên ngày tử chính năm sinh).

– Như lúc Loan Anh nghe tin Tiết Cương bị Tam Tư rượt đánh, kéo lâu la đi tìm cứu:

- + Thử cảnh thử tình tâm tự khổ,

Khả nam khả bắc lộ đa kỳ!

(Phu quân ôi!)

Hải giác thiên nhai, *(Thương hại cho phu quân tôi!)* lặc lặc cô tung thuy khững cô?!

Thiên cao địa hậu, *(Trăm lạy thiên địa quý thần cho tôi gặp phu quân tôi kéo mà)* mang mang sâu hận cánh kham bi.

(Cảnh ấy tình ấy, lòng hết sức khổ; bên nam hay bên bắc, đường đi cũng đều nhiều khó khăn – Góc biển chân trời, dấu chân đơn chiếc trong nơi vắng vẻ, có ai là người chiếu cố? Trời cao đất dày (cho tôi sớm gặp chồng tôi, kéo) sâu hận vấn vương dài đặc khó nguôi ngoai).

– Rồi vợ chồng gặp nhau, Loan Anh và Tiết Cương trao đổi cho nhau nỗi lòng:

Loan Anh:

+ Thử tể, lâm nguy, *(Ai ngờ em gặp phu quân đây, Chao là may!)* sanh tử thiêng nghi hồn mộng lý;

Tiết Cương: – *(Phu nhân ơi! Như anh là)* Kinh thu tích biệt, *(Ái thương hại!)* tao phùng do tại loạn ly trung.

(Nghĩa là: Lâm cơn nguy khốn lúc bấy giờ, mà nay được gặp nhau, việc sống chết riêng ngờ đương ở trong mộng. – Ly biệt đã lâu ngày, gặp nhau lại trong cơn ly loạn) (không thể nào kể hết nỗi hàn ôn...)

Tình cảm vừa sâu đậm vừa dạt dào. Đọc lên, hát lên những ai mộ điệu, đó ai khỏi rơi nước mắt! Cũng vô cùng lâm ly thống thiết

những câu hát khách của hồn Đắc Kỷ bạch cùng Phật khi nghe lời Phật dạy rằng sẽ đưa nàng lên Tây Phương Tịnh Độ:

+ *(Mô Phật). (Dám bạch Bồ Tát). Phật chỉ cảm vi, (Nhưng rửa mà) cổ phục cù lao thâm luyện niệm.*

(Trăm lạy Bồ Tát, xin ngài quảng khai giác lộ, dựng cho con) Dương đài nhất vọng, (kèo mà) sanh ly tử biệt khổ tư ta.

+ *(Dám bạch Bồ Tát, như con chừ) Trường gương Phật ân, xá thủ nhục thân phi tích dã;*

(Như nay mà) Dục thành chánh quả, khước vong huyết tánh thủ tâm hà?

(Nghĩa là: – Bạch Bồ Tát, Sắc chỉ của Phật con không dám trái. Nhưng mà nghĩ đến công ơn nuôi nấng nhọc nhằn của cha mẹ, lòng con lưu luyến vô cùng. Cho nên con lạy Bồ Tát. Mở rộng con đường sáng, để con nhìn xuống dưới trần một lần chót kéo nổi sanh ly tử biệt làm cho con đau khổ trăm chiều.

– Dám bạch Bồ Tát, như con rày, Muốn nhờ ơn Phật, đã cõi được xác phàm, không còn dấu vết gì nữa. Nhưng nay mà mong thành chánh quả bền quên khi huyết ngày trước của mình, thì có đành lòng được sao).

Tình thật là thâm, ý thật là súc, bi mà hùng, ai mà không oán.

Và chữ Trung, chữ Hiếu, chữ Tình diễn tả trong những câu hát khách thượng dẫn, thật là nhân bản, không chút phẫn sát, không chút nhiễm mùi Hán Nho Tống Nho.

Chính những câu chân tình như thế mới có tác động mạnh vào lòng khán giả, độc giả. Những người mộ điệu, không mấy người không thuộc không biết những câu trích dẫn trên đây, nhất là người Bình Định thường đem ra ngêu ngao trong lúc cõi lòng rung động.

Nhưng không phải trong tuồng Đào Tấn, hát Khách đều như thế. Cũng như bên hát Nam, tánh chất sắc thái bên hát Khách luôn luôn thay đổi theo tâm trạng của từng nhân vật, theo sự động tĩnh của từng trường hợp.

Như Tiên đồng Xương Dương trong tuồng Hoa Tri Mộng, đi đến Hương Hoa Tri thưởng cảnh:

+ *Thủy quan thiên tiếp vân quang tịnh,
Hoa sắc ba phù nguyệt sắc lung*

(Ưu vậy chứ chứ...)

Hà xứ sanh tiêu ẩn ước sạ văn hoàn phiêu diểu?

(Càng đi lại càng xinh!)

Nhân tiên văn vật uy trì di bộ tự thung dung.

(Nghĩa là: Ánh sáng của nước, trời nổi liền với ánh sáng của mây một cách im lặng; sắc của hoa, sóng làm nổi lên cao, lồng vào sắc của trăng một cách dịu dàng. Sanh tiêu ở nơi nào nổi lên vắng vắng, vừa mới nghe đó lại liền bay lẫn vào hư không. Trước mắt trải bày vẻ đẹp của vạn vật, khiến mình tự thấy vui vẻ thanh thoi).

Thật là thanh tao, khoáng đạt.

Như các quan theo hầu Trụ Vương đi lên điện Nữ Oa:

+ *Xuân thảo phi phi thừa kiếm bội*

Lò yên tế tế trú sanh mao.

(Có xuân phơi phới vươn theo dây đeo kiếm của bá quan

Khởi hương nơi lư vàng nhẹ nhẹ lùa trong tua cờ sanh)

+ *Tam xuân thuy khí sanh hoàng lộ,*

Nhất đoá hồng vân diệp bửu luân.

(Khí tốt lành của ba tháng xuân sanh đầy đường vua đi,

Một đoá mây hồng chiếu sáng rỡ cỗ xe vua ngự).

Thật là trang nhà đại các.

Nhiều câu hùng tráng hiên ngang như lời Quan Vũ nói cùng Hạ Hầu Đôn, lúc Đôn chặn không cho qua ải:

+ *Thủ bả thanh long, sát hổ tướng như hành vạ: sâu vồ;*

Thân thừa xích thố, nhập xà đồ tự khởi phụng đằng giao.

(Tay cầm đao thanh long, giết tướng hùm như mây tuôn mưa xối; Thân cỡi ngựa Xích Thố, vào trận rắn tựa phụng múa giao bay.)...

Hát khách chữ là Bắc xướng. Hát Nam gọi là Nam Xướng.

Nam xướng thì dùng văn Nôm là văn của ta, văn lục bát, song thất lục bát. Bắc xướng thì dùng chữ Hán là chữ của Tàu, tục gọi là Khách.

Hát Khách dùng chữ Hán và thường dùng thể Thi và thể Phú.

Thi thì thường dùng thể thất ngôn luật.

Phú thì dùng tất cả các loại câu Song Quan, Cách Cú, Hạc Tất.

Song Quan là hai câu đối nhau, mỗi câu từ 8 đến 10 chữ, rất ít thấy trong tuồng Đào Tấn. Có lẽ vì giọng điệu không được uyển chuyển du dương. Phải hát một hơi chớ nếu ngắt nhịp thì thành cách cú mất.

Cách Cú và Gối Hạc (Hạc Tất) rất được thông dụng và thường cuối mỗi đoạn trong câu, có những câu hường hay vài ba chữ đệm, làm cho nghĩa văn thêm sáng, mạch văn thêm liền. Những câu hát Khách trích dẫn trên đây, cho chúng ta thấy rõ điều ấy.

Trong tuồng hát Đào Tấn, câu Hường chữ đệm ở hát Khách lại còn nhiều hơn ở hát Nam. Có nhiều câu hát khách, hường và đệm kết thành một tràng lá, còn những đoạn hát khách chỉ là những đóa hoa thắm nổi rải rác trên màu xanh. Ví dụ trong tuồng Quá Giới Bài Quan, đoạn Hoàng Phi Hổ cầu xin cha đi đầu Châu với mình không được, bèn lập mưu cùng các em đốt trại và lương thảo, vũ khí của cha:

“Hoàng Cồn thấy lửa, bắc xương:

Phong hỏa tiếp thiên! (*Quân này nó đốt nhà tao hết rồi đây!*)

Phi Hổ và 4 người con nói: – (Bẩm gia gia, chúng con ở đây đủ mặt hết cả, có đứa nào đi đốt đâu).

Thiên Tường nói: – (Bẩm nội, cha cháu đốt đó, hồi này cháu thấy cha cháu sai chú Minh xách thùng dầu hỏa chạy xuống dưới nớ).

Hoàng Cồn tiếp bắc xương: (Ở quân này nó làm có sự mất rì! (Á, thương hại!) Thán Ân xã, kim thang chi bất cố!

Phi Hổ bắc xương: (A may may!) Quy lai, vô địa... (Bẩm Gia gia, dinh trại, lương thảo, xa kỳ, khí giới... con đã đốt tất cả rồi. Một xin Gia gia đi, hai xin Gia gia đi. Chớ như Gia gia ở lại, ôi chao ôi) Khủng Cồn cương, ngọc thạch chi câu phần.

Câu hát khách của Hoàng Cồn bắt đầu 4 chữ “Phong hỏa tiếp thiên” – Nghĩa là khói lửa mịt trời, rồi tiếp những câu hường dài nối nhau, mới đến đoạn nối của câu hát khách: “Thán Ân xã kim thang chi bất cố”, nghĩa là “Than cho xã tắc của nhà Ân, thành sắt hào nước sôi, không còn bền vững.”

Câu hát Khách của Hoàng Phi Hổ đáp lại cũng gồm hai đoạn, đoạn trên và đoạn dưới cũng cách nhau bằng những câu hường:

“Quy lai vô địa”, nghĩa là “trở về không đất dung thân”. Nếu ở lại với vua Trụ là một hôn quân thì “Khủng Côn cương ngọc thạch chi câu phán”, nghĩa là “sợ nơi Côn Sơn lửa cháy thì ngọc cũng như đá đều bị đốt rụi hết”.

Nhờ những câu hường chen ở giữa mà hai đoạn trên dưới của câu hát khách mới dính liền nhau. Bằng không thì ý nghĩa bị rời rạc.

Trong các tuồng khác, cả xưa lẫn nay, không mấy tuồng dùng câu hường nhiều và khéo léo như trong tuồng Đào Tấn.

Những bài Xướng, Ngâm... nhiều bài không nhượng thơ Đường thơ Tống. Đơn cử một tuyệt:

Nhất nhận hoành phi vân tế lộ
Cô đăng trường chiếu nguyệt biên thành
Anh hùng tự hữu quyền nghi xứ
Khả hận đồ vong thủ túc tình.

Đó là tâm trạng của Trương Phi khi trấn nơi Cổ Thành – 1 tòa thành ở cheo leo trên núi, cao sát cung trăng, đêm đêm chong đèn ngòai nghĩ đến hai anh. Anh cả thì như chiếc nhận bay ngang qua mây, đường hương mật mờ, bơ vơ lạc lõng! Còn anh hai thì vì quyền biến mà phải hành động cho thích nghi, nhưng hành động thế nào cho khỏi lỗi đạo lý, cho khỏi thương tổn đến khí tiết anh hùng. Như thế mới phải. Đây, khá giận thay! Anh hai lại đi hàng Tào! Quên tình anh em, tình thân ruột thịt, tình “tam nhân ước” chốn Đào Viên.

Buồn, giận, thương, lo gói ghém trong 4 câu 28 chữ! Mà chẳng những tả nội tâm được trung thành chu đáo, mà còn gợi được ngoại cảnh gần có xa có, hiện có ẩn có, thực thực hư hư...

Xướng, Ngâm, Thán... đều dùng thể thất ngôn tuyệt cú, chỉ khác nhau ở giọng điệu khi hát.

Những câu Tán – (tức là những câu Kê, nửa là hường nửa là Nói Lối, đứng trước những câu hát Nam, Hát Khách) – cũng rất đẹp rất hay. Như: Đoạn Trương Liêu và Quan Vũ từ biệt nhau dưới ải:

“Trương Liêu: (Như chén rượu này là:)

Chén tương phùng mà cũng chén tương ly,
Người viễn khứ xin nhớ người viễn vọng
Viễn vọng xiết bao tình tự
Giọt ly sầu dầm dã chinh y.

Quan Vũ: Ốc thủ nan vị biệt;

Đồng bôi vị hữu kỳ!

Kim nhật cô đình lao viễn tống,
Minh triều lương địa phí tương tư!
Xót xa thay lúc phân kỳ
Tình kia nghĩa nợ dốc ghi vào lòng.

Trương Liêu: (Hà)!

Tịch dương độ cô nhận,
Ly quần thanh bán không!

(*Như ân huynh là*) Mạn thế tối đa tài, hự thử phong trần lao cổ kiếm?!

(*Còn như em đây*) Chiêm Hàn thán vô phận, không tương thế lụy khắp bình tung!

Biết đâu là hội tương phùng
Lòng son hẹn với non sông dễ mòn.

Những câu Tán đều là những câu chữ Hán, đối nhau. Nếu dùng chữ Nôm thì cũng nửa Nôm nửa chữ, chớ ít khi thuần Nôm. Như câu của Trương Liêu: “Chén mừng gặp nhau cũng là chén rót đưa nhau; người đi xa xin nhớ đến người ở lại luôn luôn trông ngóng người đi xa”. Còn những câu Tán tiếp theo của Quan cũng như của Trương đều là những câu chữ Hán: “Năm tay nhau để từ biệt nhưng dứt nhau ra đi thật khó khăn! Vì không biết chừng nào mới được gặp lại để cùng nhau nâng chén như thế này. Hôm nay nơi đình côi buồn bã tiễn đưa nhau; Sáng mai mỗi người mỗi nơi, đôi bên đều nhọc lòng thương nhớ”. “Con nhận côi bay qua bóng tà dương, nhớ bấy kêu thảm thiết trên nửa lưng không! Như ân huynh tài cao tuyệt thế, cơ làm sao thanh cổ kiếm mãi lao đao lận đận như thế này?! Còn em đây, riêng than không được phần may mắn gần gũi cùng Hàn Kinh Châu nên luống đem giọt nước mắt trần tục khóc cuộc “bình thủy tương phùng” ngắn ngủi”.

Ngắn gọn nhưng hàm súc. Tán xong rồi xuống Nam, thật chẳng khác dòng nước chảy trên đầu ghềnh nơi bằng phẳng nơi nhiều đá lởm chởm, rồi đổ xuống thác cuộn cuộn để chảy một mạch ra sông.

Vì Tán thường bằng chữ Hán nên ít khi đứng trước hát Khách. Vì hát Khách cũng thường bằng chữ Hán. Hán rồi Hán, thành nói tiếng Tàu, nghe không sướng tai bằng nửa Hán nửa Nôm.

Tuy dùng nhiều chữ Hán, song câu văn vẫn nhẹ nhàng tươi sáng, đoạn tuồng không có vẻ bệ vệ hay tối tăm. Người nghe dù không thấu triệt ý nghĩa trong văn chương, cũng không lấy làm khổ tai nhức óc.

Còn một điệu hát nữa gọi là Ban cũng thường dùng chữ Hán. Như đoạn Tiết Cương được Loan Anh và lâu la cứu khỏi vòng vây của Võ Tam Tư:

“Tiết Cương ban: – Hà xứ nhân lai cứu ngô:

Lâu la ban: – (Dạ dạ) Sơn trại lâu la bộ hạ.

Tiết Cương ban; – (Ủa, vậy chớ) Hà do nễ đảng truy tùy? Hà do nễ đảng truy tùy?

Loan Anh bước ra và ban:

– Tương phùng thả hỷ thả bi! Tương phùng thả hỷ thả bi!

(Thưa phu quân, em đây. Dạ dạ)

Mã thượng khuynh thân yết kiến.

Tiết Cương ban: – (Ủa, Phu nhân đây mà!)

– Hân quân mặt lộ tương tâm! Hân quân mặt lộ tương tâm!

Đồng ban:

– Huyền điển kích cổ minh cầm, (Hà)

Tốc hưởng Long Sơn trực khứ.

Thông thông tải sậu tải trì, Thông thông tải sậu tải trì.

Lại như đoạn Hoàng Cẩn bị lạc trong rừng vì phép của Phi Hồ, rồi cha con gặp nhau:

Nhị Đệ ban: – Báo đại huynh, báo đại huynh

Nghinh gia lão, nghinh gia lão.

Phi Hồ ban: – Thạm hảo thắm hảo, Chí hoan chí hoan!

Vô cùng hỷ hỷ hân hân

(Dạ dạ) Lộ tả khuynh thân bái kiến.

Hoàng Cỗn ban: – (Ài ăi!) Hận tai nề bởi phi nhân! Hận tai nề bởi phi nhân!

Phi Hồ bắc xương: – (Trăm lạy phụ thân, như *Thương Vương* chứ là) Vô tội sát nhân, (Sát ngã muối, đục ngã thê, bởi rửa cho nên) bất hạnh xử quân thần chi biến.

Hoàng Cỗn bắc xương: (Bất hạnh xử biển, nên bay bắt cha bay theo đó hả?) Cam tâm hãm ngã, (Như rửa là) khỏi nặng toàn cốt nhục chi ân?”

T.C. – Người ở nơi nào đến cứu ta?

L.A. – Thưa đây là lâu la, bộ hạ nơi Sơn Trại.

T.C. – Do đâu các người biết mà theo tìm ta?

L.A. – Gặp nhau đây vừa mừng vừa tủi

Trên ngựa nghiêng mình yết kiến phu quân.

T.C. – Mừng em, đi tìm nhau trong bước đường cùng.

Đồng ban: – Rộn ràng nôi trống gióng chiêng, (Hè)
Kíp nhăm Long Sơn thẳng tới.
Đề huê khi chậm khi mau.

Đoạn Hoàng Cỗn và Phi Hồ:

N.Đ. -- Bớ đại huynh, Bớ đại huynh.

Đón gia lão, đón gia lão

P.H. – Tốt quá, tốt quá! Mừng thay, mừng thay!
Vô cùng hân hoan hỷ úy.

H.C. – Giận bay một lũ không phải loài người!

Phi Hồ hát khách: – (Trăm lạy phụ thân. Như *Thương Vương*)
Giết người vô tội (giết em con, hãm vợ con. Cho nên con phải quyền biến mà xử đạo quân thần như vậy, thật là bất hạnh.

Hoàng Cỗn hát khách: – (Bất hạnh xử biển, nên bay) Dành lòng hãm ta, (Như thê) Há phải rằng đáp trọn ơn cốt nhục (hay sao)?

Có người trách Đào Tấn hay dùng chữ Hán, dùng cả trong những trường hợp không cần thiết.

Đó là đứng trên lập trường, dựa theo sở thích của mình mà trách bị.

Đào Tấn sử dụng văn Hán văn Nôm cũng đều dễ dàng như nhau. Trong lúc cao hứng, hễ Hán đến thì dùng Hán, Nôm đến thì dùng Nôm, chớ không cần phải cân nhắc nặng nhẹ, miễn thứ ấy chữ ấy diễn tả được chính xác và đầy đủ tình ý mình muốn diễn tả là được. Thời Hán học thịnh hành chắc không ai dám trách Đào Tấn điều đó. Có nhiều bản tuồng cổ dùng cả đoạn dài chữ sách...

Đào Tấn là một nhà thơ chân chính, là một nhà văn uyên bác. Bên Hán cũng như bên Nôm, Công rất thận trọng trong việc dùng Chữ, dùng Điển.

Trong tất cả các vở tuồng Đào Tấn, không có những chữ thô tục, non nớt, tối nghĩa, hiểm hóc, ngong nghịu... Những tiếng cổ như Thừa, Chung, Bua... thường gặp trong các tuồng khác, đều không thấy trong tuồng Đào Tấn. Duy có chữ Mĩa ít thấy trong các tuồng cổ mà lại thỉnh thoảng gặp trong tuồng Đào Tấn.

Mĩa có nghĩa là “gần như thế”, “dường như”, “chừng như”...

+ Tác lòng liệu bấy lo ba
Ấn tình cảm nỗi phong ba ngại ngần

Tiếng binh dân mĩa chừng trại cách

Kíp liệu bề thanh tích sửa sang (Vạn Bửu T.T.)

+ Viễn khứ trông chừng bạt lộ
Đố ai tường lòng mỗ thiệt hư
Gheo tình non nước nên thơ
Bóng tiêu lướt sóng tiếng ngư vang rừng
Kiếng dạ tuần MĨA gần quan tái
Thoen máy nầy phải đợi mới khôn.

(Vạn Bửu T.T.)

Có nhiều người không hiểu nghĩa chữ Mĩa nên đổi ra chữ Như (Như chừng trại cách), ra chữ Nửa (Kiếng dạ tuần nửa gần quan tái).

Bài hát Nam “Viễn khứ trông chừng” là lời của nữ tỳ Chu Thuật giả trai vượt ải mang thư chủ ra nước ngoài... Bài này được đem làm lời Phương Cơ trong Khuê Các Anh Hùng. Lời thơ có sửa đổi một ít, như câu 1 sửa là: “Viễn khứ trông chừng viễn lộ”. Câu 3 sửa là: “Sao tầm đôi đóm lưa thưa”. Và trong câu chót chữ “Thoen máy” đổi ra “Cơ hội” (Cơ hội nầy phải đợi...)

Thoen máy đổi ra Cơ hội có lẽ người sau không hiểu ý nghĩa và nghe lạ tai nên sửa cho dễ hiểu.

Thoen Máy là dịch nghĩa chữ Cơ Quan.

Máy khép mở là Cơ. Thoen chốt dừng vào việc khép mở là Quan. Cơ quan, Thoen máy đây là “sự tổ chức bí mật, thoen máy không để cho ai thấy, lúc mở đóng không để cho ai biết”.

Chữ Cơ Hội tuy không sai ý nghĩa câu văn, song không hàm súc bằng chữ Thoen Máy.

Có người bảo: “Dùng chữ như thế cầu kỳ và tối nghĩa”.

Thấy “cầu kỳ”, thấy “tối nghĩa” là vì đọc không được rộng, nghĩ không được sâu. Chớ Đào công sức tích đã nhiều, uẩn nường lại lắm nên chữ nghĩa một khi hứng đến thì tràn ra giấy, dễ dàng rõ ràng, chớ đâu phải ngồi nặn óc tìm từng chữ tủa từng câu, dụng ý tạo cho câu thơ câu văn trở thành bí hiểm để khoe học khoe tài.

Có nhiều câu không có chữ khó, nhưng không xét kỹ thường bị lắm. Như:

+ Gió hương thổi lọt hoàng bào

Kiểu mai tuyết điểm động đào mây giăng.

Đã có một diễn viên, vì chữ Đào ở sau mà lầm chữ Mai ở trước là Hoa Mai, nên khi ra bộ sai, Đào công phải giảng cho biết rằng Cầu Mai là cầu ban mai, ban mai tuyết đã tan gần hết chỉ còn một ít điểm tuyết cảnh cầu.

+ Máy thu gối bắc đầu đông

Biển xanh chưa đổi dặm hồng còn xa.

Gối là chiếc gối gối đầu, là Gối để một nơi Đầu nằm một ngả. Có người giảng là “đầu gối” ở phía bắc, “đầu đội nón” ở phía đông, nghĩa là chân mới chạy ở đằng bắc đã thấy có mặt ở đằng đông”, tức là bốn tấu. Có người nghe giảng như thế, cười ngất. Hỏi tại sao cười. Đáp rằng vì thấy “Tiết Cương giống con rắn mối bò nhanh”.

Còn Dặm Hồng là đường con chim Hồng chim Hộc bay, tức là Tiền trình xa rộng.

“Biển xanh chưa đổi dặm hồng còn xa” ý nói “thương hải chưa đổi thành tang điền” (thì cũng tưởng rằng) Tiền đồ còn xa rộng.

Vì chữ Xanh ở trước nên nhiều người lầm tưởng chữ Hồng là Đỏ, nên mới đổi chữ Dặm ra chữ Bụi. “Bụi hồng còn xa” thì vô

nghĩa, bởi “hồng trần” ở khắp nơi nơi, thì nơi nào là nơi gần, nơi nào là nơi xa, mà bảo còn và hết?

Chỉ cử đôi trường hợp để chứng minh rằng Đào Tấn dùng chữ thận trọng chứ không cầu kỳ. Chữ dùng thường thường nghĩa thâm chứ không hiểm. Những chữ dùng rất khéo vì trước khi dùng đã được trau dồi kỹ càng. Song “dùng xảo vô phù tạc ngấn” tức không có chút dấu vết dụng công. Cho nên đẹp một cách tự nhiên.

Trong tuồng Đào Tấn, còn một chữ nữa, trừ người trong nghề, người mộ điệu ra, không mấy ai để ý.

Đó là chữ HÀ.

Chữ Hà, viết 1 bên chữ Khả, 1 bên chữ Khẩu, nghĩa là “Hơi thở ra”, “Tiếng thở dài”, để trút những nỗi buồn nỗi khổ ở trong lòng ra cho nhẹ bớt.

Như khi Tiết Cương bị Võ Tam Tư đánh bị thương, bỏ chạy vào rừng, dừng chân nói:

“ – Sơn trung thân bì mã; Hải thượng bi cô hồng.

(Em ơi!) Xiết bao tình người cùm bặc, kẻ gành đông (Hà!)

(Chị nữa) Phải lần bước sớm qua Hồ, chiều lại Việt.”

Chữ Hà đó là “tiếng thở ra”, thở ra cho đỡ mệt vì chạy, mà thở ra cũng dễ cho nhẹ bớt cõi lòng chất chứa bấy lâu: nỗi nước nỗi nhà, tình cháu còn thơ, tình con còn nằm trong bụng mẹ.

Chữ Hà thường nằm sau câu nói lối hay câu tán và trước câu hát Nam.

Như sau khi buộc lòng phải cho người đi lên Thiên Lãnh báo cho Ngũ Hùng biết tin dữ của Tiết Cương, Tú Hà than:

“ – *(Ôi thôi thôi! Cớ sự đã ra mản rứa, tôi còn sống mản chi đây? Âu là) Tầm Cổ miếu để toan bề tự ái;*

Xa nhân gian cho khỏi việc xúc hoài... *(Phu quân ơi!)*

Sợ nhân duyên vẫn vôi lũng thương thâm;

Đường danh lợi dờ dang xin chịu vậy.

Chịu vậy đường ân nỗi ái

Tâm sự nầy khó hỏi cao xanh!

Trì trì bạch nhật vẫn; Niu niu bi phong sanh!

(Thương hại cho tôi) Phu té khinh bạc nhì;

Tại thê bất xứng ý. *(Chừ tôi biết đi mô đây? Thôi thôi)*

Giang san dao lạc xứ
Tử biệt di thôn thanh! (Hà)!
Mảnh gương phút đã tan tành
Xuân vì gió lạnh thu đình trắng trong.
Bước non sông ngại ngừng dâu xiết
Nợ phong trần trả hết từ đây!

Tiếng Hà của Tiết Cương thể hiện sự mệt vì dùng sức nhiều và lòng uất hận, niềm hoài bão, có vẻ bi nhưng tráng. Còn tiếng Hà của Tú Hà biểu trưng nỗi lòng đau đớn chán chường, đầy vẻ ảm đạm thê lương. Nghe nào nùng thấm thía.

Cho nên chỉ có một chữ Hà mà phải tùy từng trường hợp mà “Hà” cho đúng cách.

Tuồng Đào Tấn dùng nhiều chữ Hán, mà dùng điển cũng nhiều. Cách dùng điển cũng như cách dùng chữ, rất thận trọng, thận trọng chớ không cầu kỳ, nghĩa là dùng một cách chính xác, việc ấy phải dùng điển ấy mới thích hợp, dù tá dụng cũng không làm cho độc giả, thính giả hiểu quạ ra cò, cò ra quạ. Trong tuồng không có tịch điển, tức là những điển cổ ít ai dùng đến, những điển khuất lấp trong sách xưa đã qua lâu ngày, trong làng văn chương không mấy ai biết đến. Những điển dùng thường thường đều là điển thông dụng. Có nhiều điển chúng ta thấy “khó” là vì chúng ta đọc sách chữ Hán không được nhiều đó thôi. Như:

- + Khéo trăm trò lời quạ Dã Tràng;
- + Thêm réo rất tiếng ve Tây Lục.

(Khuê Các Anh Hùng)

Dã Tràng là tên người: Công Dã Tràng.

Công Dã Tràng nghe hiểu được tiếng chim. Công có tài bắn cung. Cùng lũ quạ giao ước hễ nơi nào có thú rừng bị nạn chết thì quạ đến báo cho biết. Dã Tràng đến lấy thịt bỏ bộ đồ lòng lại cho quạ. Có một phen, Công quên lưng, ăn cả ruột gan. Quạ giận quyết trả thù. Một hôm có người chết trong rừng. Quạ lên lấy một chiếc tên của Dã Tràng đem cắm vào xác chết, rồi tìm cách dẫn dụ quan địa phương vào rừng. Vào rừng thấy người chết, trên xác có mũi tên cắm sâu vào bụng, trên mũi tên lại có khắc rõ tên họ của chủ nhân “Dã Tràng”, quan liền đi tìm bắt Dã Tràng bỏ ngục.

Tây Lục là tên đất. Cõi đất ở phía Tây.

Lạc Tân Vương đời Đường có bài thơ Tại Ngục Vịnh Thiển (Nơi ngục vịnh con ve ve) để tả lòng cao khiết của mình không bao giờ thay đổi dù gặp cảnh gian nan cùng khổ. Trong thơ có câu:

Tây Lục thuyền thanh xước
Nam quan khách tứ thâm...

(Nghĩa là: Ve Tây Lục tiếng kêu ri ri; Khách Nam quan tác dạ bối hồi – Nam quan là nữ của người tù nước Sở, tức là người ở tù. Tây Lục vừa là tên đất vừa nói về mùa thu do câu “Nhật hành Tây lục vị chi thu” nghĩa là “Mặt trời đi về cỏi đất phía tây, đó là đã đến thu rồi vậy”.)

+ Ngựa tái ông may rúi luống mớ hổ;

+ Xe Nguyễn Tịch đi về thêm bối rồi. (Hộ Sanh Đoàn).

Tái ông là người trên ai.

Một ông già ở trên ai bị mất một con ngựa, người lân cận đến chia buồn, “khổ chu” nói chưa chắc đã là việc rúi. Cách ít lâu con ngựa trở về lại rúi theo một con ngựa Hổ rất tốt. Mọi người đều mừng cho ông lão gặp may. Ông lão đáp chưa chắc đã là việc may, hay là một cái họa. Người con trai của ông thích con ngựa Hổ, đem ra cỡi. Ngựa phi nhanh quá, người con trai té gãy chân. Mọi người đến an ủi ông già. Ông già nói biết đâu lại chẳng là phúc lớn. Năm sau trong nước có giặc, trai tráng bị bắt đi lính, ra trận chết rất nhiều. Riêng người con ông già vì bị què, khỏi bị bắt đi lính, được sống ung dung.

Danh ngôn Tàu có câu “Tái ông thất mã đắc mã” ý nói cái rúi cái may đều có ý nghĩa “tương đối”, phải biết bình tĩnh trước biến cố.

Diễn này rất được phổ biến, không mấy người không biết. Diễn Nguyễn Tịch không được phổ biến bằng:

Nguyễn Tịch: Một trong 7 người hiền ở Trúc Lâm đời Tấn.

Nguyễn Tịch học rộng, đàn hay, hát hay. Những lúc cao hứng thường đánh xe, khi thì sang đông khi thì sang tây... đi đến cùng đường, liền gào khóc thảm thiết, rồi trở về.

Những diễn ấy thường thấy trong các sách quốc âm cổ. Nhưng cách dùng thì khác hẳn Đào Tấn. Trong các sách thường dùng trọn ý nghĩa trong diễn, hoặc dùng một số chữ trong diễn. Đào Tấn cắt diễn ra lấy một phần nhỏ thích hợp với điều mình muốn nói, rồi thêm chữ của mình vào. Như “Quạ Dã Tràng”, “Ve Tây Lục”, “Ngựa Tái ông”, “Xe Nguyễn Tịch”. Đó là phép “Thái dụng”

trong 4 phép dùng điển (Minh dụng, ám dụng, thái dụng, tá dụng). Do đó nhiều khi có người không hiểu, sửa chữa theo ý mình, làm mất ý nghĩa câu nguyên tác. Ví như câu “Xe Nguyễn Tịch đi về thêm bối rối”. Đây là lúc Tiết Cương bị Võ Tam Tư đuổi đánh, muốn đi tới thì bị núi non ngăn trở, muốn trở lui lại bị giặc đón ngăn. “Trên con đường cùng, khó tới, khó lui”. Vì thế nên “lòng thêm bối rối”. Đi Về tức là Tới Lui. Có người lại bảo “Xe Nguyễn Tịch ngỡ ngàng thêm bối rối”. Và giảng rằng “Nguyễn Tịch ra đi có việc gấp, nửa đường gặp một người đàn bà chuyển bụng. Muốn đi luôn thì bất nhẫn, muốn chờ người đàn bà đi tìm bà mụ thì sợ lỡ việc mình. Cảnh huống quá ngỡ ngàng nên lòng sanh bối rối”. Không biết điển ấy ở sách nào? Và việc khó giải quyết cho được lưỡng lợi như thế không thể gọi là “việc ngỡ ngàng” hay “việc lơ lửng”.

Đào Tấn dùng điển cũng như dùng chữ chẳng những thận trọng mà còn dùng một cách thoát sáo. Thật đúng như lời thì bá Viên Tử Tài đã nói trong Tùy viên Thi Thoại: “Dụng xảo vô phủ tạc ngấn, dụng điển vô điển xé ngấn” (Dùng cách chải chuốt dẻo gọt cho khéo mà không thấy dấu vết dao búa, dùng điển để trang điểm cho xinh mà không có cắt xén, chấp vá). Dụng xảo, dụng điển như thế mới là tay thợ tay thầy. Cho nên những người đã biết được cái hay cái khó trong văn chương cổ không mấy ai dám chê Đào Tấn, cũng không ai dám sửa chữa văn Đào Tấn.

Sửa chữa, nhất định không thể hay hơn. Ví dụ trường hợp sửa một đoạn trong tuồng Dịch Thanh Ly Thợm.

Đào Tấn làm heo nấu cỗ bàn cúng thầy, xin phép thầy cho “mở cửa ải để đưa nguyên soái lên đường”, rồi thêm một đoạn ngấn:

“...Rượu voi voi nâng rót chén vàng;
Chân rên rên diu đưa người ngọc.
Rén rén diu đưa người ngọc
Kể khôn cùng chân tóc kẻ răng

(Thôi em ở lại, sương sa hoa nở, mẹ tròn con vuông, rồi anh sẽ về)

Anh hùng nước bước còn sần (Em hãy nín đi)
Đừng dun mây liễu mà quần ruột lan.”

Đó là những lời Đào công thêm, rồi tiếp xuống 2 câu của cụ Nhon Ân:

Dứt tình một khúc Dương Quan
Tây Liêu anh tới, Đơn bang em về...

Không biết vì sao đi sao lại nhiều lần nên mất gốc, hay là vì không thuộc điển nên người sau đã sửa “ruột lan” thành “ruột hoa”. Rồi sửa luôn câu lục bát của cụ Nhon Ân, cho vần ăn với “ruột hoa”.

– Phân nhau một khúc quan hà

Em về Đơn quốc anh qua Liêu thành.

“Ruột hoa” không biết xuất xứ là đâu.

“Ruột lan” là ruột chứa, lấy tích vợ Trịnh Văn Công nằm mộng nuốt hoa lan rồi sanh ra Mục Công làm bá chủ các chư hầu.

Có lẽ cũng không hiểu “Khúc Dương Quan” là khúc gì nên sửa ra “khúc quan hà”, “neo quan hà”.

Khúc đây là “khúc ca” chứ không phải “khúc đường”.

Nguyên Vương Duy đời Đường, tiền bạn là Nguyên Nhị sang xứ Tây An ở bên kia ải Dương Quan tỉnh Cam Túc, có thơ Tống Biệt bốn câu:

Vỵ thành triều vũ áp khinh trần
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu
Tây xuất Dương Quan vô cố nhân

Nghĩa là:

*Mưa mai rưới bụi Vỵ Thành
Xanh xanh quán khách mấy cành liễu tươi
Khuyến ai cạm chén ai mời
Dương Quan qua khỏi không người quen thân.*

Bài thơ được phổ nhạc và đem dùng trong những tiệc rượu tiễn biệt. Câu đầu ca 1 lần, còn 3 câu sau mỗi câu lặp lại 2 lần. Cho nên bài thơ trở thành khúc ca, mệnh danh là Dương Tam Quan Điệp Khúc. Đến đời Nguyên, khúc Dương Quan trở thành khúc ca hẳn hoi: Trong câu thêm chữ, trong bài thêm câu, lời du dương uyển chuyển.

Vậy Khúc Dương Quan là khúc ca tiễn biệt.

“Dứt tình một khúc Dương Quan” tức là mượn khúc Dương Quan để dứt tình bịn rịn cho lòng kẻ đi người ở bớt buồn thương.

Chữ Dương Quan dùng rất đặc địa. Vì Dịch Thanh đi đánh Tây Liêu ở phía Tây. Tây xuất Dương Quan...". Và cũng vì có "Khúc Dương Quan", nên trong đoạn thêm, Đào Tấn đem rượu vào: "Rượu với với nâng rót chén vàng...". Thanh ra câu "Dứt tình một khúc Dương Quan" thừa thương tiếp hạ, nhờ mạch ngầm "Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu" và "Tây xuất Dương Quan vô cố nhân". Đó là phép "Thượng hạ tương ứng", "Nội ngoại tương quan" trong nghệ viết văn làm thơ. Người có học thi pháp dễ nhìn thấy.

Cụ Tú Nhon Ân lại dễ cho Dịch Thanh qua ải trước. Trại Ba về cung sau. Không phải do sự bất văn mà ra, mà chính vì lý. Lúc đưa nhau, thường thương người ra đi đi khuất rồi người ở lại mới trở lui. Thêm nữa cụ Tú dễ Trại Ba trở lui sau khi Dịch Thanh đã đi khuất, là vì Dịch Thanh ra đi là toại nguyện, đi thẳng, chứ Trại Ba trở về với lòng buồn triu triu: "Cực thân chàng thủy viễn sơn trường, khổ nỗi thiếp canh thâm dạ tịnh", nên chồng đi khuất rồi, còn nán lại, đi chậm chậm, vừa đi vừa than thở mong lòng được chút khuây khỏa...

Người nhà nghề gọi đó là MEO tuồng.

Có nhiều người không tinh phép viết văn, làm thơ, nhất là văn thơ cổ điển, không tinh "mẹo tuồng", dễ thấy những đoạn những câu, những chữ không hiểu, không thích, liền chê bai, sửa chữa. Nhất là sau khi Đào Tấn cùng những nhà soạn tuồng có danh, những ca công thiện nghệ qua đời, thường xảy ra những vụ giảng tuồng chữa tuồng rất "tiểu lâm".

Như trong Khuê Các Anh Hùng, đoạn Phương Cơ giả dại, có những câu lý, văn chương tinh thâm:

+ Thương ai công nghiệp nửa chừng
Cây im khi gió lửa hừng khi mưa.

+ Sầu ai ai đã biết chưa
Trăm năm đời lệ một giờ thương tang.

Một ông tú ở Bình Khê đậu khoa chót (1918) trường Bình Định, "dốt chẳng dốt nào, nhưng hay chữ lỏng", tục gọi là "Thầy tú Ngáp", nghe hát "Cây im khi gió..." vùng cười ngất:

- Thật là đồ điên! Cây gì lại im được khi gió thổi?

Lúc ấy có thầy trợ Mai Cao Lương, người Trường Định (Bình Khê) hỏi:

- Vậy thầy tú ưng sửa chữ gì?

– Chữ “rung”. “Cây rung khi gió”.

– Vậy chữ Hùng sửa lại chữ gì? Chữ Tất à? Anh thật vừa Ngáp vừa Ngồi. Tôi xin sửa tên tục của anh tú Ngáp ra tú Váp để rồi Ngồi cho sướng.

Vốn là chỗ thân tình với nhau nên ông tú không giận, nói:

Thôi cứ để cho con điên hát điên điên như vậy cũng được.

– Phương Cơ không điên, mà anh điên. Anh không nhớ câu: “Thọ dục tịnh nhi phong bất đình, hóa dục nhiên nhi vũ hốt đáo” mà các bà cụ nói một cách nôm na: “Cây muốn lặng gió không ngừng, lửa muốn hùng mưa lại tạt” đó sao?

Đoạn gõ nhịp tay, lý:

Tú ơi tú đã ngáp rồi
Tú vào tú váp tú ngồi cho đã thêm
Bọn mình chữ nghĩa lem nhem
Tuồng xưa mắc mỏ đừng đem sửa càn...

Còn câu “Trăm năm đối lệ một giờ thương tang” được một ông giáo trường trung học Pháp – Việt Quy Nhơn giảng:

– Đối lệ là đeo giọt lệ thương tâm. “Trăm năm đối lệ...” là “suốt đời đeo lệ thương tâm vì chứng kiến cuộc bể dâu xảy ra trong chốc lát”.

Một nhà Nho ở Phú Phong (Bình Khê) là cụ Nguyễn Dật nghe được, nói:

– Các thầy học chữ Tây, giảng sách theo kiểu Ghe.

Ý cụ Nguyễn chê là giảng sai: Chữ Tây viết ngang, ghe cũng bò ngang, trái ngược với “chữ Ta”. Rồi cụ giảng:

– Đối là giải áo, Lệ là đá mài. Chữ lấy trong câu thành ngữ “Đối Lệ Sơn Hà” của Tàu.

Câu thành ngữ này thoát thai từ câu thề của các người được phong chức tước cao lớn đời nhà Hán, trước khi nhận chức tước. Ý nói rằng: “Ví dù sông núi có thay đổi, sông trở nên nhỏ như giải áo, núi trở nên nhỏ như hòn đá mài, thì ơn dất nước cũng không bao giờ quên lãng.

“Trăm năm đối lệ một giờ thương tang”

Có nghĩa là: “Công nghiệp xây dựng trong một đời người, chỉ trong một giờ hóa thành dâu bể. Nhưng dù cho nước cạn non mòn đi nữa, ơn Tổ quốc nghĩa Dân tộc vẫn khăng khăng bên lòng”.

Sai chăng đúng chăng? Trên nửa thế kỷ rồi chưa nghe ai cho biết ý kiến.

Chỉ trích dẫn một ít đặc điểm trong tuồng Đào Tấn mà ít người lưu tâm, vì khinh thường hoặc vì không nhận thấy, để giúp cho các bạn trẻ yêu tuồng Đào Tấn mà chưa có dịp đọc kỹ vào sâu.

Nhà phê bình có tiếng đời Nguyên là Hiếu Văn luận về thơ văn, có câu: “Văn phải làm từng chữ từng chữ, cũng phải đọc từng chữ từng chữ. Nhăm nhấp hồi lâu mới thấy chân vị, dư vị. Chớ đọc qua, dù có đọc đến trăm lần cũng chưa đủ”. Đó là thái độ thích đáng của người đọc muốn tìm hưởng trọn vẹn cái ý thú trong thơ văn. Xem tuồng Đào Tấn cũng phải có thái độ ấy, mới là tri âm của tác giả.

Tuồng Đào Tấn lại nhiều. Trước khi hạ bút khen chê, tưởng nên tìm đọc, nếu không trọn bộ, ít ra cũng được một phần lớn các tuồng được phổ biến sâu rộng trong dân gian. Kẻo mang tiếng “nhìn beo qua ống sáo”. Tuồng lại bị tam sao thất bản, phải cần nhận chân tuồng nào y bản chính, hoặc gần bản chính, để khỏi lấy ngựa làm trâu. Có nhiều bạn, chắc chỉ nghe nói chớ chưa hề đọc tuồng Quân Trần Hiến Thụy của Đào Tấn mà chắc cũng chưa hề thấy tuồng Quân Phương Tập Khánh của Diên Khánh Vương, cho nên đã đem Quân Phương làm Quân Trần để thuyết trình trong một buổi Hội nghị về Đào Tấn tại Quy Nhơn.

Từ ngày Hán tự cáo chung (1918), Pháp tự được trọng dụng, tuồng Đào Tấn lần lần bị thất lạc có, bị sửa đổi cho dễ hiểu có. Nên nay muốn nghiên cứu tuồng Đào Tấn không phải là dễ dàng.

Sơn trung thán bì mã,

Hải thượng bì cô hồng

Xiết bao tình người cụm bắc kẻ gành đông

Phải lần bước sớm qua Hồ chiêu lại Việt Phải noi gương Tiết Cương mới mong có kết quả tốt.

VĂN THƠ CHỮ HÁN

Bên cạnh Tuồng Hát, Đào Tấn còn nhiều Thi, Ca, Từ, Ký chữ Hán lưu thế:

THI

- Mộng Mai Ngâm Thảo (Thơ thất ngôn, ngũ ngôn, luật, tuyệt)
- Mộng Mai Từ Lục (Từ khúc theo các điệu của Trung Hoa)
- Mộng Mai Văn Sao (Tản văn, ký, tùy bút) v.v...

Còn một tập thơ nhan đề là Mộng Mai Thi Tồn. Nhưng tập này không phải là một tập mà nội dung khác với Mộng mai Ngâm Thảo. Nguyên sau khi Đào Tấn qua đời, những tác phẩm chữ cũng như Nôm phần nhiều bị thất lạc, gia đình không còn giữ được bản thảo. Các người con và những người mộ danh Đào công mới sưu tầm được một số hợp lại thành tập mệnh danh là Mộng Mai Thi Tồn, nghĩa là “Thơ Mộng Mai còn lại”.

Số lượng thơ văn Đào Tấn nhiều đến bao nhiêu hiện chưa ai dám quả quyết. Cả đến bà Đào Trúc Tiên, bà Đào Chi Tiên cũng không được đọc hết các tập thi, từ của tiên công. Bà Chi Tiên có chép thuộc lòng tặng cho tử sách gia đình họ Quách một số tuồng hát và một số thi từ trong Mộng Mai Ngâm Thảo và Mộng Mai Từ Lục. Trong những bài Bà Đào chép tặng có một số chữ, một số câu khác với những bài họ Quách đã sưu tầm được. Về tuồng hát cũng có nhiều chỗ dị đồng.

Trong tử sách gia đình họ Quách hiện có được trên 60 bài thơ chữ Hán, Ngũ Thất ngôn luật thi có, Ngũ Thất ngôn tuyệt cú có và trên 30 bài từ, ngắn có dài có. Những bài thơ bài từ này đã tìm được trên những tờ giấy bắc củ ở Bình Định trong thời kháng chiến chống

Pháp. Tìm được nơi này năm bay từ, nơi khác đôi ba trường, chữ chân phương, hàng sáu, nét sắc sảo rõ ràng.

Với số lượng quá ít ỏi đó, không thể nào đánh giá chính xác văn chương chữ Hán của Đào Tấn được. Thêm nữa muốn khen hay chê một tác phẩm nào thì phải có trình độ học thức tương đương với tác giả. Để khỏi làm kẻ “trước cửa sân đánh trống tùm”, chỉ xin giới thiệu một ít bài tôi đã được nghe các bậc tiền bối bình giảng:

KHỐC PHAN ĐÌNH NGUYỄN

Pha trúc chơn năng phục cụ kinh
Thập niên công tích thống thủy thành
Đán bi kim tệ kiện hòa nghị
Nhấn sử hương hồn tỵ khóc thanh
Thủ văn sơn hà tâm vị tử
Thân kỳ Cơ Vỹ khí do sanh
Kính qua đương nhật hạn sư địa
Thiên cổ linh nhân thế lệ hoành.

Phan Đình Nguyên là Phan Đình Phùng, người làng An Đông, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đậu đình nguyên khoa Đinh Sửu, Tự Đức năm thứ 30 (1877), làm quan đến chức Ngự Sử. Vua Tự Đức băng, quyền thần Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường lộng hành, tự ý làm việc phế lập. Phan Ngự sử chống lại, bị chúng bắt bỏ ngục rồi cách hết chức tước cho về vườn. Trong triều thì không ổn, ngoài nước lại không yên. Giặc Pháp đánh chiếm hết nơi này đến nơi nọ. Triều đình Huế thấy nguy cơ, nên xin hòa. Hòa ước Quý Mùi (1883) ký xong, tiến đến Hòa ước Giáp Thân (1884) nhượng hẳn Nam Kỳ cho Pháp làm thuộc địa và chịu quyền bảo hộ của nước Pháp trên lãnh thổ Bắc Kỳ và Trung kỳ. Thế là toàn cõi Việt Nam lọt vào tay giặc Pháp. Phan Đình Phùng quyết tâm giành lại độc lập cho Tổ quốc. Phan công mở đồn điền ở Vũ Quang (Hà Tĩnh) và cho người sang Tàu sang Xiêm học nghề đúc súng đạn, chờ dịp cử hành đại sự. Năm Ất Dậu, kinh thành Huế bị Pháp đánh chiếm. Thuyết và Tường đem vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị, nửa đường, Tường trở lui đầu hàng Pháp, Thuyết phò vua đi lánh nạn trong vùng núi Tuyên Hóa (Quảng Bình). Nhà vua xuống chiếu Cần Vương. Sĩ phu trong nước, trừ Thiên Chúa, đều ứng nghĩa chống Pháp. Phan Đình Phùng cầm đầu sỹ phu và nhân dân Nghệ Tĩnh. Phan anh hùng chẳng những có tài về văn

học mà về quân sự cũng rất am tường. Nghĩa binh được tổ chức và luyện tập theo thái Tây. Kỷ luật rất nghiêm minh. Súng đạn tự chế tạo lấy, khí thế vững mạnh. Quân Pháp và quân Triều thay nhau đánh ngót 10 năm trời, nhưng nhờ tướng sĩ một lòng, chiến khu đóng trong nơi hiểm trở và nhờ sức ủng hộ triệt để của đồng bào địa phương, nghĩa quân vẫn không nao núng. Năm 1893 tên Trương Quang Ngọc ở Tuyên Hóa theo Pháp làm nhiều việc gian ác, nghĩa quân kéo đến vây bắt chém đầu, khí thế mỗi ngày mỗi thêm lớn mạnh, gây nhiều tổn thất cho giặc. Tiêu biểu nhất là trận đại thắng Vụ Quang năm 1894. Nhưng rủi Phan anh hùng bị bệnh nặng rồi mất, mùa đông năm Ất Ty (1895), thiếu người lãnh đạo đủ tài trí, Nghĩa binh tan rã dần. Nhưng:

Kinh qua đương nhật ban sư địa
Thiên cổ linh nhân thế lệ hoàn.

Đào Tấn đã cùng sỹ phu Nghệ Tĩnh điệu Phan anh hùng một câu đối trường thiên kể rõ sự nghiệp và tâm sự của người quá cố. Bài thơ này là tác lòng riêng của Đào công dâng lên Phan công.

Nghĩa den bài thơ:

Quyết dùng tài đánh giặc như chẻ trúc để lấy lại nước cũ,
Nhưng công chưa thành, nghĩ thật là đau xót.
Vốn biết vàng lụa đã làm cho vững lời nghị hòa
Khiến nên hồn hương động lại thành tiếng khóc.
Tay kéo non sông lòng trung ái chưa chết,
Thần kê Cơ Vi¹ khí anh tuấn còn sanh.
Nơi lui quân ngày ấy, mỗi lần đi ngang qua²
Ngàn thu vẫn khiến người phải tuôn dòng lệ.

Khóc người quá cố mà cũng tự khóc mình. Khóc mình vốn có tâm chí như người quá cố, nhưng không có can đảm của người quá cố để cho tròn ước nguyện bình sinh.

Lúc ngồi Tổng đốc An Tĩnh lần thứ hai (1899–1902), lên thăm chùa Thiên Tượng, Đào Tấn có cảm tác một luật:

Du nhân thử địa phỏng tiên tung
Trụ tượng vân yên đệ kỷ trùng
Độc lập hàn tùng y phế tự
Vô ngôn ngọa thạch thủ tàng chung
Phiêu nhiên bạch phát tam thiên tượng

Ái nhĩ Hồng Sơn cứu thập phong
Hoàng độc thi nhân kim bất tại
Dữ quân thù phục đánh tao phùng.

Nghĩa đen:

Nhân rảnh đến chơi nơi này để thăm dấu người tiên
Gậy chống khói mây không biết bao nhiêu lớp.
Khóm tùng lạnh đứng một mình với ngôi chùa hoang,
Tảng đá nằm im lìm giữ quả hồng chung bị vùi lấp.
Mái tóc bạc phơi phới bay cao ba nghìn trượng
Dãy núi Hồng trập trùng 99 ngọn thật đáng yêu.
Nhà thơ cỡi bò vàng nay chẳng còn tại đây
Ai là người sẽ hẹn cùng ông gặp gỡ một lần nữa?

Nghĩa đã rõ, còn ý?

Để dễ nhận thức, tưởng nên biết qua về chùa Thiên Tượng.

Chùa ở trên núi Thiên Tượng thuộc địa phận huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh. Núi là 1 trong 99 ngọn của dãy Hồng Sơn. Nơi sườn núi có một hòn đá cực kỳ to lớn, hình giống con voi. Do đó mà núi mệnh danh là Thiên Tượng. Bên cạnh hòn đá voi có hang, bên tả bên hữu, nước khe chạm vào mặt đá phát ra tiếng vang như chuông rền. Trong hang có chùa. Trước chùa có hồ rộng, nước các khe đều chảy vào lênh láng. Chùa có quả đại hồng chung, tiếng to và dài, người dưới chân núi đều nghe rõ những hồi triệu mộ. Trước kia, Nguyễn Công Trứ, lúc về hưu, thường cỡi bò vàng lên chơi nơi đây. Chùa bị cháy năm Ất Dậu, năm đầu vua Hàm Nghi (1885). Quả hồng chung rớt xuống dưới khe bị đá núi lở vùi lấp. Từ ấy chùa bị hoang phế, nước khe cạn dần không còn nghe tiếng vang của nước chạm vào đá nữa.

Câu: Độc lập hàn tùng y phế tự

Vô ngôn ngọa thạch thủ tàng chung

là câu thơ tả cảnh điều tàn tích mệnh của chùa Thiên Tượng.

Nhưng đối với những nhà thơ cổ điển Á Đông, cảnh chỉ là khung động tác của lòng. Người thì mượn cảnh để tả lòng, người thì hòa lòng với cảnh, lấy cảnh làm lòng. Chớ không mấy người tả cảnh vì cảnh. Đào Tấn là một nhà thơ cổ điển. Vậy câu “Độc lập... vô ngôn...” nói gì ở ngoài nét chữ dòng thơ?

Tùng kia đá kia là tác giả.

Chùa kia là cảnh triều đình Huế đương thời.

Chuông kia là cố Đình nguyên Phan Đình Phùng.

Triều đình Huế đã thành ngôi chùa hoang phế. Những quan đại thần thức thời, như Nguyễn Trọng Hiệp, Nguyễn Thuật... đã ôm lòng trung ái, rút lui về vườn, chỉ còn một mình tác giả là người đồng chí duy nhất ở lại! Ở lại để làm gì trong lạnh lẽo cô đơn? Có phải để cùng ngôi cổ tự chịu cảnh điêu linh cho trọn niềm chung thủy?

Còn vị anh hùng của Nghệ Tĩnh, Phan Đình Phùng, tuy đã mất, song chí quật cường, truyền thống anh dũng của dân tộc Việt nam nói chung, của đồng bào vùng đất Hồng Lam nói riêng, vẫn không bao giờ bị tiêu diệt. Tác giả cũng như những chí sỹ Nghệ Tĩnh, tự nguyện bền lòng sắt đá gìn giữ dân tộc tánh anh dũng, trong im lặng, để chờ ngày “quyên thổ trùng lai”, đem lại vinh quang cho giống nòi cho đất nước.

Cảnh chùa ấy, nỗi lòng này, trong nơi “Vân yên đệ kỷ trùng” để mấy ai hiểu thấu! Gấm cũng thật đáng buồn. Nhưng dãy Hồng Sơn có đến 99 ngọn. Nơi ngọn này bị điêu tàn thì nơi các ngọn khác còn tú mậu. Trong vùng Nghệ Tĩnh, trong nước Việt Nam, xưa nay luôn luôn sản xuất anh hùng chí sỹ, tre tàn măng mọc, lo gì không còn người ra gánh vác non sông. Nghĩ vậy nên lòng sanh phần khởi, niềm hy vọng quyên mái tóc già phôi phôi bay cao ba nghìn trượng.

Câu “bach phát tam thiên trượng” vốn mượn của Lý Thái Bạch:

Bach phát tam thiên trượng
Duyên sâu tự cá trường

Tóc họ Lý vì sâu mà cảm thấy dài. Như khi vào thơ Mộng Mai thì lòng bi quan trở thành niềm hy vọng, khí mạnh thần sáng, làm cho 99 ngọn Hồng Sơn thêm sắc thái bội phần.

Chất liệu của người biến thành phong vị của mình, không phải nhà thơ nào cũng có thể làm được, làm được một cách dung dị tự nhiên.

Và khi nhìn thấy cây tùng đứng lạnh bên chùa, chắc chắn Đào công không sao không liên tưởng đến bài lục bát của Nguyễn Uy Viễn.

Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo
Giữa trời vách đá cheo leo
Ai mà chịu rét thời trèo với thông.

Để rồi dùng chuyện “cỡi bò vàng” mà kết thúc bài thơ.

Hoàng độc thi nhân kim bất tại
Dữ quân thù phục đỉnh tao phùng.

Trong bài lục bát có chữ Rét, nên trong bài thơ có chữ Hàn và chữ Kiếp Sau nên có câu: “Dữ quân thù phục đỉnh tao phùng”.

Cách dụng tự, dụng ý, dụng điển của Đào Tấn, trong tuồng và trong thơ nghiêm cẩn như thế. Người xem thơ cũng như xem tuồng nếu không xem kỹ thì dễ hiểu lầm ý nghĩa ẩn tàng trong những hàng chữ có vẻ bình giản đơn sơ.

Dường như Đào Tấn chỉ thường dụng công trong thơ Thất luật. Thơ Ngũ luật cũng như Ngũ tuyệt, đọc có phần dễ hiểu hơn thơ Thất luật

KHỐC TÂY TÂN ĐÌNH TỬ TRẠCH

Khách ngã lục niên cửu
Lân quân nhất thế cùng
Thạch biên đồ bạch phát
Hoàng diệp hốt thu phong
Luyến cố tình hà cực
Hoàn gia mộng chuyển không
Tha sanh như khả bốc
Mạc hướng tuyết song trung.

Nghĩa đen:

Ta ở nơi đất khách đã sáu năm – Thương bác chịu một đời cùng khổ. Sách xanh đầy tóc bạc (già mà còn chăm học) – Lá vàng bông gặp gió thu (chết thành linh) – Lòng mến mộ xưa nay không bao giờ hết, – Mộng về nhà nay đã thành không! Kiếp sau nếu có thể chọn được – Thì chớ hướng vào nơi cửa sổ có tuyết đóng (Chớ làm kiếp học trò nhờ ánh tuyết nơi cửa sổ thay đèn để học như Trác Dận)

KIỆN NGUYỆT CHÂU TRUNG TÁC

Ngưỡng khán nguyệt tại thiên
Phủ khán nguyệt tại thuyền
Hốt nhiên tại giang tâm
Hốt nhiên tại thị diên
Chỉ hữu nhất minh nguyệt

Lăng chiếu hà vô biên
Bồi hồi tư cổ nhân
Trung dạ du vị miên.

Nghĩa đen: TRONG THUYỀN THẤY TRĂNG CẢM TÁC

Ngước lên thấy trăng nơi trời – Cúi xuống thấy trăng nơi thuyền.

Vừa thấy trong lòng sông – Chợt thấy trên ngọn cây.

Chỉ có một vầng trăng sáng, – Sao mà chiếu khắp nơi một cách lãng phí?

Nhớ đến người xưa lòng bồi hồi – Đã nửa đêm mà chưa ngủ được.

Đó là hai chung trà hương đậm vị đậm, có chíp chắp mới thấy đáng, nhưng không đáng bỏ hồn mà đáng canh khổ qua nấu khéo.

Khóc bạn, không khóc cái chết của bạn mà khóc cuộc đời cùng khốn của bạn, cùng khốn vì lo học! Suốt đời đã không làm gì được cho thân, mà cả đến chút lòng nhớ quê muốn về mà cũng không toại!

Còn Kiến Nguyệt, nghĩa bài thơ không có gì khó, nhưng ý tác giả muốn nói gì đây? Có phải Thoen Máy nằm nơi “Lăng Chiếu” chăng? “Lăng chiếu hà vô biên”. Có phải tác giả tiếc cho bóng trăng sáng “đụng đầu chiếu đó”, chỗ không đáng chiếu cũng chiếu, chứng tỏ rằng “trăng sáng mà không sáng suốt” hay chăng? Hỏi để không đáp được, hỏi để suy nghĩ đó thôi. “Sự thành công lớn nhất của nhà văn là làm suy nghĩ những người biết suy nghĩ” “Le plus beau triomphe de l’écrivain est de faire penser ceux qui peuvent penser – Eugène Delacroix). Và tác giả “tư cổ nhân” là nhớ một người đã khuất mà có tình mật thiết hay là tất cả người xưa đã từng ngắm trăng như mình? Người xưa đã từng ngắm trăng như mình và đã để lại tác lòng vui buồn trong lúc ngắm trăng. Cũng lại hỏi để mà suy nghĩ. Suy nghĩ để biết rằng tác giả Đào Tấn đã thành công.

Thơ Thất ngôn luật khó làm mà dễ hay.

Thơ Ngũ ngôn luật dễ làm mà khó hay.

Thơ thất ngôn tuyệt cú cũng dễ làm mà cũng khó hay, càng khó hơn thơ Ngũ luật.

Thơ ngũ ngôn tuyệt cú càng dễ làm hơn thơ Thất tuyệt, cũng càng khó hay hơn thơ Thất tuyệt gấp mấy lần.

“Đoạn trường ai có qua cầu mới hay”

Nhưng nói ra để thưa cùng bạn tương thân rằng thơ Đào Tấn loại nào cũng thành công, cũng đáng đọc, đáng nghiên cứu. Bởi có lắm bài tuyệt cú, ý nghĩa rõ ràng, đọc qua thấy có vẻ tầm thường, nên nhiều người chỉ đọc qua chớ không lưu tâm chú ý. Như:

KINH PHẾ TRẠCH

Thùy gia trú trạch bắc sơn ôi
Loạn hậu bô nhân thương vị hồi
Trù trưởng môn tiền thị quan đạo
Lâm phong nhất thụ hạnh hoa khai.

Nghĩa đen:

*Nhà ai ở góc núi phía bắc?
Loạn đã qua rồi mà người đi trốn vẫn chưa về.
Đường cái quan chạy trước ngõ quanh quẽ đều hiu,
Một cây hạnh nở hoa trong gió thổi.*

THỦY XA

Ngũ nguyệt lục nguyệt bất vũ thiên
Đạp xa nhi nữ ca thả miên
Thị nhân mỗi đạo điền gia lạc
Như thử điền gia tối khả liên.

Nghĩa đen

XE ĐẠP NƯỚC

*Tháng năm tháng sáu trời không mưa
Cô em đạp xe nước vừa hát vừa ngủ
Nhà thơ cứ bảo nhà nông vui sướng
Như thế ấy nhà nông có đáng thương lắm chăng?*

Nghĩa là thế, còn ý như sao?

Uống trà Tàu phải uống chậm chậm, uống từng hớp nhỏ mới hưởng trọn hương vị thanh tao. Và hương vị trong chung trà nhỏ không phải dễ nhận thức như hương vị của rượu ngon rót trong cốc lớn bằng pha lê. Hương thơm vị ngon kia, thơm ngon như thế nào, thơm ngon đến mức độ nào, ai uống nấy biết, ý hội mà không thể ngôn truyền. Chỉ giới thiệu là trà ngon. Nếu uống thấy không có gì đáng gọi là ngon, đó là hương vị không hợp với sở hảo.

Thơ Ngũ tuyệt lại càng khó nhận cái hay cái đẹp, nếu người đọc chỉ ưa những gì to lớn, rục rờ, rõ ràng. Ví dụ:

TỔNG HỒ AN TẶNG CÁI PHIÊN PHÚ YÊN

Hoạn tích như phi hồng
Khử lai hà định tung
Thạch Thành sơn thủy hảo
Tinh nhập họa đồ trung.

Nghĩa đen: TIỀN ÔNG HỒ AN TẶNG ĐỔI LÀM TUẦN VŨ PHÚ YÊN

Người làm quan cũng như con chim hồng bay
Đi đi lại lại tung tích nào có nhất định.
Núi sông đất Thạch Thành (Phú Yên) rất đẹp
Đã nhập vào họa đồ một cách tinh vi.
Tác giả muốn nói gì với Hồ Tuấn vũ?

Phi Hồng, mặt nổi nói “tung tích không định”, mặt chìm ngụ ý “hồng trảo tuyết nê” khuyên Hồ công gắng để lại nơi mình đến nhiều thành tích tốt. Còn “Thạch Thành sơn thủy hảo, Tinh nhập họa đồ trung”, có phải ý muốn nói “địa linh nhân kiệt” chăng? Ý muốn nói “ở Phú Yên cũng có nhiều anh hùng hào kiệt ẩn mình trong nước non” chăng? Hay là có ý ngầm bảo Hồ công ủng hộ Võ Trứ dương ngầm ngầm hoạt động chống Pháp ở Phú Yên?

Ai dám tự cho mình đã hiểu thấu đáo ý nghĩa bài thơ?

Đào công đến cư thất người rể là Văn Giang, có 1 tuyệt để lại làm lời khuyên:

Thị náo cư di tịnh
Môn cao tâm tự ty
Thử trung hữu kỳ sỹ
Hà tất vấn nhân tri.

Nghĩa đen: Chợ ồn ào ở trở nên yên tĩnh. Cửa nhà cao, lòng phải tự hạ thấp. Có kẻ kỳ sỹ trong đó. Hà tất hỏi người có biết hay không biết.

Sao lại dùng chữ Kỳ Sỹ? Mà kẻ Kỳ Sỹ đã có trong nhà của Văn Giang rồi, hay là khi nào thực hiện được lời khuyên “Thị náo cư tịnh, Môn cao tâm tự” rồi mới trở nên kẻ kỳ sỹ? Kẻ kỳ sỹ đó có phải là kẻ đại ẩn chăng?

Thơ Ngũ tuyệt được truyền tụng là những bài từ giản ý súc. Mà đối với những bài từ giản ý súc, thì cần phải suy nghĩ nhiều mới mong thấu triệt được ý nghĩa. Chính những câu hỏi, đại loại như những câu hỏi trên, giúp cho người đọc suy nghĩ. Suy nghĩ dù không tìm ra một cách chính xác ý nghĩa bài thơ, thì cũng cho mình thấy rằng mình sống.

(Penser, c'est vivre en soi).

Thơ Đào Tấn thì nhiều mà chỉ trích dẫn có bấy nhiêu, kể thật quá ít! Nhưng “có thời có tự may, không thời cả thế giới nấy cũng không”. Huống nữa người biết uống trà, không cần phải uống hết bình trà, chỉ nếm qua một vài hớp nhỏ cũng đủ biết trà ngon dở, cũng đủ biết là trà Cam khổ hay trà Võ di.

Đó là thơ.

Xin nói qua về TỬ.

TỬ do thơ Ngũ ngôn và Thất ngôn biến ra.

Đời nhà Đường (618–907) thơ, nhất là thơ Thất tuyệt được lựa đem phổ vào nhạc để ngâm hoặc hát. Bài nào được Nhạc quan chọn thì gọi là Nhạc Phủ. Vào cuối đời Đường Từ mới xuất hiện và mỗi ngày thể cách mỗi nhiều thêm. Qua đến Tống (960–1279), thì Từ lên đến đỉnh cực thịnh. Người ta gọi đời Tống là Hoàng Kim thời đại của Từ cũng như Đường là Hoàng kim thời đại của Thơ.

Từ có nhiều thể, mỗi thể có quy tắc nhất định, phải thông thuộc âm luật, phải am hiểu âm nhạc đời Đường đời Tống... thì mới phân biệt rành mạch.

Các đời Nguyên, Minh, Từ không phát triển. Đến đời Thanh (1616–1911), Từ phục hưng trở lại, song vẫn giữ những thể cách Tống, Đường.

Từ của Đào Tấn cũng như Thơ, y theo luật Đường Tống.

Trong Mộng Mai Từ Lục, hầu hết những bài từ đều không có Đề. Trên đầu mỗi bài ghi là Bồ Tát Man, Điệp Luyện Hoa, Tô Mộ Già, Tiểu Trùng Sơn, Ngụ Mỹ Nhân, Như Mộng Lệnh, Trường Tương Tư, Lâm Giang Tiên, Giang Nam Hảo... vân vân... là tên các điệu Từ.

Điều (hay thể) thì nhiều, nhưng các nhà nghiên cứu chỉ chia làm hai loại: Tiểu Từ là những bài ngắn từ 8 câu trở xuống. Mạn Từ là những bài dài trên 8 câu.

TIỂU TỬ

NHƯ MỘNG LỆNH

Giang thượng lục dương phương thảo
Tướng kiến cổ viên xuân hảo
Nhất thu hải đường hoa
Tạc đa mộng hồn phi nhiều
Kính hiệu
Kính hiệu
Song ngoại nhất thỉnh đề điều.

Nghĩa đen: Trên sông dương xanh cỏ thơm – Tưởng thấy vườn xưa xuân đẹp – Một cội hoa hải đường – Đêm qua mộng hồn bay quanh quẩn – Giật mình trời sáng, trời sáng ngoài song một tiếng chim kêu.

GIANG NAM HẢO

Tiền lộ viễn
Tiểu bạc lục dương kiều
Hoa hạng nguyệt minh nhân ảnh loạn
Ngọc lâu phong tế địch thanh cao
Độc khách dạ vô liêu.

Nghĩa đen:

*Đường trước xa
Tạm đậu thuyền nơi cầu dương liễu
Trăng sáng ngõ hoa, bóng người rộn rịp
Nơi lầu ngọc gió nhẹ đưa tiếng địch lên cao
Một người khách vô vô trong đêm.*

HOA PHI HOA

Đồng tâm hoa
Hợp hoan thụ
Ngũ canh vũ
Họa My sơn thượng giá cô đề
Họa My sơn hạ lang hành khứ.

Nghĩa đen:

*Hoa đồng tâm
Cây hợp hoan*

*Mưa năm canh.
Trên núi Họa My chim đa đa kêu
Dưới núi Họa My chàng ra đi.*

NHẤT LẠC SÁCH

Mi cọng xuân sơn tranh tú
Khả lân trường sầu
Mạc tương thanh lệ thấp hoa chi
Khủng hoa dã như nhân sầu.

Nghĩa đen:

Đôi mày cùng núi xuân tranh đẹp
Đáng thương lại thương nhieu
Đừng để giọt lệ trong thấm ướt cành hoa
Sợ e hoa cũng sẽ gãy gọt như người.

MAN TỬ

BỒ TÁT MAN

Lang tình thu hậu tiêu sơ điệp
Thiếp tâm mạch thượng du dương điệp
Hà xứ vọng quy an
Xuân vân san ngoại san
Lê hoa tân nguyệt hạ
Độc tự thiêu hương bãi
Duy hữu mộng tương tâm
Kính ô đề dạ thâm.

Nghĩa đen:

Tình chàng như lá tàn xưa sau mùa thu
Lòng thiếp như bướm thần thơ trên đường
Đâu là nơi trông người trên yên ngựa trở về?
Mây xuân núi ngoài núi
Hoa lê dưới trăng non
Một mình tự đốt hương xông
Chỉ có mộng tìm nhau
Quạ giạt mình kêu đêm sâu.

ĐIỆP LUYẾN HOA

Khách chấm mộng hồi văn nhị cổ
Lãnh lạc thanh đăng
Điểm trích không giai vũ
Nhất thốn sấu trường thiên vạn lữ
Cánh thỉnh thiết thiết hàn cùng ngữ
Thế sự phiên lai hoàn phú khứ
Tạo vật nhi hy
Tự cổ vô bằng cứ
Lợi tỏa danh cương không tự khổ
Tĩnh tĩnh mẩn ảnh kim như hứa.

Nghĩa den: Trên gối khách vừa tỉnh mộng liền nghe trống canh hai

Lạnh lẽo ngọn đèn xanh
Tí tách giọt mưa nơi thêm vắng
Một tác lòng sầu nghìn vạn mối
Còn nghe tiếng dế lạnh kêu rả rã
Sự đời lật qua rồi lật lại
Trẻ tạo vật đùa cợt
Xưa nay không lấy gì làm bằng cứ
Khóa lợi xiềng danh mình tự làm khổ mình.
Phơ phơ mái tóc nay là thế.

TÔ MỘ GIÀ

Bạch vân lai
Hồng nhật khứ
Mộ mộ triều triều
Kỷ độ lưu quang thử
Gia tại Quy Nhơn thành ngoại trú
Họa cổ lâu thuyền
Tống thị thương tâm xứ
Hoa khê dương liễu độ
Dã thủy hàn yên
Mộng đoạn tiền thôn lộ
Tằng ký niên thời du biệt phố
Nhất phiến hoàng lô
Phi xuất vô biên như.

Nghĩa đen:

*Mây trắng kéo đến
Mặt trời hồng đi
Chiều chiều sớm sớm
Bao lần mùa nắng sáng trôi qua
Nhà ở ngoài thành Quy Nhơn
Trống vè thuyền lâu
Đều là nơi chứa lòng đau xót
Khe hoa, bến đò dương liễu
Nước đồng khói lạnh
Mộng đứt đường trước thôn
Từng nhớ năm xưa đi chơi nơi bến riêng biệt
Một khóm lau vàng
Tơ bay tứ tỏa...*

Tiểu từ cũng như Man từ đều ngậm chứa một khí buồn man mác mệnh mông dưới những hàng chữ lung linh khói ráng!

Lời từ đẹp hơn lời thơ, ý trong từ nhẹ và lạnh hơn ý trong thơ. Nhưng chỉ những người nào am hiểu âm luật, từ điệu, mới hưởng trọn cái hay cái thú trong Từ Đào Tấn.

Trong Từ Đào Tấn thường gởi tình đối với giai nhân. Đào công có 3 người vợ chính thức và 6 nàng hầu, trừ bà Bình Định lo lãnh phần hương khói nơi cố hương, còn bao nhiêu đều được gần gũi, nhất là bà Diêu Tiên, 1 tuyệt đại giai nhân thời bấy giờ, luôn luôn ở bên cạnh. Như vậy giai nhân mà Đào công gởi tình vào Từ đây là ai? Nhất định là người Quân tử, người quân tử nơi phương trời xa xăm. Đó là Lưu Hoàng Thúc, là Tiết Giao còn thơ ấu, Tiết Quý mới sanh, là Triệu Khánh Sanh “Chút thân liễu gởi cung đầu...”

Ngục văn tự đầy nhảy trên mặt đất. Thi nhân phải nhờ đến “tam nữ” mới thực hiện được lý tưởng của mình, mới nói lên được hoài bão của mình... Người đời Đường, Tống..., Trần, Lê... cũng đã thường dùng phương pháp ấy.

Xin trích thêm một ít bài nữa có tiêu đề hân hoi:

VŨ TRUNG VĂN QUY

Thu mộ thu mộ
Suy liễu hàn triều cổ độ
Văn phong hứa ngả thuyền quy

Tế vũ lô hoa nhận phi
Nhận phi nhận phi..
Giang thượng tỳ bà thanh đoạn.

Nghĩa đen:

TRỞ VỀ TRONG CHIỀU MƯA

Chiều thu, chiều thu – Liều tàn, triều lạnh, bến dò xưa – Gió
muộn đưa thuyền ta trở về – Mưa nhỏ, hoa lau, nhận bay... Nhận
bay... nhận bay... Trên sông tiếng tỳ bà đứt đoạn.

QUÁ KIM LONG DỊCH

Lãng tích niên niên thán vị châu
Trùng quá Kim Long dịch
Úc đồng du
Thùy dương hà xứ hệ biên châu
Hương giang thủy y cựu hướng đông lưu
Tịch mạch chuyển thiên sầu
Nhàn âu tùy lãng ảnh
Tự du du
Tà dương tận xứ viễn sơn phù
Tây phong lý
Vô số lục hoa thu.

Nghĩa đen:

QUA TRẠM KIM LONG

*Năm lại năm, than ôi, dấu chân phiêu bạt vẫn chưa dừng!
Nay lại đi ngang qua trạm Kim Long một lần nữa.
Chạnh nhớ các bạn cùng đi chơi với nhau ngày trước.
Tơ thùy dương buộc con thuyền nhỏ ở nơi nào?
Nước sông Hương vẫn chảy về đông như cũ.
Lặng lẽ càng thêm buồn.
Chim âu thông dong lượn theo bóng sóng.
Bay xa vùi vùi.
Nơi cuối cùng của ánh sáng mặt trời chiều nổi lên ngọn núi xa.
Trong gió tây
Vô số hoa đồng nở.*

HƯƠNG THỦY ĐẠO TRUNG

Cực mục tổng bì thu
Suy thảo tự niệm thiên mật

Đa thiếu vô tình yên thụ
Tống niên niên hành khách
Loạn sơn cao hạ một tà dương
Dạ cảnh cánh thanh tuyết
Kỷ điểm hàn nha phong lý
Sấn nhất sơ lương nguyệt.

Nghĩa đen:

TRÊN ĐƯỜNG SÔNG HƯƠNG

*Nhìn khắp nơi đều màu thu ảm đạm.
Cỏ tàn ủa dương dính liền chân trời
Hoặc nhiều hoặc ít, cây đeo khói đã vô tình.
Đưa khách lại qua năm này sang năm khác.
Núi chập chùng, hòn cao hòn thấp, chìm trong ánh tà
dương.
Đêm đến cảnh thanh tuyết.
Lấm chấm qua bay trong gió mát.
Đuổi theo chiếc lược trắng trong.*

Khí buồn lạnh lạnh chìm dần dần tràn dần dần trong cảnh đẹp
vẽ bằng đôi nét đơn sơ, đôi nét đơn sơ nhưng khiến lòng người
vào cõi mệnh mông bát ngát.

Truyền rằng năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) Đào Tấn được phái
vào Gia Định để lo việc bang giao cùng chánh quyền Pháp. Nhớ
đến những vụ đi vào Nam để thương lượng cùng người Pháp của
Phan Thanh Giản, Lâm Duy Nghĩa, Trần Bích San... thời Tự Đức,
Đào công có ý lo buồn. Trong bữa tiệc tiễn hành, công có soạn
một bài từ theo điệu Lâm Giang Tiên cho ca nữ:

Tự tiểu thủ thân vô định tại
Bắc châu hựu phục Nam châu
Mãi diên hà nhật toại quy hưu
Hương lai nguyên lạc lạc
Thử khứ diệc du du
Xích nhật hoàng trần tam bách lý
Tung khâu kỷ độ đăng lâu
Cổ nhân đa tại ngọc Khê đầu
Thanh tuyến minh nguyệt hiểu
Cao thụ loạn thuyền thu.

Nghĩa đen:

Nực cười thân này không ở nơi nào cố định.

*Châu Bắc rồi lại đến châu Nam.
Ngày nào mua được ruộng để về hưu?*

Bấy nay lòng rờ rờ

Ra đi chuyến nầy đường vời vọi xa xăm.
Mặt trời đỏ bụi cát vàng ba trăm dặm
Đồng gò nhiều bận lên lầu
Bạn cũ phần đông ở nơi đầu khe ngọc
Suối trong trăng sáng rọi
Cây cao rộn tiếng ve thu.

Tiếng ca đã làm cho nhiều người trong tiệc rơi nước mắt. Nhưng chuyến đi được bình yên và khi về triều được thăng Tham tri bộ Hộ.

Từ thường dùng trong những cuộc vui. Nhưng Từ Đào Tấn thương ngậm chứa chất buồn. Như thế chứng tỏ rằng lòng Đào Công không vui. Những cuộc vui mà công bày ra chẳng qua là “phùng trường tác hỷ” rồi mượn văn chương để làm vơi bớt lòng buồn.

Buổi sanh tiền Từ Đào công được giới phong lưu tán thưởng hơn thơ, nhưng chỉ phổ biến từ Huế trở ra. Ở Bình Định ít người thuộc, ít người biết.

Ở Bình Định Thơ Đào Tấn cũng không được truyền tụng sâu rộng. Chỉ có tuồng hát, Tuồng Đào Tấn, là không mấy ai là không tán thưởng. Có lắm người thuộc lòng cả lớp, có khi cả vở tuồng!

Cho nên ở Bình Định – có lẽ ở các nơi cũng vậy – Hễ nói đến Đào Tấn, hầu hết các tầng lớp nhân dân đều chỉ nghĩ đến Tuồng hát.

Về **Văn Đào Tấn**, rất ít người biết số lượng được bao nhiêu.

Tập Mộng Mai Văn Sao không được phổ biến. Nội dung như sao không dám ứ đoán. Bài Linh Phong Tự Ký không biết có nằm trong tập chẳng.

Bài ký nầy ở Bình Định trước đây, hầu hết các người biết chữ Hán đều thuộc, hoặc trọn bài, hoặc một vài câu một vài đoạn. Đó là bài văn nói về phong cảnh và sự tích chùa Ông Núi ở Phương Phi. Không phải Đào công đã soạn trong thời gian lánh nạn (1885-1886), mà mãi sau khi đi làm quan mới hướng dẫn hai người con là Đào Thụy Thạch và Đào Nhữ

Tuyên soạn thảo, Đào công duyệt định (Thành Thái thứ 15, mùa thu năm Quý Mão 1903).

Cũng không biết có gồm trong Mộng Mai Văn Sao chăng, những thiên hồi ký nói về việc viết tuồng, diễn tuồng, công dụng của tuồng. , tập Trang Sự Trích Biên nói về việc nuôi mẹ lúc đau ốm, việc cư tang mẹ... vân vân...

Những bản văn ấy chỉ được một số ít nhân sỹ đọc rồi nói lại cùng con cháu mà thôi.

Nguyên bản của Mộng Mai Văn Sao cũng như Mộng Mai Ngâm Thảo, Mộng Mai Từ Lục, hiện gia đình Đào công không còn giữ được trang nào làm di tích của tiên nhân! Nếu văn chương hữu mệnh thì sự nghiệp văn chương của Đào Tấn những còn cất giữ nơi danh sơn.

THƠ NÔM

Tài về Nôm, Đào Tấn đồn trọn cho Tuồng.

Tài về Luật Thi, Đào Tấn đồn trọn cho thơ chữ Hán.

Thơ Quốc Âm của Đào Tấn chỉ thấy có 3 bài:

THUẬT HOÀI

Năm mươi một tuổi biết chi chưa
Ngắm nhúa mày râu cũng đã vừa
Chén rượu nhớ hoài người lớp trước
Cung đàn quên phất ngón ngày xưa
Mẹ già tám kỷ trông hôm sớm
Vua trẻ nhiều phen gọi móc mưa
Ngoảnh lại vườn đông muôn dặm cách
Cụm tùng khóm cúc hãy còn thưa.

Bài CHƠI HỔ TRÚC BẠCH sau đây, Văn Đàn Bảo Giám chép chung với bài Thuật Hoài trên và ghi là của cụ Hiệp Đào:

*Một chiếc thuyền nan một mái chèo
Đáy hồ lặng sóng nước trong veo
Quanh co thành cổ đường gai lán
Chen chui nhà thôn ngõ gấm thêu
Ngũ Xá kiêu dãi bờ trúc thẳng
Lóng Châu thêm rộng nước chùa cao
Nghe đồn Trúc Bạch vui từ trước
Nay mới hay rằng lắm vẻ yêu.*

Không dám chắc trăm phần trăm bài này đích xác của Đào Tấn. Chưa bao giờ nghe người trong gia đình Đào Tấn như bà Đào Chi Tiên, bà Đào Trúc Tiên đề cập đến.

Còn bài thứ 3 là bài liên ngâm của hai nhân vật Kiều Quang và Bích Đào trong tuồng Diễn Võ Đình:

Luồn chỉ thắm chấp tơ mảnh
Dóng thẳng đường ngay nhận nẻo quanh
Cúc trắng mai vàng thơ thốt nhụy
Chim xanh lá đỏ ngẩn ngơ tình
Uyên ương chích bạn còn lơ lảo
Phí thúy chiều duyên khéo rập rình
Dệt phụng thêu rồng tài đáng mấy
Dùng kim chột nhớ hẹn ba sinh.

Xem bài thơ trên, chúng ta nhận thấy thơ Hàn Luật của Đào Tấn đâu phải tầm thường. Văn chương thanh lệ phong nhã chẳng kém thơ chữ Hán. So với thơ lục bát trong tuồng, thanh sắc cũng không thua sút. Thế mà bên cạnh di sản đồ sộ về tuồng, về chữ Hán chỉ có 3 luật thất ngôn Quốc âm.

Trường hợp này không phải riêng Đào Tấn. Nguyễn Du không có luật thơ Nôm nào lưu truyền. Bà Đoàn Thị Điểm cũng vậy. Cụ tú Nhơn Ân còn lưu thế một số thơ Nôm, song lời quê ý khô, so với văn chương trong tuồng với thơ chữ Hán thì đây là biển kia là ao. Mà chẳng riêng gì Việt Nam. Trung Hoa cũng thế. Lý Bạch không có thơ thất ngôn bát cú tuyệt luân. Vương Xương Linh chỉ chuyên về thất Tuyệt, Đường nhân không ai theo kịp nhưng không có 1 bài thất luật hay ngũ luật lưu truyền. Vương An Thạch là một trong 8 đại gia văn chương Đường Tống nhưng về thơ thì vẫn bị đời bảo rằng “còn đứng ngoài ngô ngó vô”. Tâng Tử Cố nổi tiếng về cổ văn mà “mỗi lần đưa 1 bài thơ mới làm xong cho người xem thì người cười đến vỡ bụng” vân vân... Ít người được như Tô Đông Pha đời Tống, văn hay, thơ hay mà tứ cũng hay, hay quán chúng, và Viên Tử Tài đời Thanh, “bao nhiêu ngọn bút nổi danh kim cổ, Viên đều nắm gọn trong tay”.

Nhưng bao nhiêu tác phẩm của Đào Tấn để lại cho chúng ta mà chúng ta còn giữ được đó, chúng ta đã đọc hết chưa? Chúng ta đã khai thác được hết chưa? Chúng ta đã khám phá thêm những gì mới lạ hơn những điều các cụ ngày xưa đã truyền lại cho chúng ta chưa? Chắc chắn là chưa. Vậy khoan “đòi tiền” đã.

PHẦN III

KẾT LUẬN

Đào Tấn để lại cho dân tộc Việt Nam một sự nghiệp văn chương to lớn.

Từ ngày tác gia qua đời cho đến nay, ngót 80 năm (1907–1986), di sản tinh thần ấy đã bị 1 số người lợi dụng để làm giàu riêng cho mình, chớ chưa được các nhà văn học khai thác để làm giàu cho văn chương nghệ thuật nước nhà.

Mãi gần đây mới được quốc dân lưu ý.

Để thu hoạch được kết quả tốt trong việc khai thác, tưởng nên tìm hiểu rõ bản lai diện mục của con người đã để lại sự nghiệp tinh thần kia: Đào Tấn.

Đào Tấn vừa là một ông quan, vừa là một nghệ sỹ, một thi sỹ sống trong thời đại hỗn loạn, đất nước bị xâm lăng, xã hội bị suy đồi, nhân tâm bị ly tán.., tức là một tâm hồn phức tạp bị chi phối bởi một hoàn cảnh phức tạp, bị chi phối không nhiều thì ít chớ không thể nào hoàn toàn là sen mọc trong bùn. Chúng ta lại sống cách Đào Tấn gần một thế kỷ, đời sống về tinh thần cũng như vật chất khác hẳn Đào Tấn. Cho nên vẽ lại chân dung Đào Tấn trước những biến chuyển của thời cuộc, cũng phải biết cho chính xác, thì mới mong thấy chân tướng của “đương sự” được rõ ràng, khỏi trông gà ra cóc.

Tình hình đất nước, hoàn cảnh xã hội thời Đào Tấn được nhiều sách vở ghi chép. Việc nghiên cứu không đến nỗi khó khăn lắm.

Còn tâm tư, tâm trạng của Đào Tấn, biết dựa vào đâu để nhận định khỏi sai lầm?! Bởi “cái quan định luận” mà Đào Tấn đã được “cái quan” từ lâu mà lời khen chê vẫn còn tùy thuộc lòng yêu ghét, sự thật thường bị bóp méo về tròn!

Nghiên cứu kỹ càng về con người Đào Tấn, không phải vì Đào Tấn, mà chính vì di sản tinh thần Đào Tấn để lại cho chúng ta. Những nét chính xác về chân dung sẽ là những ngọn đèn soi sáng những điểm độc đáo, những điểm ẩn tàng trong sự nghiệp, những điểm đã bị thời gian hay thời thế che mờ, hoặc làm sai lệch.

Đó là bước khó khăn thứ nhất.

Bước khó khăn thứ nhì là việc phối kiểm những tác phẩm Đào Tấn còn lưu thế.

Số di sản tinh thần đó hiện không còn nguyên vẹn. Những gì còn lại bị “tam sao thất bản”, nguyên cáo biết tìm đâu, biết bản sao nào đúng nguyên văn, gần nhất với nguyên văn? Những bản tuồng, bản thơ, bản từ đi tìm được, chúng ta phải xem đi xét lại, phải chọn lọc, phải cân nhắc: cẩn thận trước khi đem ra dùng. Chớ nếu cầu thả thì không khỏi bị lầm là “Cân Quốc Anh Hùng” người đàn bà có râu lơ thơ nơi chiếc cằm xinh xắn.

Tác phẩm của Đào Tấn, tuồng cũng như thi từ, có lẽ là nhiều nhất đối với các tác giả đồng thời. Muốn phê bình cho chính xác, cần phải đọc kỹ toàn thể sự nghiệp, ít nhất là những tác phẩm tiêu biểu nhất của Đào Tấn. Hiện thời không dễ gì có đủ toàn bộ tác phẩm Đào Tấn. Chúng ta tạm dùng những gì chúng ta có. Nhưng nên tránh sự khen chê theo trí “phỏng đoán” những tác phẩm chúng ta chưa hề đọc tới, như những bản tuồng soạn theo sắc chỉ của vua Tự Đức.

Vạn Bửu Trình Tường chúng ta hiện có chừng mười, mười lăm hồi là cùng. Chừng nớ chưa thấm gì với 216 hồi của toàn bộ. Huống nữa trong những hồi chúng ta có đó, ai đã dám chắc là của Đào Tấn soạn tất cả, hay có một số của hai cộng tác viên Vũ Đình Phương, Ngô Quý Đồng? Và vị nào là tác giả của hồi nào? Văn chương Đào Tấn lại thường dùng điển cố, minh dụng có, ám dụng có, thái dụng có, tá dụng có, lắm khi bên ngoài ngó đơn giản mà bên trong lại hàm súc, hấp tấp nhiều khi bị lầm.

Vì vậy chúng tôi không dám bước rộng vào sâu, mà chỉ giới thiệu đôi nét về thân thế, về văn chương của Đào Tấn dựa trên

những tài liệu chúng tôi đã sưu tầm được. Số tài liệu quá ít ỏi và theo trình độ hiểu biết, khả năng nhận thức của chúng tôi. Trong khi chờ đợi một công trình khảo cứu chu đáo, đánh giá Đào Tấn thật chính đáng, chúng tôi tạm kết luận rằng Đào Tấn là:

– Một ông quan tốt. Ba chữ Thanh – Thận – Cần của triều đình ban tặng, những thành tích còn để lại trong nhân gian mà chúng tôi đã chép ở phần 1 là những bằng chứng cụ thể. nhưng chưa chứng minh hùng hồn bằng những sách vở giấy tờ còn lưu thế không có một quyển sách, một mảnh giấy nào “tố giác” Đào Tấn đã làm tay sai cho Pháp để đàn áp nhân dân, tiêu diệt tinh thần quật khởi tự cường của dân tộc. Chẳng những thế mà thôi, lại còn tìm cách che chở giúp đỡ những nhà chí sỹ, những nhà cách mạng âm thầm tổ chức những cuộc chống Pháp, chống triều đình tay sai.

– Một nghệ sĩ lỗi lạc, một thi sĩ chân chính, một di sản tinh thần để lại cho chúng ta, có giá trị cao về mặt văn chương nghệ thuật. Di sản tinh thần của Đào Tấn, nếu được khai thác đúng mức, nhận chân tường tận, sẽ làm giàu làm sang cho nền văn học Việt Nam không ít và sẽ đưa tác giả lên ngôi song song cùng Nguyễn Du trên đài vinh quang của văn nghệ.

**CÁC ĐIỀU HÁT VÀ CÁC THỂ VĂN THƯỜNG
DÙNG TRONG**

Tuồng Hát Bội

Bình Định

DẪN NHẬP

Thường trong một tác phẩm văn chương chỉ dùng một lối văn: văn xuôi hoặc văn vần.

Trong tác phẩm văn xuôi nếu có chen một đôi đoạn văn vần là cốt để điểm xuyết hoặc giải thích cho tác phẩm thêm ý nghĩa, linh động

Trong một tác phẩm văn vần, khi đã dùng một thể văn nào thì thường từ đầu đến cuối tác phẩm chỉ dùng một thể văn ấy. Như trong các truyện Kim Vân Kiều, Hoa Tiên, Nhị Độ Mai, Lục Vân Tiên chỉ dùng một lối thơ lục bát. Còn trong Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc thì dùng thể song thất lục bát.

Trái lại, trong một vở tuồng hát bội thì gồm đủ hai lối văn: văn xuôi và văn vần. Riêng về văn vần thì gồm đủ các thể văn vần: lục bát, song thất lục bát, thơ luật Đường và thể Phú. Thơ luật Đường cũng gồm đủ các loại: thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú, ngũ ngôn tứ tuyệt.

Về Phú thì cũng gồm đủ các loại: tứ tự, song quan, cách cú, gổĩ hạc ...

Như vậy có thể nói tuồng hát bội là một tác phẩm tập hợp tất cả các thể văn, thơ mà nền văn chương Việt và Hán đã có trong thời gian các thể loại văn thơ này thịnh hành.

Riêng về tuồng hát bội Bình Định vì các tác giả là các nhà khoa bảng nên văn chương phần nhiều mang tánh cách bác học. Tuy nhiên nhờ nội dung của cốt chuyện và những từ ngữ Hán Việt phần nhiều đã được phổ thông nên sức hấp dẫn của tác phẩm đã được quần chúng nhân dân cảm nhận và hưởng ứng. Có thể nói rằng tuồng hát bội Bình Định đi vào quần chúng là nhờ ở văn chương và cách biểu diễn nghệ thuật tuồng. Những kép hát, đào hát đều được học tập, huấn luyện có quy củ do các bậc thầy trong làng hát bội truyền lại.

Tuồng hát bội Bình Định cũng giống như các tuồng ở Bắc, Nam gồm nhiều điệu khác nhau. Có hai loại: Nói và hát.

◇ CÁC ĐIỀU NÓI

Các điệu nói gồm có: nói lối, hường và tán.

I. NÓI LỐI

Điệu nói lối dùng để giao đầu, xưng tên, kể việc. Khi vui thì nói lối xuân, khi buồn thì nói lối ai hay lối rịn. Khi tỏ vẻ giận dữ và để cho người xem biết thái độ của mình thời nói lối chiến hay lối bóp. Nói lối chiến thì dần từng tiếng và vừa nói vừa múa với bộ tịch rất mạch lạc.

Thưa, báo cũng dùng điệu nói lối. Khi báo một tin khẩn cấp thì nói thật mau, nếu bình thường thì nói chậm rãi. Những câu thưa, báo thường vắn tắt và người báo thường chấp tay đứng hoặc quỳ để nói. Song khi báo một tin xúc động và cần nói dài dòng để kể lễ hết tin tức thì khi nói cũng làm bộ tịch mạch lạc. Cho nên có 3 cách thưa báo: báo mau, báo chậm, báo bộ.

Những câu nói lối trong tuồng hát bội là những câu văn vần đặt bằng chữ Nôm hay chữ Hán. Thể văn thì thường dùng những câu song quan, đôi khi cũng dùng cách cú trong các lối Phú.

A. CÂU SONG QUAN

1. Số từ

Mỗi câu song quan gồm 2 vế. Mỗi vế gồm hai hoặc ba đơn vị tiết tấu (cũng thường gọi là đoạn con. Một đơn vị tiết tấu gồm 2 hay 3 từ. Số từ trong câu song quan không hạn chế song thường thì chỉ dùng từ 4 đến 9 từ.

Hai vế trong câu song quan phải cân bằng nhau. Như vậy khi vế trên có bao nhiêu đơn vị tiết tấu thì vế dưới cũng gồm bấy nhiêu đơn vị tiết tấu. Số từ trong đơn vị tiết tấu giữa hai vế cũng phải tương ứng bằng nhau.

Nếu mỗi vế chỉ có 2 đơn vị tiết tấu thì sẽ có ít nhất là 4 từ và nhiều nhất là 6 từ. Nếu có 3 đơn vị tiết tấu thì mỗi vế có từ 6 đến 9 từ.

Sau đây xin trích dẫn những câu nói lối trong các tuồng hát bội Bình Định (trích trong các tuồng của cụ Đào Tấn, Nguyễn Diêu, Nguyễn Trọng Trì v.v...). Tuy nhiên một đôi khi cần sáng tỏ hơn chúng tôi cũng trích các tuồng ở nơi khác với sự chú ý rõ ràng.

a. Mỗi vế 2 đơn vị tiết tấu và 4 từ

Các câu này cũng thường gọi là câu tứ tự:

– **Địch Thanh nói:**

“Thưa công chúa
Đoạn tình ... vì nghĩa
Tội tớ ... ách thầy
Xin ngó ... mắt đây
Mà dung ... tội đó:
(Ngũ Hồ Bình Tây)

– **Quan Vũ:**

Tài văn ... giáo hạ
Thâm hợp ... ý trung
(Cổ Thành Hội)

– **Quan Vũ:**

Tiền đồ ... chính túc
Hậu kỵ ... bài khai
(Cổ Thành Hội)

– **Trương Phi:**

Quá sướng ... quá sướng
Rất mừng ... rất mừng
(Cổ Thành Hội)

b. Mỗi vế 2 đơn vị tiết tấu và 5 từ

– **Từ Thử nói:**

Non chập chồng ... nghĩa chúa
Nước linh láng ... lòng tôi
...
Mãng bận tình ... lưu khứ
Đà quên sự ... thủy chung
(Tân Dã)

– **Quan vũ:**

Cũng muốn ... dứt ra đi
Vì thương ... nên nghĩ lại

c. Mỗi vế hai đơn vị tiết tấu và 6 từ

– Từ Thứ nói:

Phút gặp gỡ ... phút chia phôi
Hay như tình ... hay thế sự
(Tàn Dã)

– Châu Thương

Trường lưu luyến ... trường lưu luyến
Thậm khổ tình ... thậm khổ tình
(Cổ Thành Hội)

– Quan Vũ:

Tiểu đệ khuất tùng ... khuất tùng
Đại gia lưu ngại ... lưu ngại
(Cổ Thành Hội)

– Châu Thương:

Thấy đó ... thiết trang hào mại
Xui đây ... cũng dạ ái hoài
(Cổ Thành Hội)

d. Mỗi vế 3 đơn vị tiết tấu và 6 từ

– Châu Thương:

Bất thắng ... cổ võ ... cổ võ
Vô hạn ... hân hoan ... hân hoan
(Cổ Thành Hội)

– Trương Phi:

Tin tức ... một ngày ... một vắng
Thuyền truyền ... nửa thiết ... nửa hư
(Cổ Thành Hội)

– Trương Phi:

Còn duyên ... may lại ... còn người
Tưởng chết ... hay đâu ... còn sống
(Cổ Thành Hội)

đ. Mỗi vế 3 đơn vị tiết tấu và 7 từ

- Ngọc Lâm:

Chôn phồn hoa ... kẻ tới ... người lui
Miền kinh địa ... đêm tuần ... ngày soát
(Khuê Các Anh Hùng)

- Ngọc Lâm:

Cha ngồi thúng ... khôn bề ... cất thúng
Con vương tơ ... khó nổi ... gỡ tơ
(Khuê Các Anh Hùng)

- Phương Cơ:

Phụ thân ... đã trở lại ... gia trang
Tiền lộ ... kiếp trồng chùng ... kinh địa
(Khuê Các Anh Hùng)

- Triệu Văn Hoán:

Lúc này ... không thấu tóm ... cõi bờ
Bao thừa ... mới đem về ... đồ tịch
Giận Quảng Hôn ... buông lời ... oán kích
Hiềm Khắc Minh ... tìm kế ... trở đường.
(Khuê Các Anh Hùng)

e. Mỗi vế 3 đơn vị tiết tấu và 8 từ

- Vương Quý

Nếu dùng dàng ... bịn rịn ... bước khuê ly
E gây bức ... lỡ làng ... cơ khâu tấu
(Diễn Võ Đình)

- Triệu phu nhân:

Bài miễn tử ... ngư ban ... còn tạc để
Cửa huân danh ... thiên hạ ... thầy kiêng dè
Ở lại đây ... con ẩn tránh ... một bề
Dầu đuổi tới ... mụ đánh tan ... cả lũ
(Diễn Võ Đình)

- Lan Anh:

Nếu chẳng liều ... sinh tử ... giữa chông gai
Ai còn kể ... ân tình ... trong nước lửa
(Hộ Sanh Đàn)

– **Tiết Cương:**

Ngóng tòng thu ... non nước ... hơi xa xôi
Nhìn cung kiếm ... mặt mày ... thêm tủi hổ.

– **Lan Anh:**

Hoài đại chí ... xin phôi pha ... sầu khổ
Thả thành tâm ... cho khỏe khoắn ... tinh thần
(Hộ Sanh Đàn)

g. Mỗi vế 3 đơn vị tiết tấu và 9 từ

– **Tiết Cương:**

Xiết bao tình ... người cùm bắc ... kẻ gành đông
Phải lần bước ... sớm qua Hồ ... chiều lại Việt
(Hộ Sanh Đàn)

2. Luật bằng trắc

Trong câu song quan, những chữ cuối các đơn vị tiết tấu gọi là chữ đầu câu, phải theo đúng luật bằng trắc. Thí dụ trong câu:

Xiết bao tình ... người cùm bắc ... kẻ gành đông
Phải lần bước ... sớm qua Hồ ... chiều lại Việt

Vế trên những chữ “tình, bắc, đông” và vế dưới những chữ “bước, Hồ, Việt” phải theo đúng luật bằng trắc, đó là luật đối thanh hay là luật kẹp cổ. Cứ giữa 2 thanh trắc là thanh bằng hoặc ngược lại. Đồng thời vế dưới các thanh có vị trí trái ngược với vế đầu.

Như trong câu:

Xiết bao tình ... người cùm bắc ... kẻ gành đông
Phải lần bước ... sớm qua hồ ... chiều lại Việt

Chữ cuối đơn vị tiết tấu đầu ở vế trên là “tình” tiếng bằng thì chữ cuối của đơn vị tiết tấu đầu vế sau là “bước” phải là tiếng trắc. Chữ “Bắc” ở vế trên là trắc thì chữ “Hồ” ở vế dưới phải là bằng và chữ “đông” ở cuối vế trên là bằng thì chữ “Việt” ở cuối vế dưới phải là trắc. Đó là luật bằng trắc trong câu song quan có 3 đơn vị tiết tấu. Còn trong các câu song quan có 2 đơn vị tiết tấu thì luật bằng trắc đơn giản hơn:

Nếu chữ cuối của đơn vị tiết tấu đầu là tiếng bằng thì chữ cuối của đơn vị tiết tấu sau phải là tiếng trắc.

Giữa 2 vế thì luật đối thanh vẫn áp dụng.

Ví dụ:

– **Bàng Hồng:**

Con này ... vô trán
Thằng nọ ... quẹo chân
Con này ... to lưng
Thằng kia ... méo miệng

(K.C.A.H.)

– **Kim Hùng:**

Vâng lệnh trên ... thiên tử
Ra tuần xét ... ải quan

Vậy các người

Khá tránh lại... bên dăng.
Đặng cho ta... giục ngựa.

– **Ngọc Lâm:**

Con đứng đó ... cha ngồi đây.
Cha ngồi đây... con đứng đó.

Tuy nhiên có nhiều trường hợp trong một vế luật bằng trắc không được tuân theo song luật đối thanh giữa hai vế vẫn giữ nguyên. Như trong trường hợp có một đơn vị tiết tấu hay một chữ cuối của đơn vị tiết tấu được lặp đi lặp lại.

Ví dụ:

– **Phương Cơ:**

Bớ cha ... bớ cha
Đã có ... đã có
Ất xong ... ất xong

(K.C.A.H.)

– **Ngọc Lâm:**

Thậm tâm khổ ... thậm tâm khổ
Sự nan hành ... sự nan hành

(K.C.A.H.)

– **Dịch Thanh:**

Hình hài ai ... khí huyết ai
Sự nghiệp đó ... công danh đó

(Ngũ Hồ Bình Tây)

3. Phép đối

Trong một câu song quan, hai vế thường phải đối nhau. Nhiều khi mỗi đơn vị tiết tấu ở vế trên đối rất sát sao đơn vị tiết tấu ở vế dưới.

Ví dụ:

– **Quản Hối:**

Mặt phản nghịch là thằng Văn Hoán
Lời siểm du thêm lão Khắc Minh
Đã chen vai hưởng lộc thái bình
Lại rút cổ theo loài gian nịnh
Tâm bất định tâm bất định
Khổ nan thân khổ nan thân
Tuốt gươm vàng diệt đứa phi nhân
Liều mạng bạc trị phương đại tội.

(K.C.A.H.)

Bốn câu song quan trong lời của Quản Hối trong tuồng Khuê Các Anh Hùng đã chứng tỏ phép đối trong câu hát tuồng Bình Định rất chặt chẽ sát sao. Sau đây là một đoạn trích trong tuồng San Hậu.

– **Kim Lân:**

Trưởng tiền thừa quốc của
Tôi nay Đồng Kim Lân
Thực tiên đế cội thần
Chức phong hầu Ngự mã
Hiềm vì họ Tạ
Tiếm đoạt nghiệp Tề
Nguyệt tam cung chính thị đại ơn
Lê thái giám bắt vong kỳ nghĩa
Phò thứ phi ngày nọ
Khương Linh Tá cùng tôi
Bị Ôn Đình hỗn đã sớm đời
Còn thứ hậu tận trung thất lạc
Một mình tôi gánh vác
Phò hoàng tử ruồi giồng
Thân bao nài pháo đột tên xông
Mình chỉ xá phó thang đạo hỏa

- Phàn Diệm:

Lưu lệ hạ ... lưu lệ hạ
Thống ngô tâm ... thống ngô tâm
Đồng bào phân đại nghĩa
Cốt nhục lưỡng thương tâm
Đạo cha con niềm tôi chúa
Ơn bằng hữu nghĩa chị em
Bốn lỗi ấy đã cam
Một mình này khôn bảo

(*San Hậu*)

Các câu song quan tuy có đối song không được chặt chẽ như trong các bản tuồng của Nguyễn Diêu, Đào Tấn, Nguyễn Trọng Trì...

Trong văn nói lối có nhiều lúc không cần đối như: lúc xưng tên, xưng hiệu, kể tội chỉ có một vài câu thôi.

- Văn Hoán:

Nay báu linh tay trảm vừng cầm
Niên hiệu cải: Triệu Tồn hoàng đế
Bích Long này đông cung thái tử
Kim Hùng phong đồ đốc nguyên nhung
Khắc Minh quyền phụ chính triều trung
Bá quan thấy nhất tề thẳng thường...

4. Văn

Cách hiệp văn trong nói lối của tuồng hát bội đều dùng theo thể gián cách. Cứ hai văn bằng tiếp đến hai văn trắc hoặc hai trắc rồi hai bằng. Cụ thể hơn thì trong một câu song quan, văn của chữ cuối về thứ nhất phải vần với chữ cuối của về thứ hai câu song quan đứng trước. Chữ cuối của về thứ hai lại vần với chữ cuối về thứ nhất câu song quan tiếp theo. Ví dụ:

- Bàng Hồng:

Thậm sĩ dã Bàng Hồng
Khả luận tại Vương Quý
Giấu Triệu thị đã dùng chước quỷ
Mời Bao Công lại ỷ gây thân
Phải chi mà mỗ chậm chân
Tí nữa ắt là tan xác
Kíp về tâu ngọc các

Ngỏ chờ lệnh kim giai
Lãnh Thượng phương bảo kiếm về tay
Cho long các Bao công biết mặt.

Trong 5 câu song quan trên thì vần “quý” của vế cuối câu một vần với chữ cuối của vế đầu câu hai là “quý”. Vần “thần” chữ cuối vế hai, câu hai vần với “chân” chữ cuối vế đầu của câu 3 và “xác” vần với “các”, “giai” vần với “tay” v.v... cứ như vậy suốt hết lớp tuồng, lời của các nhân vật vẫn luôn luôn giữ đúng thể vận. Trong lối nói, người nói kế tiếp vẫn phải giữ vần tiếp theo không được đổi khác.

Ví dụ:

– **Quan Vũ:**

Cũng muốn dứt cho xong
Vì thương nên nghĩ lại
Lời nhĩ tấu trước phân thậm phải
Dạ tam từ em nghĩ càng xa
Đồ đảng đà trở lại nham a
Cho nhà gã theo hầu xa kỳ

– **Nhĩ tấu:**

Thúc thúc đa hiệp ý
Tiện lưu thấy đành lòng
Biết anh hùng mới gọi anh hùng
Gặp lao khổ mưa từ lao khổ

– **Châu Thương:**

Bất thăng cổ võ, cổ võ
Vô hạn hân hoan, hân hoan
Xin thầy kịp lên đường
Ngõ tứ rày theo gót.

(Cổ thành)

B. CÂU CÁCH CÚ

1. Cấu trúc

Mỗi câu cách cú cũng gồm có 2 vế cân phân. Mỗi vế lại chia làm hai đoạn, mỗi đoạn có hai hoặc ba đơn vị tiết tấu, mỗi đơn vị tiết tấu có hai hay ba từ. Những câu cách cú dùng trong nói lối không nhiều.

– Chu Thuật:

(Ấy vậy mà thơ thơ người dạy tôi qua đây)

Một rằng nói, hai rằng nói, ba bốn cũng rằng nói

(nên tôi tưởng rằng)

Trăm ắt xong, ngàn ắt xong, muôn vạn cũng ắt xong

(Vạn Bửu Trình Tường – Hồi 3)

– Chu Thuật: viết

Lo là lo đường còn thăm dậm còn dài

Tính quyết tính núi cũng gãy sông cũng cạn

(Vạn Bửu Trình Tường)

Thường thường câu cách cú đi giữa hai câu song quan:

– Tôn thị: viết

Nghe nói đó ý khôn thương lượng

Nên khiến đây khó giải âu sầu

Những ước rằng thuyền gặp bến, cá gặp câu

Hay đâu nổi cá xa câu, thuyền xa bến

Dỡ dang đà hồ tan keo biến

Mòn mỏi cho ngựa phất cờ reo

(Vạn Bửu Trình Tường)

– Già Đạo Đồng: viết

Thất hồi tỵ tự cam lục kiến

Chúc ngu sơ ngưỡng vọng thúy từ

Tình lá lay giện bấy tùy nhi tác sự già phi trượng phụ phi quán tử

Nổi léo lắc ghét thay thực nữ cư tâm già vô lễ nghĩa vô nhân tình

Lửa tam tiêu bèn nổi trận tam bành

Mưu lục xuất phải ngăn người lục tặc

(Vạn Bửu Trình Tường)

Trong câu cách cú sau đây của Kim Trọng trong tuồng Kim Vân Kiều, hồi thứ ba:

“Những tướng ... rừng cũng pha ... sông cũng lội, chum mây ... cho gặp mặt ... bạn vàng.

Hay đâu ... trâm cũng gãy ... bình phút tan, đáy nước đã oan hồn ... người ngọc”

Vế trên gồm có 2 đoạn:

a. Đoạn đầu “Những tường ... rừng cũng pha ... sông cũng lội” có 3 đơn vị tiết tấu mà những chữ cuối cùng “tường, pha, lội” lần lượt đổi thành “trắc, bằng, trắc”.

b. Đoạn sau “chưn mây ... cho gặp mặt ... bạn vàng” có 3 đơn vị tiết tấu mà các chữ cuối cùng “mây, mặt, vàng” lần lượt đổi thành “bằng, trắc, bằng”.

Vế dưới cũng chia ra làm hai đoạn như vế trên và mỗi đoạn cũng có một số đơn vị tiết tấu bằng đoạn song song ở vế trên. Mỗi đơn vị tiết tấu ở vế trên đều “đối” với đơn vị tiết tấu song song ở vế dưới, như:

“Những tường”	đối với	“Hay đâu”
“rừng cũng pha”		“trăm phút gãy”
“sông cũng lội”		“bình phút tan”
“chưn mây”		“đáy nước”
“bạn vàng”		“người ngọc”

2. Vận

Về cách hiệp vận trong câu cách cú, chữ cuối vế trên phải vận với chữ cuối đoạn đầu vế dưới. Như trong câu trích dẫn trên, chữ “vàng” hiệp vận với chữ “tan”.

Khi một câu cách cú nằm giữa hai câu song quan thì chữ cuối của câu song quan trên phải vận với chữ cuối của vế đầu câu cách cú và chữ cuối của câu cách cú phải vận với chữ cuối vế đầu câu song quan kế tiếp. Ví dụ:

– Kim Trọng nói:

Xiết bao (b) lòng kiến (t) thảm thương (b)
Cảm nỗi (t) bóng câu (t) rấn rỏi (vt)

Những tường (t) rừng cũng pha (b) sông cũng lội (vt) chưn mây (b)
cho gặp mặt (t) bạn vàng (vb)

Hay đâu (b) trăm phút gãy (t) bình phút tan (vb) đáy nước (t) đã
oan hồn (b) người ngọc (vt)

Truyền quân nhơn (b) tức tức (vt)
Thỉnh tăng chúng (t) tế lai (b)

Chữ “rời” ở cuối câu song quan trên hiệp vần với chữ “lội” ở cuối đoạn đầu vế trên của câu cách cú, chữ “ngọc” ở cuối câu cách cú hiệp vần với chữ “tốc” ở cuối vế trên của câu song quan kế tiếp.

Sau đây là hai câu cách cú liên tiếp:

– Thúy Kiều:

Bán mình (b) chuộc lấy (t) cơn nghèo (b) đền ơn (b) sanh dục (vt)

Trở mặt (t) mắc nhằm (b) lòng độc (vt) gấp bước (t) lưu ly (vb)

Đường Vô Tích (t) mở Lám Tri (vb) ong rời (b) bướm rã (vt)

Kẻ tham tàn (b) người gian trá (vt) lửa nóng (t) nước sôi (b)

Câu cách cú thứ nhất mỗi vế có 2 đoạn: đoạn đầu có 3 đơn vị tiết tấu, đoạn sau có 2 đơn vị tiết tấu.

Câu cách cú thứ nhì mỗi vế có 2 đoạn, mỗi đoạn có 2 đơn vị tiết tấu.

Vần trong câu 1 tại chữ “dục” vế trên liền vần với chữ “độc” vế dưới. Sự tiếp vần của câu trên do chữ “ly” cuối câu tiếp với chữ “Tri” cuối đoạn đầu vế một câu 2 và vận “rã” cuối vế 1 lại hiệp vận với chữ “Tả” cuối đoạn đầu vế 2.

Đặc biệt trong các tác phẩm hát bội Bình Định rất ít câu cách cú có đầy đủ niêm luật (xem các ví dụ đã trích dẫn).

Trong các tuồng Bình Định câu cách cú thường được dùng trong các điệu hát khách hơn là nói lối.

(Xem phần hát khách).

II. HƯƠNG

Định nghĩa

Trong tác phẩm tuồng gồm các điệu chánh (nói lối, hát nam, hát khách) đều dùng văn vần. Song vì câu văn vần thường bị gò bó trong giới hạn số từ nên nhiều khi không diễn tả hết ý tứ, thành thử thỉnh thoảng cần phải đặt thêm những câu hoặc những chữ phụ đệm bằng văn xuôi ở trước, ở giữa hoặc ở sau các câu văn vần để bổ túc ý nghĩa các câu này và cũng để nối cho các câu văn vần được liền mạch, ý nghĩa được liên tiếp. Các câu hoặc các chữ phụ đệm ấy gọi là hương hay lối giả, lối giặm.

Vậy hương là những câu nói bằng văn xuôi.

Ví dụ:

- Phương Cơ (PC): Dạ thưa cha
- Ngọc Lân (NL): Chờ đĩa nào đó
- PC: Thưa cha con
- NL: Con là đĩa nào
- PC: Thưa cha, con là Cơ đây
- NL: Ở con Cơ, ủa đêm đã khuya lơ khuya lác rồi mà không ngủ còn ra đây làm chi hử:
- PC: Thưa cha, con ra khi này đến giờ, cũng đã lâu rồi, cha nói chuyện chi con cũng đã nghe hết rồi.
- NL: Mà mà nghe để làm chi hỡi?
- PC: Dạ thưa cha con nghe...

Nếu dùng hương xen trong các câu thi, phú thì gọi là lối giặm. Nếu đứng riêng ra thành một đoạn không xen kẽ vào thi, phú thì thường có tên là kệ.

Thí dụ, đây là một lối giặm, nếu không có những câu hương thì các câu nói lối sau đây hơi tối nghĩa:

Trong tường Hộ Sanh Đàn, Tiết Cương nói:

Dầu thương tích bệnh này chưa đỡ
Nỗi oan thù lòng nọ khôn nguôi
Ngóng trông thu non nước hãy xa xôi
Nhìn Cung kiếm mặt mày thêm tủi hổ

– **Lan Anh nói:**

Hoài đại chí phôi pha sầu khổ
Thả thanh tâm khỏe khoắn tinh thần
Xin lương nhơn cạn chén tẩy trần
Mượn hoan bá ngăn hàng khổ lụy.

Các câu ấy cần phải hương như sau thì mới đủ nghĩa:

– **Tiết cương nói:**

Em ơi, như anh chừ
Dầu thương tích bệnh này chưa đỡ
Nên chi

Nỗi oan thù lòng nợ khôn nguôi đi em này.

Ơi song thân ơi

Ngóng trông thu non nước hăy xa xôi

*Và anh với Vô Hậu là bất cọng đái thiên chi thù mà nay anh
đơn thân chích mã, đóng bá tây đầu mấn rí cho nên anh*

Nhìn cung kiếm mặt mày thêm tủi hổ

– **Lan Anh nói:**

Thưa phu quân, như phu quân là vì

Hoài đại chí

nên phu quân nói như vậy, song em xin phu quân hăy

Phôi pha sầu khổ

*Đã biết tình cảnh vợ chồng ta ai lại chẳng buồn. Nhưng nay
phu quân thân đã trọng thương, chánh nhu đơn được nên em
khuyên phu quân*

Thả thanh tâm (cho) khỏe khoắn tinh thần mới dựng cho

*Vợ chồng ta, thì thạch trường trung mà đi tới nơi, về tới chốn,
bình an vô sự mấn rí thiệt là may mắn. Hổ nô đem rượu đây:*

Xin lương nhơn cạn chén tẩy trần

Đặng Mượn hoan bá ngăn hàng khổ lụy

Trong tuồng Cổ Thành Hội các câu hường cũng đã được dùng
nhiều để góp phần làm sáng tỏ các tình tiết cần thiết biểu lộ:

Như đoạn:

– **Trương Phi nói:**

Tâm tự thất, tâm tự thất

Ý như si, ý như si

Ngâm: Lạc lạc cô tình (*buồn cha chả là buồn*) chỉ tự bi

Hàn châm tiêu tác dạ thanh trì

Nghe ngựa hí

Hốt vắn Hồ mã tê phong cấp

Không sử anh hùng lệ mấn y.

Nói:

Nhớ trưởng ca lụy nhỏ lâm ly

(còn) Tướng Tào Tặc (à! à! Tào Tặc!) tâm ba đảng đảng

(Từ Hạ Bì thất thủ, huynh đệ ly tán, anh một nơi em một ngả,
Phi thì chiếm cứ Cổ thành này, tích thảo đồn lương cũng đã khá.
Còn ca ca Phi cư trú hà Phương mà tuyệt vô âm tín? Răng mà)

– Tin tức một ngày một vắng

(Phi nghe người thì nói ở Nhữ Nam, kẻ thì đồn qua Hà Bắc.
Chữ Phi biết mớ mà tìm? Thôi, thôi)

Huyền truyền nửa thực nửa hư

(ấy là phân trưởng ca Phi. Còn như nhị ca Phi thì:)

Thừa Hạ Bì phò nhị tẩu xa

(nhưng Phi có nghe đã)

Đầu Tào Tháo

(Đầu Tào Tháo! Thế là:)

Phụ tam nhân ước (rồi)

(Phi nghĩ lại như nhị ca Phi là nhất trang nghĩa khí, cái thế
anh hùng, có lẽ nào lại manh tâm phụ ước cho đành? Buồn cha
chả là buồn! Quân, rượu đây)

Bài khai nhất chước (đặng ta) giải phá thiên sầu

(chẳng biết nhị ca Phi)

Đầu...! Đầu...! Đầu...!

(là đầu làm sao chứ)

(thương hại cho trưởng ca Phi)

Khổ...! Khổ...! Khổ...! (hà)

Ngâm:

Nhất nhận hoành phi vãn tế lộ

(còn một mình Phi đây)

Cô đăng trường chiếu nguyệt biên thành

(Chữ Phi nghĩ lại: Có lẽ nhị ca Phi quy thuận cùng Tào, chẳng
qua quyền giả nhất thời chi dụng đó mà thôi, ờ.. ờ... quyền: phải,
thuận: phải)

Anh hùng tư hữu quyền nghi xứ

(Say rồi ngủ, ngủ rồi dậy)

(Bớ Sầm, Lãng: Ta nghe nhị ca ta đầu Tào Tặc, Tào Tặc nó hậu đãi nhị ca ta lắm? Có hay không?)

– **Sầm Lãng nói:**

(Dạ có, chúng con nghe rằng Tào tặc rất trọng đãi Quan hầu: Thượng mã đề kim, hạ mã đề ngân, tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến)

– Trương Phi nói:

(Bay nghe rằng Tào Tặc nó rất trọng đãi nhị ca ta? Thượng mã đề? Hạ mã đề?... Tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến.... yến, yến!! ầm, ầm! Ầi, ải, ải!!)

Ngắm tiếp:

Khả hậu đồ vong thủ túc tình!

(ngâm rồi lại ngủ)

Quân báo:

(Dạ, dạ) Hữu xa mã đáo thành

Xưng Quan hầu nhập yết

(Quân báo đến 3 lần Phi mới thức dậy)

– Trương Phi nói:

(Ồ quân, bay thưa rằng Quan hầu nhập yết?... nhập yết ... Ầi, ải!)

Tâm như hỏa liệt hỏa liệt

Nhĩ tợ lời oanh lời oanh

(Và chằng Quan hầu bội ngô ca trưởng, hàng Tào lập công. Phi hơi vậy chớ:)

Hà sự đáo ngả thành

(thôi thôi) Tất kỳ trung hữu trá

(Chư tướng) Tựu trưởng tiền thính lệnh:

Truyền chinh tu binh mã

Cấp bố liệt can qua (nghe)

(Trương cởi áo ngoài ném cho Sầm, Lãng chụp lấy xà mâu, nói tiếp)

Ầu là Huy xà mâu sát bi oan gia

(bớ Quan hầu ta nói thiệt)

Huyền thủ cấp báo ngô ca trưởng

(Cổ Thành Hội)

Trong tuồng Hộ Sanh Đoàn nhân vật Tiết Nghĩa đã tự thuật cuộc đời mình theo lối kể:

– Tiết Nghĩa: *Ừ, vậy chớ bay có biết ta xuất thân là chi không?*

– Quân hầu: *Bẩm cụ lớn, có phải xuất thân từ khoa mục không ạ?*

– Tiết Nghĩa: *Đâu phải*

– Quân hầu: *Hay là cụ ông làm quan rồi cụ lớn noi theo cái đức của cụ ông ạ?*

– Tiết Nghĩa: *Cũng không phải. Tao xuất thân là cu ly. Ông già tao khá hơn cu ly một tí mà thôi. Để tao kể chuyện cho bay nghe: ngày trước tao có bị cái tội chơi chơi chi đó, đức lệnh Võ Hầu truyền xử trảm cả hai vợ chồng tao. Vừa mới đem ra pháp trường quý quyết tử tế, ai ngờ có một thằng đầu tóc vàng như lông bò ghé, miệng nhọn như mỏ gà cổ, tên nó là Tiết Cương, nó ở đâu xách búa chạy tới, say đã vui đi. Nó nghe tiếng tao giàu, có ý tới cứu để kiếm tiền, lại thấy bà bay mặt mày son sè nó cũng muốn theo tò vè chơi. Nó mới phá vòng quân cứu tao ra. Tao thấy cái thằng bụng dạ không nên đáng, tao không cho nó một đồng kẽm nữa lợ. Rồi nó giận tao, nó đi mất. Đến sau xảy ra cái vụ “náo loạn đêm rằm tháng giêng”, tao mới đi tùy phái cùng quan Tán Võ, tên là Võ Tam Tư, bây giờ là Nguyễn Soái đó, rồi tao được thăng luôn, năm thăng một trật, năm thăng hai trật, có năm ở nhà nằm ngủ cũng thăng luôn ba bốn trật. Năm ngoài tao bán ruộng hương hỏa tao lo ra đây, mới dựng sung sướng làm vậy chớ, còn cái việc ăn chơi của tao, nói cho phải:*

Nghề săn bắn mỗi lần mỗi trúng

Việc thơ bài một chút một hay.

Tao ít làm thơ, một hai khi làm thơ tức cảnh mà chơi thôi. Làm ra, các quan ai cũng cho là được. Người ta nói tao ít học mà có tài. Ở bay, vậy chớ bà bay đã dậy chưa?

(Hộ Sanh Đoàn)

Văn xuôi trong hường không có luật lệ. Cho nên các nghệ sĩ diễn tuồng có thể dựa theo ý mà nói cho thông suốt, không cần phải thuộc lòng y như nguyên bản.

III. TÁN

Định nghĩa

Trước hoặc giữa các câu hát (hát nam hay ngâm) đôi khi tác giả thêm vài câu nói bằng chữ Hán để phụ họa với các câu hát và để cho ý tứ thêm dồi dào và sáng tỏ hơn. Các câu nói bằng chữ Hán hay chữ Nôm ấy gọi là câu Tán và thường đặt theo lối thi (thất ngôn hay ngũ ngôn) hoặc theo lối phú (song quan hay cách cú).

Ví dụ: theo lối ngũ ngôn

– Đắc Kỳ: tán... Hà...

Đạm đạm trường giang thủy

Du du viễn khách tình

(Uý phụ thân ơi, mần rằng mà con nhớ mẹ con lắm, mẹ, mẹ ơi...!)

Nữ tử hữu hành, oán biệt hốt kinh thiên lý ngoại

Hương quan hà xứ, dạ chung tàn nguyệt nhận quy thanh

Nam: Nhận quy thanh dục tình ly biệt (*như tôi chờ chờ*)

Oan trái này dễ biết vì đâu?

(*Trầm Hương Các*)

Trong Vạn Bửu Trình Tường, hồi Hoa trì mộng:

– *Xương Dương tán:*

Hồi đầu bất nhãn khứ

Dục kiến hoàn vô nhân

Thế gian giáp tý hồn bất giác

Mộng lý yêu ba hư tự sản

Nam xướng:

Mịt mù khói tỏa non xuân

Bơ vơ gót ngọc ngập ngừng giọt châu

Biết về đâu mây sâu nước chảy

Vội vội nhìn cách mấy sơn khê

Hoặc:

– *Kim anh Tử tán:*

Biệt quyết tình nan giải

Hàm bôi lụy ám thù

Nhứt đản tư thân sầu khiển quyển

Tồn tình hoài biệt bộ trừ trì

Nam: Xót xa thay lúc lâm kỳ
Tình kia hiểu nợ lắm ghi một lòng.

Trong Diễn Võ Đình có 2 đoạn:

Đoạn 1:

Vương Quý tán:
Vinh suy vô định tại
Tán tự vật quan hoài
Tráng sĩ đăng trình hành sắc thảm
Kiều nhi tống biệt khóc thanh ai

Nam: Khuyên đừng thờ vắn than dài
Khuyên con lui gót, khuyên người lên yên.

Và đoạn 2:

– Khánh Sanh tán:
Cô hồng thiên viễn cận
Sắt mã lộ tây đông
(chị nữa) Kíp lần dò diều tích hồ trung
Mau lánh chốn long đàm hổ huyết

Nam:
Lánh chốn long đàm hổ huyết
Bước lạc loài sương tuyết nài bao
(*Em ơi! Á thương hại*) Giọt ly dầm dã chinh bào
Rừng thu gió thét ào ào (*em*) biết đâu?
(*đường sá lạ lùng, cha chả!*)

Tán: Thê thê thu sắc nợ
Lạc lạc dữ hoài cô
Chinh chiến kỷ nhân hồi, túy ngọa sa trường quân mạc tiểu
(*chừ tôi biết đi đường nào đây*)

Hương quan hà xứ thị, yên ba giang thượng xử nhân sầu:

Nam: Chút thân liễu gởi cung dâu
(hò họ) Đố con lương mã biết đâu là nhà?

Trong Khuê Các Anh Hùng có đoạn:

– Chánh cung:

Tán: (Ân nhân ơi!)

Thủy khuê hoa lưu trường ảo nào
Sinh ly tử biệt trọng quan hoài
Thông thông thượng mã biệt quân khứ
Cô nhận nhất thanh thiên ngoại lai

Nam: Dư sinh còn đội ơn người

Đài mây dốc tạc, muôn đời rạng danh

– Khắc Minh:

Tán: Tu thượng mã, tu thượng mã
Cấp đăng trình, cấp đăng trình
Huyền cấp vô khả sử (thôi đừng khóc nữa)
Ly biệt bất thăng tình.

Nam: Khuyên con nhẹ bước trường chinh
Vuốt gan ai oán, mở vành gian nguy

Đồng hát nam: Nỗi biệt ly, kẻ đi người ở
Dứt ân tình lên ngựa lui chân.

Trong tuồng Ngũ Hồ Bình Tây, hồi thứ nhì, Định Thanh sau khi ngâm hai câu:

Chi đầu liễu lượng diều thanh đê
Bán hướng u sầu tỉnh phục mê

Ngừng để tán:

(Đã biết rằng)

Giang sơn tín mỹ (nhưng mà) phi ngô thổ

(Bối rứa cho nên)

Hoài cộ du du nhất phiến tâm

Rồi tiếp tục ngâm

Cố quốc bồi hồi thiên lý nguyệt
Cừu gia trù tướng ngũ canh kê

Tán mà dùng chữ Nôm thì như trong tuồng Tân Dã Đồn, lớp 3, lúc Tào Nhân bị Triệu Vân đánh bại chạy gặp vợ chồng ông chài đang kéo lưới vừa hát nam vừa tán hai câu thất ngôn và một câu song quan.

– **Ông chài nói:** Lách ngọn chèo đủng đỉnh sông tương
Gieo tay lưới nghêu ngao dòng bích

Nam xuân: Dòng bích mù chèo tôi thả
Nước vừa chùng tầm cá le the

Mụ chài: (Ồi ông chài ơi tôi có nghe thiên hạ người ta nói rằng:
Tử phi ngư, yên tử ngư phi lạc)

Nam xuân: Cái xuống đáy nước xo xe
(vì chẳng khác như vợ chồng ta đó ông à)

Trăng lau mền thú ngư bề lợi danh

Ông chài:

Tán: Yêu cảnh vẽ vờ trăng đại khối
Giang hồ lai láng đất ngư ông
Nước lên rồng mặc thế pháp phòng
Thuyền trôi nổi dẫu ta thông thả

Nam: Thông thả cười mây cột nước
Một chữ nhàn nửa bước nửa duyên.

Qua các bản tuồng hát bội Bình Định chúng tôi nhận thấy hai điệu hường và tán có các thể văn trái ngược với hai điệu hường và tán được giảng giải trong bộ “Việt Nam Văn Học Sử Yếu” (trang 159) của nhà văn học Dương Quảng Hàm.

Theo cụ Dương thì:

Cách nói: 1) Cách nói có 2 điệu

a. Hường là những câu chính, thét to, đặt theo thể nói lối

b. Tán là những câu phụ, để đệm xuống dưới những câu hường cho ý được liên tiếp, cần xát, bởi thế cũng gọi là “hàn”. Những câu này nói nhỏ và đặt theo thể văn xuôi, dài ngắn tùy ý.

Nhà nghiên cứu Hoàng Châu Ký trong cuốn Tuồng Cổ (nhà xuất bản Văn Hóa Hà Nội 1978) cũng đã viết: “Ngoài **biển văn trong kịch bản tuồng cổ còn dùng khá nhiều câu văn xuôi** trong các **điệu tán** “kể” và những câu, những chữ trong hình thức “hường” của nghệ thuật biểu diễn văn xuôi này đều là chữ Nôm (trang 55). Tuy nhiên ông cũng đồng ý:

“Văn xuôi ở đây được sử dụng trong hai hình thức “hường” và “kể” của nghệ thuật biểu diễn (trang 58).

Và Trong một “sấp hát nam” để tình cảm nhân vật được phát triển đầy đủ hơn, kịch tác gia thường cho xen vào giữa câu thứ nhất và câu thứ hai một cặp hay hai cặp biên ngẫu gọi là “tán nam”. Như vậy thì quả thực là điệu hường dùng văn xuôi và tán dùng văn biên ngẫu hoặc thi.

Trong tuồng San Hậu (Trong sách Tuồng Cổ của ông Hoàng Châu Ký) có rất nhiều đoạn văn xuôi và thỉnh thoảng có đoạn có ghi chữ tán. Tuy nhiên trong đó có một đoạn rất đúng thể thức:

– **Nguyệt Hạo:**

Nam: Đạo Phật non tiên chứ mỗ
 Tám lòng thành sở mộ nào người

Tán: Hà thời phân thuyết nhân tình tận
 Nhất nhật công phu nhất nhật nan
 Gươm thần đã dứt dây oan
 Sự đời đặc thể biến ham sự đời (*trung 231*)

Giữa hai câu song thất có chen vào 2 câu thất ngôn. Đó là một hình thức đặc biệt của tán.

Trong các bản tuồng cổ như San Hậu có đoạn:

– **Tử Trình nói:**

 Nếu chẳng ngay cùng chúa
 Sao cho phải đạo tôi

(Bẩm lệnh bà, phải kẻ hạ thần có tài chinh đông phạt bắc thì nói mần chi. Việc ấy kẻ hạ thần xem cũng dặng chó, kẻ hạ thần chỉ là quyền yếm hoạn chi chức, biết lo rằng dặng, lại cho có lo đi nữa cũng ví chẳng khác)

Tán: Đại mộc lưu giang bất dắc hồi cố
 Nhất thẳng khả duy đại hạ cho đăng (1)

Đồng thời trong tuồng Tam Nữ Đồ Vương lớp Tư Thất Tư Cung có đoạn:

– **Tư Cung:**

Hát nam: Lặn lội nài bao sương tuyết

(Thương hại tôi đi đâu bây giờ)
 Cõi Phật nhìn đâu biết là đâu?

Tán:

Thế cuộc như kỳ, thuyết đảo doanh thâu thành chuyển nhản

Ngã tâm phi thạch, cử kham ly biệt bất hồi đầu

Hát nam:

Phủ tay một áng công hầu

(*Thương hại tôi, nay bỏ nhà đi tu thế này*)

Nhả mùi ngon ngọt nuốt sâu chia ly

Bước quy y, từ bi xin chứng

Trước sau nguyên giữ vững lòng son.

Hoặc:

– **Xuân Hương:**

Hát nam: Hạt sấu lọt đợt cành mai

Bơ vơ chiếc nhận lạc loài kêu sương

Tán: Thủy khứ hoa lưu trường ảo nảo

Sinh ly tử biệt trọng quan hoài

Thông thông thương mã biệt quân khứ

Cô nhận nhất thanh thiên ngoại lai

Hát nam: Dư sinh còn đội ơn người

Đài mây dốc tạc muôn đời rạng danh.

Như vậy, qua các bản tuồng cổ như Sơn Hậu, Tam nữ Đồ Vương thì các điệu hường và tán so với các bản tuồng hát bội Bình Định không có gì sai khác.

◇ CÁC ĐIẾU HÁT

Các điệu hát có thể chia làm 3 loại: Điệu nam, điệu bắc và các điệu vật.

Điệu nam chỉ dùng văn thể lục bát, song thất lục bát, là những thể văn thuần túy Việt Nam. Còn các điệu bắc dùng văn thể thi và phú là những thể văn phỏng theo các lối Đường thi và Đường phú của Trung hoa.

I. ĐIẾU NAM

Định nghĩa

Điệu hát nam, cũng gọi là hát văn. Trong các vở tuồng bằng chữ Nôm khi một vai tuồng hát nam thì tác giả thường để “văn

viết". Theo Việt Nam tự điển của Hội Khai Trí Tiến Đức thì chữ văn nghĩa là câu hát có giọng buồn: hát văn, câu văn.

Điệu nam thường dùng lúc ly biệt để tả tình duyên quyến luyến, nỗi đau thương của những kẻ phải chia ly. Khi khởi sự đi đâu, trong lúc đi đường, trong khi du ngoạn hoặc lúc gặp việc gì khoan khoái, thích thú thì dùng điệu hát nam để diễn tả tình cảm mình, tâm sự mình, cảnh vật chung quanh mình.

Tùy theo tâm trạng và hoàn cảnh của vai tuồng, giọng hát nam, khi thì ai oán bi thương nên được mang tên gọi là nam thương, hay nam ai.

Khi thì vui tươi hơn hởi như cảnh mùa xuân, lòng người đang xuân nên gọi là nam xuân.

Kể anh hùng chí khí khi gặp cảnh ngộ buồn sầu đành rành không thể hát giọng nam xuân mà cũng không dùng giọng bi thảm nam ai vì anh hùng tuy sầu nhưng không rơi lệ nên phải chọn hát giọng buồn nhưng bình thản có tên gọi là nam bình hay nam xuân lụy.

Khi tiễn biệt thì có giọng hát nam biệt hay nam đưa. Khi khẩn cấp vừa chạy vừa hát thì hát giọng nam chạy hay nam tẩu mã. Người nghệ sĩ đóng tuồng ngoài việc rành rỗi các điệu hát còn cần phải hiểu thông suốt vở tuồng, nhân vật tuồng và nhất là nghĩa, nội dung của câu hát.

Cấu trúc

Giọng hát nam thường rất khoan thai, tiếng hát rõ ràng. Hát nam thường phải hát ba câu:

+ Ban đầu là một câu song thất gọi là câu trống. Câu này thường lấy lại mấy tiếng cuối cùng của câu nói lối, câu tán hay câu biệt ở trên.

+ Thứ đến là một câu lục bát gọi là câu mái.

+ Rồi đến câu song thất hoặc câu lục bát nữa cũng được. Hát xong câu này vai tuồng ở sân khấu bước xuống để vào buồng nên gọi là câu hạ.

Một đôi khi giữa câu trống và câu mái xen vào điệu tán gồm một hoặc hai câu biến ngẫu (song quan hoặc cách cú) hoặc hai hay bốn câu thơ ngũ ngôn hay thất ngôn.

Muốn hát nam có thể hát bất cứ ba câu liên tiếp nào trong một tập ngâm như Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm chỉ cần chọn câu đầu là câu song thất. Như ba câu sau:

Thửa trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này
Trống Trường Thành lung lay bóng nguyệt
Khói Cam Toàn mờ mịt thức mây....

Tuy nhiên trong giọng hát nam thường phải bỏ bớt chữ đầu ở vế trên câu song thất thứ nhất, thành thứ vế ấy chỉ còn sáu chữ phân ra ba đơn vị tiết tấu:

Trời đất ... nổi cơn ... gió bụi

Phải bỏ bớt một chữ như vậy để đơn vị tiết tấu đầu tiên chỉ còn hai chữ và có thể hát rất khoan thai. Nếu cứ để đủ ba chữ thì buộc phải hát thúc lại.

Trong tuồng Khuê Các Anh Hùng có nhiều đoạn hát nam đúng cách, xin trích một đoạn:

– *Phương Cơ nói:*

Hoang mang từ phủ tướng
Khẩn cấp hướng Hồng sơn
Ngắm ngàn xanh quày quả dờn chân
Tuôn nội lục xung xăng trời gót

Nam:

Nội lục xung xăng nhẹ trôi
Chí hàng mong giúp hội rồng mây
(nghĩ giận cho đám đình thần)
Thịt đi thầy chạy bởi bởi
Lộc vua ăn uống cột trời để xiêu
Bước nhật biểu lên cao xuống thấp
Cánh học hồng lưới rập mà chi.

(K.C.A.H.)

Đoạn đầu là hai câu song quan ở thể nói, đoạn sau gồm một câu song thất, một câu lục bát rồi một câu song thất. Ở thể hát nam mấy chữ đầu của câu song thất trên bỏ đi một chữ và lập lại các chữ (nội lục xung xăng) của vế sau câu song quan thứ hai.

+ Thêm một ví dụ nữa trong Vạn Bửu Trình Tường

– **Kim Anh nói:**

Ngóng an viện sầu tuôn dưới dưới
Đoàn quan hà thâm đượm với với

(chị nữa) Chỉ thương sơn giục ngựa đề với

Tấm sanh địa gởi thân chờ vậ

Nam:

Sanh địa gởi thân chờ vậ
Bước phong trần túi phận làm trai
Bao giờ bỉ cực thái lai
Vẹn lòng ân oán ra tài kinh luân
Ngút non Tần bợ vợ chiếc nhận

(Ủa này) Hương quan nhìn đoàn đoàn băng khuâng

(Vạn Bửu Trình Tường)

và trong Liệu Đỗ của cụ Tú Nhon Ân:

– **Thạch Nghị nói:**

Dậm gập ghềnh chân bước liền chân
Gió hiu hát ruột thêm đứt ruột
Chưa tỏ rõ đôi đường sống thác
Những ngại ngừng lăm nổi gian nguy
Nhìn nước non cũng chẳng ngại chi
Trăm sương nắng miễn sao gập dặng

Nam: Gập dặng kéo lòng thương nhớ

Vừa nhớ thương vừa sợ vừa lo

(Buồn cha chả là buồn)

Suối dào mấy dặm quanh co

Tiếng ve góc núi bóng cò lưng mây

(Không biết con tôi đi ngả nào)

Hỏi ai đây trời tây bóng ngả

Vết ngút mù quày quả xuống non.

Đôi khi về đầu của câu song thất có thể bỏ đi hai chữ như:

– **Ngọc Lâm:**

Giả diên cuồng con trở xuống Trường An

Thông tin tức cha thẳng lên Trúc tự

Nam: Trúc tự mau trực chỉ

Quyết ra tài khứ nguy phò chơn

- Phương cơ:

Nam:

Chen vai gánh vác kiền khôn
Miếu đường vật đỡ giang sơn tay bỗng

(K.C.A.H)

Cũng có lúc bỏ luôn về thứ nhất câu song thất mà chỉ lấy về thứ hai như:

- Tử Cung:

Hoán đơn y trực chỉ pháp trường
Khai song phủ cứu lai chánh hậu

Nam:

Ngửa vái trời xin thấu lòng ngay
Xét thân hổ với cao đầy
Phối gan giúp chúa châu mày phụ cha

(K.C.A.H)

Còn như trong câu hát nam có xen vào câu tán như trong tuồng Khuê Các Anh Hùng:

- Bích Hà nói:

Trường tan hợp chiêm bao vừa tỉnh
Nghĩa tứ thầy nước mắt khôn lau
Chín tuổi xa, nổi tứ biết về đâu
Nghìn dặm thẳng, thân cô còn lánh nẻo
Mặt nhìn mặt gan vàng khô héo
Tay chia tay lệ ngọc chứa chan
Một lạy xin hai chữ bình an
Trăm năm quyết đền ơn phủ dục

Nam:

Phủ dục đền ơn sâu dốc báo
Giữ một lòng ngay thảo nào sai

- Xuân Hương:

Nam:

Hạt sầu lọt đợt cành mai
Bơ vơ chiếc nhận lạc loài kêu sương

- Chánh cung:

Tán: Ân nhân ơi,

Thủy khứ hoa lưu trường ảo não
Sinh ly tử biệt trọng quan hoài

Thông thông thượng mà biệt quân khứ
Cô nhận nhất thanh thiên ngoại lai

Nam:

Dư sinh còn đội ơn người
Đài mây dốc tạc, muôn đời rạng danh

– Khắc Minh:

Tán:

Tu thượng mã, tu thượng mã
Cấp đẳng trình, cấp đẳng trình
Huyền cấp vô khả sử
(thôi đừng khóc nữa)
Ly biệt bất thăng tình

Nam:

Khuyên con nhẹ bước trường chinh
Vuốt gan ai oán, mở vành gian nguy

Đồng hát nam:

Nỗi biệt ly kẻ đi người ở
Dứt ân tình lên ngựa lui chân

(K.C.A.H)

Đoạn đầu 4 câu song quan thuộc nói lối, tiếp theo vào điệu nam (câu trống) bằng một câu song thất, bỏ mất một chữ đầu còn 6 chữ. Câu này chữ vẽ đầu lấy lại hai tiếng (phủ dục) của câu chót đoạn nói lối. Kế đến câu hát nam lục bát (Xuân Hương) là câu mái. Rồi (Chánh cung) tán bằng một bài thất ngôn tứ tuyệt và hát nam câu mái. Tiếp đến (Khắc Minh) cũng tán bằng hai câu song quan rồi hát nam. (câu mái).

Sau cùng cả đoàn cùng đồng hát nam câu song thất (câu hạ) để rồi vào buông.

Về giọng thì câu trống có giọng hát vuốt lên nên dùng song thất để có vần cước và vần yêu tiếng trắc.

Câu mái giọng hát êm ái, thông dong nên dùng lục bát.

Riêng câu hạ thì song thất cũng được mà lục bát cũng được. Đó là câu kết của mỗi hồi hoặc vở tuồng.

❖ **Qui tắc tạo thành một điệu hát nam**

Một điệu hát nam gồm có 3 câu gọi là một “sắp”

Câu đầu là câu dương tiếng nhà nghề gọi là câu trống. Giọng của câu trống phải vượt lên ở chữ cuối về đầu hợp với vần trắc của câu. Cho nên câu trống bao giờ cũng là một câu song thất. Cốt yếu là vần cuối câu là tiếng trắc. Về đầu câu song thất có thể bỏ bớt đi một chữ đầu để đơn vị tiết tấu đầu tiên chỉ còn có hai chữ, như thế câu hát được khoan thai hơn. Tuy nhiên không bớt chữ đầu cũng được. Vì bớt 1 chữ đầu nên có người lầm tưởng đây là hình thức biến thể của lục bát. Sự thực không phải vậy, biến thể của lục bát chỉ thay đổi trong cách hiệp vần chứ không có việc đổi vần bằng ra vần trắc ở cuối câu sáu.

Câu thứ hai là một câu lục bát, tiếng nhà nghề gọi là câu mái. Giọng hát của câu mái êm đềm hòa dịu nhờ ở âm điệu của câu thơ lục bát. Nhất là nhờ ở các vần bằng cuối mỗi câu.

Câu thứ ba là một câu song thất cũng gọi là câu trống. Nếu câu trống nằm ở cuối một lớp, một hồi thì có thêm một tên nữa là câu hạ. Tuy nhiên nếu là một câu mái cũng vẫn có tên là câu hạ. Thường thì câu hạ hay dùng câu trống.

Xen vào giữa một “sấp nam” còn có một câu tán. Câu tán là một câu thơ thất ngôn, ngũ ngôn hoặc 1 câu phú (song quan hay cách cú) thường viết bằng chữ Hán, đôi khi cũng bằng chữ Nôm.

Một điệu hát nam đủ khổ là thế, Tuy nhiên trong việc diễn tả thì vì nhu cầu nghệ thuật nên có nhiều đoạn dùng “thiếu khổ” hoặc “dư khổ” cốt để phù hợp với trạng thái và tâm lý nhân vật.

Đây là một đoạn hát nam “đủ khổ”:

– *Hồn Giã thị*:

Nam: Sinh tử trọn lời tín thệ
Một chữ tình chẳng nệ u minh
Vì ai nên nổi tan tành
(*Bớ Ân Thọ này! Tao đây*)
Thù ghi bể Sở oán dành sông Tương.
Hóa một trường chôn hương lấp ngọc
Vội hỏi người kết tóc là đâu.

(Nguyễn Hiền Đình thêm vào tuồng Trầm Hương Cúc)

và “dư khổ” thì như:

Khi hát nam kết hợp với hát khách thì thường chỉ dùng câu mái (nghĩa là lục bát) như trong tuồng “Cổ Thành Hội”, đoạn đầu:

Trương Liêu:

Nam:

Bạt thiệp nài chi viễn lộ
Dốc viên tròn tình củn xưa
Một tay kinh tế có thừa
Giao long lống đợi mây mưa những ngày
Quan thành phút đã gần đây
Mau mau tới đó tỏ bày sự do

(Câu trống cuối được đổi bằng câu mái)

Trong một sắp nam thường chen vào một câu tán như vờ Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan, hồi Quá Quan, hồn Giả thị hát:

Nam:

Sĩ tía tỏ lời sinh tử
Kể khôn cùng để sự thê lương

Tán:

Kim dạ cô đình khách
Vô ngôn độc ý lan
(Phu quân ơi! Như em chờ chờ)
Hồn lai phong lâm thanh phiêu phiêu hề di thê
Giang tâm thu nguyệt bạch điệu điệu hề Tương Vương

Nam:

Ăn thù một tấm cưu mang
Bơ vơ chiếc bóng chứa chan giọt sầu
Non thê biển hẹn đầu đầu
Sông Ngân sớm đã đứt cầu song tình.

Trong trường hợp có nhiều nhân vật cùng hát nam xen lẫn vào hát khách và nói thì thường dùng câu lục bát.

Như trong tuồng Cổ Thành Hội đoạn Quá quan:

- Quan Vũ:

Khách: Diêu sơn viễn hải thân như điệp (ca ca ôi)
Bắc thọ nam vân lụy thấp bào

- Nhị tẩu:

Nam xuân: Đồi phen đội nguyệt đeo sao
Ân tình dốc vện gian lao để nài

- Quan Vũ:

Khách:

Thế sự hưng suy vô định cuộc
Nhân sinh tán tụ vật quan hoài.

Nhưng đôi khi vẫn sử dụng câu song thất. Như trong tuồng Trầm Hương Các đoạn Hoàng Phi Hổ cùng 4 tướng ra Giới bài quan:

Phi Hổ:.....

Truyền các em tiến Giới bài quan
Khoan khoan phát cờ sâm
Từ từ ra ải nhận

Nam:

Ải nhận từ từ gió vọt
Gấm sự tình chua xót đời cơn

– **Bốn tướng:** (Thưa đại ca! Như anh em ta nay)

Khách: Triều Tấn, mộ Tấn khởi hiệu thứ thất phu chi xứ hạnh

Nam Hổ, bắc Việt chi vi tha hôn chúa chi sinh đoan

– **Phi Hổ:**

Nam:

Vì ai chia rẽ đôi đường
Tam cang chẳng trọn, ngũ thương lại vong

– **Bốn tướng**

Khách: Tử chỉ hiếu, thần chỉ trung, bản cụ dân di, khởi thị hôn nhi võng giắc.

Phụ bất từ, quân bất chính, hốt tao nghịch cảnh tứ linh cầu di tự toàn

– **Phi Hổ:**

Nam: Lụy san san nửa đi nửa ở
Nặng tác lòng vì nợ quân thân
(Trầm Hương Các)

– **Nhị tẩu:**

Nam: Lướt xông giữa cuộc trần ai
Mắt xa vời vời dặm dài bơ vơ

– **Quan Công:**

Khách: Phong võ không lao hổ điệp mộng
Quan hà trù tướng nhận ngư thơ

- Nhị tẩu:

Nam:

*Nhạn chiều chen đám mây thưa
Lời thoi chiếc bóng bơ thờ tiếng kêu.*

(Cổ Thành Hội)

Cũng trong vở Cổ Thành Hội có một đoạn Quan công cùng Nhị tẩu và Tôn Càn hát nam. Trong đoạn hát nam này chứa hầu hết các nguyên tắc về hát nam:

- Quan công (nói)

*(Trời đã tối rồi đây mà)
Đạ sắc mỏng lung bất biện
Sơn tình lý lộ nan hành
(Vô Kỳ Quân)
Truyền quân nhân chinh tức đao binh
Bả đảng chúc hộ tùy xa giá*

Nam xuân

*Đảng chúc hộ tùy xa giá
(Đại ca ơi!)
Cảnh nước bèo rời rã hai phương*

- Nhị tẩu:

Nam: Bao nài đập tuyết dày sương
Ngày dài đã ruỗi đêm trường lại giông

- Tôn Càn:

Nam: Hai vai gánh nặng tang bồng
Anh hùng tiết rỡ giữa vòng gian nguy

- Quân sĩ:

*(Cha chả trời đã tối mà lại mưa! Đi cho mau kẻo trời mưa to
lắm các anh à!)*

- Quan công (tán):

*Tứ hải vô gia khách
Hoàng hoàng dục hà chi*

Quân tử diệc cùng hồ, phong vũ sơn trung như thử dạ (hay cho tôi)

Tự mạng bất tiến hỹ, dinh thu thế cuộc phó vi kỳ.

Nam: Mịt mù ngút tỏa sương che
Vó câu lẩn lữa bành xe gặp ghềnh

– **Nhị tẩu:**

Nam: Chút thân đây dọa đã đành
Chín thương vì nỗi ân tình chưa phôi

– **Tôn Càn:**

Nam: Bao giờ tay đỡ giếng trời
Xua tan mây bạc rạng ngời thức xanh

Đồng nam: Bước cô chinh gập gành xứ lộ
Đoái sơn tiền lối xoắn vân yên

Trong tường Ngũ Hồ Bình Tây hồi thứ hai cánh biệt ly giữa
Địch Thanh và Trại Ba công chúa đã được thể hiện:

– Công chúa Trại Ba nói:

(*Phu quân ơi*)
Chưa lạt rượu giao hoan một chén
Đã xem hình vĩnh biệt ngàn trùng
(*như em chờ*)
Khó theo chân thảo tặc (với) nguyên nhung
Xin soi dạ tư phu thực nữ

Nam:

Soi dạ tư phu thực nữ
Đoạn thâm tình nhất khứ nhất lưu

– **Địch Thanh:**

Nam: Ruột đường đao cắt chín chiều
Sương bay trước mặt, gió hiu bên đường

– **Trại Ba:**

Nam: Cái duyên Chức Nữ Ngưu Lang
Cầu Ô đã bắt lại toan đứt cầu

– **Địch Thanh:**

Nam: Dừng dằng nghĩa trước tình sau
Giây phiền đỏ buộc chuỗi sầu dây mang

– **Trại Ba (nói):**

(*Cáp man*) Truyền Cáp man mở ải
(*Đặng cho ta*) Đưa nguyên soái lên đường
(*Ơi phu quân ơi*) Song lỵ san san
Thốn tâm cảnh cảnh

Hồn ly biệt đường mê đường tỉnh
Gánh chung tình khó dứt khó chia
Cõi Tây Liêu hiểm ác sơn khê

(còn em nghe rằng) Tinh La Hải cao kỳ pháp thuật

– Dịch Thanh (nói):

(Hắn có cao kỳ pháp thuật cũng chẳng làm chi đáng anh, can chi mà em ngại)

– Trại Ba (nói):

(Phu quân ơi) Sợ khó nổi bêu đầu ác tặc

(Mẹ ơi mẹ) Biết ngày nào cho thấy mặt từ nhan

– Dịch Thanh (nói):

(Thôi em để cho anh đi tảo bình Liêu tặc đang som về qui yết từ nhan rồi anh sẽ trở lại Đơn bang).

– Trại Ba (nói):

(Cáp Man đem rượu đây)

Rượu vui vui nâng chúc chén vàng
Chưn rén rén diu đưa bạn ngọc

Hát nam:

Rén rén diu đưa bạn ngọc
(Ơi phu quân ơi)

Kể không cùng chưn tóc kẻ răng

– Dịch Thanh (hát nam):

Anh hùng nước bước còn sẵn

(thôi em ở lại, anh cầu chúc cho em sương sa ba nỡ, mẹ tròn con vuông. Em hãy nín đi, đừng khóc lóc làm chi.)

Đừng đun mảy liễu mà quần dạ lan

Hai người đồng hát nam:

Phân nhau một khúc dương quan
Tây Liêu anh tới, Đơn bang em về

Tuồng Tân Dã Đồn là tác phẩm đầu tay của Đào Tấn có đoạn vợ chồng ông chài hát nam rất đúng điệu:

– Ông chài nói:

(bớ cô chài ơi! chừ ta)

Lách ngọn chèo đủng đỉnh sông Thương

(rồi ta) Gieo tay lưới nghêu ngao giòng bích (cô hè)

Nam: Giòng bích cô chèo tôi thả
Nước chập chừng tằm cá le the

Cô chài nói:

(bớ ông chài ơi tôi nghe rằng)

Phi ngã an tri ngã chi chí
Phi ngư bất tri ngư chi bạc

(kìa kìa ông coi đó mà coi)

Nam: Cá mừng đặng nước xo xe
Trăng lau mển thú ngư bẻ lợi danh

– **Ông chài nói:**

Yên cảnh vẽ vờ tranh đại khối
Giang hồ lai láng đất ngư ông
Nước lên rồng mặc thế pháp phồng
Thuyền trôi nổi dù ta thông thả

Nam: Thông thả cười mây cột nước
Một chữ nhân nửa phúc nửa duyên.

Cũng như trong đoạn ba anh em Lưu, Quan, Trương tiễn Từ Thứ:

– **Từ Thứ (nói):**

Non chập chồng nghĩa chúa
Nước linh láng lòng tôi
Phút gặp gỡ, phút chia phôi
Hay nhân tình, hay thế sự

Nam: Thế sự nhân tình khéo khéo
Vội hỏi người toàn hiếu toàn trung.

– **Lưu, Quan, Trương nói:**

Lộ viễn vân thiên lý
Hồn tiêu tẩu nhất chi

(Ồi quân sư ơi)

Mẫu tử chi tình quân ý nhiệt

Giang Nam cụt ước ngả tâm vi

Đồng nam:

Ngùi ngùi kẻ ở người đi
Tình ly tơ vương chén ly lệ dầm

– **Từ Thử (nam):**

Ngọt cơn sầu cúi đầu từ già
Dục vó lừa quày quả lui chân

Trong tuồng Hoa Trì Mộng hồi 41 trong bộ Vạn Bửu Trình
Tuồng cũng có đoạn Xương Dương giả biệt thầy:

– **Xương Dương nói:**

(Ơi thầy ơi) Tiên Sơn ngật ngật
(còn con đây) Trấn lộ mang mang
(rằng đành thầy ơi chi nữa)

Lãnh tiên thơ gương gạo lên dằng
Mang bảo kiếm lần hồi tìm bạn

Nam: Tìm bạn vắng lời mật giáo
(thầy thầy ơi) Cúi đầu từ tiên đảo đời chân

Tán: Hồi đầu bất nhẫn khứ
Dục kiến hoàn vô nhân

(tôi nghĩ lại dẫu mà) Thế gian giáp tý (đi nữa cũng là)
hồn bất giác (tê mà)

(Còn như bây giờ. Hồi chờ chờ)
Mông lý yên ba, hưu tự sán (hà)

Nam: Mịt mờ ngút tỏa non xuân
(Ái thương hại) Bơ vơ gót ngọc ngập ngừng giọt châu
Biết về đâu mây sâu nước chảy
Vội vội nhìn cách mấy sơn khê.

Trong tuồng Lý Phụng Đình của Nguyễn Trọng Trì, hồi Phụng
Đình bán Lân Tinh cứu Loan Dung thì Thiện Hầu hát nam:

– **Thiện Hầu nói:** Dạm khuya con trở lại tây viên
Ngày mai đến cùng (cha) bàn đại sự

Nam: Đại sự sẽ bàn cận kề
Cảnh đêm này khó vẽ nên tranh

Ngút mây đổi dạng thay hình
Vàng trắng giữ khối bằng thanh mai tròn
Bút phẩm bình khuyển son điểm mực
Gãi việc đời hư thực khó phân
Vì không rửa sạch bọt trần
Ai hay gương cổ trong ngần nước thu.

Trong tuồng Phụng Nghi Đình của Đặng Văn Thám lớp Điều
Thuyền cùng Vương Doãn:

– **Điều Thuyền nói:**

(cha ơi) Ơn cao cả (con) chưa thỏa tình báo bổ
(đến nay) Phận bé thơ (cha) lại gắng sức tài bồi
(trăm lạy cha)

Một lạy xin trả nghĩa tôi đòi
Trăm năm quyết ghi lời dạy dỗ.

Nam: Dạy dỗ ghi lời vàng đá (nhưng mà con sợ lắm cha ơi)

Luống ngậm ngùi ngày hạ đêm đông

– **Vương Doãn nói:**

(Bẩm Thái Sư, như con Điều Thuyền đây là:)

Mừng dâng liềm hà y ngọc thọ

(nhưng mà hầu môn tợ hái.... mà nó còn đại đột lăm)

E còn bỏ liểu khiếp thu phong

Nam: Xin nhờ mở lượng biển sông

(Ồ con ơi, rồi con nhờ cũng tại đó, mà cha được nhờ cũng tại
đó, đó con..)

Mượn tay cân quốc đỡ lòng tu mi

– **Điều Thuyền**

Nam: (Ồi cha ơi) Dặn lòng một bước ra đi

Gió hieu ngọc các xuân đầy trướng môn

– **Đồng Trác nói:**

Ngôn bất tận ngôn
Ý thâm thoát ý

(*Quan Tư đồ*)

Người đã hết lòng ủy ký
Đây nguyên đem dạ bao dung
Tiệc ngọc vừa một buổi vui lòng
(*Thôi ta chào lão quan... này mỹ nhân*)
Đường hoa kíp đồng đoàn đôi bước (hè)

Nam: Hoa kíp đồng đoàn trở bước

(*ta gặp tân nhân đây*) Cùng bởi nhờ nửa phước nửa duyên

Trong tuồng Liệt Đế của cụ Tú Nơn án có đoạn:

– **Ngọc Mai nói:**

Muốn tỏ đường đen trắng

(*cũng vì*) Sợ lộn sắc xanh vàng

(*Gẫm thiên hạ ai cũng vậy*)

Thấy vợ nhỏ thì thương

Được hầu non thì mộ

(*Ồi phu quân ơi!*)

Vì tư chi cổ

Hồ chi hồ trung

Tình làng liú cũng vì tại đó

(*Khiến nên*) Bước gian nan phải lụy đến đây

(*Bớ con đi ngựa kia ơi, mầy*)

Làm cho tao ngậm đắng nuốt cay

(*là*) Tại nơi mầy khoe hình bán dạng

Nam:

Bán dạng vì mầy cắt cổ

Cũng khoe khoan rằng vợ với người

(*như tao chừ đây*) Khóc thì khóc gẫm hổ người

Cười ra nước mắt, gượng cười khôn xong

– **Nữ đồng nói:**

(*Dạ thưa cô*)

Nếu nổi gan sư tử Hà Đông

Thời phạt ý Đàm Huyền cư sỹ

Nhẫn, nhẫn đi mời quý

Hưu, hưu dạng càng hay
Cô mà quyết ra tay

(thì) Thấy ắt nan mở mặt (đó cô)

Nam: Mở mặt với người sao dạng

(nên xin cô đừng giận) Giận mà chi? giận chỉ hư thân!

– **Ngọc Mai (nam):**

(Ồi con ơi, cô cũng biết vậy cho nên cũng lắm khi)

Giận thời giận phải cần rằng

(Bớ con đi ngựa mây hỡi mây! Tao có tha mây đâu? Tao ra chuyển này:)

Móc trông con mắt mới bằng lòng tao.

– **Nữ đồng nam:**

Xưa nay cái sắc ba đào

Bản nhi cũng thích anh hào cũng sa

– **Ngọc Mai nam:**

(Ồi con ơi! như con đi ngựa kia)

Dù cho cá lặn nhận sa

(Nếu so sánh cùng cô đây thời)

Xuân lan thu cúc ai mà kém ai....

II. ĐIỆU BẮC

Các điệu Bắc gồm có: Hát khách, tấu mã, ngâm, biệt, thán, oán, xướng và bạch.

1. Hát khách

Trong các vở tuồng bằng chữ Nôm khi một vai tuồng hát khách tác giả thường đề “loạn viết”. Loạn là một điệu hát tuồng cổ (theo Việt Nam tự điển của Hội khai trí Tiến Đức).

Hát khách thường dùng để kể lại một sự việc gì cho người khác nghe hoặc để đối đáp. Lúc đi đường, du ngoạn, tiệc tùng cũng hát khách để tả cảnh vật, tả tâm tình.

Giọng hát khách cũng chia ra: Khi vui thì hát khách xuân, khi buồn thì hát khách ai, khi hùng hồn như ra trận chiến thì hát

khách chiến, người sắp chết thì hát khách tử, hồn ma hiện về thì hát khách hồn.

Văn thể: Về văn chương thì những câu hát khách dùng lối Đường thi hoặc Đường phú.

Theo ông Tôn Thất Bình trong tạp chí nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật số 3 năm 1987 thì thời vua Minh Mạng có mời Can Cương Hầu, một nghệ nhân kinh kịch của Tàu sang dạy tuồng ở Huế. Ảnh hưởng của tuồng Trung Quốc vào tuồng Huế không thể không lưu dấu vết: Điệu hát khách của tuồng Việt Nam tương truyền là do Can Cương Hầu dạy lại cho nghệ nhân Việt Nam. Do đó hát khách còn gọi là Bắc Xướng.

Đường thi: Dùng Đường thi thì thường chọn nguyên một bài tứ tuyệt (thất ngôn hoặc ngũ ngôn). Đôi khi cũng dùng một bài thất ngôn bát cú. Thường thì hay dùng câu luận hoặc câu trượng (nếu chỉ có 1 câu 2 vế) của 1 bài bát cú (nghĩa là luôn luôn là 1 câu đối nhau).

Đường phú thì thường hay dùng câu cách cú hoặc gối hạc. Câu cách cú gồm hai vế, mỗi vế chia làm hai đoạn. Câu gối hạc cũng gồm hai vế song mỗi vế lại chia làm ba đoạn.

Các câu hát khách phần nhiều đặt bằng chữ Hán. Tuy nhiên cũng có đôi khi viết chữ Nôm.

Những thí dụ về các câu hát khách:

a. Đường thi

– Tả cảnh Lộ tả yêu đào hoa chúc chúc

Mạch sâu dương liễu sắc thanh thanh

(Bên đường hoa đào nở chơi chơi)

Đầu ngõ cành liễu sắc xanh xanh)

(Trâm Hương Các)

– Tả tình

Biệt hận chuyển thâm hà xứ tả

Sầu tâm nhất bội trường ly ưu

(Mối hận vì ly biệt càng sâu, chỗ nào tả được

Lòng sầu thêm bội lại lo vì phải xa nhau lâu)

(Trâm Hương Các)

– Tả cảnh lần tình:

Lãnh thọ trùng già thiên lý mục
Giang lưu khúc tợ cứu hồi trường
*(Cây trên núi che phủ con mắt trông ngàn dặm
Dòng sông uốn khúc tợ như ruột quanh chín lần)*
(Trầm Hương Các)

Bài thất ngôn tứ tuyệt:

– Văn Trung Tử nói:

Bả từng chi trực xuất vân yêu
(đặng mà) Hiền phong lộ trứ tha quĩ mị *(thôi ma)*
*(Cần nhanh từng ra khỏi chỗ mây khói
Dem dăng nhà vua để trit loại yêu quái)*

Hát khách:

Mang hài võ phục án vân đoan
Vọng vọng quan hà vạn lý khoan
Hảo bả từng chi lai kim khuyết
Từ khan bửu kiếm khứ yêu gian
*(Đi giày gai mặc áo bông cỡi máy lướt trên muôn dặm núi
sông, để đem cái gươm bằng nhánh từng dăng nơi cửa khuyết
đặng trư yêu tinh)*

b. Phú thi: Câu phú cách cú

Phú cách cú là một lối đặt câu gồm hai vế. Mỗi vế chia làm hai đoạn, một đoạn ngắn một đoạn dài, có thể ngắn trước dài sau hoặc dài trước ngắn sau. Cách cú khác với song quan là song quan không chia đoạn, đặt thành một đoạn liền và số chữ có giới hạn từ 6 chữ đến 9 chữ.

Hát khách dùng lối phú cách cú rất nhiều trong các bản tuồng Bình Định

Trong tuồng Trầm Hương Các, Phật Tổ đã hát khách câu cách cú:

(Đát Kỷ) Ái nể tiền căn liên hoa hạ tư hương hiến phật
(ai ngờ) Đốn sanh trần niệm bửu đặng tiên vì tiểu niệm hoa
(Ta thương con kiếp trước đã từng dâng hoa cúng phật dưới tòa sen)

Ngờ đâu con sanh lòng trần niệm, trước bóng đèn lại mỉm cười với hoa)

Câu cách cú này có 2 vế. *Vế trên* có 2 đoạn. Đoạn thứ nhất: Từ “ái nể” đến “tiền căn” có 2 đơn vị tiết tấu, chữ cuối cùng của hai đơn vị là tiếng trắc rồi bằng (nể – căn).

Đoạn thứ hai có 3 đơn vị tiết tấu từ “liên hoa hạ” đến “tư hương/hiền phật”. Chữ cuối của mỗi đơn vị lần lượt là trắc, bằng, trắc (hạ, hương, phật)

Về dưới cũng có hai đoạn:

Đoạn thứ nhất: “Đốn sanh... trần niệm” có 2 đơn vị tiết tấu, chữ cuối của hai đơn vị là bằng và trắc (sanh, niệm).

Đoạn thứ nhì: “biểu đẳng ... tiên vi tiểu... niêm hoa” có 3 đơn vị tiết tấu. Chữ cuối của mỗi đơn vị lần lượt là bằng, trắc, bằng (đẳng, tiểu, hoa).

Trong tuồng Hộ Sanh Đoàn, Tiết Cương và Lan Anh bị Tam Tư đuổi đánh đã hát khách:

– **Tiết Cương nói:**

(Ồ lâu la, lâu la)

Liệt đao thương tức tốc bài khai

(Đi, ó lâu la đi, ôi chán chán ôi...)

Tai ương bảo như hà bảo hộ

Tâm thậm khổ, tâm thậm khổ

(Ta biết tính sao đây, ó em, này này)

Kế tại tư, kế tại tư

Hát khách: Như thử lâm cô (*em em ơi*) hoài thai dựng khanh tu viễn tỵ (*Đến nước thế này bụng mạnh mẽnh em nên xa lánh*)

Lan Anh: (Ôi phu quân ôi)

– Khách: Lân quân bảo dạng (*Hồ nô, Tiết Giao đây*) hộ di cô thiếp nguyện để huê (*Thương chàng mang bệnh, cháu mô cói em nguyện mang theo*)

(Trống giục, quân reo)

– **Tiết Cương** (Trời hồi trời)

Khách: Đại chúng mạn di

(Đi ó em đi, để mặc anh, họ họ, phen này)

đề thiết phủ giải khai trận thế

– Lan Anh: *(Em rằng đi cho đành, phu quân ơi!)*

Khách: Dữ quân sinh tử *(Hồ Nô kiếm mã đây)*

Thượng điều an phá bỉ trùng vi

Trong lớp này Tiết Cương và Lan Anh đã cùng hát một câu cách cú (mỗi người mỗi vế) cốt để diễn tả cảnh và lòng khắng khít của đôi vợ chồng hoạn nạn với nhau.

Câu phú gối hạc

Câu phú gối hạc là một lối đặt câu có hai vế bằng nhau. Mỗi vế chia làm 3 đoạn hoặc nhiều hơn. Đoạn giữa thường ngắt xen vào hai đoạn kia như cái đầu gối ở giữa hai ống chân của con hạc (nên có tên hạc tất).

Trong tuồng Phong Thần, hồi thứ ba, hồn Giã thị hát khách câu phú hạc tất:

Tặc tướng di thừa cơ, dạ nhập cô đình, phục giáng thiên sài mưu sát hại;

Lương nhân tu kiến lượng, thiếp xưng Giã thị, kỳ vân giá vô sạ lai lâm.

(Tướng giặc đã thừa cơ, dìm vào đình vắng, núp hai bên đốt lửa để mưu giết hại; Lương nhân nên suy xét, thiếp là Giã thị, cỡi mây gác mưa chợt lại đây).

Vế trên có 3 đoạn:

Đoạn thứ nhất: “Tặc tướng di thừa cơ” có hai đơn vị tiết tấu mà các chữ cuối là “tướng, cơ” đối thanh trắc, bằng.

Đoạn thứ nhì: “Dạ nhập cô đình” có 2 đơn vị tiết tấu mà các chữ cuối “nhập, đình” đối thanh trắc, bằng.

Đoạn thứ ba: “Phục giáng thiên sài mưu sát hại” có 3 đơn vị tiết tấu mà các chữ cuối cùng “giáp, sài, hại” đối thanh (trắc, bằng, trắc).

Vế dưới cũng được chia làm 3 đoạn và các chữ cuối trong 3 đoạn đều đối thanh. Vế này âm luật đối với vế trên. Khi vế trên có chữ cuối của mỗi đoạn là trắc thì vế dưới phải là bằng.

Trong tuồng Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan cùng 4 tướng đánh bại Trụ Vương ra đi đã hát khách thể gối hạc:

– **Phi Hổ nam:** Ài nhận từ từ gió vọt
Gẫm sự tình chua xót đời con

– Bốn tướng: *(thưa đại ca, như anh em ta nay)*

Khách: Triều Tấn, mộ Tấn khởi hiệu thử thất phu chi xá hạnh.

Nam Hồ bắc Việt, chỉ vì tha hôn chúa chi sinh đoan *(Sớm ở Tấn, chiều ở Tần, nào có bất chước cái thói xấu của những kẻ đo)*

(Nam ở Hồ, bắc ở Việt, chỉ vì do hôn chúa mà sinh ra)

– **Phi Hổ nam:** Vì ai chia xẻ đôi đường
Tam cang chẳng trọn ngũ thường lại vong

– **Bốn tướng khách:**

Từ chi hiếu, thần chi trung, bản cụ dân di, khởi thị hôn nhi vãng giác.

Phụ bất từ, quân bất chính, hốt tào nghịch cảnh, tri linh cầu dĩ tự toàn.

(Con dốc thảo, tôi dốc ngay, vốn sẵn tính trời, đâu phải mưu lừa mà chẳng biết).

(Cha chẳng lành, vua chẳng chính, rủi gặp cảnh nghịch xui nên lây lất phải cam đành)

– **Phi Hổ nam:** Lụy san san nửa đi nửa ở
Nặng tất lòng vì nợ quân thân...

Cũng trong tuồng này lớp nơi cổ miếu hôn Giả thị đã gặp Hoàng Phi Hổ:

– **Hôn Giả thị nói:** Phi yêu quái, phi yêu quái
Vật hồ nghi, vật hồ nghi
Cơ quan chân khẩn cấp
Báo bạch đặc tương tai.

(Không phải yêu quái, xin chớ hồ nghi, có chuyện rất gấp, báo tin cho biết)

– **Phi Hổ:** *(thuyết lai)*

– **Hôn Giả thị:** Khách

Tứ biệt sinh ly, hứa cầu tương tri đồ trưởng vọng

(Kẻ chết thì đã mất, người sống lại chia lìa thế nhưng mong mỗi tương tri mãi mãi)

– **Phi Hồ:** *(vậy chớ)*

Khách: Dạ thâm nhân tịnh hà do đáo thử tốc trần minh (Đêm khuya người vắng do can cứ gì đến đây hãy mau trình bày tỏ rõ)

– **Hồn Giả thị khách:**

Thiếp khởi vong tình, kỷ độ xuân phong không đối hận

(Thiếp há quên tình, bao độ gió xuân mang theo bao nỗi hận)

– **Hồn Giả thị:** *(Khốn lắm Nguyên Nhung ơi)*

Khách: Tặc tướng dĩ thừa cơ, dạ nhập cô đình, phục giáp thiếu sài mưu sát hại

(Tướng giặc nhân đêm vào lên vào phục kích, đốt lửa để mưu sát hại)

– **Phi hồ:** *(Vậy chớ người là ai hử?)*

– **Hồn Giả thị:** *(thưa thưa)*

Khách: Lương nhân tu kiến lượng, thiếp xưng Giả thị, đằng vân giá võ sạ lai lâm.

(Chàng hãy mau định liệu, thiếp là Giả thị, đạp mây cỡi mưa mà đến đây)

– **Phi Hồ:** *(Ủa này Giả thị phu nhân, ha ha)*

Khách: *Thậm ủy ngô tâm (quăng cây gương ôm hôn)*

thùy thức cứu nguyên do khả tích.

(Lòng ta được an ủi biết bao, ai hiểu được người chín tuổi vẫn nhớ người còn sống)

[Hồn lại hiện Hồ lại ôm]

Ná kham kim tịch *(lại không thấy hôn)*

không thành nhất mộng tự hàm sầu.

(Đêm nay là đêm gì bỗng hóa thành giấc mộng tự ngậm lấy sầu)

– **Hồn Giả thị:** *(nhưng rửa mà)*

Khách: Nhân quỷ thù đồ, tiểu tụy khuốc tu lang,

(phu quân ơi) quan tái mang mang hỗn độc phản

(Người và quý hai ngā khác nhau, thiếp đau lòng từ giã chàng, quan tái mang mang hỗn đơn chiếc trở lại)

– Phi Hổ: (Phu nhân ơi! như anh chứ):

Khách: Anh hùng mặt lộ chu toàn thù dũ ngã, giang tâm diếu diếu lụy nan cần.

(Anh hùng đến bước đường cùng, biết nương tựa cùng ai, lòng sông mệnh mỏng nước mất khó mà cạn khó)

c. Câu hát khách gồm cả thi và phú

Nhiều câu hát khách gồm cả thi và phú. Ban đầu hai câu Đường thi rồi tiếp theo 2 câu Đường phú hay ngược lại (chú ý là vì có đối đáp, luật âm thanh nên gọi là Đường thi và Đường phú).

– Trong tuồng Hộ Sanh Đàn lớp ba Lan Anh đi tìm Tiết Cương đã nói lời bằng một câu gởi hạc và 2 câu song quan rồi hát khách bằng một câu Đường thi và một câu Đường phú:

– **Lan Anh nói:** (vậy thôi)

Lưu nhất đội, canh tuần sơn trại, khá hết lòng gìn giữ Tiết Giao.

Tuyển bách nhân, dự bị yêu đao, ta gắng sức theo đòi những mẩu.

(Hồ nô) Lãnh bảo kiếm Hồ nô (con) tùy hậu

(lâu la) Trương điều cung, thần mã hiển lai (mau đây)

(lâu la chỉnh túc rồi à? Vậy nữa...)

Mang mang xuất liễu sơn ôi

Tốc tốc tâm lai lý lộ (đi đi hè)

Khách: Thử cảnh, thử tình, tâm tự khổ

Khả nam, khả bắc, lộ đa kỳ

(Cảnh ấy tình này lòng những khổ

Khôn dò nam bắc lăm đường đi gặp ghềnh)

[lâu la hát ngoại]

(Phu quân ôi)

Khách: Hải giác sơn nhai, lạc lạc cô trung thùy khảng cổ .
(Trăm lay thiên địa quý thần, cho tôi gặp phu nhân tôi kẻo mà)

Thiên cao, địa hậu, mang mang sầu hận cánh kham bi

(Góc biển đầu non ai kẻ đoái hoài thêm quanh quẻ

Trời cao đất rộng, dày đặc hận sâu, xiết thảm thương)

– Trong tuồng Tân Dã Đồn trong lớp 2 Trương Phi sau khi nói lối đã hát khách 2 câu thơ Đường và 1 câu gổi hạc:

Trương Phi: Trương Phi tánh hỏa liệt

Quân sư bảo mật sai

Tùng kinh lộ sát lai

Đáo hà biên mai phục

Khách: Khâm thừa tướng lệnh thiết kỳ binh

Trực đáo hà biên chiếm tặc hình

(chư tướng nghe dặn)

Cứ hiểm tàng quân, văn pháo hướng, tứ phương tịnh khởi

Hoành mâu dãi địch, triệt tiền đồ, lưỡng bộ giao chinh

(Vâng theo tướng lệnh chỉ huy quân

Thẳng tiến ra mé sông chiếm giữ địa hình

Giấu quân nơi hiểm yếu nghe pháo hiệu bốn mặt xông ra

Day giáo chờ địch đến, cắt đường phía trước, hai hướng giáp công).

– Trong Hộ Sanh Đàn, lớp 4 Lan Anh và Tiết Cương đã hát khách bằng 1 câu phú và 2 câu Đường thi:

– Lan Anh khách:

Thử tế lâm nguy (ai ngờ gặp được phu quân ở đây, cha chả là may) sinh tử thiêu nghi hồn mộng ký.

– **Tiết Cương:** (Em, còn như anh là)

Kinh thu tích biệt (á thương hại) tao phùng do tao loạn ly trung.

(Trong lúc lâm nguy, chết sống còn ngờ cơn mộng mị

Thu qua cách biệt, gặp nhau vẫn giữa lúc loạn ly)

(Tiếng quân ó xa gần)

Đồng khách: Diêu văn bối hậu quân thanh cấp

Lịch tận sơn khê bất kể trùng.

(Xa nghe phía trước sau lưng tiếng quân giục giã

Vượt hết núi khe không kể mấy trùng)

2. Tẩu mã

Tẩu mã nghĩa là ngựa chạy. Khi khẩn cấp cần đi cho mau tới đích, khi chạy thoát nạn hay đuổi bắt thì hát điệu tẩu mã, giọng hát nhịp thúc như ngựa chạy. Khi vui hát giọng tẩu mã thường, khi buồn hát giọng tẩu mã bi.

Về văn chương điệu tẩu mã cũng dùng lối Đường thi hoặc Đường phú và đặt bằng chữ Hán như điệu hát khách.

– Trong tuồng Ngũ Hồ Bình Tây, hồi thứ nhì, Lưu Khánh khi biết tin Địch mẫu bị bắt giam vội vã về tin cho Địch Thanh đã hát tẩu mã bài thi thất ngôn tứ tuyệt:

Thiên nhai hải giác nhứt thân khinh
Lai vãng na từ khổ thử sinh
Hồng nhạn hữu phong phi ổn dục
Thảo ba tiểu chỉ ngã tiên trình

*(Chân trời góc biển thân xem nhẹ
Ai lại chẳng từ đời khổ nhẹ
Hồng nhạn gặp gió bay yên cánh
Cỏ hoa cười, chỉ bước đường ta đi)*

– Cũng trong tuồng này, Địch Thanh, Trại Ba, Lưu Khánh người bỏ chạy kẻ rượt theo cùng hát tẩu mã hai câu phú sau:

– **Trại Ba:**

Bạc hán vô tình, đông vãng tây đầu hành giác hải
(Người bạc vô tình, đi phía đông chạy phía tây đi vội vã)

– **Địch Thanh:**

(Trăm lay công chúa ngàn lay công chúa, để cho kẻ hạ quan đi)
Đại ân bất tận, địa dung thiên cái cảm di thâm.
(Ơn lớn không cùng, đất chở trời che cảm càng sâu)

– **Trại Ba:**

(Lưu Khánh mấy hồi mấy)
Quái sát thất phu, đoạn ngã nhất sanh ân ái
(Giết kẻ thất phu, làm đứt tình ân ái một đời ta)

– **Lưu Khánh:**

(Nguyên soái cứ đi đi, để mặc tôi, tôi đổ bà)

Cản lai ác phụ, xung khai vạn lý trường đồ.

(Ngán người ác phụ, đánh mở đường dài vạn dặm)

– Trong Hộ Sanh Đàn, các nhân vật Tiết Cương, Loan Anh cũng thường hát tấu mã như:

– **Tiết Cương:** *(Trên đường chạy)*

(này.... này)

Hậu lộ văn vân kỳ lai truy

Sơn tiền cấp nhất văn viễn tỵ

(Nghe phía sau hàng vạn quân kỳ đuổi theo

ở trước núi một mình vội xa lánh)

Tấu:

Tha hương thác lạc sơn tình dị

Thất mã huy trì lý hộ nan

(Phu nhân ơi)

Long sơn thử dạ long sơn nguyệt

Duy hữu thâm khuê độc tự khan

(Khác quê hương đường núi lạ lòng lẫn lộn

Một ngựa đuổi rong thật khó đi

Vầng trăng trên núi long sơn đêm nay

Riêng có người ở buồng khuê một mình ngồi ngắm)

-- Đoạn Loan Anh trên núi thấy Tiết Cương bị Tam Tư đuổi chạy:

– **Loan Anh:** *(từ trên núi xuống)*

Ói chao ôi!

Quả thị phu quân phu quân

(ơ lâu la) Thính ngộ hiệu lệnh, hiệu lệnh

(đấy này) Phú nể đẳng tiền lai sơn đỉnh

Tốc thừa cơ triệt bị châu binh

(hồ nô, hồ nô) Lãnh lương cung phục tại lâm trình

(chờ cho ta trận tiền trá bại rồi)

Phóng thần tiễn xạ lai tặc tướng *(nghe à)*

(áo là) Khai bửu kiếm mang mang sáu vãng

(ơ lâu la, lâu la) Xuất yêu đao tốc tốc bôn lai

Tấu: Đề dao sách mã vọng sơn nhai

(*phu quân ôi*) Niệm niệm lương nhân thống ngã hoài

(*Tam Tư ở mây*)

Quái sát Tam Tư đồ thị đồng
Hào khan cân quốc sinh anh tài
(Cầm dao giục ngựa phóng sườn non
Nghĩ đến lang quân dạ héo hon
Cầm bấy Tam Tư hồng ý mạnh
Coi đây thực nữ sánh tài trai)

(*Vũ Ngọc Liên dịch*)

3. Ngâm

Điều này là một cách ngâm thơ để diễn tả tình cảm và ý chí của nhân vật. Các vai tưởng thường ngâm thơ khi uống rượu, đánh cờ, ngắm cảnh, thêu thùa, họa tượng, chèo thuyền, câu cá... Khi vui thì ngâm thơ giọng ngâm xuân, khi buồn thì ngâm giọng ngâm lụy.

Những bài thơ dùng để ngâm thường là những bài Đường thi viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm. Có khi là một bài thất ngôn tứ tuyệt, có khi là một bài thất ngôn bát cú.

Khi ngâm có thể một nhân vật ngâm toàn bài hoặc 2 nhân vật mỗi người ngâm hai câu. Chen vào giữa có những câu hường.

– Trong tuồng Hộ Sanh Đàn, lớp 7, hai vợ chồng Tiết Cương, Lan Anh về đến sơn trại uống rượu ăn mừng:

– **Loan Anh nói:** (*thưa thưa*)

Xin lương nhân cạn chén tẩy trần
Mượn hoan bá ngàn hàng khổ lụy

Đồng ngâm: Cố quốc hồi đầu bao mộng寐

Sơn đình thứ nhật

– **Tiết Cương:** (*Rượu ngon uống đi em – hà hà*)

Đồng ngâm: Khánh Đoàn Viên

(*Hèn chi cố nhân có câu: Dục tương tửu phá sầu, sầu trọng, tửu vô lực là ri đây*)

Dụng tửu phá sầu sầu cánh trọng.
Anh hùng nhi nữ, lụy san san.

– **Loan Anh:**

(Quay đầu về nước cũ lòng mơ tưởng mãi
Hôm nay nơi sơn đình mừng sum họp
Mượn rượu phá sầu, sầu thêm nặng
Anh hùng cùng nhi nữ nước mắt chan hòa)

Cũng trong tuồng Hộ Sanh Đàn, lớp 9, Tiết Nghĩa phục rượu Tiết Cương đồng ngâm 1 bài thất tuyệt và 1 câu phú song quan:

– Tiết Nghĩa: (chúc mời ân huynh)

Ngâm: (Hảo lương hội a)

Kỷ hồi Nam phố xuân ba lục

Thử nhật Ba sơn cựu vô tình

(*Mấy lần sóng xuân xanh sông Nam Phố
Ngày nay mưa cũ tình núi Ba Sơn*)

– **Tiết Cương** (hường): Thưa hiền huynh. Bình nhật em thiện tữu lắm, ghê, hủ, ha ha.... Bấy lâu nay tảo thử biến cố toại tuyệt Đồ Khương, nay gặp hiền huynh đây, ngẫu cố vô xai đã lại cố thái phục tác, uống ít lại muốn uống nhiều ha ha.

Tiết Nghĩa: Thưa ân huynh, cổ nhân người ta: Nhất nhật tu khuynh tam bách bôi thì hẳn rằng, ân huynh uống cho vui, em xin dâng hồ, ân huynh ở chơi một đôi ngày, rồi em chiêu binh bộ sĩ, dâng hầu ân huynh về Trường An, chừng ấy anh mới biết cái tài của anh cho.

Tiết Cương: (ờ, ờ... “Tri ngã dã Bảo Thúc” là ri đây, mời hiền huynh):

Ngâm: Trọc tữu tam bôi liêu nhĩ nhữ

Mang mang thương hải hận nan bình
(*Ba chén rượu dục tạm kè nhẹ
Mênh mông biển cả không nguôi giận*)

(*thôi thôi*) Ngọc sơn đối nửa tợ Kê sinh (*rồi đây*)

(*thưa anh cho em nghĩ*)

Biểu thấp hạ (xin) phiên cùng Trần Tử.

(*Núi ngọc ngã như kè Kê Khang
Giường quý hạ xuống xin phiên cùng Trần Tử*)

- Trong Tàn Dã Đồn lớp 8 lúc tiễn biệt Lưu, Quan, Trương ngâm cùng Từ Thứ.

- **Lưu, Quan, Trương:**

Đồng tâm huynh đệ

Tiễn biệt quân sư

(Quân sư ơi)

Thiên nhai hải giác ký tương tư

Bích thúy xuân hoa ngâm biệt cú

(Góc biển chân trời ghi sâu nỗi nhớ

Nước biển hoa xuân cùng ngâm bài thơ tiễn biệt)

Ngâm:

Nhất chúc ly bôi tống tử hành

Cô sầu ám ám lụy thù linh

(Rót chén rượu chia ly tiễn người lên đường

Nỗi sầu cô đơn nặng nề, nước mắt rơi lã chã)

- **Từ Thứ:** *(chứa công ời)*

Ngâm: Kim bôi ngọc dịch hà kham thưởng

(chén vàng rượu ngọc làm sao uống được nữa)

- Lưu, Quan, Trương: *(Quân sư ơi)*

Ngâm: Bắc nhạn nam hồng tối khả liêu

(Bắc nhạn, nam hồng thật quá thảm thương)

Trong tướng Diên Võ Đình, Kiều Quang và Bích Đào trong lúc ngồi thù đã ngâm 1 bài thất ngôn bát cú bằng văn Nôm:

- Kiều Quang ngâm: Luồn chỉ thắm

- Bích Đào ngâm: chấp tơ mảnh.

- Kiều Quang: Dóng thẳng đường ngay

- Bích Đào: nhận nẻo quanh

- Kiều Quang: Cúc trắng mai vàng thừa thớt nhụy

- Bích Đào: Chim xanh lá đỏ gần ngơ tình

Cùng ngâm: Uyên ương chếch bạn còn lơ lảo

Phỉ thúy chiều duyên khéo rập rình

- Kiều Quang: Dệt phụng thù rồng tài đáng mấy

- Bích Đào: Dừng kim sức nhớ hẹn ba sinh

– Tuồng Ngũ Hồ Bình Tây, hồi thứ ba, thế nữ nói:

(Dạ, thưa bà, bà có buồn để con ngâm một đôi câu thơ cho bà giải khuây):

Ngâm:

Ngồi những đợi đứng những trông
Nghĩa cao tình thảm với non sông
Thành nam mất mỗi mây ngàn lớp
Viện bắc sầu đưa gió nửa rèm
Dệt gấm thơ phong vì tuyết đóng
Trông chùng đá ủ bởi sương hồng
Chuyện trò khó nói cùng mai liễu
Cái chữ thâm tình có có không.

Bài ngâm nhiều khi cũng đặt bằng những câu phú tứ tự, song quan hay cách cú như mấy câu trong tuồng Phụng Nghi Đình:

– **Diêu Thuyền:**

Ngâm: Trăng soi cửa vắng

Hoa ủ tường xuân

Vắng cổ kêu trời, không biết cái duyên hay cái nợ

Ôm lòng với kẻ, nghĩ đà thương phận lại thương thân

Ai ơi có biết lòng ai với

Nước gáo xa khôn tắt lửa gần.

– Trong tuồng Lý Phụng Đình của cụ Vân Sơn, vai thế nữ hầu gái của Loan Dung đi hái sen vừa nói vừa ngâm:

– **Ngọc Diệp nói:**

Lục dờn dờn sắc nước

Hồng ứng ứng màu hoa

Chiếc thuyền nan nhẹ nhẹ lướt thanh ba

Bàn tay bé thưng thưng nâng nộn nhị

(Tôi vâng lời cô tôi, đi hái sen về cắm bình. Đáng lẽ hái xong thì lo về, nhưng gặp cảnh thanh lịch mẩn rí thì cũng nên nán lại đây giây lát để thưởng thức cho thỏa mãn đã chứ. Nghĩ như tôi tự bé lớn ở với cô, cô thương yêu, dạy dỗ nên:)

Đã thuần tay kim chỉ

Thêm thạo ngón cầm thi

Nay gặp buổi giai thì
Thử ngâm vãn tuyết cú

Ngâm:

Hón hờ mừng ai ở ở bông?
Khi đêm ngần đón gió sương lồng
Tình quê một mối tơ vương vấn
Giữ phần gìn hương lượng Chúc Dung.

Sau khi Ngọc Diệp bị cá tinh Lân tinh nuốt và Lân tinh rình bắt Loan Dung, bị Lý Phụng Đình bắn chết:

– **Loan Dung nói:** Thảm thiết chơn thảm thiết
Bi thương thậm bi thương

(*Ngọc Diệp em ơi*)

Màu bạch vân vờn vũ bóng vô thường
Tiếng đổ vũ ghen ngào dòng khổ lệ
Niềm tâm sự lời khôn xiết kể
Nỗi ai hoài dạ khó làm khuây
Mới ngày nào em đó chị đây
Mà chừ đã kẻ u người hiển

Ngâm: (*thôi từ đây*)

Vườn hồng chịu chút oanh thua tiếng
Mây cuối đầu hiu nhện vương tơ
(*Chẳng biết lấy gì tỏ lòng chị cùng em*)
Thơm thảo dâng lòng hương một nén
(*Hồn em có thiêng thì nỡ về thăm chị với*)
Năm canh hò hẹn gối nường chờ.

– Trong tuồng Hoa Tri Mộng:

Chân Châu vừa hái sen vừa ngâm:

Hoa rục nở, nước trong ngần
Giắt ngọc phơi vàng một biển xuân

(Tôi nhớ lại đám hoa này tôi đã hái rồi. Sao mà vẫn còn y nguyên mẩn rì? Chừ tôi biết hỏi ai?)

Muốn hỏi còn e hoa hổ mặt
Tiếc hoa mượn gió hỏi thăm chừng.

4. Biệt

Điều biệt chỉ dùng lúc tiễn biệt và sau khi hát biệt thường chuyển sang hát nam. Các câu biệt thường dùng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm. Trong tuồng Ngũ Hồ Bình Tây, hồi thứ nhì:

– **Kim Loan nói:**

(mẹ ơi)

Mẹ đã vạch kẻ răng chân tóc
Con thêm đau đoạn ruột lá gan
Tình vắng dài một khúc Dương Quan
Rượu hồng lạt ba chung ly biệt (hà)

– **Địch Mầu và Kim Loan hát biệt:**

Nam bắc du du các nhứt thiên
Tửu bôi chúc bãi lụy liên liên
Mai thôn nguyệt sắc tam canh lão
Biện ấp thu thanh bán dạ tuyền
*(Nam bắc bùi ngùi, mỗi người một phương
Rót xong chung rượu, nước mắt ròng ròng
Thôn mai một trăng lợt lúc canh ba
Biện ấp gió thu nửa đêm đưa đến)*

– **Kim Loan tiếp hát nam:**

(ôi mẹ ơi)

Dạ tuyền đưa từng đoạn thâm
Chốn Trường An mấy dặm xa xa

– **Địch Mầu:** *(con ơi như mẹ đây)*

Nam: Dùng dằng phép nước tình nhà
Nỗi này đau tới cỏ hoa cũng buồn

– **Kim Loan nam:** Lụy rơi rồi lụy lại tuôn
Giang sơn đều cả ra tưởng tượng tư

– **Địch Mầu nam:** Đoái nhìn nhiều đoạn ngắn ngơ
Cổ hương một bữa kinh sư muôn trùng

Trong tuồng Kim Vân Kiều của Ngụy Khắc Đản có 1 bài biệt bằng chữ Nôm của Kim Trọng và Thúy Kiều khi từ biệt:

– Kim Trọng:

Nói: Mặt nhìn mặt càng thêm thắm thiết
Tay phân tay lúng những xót xa
Xin nhớ lời dưới nguyệt trên hoa
Cho đánh kẻ chân mây mặt biển

(Hà)

Rượu tống biệt lưng vơi một chén
Lụy tương tư sùi sụt hai hàng
Hàm sầu thiên các nhất phương
Tiễn biệt thì ngậm sổ cú (hà)

Hát biệt:

Cung thiên mới đặn bóng trăng kẻ
Tin nhận mây đưa kẻ ở về

– Thúy Kiều tiếp hát biệt:

Bờ liễu vó câu trời mấy dặm
Biển sầu lai láng lệ thâm khuê

– Kim Trọng nam:

Thâm khuê ở về chua xót
Đôi mặt nhìn bốn giọt thấm bầu

– Thúy Kiều nam:

Mới gần nhau lại xa nhau
Chân dời một bước ruột đau trăm vòng

– Kim Trọng nam:

Đã thề dưới nguyệt chén đồng
Tỳ bà xin chớ tay bông thuyền ai

– Thúy Kiều nam:

Phân tay kẻ tới người lui
Bâng khuâng mặt bắc ngậm ngùi niềm tây.

5. Thán

Điệu than dùng lúc nghe một tin buồn, lúc sầu thảm để tỏ tình bi ai, ý thương tiếc, để than thân trách phận, để kể những nỗi đau khổ trong lòng.

Câu thán thường đặt theo lối thơ thất ngôn, thơ ngũ ngôn, thơ tứ tự hoặc theo lối phú song quan hoặc cách cú. Lời viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm.

– Trong tuồng Hộ Sanh Đàn, lớp 10, vợ Tiết Nghĩa là Tú Hà tự tử đã thán:

Hoàng Hạc lâu đầu vãn tự ám
Bích sa song ngoại nguyệt vô y
Lạc hoa đảo địa vô nhân vãn
(Nam mô A Di Đà Phật)
Hoàn bội tha viên mộng lý qui
(Trước lầu hoàng hạc mây u ám
Ngoài bức màn the nguyệt ủ ê
Hoa rụng xuống rồi ai kẻ hỏi
Mơ màng hoàn bội ấy hôn về)
(Vũ Ngọc Liễn dịch)

Trong Trâm Hương Các, lớp 7, tại tư cung của Đát Kỷ:

– **Đát Kỷ thán:**

Thông tai hồng kiểm lụy lâm ly
Âm hận Thành vương chi bất di
Sơn băng thủy kiệt vô cùng hận
Khắc cốt minh tâm nguyện tố thi.
*(Đau đớn thay má hồng nước mắt đầm đìa
Căm giận thay tên Thành vương (Phi Hổ) chi khó thay đổi
Núi mòn sông cạn không bao giờ hết giận
Tạc dạ ghi xương nguyện báo thù)*

Cũng trong lớp 9, sau khi nghe thế nữ báo là vợ bị Trụ Vương cưỡng dâm phải tự tử, Hoàng Phi Hổ thán:

Kham thán Thành Thang chi tôn xã
Nam mai Thương Thọ chi tiết danh
(màn đây, trướng đây, Già thị em ơi)
Liệt phụ hữu ân hà nhẫn phế
Trung quân chi chí cánh nan thành
'Tôn miếu, xã tắc nhà Thành Thang than ôi
Tiết danh của vua Trụ không biết chôn vào đâu
Vợ đã chết của ta là người có ân đức, tình nào lỡ bỏ
Chỉ trung với vua khó mà giữ trọn)

Nhiều lúc một bài thơ thán gồm 2 câu thơ ngũ ngôn và 4 câu thơ thất ngôn. Như Phan Phụng Cơ thán:

Nhứt canh sầu khiến quyến
Nhị canh thống tâm can
Tam canh sạ thính quyền đề khốc
Tứ canh sàng tịch chầm bất an
Ngũ cổ tái văn kê khuyến tán
Bình minh nhứt xuất lệ san san.

*(Canh một mối sầu vấn vít
Canh hai đau trong tâm can
Canh ba chợt nghe tiếng quyền kêu khóc
Canh tư giường chiếu gối chẳng an
Trống canh cầm vừa nghe gà gáy chó sủa
Buổi sớm, mặt trời mọc, nước mắt ròng ròng)*

Có khi bài thán kết hợp 2 câu thán thất ngôn cùng câu cách cú. Trong tuồng Khuê Các Anh Hùng, lớp 3 Bích Đào thán:

Kham thán vận thời chi điền đảo
Ta hồ tính thể chi quan vi
(ở Bàng Hồng mày hời mày)

Hận nể Bạng gia, kết thù oán cừu nan tận giải

*(Nhu tôi ngũ thế luân lao, tam triều môn phiệt, chừ phải đến
nỗi này đây)*

Ai ngô Triệu thị, thọ tư khổ nhục bất năng bi

(Than với thời vận ngã nghiêng)

Ôi thời tình thế trái ngược

Giận thay họ Bạng nhà ngươi, kết oán gây hờn khó mà giải hết

Thương cho họ Triệu nhà ta, chịu khổ cực khôn thể buồn hơn)

– Trong tuồng Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan, hồi Thập Giám Điều, lớp 1 Văn Trọng nhìn Bá Lạc Đài thán bằng một câu gởi hạc và hai câu thất ngôn:

Thán dã thiên thương truy tưởng Thành Thang tư đức hoá.

Ta hồ địa bạch, dịch linh trung khúc đoạn can trường:

Nhấn tương bá tánh đồ lâu thất
Bất tuất dân tình tối khả thương

*(Hỡi tuổi xanh! Nhớ vua Thành Thang ngày trước lo việc tích đức
Đất trắng ơi, sự khác lạ này khiến ta đứt từng đoạn ruột
Sao nữ xây lâu đài bằng sự cực nhọc của trăm họ
Không nghĩ đến sự đau khổ của dân tình)*

Có lúc bài thán kết hợp 2 câu phú song quan và cách cú như trong tuồng Tân Dã Đồn, Từ Thú thán:

Nhơn tình ta diên đảo
Hảo sự tối đa ma
Trung hiếu lương kiên lai khứ thủ trung đô bất dị
Cù lao cử tự, vân sơn hồi thủ cảnh như hà
(Thương tình người xáo lộn
Việc tốt gặp nhiều điều không hay
Trung hiếu hai vai, đi ở trong hai việc ấy đều không dễ
Cù lao chín chữ, quay đầu về mây núi cảnh quê nhà
như thế nào)

– Trong tuồng Kim Vân Kiều hồi thứ 3, gia đình Viên Ngoại nghe tin Kiều trăm mình đã thán 3 câu phú song quan bằng tiếng Nôm:

Một mình bỏ xứ
Muôn dặm xa đường
Bọt nước chia người nam bắc
Bóng đèn giục khách âm dương
Mùi sóng bữa tan tình cốt nhục
Tiếng triều đưa gãy gánh cang thường.

Đôi lúc bài thán cũng dùng thể tứ tự như trong tuồng Tượng Kỳ Khí Xa lúc Võ Tánh nghe Ngô Tùng Châu tự tử:

(Hiển huynh ơi) Ai là không thác
Đạo phải cho tròn
Thương thay hiển hữu
Lòng đỏ như son
Vì nòi vì giống
Vì nước vì non
Dấu ngàn năm nữa
Bia miệng không mòn

6. Oán

Điều oán dùng lúc buồn giận để tỏ nỗi phần uất trong lòng nên có vẻ lâm ly và sâu thẳm hơn điệu thán.

Câu oán cũng đặt bằng chữ Nôm hay chữ Hán theo thể thơ thất ngôn hay tứ tự.

– Trong tuồng Dương Chấn Tử có 1 bài oán thất ngôn tứ tuyệt.
Dương Chấn Tử oán:

Khấp sầu vân mộ khiêu vô minh
Kham khán Dương gia lụy bát đình

(Bao giờ con thấy mặt cha, cha thấy mặt con, cha cha ơi)

Châu trầm hải để tằm bất kiến
Ngọc ẩn Côn sơn thâm vị minh
*(Buồn khóc mây chiều kêu chẳng tỏ
Đáng thương nhà họ Dương nước mắt không ngớt
Hột châu chìm đáy biển tìm chẳng thấy
Ngọc ẩn non Côn buồn chưa tỏ)*

Đôi khi có bài nửa thán nửa oán trong một bài thất ngôn tứ tuyệt .

– Trong tuồng Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan, hồi thứ 3, lớp 15 lúc hồn Giả thị hiện về gặp Hoàng Phi Hổ:

Hồn Giả thị (ái a phu quân a!)
(Bán thán bán oán:)
Hàn phong vô ảnh nguyệt vô lương
Phong nguyệt bình phân các đoạn trường
Nhất hướng u sầu hà xứ thị
Trùng sơn cách thủy lộ mang mang

(Gió lạnh không có bóng, trăng không có hương
Trắng gió chia đôi buồn đứt ruột
Một loáng u sầu biết ở nơi nào
Núi chập chùng, sông ngăn cách, đường đi lờ mờ)

Có những bài oán gồm những câu tứ tự và thất ngôn như trong tuồng Sơn Hậu, Phàn Phụng Cơ oán:

Sầu tuôn lai láng
Thảm dợn lao xao
(phụ thân ơi!)
Dặm xa xôi Sơn Hậu chốn nào

Đường diệu vợi ai tin cho thấu
Lối: “Ồi chao ôi”
Bồng chốc quận đầu phé phủ
Kham ta ngũ nội bối hồi
Đã tới ngày nhụy nở hoa khai
Nơi lãnh thất lấy ai nương náu
(trời đất ơi)

Oán:

Một mình liễu yếu
Đến tiết hoa khai
Chốn lao tù nào biết cậy ai
Hoàng thiên hỡi có hay cho thiệp.

7. Xướng và Bạch

Một vai tuồng khi mới ra sân khấu thường hát 4 câu theo điệu xướng hoặc bạch để bày tỏ ý chí, tâm sự và tình cảm của mình.

Giọng xướng có vẻ khoan thai và trang nghiêm. Giọng bạch thì hùng dũng, nhịp thúc hơn nên chỉ dùng cho những vai tuồng võ mới bạch. Tướng có 2 loại tướng: Tướng phiên thì bạch một cách dữ tợn nên có giọng bạch phiên. Tướng triều đình trung nguyên thì có giọng bạch triều.

Còn về giọng xướng thì theo từng hạng người. Như các vị tiên thì xướng với 1 giọng nhàn lạc và nghiêm nghị. Phú hộ thì có giọng giàu sang khoe của, Nho sinh thì nho nhã văn chương v.v...

Thể văn của các câu xướng và bạch phần nhiều theo thể thất ngôn tứ tuyệt hoặc hai câu thơ Đường hợp với câu phú cách cú.

– Trong tuồng Cổ Thành Hội, lớp 6 lúc Trương Phi ở Cổ Thành ngồi uống rượu.

Trương Phi tán:

Vọng nhân mông lung
Trung trường nhất uất
Tâm sự thất tâm sự thất
Ý như si ý như si
(Mắt ngóng xa vời vợi
Tấm lòng riêng u uất
Tâm hồn như mất mát
Ý chí như đại ngây)

Xướng:

Lạc lạc cô tình chỉ tự bi
Hàm châm tiêu tác dạ thanh tri
Hốt văn hồ mã tề phong cấp
Không sử anh hùng lụy mẫn y
*(Quanh quê tình riêng bức xúc hoài
Chạy sương rời rạc trống canh chầy
Ngựa nào hi gió nghe đồn dập
Giọt lệ anh hùng gạt lại đây)*

(VNL dịch)

Xong một đoạn nói lối Trương Phi lại xướng:

Nhất nhận hoành phi vân tế lộ
Cò đăng trường chiếu nguyệt biên thành

*(nghĩ lại nhị ca Phi, thân phò nhị tẩu qui thuận Tào man hay...
Hay là người quyền giả nhất thời? Ủ... ừ quyền phải biến phải..)*

Anh hùng tự hữu quyền nghi xứ

(như sao Phi lại nghe rằng: “Tào tháo trọng đãi nhị ca Phi: Thượng mã đề kim hạ mã đề ngân, tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến”. Yến ẩm? Hừ: Yến, ẩm, yến, ẩm – ấy, ấy...)

Khả hận đô vong thủ túc tình.
*(Chiếc nhận lẻ loi bay ngang ven đường mây
Ngọn đèn côi rọi mãi ánh trăng bên thành
Anh hùng hắn có lúc khi quyền khi biến
Giận thay nữ quên tình nghĩa anh em)*

Và khi Trương Phi, Quan Vũ sum hòa thì đồng xướng:

Từ Châu nhất biệt thành thiên lý
Thử địa trùng phùng định túc duyên
Nhữ quận hà thời tương kế hội
Cổ thành hiệu tác tiểu đào viên
*(Từ Châu một xa thành ra vạn dặm
Nơi đây gặp nhau nhờ duyên phận
Nhữ quân bao giờ gặp nhau lại
Cổ thành tái diễn tiệc vườn đào)*

– Trong tuồng Diên Võ Đình, nàng Kiều Quang con Vương Quý, mở đầu lớp 2 Kiều Quang xướng:

Sa thính huỳnh ly chuyển hạ thiên
Nhân khan lục liễu như sinh yên
Chỉnh hai thoát hoán hồng la đới
Điều hướng trì đường dạ bất miên

*(Văng nghe tiếng oanh vàng báo tin hè đã sang
Xa trông tơ liễu như khói tỏa
Sửa lại đôi giày, thay sợi giây lưng điều
Xa ngắm áo hoa đêm không chớp mắt)*

– Trong Hộ Sanh Đàn, lớp 3, Loan Anh xướng:

Nhàn lai phong nguyệt cộng vô biên
Nhất động đào hoa biệt hữu thiên
Vị vấn kỷ sinh tu đắc đáo
La thường túy trực nhật phiên phiên

*(Thanh nhàn trăng gió thủ vô biên
Một động hoa đào cõi trời riêng
Hỏi mấy kiếp tu mà được như thế?
Quần là áo lượt thay đổi hằng ngày)*

Đôi khi chen giữa vào bài xướng có 1 đoạn hương như trong lớp Tiết Cương được Ngũ Hùng cứu và làm thật Tiết Nghĩa. Ngũ Hùng nói:

Đồng hạ trợ, đồng hạ trợ
Tốc khuynh trường, tốc khuynh trường

Xướng:

Vị bắc Giang nam hội nhất đường
Bồi bàn lang tạ lưỡng tương vương

Tiết Cương: *(lâu la, đây là thật thàng Tiết Nghĩa hé, cha chả là ngon ha.... hã sinh ư ngã chi thủ, tử y ngã chi thủ là ri đây)*

Ngũ Hùng: *(Thưa các anh, thằng này nó ăn cám hay nó ăn gì mà thật nó béo như thịt heo vậy hà. Đây công tử xơi cái thần của nó đây cho ngon).*

Tiết Cương: (ờ ờ mời liệt vị)

Xướng:

Đại phanh nhủ nhục đồng hôn ẩm
(cha chả, thịt chi mà hơn được, rượu đây)
Hạc hinh, long tì vị túc phương
(Vị bắc Giang nam đã hội gặp nhau)

*Tiệc ăn bữa bọn cùng quên tất cả
Xe thịt mầy chúng ta tha hồ nhấm rượu
Chả phượng nem công cũng chả bằng)*

– Trong tuồng Trăm Hương Các, tiên ông Vân Trung Từ xướng:

*Tú lãnh xuân tình tế sắc khai
Ngọc tiêu thanh lý hạc phi hồi
Hong hà tử vụ nhân tương bạn
Bạch thạch thương tùng nguyệt tự lai.*

*(Non cao xuân tạnh cảnh chiều quang
Cánh hạc về trong tiếng sáo vang
Mù tia, ráng hồng là bạn lão
Tùng xanh đá trắng sáng vùng trăng)*

Vũ Ngọc Liên dịch

Về điệu bạch thì:

– Trong tuồng Ngũ Hồ Bình Tây, hồi thứ 3 Tinh La Hải bạch:

*Liệt liệt oanh oanh tố nhất phương
Anh hùng khí khái vỹ lưu phương
Trường thành nhứt diện phiên bình tráng
Thiên hạ hà nhơn cảm ngã đương.*

*(Làm nên một thời hiển hách lưng lầy
Khí khái người anh hùng để tiếng thơm lâu
Một mặt thành dài làm phen dẫu mạnh
Thiên hạ ai là người dám địch với ta)*

Cũng trong tuồng Ngũ Hồ Bình Tây, Cáp Man hồi 2 cũng bạch bằng 2 câu thơ thất ngôn và câu phú cách cú:

*Nhứt phương hùng trấn lẫm phiên hàn
Hấn tức binh đao trấn ngã bang*

Thanh thế bào hao, tái ngoại quốc trung giai khủng khiếp

Oai phong lẫm liệt, sơn nam lãnh bắc tống kinh hoàng.

(Hùng trấn một phương nghiêm phen giầu

Đẹp yên binh đao giữ nước ta

Thanh thế vang lừng, ngoài cõi trong nước đều sợ hãi

Oai phong rầm rộ, núi nam non bắc đều kinh hoảng)

– Trong Cổ Thành Hội, Quan Vũ bạch bằng một bài thất tuyệt:

Cái thế anh hùng mạc dữ kinh
Phong sương vạn lý triển bằng trình
Ngũ quan trực quá phò xa trượng
Sơn hải gian nguy nhược lý bình.
*(Cái thế anh hùng dễ sánh cùng
Gió sương dầm dãi cánh chim bằng
Vượt qua năm ải phò hai chi
Sơn hải gian nguy quyết phá bằng)*

Và Hạ Hầu Đôn cũng bạch bằng hai câu thất ngôn một câu cách cú

Ngang ngang khí khái dục lãng tiêu
Khả hiệp thái sơn bắc hải siêu
Thế thượng vô song chiến địa thù năng tài lực địch
Nhân gian đệ nhất họa đài ưng cộng tánh danh bên.
*(Khí khái hiên ngang muốn vượt lên trời thăm
Kỳ cả núi thái sơn qua bể bắc)*

Trên đời không ai, trên chiến trường ai là kẻ đủ sức đối chọi.

Trong nhân gian ta là đệ nhất, tên tuổi đáng nêu danh chung
với các tướng xưa)

CÁC ĐIỆU VẬT

Các điệu nói lối, hường, tán, hát nam, hát khách là những điệu chính trong tuồng hát bội. Ngoài ra còn có những điệu phụ gọi là điệu vật hay điệu niều nôi.

Các điệu vật thường phải bắt theo nhịp phách cung đàn nên phần nhiều số chữ số câu không bị ràng buộc theo luật lệ quy cách như các điệu nói, nam, khách v.v... Tuy nhiên thể bài đều dựa vào thể lục bát, song thất lục bát, thi phú. Diễn viên trong khi hát có thể tùy theo cảm hứng, tài năng mà thêm bớt số chữ số câu. Tuy nhiên làn điệu vẫn phải theo đúng quy tắc của nó.

Về các điệu vật phần nhiều các bài hát của mỗi vai tuồng đã có sẵn và nghệ sĩ đóng vai ấy đã thuộc lòng nên tác giả vai tuồng có vai đào diên, hành khất, phù thủy, chiêu hồn v.v... Không cần tự mình đặt một bài hát riêng cho các vai ấy và có thể để nghệ sĩ ấy tự chọn và hát một trong những bài họ đã biết. Vì lẽ ấy các điệu vật ít khi dùng viết lại trong tuồng trừ khi tác giả muốn thể hiện tâm hồn nhân vật ấy qua điệu hát.

Các điệu vật phần nhiều là những điệu bắt bài. Trong các vở tuồng bằng chữ Nôm khi một vai tuồng hát một điệu vật, tác giả thường để "bài viết".

Những điệu bắt bài là những điệu theo nhịp một, nhịp ba, nhịp tư, nhịp năm hay nhịp bảy và chia ra các bài thường sử dụng như sau:

- Bài bả trạo
- Bài say
- Bài diên
- Bài tạ ơn
- Bài chúc
- Bài thiền (vai thầy tu)
- Bài cạo đầu
- Bài ru con

- Bài giác ban
- Bài hạ sơn
- Bài hành quân
- Bài đọc sách
- Bài phù thủy (chiêu hồn, đọc chui)
- Bài phường (vai hành khất)
- Bài đòn
- Bài chưng rượu
- Bài múa kiếm
- Bài lý: Lý qua nam, lý mọi, lý con sáo, lý hoài xuân, lý giang nam, lý huê tình v.v...

1. Bài bả trạo (bài của các trạo phu hát khi chèo thuyền).
 Trong tuồng Tân Dã Đồn có nguyên một lớp Bả trạo khai
 thuyền: (Quân cầm chèo bắt đầu khai thuyền)

Bả trạo: bài nhịp một:

Thủ: Thừa dạ độ Nam Giang

Vào bài:

Trùng ngưng đầu khí hàn
 Giang vân điều bố hộ
 Kỳ ảnh diệu ba giang
 Kỳ ảnh diệu ba giang
*(Nhân ban đêm qua Nam Giang
 Hơi nước sông bốc lạnh
 Mây bủa trên sông dày đặc
 Bóng cờ xao theo lượn sóng
 Bóng cờ xao theo lượn sóng)*

Tào nhân tán:

Đồ giang san một bức
 Đêm phong nguyệt nửa trời
 Chí thế thanh dòng nước chơi vơi
 Trường oanh liệt cánh buồm phơi phới

Nam xuân: Phơi phới duyênh quyền lướt dặm
 Nước thanh bình gió lạnh sao thưa

Bả trạo: bài

Vân đạm thủy thanh thanh
Phàm lực trực phong khinh
Hà biên điều nhất vọng
Khí thổi lãng ba bình
Khí thổi lãng ba bình

*(Mây thừa nước xanh xanh
Cánh bướm trướng theo gió
Xa trông thấy bờ sông
Khí lạnh với sóng êm dần
Khí lạnh với sóng êm dần)*

Tào Nhân nam:

Một màu thủy bích sơn thanh
Ngũ sâm gió lướt, hơi kinh sóng xao

Bả trạo: bài

Huy trạo nhập thương ba
Đào thanh tráng viễn hà
Hoành giang đồng khoái ẩm
Dự tấu khải hoàn ca
Dự tấu khải hoàn ca.

*(Ủi mái chèo lao vào lượn sóng
Tiếng sóng rền sông xa
Giăng thuyền trên sông cùng chèo chèo
Chuẩn bị hát khúc khải hoàn
Chuẩn bị hát khúc khải hoàn)*

– Trong Trầm Hương Các, lớp 10, Đắc Kỷ đã hát bài múa kiếm cho Trụ Vương nghe:

Đắc Kỷ xưng:

Võ pháp khai
Hổ chàng giai

Bài:

Tả tí diệt tà hê hoành trận thượng
Hiếu đề án chỉ hê tảo yên mai
Tảo yên mai hê tảo yên mai
Cao quyền vân doan hê bằng phi triển dục
Lạc mã hoàn sanh hê trảm tốc lai
Lão hồ tọa trần hê đảo kỵ long thế

Yên lộng lẽ hoa hề kiếm kích khai

(Bắt đầu phép võ

Ngón hổ nép thêm

Tay trai diệt tà vượt ngang qua trận

Tay phải chặn lại quét sạch khỏi mù

Từ thế chìm bằng xô cánh bay trên mây

Đến thế sa ngựa giả vờ, vụt dậy chém tới

Từ thế hổ ngồi đất chuyển đến thế cưỡi rồng

Rồi sang thế chim én lượn hoa lê, mở toang hai lưỡi kiếm)

Về bài lý phần nhiều dùng theo thể lục bát như trong Hộ Sanh Dân lớp Hồ Nô theo Loan Anh chạy nạn, Hồ Nô lý:

Văng nghe (tiếng con) chim vịt (*chim vịt trong cái*) kêu chiều (*trại chú ôi*)

Bâng khuâng nhớ chủ (thương hại, thương xót) chiều chín chiều (*chín chiều trong cái*) ruột đau.

Hoặc:

Hồ Nô: (*Tôi thấy bà tôi sung sướng quen đi, chừ đi trong rừng trong núi một thân, một mình, lấm lê lấm lét tôi thương, tôi khóc, hi hi*)

Lý: Cảm thương vóc ngọc (*vóc ngọc trong cái*) dày vò

(Trăm lay bà lá bà lay) Hòn vay hòn trả, cho bà (tôi) gặp ông (tôi).

(*Vái vờ trên đầu soi xét trong cái người ngay.*)

Hoặc:

Hồ Nô: (*Thưa ông bà đi cho khéo kéo nước chảy đá trơn ông đỡ bà tôi kéo bà tôi đi không quen.*)

Lý: Một đoàn tớ trước (*tớ trước ta mi nợ*) thấy sau (*thương hại thương xót*)

Chim kêu vượn hú thêm đau đớn lòng

– Trong tuồng Khuê Các Anh Hùng ở lớp 4 Phương Cơ giả đại qua ải đã hát lý bài diễn.

Phương Cơ:

(*Đi chơi ở bay, đi chơi*)

Vui không xiết kể
Ta hát bay nghe

Lý bài diên:

Khi dầu thiếp tính đi về
Bây giờ thiếp phải liệu bề đi qua
Khi dầu thiếp tính đi ra
Bây giờ thiếp phải về nhà cho yên

Quân giữ ải: (*ừn con nào kia?*)

Lá giắt đầu thiết gái phát diên

(*nhưng mà*) Trăng soi bóng đường tiên phải dọa

Lời hỏi thăm thiêm ả
Do nào tới ải đồng
Nỗi cơn chi nói những lộn mông?
Thương nỗi đó hỏi cho ra mối
Khuyên đừng bối rối
Mà đáp lòng bông (*nghe chưa?*)

Lý (bài huê tình): Con cu bay bổng qua sông

Hỏi thăm em bậu có chồng hay chưa?

Phương Cơ: (*nghe ta đáp đây*)

Lý (bài diên) Có chồng năm ngoái ngày xưa

Năm nay chồng chết (*cũng*) như chưa có chồng

Quân (bài huê tình): Có chồng không nói qua hay

Qua cho thùng nếp cho khay trầu nguồn

Phương Cơ: (*Các chú lý không hay để tôi lý cho mà nghe, nhưng tôi không biết ra bộ, chừ tôi lý, các chú ra bộ đi, các chú ơi, tao nghĩ mà tao khen lắm bay*)

Lý bài diên:

Khen ai tấc lưới kéo dài
Cắt lia trung ái như mài lưới gươm
(*rồi tao nghĩ tao trách lắm bay*)

Lý:

Trách ai đang cá quên nôm
Hổ riêng với nước, tửu thăm cùng trắng.
(*nhưng tao nghĩ tao thương lắm bay*)

Thương ai công nghiệp nửa chừng
Cây im khi gió, lửa hùng khi mưa
(rồi tao nghĩ lại tao sầu lắm bay)

Lý:

Sầu ai ai biết hay chưa?
Trăm năm đổi lệ một giờ thương tang

(Bỏ các chú, ta là người của Ngọc hoàng thượng đế sai xuống đây, các chú có ông bà, cha mẹ, bà con có bác chi chết oan hồn uống tử chăng? để ta chiêu linh hồn lại cho)

Quân: *(Trăm lạy bà có....)*

Phương Cơ: *(vậy hãy ngồi xuống, nhắm mắt lại để ta cấp linh hồn cho)*

Lý:

Ta nay trở lại thiên đàng
Dem oan hồn uống tử phát hoàn cho nhân gian
Hồn mày hồn Lý Văn An
Năm xưa đi thú trên ngàn bị chồng
Hồn mày hồn ở bên sông
Con gái chưa chồng gánh nước ghé ra
Hồn mày hồn ở phương xa
Bời đi buồn thương mắc ma trên Lào
Hồn mày hồn lữ tằm phào
Một đoàn ngắt ngưỡng như tao với mày
Hồn ơi hồn ở lại đây
Trèo lên trượt xuống trôi thầy xuống đồng

– Trong tướng Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan có đoạn Trụ Vương đọc biểu cũng là một điệu bài:

Đệ nhất điều khiển sứ chiêu an vu đồng nam
Đệ nhị điều cầu di hiển ư lâm trạch
Đệ tam điều khai thương lẫm chấn ư cơ dân
Đệ tứ điều lập thái tử vi đông cung
Đệ ngũ điều phong Khương hậu vi chánh hậu
Đệ lục điều bãi thiên hạ chi hưng công
Đệ thất điều bãi bào lạc chi hình, dĩ hiển gián quan trung nghĩa
Đệ bát điều hủy phá Bá lộc đài dĩ khoái dân tâm
Đệ cửu điều biếm Tò Đắc Kỳ vi thứ dân
Đệ thập điều sát Phí Trọng, Vu Hồn dĩ miễn triều đình chi loạn

KẾT LUẬN

Các điệu hát và các thể văn dùng trong tuồng hát bội Bình Định đã tổng hợp mọi thể văn thơ bác học và bình dân để chuyển tải trọn vẹn nội dung của tuồng hát. Cho nên muốn đạt được lòng yêu mến một vở tuồng hát bội ngoài tâm hồn say mê nghệ thuật, khán giả cần hiểu sâu về các văn thể, các điệu hát để đi vào hồn của một bản tuồng. Ngoài nghệ thuật trình diễn như giọng hát, điệu bộ, diễn tả, người đọc còn có thể nằm đọc một bản tuồng từng đoạn từng hồi từng lớp một để thưởng thức văn chương tuyệt thú và cất giọng hát theo nhịp gõ để lắng hồn vào lời của nhân vật, vào ý của câu thơ câu phú.

*Lược Thuật Tuồng
Hát Bội Cỗ*

Lời dẫn

Đây là lưu cảo những bài viết cho Ban Hán Nôm trong Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam để góp phần vào việc biên soạn bộ TỪ ĐIỂN THƯ TỊCH HÁN NÔM.

Tuồng hát bội ở Việt Nam nhất là miền Trung, có rất nhiều, rất nhiều tuồng hay, hay cả về mặt văn chương lẫn mặt kỹ thuật sân khấu. Các bạn xa gần cho tôi mượn được trên sáu chục tuồng và trong gia đình sẵn có chừng mười lăm tuồng nữa. Nhưng nhiều tuồng đã được các bạn viết bài lược thuật rồi. Nên tôi chỉ viết về những tuồng tôi có trong tay mà chưa có người đề bút. Tất cả được 27 tuồng:

1. Ngũ Hồ Bình Liêu của cụ Nguyễn Diêu.

2. Liêu Đố của cụ Nguyễn Diêu.

3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10,11 – Những tuồng của cụ Đào Tấn (có bản kê ở trong tập).

12. Lý Phụng Đình của cụ Nguyễn Trọng Trì.

13. Quán Phương Tập Khánh

14. Tiết Cương phá bia.

15. Hoàng Thúc nhập nhoai

16. Phục Hoa Dung đạo.

17. Sách Kinh Châu

18. Gián Thập Diêu.

19. Ngọc Kinh Đăng

20. Đào Phi Phụng

21. Nhị Độ Mai.

22. Tái sanh kỳ ngộ

23. Bích Hà – Giáng Tuyết.

24. Thọ Lão Ông

25. Sanh tài tá Quốc.

26. Kỳ Thu Vân thọ nạn

27. Tống Thái Tổ trăm Trĩm Ân.

Viết xong, dồn những bài lược thuật lại thành tập để làm kỷ niệm.

Nha Trang, tiết Đông Chí năm Kỷ Mùi (12/1979)

QUÁCH TẤN

1. NGŨ HỔ BÌNH LIÊU

(Năm viên hổ tướng đi Bình Định nước Tây Liêu). Tuồng vừa Hán vừa Nôm do Nguyễn Diêu (quán Bình Định, đậu tú tài khoa Canh Thân, năm Tự Đức thứ 13 – (1860)) soạn. Sự tích rút trong truyện Ngũ Hổ Bình Liêu diễn nghĩa của Trung Quốc. Đại lược là: Địch Thanh cùng năm viên hổ tướng của nhà Tống kéo quân đi đánh nước Tây Liêu bị lạc đường sang nước Kiết Đơn. Địch Thanh và các tướng đều bị Công chúa nước Đơn là Trại Ba bắt. Tùng quyền, Địch Thanh phải kết duyên cùng Công chúa Trại Ba. Được tin, vua nhà Tống cho là Địch Thanh làm phản liền bắt Địch mẫu bỏ ngục. Địch Thanh hay được tin dữ, lén trốn Trại Ba, kéo quân tướng đi đánh Liêu. Trại Ba đem quân đuổi theo bắt lại, nhưng sau khi nghe lời phân trần phải trái, Trại Ba để cho Địch Thanh đi. Tới Tây Liêu, Địch Thanh bị lâm khốn, sai tướng về cầu cứu cùng Trại Ba. Trại Ba đem quân đến giải nguy cho Địch Thanh, vợ chồng đoàn tụ. Tuồng gồm ba hồi với những nhân vật: Trại Ba và thế nữ, Tam Nại (tướng nước Đơn), Địch Thanh, Lưu Khánh, Tiêu Đình Quý, Lý Nghĩa, Trương Trung, Thạch Ngọc, Mạnh Địch Quốc, Bằng Hồng, Tôn Tú, Trần Niện, Địch mẫu, Kim Loan, Lĩnh lệ, Lý trưởng, Cáp Man, vua nước Kiết Đơn, Tinh La Hải (tướng Tây Liêu), Độ Phu, Tôn Tú. Hồi thứ nhất chia hai lớp, lớp 1 có 12 màn:

1. Được tin Địch Thanh đã thâu 3 ải và giết 4 tướng của Đơn Quốc, Trại Ba Công chúa, thừa vương mạng đem nữ binh ra ải Thạch Đình để đánh binh Tống.

2. Tam Nại trấn ải Thạch Đình, nghe tin quân Trại Ba đến, ra cửa ải đón vào. Sau khi nghe biết tình hình chiến sự, Trại Ba quyết định ngày hôm sau ra binh.

3. Địch Thanh cùng bộ hạ đang lo buồn vì Tiêu Đình Quý và Lý Nghĩa đã bị Tam Nại bắt và chưa biết ngày nào mới có thể đi Bình Liêu thì quân báo có Trại Ba khiêu chiến, Địch Thanh sai Lưu Khánh ra ứng chiến.

4. Lưu Khánh và Trại Ba giao chiến, Lưu Khánh bị Trại Ba bắt và dẫn về ải.

5. Địch Thanh nghe tin Lưu Khánh bị bắt, thất kinh chết giấc và sau khi hồi tỉnh sai Trương Trung xuất chiến.

6. Trương Trung giao chiến cùng Trại Ba bị thua chạy về ải.

7. Nghe Trương Trung nói rằng không địch nổi với pháp thuật của Trại Ba, Địch Thanh đành phải treo miễn chiến bài.

8. Trại Ba truyền nữ binh ở ngoài thành la ó, mắng nhiếc, gọi Tổng tướng phải xuất chiến. Địch Thanh không chịu nhục nổi phải cho Thạch Ngọc và Trương Trung, kẻ tiên phong, người hậu tập, ra giao chiến cùng Trại Ba.

9. Thạch Ngọc và Trương Trung đánh không lại Trại Ba, đều bị bắt dẫn về ải.

10. Lưu Khánh, Lý Nghĩa và Tiêu Đình Quý ở trong ngục đang than thân trách phận thì thấy Trương Trung và Thạch Ngọc bị dẫn vào. Đôi bên đều khóc.

11. Tin thất trận đưa vào thành, Địch Thanh kéo quân ra trận và dặn Mạnh Định Quốc nếu mình cũng bị bắt nữa thì phải về triều báo tin, rồi giục ngựa ra thành. Nhưng ngựa giục 3 lần mà vẫn không chịu cất vó, giục đến lần thứ tư thì lại phóng chạy như bay.

12. Địch Thanh cùng Trại Ba giáp trận. Thấy tướng mạo thanh lịch, hai bên đem lòng cảm mến nhau, không nỡ chiến đấu. Địch Thanh xin Trại Ba tha thứ việc Tiêu Đình Quý lầm đường để cho mình đem binh đi đánh Tây Liêu rồi ngày sau sẽ đáp tạ. Trại Ba không chịu. Hai bên đánh nhau. Đánh mãi đến trời tối, hai bên phải thâu quân, hẹn ngày mai tái chiến.

Lớp 2 có 10 màn.

1. Tối về ải, Trại Ba thổ lộ cùng thế nữ rằng ngày trước thấy là Lư Sơn Thánh Mẫu cho biết mình sẽ kết duyên cùng người Trung Quốc. Thế nữ bày kế cho Trại Ba ngày mai nên trá bại dụ Địch Thanh vào nơi non cùng nước tận để tỏ tình.

2. Biết mình khó thắng nổi Trại Ba, Địch Thanh buồn rầu lo nghĩ , suốt đêm không ngủ được, chợt trời sáng phải xuất quân.

3. Hai bên đánh nhau được vài hiệp, Trại Ba trá bại. Địch Thanh đuổi theo.

4.Trại Ba cho thế nữ biết Địch Thanh đã mắc mưu mình và mình sẽ lựa lời hòa dụ.

5. Địch Thanh đuổi theo kịp, vừa đánh với Trại Ba vài hiệp thì tứ phía đều bị bao vây. Địch Thanh bị bắt, Trại Ba dụ hàng. Địch Thanh không chịu, bị giải về ải quan.

6. Quân chạy về báo cùng Mạnh Định Quốc. Mạnh bỏ ải Cát Lâm qua ẩn náu tại thành Bạch Dương để chờ tin tức.

7. Địch Thanh bị giam chung cùng các tướng Tống, ở trong ngục ban đêm đang buồn rầu thì có người vâng lệnh Trại Ba đem rượu thịt vào thết đãi.

8. Trại Ba đêm nằm tơ tưởng, chiêm bao thấy Địch Thanh.

9. Ở trong ngục Địch Thanh và bộ hạ nghe tin sẽ bị điệu về Đơn triều để chờ ngày xử trảm.

10. Trại Ba từ già Thạch Đình Quan, giải Địch Thanh và chư tướng về Đơn triều.

HỒI THỨ NHÌ *chia 2 lớp.*

Lớp 1 có 10 màn.

1. Lưu Khánh vâng lời Địch Thanh về Biện Kinh dò tin tức.

2. Bàng Hồng được thư rể là Tôn Tú cho hay việc Địch Thanh hòa Đơn, liền sửa soạn vào triều hạch tội.

3. Tống Vương nghe lời tâu của Bàng Hồng, sai Trần Niên đến Thái Nguyên bắt Địch mẫu. Trần Niên phụng chỉ ra đi.

4. Địch Mẫu đương trông con thì con gái là Kim Loan cho biết việc Địch Thanh kết duyên cùng Công chúa nước Đơn nên quan khâm mạng sắp đến bắt mẹ. Liền đó khâm sai đến. Kim Loan trở vào nhà. Địch mẫu ra tiếp khâm sai và xin phép cho mình từ biệt con gái trước khi ra đi.

5. Địch mẩu từ già Kim Loan. Trần Niên truyền đóng gong Địch mẩu và giải đi. Kim Loan chạy theo khóc lóc và níu mẹ lại. Không thể giữ được mẹ, Kim Loan thúi thúi trở về nhà.

6. Trời tối Lưu Khánh ghé vào nhà lý trưởng xin nghỉ đêm. Chợt lính lệ đem tờ trát của tri phủ Thái Nguyên đến cho lý trưởng. Lưu Khánh dò hỏi. Lý trưởng cho biết là Địch Thanh đã hàng thuận nước Đơn nên thái sư Bàng Hồng sai bắt Địch mẩu giải về kinh, quan phủ sức dân làng theo hộ tống. Lưu Khánh nghe tin liền từ biệt lý trưởng.

7. Lưu Khánh trông thấy Trần Niên dẫn Địch mẩu đi, vội vã trở lại Đơn quốc.

8. Mạnh Định Quốc thác tích tại Bạch Dương Sơn nghe tin Địch Thanh đã hàng giặc, các tướng đi trấn các cửa ải của Đơn bang thì nổi giận. Lại nghe Trương Trung trấn ải Các Bình, liền đem binh tới đánh.

9. Mạnh Định Quốc giao chiến cùng Trương Trung. Trương Trung giải bày cho biết việc hòa Đơn chỉ là tòng quyền để chờ dịp đi đánh Tây Liêu. Định Quốc liền trở về Bạch Dương chờ ngày hiệp cùng Địch Thanh đi chinh Tây.

10. Lưu Khánh trên đường về Đơn quốc.

Lớp 2 có 13 màn.

1. Địch Thanh ra dạo vườn hoa. Lưu Khánh đến cho biết tin Địch mẩu. Địch Thanh than khóc thảm thiết. Đoạn bảo Lưu Khánh tới trước các ải quan thông tin cho chư tướng, còn mình sẽ liệu cách qua Tây Liêu.

2. Địch Thanh trở về tư dinh cùng Trại Ba Công chúa. Thấy vẻ mặt chồng không vui, Công chúa hỏi duyên cớ. Địch Thanh nói dối rằng buồn vì lâu ngày không thấy các bữu bối của mình mà Trại Ba cất giữ. Trại Ba liền bảo thế nữ đem các bấu ấy ra. Địch Thanh vui mừng, cùng vợ nâng chén. Chợt thế nữ báo tin mẩu hậu lâm bệnh. Trại Ba vội từ già chồng về cung thăm mẹ.

3. Thừa cơ hội tốt, Địch Thanh lấy các bữu bối, trốn đi.

4. Lưu Khánh đương trông đợi thì gặp Địch Thanh. Hai bên mừng rỡ, cùng nhau lên đường.

5. Thăm mẹ xong, Công chúa trở về không thấy chồng cũng không thấy các bữu bối. Biết rằng Địch Thanh đã trốn đi, Công chúa bèn cùng thế nữ theo tìm.

6. Địch Thanh cùng Lưu Khánh đi chưa được bao xa thì Công chúa theo kịp. Công chúa níu chồng. Địch Thanh năn nỉ nết lời cũng không chịu thả. Lưu Khánh tức giận phải dùng vũ lực giải thoát Địch Thanh. Công chúa đuổi theo.

7. Chạy đã xa, Địch Thanh bảo Lưu Khánh tới trước thông báo cùng chư tướng, để mình đi sau điều bát đại binh.

8. Tiêu Đình Quý trấn ải Chánh Bình, đang trông tin Địch Thanh, thì Lưu Khánh cho hay Địch Thanh đã rời Đơn quốc. Đình Quý liền đi thông báo các ải.

9. Trại Ba cùng thế nữ không ngại gian nan, băng ngàn vượt suối đi tìm Địch Thanh.

10. Địch Thanh đi đến ải Phong Hoa bị tướng của Đơn bang là Cáp Man chặn không cho qua ải. Kịp Trại Ba đến. Địch Thanh và Trại Ba đánh nhau. Lưu Khánh ở trên không đáp xuống đánh Trại Ba một cơn và buông lời chỉ trích, rồi bay mất. Địch Thanh phải tạ tội cùng Công chúa. Công chúa nghĩ kỹ thiệt hơn, bằng lòng để cho Địch Thanh đi lo sứ mệnh.

11. Trại Ba buồn thảm cùng thế nữ trở về cung.

12. Đơn vương nghe báo rẽ mình trốn đi và con gái cũng mất tích nên vội vã đi tìm.

13 Trên đường về, Trại Ba gặp phụ vương. Cha con mừng mừng tủi tủi cùng nhau về trào.

HỒI THỨ BA *chia làm 2 lớp.*

Lớp 1 có 11 màn.

1. Được tin binh Tống kéo vào đất Tây Liêu và đã đánh lấy mất 3 ải, Tinh La Hải vâng lệnh Liêu chúa đem binh kháng cự.

2. Địch Thanh cùng chư tướng chiếm giữ Bạch Hạc quan, nghe báo Tinh La Hải hưng binh, liền sai Trương Trung xuất trận.

3. Trương Trung đem quân đi trước. Địch Thanh, Lưu Khánh, Lý Nghĩa, Thạch Ngọc đi sau khán trận.

4. Trương Trung và Tinh La Hải giao chiến. Trương Trung bại tẩu. Lưu Khánh tiếp chiến cũng thất bại.

5. Địch Thanh nghênh chiến, La Hải thua chạy. Địch Thanh đuổi theo.

6. La Hải trở lại dùng pháp thuật, Địch Thanh không chống nổi, chạy vào ải bế môn kiên thủ. Quân La Hải vây phủ ngoài thành.

7. Địch Thanh sai Lưu Khánh về Đơn quốc khất binh.

8. Mạnh Định Quốc và Tiêu Đình Quý ở ải Thất Tinh nghe tin Địch Thanh bị vây ở Bạch Hạc, bèn về Tống trào xin tiếp cứu.

9. Trại Ba buồn vì nhớ chồng, cùng thế nữ đi ngao du.

10. Về tới Đơn quốc, Lưu Khánh vào quán kêu rượu uống. Chủ quán nhận biết Lưu Khánh là kẻ mà Đơn vương đã ra lệnh truy nã, bèn đem rượu mê cho uống, rồi kêu lý trưởng và tri hương đến bắt trời.

11. Trại Ba đi ngang qua quán, nghe tiếng ồn ào, ghé vào hỏi. Nhận biết là Lưu Khánh, Công chúa truyền giải rượu mê. Lưu Khánh tỉnh dậy, kể hết sự tình. Công chúa hạch tội thấy trò Lưu Khánh. Khánh vừa biện bát vừa cầu khẩn. Công chúa nguôi giận, bảo Khánh trở về Bạch Hạc trước, còn mình về Đơn trào xin phụ vương cấp binh cứu viện.

Lớp 2 có 12 màn.

1. Độ phu chèo thuyền hát nghêu ngao để chờ khách quá giang thì bị Tiêu Đình Quý và Mạnh Định Quốc chạy tới đoạt thuyền.

2. Đình Quý và Định Quốc chèo thuyền đến ải Tam Quan xin quá ải để về triều.

3. Tống binh là Tôn Tú không cho vào. Định Quốc và Đình Quý xông phá ải quan và mắng nhiếc Tôn Tú. Tôn Tú cho quân vây bắt đem chém, Định Quốc và Đình Quý ra sức đánh nhau mới chạy thoát.

4. Trời tối hai tướng vào ngủ nơi miếu thờ Quan Vũ. Quan Vũ ứng mộng báo hai tướng qua Đơn quốc xin cứu viện nơi Trại Ba.

5. Trại Ba về trào, trình việc Địch Thanh bị vây nơi Bạch Hạc quan và xin phụ vương cho mình đi cứu. Ban đầu Đơn vương

không chịu. Nhưng Trại Ba đòi quyền sinh, nên Đơn vương đành phải cấp binh cho đi cứu chống.

6. Trên đường qua Đơn quốc, Định Quốc và Đình Quý gặp binh mã của Trại Ba. Trại Ba giao cho Đình Quý đi tiên phong, Định Quốc đi hậu tập. Cả đoàn thẳng tới Bạch Hạc quan.

7. Định Thanh đương trông ngóng viện binh, thui có tin Lưu Khánh về rồi Trại Ba cũng sắp đến, bèn sắp đặt ra binh.

8. La Hải nghe báo có binh mã Trại Ba đến bèn đem quân ra cự địch. Hai bên giao phong, La Hải thua chạy. Trại Ba đuổi theo.

9. Thạch Ngọc, Trương Trung, Lưu Khánh, Lý nghĩa ở trong thành kéo ra đuổi đánh La Hải.

10. Tiêu Đình Quý và Mạnh Định Quốc cũng xua binh đuổi theo.

11. Trại Ba đuổi kịp La Hải. La Hải chống cự không nổi, bị Trại Ba chém chết.

12. Định Thanh mừng rỡ rước vợ vào thành, mở tiệc cùng tướng sĩ ăn mừng chiến thắng.

Tướng Ngũ Hồ Bình Liêu là một trong những bốn tướng được phổ biến và được tán thưởng nhất ở miền Trung. Tương truyền cụ Nguyễn Diêu chỉ soạn hồi thứ nhì và hồi thứ ba. Còn hồi thứ nhất một người khác mới thêm vào sau. Lại có người bảo rằng hồi thứ nhất đã có trước rồi cụ Nguyễn Diêu mới tiếp hai hồi sau. Không biết thoại nào đúng. Nhưng có thể tin rằng cụ Nguyễn chỉ soạn 2 hồi sau, vì hồi thứ nhất văn chương cũng như tình tiết kém. Hồi thứ nhì cụ Đào Tấn có thêm một đoạn nhỏ ở cuối hồi, đoạn Trại Ba bằng lòng cho Định Thanh đi chinh Liêu, vợ chồng thở than trước khi ly biệt. Bốn tướng nguyên tác đã thất lạc từ lâu. Những bốn chữ Nôm và Quốc ngữ hiện còn đều là những bản sao. Trước ngày giải phóng miền Nam, khoảng 1970 – 1974, ông Trần Văn Hương có cho xuất bản bộ tướng Ngũ Hồ gồm đủ 3 hồi. Bộ tướng ấy in theo bản chép tay do bà Đào Trúc Tiên cho mượn, có đoạn của cụ Đào Tấn thêm vào. Bản tôi dựa để biên soạn đây, là bản chữ Nôm của ông Bửu Thù cho mượn. Bản này không có đoạn của cụ Đào Tấn thêm. Ông Thù cho biết là đã chép theo một bản sao rất cũ (đời Duy Tân) và có một số chi tiết mà bản in của Trần Văn Hương không có. Bản Nôm này chép trên 246 trang giấy học trò khổ 30 x 20cm, chữ tròn, thỉnh thoảng cũng có đôi chữ

thảo lẫn lộn, viết bằng bút BIC màu xanh và màu đỏ (những câu hường viết đỏ).

2. LIỆU ĐỐ

(Chữa bệnh ghen)

Tổng Hán Nôm do Nguyễn Diêu, người Bình Định, đậu tú tài triều Tự Đức soạn vào khoảng 1872 – 1880. Chuyện tuồng cũng như nhân vật đều hư cấu. Nội dung đại lược là: Châu Anh, một viên cử nhân ở thôn Bạch Lành, có người vợ tên Ngọc Mai có tánh hay ghen. Châu Anh ra kinh đô thi hội, giữa đường gặp ăn cướp chặn đánh, nhờ Thạch Nghị và con gái là Kim Liên cứu khỏi nạn. Trong lúc hoảng hốt Châu Anh chạy trốn nơi buồng Kim Liên. Thạch Nghị cho là duyên trời run rủi, bèn gả Kim Liên cho Châu Anh, rồi đưa Châu Anh đi thi. Bọn ăn cướp dò biết Thạch Nghị không có ở nhà, đến đốt phá nhà cửa để trả thù. Kim Liên chống cự không lại bị bắt đem về sơn trại. Ở nhà Ngọc Mai được tin chồng có vợ nhỏ, nổi ghen, giao nhà cho gia đình, cùng với một nữ đồng ra kinh đô tìm chồng. Đi đường thấy trò Ngọc mai bị ăn cướp bắt đem về nhốt một chỗ cùng Kim Liên. Gặp nhau, nhân tỏ bày cho nhau biết nguyên nhân mình bị bắt, hai bên hơi ôi...! Nhưng Kim Liên tự biết thân phận, hết lời xin Ngọc Mai bao dung. Còn Ngọc Mai vì ở trong cảnh nạn tử, đành nuốt giận làm lành. Kế đó hai nàng bị bọn cướp đem chia cho nhau: Ngọc Mai chia cho chánh chủ trại là Hắc Sát, Kim Liên chia cho phó chủ trại là Bạch Hoạch. Kim Liên lập mưu giết được Bạch Hoạch và cứu thoát Ngọc Mai cùng nữ đồng. Ba người đương chạy trốn thì Hắc Sát kéo lâu la đuổi theo bắt. Thạch Nghị đưa rế đi rồi trở về nhà thấy cửa nhà bị đốt phá, lại không thấy con, bèn chạy đi tìm. Gặp Hắc Sát đương rượt Kim Liên và thấy trò Ngọc Mai, Thạch Nghị xông vào đánh giết tướng giặc và đưa chị em thấy trò Ngọc Mai về nhà tạm trú. Về nhà Kim Liên đối đãi với Ngọc Mai hết lòng kính nhượng. Nhưng Ngọc Mai vẫn coi Kim Liên là kẻ thù; song vì mang ơn cứu nạn, nên đành chỉ ghen ngầm. Nổi uất ức không phát tiết được, Ngọc Mai lâm bệnh. Kim Liên tận tình chạy chữa nhưng bệnh mỗi ngày mỗi nặng thêm, sau phải cắt thịt sắc thuốc cho Ngọc Mai uống, bệnh mới khỏi. Bệnh tuy khỏi mà ghen vẫn không hết. Ông Đại phải xuống âm phủ gọi hồn mẹ Ngọc Mai về khuyên giải con gái. Bà mẹ đem ơn Kim Liên cứu chồng và cắt thịt sắc

thuốc để cứu nàng mà thuyết. Ngọc Mai hồi tâm, nhưng để nghiệm xem lời mẹ, nàng liền tìm Kim Liên, yêu cầu mở áo cho xem thương tích. Thấy rõ đức hy sinh của Kim Liên đối với mình, Ngọc Mai cố hết lòng hờn giận ghen tuông và thành thật tạ ơn Kim Liên. Liền đó Kim Liên chuyển bụng đẻ. Ngọc Mai hết lòng săn sóc. Sau đó ít lâu, vì thấy nơi cư trú của Kim Liên quá hiu quạnh, vì đã bị bọn cướp đốt phá, làng xóm di tản hết, Ngọc Mai bèn mời Thạch Nghị cùng mẹ con Kim Liên về Bạch Lãnh. Thạch nghị chấp thuận... Tuồng gồm 1 hồi 3 lớp.

LỚP THỨ NHẤT, với những nhân vật: Châu Anh, Ngọc Mai, Hề đồng, Hắc Sát, Bạch Hoạch, Kim Liên, Thạch Nghị, và chia làm 9 màn:

1. Châu Anh và Ngọc Mai bàn về việc đi thi hội. Ngọc Mai tặng chồng một viên ngọc Uyên ương để “thấy vật nhớ người”. Châu Anh và Hề đồng lên đường, Ngọc Mai theo đưa và dặn chồng đừng sa mê phường phấn sáp.

2. Hắc Sát và Bạch Hoạch kéo lâu la xuống núi.

3. Châu Anh và Hề đồng bị bọn Hắc Bạch chặn đánh. Thấy trò Hề đồng tẩu thoát, bọn cướp đuổi theo.

4. Trời tối Kim Liên đến thư viện ngâm thơ làm vui, chợt nằm mộng thấy cọp, tỉnh dậy xin cha bàn điểm mộng. Đương trò chuyện thì nghe la ó, chạy ra xem thấy ăn cướp rượt người, hai cha con liền can thiệp, bọn cướp bỏ chạy, nhưng cha con nhìn quanh không thấy người được cứu nạn đâu cả.

5. Kim Liên cùng cha trở về. Vào buồng, nàng thấy có người núp, bèn hô hoán. Thạch Nghị toan hành hung, song Kim Liên can. Thạch Nghị hỏi lai lịch, khách thưa rằng mình tên Châu Anh là “một cống sĩ đậu khoa Nhâm Dần...”. Nhớ lại giấc mộng của con, Thạch Nghị nghĩ bụng: “Dần là hổ, hổ là cọp... Cọp vào trước... người vào sau...”, liền bảo Châu Anh ra thư viện tạm nghỉ.

6. Cha con Thạch Nghị bàn về việc Châu Anh. Thạch Nghị bảo đó là duyên trời sắp định, bèn gả Kim Liên cho Châu Anh mặc dù Châu Anh thú thật rằng mình đã có vợ.

7. Hắc Sát Bạch Hoạch bị thua kéo quân về sơn trại chờ dịp trả thù.

8. Châu Anh gả duyên cùng Kim Liên thì ngày đêm lo sợ Ngọc Mai ghen. Hễ đồng bàn lễ thiết hơn. Châu Anh bớt lo, bèn sửa soạn hành trang đi ứng thí.

9. Châu Anh đến từ già cha vợ và vợ. Thạch Nghị vui vẻ nhận lời. Kim Liên bảo chồng để lại một vật gì làm kỷ niệm. Châu Anh bảo không có vật đáng giá. Kim Liên không nghe lục trong mình chồng thấy viên ngọc Uyên ương bèn giữ lấy, Châu Anh xin lại không được.

10. Châu Anh lên đường, Thạch Nghị giao nhà cho con, theo đưa rể vài dặm.

LỚP THỨ NHỊ: Với những nhân vật trước, nhưng bớt Châu Anh, Hề đồng và thêm bà Bảy Nhạn, Nữ đồng, vợ chồng Hương Mục, Lão Huống, và chia làm 15 màn:

1. Ngọc Mai ở nhà đương nhớ chồng thì Bảy Nhạn đến mách lẻo rằng Châu Anh có vợ bé. Ngọc Mai nổi ghen chụp thị Nhạn đánh rồi té nhào bất tỉnh.

2. Nữ đồng chạy sang nhà Hương Mục xin thuốc. Hương Mục hỏi biết đầu đuôi, giận mắng thị Nhạn và bênh vực Châu Anh. Bà Hương Mục nổi tức mắng chồng rồi chạy sang nhà Ngọc Mai. Nhờ hờn ngược đổ nước, Ngọc Mai tỉnh dậy. Bà Hương khuyên đừng ghen bóng ghen gió, nên ra gặp chồng xét xem việc có không: “Nếu quả thấy trở quẻ; thì cô sẽ bẻ giò”. Ngọc Mai cho phải, sắp đặt việc nhà cửa ruộng nương giao cho gia đình, rồi cùng Nữ đồng đi ra kinh đô tìm chồng.

3. Dò biết Thạch Nghị đi vắng, Hắc Sát và Bạch Hoạch kéo lâu la đến đánh phá nhà Thạch Nghị để trả thù xưa.

4. Kim Liên cố thể bỏ chạy. Hắc, Bạch đuổi theo bắt được. Bọn cướp đốt phá nhà cửa và dẫn Kim Liên về sơn trại.

5. Về trại Hắc Sát gả Kim Liên cho Bạch Hoạch. Bạch Hoạch nhượng lại cho Hắc Sát. Cứ nhượng qua nhượng lại mãi, sau cùng đem giam Kim Liên, đợi bắt được một nàng nữa rồi sẽ tính chuyện vợ chồng.

6. Ngọc Mai cùng nữ đồng dọc đường bị Hắc, Bạch bắt được đem về giam một chỗ cùng Kim Liên, đợi lựa được ngày lành sẽ làm lễ “điện nhận”.

7. Kim Liên và Ngọc Mai gặp nhau, cho nhau biết hoàn cảnh và tâm sự. Thấy Kim Liên đeo ngọc Uyên ương “giống viên ngọc của mình tặng chồng” bèn gạn hỏi. Kim Liên thú thật: “Ngọc đó tức ngọc đây, chồng em là chồng chị”. Đang ở trong cảnh cùng khốn, Ngọc Mai phải nuốt giận làm lành. Chợt quán đến bảo hai nàng lo sửa soạn: Ngọc Mai thì đến Đông đường cùng Hắc Sát, Kim Liên thì sang Tây viện cùng Bạch Hoạch.

8. Kim Liên lập mưu xin kết nghĩa cùng Bạch Hoạch trước, đợi vài ngày nữa cho Ngọc Mai bớt lo sợ rồi sẽ vầy duyên cùng Hắc Sát. Hắc Sát nhận lời, rót rượu chúc Bạch Hoạch.

9. Kim Liên phục rượu cho Bạch Hoạch say rồi chém chết, lấy chân đắp xác, xách kiếm đi cứu Ngọc Mai.

10. Kim Liên đem Ngọc Mai đi trốn.

11. Sáng ra lâu la đến Tây viện mới hay Bạch Hoạch bị giết, Kim Liên trốn đi, liền chạy báo cùng Hắc Sát. Hắc Sát cho vào xem Ngọc Mai thì nàng cũng không còn, bèn nổi giận kéo lâu la bữa vầy khắp vùng để bắt hai nàng lại.

12. Bị đuổi theo quá gấp, Ngọc Mai kiệt sức, Kim Liên phải công nàng mà chạy.

13. Thạch Nghị đưa rẽ trở về thấy cửa nhà tan nát con gái bị mất tích, hối hả đi tìm con.

14. Lão Huống đương tháo nước ruộng thì Thạch Nghị đến. Đáp lời Thạch Nghị, lão Huống cho biết tin “cướp đến nhà bắt gái” được nghe mấy hôm trước. Thạch Nghị đoán biết thủ phạm chính bọn Hắc Sát, liền hối hả chạy lên sơn trại.

15. Bị Hắc Sát đuổi kịp, Kim Liên, Vai công Ngọc Mai, tay vung kiếm mở đường chạy thoát.

16. Thạch Nghị gặp Hắc Sát liền xông vào đánh. Hắc Sát bị giết chết, lâu la bỏ chạy tứ tán. Cha con gặp nhau, Kim Liên bèn kể hết sự tình. Thạch Nghị bảo con mời Ngọc Mai về nhà tạm trú.

LỚP THỨ BA, chỉ còn 4 nhân vật: Kim Liên, Ngọc Mai, Nữ đồng, Thạch Nghị và chia làm 9 màn.

1. Ngọc Mai ở nhà Kim Liên, phần nhớ chồng, phần bị dày vò về nỗi “cướp chồng đây, giận nghĩ càng thêm; mang ơn đó, cực kia phải chịu”. Thấy chị biếng ăn biếng ngủ lại cứ than vãn thở dài,

Kim liên tìm đến an ủi. Vừa thấy mặt Kim Liên, Ngọc Mai phát uất ngả chết điếng. Kim Liên chạy thuốc cứu tỉnh dậy. Đuổi hết mọi người để cho nàng tỉnh dưỡng.

2. Kim Liên buồn vì mình “đã hết lòng hết sức” mà “người còn hờn gió hờn mây”. Đoạn tìm thăm bệnh Ngọc Mai.

3. Nữ đồng phần nhớ nhà phần thương chủ “vì lằng lịu mối hờn quân tử, cam dày vò cái vóc kiêu nhu” ngồi thở than một mình. Kim Liên đến hỏi về bệnh tình Ngọc Mai, Nữ đồng cho biết mỗi ngày mỗi nặng thêm. Kim Liên nghĩ rằng chị mình “mắc bệnh quý” vì ngủ thường thấy ma, nói mê sáng, mà bệnh quý nếu không có thuốc tiên thì dùng thịt người mới chữa khỏi, bèn cắt thịt mình sắc thuốc cho chị uống. Ngọc Mai lấy lại tinh thần và sức khỏe, nhưng không bỏ được chứng ghen...

4. Thổ Địa vâng lệnh Ngọc Hoàng xuống khuyên Ngọc Mai bỏ ghen. (Đây là 1 màn vui) Thổ Địa kể những người đàn bà nổi tiếng ghen ngày xưa và thái độ cùng hành vi của đàn bà ghen thời nay, đoạn nhái hình dáng và cử chỉ ngôn ngữ đàn bà ghen. Rồi nhớ đến nhiệm vụ của mình, nhưng nghĩ rằng mình “người dương nước lã” lời khuyên can chỉ là “mưa xối lá môn”, bèn xuống âm phủ gọi hồn Kim Cảnh là mẹ Ngọc Mai về khuyên giải nàng...

5. Kim Cảnh đương nhớ con thì Thổ Địa đến cho biết sứ mệnh. Kim Cảnh theo thổ địa về dương gian.

6. Ngọc Mai ngồi ghen tuông một mình: “Lấy chồng người, tội ấy khó dung; Bia miệng thế, phần dây cam chịu”. Thổ Địa phát cớ làm cho nàng mê hồn nằm ngủ. Trong mộng nàng gặp mẹ. Kim Cảnh đem công ơn cứu chồng cứu nàng ra thuyết. Ngọc Mai tỉnh dậy, vẫn còn ghen. Thổ Địa phải làm cho nàng gặp mẹ một lần nữa. Lần này Kim Cảnh đem việc Kim Liên tự cắt thịt để chữa bệnh cho nàng ra khuyên nàng không nên ghen tuông nữa. Ngọc Mai tỉnh dậy ăn năn: “Mẹ dặn con lời đã cạm lời; Con lạy mẹ, dạ nguyên chữ dạ. Nhưng để chứng minh lời mẹ, nàng sang buồng Kim Liên tìm cách xem vết thương.

7. Kim Liên vừa thức dậy thì Ngọc Mai đến. Ngọc Mai xin Kim Liên cởi áo cho mình xem... một chút... Ngọc Mai năn nỉ mãi Kim Liên mới chịu lòng... Nhận thấy “lời mẹ quả thiêng” Ngọc Mai xúc động, hết lời cảm tạ Kim Liên. Chợt Kim Liên chuyển bụng đẻ.

Vốn chung quanh không người, Ngọc Mai hết lòng săn sóc Kim Liên. Chị em tỏ tình thương yêu nhau rất mực.

8. Thạch Nghị đương ngồi mừng cánh gia đình và trông tin rể, thì Ngọc Mai vào xin rước cha và mẹ con Kim Liên về Bạch Lân nương nấu để đợi Châu Anh, vì ở đây bị bọn cướp đốt phá đã trở thành tiêu điều, về Bạch Lân đã có cơ sở vững vàng lại thêm dễ đường nuôi dạy trẻ. Kim Liên nói thêm vào. Thạch Nghị bèn đồng ý. Hành trang sắp xếp xong, mọi người dắt nhau lên đường...

Tướng viết dâng cho vua Tự Đức ngự lãm nên soạn giả dựng công thời xao, lời văn điển nhã. Nguyên bản Hán Nôm chưa tìm thấy. Bản dùng để biên soạn này là một bản quốc ngữ của gia đình họ Quách ở Nha Trang. Chữ đánh máy, khổ giấy 20 x 26. Tướng rất được giới thức giả hoan nghênh, nhưng lại bị khách “nhà nghề” chê là “mắc mỏ khó hát” nên ít được phổ biến ở kịch trường.

3. TÂN DÃ PHÂN BINH

(Chính tên là TÂN DÃ ĐÓN)

Chia binh (đánh quân địch) nơi huyện Tân Dã (Tam Quốc). Về tướng Nôm lẫn Hán của Đào Tấn (1845 – 1907), rút trong TAM QUỐC CHÍ DIỄN NGHĨA, hồi thứ 36: “Dùng mưu kỳ, Lưu Bị chiếm Phần Thành; Quay vó ký, Từ Thử tiến Gia Cát”. NỘI DUNG, đại khái là: Tào Tháo sai em là Tào Nhân đem bộ tướng và 3 vạn quân tới đóng Phần Thành để phòng ngừa Lưu Bị bấy giờ đang đóng binh tại Tân Dã. Nghe lời Lã Khoáng, Lã Tường, Tào Nhân cấp cho họ 5 ngàn quân đi đánh Tân Dã. Binh Tào đại bại, hai tướng họ Lã bị tử trận. Được tin Tào Nhân cá giận, kéo rốc quân Phần Thành, đàng đêm sang sông, quyết cào bằng Tân Dã. Nhờ quân sư là Từ Thử (lấy tên là Đan Phúc) dùng mưu, chia binh làm 3 đạo do Triệu Tử Long, Trương Phi và Quan Vũ chỉ huy, mà Lưu Bị thắng được Tào Nhân và chiếm được Phần Thành. Tào Nhân chạy về Hứa Xương chịu tội. Tào Tháo cho “được thua là chuyện thường” nên tha. Tào Nhân thú thật rằng mình bị bại vì mắc mưu Đan Phúc. Nhờ quân sư Trình Dục, Tào Tháo biết được Đan Phúc là Từ Thử có mẹ già ở gần Hứa Xương, bèn sai người đi tìm bắt Từ Mẩu. Ép buộc viết thư gọi con. Từ mẩu chẳng những không nghe mà còn lảng nhục Tào Tháo. Tháo giận toan giết, Trình Dục can. Tháo nghe lời giam Từ mẩu lại. Trình Dục lập mưu gian, học được nét chữ Từ mẩu, viết thư giả lời Mẩu gọi Thử về,

rồi sai người đem sang Tân Dã. Trúng kế, Từ Thứ than khóc, rồi vào ra mắt Lưu Bị, tỏ tình cảnh mẹ già bị nạn và xin về Hứa Xương. Không nỡ để Từ Thứ mang tội bất hiếu, Lưu Bị mở tiệc tiễn hành, rượu tràn nước mắt. Từ Thứ lên đường, Lưu Bị cùng chư tướng lên gò đứng trông theo. Đi được một đoạn đường, Từ quay trở lại tiễn cử Khổng Minh rồi mới vĩnh biệt.

Vở tuồng bắt đầu từ đoạn Tào Nhân kéo rốc quân sang sông đánh Tân Dã, và gồm một hồi 2 lớp.

LỚP THỨ NHẤT, có 6 màn và những vai: Tào Nhân cùng quân bả trạo (chèo thuyền), Lưu Bị, Từ Thứ, Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Tử Long, vợ chồng ông chài, Tào Tháo và Trình Dục.

MÀN 1: Tào Nhân đem binh sang sông.

MÀN 2: Từ Thứ phân binh: Triệu Tử Long đem quân đánh cùng Tào Nhân, Trương Phi kéo quân ra bến sông mai phục, Quan Vũ dẫn quân đi thẳng qua Phàn Thành tập kích, Lưu Bị cùng Từ lên gò xem trận.

MÀN 3: Quan, Trương, Triệu xuất binh.

MÀN 4: Tào Nhân và Triệu Tử Long giao chiến. Tào Nhân lập trận Bát môn. Nhờ Từ Thứ ở xa chỉ điểm, Tử Long phá được trận và chiến thắng Tào Nhân. Tào Nhân đào tẩu, Tử Long lui binh.

MÀN 5: Trên sông vợ chồng ông chài chèo thuyền hát nghêu ngao. Tào Nhân chạy đến gọi. Thuyền sắp cập bến thì Trương Phi xuất hiện. Tào Nhân không dám chống cự, cướp thuyền chạy về Phàn Thành. Phàn Thành đã bị Quan Vũ chiếm đóng. Quan Vũ sai tướng ra đánh Tào Nhân. Tào Nhân thua chạy. Quan Vũ thu binh.

MÀN 6: ở Hứa Xương Tào Tháo đương ngồi trông tin tức Phàn Thành thì Tào Nhân về chịu tội và thú thật nguyên nhân sự bại binh. Tào Tháo tha tội cho Tào Nhân và nghe lời Trình Dục sai người đi bắt mẹ Từ Thứ...

LỚP THỨ NHÌ, có 3 màn và các vai: Trình Dục cùng quân tâm phúc, Từ Thứ, Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi.

MÀN 1: (Từ mẫu bị bắt đem về Hứa Xương, Tào Tháo ép viết thư gọi con về, Từ mẫu không nghe còn lảng nhục Tháo. Theo kế Trình Dục, Tháo đem giam Từ mẫu chớ không giết. Trình Dục lập mưu gian, học được nét chữ Từ Mẫu, viết bức thư giả gọi Từ Thứ về Tào: Những sự kiện nầy không diễn ra tuồng, chỉ do miệng

Trình Dục nói ra): Viết xong thư giả, Trình Dục ra gọi quán tâm phúc sai cầm qua Tân Dã trao tận tay Từ Thứ.

MÀN 2: Ở Tân Dã Từ Thứ đương thương nhớ mẹ thì được thư. Đọc thư thấy tình cảnh mẹ già, Từ Thứ than khóc thấm thiết. Đoạn cầm thư đi tìm Lưu Bị.

MÀN 3: Gặp Lưu Bị, Từ Thứ tỏ hết sự tình và xin về Hứa Xương cứu mẹ. Lưu Bị khóc mà nhận lời. Tiệc tiễn hành bày ra có Quan, Trương bồi tiếp. Rồi Từ Thứ lên đường, Lưu Bị cùng Quan, Trương lên gò đứng trông theo. Đi được một đoạn đường, Từ Thứ quay ngựa trở lại, tiến cử Khổng Minh... đoạn bái biệt. Lưu Bị cùng Quan, Trương về thành lo việc đi cầu hiền.

Tuồng TÂN DÃ PHÂN BINH thường gọi là tuồng TỬ THỨ QUY TÀO. Tuồng chưa in. Nguyên bản chữ Nôm đã bị thất lạc. Nhà họ Quách hiện có một bản đã phiên ra Quốc ngữ do bà Đào Chi Tiên, con gái tác giả, tự tay chép tặng. Theo lời bà Chi Tiên thì tuồng Tân Dã đã soạn từ lúc tác giả chưa thi đậu, vào khoảng 18 – 20 tuổi. Lúc về hưu, có lần tác giả dùng sân khấu thiên nhiên với ngựa thật thuyền thật để cho diễn tuồng. Do đó có người lầm tưởng rằng tuồng đã soạn lúc tác giả về vườn. Sự thật trong 3 năm trí sỹ, Đào Tấn không soạn thêm bản tuồng nào cả.

4. TRÂM HƯƠNG CÁC

Tác giả: Đào Tấn

Tên tuồng: Lấy tên điện thờ bà Nữ Oa mà đặt

Niên đại soạn tuồng: Triều Thành Thái (1889–1907)

Nội dung:

Tuồng nửa Nôm, nửa chữ Hán. Sự tích rút trong truyện Phong Thần

Đại lược:

Trụ Vương, nhân ngày thánh誕 của bà Nữ Oa, cùng quan Tể thần là Thương Dung đến Trâm Hương Các dâng hương. Trông thấy thần tượng xinh đẹp, trụ vương động tâm buông lời trêu ghẹo. Nữ Oa giận sai Hồ ly tinh đi trả thù. Gặp dịp Tô Hộ đem con gái là Đắc Kỷ vào triều dâng Trụ Vương, Hồ ly tinh bèn chặn đường hợp hôn. Hồn Đắc Kỷ được Địa Tạng Bồ Tát tiếp dẫn về Tịnh Độ. Còn Hồ ly tinh đội lốt Đắc Kỷ theo Tô Hộ vào cung Trụ Vương. Việc đổi xác thay hồn không một ai hay biết.

Được Đắc Kỷ, Trụ Vương say mê nhan sắc, ngày đêm đắm mình trong hoan lạc, không ngó ngàng đến việc quốc gia. Tiên Vân Trung Tử đi hái thuốc nhìn thấy yêu khí ngùn ngụt nơi hoàng cung, bèn đến dâng cho trụ vương một thanh gương bằng cây tùng để trừ yêu quái. Đắc Kỷ (xác người hồn quỉ) trông thấy sợ hãi, xúi Trụ Vương hủy đi. Trụ Vương nghe theo. Đã mê hoặc được lòng Trụ Vương, Đắc Kỷ tìm cách giết lẫn những trung thần lương tướng. Tể thần Thương Dung và Thành Vương Hoàng Phi Hổ nhìn thấy nguy cơ, cùng nhau lo cứu vãn tình thế.

Một hôm Đắc Kỷ, thác kế thỉnh chư tiên đến Lộc đài đãi yến để cầu phước cho nhà vua, ngầm gọi bà con nhà họ giả tiên đến ăn uống. Rượu say quần hồ để lộ chân tướng. Thương Dung thấy được, đến báo cùng Hoàng Phi Hổ. Tiệc tan, quần hồ kéo nhau về. Phi Hổ chặn đánh. Quần hồ không cự nổi chạy trốn vào hang, Phi Hổ nổi lửa đốt hang. Quần hồ bị tiêu diệt trồn.

Tuồng gồm 1 hồi, 2 lớp.

LỚP THỨ NHẤT: chia làm 7 màn, với những nhân vật: Trụ Vương, Thương Dung, Nữ Oa, Hồ ly tinh, Vân Trung Tử, Tô Hộ, Đắc Kỷ, Địa Tạng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát.

- **Màn thứ nhất:** Thương Dung giáo đầu.
- **Màn thứ hai:** Trụ Vương và Thương Dung đến Trảm Hương Các dâng hương.
- **Màn thứ ba:** Trụ Vương thất lễ cùng Nữ Oa. Nữ Oa sai Hồ ly tinh đi báo thù.
- **Màn thứ tư:** Vân Trung Tử ở Chung Nam Sơn nhìn thấy yêu khí nơi đế đô, liền xuống núi đi trừ yêu quái.
- **Màn thứ năm:** Tô Hộ đưa Đắc Kỷ vào triều. Dọc đường trời tối, cả đoàn vào nghỉ nơi dịch đình.
- **Màn thứ sáu:** Hồ ly tinh hiện đến dịch đình, hớp hồn Đắc Kỷ. Địa Tạng Bồ Tát tiếp dẫn hồn Đắc Kỷ. Hồ ly tinh nhập hồn vào xác Đắc Kỷ rồi cùng Tô Hộ lên đường.
- **Màn thứ bảy:** Địa Tạng dẫn hồn Đắc Kỷ đi. Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ra cùng Địa Tạng đưa Đắc Kỷ về Tịnh Độ. Đồng thời Tô Hộ cùng Hồ ly tinh đội lốt Đắc Kỷ đi đến kinh đô.

LỚP THỨ NHỊ: chia làm 9 màn, với những nhân vật: Văn Trung Tử, Trụ Vương, Đắc Kỷ, Bì Trọng, Lương y, Thương Dung, Hoàng Phi Hổ, Quân hồ.

– **Màn thứ nhất:** Văn Trung Tử biết Hồ ly tinh đã vào cung vua, liền theo dõi.

– **Màn thứ hai:** Trụ Vương cùng Đắc Kỷ giả đổi ăm trong cung.

– **Màn thứ ba:** Trụ Vương cùng Đắc Kỷ giả vui say nơi hoa viên. Đắc Kỷ múa gươm cho trụ vương xem. Văn Trung Tử đến. Đắc Kỷ giả về cung. Văn trung tử cho trụ vương biết là trong cung có quỷ khí và dâng kiếm để trừ tà.

– **Màn thứ tư:** Đắc Kỷ giả tuân lệnh Trụ Vương, sang Thọ Tiên Cung. Vừa đến cửa cung trông thấy thanh kiếm thì kinh hãi liền lui gót.

– **Màn thứ năm:** Đắc Kỷ giả làm bộ đau. Trụ Vương truyền Bì Trọng gọi ngự y, ngự y nói không vừa ý Trụ Vương liền bị bỏ ngục. Đắc Kỷ giả tố thật sự tình và xúi Trụ Vương hủy thanh kiếm phép. Trụ Vương nghe theo. Đắc Kỷ giả mừng, lo tìm phương đền ơn trả oán.

– **Màn thứ sáu:** Hoàng Phi Hổ thấy triều chính mỗi ngày một suy hết sức lo ngại, một mặt ra lệnh cho bộ hạ phải canh giữ bốn cửa thành cho nghiêm nhặt, một mặt đi tìm Thương Dung để bàn chước cứu nguy. Hoàng Phi Hổ cùng Thương Dung đương trò chuyện thì có lệnh Trụ Vương truyền Thương Dung đến Lộc đài hầu yến do Đắc Kỷ thiết đãi chư tiên. Thương Hoàng hẹn sẽ gặp nhau ở lộc đài.

– **Màn thứ bảy:** Đắc Kỷ giả về hang rủ bà con họ Hồ giả tiên đến lộc đài dự yến.

– **Màn thứ tám:** Quân hồ dự yến.

– **Màn thứ chín:** Thương Dung báo cho Phi Hổ biết tình hình. Quân hồ trở về, bị Phi Hổ chặn đánh, thua chạy vào hang. Phi Hổ nổi lửa đốt hang, yêu hồ đều chết hết...

Văn chương trang nhã đài các. Thứ lớp liên lạc. Tưởng được nhiều người thuộc song ít được đem trình diễn ở thôn quê vì đồng bào sợ yêu tinh theo đến gieo tai họa. Ở các hý viện nơi thành thị thỉnh thoảng mới dùng đến. (Tưởng chưa được in. Chính bản

không còn. Những bản chép tay bằng chữ Nôm hiện rất khó tìm. Bản nơi nhà họ Quách, bằng chữ Quốc ngữ, do bà Đào Chi Tiên, con gái cụ Đào Tấn, chép tặng)

Vua Thành Thái vốn dâm bạo. Đào công muốn mượn tuồng để gián tiếp can nhà vua:

Khi Trụ Vương thất lễ, Nữ Oa nói:

– Loài khinh bạc chẳng lường vận số, chốn oai linh không tiếng lảng khi. Vả Thành Thang bừou đỉnh tương di, Xui Thương Thọ tà tâm tự khi...

Hoàng Phi Hổ than về Trụ Vương:

– Đã say đắm quý nhân, lại lân la quần tiểu... Độc lực tối nan liệu lý, ngộ tâm thậm giác bồi hồi...

Muốn can gián, nhưng biết nhà vua không nghe, mà chẳng lẽ nín thinh, nên phải tạm dùng tuồng hát là môn sở thích của nhà vua may có kết quả.

5. CỔ THÀNH HỘI

(Cuộc hội họp nơi Cổ thành).

Cổ Thành là tên một tòa thành cổ ở núi Mang Đường thời Tam Quốc nơi Trương Phi chiếm đóng. Do đó mà bản tuồng có tên nữa là TAM QUỐC TRƯƠNG CỔ THÀNH thường gọi tắt là Trương Cổ Thành. Cổ Thành Hội là một vở tuồng nửa Hán nửa Nôm do Đào Tấn (1845 – 1907) soạn dưới triều Thành Thái, khoảng năm 1902. Sự tích rút trong Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, đại lược là: Tiểu Bái và Hạ Bì thất thủ, ba anh em Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi chạy lạc mỗi người mỗi nơi. Quan Vũ nghe lời khuyên của Trương Liâu, phò hai chị dâu (vợ Lưu Bị) về nương nơi Tào Tháo. Được ít lâu nghe tin anh lán nạn nơi Viên Thiệu ở Hà Bắc, Quan Vũ liền rời Tào Tháo đưa hai chị đi tìm. Vì không có lệnh Tào Tháo nên các tướng giữ ải không cho Quan Vũ qua. Quan Vũ phải dùng vũ lực. Vượt 5 ải chém 6 tướng, Quan Vũ đưa được hai chị ra khỏi đất Tào. Nhưng vừa đến địa đầu Hà Bắc thì một viên thủ hạ của Lưu Bị là Tôn Càn đón đường cho biết rằng Lưu đã bỏ Viên Thiệu sang Nhữ Nam. Quan Vũ cùng Tôn Càn đưa xa giá sang Nhữ Nam. Tướng Tào là Hạ Hầu Đôn nghe tin Quan Vũ chém tướng vượt ải, liền cử binh truy kích. Hai bên đương đánh nhau kịch liệt thì Trương Liâu mang mình văn của Tào Tháo đến,

Hạ Hầu Đôn phải lui binh để cho Quan Vũ đi. Dọc đường Quan Vũ kết nạp Châu Thương làm bộ hạ. Đi được ít lâu thì đến Cổ Thành. Biết rằng Trương Phi đóng nơi thành, Quan Vũ cho người vào báo tin hai chị đến. Trương Phi ngờ Quan Vũ đã phụ ước, kéo quân ra thành đánh. Mặc dù Quan Vũ hết lời phân trần, Trương Phi vẫn không nghe. Chợt có tướng Tào là Thái Dương đem quân rượt theo, Trương lại càng nghi rằng Quan đem quân tướng Tào đến bắt mình. Nhưng Quan Vũ quày ngựa lại chém chết Thái Dương và đánh tan quân Tào. Chứng đó Trương Phi mới tin lòng thủy chung của anh, bèn rước Quan Vũ và hai bà vợ Lưu Bị cùng quân mã vào thành, chịu tội và mở tiệc ăn mừng... Tuồng bắt đầu diễn từ lúc Quan Vũ đã vượt khỏi 5 ải, qua đến địa đầu Hà Bắc và gồm một hồi hai lớp.

LỚP THỨ NHẤT, với những nhân vật: *Trương Liêu, Quan Vũ và hai bà chị, Tôn Càn, Hạ Hầu Đôn*, chia làm 4 màn:

1. Trương Liêu ra các ải ngoài truyền lệnh Tào Tháo cho Quan Vũ đi.
2. Quan Vũ vừa đến Hà Bắc được tin Lưu Bị sang Nhữ Nam, liền cùng Tôn Càn đưa xa giá hai bà chị đi Nhữ Nam.
3. Hạ Hầu Đôn đem quân rượt theo Quan Vũ.
4. Hạ Hầu Đôn cùng Quan Vũ giao chiến. Hiệu quân truyền lệnh Tào Tháo, Đôn vẫn không nghe. Kịp Trương Liêu đến khuyên dụ, Đôn mới chịu lui binh. Trương Liêu nán lại cùng Quan Vũ tỏ tình lưu khứ.

LỚP THỨ HAI, với những vai: *Thái Dương, Châu Thương, Quan Vũ và hai bà chị dâu cùng Tôn Càn, Trương Phi*, chia làm 7 màn:

1. Thái Dương được tin cháu là Tần Kỳ bị Quan Vũ giết, nổi giận cử binh truy kích.
2. Đoàn xa mã của Quan Vũ gặp trời tối mây phủ, đường núi gấp ghe, phải đốt đuốc mà đi.
3. Châu Thương ở núi Ngọa Ngưu thấy xa mã đi ngang liền kéo lâu la xuống đánh cướp. Nhưng khi biết rằng vị chỉ huy là Quan Vũ, thì lạy xin theo. Quan Vũ kết nạp Châu Thương.
4. Quan Vũ thấy sơn thành trước mặt, sai Châu Thương đi hỏi xem ai giữ thành. Sau khi biết là Trương Phi thì Quan Vũ liền cho võ kỵ quân vào thành báo tin.

5. Ở trong thành Trương Phi đương thương nhớ Lưu Bị “lưu lạc hà phương” và giận Quan Vũ đã hàng Tào, mượn rượu giải buồn, thì quân vào báo Quan Vũ đến trước thành. Trương Phi liền vác xà mâu kéo binh mã ra thành.

6. Trương Phi gặp Quan Vũ thì đâm nhẫu. Quan Vũ phân trần, hai bà chị khuyên can đều không nghe. Chợt Thái Dương kéo quân đến. Để Trương Phi tin lòng mình, Quan Vũ chặn đánh Thái Dương dưới quyền chấp lệnh của Trương. Trương Phi rước hai bà chị vào thành trước, rồi lên thành chấp lệnh. Ba hồi trống lệnh của Trương chưa dứt thì Quan Vũ đã lấy được đầu của Thái Dương. Trương Phi mừng rỡ rước Quan Vũ vào thành.

7. Vào thành Trương Phi lạy Quan Vũ chịu tội rồi mở tiệc mừng cuộc hội ngộ.

Tổng Cổ Thành Hội (thường gọi tắt là Cổ Thành) là một tuồng được hoan nghênh nhất ở miền Trung Việt. Tuồng này và tuồng Hộ Sanh Đàn được coi là “Tuồng Thầy” của tuồng sản xuất thời Nguyễn cũng như tuồng Sơn Hậu và tuồng Tam Nữ Đồ Vương là “Tuồng Thầy” của tuồng cổ. Những lời Trương Phi mắng Quan Vũ “Đầu! đầu! đầu! là đầu làm sao?...” và lời Quan Vũ nói “bất tể sự, thị kỳ ngu dã” là những lời mắng khéo triều đình Huế đã ngu muội đầu hàng Pháp. Những nhân vật trong tuồng khéo hơn những nhân vật tả trong Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa nhiều lắm. Đoạn Quan Vũ và Trương Liêu chia tay và đoạn Trương Phi say rượu, chấp lệnh và chịu tội... là 2 đoạn tuyệt diệu về mặt văn chương cũng như về mặt nghệ thuật sân khấu. Tuồng chưa được in. Nguyên bản không còn. Những bản Hán Nôm và Quốc ngữ lưu hành xưa nay đều là những bản sao chép tay.

6. HỘ SANH ĐÀN

Đàn hộ sanh (dở đẻ), thường gọi là tuồng Tiết Cương vì Tiết Cương là nhân vật chính, do Đào Tấn soạn chung cùng con là Đào Thụy Thạch, dưới triều Thành Thái (1889 – 1907). Sự tích rút trong Thuyết Đường Diễn Nghĩa, đại khái là: Toàn gia họ Tiết bị Võ Hậu tru di, chỉ có Tiết Cương và đứa cháu gọi bằng chú ruột mới lên một được sống sót. Tiết Cương đem cháu đến tỵ nạn nơi sơn trại của vợ là Trần Thị Loan Anh ở Long Sơn. Nhân tiết xuân, Tiết Cương xuống thành Tràng An tảo mộ hai thân. Võ Hậu biết được, sai Võ Tam Tư đem binh vây bắt. Hay tin chồng lâm

nguy, Loan Anh kéo lâu la xuống núi cứu giải và đưa nhau về Long Sơn. Tiệc mừng chưa mãn thì Võ Tam Tư kéo thiên binh đến vây đánh. Tiết Cương và Loan Anh kéo hết lâu la ra phá vòng vây. Lúc bấy giờ Loan Anh có chữa đã gần ngày, nên vòng vây vừa phá thì Tiết Cương hồi vợ bỗng cháu chạy trước, để mình ở lại cản Tam Tư. Loan Anh chạy thoát, Tiết Cương không chống nổi Tam Tư, cũng phải bỏ chạy. Nhưng vợ chồng lạc nhau. Loan Anh cùng một nữ tỳ người Thượng tục gọi là Hồ Nô bỗng Tiết Giao chạy vào rừng sâu. Chưa tìm được lối ra thì Loan Anh chuyển bụng đẻ. Nhờ Sơn Thần sai Hộ Thái Sứ Giả dâng đàn phò hộ, mà Loan Anh sinh nở đáng bình an. Nhưng vừa sanh xong, nghe quân địch la ó, Loan Anh phải bồng con ẵm cháu, cùng Hồ Nô chạy thoát thân. Còn Tiết Cương bị Võ Tam Tư truy kích chạy hết nơi này đến nơi khác, sau cùng chạy đến thành Đãng Châu. Viên Tổng quản Đãng Châu là Tiết Nghĩa xưa kia vốn mang ơn Tiết Cương đã cứu khỏi chết. Tiết Cương bèn vào yết kiến, hầu mong Nghĩa nhớ tình cũ cho dung thân. Chẳng ngờ Tiết Nghĩa trở mặt, phục rượu cho Cương uống say rồi bắt hạ ngục để giải nạp cho Võ Hậu lấy công. Vợ Tiết Nghĩa là Vương Thị Tú Hà, can ngăn chồng không được, bèn sai người tâm phúc đến núi Thiên Lãnh báo cùng hai người bạn của Tiết Cương là Ngũ Hùng và Tản Hồn biết để lo cứu nạn, rồi lên đến ngôi cổ miếu tự ái cho trọn nghĩa trọn tình. Tiết Nghĩa được tin vội đóng tù xa giải Tiết Cương đi nạp. Giữa đường Hùng, Hồn đánh cướp được tù xa, giải thoát Tiết Cương và bắt Tiết Nghĩa đem vào rừng làm thịt ăn mừng. Hùng, Hồn rượu say, ngủ mê, Tiết Cương lên bỏ đi tìm vợ. Lúc bấy giờ Loan Anh đương nghỉ chân nơi miếu thờ Tiết Nhơn Quý là nội tổ Tiết Cương. Vợ chồng gặp nhau, đương mừng mừng tủi tủi thì Võ Tam Tư kéo quân đến. Nhờ Tiết Nhơn Quý ám trợ, Tiết Cương chiến thắng Võ Tam Tư. Kịp Ngũ Hùng và Tản Hồn đến gặp. Ai nấy đều cả mừng, rồi cùng nhau về núi Thiên Linh ẩn trú.

Võ tướng bắt đầu từ đoạn Võ Tam Tư đem binh theo bắt Tiết Cương, và gồm 1 hồi 2 lớp.

LỚP THỨ NHẤT, có 7 màn và các vai: Võ Tam Tư, Tiết Cương, Vương Thị Loan Anh và Hồ Nô cùng lâu la, Thần miếu và Hộ Thái sứ giả.

Màn 1: Võ Tam Tư xuất binh rượt theo Tiết Cương. Tiết Cương tìm đường chạy về Long Sơn.

Màn 2: Tại Long Sơn, Loan Anh đương ngồi đợi chồng về thì được tin Tiết Cương lâm nạn, vội đem Hồ Nô và lâu la đi cứu giải.

Màn 3: Tiết Cương bị Tam Tư đuổi kịp, vây đánh kịch liệt. Loan Anh trông thấy, bảo Hồ Nô vào rừng mai phục để mình ra dụ Tam Tư. Tam Tư mắc kế rượt đánh Loan Anh, chạy vào nơi phục kích, bị Hồ Nô bắn ngã ngựa.

Màn 4: Tiết Cương được lâu la cứu thoát và gặp Loan Anh. Vợ chồng đưa nhau về sơn trại. Võ Tam Tư truyền quân đuổi theo. Vợ chồng Tiết Cương, nhờ Hồ Nô dẫn đường, băng qua nẻo tắt mà chạy thoát. Tam Tư không tìm thấy dấu, bèn chia binh làm 2 đạo, 1 ở lại chặn đường trở lui của Tiết Cương, 1 theo mình đến Long Sơn truy địch.

Màn 5: Vợ chồng Tiết Cương về đến trại chưa kịp nghỉ ngơi thì Tam Tư đã kéo quân vây cả mặt sau mặt trước. Vợ chồng Tiết Cương phải kéo róc toàn bộ lâu la xuống núi đánh mở vòng vây. Vòng vây vừa mở, Loan Anh vì có mang phải cùng Hồ Nô bồng Tiết Giao chạy trước. Tiết Cương cản hậu, đánh không lại Tam Tư, phải bỏn đảo. Tam Tư chia quân đuổi theo.

Màn 6: Loan Anh cùng Hồ Nô chạy lạc vào rừng. Loan Anh chuyển bụng đẻ, đau quá đi không được, ngồi nghỉ rồi ngủ thiếp nơi hè một cổ miếu. Thần miếu hiện ra gọi Hộ Thai Sứ Giả đến, truyền phò hộ Loan Anh. Loan Anh tỉnh dậy thì đã sanh được một trai đặt tên là Tiết Quý. Chợt nghe quân ó, bèn giao gươm ngựa cho Hồ Nô, tay bồng con tay ẩm cháu mà chạy.

Màn 7: Tiết Cương bị Tam Tư rượt đánh, chạy đến thành Đằng Châu. Nhớ đến tình xưa Tiết Cương xin vào thành yết kiến viên Tổng quản là Tiết Nghĩa..

LỚP THỨ HAI, có 7 màn và những vai: Tiết Nghĩa và vợ là Vương Thị Tú Hà, Tiết Cương, Tiết An, Ngũ Hùng, Tần Hớn, Loan Anh và Hồ Nô, Thần Vòng, hồn Tiết Nhơn Quý, và Võ Tam Tư.

Màn 1: Tại thành Đằng Châu, Tiết Nghĩa cùng Tú Hà đương ngồi nói chuyện thì quân báo có Tiết Cương xin vào ra mắt. Tiết Nghĩa đã được lệnh Võ Hậu truyền bắt Tiết Cương, nghe Tiết Cương đến, mừng rỡ, thốt nhiều lời bất lương. Tú Hà can gián. Tiết Nghĩa làm bộ nghe theo. Tú Hà vào nhà trong. Tiết Nghĩa ra thành đón Tiết Cương vào bày tiệc thết đãi. Tiết Cương lăm kế, uống say rồi ngủ vùi. Tiết Nghĩa bắt trói bỏ ngục.

Màn 2: Biết được thủ đoạn độc ác của Tiết Nghĩa, Tiết An vào báo cùng chủ là Tú Hà. Tú Hà bèn viết thư sai đem đến Thiên Lãnh cây Ngũ Hùng và Tần Hồn cấp cứu. Tiết An đi rồi, Tú Hà buồn nổi vì nghĩa phải phụ chồng, bèn đi thất cổ. Thần Vòng hiện đến dẫn Tú Hà đến cổ miếu... Các nữ tì đi tìm thấy Tú Hà quyền sinh, liền chạy báo cùng Tiết Nghĩa. Nghĩa biết cơ mưu đã lậu, một mặt sai chôn cất Tú Hà, một mặt giải Tiết Cương đến Trường An nộp cho Võ Hậu.

Màn 3: Ngũ Hùng và Tần Hồn được Tiết An đến thông báo sự tình, lập tức cùng Tiết An dẫn lâu la xuống núi. Tiết Nghĩa giải Tiết Cương đi, nửa đường bị Hùng, Hồn chặn cướp tù xa, giải thoát Tiết Cương và bắt Tiết Nghĩa đem vào rừng.

Màn 4: Vào rừng mọi người kể nỗi hàn ôn cho nhau nghe rồi làm thịt Tiết Nghĩa ăn uống rượu. Nhân lúc mọi người đều say, Tiết Cương lên đi tìm vợ. Hùng, Hồn tỉnh dậy không thấy Tiết Cương, vội vã đi tìm.

Màn 5: Loan Anh cùng Hồ Nô đi tìm Tiết Cương, trời tối, vào nghỉ nơi một cổ miếu. Thần miếu ứng mộng cho Loan Anh biết rằng mình là Tiết Nhơn Quý, nội tổ của Tiết Cương. Loan Anh chợt tỉnh mộng thì Tiết Cương đến. Tiết Cương chưa kịp mừng vợ, mừng cháu, mừng con thì binh Võ Tam Tư kéo đến. Tiết Cương và Tam Tư kịch chiến. Nhờ Tiết Nhơn Quý ám trợ, Tiết Cương đánh bại Tam Tư. Tiết Cương rượt theo Tam Tư bỗng gặp Hùng, Hồn. Loan Anh khuyên Tiết Cương đừng đuổi theo Tam Tư, rồi vợ chồng đêm Hồ Nô và con cháu theo Ngũ Hùng và Tần Hồn lên Thiên Lãnh.

Tuồng hát Đào Tấn, vở nào cũng hay, nhưng theo các nhà rành nghệ thuật sân khấu, thì Hộ Sanh Đàn hay hơn hết. Bản tuồng chưa được in. Nguyên bản chữ Nôm dường đã bị thất lạc. Những bản Nôm lưu hành trong kịch trường chỉ là những bản sao. Bản phiên ra Quốc ngữ hiện gia đình họ Quách giữ là do bà Đào Chi Tiên tự chép năm 1959.

7. VẠN BỮU TRÌNH TƯỜNG

(Vạn bửu: Muôn vật báu; Trình tường: bày tỏ sự tốt đẹp). Bộ tuồng Hán Nôm do Đào Tấn soạn theo lệnh vua Tự Đức vào năm 1878. (Tương truyền tuồng này Diên Khánh Vương, cháu vua Gia Long,

soạn lời dõ, Đào Tấn soạn tiếp. Lại nghe truyền rằng tuồng nầy do ba viên quan trong nội các là Đào Tấn, Ngô Quý Đồng và Nguyễn Đức Phương phụng sức vua Tự Đức soạn ngót 1 năm mới xong (Đào Tấn giữ vai chính, 2 ông Ngô, Nguyễn chỉ góp ý kiến và viết đôi đoạn nhỏ thôi). Nhưng theo các vị lão nho Bình Định và bà Đào Chi Tiên (con gái cụ Đào) thì Vạn Bửu hoàn toàn do Đào Tấn soạn và đã được vua Tự Đức khen là “Thần hồ kỳ hỹ”. Trong tập tạp ký của Đào Tấn mới tìm được gần đây có nói đến việc soạn tuồng Vạn Bửu nhưng không thấy Đào công đề cập đến Diên Khánh Vương và hai ông Ngô, Nguyễn. Như vậy có thể tin chắc rằng Vạn Bửu là tác phẩm của riêng Đào Tấn). Tuồng gồm 108 hồi. Trước đây có 2 bộ do nội các chép. Một bộ để ở Thư viện Bảo Đại Huế, một bộ bà Từ Cung (mẹ vua Bảo Đại) giữ. Cả hai đều bị thất lạc, hiện chưa tìm thấy. Tại nhà họ Quách ở Nha Trang chỉ giữ được 3 hồi phiên Quốc ngữ: 39, 41, 42. Tuồng Vạn Bửu không dựa theo truyện nào cả. Nội dung nói chung hoàn toàn hư cấu. Nhân vật được xây dựng trên cơ sở các vị thuốc Bắc. Các vị thuốc bổ đóng vai chính diện. Cam thảo, vị ngọt, uống không bổ lắm nhưng dễ hòa hợp với các vị khác, là nhân vật ôn hòa, lúc nào cũng lấy chữ “dĩ hòa vi quý” làm phương châm. Các vị thuốc độc đóng vai phản diện. Như Cam Toại, vị đắng, tánh chất sát phạt, Bạch Tật Lê, loại gai yết hầu, hễ châm chích ai thì người ấy bị nhức nhối chịu không nổi, đóng những vai gian ác, hung hăng... Tuồng Vạn Bửu là loại tuồng cung đình, đòi hỏi nhiều đào kép (có khi đến hàng trăm người) và một sân khấu rộng lớn. Cho nên không phổ biến ngoài dân gian. Các gánh hát lớn chỉ lựa năm ba hồi ít nhân vật và không cần một sân khấu quy mô, đem ra trình diễn.

(VẠN BỬU TRÌNH TUỒNG - Hồi thứ 39)

Nội dung đại lược là: Nguyên soái nước Yên là Ngọc Trúc và Thương Vị (quân sự) là Thổ Hoàng phu nhân, kéo đại binh đi đánh quân Phiên do Khiên Ngưu làm chủ tướng, Hải Vũ làm phó tướng. Quân Yên bị bại. Một viên tướng trẻ của Yên là Linh Nhi, con trai của Thổ hoàng, bị nữ tướng Phiên là Xích Tôn Nhi bắt sống. Tôn Nhi mê tài sắc Linh Nhi, muốn tìm cách giao duyên, bèn xin cùng chủ tướng tạm giam lại để nàng điều tra cho biết rõ binh cơ của đối phương. Khiên Ngưu chấp thuận. Nhưng Tôn Nhi chẳng hỏi han chi đến việc binh, mà chỉ lo tình duyên luyến. Linh Nhi khảng khái cự tuyệt. Thương tình chủ nhân, thị nữ là Chu Thuật đến ngục thất khuyên dụ. Cũng không dụ nổi, nàng bèn

bày mưu: Viết mật thư sang trại Yên hứa sẽ cứu Linh Nhi và quy thuận Yên bang nếu được cùng Linh Nhi kết duyên phu phụ. Tôn Thi theo lời. Chu Thuật lãnh sứ mạng sang Yên. Chu Thuật giả điên, lọt qua các cửa ải, đến trại Yên dâng thư. Thổ Hoàng mừng gặp dịp tốt, xin Ngọc Trúc phúc chuẩn lời thỉnh cầu của Tôn Thi và ra lệnh cho Linh Nhi gả nghĩa cùng Tôn Thi để cùng lo đại sự. Chu Thuật nhận sứ mệnh trở về Phiên. Nàng vừa đi khỏi thì nữ tướng Mộc Liên, vợ Linh Nhi, tải lương đến. Dò biết chồng được lệnh cưới vợ nhỏ, nàng đến khiếu nại cùng mẹ chồng. Bị mẹ chồng quở trách, nàng tức mình, cải trang làm đạo đồng, lẻn qua Phiên, với ý định: giết tình địch để giành lại chồng; nếu không đạt mục đích thì trở về non ẩn tích. Còn Tôn Thi và Linh Nhi, sau khi được phục thư và mệnh lệnh của Ngọc Trúc thì âm thầm làm lễ giao bôi. Đoạn Tôn Thi lập mưu đưa Linh Nhi ra khỏi trại Phiên. Nhưng vừa đi được một đoạn đường thì nàng bị Mộc Liên chặn đánh. Nhờ hai tiên ông là Trần Bì và Cam Thảo đến phân trần hơn thiệt, chị em, vợ chồng mới chịu giải hòa. Liền đó Khiên Ngưu biết được Tôn Nhi phản Phiên đầu Yên, sai binh tướng theo truy cản. Binh Yên do Thổ Hoàng đã cho phục sẵn, đánh lui được binh Phiên. Tôn Thi theo Linh Nhi về soái phủ.

Hồi nầy có thể chia làm 2 lớp

LỚP 1, với những nhân vật: Thủy Ngọc, Ngọc Trúc, Thổ Hoàng, Linh Nhi (tướng nước Yên) và một số tướng lãnh như Nhấn Đông, Phụ Tử, Ngưu Tất, Chu Ma v.v... (Các nhân vật này chỉ lên sân khấu để cho có vị – figurant – chứ không biểu diễn), một bên; Bên địch có: Xích Tôn Nhi, Chu Thuật, Ngọc Trưởng, Ngọc Tốt, Tuấn Trưởng và Quân nhân, và chia làm 8 màn:

1. Thủy Ngọc giáo đầu, cho biết mình là tướng Yên quốc, lãnh ấn tiên phong đi đánh dẹp quân Phiên. Đoạn đi đến dinh nguyên soái để nghe tin tức.

2. Nơi dinh nguyên soái, Ngọc Trúc đương cùng chư tướng ngồi đợi tin nơi mặt trận, thì Thổ Hoàng cùng tùy tướng trở về cho biết bên địch có nhiều tướng tài lại đông binh, nên quân Yên không cự lại và Linh Nhi bị bắt sống. Ngọc Trúc tỏ ý lo ngại. Thổ Hoàng khuyên nên bình tám: Linh Nhi sẽ được cứu thoát, quân Yên sẽ chiến thắng sau khi binh mã được chỉnh tu.

3. Nơi trại Phiên, Xích Tôn Thi ngồi tự thuật nỗi lòng từ khi gặp mặt Linh Nhi nơi chiến địa, và mưu mô nàng sắp đặt để cứu mạng Linh Nhi. Rồi vâng lệnh nàng, ngục tốt áp dẫn Linh Nhi đến. Nàng bày tỏ cảm tình. Linh Nhi đã chẳng xúc động lại còn nổi giận mắng nhiếc không tiếc lời.

4. Ngục tốt dẫn Linh Nhi về ngục rồi, Tôn Nhi trở vào tịnh phòng một mình ngồi than thở. Thị nữ là Chu Thuật thương tình, tự nguyện đến ngục thất làm thuyết khách.

5. Nơi ngục thất, bên ngoài thị ngục trưởng đương hạch sách ngục tốt, bên trong thì Linh Nhi ngồi tỏ lòng tức giận, sầu muộn, rồi tựa ghế ngủ. Chợt Chu Thuật bùng một mâm tửu hào đến ngục, truyền lệnh của Tôn Thi. Ngục tốt mở cửa. Chu Thuật vào mời Linh Nhi dùng rượu và trở tài thuyết phục. Linh Nhi đôi ba phen từ khước không được, nổi giận đá đổ mâm rượu và mắng đuổi Chu Thuật ra. Ngục trưởng tỏ ý tiếc của. Linh Nhi hứa nếu lần sau có đem đến nữa sẽ để cho dùng.

6. Một mình nơi trưởng nội, Tôn Thi ngâm thơ giải muộn. Chu Thuật về trình kết quả. Tôn Thi nghe nói, buồn rơi nước mắt. Chu Thuật hết lời khuyên giải. Nàng bèn tỏ thật rằng lúc trước học đạo nơi tiên đình, thầy có cho biết rằng sẽ kết duyên cùng người gặp gỡ chốn sa trường. Nay gặp tướng Yên đã không thấm duyên mà còn gây thêm cừ oán. Chu Thuật bày kế: Cầu cứu Nguyên soái nước Yên... và xin nhận làm sứ giả. Tôn Thi mừng rỡ viết mật thư giao cho Chu Thuật. Chu Thuật cải dạng làm một chàng diên, mang thư ra đi.

7. Phiên binh kéo nhau đi tuần đêm. Quân nhân hát nghêu. Tuần Trưởng cho là hát bậy bắt đánh. Chợt Chu Thuật dưới lốt cuồng nhân, đến. Tuần Trưởng hô quân chặn lại. Chu Thuật lấy vàng ra nhêm, chúng tuần quân đều tỏ ý thêm muốn. Chu Thuật lập mưu trói tất cả lại, rồi chạy khỏi điểm canh.

8. Đến quan trấn, Đội trưởng đương bị quân nhát ma thì Chu Thuật vừa cười vừa hát xông tới, làm cho mọi người đều thất kinh. Chu Thuật giả lên đồng, và lập mưu nhốt cả đội trưởng lẫn lính canh vào một giỏ to, rồi bỏ chạy qua khỏi ải. “Bốn địa đã thoát mình khỏi cửa; Yên dinh mau hối nẻo thăm đường”.

LỚP 2 với những nhân vật trên thêm Mộc Liên, Lão Bộc, Cam, Trần Nhị Tiên, Phụ Tử, Nhẫn Đông, Ý Châu, Chu Ma, Ngưu Tất

(bên Yên, những nhân vật Nhấn Đông ... Ngưu Tất ở lớp trước chỉ hiện diện ở lớp này có diễn xuất). Bên Phiên thêm: Khiên Ngưu, Hải Vũ, Xích Tiểu Chi và gồm có 12 màn:

1. Nơi trại Yên, Ngọc Trúc cùng Thổ Hoàng và các tướng thắng tướng thương nghị việc binh. Chu Thuật bị quân Yên bắt dẫn đến trình. Chu Thuật dâng mật thư của Tôn Thi. Nghe lời khuyên của Thổ Hoàng, Ngọc Trúc phúc thư chấp nhận lời xin quy thuận của Tôn Thi và gởi linh cho Linh Nhi phải vẫy duyên cùng Tôn Thi. Chu Thuật vừa lãnh thư lui bước thì Mộc Liên và Ý Châu đưa quân lương tới. Ngọc Trúc cho hai nàng biết tình hình rồi cùng chư tướng hạ tướng.

2. Mộc Liên không thấy chồng (Linh Nhi) nơi hội trường thì sanh nghi... Hồi Lão bộc, nàng biết được Linh Nhi sẽ có vợ nhỏ, bèn tức tốc đi tìm mẹ chồng (Thổ Hoàng).

3. Gặp Thổ Hoàng và Ngọc Trúc, Mộc Liên liền phản đối việc cho phép chồng lấy vợ nhỏ. Nàng bị Thổ Hoàng trách mắng. Ngọc Trúc đem lời an ủi và ra lệnh cho Nhấn Đông, Ý Châu, Chu Ma, Ngưu Tất đem binh đi sang trại Phiên để tiếp ứng Linh Nhi. Mộc Liên buồn tủi bỏ đi.

4. Bốn tướng xuất quân.

5. Mộc Liên về biệt phòng giả đau. Thổ Hoàng cho thị tỳ đến thăm. Mộc Liên sai đám tùy nhi canh phòng bốn phía đừng cho người lui tới làm ồn. Đến đêm, nhân lúc mọi người yên giấc, Mộc Liên liền ra khỏi trướng cái trang làm một đạo đồng đi thẳng qua trại Phiên.

6. Nơi trại Phiên, Khiên Ngưu, Hải Vũ, Xích Tồn Thi thắng tướng thương nghị. Khiên Ngưu hỏi về việc điều tra. Tôn Thi trình rằng Linh Nhi đã cho biết một đôi điều bí mật, xin tạm giam thêm ít hôm nữa để hỏi thêm đôi điều nữa rồi sẽ giết. Khiên Ngưu và Hải Vũ hoan hỷ nhận lời.

7. Tôn Thi về phòng đợi tin Chu Thuật. Chu Thuật về trình phúc thư của Ngọc Trúc. Tôn Thi mừng rỡ, sắm sửa tiệc hoa đợi Linh Nhi đến hợp mặt.

8. Đêm xuống, Chu Thuật đến ngục thất trao mật lệnh cho Linh Nhi rồi đưa Linh Nhi ra khỏi ngục, đến phòng Tôn Thi, Linh

Nhi cùng nàng bày tỏ tâm sự và bàn mưu thoát thân. Mộc Liên rình nghe trộm được ít nhiều.

9. Nơi trại chủ tướng, Khiên Ngưu triệu tập Hải Vũ, Xích Tiểu Chi để nghị sự. Tôn Thi hơn hờ đến trình rằng Linh Nhi đã chỉ nơi giấu bửu bối, nên nàng xin lãnh binh đi chiếm đoạt. Khiên Ngưu chấp thuận. Nàng xuất binh. Linh Nhi, theo kế đã sắp đặt sẵn, cải trang làm nữ tỳ theo hầu Tôn Thi cùng các thị nữ khác.

10. Tôn Thi cùng Chu Thuật, giả tùy nhi kéo quân đi thì một đạo đồng (Mộc Liên cải trang) chặn lại. Giả đạo đồng cùng Tôn Thi đấu khẩu rồi giao chiến. Chợt hai tiên ông là Cam Thảo và Trần Bì đến bảo đình thủ, rồi đem lời hơn lẽ thiệt ra khuyên giải Mộc Liên. Hai tiên ông nương gió đi rồi, chị em, vợ chồng trách móc nhau, phân bua với nhau về những điều uẩn khúc, đoạn giải hòa. Liền đó Xích Tiểu Chi (chị ruột Tôn Thi) biết Tôn Thi phản Phiên, kéo binh theo đánh. Tôn Nhi cho biết rằng mình xử sự theo ý trời và lệnh thầy. Tiểu Chi không nghe xáp đánh. Tôn Thi không nỡ ra tay tương tàn. Mộc Liên và Linh Nhi bèn can thiệp. Hai bên đương giao chiến thì Ngưu Tất, Chu Ma, Nhấn Đông, Ý Châu dẫn binh tiếp đến, đánh bại Tiểu Chi.

11. Tiểu Chi đào tẩu. Nhấn Đông hô binh tướng đuổi theo. Khiên Ngưu đem binh chặn lại. Khiên Ngưu trách mắng Tôn Thi rồi cùng tướng Yên kịch chiến. Liệu không dùng sức thắng nổi tướng Yên, Khiên Ngưu bèn dùng pháp thuật, lấy lục lạc vàng rung lên. Ác phong liền nổi, độc khí liền tuôn. Nhấn Đông lập tức truyền lui binh. Khiên Ngưu hô binh truy kích. Đương lúc binh Yên lâm nguy thì Phụ Tử cười qua đến cứu. Phụ Tử hươi chiếc thiên chùy, lửa phừng phừng phóng ra, đốt tan hết tà khí. Khiên Ngưu, Tiểu Chi cự không lại, vội vã thoái binh.

12. Phụ Tử toan xua binh đánh thẳng tới trại Phiên để trừ cho hết ác tặc, thì Tôn Thi can không cho tiến quân. Nàng cho biết nơi trại đã phòng bị kỹ lại thêm Khiên Ngưu có nhiều tà thuật, vào sâu nơi trọng địa ắt lâm nguy. Phụ Tử nghe lời, cùng Tôn Thi, Linh Nhi kéo binh tướng trở về soái phủ.

8. VẠN BỬU TRÌNH TƯỚNG – Hồi 41

Hồi này gồm 2 lớp. Nhưng hiện chỉ còn 1 lớp, lớp thứ nhất. Lớp này, tác giả Đào Tấn đã tách làm 1 vở riêng lấy tên là HOA

TRÌ MỘNG (Mộng ao hoa) thường gọi là Mộng Xương Dương (Xương Dương là tên nhân vật chính). Nội dung, đại lược là: Xương Dương vâng lệnh thầy đi hái thuốc. Hái thuốc xong ngồi trên đá nghỉ chân. Chợt chợt mộng thấy trước mặt trải bày một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp. Trong cảnh có hồ sen nước trong hoa thơm. Chàng bèn lần bước xuống hồ. Giữa hồ thoảng nghe tiếng sanh tiếng tiêu văng vẳng. Nhìn kỹ thì thấy một chiếc thuyền ẩn hiện trong sen, do một giai nhân lái. Xương Dương liền cất tiếng gọi. Giai nhân còn đương ngơ ngác thì một trận gió đẩy thuyền vào bờ. Xương Dương cho biết lai lịch. Nghĩ là gió đã đưa duyên, giai nhân không ngần ngại tỏ thật rằng mình tên là Chân Châu, tu nơi động Huyền Xà đã mười năm, nay tình cờ gặp nhau hẳn là có nhân duyên. Xương Dương mừng rỡ bước xuống thuyền cùng Chân Châu xướng câu “Tiên hựu phùng tiên, được phổ hoa trì phi ngẫu nhi” (Tiên lại gặp tiên, kẻ vườn thuốc người ao hoa, đâu phải chuyện tình cờ không liệu trước). Chợt tỉnh mộng, Xương Dương cảm thấy bàng hoàng. Bóng dáng giai nhân vẫn còn thấy rõ trước mặt: “Đầy áo rơi muôn học thiên hương; Đôi mắt vẽ một người quốc sắc”. Lại thêm: “Phưởng phất hơi hương đường mát mặt”, khiến nên “Mơ màng hồn điệp luyến trên người”. Rồi sực nhớ mình đi hái thuốc cũng đã lâu rồi, sợ thầy trông, chàng vội quảy giỏ thuốc trở về tiên động. Giữa đường chàng gặp một nữ đạo hữu là Từ Cô. Từ Cô xin theo về động ra mắt Sư Trưởng. Xương Dương cùng Từ Cô đến động thì thấy cửa đóng kín. Trước cửa lại treo một phong thư và một thanh kiếm. Mở thư xem thấy đề rằng: “Mộng trung nhân, tâm trung sự; Bảo kiếm tiên thơ hảo tặng nhữ” (Người trong mộng, việc trong lòng; kiếm báu thơ tiên vui tặng đó). Xương Dương biết rằng thầy bảo mình còn nặng nợ trần, phải xuống núi lập công nghiệp. Chàng chia tay cùng Từ Cô, một mình mang kiếm lên đường: “Mịt mù ngút tỏa non xuân, bơ vơ gót ngọc ngập ngừng giọt châu”. Trong khi Xương Dương xuống núi, thì Chân Châu ở nơi động, ngồi nhớ lại cuộc gặp gỡ trên hồ sen nàng vừa thấy trong mộng. Nàng nhớ rõ tên họ và hình dáng con người mộng. Buồn bã nàng tìm đến hồ sen, bơi thuyền đi hái hoa mong tìm lại được “hảo mộng”. Thuyền nàng vừa khuất trong hoa thì Xương Dương đi đến nơi bờ hồ. Hồ rộng nước sâu, chàng không qua bờ bên kia được. Nhớ lại kiếm có phép thiêng, chàng cầm chi xuống nước. Một con cá gáy to lớn nổi lên mặt hồ. Chàng lên lưng cá. Cá lướt ra khơi. Ban đầu chàng lấy làm thích thú,

nhưng rồi cá lướt nhanh quá làm chàng thất kinh. Thấy có người trong hoa, chàng liền xưng tên và kêu cứu. Chân Châu toan bơi thuyền theo cứu thì trên bờ nghe có tiếng kêu. Nàng ngẩng lên nhìn thấy Từ Cô, trong khi ấy cá đã chở người chạy mất hút. Nàng than: “Nghĩ bẽ bàng cho chuyện hữu duyên; Khéo gặp gỡ chi người bất ước”. Song thể lời từ cô, nàng phải đưa “người bất ước” về động bái yết tôn sư.

(Lớp thứ nhì diễn những màn Xương Dương đi giúp nước Yên, Chân Châu theo Từ Cô xuống thủy cung giúp Đà Long Tiên Mẫu).

Lớp I chia làm 6 màn

1. Trong mộng, Xương Dương ung dung vừa ngắm cảnh vừa lần bước xuống hồ sen.

2. Cũng trong mộng, Chân Châu đương chèo thuyền hái sen thì gặp Xương Dương.

3. Xương Dương tỉnh mộng, buồn bã trở về động tiên.

4. Xương Dương gặp Từ Cô và cùng nàng tới động. Cửa động đóng, trước cửa treo một phong thư và một thanh kiếm. Chàng xem thư rồi chia tay cùng Từ Cô, thui thủi mang kiếm xuống núi.

5. Chân Châu ngồi nhớ người trong mộng, xuống hồ bơi thuyền hái sen.

6. Xương Dương đến bờ hồ, dùng kiếm làm phép, cá gáy nổi lên chở đi. Cá đi nhanh, Xương Dương thất kinh kêu cứu. Chân Châu chưa kịp cứu, bị tiếng gọi của Từ Cô thì cá chở Xương Dương chạy mất. Từ Cô năn nỉ Chân Châu đưa về long động. Chân Châu gượng gạo xin vâng.

9. VẠN BỬU TRÌNH TƯỜNG – Hồi thứ 42

Nội dung đại lược là: Nguyên soái Ngọc Trúc cùng Thượng vị Thổ Hoàng đem binh tướng nước Yên đi đánh dẹp Phiên bang, bị quân thù quấy do Đà Long Tiên Mẫu cai quân, chặn đánh không tiến được. Ngọc Trúc phải dừng binh, hạ trại bên bờ sông Bạch Mã, và theo lời Thổ Hoàng sai sứ đi cầu Thủy tiên là Lăng Hà Tiên Trưởng đến giúp. Trong khi chờ cứu viện, Ngọc Trúc bố trí 5 đạo tuần giang để phòng thủ doanh trại và thám thính địch tình. Mỗi đạo do một đại tướng chỉ huy. Thượng đạo do Phụ Tử, Hạ đạo do Linh Nhi, Hữu

đạo do Phương Quỳ, Tả đạo do Xương Dương, Trung đạo do Mạch Nhẫn Đông. Các tướng đều hết lòng vì nước. Đà Long được tin, liền bày bố thủy trận, rồi sai người lên bờ khiêu chiến. Đà Long có nhiều thủy tướng như Thủy Thác, Thủy Hồ, Hải Điếu... rất xảo quyệt, lại thêm những tay pháp thuật cao, võ nghệ giỏi như thầy trò Xa Ngao, Tản Quy, Chu Miệt, Từ Cô, Chân Châu, Ngọc Dao... phò tá. Bọn thủy quái dùng quỷ kế khiêu khích và dẫn dụ. Các tướng Yên bị mắc mưu, kẻ trước người sau, lần lượt bị khốn nơi thủy trận và bị bắt giam vào thủy lao. Ngọc Trúc rất lấy làm lo sợ. Thổ Hoàng biết rằng các tướng đều có bùa hộ mạng, không đến nỗi nào, nên khuyên Ngọc Trúc an tâm đợi Lãng Hà Tiên Trưởng đến trừ yêu quái. Rồi Tiên Trưởng đến, cùng hai đệ tử là Thạch Phàm và Thạch Liên Tử. Ngọc Trúc thỉnh kế. Lãng Hà bàn nên cứu các tướng trước rồi mới lo việc đánh dẹp thủy quân. Lãng Hà vốn là sư phụ của Xương Dương, biết giữa Xương Dương và Chân Châu có mối nhân duyên và Chân Châu đương lo lắng đến số phận của Xương Dương nên bà viết mật thư sai Thạch Phàm và Thạch Liên Tử xuống thủy cung trao cho Chân Châu để cùng lo việc giải thoát năm tướng. Chân Châu vâng lệnh Lãng Hà cùng người bạn gái canh giữ thủy ngục là Ngọc Dao, tìm cách cứu các tướng Yên. Ngọc Dao tự nguyện hy sinh cho bạn, phóng thích tù binh. Đà Long hay tin sai tướng đem binh truy cản. Ngọc Dao bị tử thương. Yên tướng cùng Chân Châu bị vây đánh. Thủy tướng thủy binh đã đông lại thêm Ô Tặc phun mù đen làm tối tám bốn mặt, tướng Yên không biết đường nào mà chạy. Sau nhờ Ngọc Dao hiển thần, dùng kính chiếu hải soi đường cứu Yên tướng tẩu thoát. Yên tướng đưa Chân Châu về Yên trại. Hồi này chia làm 2 lớp.

LỚP THỨ NHẤT với các nhân vật: Ngọc Trúc, Thổ Hoàng, Phụ Tử, Linh Nhi, Phương Quỳ, Xương Dương, Mạch Nhẫn Đông (bên Yên); Đà Long, Thủy Thác, Từ Cô, Xa Ngao, Tản Quy, Chu Miệt, Thủy Hồ, Chân Châu, Ô Tặc, Hải Âu (bên Phiên); và các vai phụ: Thị nữ, Quân nhân... và chia làm 12 màn:

1. Ngọc Trúc giáo đầu: Xưng danh, trình bày tình hình quân sự, rồi tỏ cùng Thổ Hoàng nỗi lo âu về kết quả việc đi thỉnh Lãng Hà Tiên Trưởng đến trừ thủy quái. Thổ Hoàng quả quyết rằng Tiên Trưởng sẽ đến. Ngọc Trúc truyền 5 đạo quân tuần giang lo việc canh phòng tuần tiễu cho nghiêm nhặt.

2. Năm tướng Phụ Tử, Linh Nhi, Phương Quỷ, Xương Dương, Bạch Nhẫn Đông kéo quân đi bỏ phòng.

3. Thủy Thác ở dưới nước lên bờ ngó bốn phía thấy binh Yên hùng hậu, thất kinh, chạy về thủy phủ báo cáo.

4. Nơi thủy phủ, Đà Long cùng thủy tướng ngồi thương nghị. Thủy Thác vào báo cáo tình hình địch quân. Từ Cô tỏ ý lo ngại. Đà Long cho biết: Dưới nước đã lập sẵn thủy trận, trên bờ sẽ có ba thầy trò Xa Ngao tới giúp sức, khỏi phải lo. Kế Xa Ngao tới với hai đồ đệ là Chu Miệt và Tần Quỷ. Đà Long bèn phân công: Tần Quỷ, Chu Miệt lên bờ du địch, Thủy Hồ đi mai phục đề thừa cơ tập kích.

5. Chu Miệt giả một người què dắt một con tuấn mã. Phụ Tử đi tuần, thấy một người cỡi ngựa vừa ca vừa lướt sóng chạy qua chạy lại rồi lên bờ chạy mất hút. Phụ Tử nghi là thủy quái làm trò... nhưng vẫn theo dấu ngựa đi kiếm. Gặp được người và ngựa, Chu Miệt nói khích. Phụ tử nổi giận rượt đánh, Chu Miệt lên ngựa chạy. Phụ Tử đuổi theo. Chu Miệt vừa chạy vừa nói khích, dẫn dụ Phụ Tử xuống nước. Phụ Tử biết mình mắc mưu, toan trở lui thì sóng gió sấm sét nổi dậy đánh chìm xuống đáy sông. Thủy tộc bắt trời dẫn về thủy phủ.

6. Chu Miệt dắt chu lên bờ ngồi cười dòn dã. Xương Dương đi tuần gặp, biết là yêu đồ lộ thuật, bèn rút kiếm ra rượt chém. Chu Miệt bị thương nặng ở chân tả, liền nhảy xuống nước. Xương Dương cỡi xích lý đuổi theo, bưng gặp Chân Châu. Chân Châu cho Xương Dương là người phụ bạc. Xương Dương phản trần, Chân Châu không nghe. Hai bên giao chiến. Chân Châu dùng kim câu bắt xích lý. Xương Dương té nhao bị thủy tộc bắt.

7. Phương Quỷ nghe báo Xương Dương bị bắt, liền cỡi rắn đi cứu. Đến bờ sông thấy một người giống hệt mình cỡi rắn đi trên mặt nước. Người nầy cũng xưng là Phương Quỷ. Quân sĩ không làm sao biết được người nào chân người nào giả. Hai bên đánh nhau. Thủy Hồ núp ven bờ nhận thấy sức Phương Quỷ giả sút kém, liền phun độc vào Phương Quỷ. Phương Quỷ trúng độc, thất kinh bỏ chạy. Giả Phương Quỷ hiện nguyên hình là Tần Quỷ, cùng Thủy Hồ đuổi theo Phương Quỷ. Phương Quỷ lên khỏi nước bị mất độc phát tác, té xuống đất nằm hôn mê, bị thủy quái bắt đem về thủy trại.

8. Đà Long cùng quân thần hội nghị. Chân Châu, Tần Quì, Chu Miệt, Thủy Hồ dẫn Yên tướng vào nạp. Từ Cô vốn có cựu thù cùng Phụ Tử, xin Đà Long đem nhận chàng vào vùng uesthủy. Phụ Tử nổi nóng mắg Từ Cô và Đà Long. Đà Long nổi giận truyền đem cả 3 Yên tướng nịch sát. Chân Châu can: Nên đợi bắt nốt 2 tướng nữa rồi sẽ gia hình một thể cho tận tuyệt. Đà Long nghe lời, rồi cùng chư tướng tìm kế trừ địch. Thủy Thác hiến kế: Y giả làm Nhấn Đông, Thủy Hồ giả làm Linh Nhi lên bờ dụ địch... Đà Long chuẩn y.

9. Giả Nhấn Đông đến trại Linh Nhi báo tin 3 tướng bị bắt và bảo chàng theo mình đi cứu. Linh Nhi bàn nên báo cáo cho Nguyên soái biết chớ không nên tự động. Giả Nhấn Đông làm bộ giận dữ, một mình đi xuống sông... Linh Nhi phải cời Bạch Dương chạy theo. Vừa xuống nước, Thủy Thác hiện nguyên hình. Biết mình lâm mưu giặc, Linh Nhi rượt theo đánh. Thủy Hồ lên phun độc. Linh Nhi ngã xuống bạch dương, bị thủy quái bắt trời.

10. Thủy Thác và Thủy Hồ lên bờ, kẻ biến thành Nhấn Đông, người biến thành Linh Nhi rồi giả đánh nhau trên mặt sông.

11. Nhấn Đông vừa nghe báo “Linh Nhi theo Nhấn Đông xuống nước cứu 3 tướng bị thủy quái bắt” lại nghe báo tiếp rằng “Nhấn Đông và Linh Nhi đánh nhau trên mặt sông” thì hết sức kinh ngạc, vội kéo binh đi xem cho tận tường.

12. Thấy rõ sự trạg, Nhấn Đông biết “Nhấn Đông” kia là giả nhất định rồi, nhưng vẫn nghi Linh Nhi nọ cũng không phải chân. Giả Linh Nhi hết lời phân trần rằng mình là “Linh Nhi thật”. Giả Nhấn Đông lại hiện nguyên hình Thủy Thác và buông lời trêu ghẹo khiêu khích. Nhấn Đông nổi giận rượt đánh. Thủy Thác trá bại nhảy xuống sông. Nhấn Đông biết là mưu gian, định bỏ, nhưng bị Giả Linh Nhi đem việc 3 Yên tướng bị nhốt nơi thủy lao, thôi thúc đi cứu kéo để lâu sẽ bị chết ngạt, Nhấn Đông phải cùng chàng xuống nước. Đà Long cùng bộ hạ đã chờ sẵn. Nhấn Đông chưa kịp trở tay thì đã bị đánh ngã. Đà Long thu binh về phủ.

LỚP THỨ NHÌ vẫn với các nhân vật ở lớp 1, nhưng thêm: Lăng Hà tiên cùng hai đồ đệ là Thạch Liên Tử, Thạch Phàm (bên Yên) và Hải Ngọc Dao (bên Phiên), và gồm có 12 màn:

1. Ngọc Trúc, Thổ Hoàng dâng trướng. Thổ Hoàng đương lo Lăng Hà Tiên Trướng không đến giúp thì quân vào báo việc 5

tướng bị thủy quái dụ bắt, 5 đạo tuần giang bốn bề kéo về. Ngọc Trúc hoảng kinh. Thổ Hoàng phải trấn an. Chợt mây lành xuất hiện, hào quang chói ngời: Lãng Hà Tiên Trưởng cùng hai đệ tử là Thạch Phàm, Thạch Liên Tử đến. Ngọc Trúc thỉnh kế trừ quái. Lãng Hà bàn nên lo cứu 5 tướng trước. Đoạn viết mật thư sai hai đệ tử xuống thủy trại trao cho Chân Châu để cùng lo cứu các tướng. Hai người lãnh mạng ra đi.

2. Nơi thủy phủ, Hải Ngọc Dao làm tư ngục, đi tuần thủy lao rồi đến trại Chân Châu đàm đạo.

3. Thạch Liên Tử và Thạch Phàm đến thủy lao. Thạch Liên Tử muốn nhảy vào lao cứu 5 tướng. Thạch Phàm ngăn lại, bảo phải theo lời thầy dặn, đi tìm Chân Châu.

4. Chân Châu ngồi than thở về mối duyên của nàng và Xương Dương. Ngọc Dao vào. Hai người tỏ tâm sự của nhau. Chân Châu tỏ ý muốn cứu Xương Dương và các tướng Yên, nhưng ngặt vì thiếu phương tiện. Thạch Phàm cùng Liên Tử rình nghe trộm được, liền bước vào trình thư của Lãng Hà. Ngọc Dao vốn không phục hành vi của Đà Long (giúp Phiến đánh Yên) lại thương tình Chân Châu là bạn thiết, bèn bày mưu: Liên Tử và Thạch Phàm giả làm lính tuần. Chân Châu ban lệnh tiễn để hai người đến ngục thất. Ngọc Dao trao pháp bảo để vào lao, còn nàng đứng ngoài canh gác. Liên Tử và Thạch Phàm lãnh lệnh kỳ ra đi.

5. Thủy Thác đi tuần đêm gặp Thạch Phàm và Liên Tử. Thủy Thác chặn hỏi. Hai chàng trình lệnh kỳ. Nhưng nhìn thấy lạ mặt, Thủy Thác sinh nghi, cất vấn. Hai chàng biết là lậu sự, xuất kỳ bất ý, nhào vào đánh. Thủy Thác thất kinh bỏ chạy. Hai chàng chạy đến ngục, nhận pháp bảo của Ngọc Dao. Biết rằng Chân Châu thông đồng cùng địch, Thủy Thác liền cho người về báo cùng Đà Long, còn mình thì hô quân bao vây thủy ngục.

6. Thạch Phàm và Liên Tử vào ngục thấy 5 tướng nhiễm hơi độc nằm bất động, liền lấy linh đơn ra cứu tỉnh dậy. Hai chàng thuật qua mọi việc rồi cùng 5 tướng ra khỏi lao.

7. Các tướng Yên vừa ra khỏi lao thì bị Thủy Thác chặn lại. Phụ Tử cùng Thủy Thác đánh nhau. Các tướng kia chạy trước. Phụ Tử đánh với Thủy Thác được vài hiệp thì Thủy Thác bại tẩu. Phụ Tử không truy kích, bỏ chạy theo các tướng Yên.

8. Thủy Thác chạy gặp Ô Tặc. Ô Tặc phụng mệnh Đà Long đến hỏi Thủy Thác về việc canh tuần ngục thất. Thủy Thác trình bày việc Chân Châu và Ngọc Dao thông đồng cùng Yên tướng và thú tội đã để thoát tù binh vì thế cô. Ô Tặc cho là tội không thể dung, truyền quân bắt trói Thủy Thác giải nạp và đuổi theo Yên tướng.

9. Ngọc Dao nghe Thủy Thác tố giác, thất kinh chạy báo Chân Châu để tìm mưu tỵ nạn. Ngọc Dao, Chân Châu gặp nhau chưa tìm được lối thoát thì Đà Long đã cử binh tướng bủa vây. Ngọc Dao đề nghị: Chân Châu, chạy theo Yên tướng, Ngọc Dao tìm biệt động lánh nạn. Chưa kịp chia tay thì Hải Diêu, Thủy Hồ kéo binh đến bắt. Hai bên đánh nhau. Chân Châu và Ngọc Dao đánh không lại, phân đường mà chạy. Hải Diêu rượt theo Chân Châu, Thủy Hồ rượt theo Ngọc Dao.

10. Ngọc Dao tìm Chân Châu không thấy, rẽ nước chạy trốn. Thủy Hồ đuổi kịp, phun khí độc. Ngọc Dao ngộ độc mất mù mịt thân không cử động được. Thủy Hồ vung gươm chém. Ngọc Dao hiển thần bay lên không trung chỉ để lại 1 vỏ trai to lớn. Thủy Hồ thất kinh rút quân.

11. Chân Châu bị Hải Diêu truy kích, đương lúc nguy khốn thì gặp Phụ Tử và các tướng. Chân Châu xin đầu hàng. Ai nấy đều hoan hỷ. Chợt Hải Diêu và Ô Tặc kéo đến. Chân Châu và các tướng hiệp lực đánh. Ô Tặc liền phun độc khí. Nước hóa đen, khắp nơi không còn trông thấy gì trước mặt. Rắn lại kéo đến lúc nhúc. Tướng Yên đều thất kinh. Các bửu bối được lấy ra dùng đều không còn hiệu nghiệm. Ai nấy đều tưởng mình sắp bị chôn bụng rắn. Chợt Ngọc Dao hiện giữa không trung, cầm kính chiếu thủy soi xuống sông. Một đạo hào quang chiếu sáng ngàn dặm. Cảnh hôn hắc đều tan biến. Các Yên tướng hối nhau chạy... Thủy tướng liệu không đuổi theo kịp bèn thu quân.

12. Các tướng Yên cùng Chân Châu chạy thoát lên bờ. Các tướng hướng lên mây bái tạ thần nhân đã cứu mạng. Chân Châu cho biết thần nhân không ai khác hơn là Ngọc Dao. Biết là Ngọc Dao đã bị thác nên mới hiển thần cứu nạn, Chân Châu thương khóc. Nhấn Đông khuyên giải, rồi truyền mọi người về soái phủ.

10. CỔ MIẾU VÂN CA

(Khúc văn ca nơi cổ miếu)

Vốn là một võ tướng cũ tên là Nguyệt Cô Hóa Cáo, Đào Tấn nhuận sắc và đổi tên là Cổ Miếu Vân Ca. Sự tích rút trong THUYẾT ĐƯỜNG DIỄN NGHĨA. Đại lược là: Võ Hậu tiếm ngôi nhà Đường. Một nhóm trung thần của nhà Đường tụ hợp tại Cửu Diêm Sơn tôn Tiết Cương làm nguyên soái, Từ Mỹ Tổ làm quân sư, để chống Võ Hậu. Võ Hậu sai Võ Tam Tư đi đánh dẹp. Tam Tư chiến bại, đóng cửa thành chờ viện binh. Vợ Tam Tư là Nguyệt Cô vắng lệnh Võ Hậu đem quân đi cứu chồng. Nguyệt Cô có pháp thuật, tướng Cửu Diêm Sơn đánh không lại. Nhưng Nguyệt Cô lại mé Tiết Giao, dụ vào Cổ Miếu giao hoan, bị Tiết Giao đoạt mất ngọc. Nguyệt Cô vốn là Hồ ly tinh biến hình, nhờ có ngọc là kết tinh của nghìn năm tu luyện làm bửu bối. Bửu bối bị mất, Nguyệt Cô trở về trường dinh thì hiện nguyên hình bị Tam Tư giết chết. Tuồng diễn từ đoạn Nguyệt Cô đem binh đi cứu Võ Tam Tư và gồm 1 hồi 2 lớp.

LỚP THỨ NHẤT với những nhân vật: *Võ Tam Tư, Nguyệt Cô, Trịnh Bưu, Tiết Cương, Từ Mỹ Tổ, Tiết Giao, Lý Tĩnh, hễ đồng, và chia làm 9 màn:*

1. Võ Tam Tư ngồi trông viện binh, nghe tin Nguyệt Cô đem binh tới, liền ra thành đón tiếp.

2. Nguyệt Cô vừa vào thành cùng Tam Tư trò chuyện thì Trịnh Bưu kéo quân đến khiêu chiến.

3. Nguyệt Cô xuất trận dùng pháp thuật bắt được Trịnh Bưu.

4. Nghe tin Trịnh Bưu bị bắt, Tiết Cương vội vã đi cứu. Từ Mỹ Tổ nín lại phân thiệt hơn. Tiết Cương không nghe, toan cất áo ra đi thì Tiết Giao xin ra xuất trận. Tiết Cương chê trẻ tuổi không đủ tài. Nhưng Từ Mỹ Tổ nhắm tướng mạo Tiết Giao bảo rằng “*Tài lưu địch với nữ lưu, phúc tướng vẫn hơn tri tướng*” nên thuận cho Tiết Giao xuất binh.

5. Tiết Giao ra trận có hễ đồng đi theo.

6. Lý Tĩnh đoán biết họ Tiết sắp ngộ nạn, hạ san đi cứu.

7. Tiết Giao ra trận. Nguyệt Cô trông thấy Tiết Giao đẹp trai thì động tà tâm buông lời trêu ghẹo. Tiết Giao máng trả rồi xáp

vào đánh. Nguyệt Cô trá bại, dụ địch vào nơi cổ miếu, dùng pháp thuật làm cho mê hồn bất tỉnh. Dưới bóng trăng mờ trong nơi miếu vắng, Nguyệt Cô mặc tình ôm ngọc ấp hương. Rồi toan lấy thủ cấp đem về nạp cho chồng nhưng đôi ba phen gươm giờ lên lại không nỡ hạ, bởi *“đoạn tình cũng khó, nhìn mặt không đành”*, *huống nghĩ rằng “người ta đã chết rồi có sống lại đâu mà sợ”* nên vội *“xếp giáo lui chân”*.

8. Hết đồng đến miếu thấy Tiết Giao nằm chết bên niêm chú chiêu hồn (màn hài hước). Trong bóng đêm, Lý Tịnh lên tiếng. Hết đồng tưởng giặc đến, hải hùng bỏ chạy mất.

9. Lý Tịnh vào cứu Tiết Giao sống dậy. Tiết Giao lay tạ và xin diệu quyết để trừ yêu thuật. Lý Tịnh cho biết rằng Nguyệt Cô là Hồ ly tinh, nhờ có viên ngọc quý trong người làm bửu bối. Bửu bối một khi mất rồi thì yêu thuật không còn thi thố được. Nên bảo Tiết Giao phải cùng Nguyệt Cô *“cho cạn tặc tình”* để bửu bối xuất lộ mà cướp lấy. Nhưng cần dặn hễ cướp được ngọc rồi thì không nên giết Nguyệt Cô. Đoạn tặng cho Tiết Giao một hoàn kim đơn để phòng thân rồi từ biệt.

LỚP THỨ NHÌ, với những nhân vật: *Võ Tam Tư, Nguyệt Cô, Thế Nữ, Tiết Giao và chia làm 6 màn:*

1. Nguyệt Cô về thành. Võ Tam Tư trông thấy vẻ mặt tươi tắn, không hề có chút bụi sa trường thì sanh nghi. Nhưng Nguyệt Cô cho biết rằng đã giết được Tiết Giao rồi thì vui mừng mở yến tiệc. Yến ẩm cầm ca suốt đêm, Tam Tư say vui. Khi tỉnh dậy nghe quân báo có Tiết Giao đến khiêu chiến thì nổi giận mắng Nguyệt Cô dối trá. Nguyệt Cô khóc lóc, kể công khó nhọc nơi chiến trường và trách mình *“lãnh mạng sẵn rống đến dinh liễu để mang lấy nhục”*. Tam Tư nghe than trách có phần nao núng, lại thêm quân địch đại náo nên xuống nước năn nỉ Nguyệt Cô *“gắng sức tranh long đoạt hổ, toan mưu diệt ngụy trừ tàn”*. Nguyệt Cô liền ra trận.

2. Cùng Tiết Giao chiến đấu được vài hiệp, Nguyệt Cô trá bại, Tiết Giao đuổi theo.

3. Đến nơi cổ miếu Nguyệt Cô dừng lại đợi Tiết Giao. Tiết Giao đến, Nguyệt Cô vừa đánh vừa buông lời phong nguyệt. Tiết Giao bảo: *“Nàng thiết đa tình, ta cũng hữu ý. Ngoài trận ai không khăng khái, chớ trong lòng ai chẳng phong tình”*. Hai bên bỏ đao

xuống ngựa, dắt tay nhau vào miếu... Nguyệt Cô thổ ngọc, Tiết Giao đưa tay hứng lấy rồi giữ luôn. Nguyệt Cô thất kinh, năn nỉ xin lại. Tiết Giao trách mắng rồi phúi áo bỏ đi.

4. Nguyệt Cô “tinh thần rữ riệt, hồn phách đê mê. Hơi gió xuân man mác chốn u khuê; Bóng trăng xế mơi màng nơi bạch lãnh”. “Đã phúi rồi son phấn một trường”, nàng bèn “mau trở lại nước non nghìn dặm”. Trên đường về “Ngàn dặm thẹn cùng non nước, Gấm mơ màng thân trước thân sau. Dặm hộc một bước một đau, Nhìn phong cảnh cũ ra màu đỏ đang...”

5. Võ Tam Tư chong đuốc ngồi đợi. Nguyệt Cô về cho biết mình ra trận “Đã nhiễm phải phong sương, nên không an thân thể. Khó đưa ngựa trong trường cung thi, phải cuốn cờ về chốn trai dinh”. Tam Tư lo sợ bảo Nguyệt Cô vào phòng riêng an nghỉ.

6. Trong phòng, Nguyệt Cô than trách thân phận. Ngoài phòng Tam Tư ngồi đứng không yên, lấy sách đọc, đọc không vô, lấy rượu uống, uống thấy đắng. Chợt mùi hôi thúi xông nồng nức, Tam Tư vội vào phòng vợ, không thấy vợ đâu mà chỉ thấy một con hồ ly nằm thêm thiếp trên giường..., liền rút kiếm chém chết...

Tuồng chưa in. Nguyên bản Hán Nôm, bản cũ cũng như bản Đào Tấn sửa lại, chắc không còn. Hơn nửa thế kỷ nay, những bản lưu hành, Nôm cũng như Quốc ngữ, đều là những bản sao. Trong kịch trường các nghệ sĩ đều dùng bản nhuận sắc của Đào Tấn. Tuồng Cổ Miếu Văn Ca, trước kia cũng như gần đây, rất được phổ biến và rất được tán thưởng. Đó chẳng những vì tính chất lãng mạn của tuồng mà còn vì văn chương có nhiều câu giai tác.

11. DIỄN VÕ ĐÌNH

(Ngôi đình diễn võ)

Võ tuồng vừa Hán vừa Nôm do Đào Tấn soạn dưới triều Thành Thái, vào khoảng 1895 – 1904. Sự tích mượn ở ngoại sử đời Tống nước Tàu. Nội dung đại khái là: Thái sư Bàng Hồng muốn nắm trọn quyền bính, tìm đủ cách tiêu diệt đám trung thần nhà Tống. Họ Triệu, 5 đời có công huân, 3 triều phò vua giúp nước, bị triều đình nghe lời sàm tấu của Bàng Hồng, tru di toàn tộc, chỉ còn sống sót một mình Triệu Khánh Sanh. Khánh Sanh bị Bàng Hồng truy nã, phải cải trang làm gái lấy tên là Bích Đào, đến lánh nạn nơi nhà một hưu quan là Vương Quý. Vương Quý vốn là bạn đồng

liều cùng cha Khánh Sanh, bèn gả con gái là Kiều Quang cho Sanh. Sau khi dò biết tung tích, Bàng Hồng đem quân đến bắt, Khánh Sanh phải bỏ Tống bang sang Phiên quốc tỵ nạn. Tuồng bắt đầu diễn từ đoạn Bàng Hồng kéo quân đi bắt Khánh Sanh, gồm 1 hồi 3 lớp.

LỚP THỨ NHẤT với những nhân vật: Bàng Hồng, Kiều Quang, Thị nữ, Khánh Sanh (dưới trang dạng Bích Đào), Vương Quý, Bao Công, và chia làm 11 màn:

1. Bàng Hồng ra giúo đầu, cho biết mình là Thái sư triều Tống vâng lệnh vua đi truy nã họ Triệu “nghịch mạng bốn đào”.

2. Kiều Quang và thị nữ nói chuyện về Bích Đào rồi cùng nhau sang chái Tây.

3. Nơi chái Tây, Bích Đào ngồi than thân phận và nguyên rủa Bàng Hồng. Kiều Quang đến trách sao không lo tập “đường kim mũi chỉ” mà cứ “đứng lên ngồi xuống làm vậy”, rồi dạy Bích Đào thêu. Vô tình, Bích Đào để lộ chân tướng. Kiều Quang sanh nghi, vội lui bước.

4. Bích Đào ngồi lại một mình, vừa tự trách vừa căm giận Bàng Hồng. Nghe nói nơi vườn phía Tây có đình diễm võ, nhân lúc trời sắp vào đêm, Bích Đào lên đến xem để giải muộn.

5. Kiều Quang về mách cùng cha những điều mình nhận thấy nơi Bích Đào. Vương Quý liền đi dò xét.

6. Bích Đào đến Diễm Võ Đình, trông thấy pho lan can thần tượng là vật kỷ niệm của gia tổ Triệu Hàn Vương, vì gia thế suy lạc mà bảo vật bị chuyển đi, thì lòng sanh căm khái không cầm được tiếng than. Lại nghe nói thần tượng nặng đến 500 cân, động tánh tò mò, Đào bèn đưa tay nhắc thử. Vương Quý rình nghe thấy, biết rõ Bích Đào là Khánh Sanh cải trang, liền vào bảo về nhà để cùng nói chuyện.

7. Vương Quý cho biết mình là bạn thân của cha Khánh Sanh và đôi bên đã cùng “chỉ bụng làm sui”. Đang chuyện trò, bỗng nghe quân Bàng Hồng la ó. Vương Quý bảo Khánh Sanh lui vào tư phòng, rồi viết mật thư sai người đem trình cho Bao Chuẩn.

8. Bàng Hồng vào nhà Vương Quý cho lục soát khắp nơi, rồi yêu cầu Vương ông đưa hết người trong nhà ra để nhận diện. Trông thấy Bích Đào dung mạo tuấn mỹ, nghi là Khánh Sanh giả dạng, đòi phải

thoát y dễ khám sát. Vương ông một mặt khang cự kịch liệt, một mặt sai người đi cấp báo cùng Bao Công.

9. Bao Công đến nhận Bích Đào là cháu và khiển trách Bàng Hồng làm chuyện ngang tàng. Bàng Hồng tìm lời chống đỡ. Nghe Vương ông thuật lại những câu Hồng xúc phạm đến mình. Bao Công nổi giận cử thần tượng rượt đánh. Bàng Hồng tẩu thoát.

10. Triệu Khánh Sanh tạ ơn Bao Công. Công khuyên Khánh Sanh cô giữ trọn lòng son sắt và nhờ Vương ông lo việc hôn nhân cho Sanh.

11. Bàng Hồng tức giận, quyết về triều xin cho được Thượng phương bửu kiếm để trừ cho tuyệt đối phương.

LỚP THỨ HAI với những nhân vật. Người trong họ Vương Qui, Vương Quý, Kiều Quang, Khánh Sanh và cô Khánh Sanh là Triệu phu nhân, và chia làm 3 màn:

1. Người trong họ vâng lời Vương Quý nhóm nhau tại từ đường để lo việc hôn nhân cho Kiều Quang.

2. Vương Qui cho Kiều Quang biết mình muốn gả nàng cho Bích Đào. Vốn đã biết Bích Đào là trai, Kiều Quang còn làm bộ nói tới nói lui, cuối cùng xin “ưng kéo mích lòng cha”.

3. Triệu phu nhân đến làm lễ thành hôn cho cháu. Vợ chồng xướng khúc “hào nhân duyên”

LỚP THỨ BA với những nhân vật: Trịnh Giải, Bàng Hồng, Vương Qui, Khánh Sanh, Kiều Quang, Triệu phu nhân, kẻ đồng, và chia làm 9 màn:

1. Trịnh Giải đem Thượng phương bửu kiếm và chiếu chỉ cho Bàng Hồng đi bắt Khánh Sanh. Bàng Hồng kéo quân đi trước. Trịnh Giải đem binh tiếp hậu.

2. Nghe báo Bàng Hồng và Trịnh Giải sắp kéo quân đến, Vương Quý liền tặng cho Khánh Sanh một con thiên lý mã, 1 đôi kim chùy, rồi hối Sanh đào tẩu. Cha con, vợ chồng từ biệt nhau, côi lòng đao cắt.

3. Bàng Hồng đến đòi bắt Bích Đào. Vương Quý bảo Đào đã theo Bao Công về nhà rồi, đoạn bỏ vào nhà trong. Bàng Hồng nghe quân báo Khánh Sanh vừa cỡi ngựa chạy trốn, liền lên ngựa đuổi theo.

4. Khánh Sanh chạy, Bàng Hồng đuổi bắt.

5. Khánh Sanh chạy đến nhà Triệu phu nhân kể rõ nguồn cơn và xin gởi vợ đại cùng đưa con còn nằm trong bụng mẹ.

6. Bàng Hồng đến. Để Khánh Sanh đủ thì giờ thoát thân, Triệu phu nhân kiểm chuyện, nắm râu Bàng Hồng giữ lại. Phu nhân vốn là một mạng phụ có thế lực, Bàng Hồng không dám hành hung, đành phải cắt râu để đuổi theo Khánh Sanh.

7. Hề đồng ra ôm râu Bàng Hồng khóc kể rồi đào huyết mai táng.

8. Bàng Hồng đuổi theo kịp Khánh Sanh, nhưng bị Khánh Sanh đánh ngã ngựa. Hồng trao Thượng phương bửu kiếm cho Trịnh Giải để theo bắt Khánh Sanh còn mình thì về triều làm biểu tấu.

9. Khánh Sanh thoát khỏi nanh vuốt Bàng Hồng, bấm ruột già từ cố quốc, băng ngàn vượt suối quan Phiên bang ty nạn.

Tuồng chưa được in. Nguyên bản không còn. Những bản chữ Nôm và Quốc ngữ lưu hành đều là bản sao, chép tay.

Tuồng của Đào Tấn tuồng nào cũng có ký thác tâm sự của tác giả và đều mượn việc xưa để nói việc nay. Triệu Khánh Sanh vốn là hệ phái trực tiếp (descendant direct) của Triệu Khuông Dã (Tống thái tổ) bị Triệu Khuông Nghĩa loại ra để truyền ngôi cho con cháu mình. Hoàn cảnh tương tự với hoàn cảnh Hoàng tử Cảnh. Vậy Đào Tấn mượn Khánh Sanh để ám chỉ một người trong hệ phái Hoàng tử Cảnh tương đối có tài đức hơn người trong hệ phái Minh Mạng. Nhưng không biết người mà Đào công ám chỉ đó là ai. Cường Để chăng? Không dám quả quyết mặc dù biết rằng công vốn là người trong Việt Nam Quang Phục Hội.

12. LÝ PHỤNG ĐÌNH

(Tên vai chính trong tuồng)

Tuồng Hán – Nôm do Nguyễn Trọng Trì (1854 – 1922), đậu cử nhân khoa Bính Tý (1876) triều Tự Đức, soạn vào khoảng Thành Thái Duy Tân (1889 – 1916). Nhân vật cũng như cốt truyện trong tuồng đều là hư cấu. Đại lược là: Lý Phụng Đình là một tráng sĩ có “tài phò dũ” nhưng chưa tới “lúc kinh luân” nên “Phượng cửu tiêu còn xếp cánh lừng vờn; Rồng thiển thủy mới co mình trí vũ”. Chàng đến ẩn nơi núi Đào Hoa, lấy việc săn bắn để sống qua

ngày. Một hôm chàng dương đuổi bắt một con mãnh hổ, thì gặp Thiện Hầu. Thiện Hầu là một đại thần, “Trên gác phượng dấy lòng báo chúa, Dưới đầm rồng hết dạ ái nhân”. Hầu danh cao tuổi cao nhưng chỉ sanh được một gái, nhân thấy Lý tuổi trẻ tài cao, bèn tỏ ý muốn nhận làm nghĩa tử. Lý nhận lời, theo Hầu về dinh. Gần dinh có một hồ sen trắng. Trong ao có một thủy quái tên là Lân Tinh tu luyện đã lâu đời, mà “Thiên biên chưa gặp hội phi thăng, thủy đế lại chầy ngày tiếm phục”. Một hôm thủy quái trông thấy con gái Thiện Hầu là Loan Dung đi thường xuân trên bờ hồ, liền động tâm trước nhan sắc kiều diễm. Để chiếm hữu người đẹp, Lân Tinh bèn giả hình Lý Phụng Đình, đang đêm tìm đến phòng Loan Dung buông lời hoa nguyệt. Loan Dung là một giai nhân chẳng những bốn đức gồm đủ mà cả văn võ cũng gồm đủ. Trước hành động vô lễ của Giả Lý Phụng Đình, nàng nghiêm lời trách mắng. Nhưng thấy đối phương ngoan cố, nàng bèn rút gươm quyết chém chết chứ không tha. Song Giả Lý Phụng Đình tẩu thoát. Nàng tức giận chạy đi tìm cha. Thiện Hầu nghe nói Lý Phụng Đình xâm nhập phòng con thì nhất định không tin, vì biết rõ Lý là một kẻ sĩ chân chính không bao giờ vượt qua vòng lễ nghĩa. Nhưng thấy con quả quyết, Hầu bèn dùng mưu để minh oan cho Lý Phụng Đình. Hầu bảo con hãy đi ve lại Lý. Ban đầu nàng không thuận, song khi nghe cha giải thích rõ ràng, liền cùng hầu đến phòng Lý. Hầu đứng ngoài, Loan Dung vào trong. Lúc bấy giờ Lý đã ngủ, bên mình một con rồng nằm sắc dương xòe vuốt dương vẫy. Loan Dung thất kinh chạy trở ra mách cùng cha. Hầu biết đó là tướng tinh của Lý, nên giục con gái cứ vào gọi Lý dậy thì tự nhiên rồng biến mất. Loan Dung vâng lời. Lý nghe tiếng gọi thức dậy, thấy Loan Dung thì giật mình, hỏi sao không biết tự trọng, hay gì mà học thói Trác Văn Quân. Nàng đáp rằng vì “vừa rồi dưới đào cùng đối thoại, nên chừ tìm phụng để giao duyên”. Lý quả quyết rằng không bao giờ làm việc phi lễ ấy và hết lời biện bạch, song Loan Dung vẫn không buông tha. Nói lý không được, chàng phải xuống nước năn nỉ nàng hãy trở về... Nàng không nghe. Chàng nổi giận phải buông lời trách mắng và cho biết rằng “lòng mình sắt đá không dễ gì đem thói bãi dẫu mà lay!”. Đứng ngoài nghe rõ khúc nói, Hầu liền bước vào hòa giải... Về phần Lân Tinh thì kể nầy không thành liền tìm kế khác. Nhân thấy nàng thế nữ của Loan Dung là Ngọc Diệp xuống hồ hái sen, Lân Tinh liền nuốt sống, rồi bay đến phòng

Loan Dung, hớp hồn và công xác nàng chạy về hồ. Vừa nghe tin Ngọc Diệp mất tích lại tiếp đến tin Loan Dung bị bắt mang đi. Thiện Hầu thất kinh, hối gia nhân chạy đi kiếm. Lý Phụng Đình chạy đến bờ hồ thấy quái vật bèn trương cung bắn nhào xuống nước, cứu được Loan Dung. Thiện Hầu truyền gia nhân xuống hồ tìm xác gian tặc thì vớt được một con cá to lớn phi thường mình đầu năm sắc rực rỡ. Biết là giống cá tu luyện đã nghìn năm, chờ gặp hội Vân Lôi thì hóa rồng nhưng “tàng tu đã chẳng gắng công, Gian ác lại gây nên việc” cho nên phải tận số. Hầu bèn sai mổ bụng ra xem thì thấy một đôi bảo kiếm với thân nàng Ngọc Diệp còn vẹn hình dung. Hầu sai mai táng Ngọc Diệp và tặng đôi kiếm cho Phụng Đình để “mai sau gặp hội phong vân, dùng đặng ra tay kinh tế”. Đoạn gả Loan Dung cho Phụng Đình và đồng “Kính chúc Nam triều an đế nghiệp, Thái bình thiên tử thái bình dân”.

Tuồng gồm một hồi hai lớp.

LỚP THỨ NHẤT, chia làm 10 màn:

1. Lý Phụng Đình trình bày thân thế rồi mang vũ khí đi săn.
2. Thiện Hầu tự giới thiệu thân phận và gia thế rồi cùng gia nhân đi lên núi săn bắn mua vui.
3. Lý Phụng Đình gặp cọp và đuổi đánh cọp.
4. Thiện Hầu gặp Lý Phụng Đình và nhận Lý Phụng Đình làm nghĩa tử, rồi cùng nhau trở về nhà.
5. Thủy quái Lân Tinh ra khỏi nước ngồi kể lai lịch .
6. Loan Dung cùng tỳ nữ đi du xuân.
7. Lân Tinh rình thấy Loan Dung liền biến thành Lý Phụng Đình để đi trêu ghẹo.
8. Loan Dung đương ngồi đốt trầm thưởng trăng thì Giả Phụng Đình đến. Loan Dung trách mắng rồi chém đối phương.
9. Loan Dung đến mách cùng cha. Thiện Hầu bày mưu để tìm thấy rõ giả chân.
10. Loan Dung đến phòng Lý Phụng Đình. Và sau khi thấy rõ chân tướng của Lý, Loan Dung cùng cha ra về.

LỚP THỨ NHÌ chia làm 9 màn:

1. Lân Tinh nghi mưu bắt Loan Dung.
2. Ngọc Diệp đi hái sen bị Lân Tinh nuốt sống.
3. Loan Dung bị Lân Tinh bắt.
4. Thế nữ nghi Ngọc Diệp bỏ nhà theo trai, vào báo cùng Thiện Hầu. Thiện Hầu chưa xét đoán thì lại được tin Loan Dung bị bắt, liền truyền gia nhân mang vũ khí đi truy tầm hung thủ.
5. Lý Phụng Đình được lệnh hối hả ra đi.
6. Lân Tinh bắt được Loan Dung, hớn hờ mang ra bờ hồ toan đem về thủy cung, thì bị Lý Phụng Đình đuổi kịp, bắn ngã xuống nước.
7. Loan Dung được cứu thoát, tạ ơn Phụng Đình. Phụng Đình cho Thiện Hầu biết rằng Loan Dung bị thủy quái bắt.
8. Theo lệnh của Thiện Hầu, quân xuống hồ vớt được xác một con cá cực kỳ to lớn và đẩy mình có 5 sắc rực rỡ. Mở bụng cá ra thấy 2 thanh kiếm báu và xác của Ngọc Diệp.
9. Thiện Hầu cho Phụng Đình và Loan Dung sánh duyên Tân Tán.

Lý Phụng Đình là một võ tướng rất được hoan nghênh ở Nam Nghĩa Bình Phú. Ở Bình Định có câu hát rằng: “Nhưng Đông đóng Lý Phụng Đình, Dù chồng có đánh thì mình cũng đi”. Tướng được hoan nghênh chẳng những vì giá trị nghệ thuật sân khấu cao mà còn vì văn chương chải chuốt, bên Hán cũng như bên Nôm. Song vì lời văn có phần “bác học” nên rất kén diễn viên. Phải những nghệ sĩ thuần thực mới lột được hết tinh thần của văn chương, nhất là vai Lý Phụng Đình ít người đóng cho xuất sắc vì một vai kép mà đóng hai nhân vật, khi chân khi giả, phải giữ làm sao cho chân ra chân giả ra giả một cách tự nhiên. Nguyên bản Hán Nôm bị thất lạc đã lâu. Hiện họ Quách còn giữ được một bản phiên Quốc ngữ đánh máy trên giấy pelure khổ 21 x 30, gồm 27 trang. Lại còn có một bản Hán – Nôm viết tay trên giấy bắc tiểu khổ 12 x 25 gồm 19 tờ; nhưng bản nầy cốt truyện và thứ lớp không khác bản của Nguyễn Trọng Trì, song có nhiều chi tiết khác, như trong bản của Nguyễn Trọng Trì tên ông quan nuôi Lý Phụng Đình gọi là Thiện Hầu, tên người con gái của Thiện Hầu là Loan Dung, còn trong bản khuyết danh là Thận Hầu và Hương Phong. Trong bản N.T.T. đoạn đi săn thì nghiêm, đoạn Hầu vào giải hòa giữa con gái và Lý Phụng Đình thì giản, còn trong bản

khuyết danh thì có quân ba lơn..., có lời Hẩu nói lý do vì sao con mình đến ve... Tương tình: bên rỗng bên cộp.

13. QUẦN PHƯƠNG TẬP KHÁNH DIỄN TRUYỆN

(Quần phương: các giống hoa. Tập khánh: nhóm hợp sự vui mừng – Chuyện diễn tả sự vui mừng do các giống hoa nhóm hợp lại). Tuồng Hán – Nôm soạn thời Tự Đức (1847 – 1883) do một nhóm quan lại trong Nội các, theo sắc chỉ của nhà vua. Nội dung hoàn toàn hư cấu. Tên và tâm tánh tài năng của nhân vật đều dựa theo các giống hoa các giống cây. Lấy hoa thơm cây quý làm nhân vật chính diện, hoa hôi cây độc làm nhân vật phản diện. Tuồng dài đến 60 hồi, mỗi hồi hát 1 ngày đêm, từ giờ Ngọ đến giờ Tý. Tuồng chỉ dùng trong cung vua và trong các nhà quyền quý. Trước năm 1945, Thư viện Bảo Đại ở Huế tàng trữ đủ bộ. Trải qua 30 năm chiến tranh, sách vở trong thư viện bị thất lạc hầu hết. Hiện nay chỉ mới tìm thấy nơi nhà họ Quách ở Nha Trang, hồi thứ nhất, chép tay bằng bút lông, chữ chân rất đẹp, trên giấy bắc đại khổ 28 x 15, dày 25 tờ, ở trang đầu có 2 dấu son của vua, một hình chữ nhật 6,5 x 4,5cm khắc cổ tự, một hình thuẫn chiều ngang 5 chiều đứng 7cm, khắc chữ chân. Có thể tin đây là nguyên bản.

NỘI DUNG HỒI THỨ NHẤT đại lược là: Kim Tùng, dòng thi lễ “trước châu môn, cầu nhẹ giải thanh, nay tư lý, trời dài đất rộng”, sanh được 1 trai tên là Kim Bộ Diêu và 1 gái tên là Kim Liên. Trai thì tài gồm văn võ, gái thì đức đủ dung công... Lúc còn làm quan, Kim Tùng có bạn đồng liêu là Ngọc Trâm, “chỉ phúc đính hôn”. Sau đó Kim về vườn, Ngọc đổi ra trấn thủ thành Xuân Quang nơi biên tái. Nước non cách trở hai bên không tới lui với nhau được. Thấy con đã khôn lớn, Kim Tùng nhớ đến lời đính ước ngày xưa, bèn bảo Bộ Diêu mang thư và tín vật là Ngọc Liên Hoàn, ra biên trấn trình cùng Ngọc Trâm để lo việc hôn giá. Kim Bộ Diêu từ giã cha và em, cùng thơ đồng là Mạc Ly lên đường. Giữa đường gặp việc bất bình: Thích Ma, con viên trấn thủ thành Thu Huy, ý thế làm càn, đem quân lính ra chợ bắt con gái đẹp. Tiểu phu là Thạch Trúc, ngư phủ là Hải Đường trông thấy không làm ngơ được, phải can thiệp. Quân lính vâng lệnh Thích Ma hành hung, bị ngư tiểu đánh chạy tứ tán. Thích Ma thất kinh té vào hầm xí bỏ mạng. Viên trấn thủ là Thích Hồ nghe tin con chết, liền sai 2 tên nha tráo là Dạ Hạp và Tân Di đem quân đi bắt thủ phạm. Không muốn di lụy đến lương dân, Thạch Trúc và

Hải Đường trối mình chịu tội. Thích Hổ truyền đem ra chợ chém. Chúng dân đều oán bọn cường quyền và thương người nghĩa khí. Ở nhà Hải Đơn, cha Hải Đường, Thạch Mẩu, mẹ Thạch Trúc, thấy con đi chợ đã quá buổi mà chưa về liền đi tìm. Hải Đơn đến chợ nhằm lúc quân sắp khai đao. Cha con gặp nhau than khóc. Thạch Trúc động lòng nhớ mẹ, vội giải phá binh tỳ, chạy vừa khỏi vòng nguy thì gặp mẹ. Mẹ con gặp nhau chưa kịp mừng thì Dạ Hạp và Tân Di hô quân vây bắt lại. Kịp thấy trò Kim Bộ Diêu đi đến. Hồi biết mọi việc, Bộ Diêu một thân một gậy xông vào đánh binh tướng tan vỡ, cứu được Ngư Tiểu và Hải Đơn, Thạch mẩu. Chàng tặng tiền bạc cho Đường, Trúc và hối hai người đưa cha mẹ đến nơi khe núi xa vắng mà ẩn thân. Bốn người lạy tạ rồi từ biệt. Chúng nhân cảm đức, vẽ tượng Kim Bộ Diêu, Thạch Trúc, Hải Đường, gọi là “Tam anh kỳ hội cứu thương sinh” để thiên cổ lưu truyền và phụng tự. Kim Bộ Diêu ra khỏi thành Thu Huy được ít lâu thì bị cảm thương hàn. Mưa dầm gió bắc, bốn mặt núi khe, Bộ Diêu *“lăn tới gượng lên ngã xuống, tường cao đường dạ luống thêm đau! Nào hay số hệ về đâu, Đã mang chứng quý khôn cầu thuốc tiên”*. Không gượng được nữa, chàng tắt thở bên đường. Thơ đồng Mạc Ly không chút thương xót, lục lấy thư giao ước, ngọc Liên Hàn và lột áo mao của chủ mặc vào mình, đập thây xuống hang sâu, rồi giả Bộ Diêu đến Xuân Quang thành làm rế. Té xuống hang, Bộ Diêu được Phụng Tiên cỡi mây đem thuốc tiên đến cứu sống lại và đưa về tiên động. Thơ đồng đến thành Xuân Quang trình thư của Kim Tùng và Ngọc Liên Hoàn cho quan trấn thủ Ngọc Trâm. Ngọc Trâm thấy thư thấy ngọc quả là vật minh tâm, nhưng sao *“hiên huynh chẳng nghị biểu đoan trang, công tử lại tư dung bí lậu”* nên đem lòng nghi ngại. Tự nghĩ rằng *“Hón giá phải phân đắc thất”* mà *“giả chân chưa biện thị phi”* ông bèn bảo gia nhân đưa chàng đến thư viện nghị ngại, chờ sau sẽ định đoạt. Tuồng chép một hơi với chữ “Hạ”, “đồng hạ” ở cuối mỗi đoạn, chớ không chia lớp chia màn minh bạch. Nhưng vẫn phân tách được dễ dàng. Có thể chia làm 2 lớp: “Như ước cầu hôn, ngẫu nhĩ anh hùng tương ngộ; Vong ân tạo ác, phiên giao túc để thành hư”.

LỚP THỨ NHẤT với những nhân vật: Kim Tùng, Kim Bộ Diêu, Kim Liên, Mạc ly, Thạch Trúc, Hải Đơn, Hải Đường, Thích Ma và gia nhân, Thị nhân, Thích Hổ, Dạ Hạp, Tân Di, và gồm 10 màn:

1. Kim Tùng giáo đầu cho biết thân phận và gia cảnh rồi gọi Kim Bộ Diêu ra bàn về việc đính ước kết hôn cùng tiết độ sứ trấn Xuân Quang. Bộ Diêu tỏ ý ngại ngần không muốn ra biên trấn, bởi sợ người xưa không còn nhớ ước cũ, và lo khi xa nhà không ai lo việc thân hôn. Kim Tùng bảo đảm lòng thủy chung của ban. Kim Liên xin hết lòng phụng thị cha già. Bộ Diêu đành lãnh gia thư và tín vật (Ngọc Liên Hoàn) cùng thơ đồng Mạc Ly lên đường.

2. Thạch Trúc, một tiểu phụ trẻ tuổi, gánh củi ra chợ bán lấy tiền nuôi mẹ già.

3. Hải Đơn, tuổi đã 90, sống cùng con trai là Hải Đường; hai cha con làm nghề chài lưới. Hải Đường thông văn thạo võ, đường cùng cha bàn về hai lối xuất xứ, chợt nhớ đến phiên chợ, liền xách giỏ cá ra đi.

4. Con trai viên trấn thủ thành Thu Huy là Thích Ma, một tên ác ôn, cho thói gian dâm tham ác là quý, lấy việc cậy quyền thế hiếp hại đồng loại là vinh, dẫn gia nhân ra chợ lung bắt gái tơ.

5. Chợ phiên nhóm đông đảo. Phụ nữ bị gia nhân Thích Ma áp bức, kẻ la người khóc, cả chợ xôn xao. Thạch Trúc và Hải Đường can thiệp. Không dùng lời phải trái được với bọn sài lang, hai chàng phải dùng võ lực. Bọn gia nô bị đánh chạy thất điên bát đảo. Thích Ma thất kinh chạy té vào hố xí chết tươi.

6. Cha Thích Ma là Thích Hồ được tin con chết vừa đau đớn vừa tức giận, sai hai tên nha trảo là Dạ Hạp và Tân Di đem binh đi bắt thủ phạm và đồng lõa. Để chúng dân khỏi bị liên lụy, Thạch Trúc và Hải Đường tự trối mình chịu tội. Thích Hồ sai người cầm lệnh tiễn đến truyền Hạp, Di tha chúng dân, chỉ hành hình Đường, Trúc. Hạp Di dẫn Đường Trúc đến pháp trường.

7. Đã quá buổi chợ mà không thấy con về, Hải Đơn lụm cụm đi tìm, Thạch mẫu chạy hết làng trên đến xóm dưới hỏi thăm tin tức.

8. Trên đường đi đến pháp trường, Hạp Di giải Đường Trúc đi chém, chúng dân theo đưa. Kim Bộ Diêu và thơ đồng vừa đi vừa ngắm cảnh; Hải Đơn, Thạch Mẫu hốt hải chạy tìm con.

9. Thấy cảnh nhộn nhàn, Bộ Diêu sai thư đồng đi hỏi duyên cớ. Chúng dân cho biết rõ sự tình. Bộ Diêu cảm phần, quyết dẫn thân trừ bạo cứu nguy.

10. Nơi pháp trường, đao sắp khai thì Hải Đơn gặp Hải Đường. Cha con than thở. Thạch Trúc động tâm, phá vây chạy về thăm mẹ. Mẹ con gặp nhau giữa đường, chưa kịp mừng thì Hạp Di kéo quân đến vây bắt. Trúc Đường hợp lực kháng cự. Kịp Bộ Diêu đến, múa côn xông vào đánh, hạp Di ngã ngựa tẩu thoát, quân lính chạy tán loạn la ó vang dậy. Ai nấy đều vui mừng. Đường, Trúc, Diêu kết làm anh em. Bộ Diêu tặng hai bạn tân giao 60 lạng bạc để phụng dưỡng từ thân và khuyên tìm nơi khác mà ẩn náu. Chúng dân cảm ơn cứu nạn, xin họa tượng 3 chàng để lưu truyền và phụng tự. Rồi cùng nhau tương biệt.

HỒI THỨ NHÌ với những nhân vật: Kim Bộ Diêu, Mạc Ly, Phụng Tiên, Chỉ Giáp, Ngọc Trâm, quán nhân, và chia làm 5 màn:

1. Kim Bộ Diêu cùng Mạc Ly ra đi lúc “Cúc ông Đào còn ngao càn sương” thoát “Mai họ Mạnh đã phô đóa tuyết”. Gió mùa lạnh lẽo, đường sá gập ghềnh. Bộ Diêu bị cảm mạo thương hàn, không thuốc thang điều trị, phải bỏ mạng nơi núi sâu. Mạc Ly lục lấy thư giao ước, ngọc Liên Hoàn, lột hết áo quần chủ mặc cho mình, đá xác chủ xuống hang sâu, rồi thay chủ đi làm rế!

2. Phụng Tiên đến cứu Bộ Diêu sống lại, cho hay lòng gian ác của thư đồng và đem chàng về tiên động.

3. Trên đường đến trấn Xuân Quang, dưới y phục Nho sinh, Mạc Ly tỏ vẻ đắc ý: “Đố ai thấu dạng việc ta, thư sinh tuồng mặt, yêu ma tấm lòng”.

4. Chỉ Giáp đón Mạc Ly vào quán mình. Mạc Ly hỏi thăm tên thị trấn và tên quan trấn thủ. Quán cho biết trấn gọi Xuân Quang, quan tên Ngọc Trâm. Mạc Ly mừng rỡ, ăn uống xong thuê người mang gói theo mình. Chỉ Giáp xin lãnh việc. Mạc Ly viết danh thiếp đưa vào dinh trấn thủ báo tin.

5. Được danh thiếp, Ngọc Trâm vui mừng liền mời khách vào dinh. Ngọc Trâm trình gia thư và tín vật... Ngọc Trâm tự nghĩ: “Mấy vật đó lão nhìn đà phải thế; Một lệnh lang sao nhăm chưa đành...” nên không nói đến việc hôn nhân, báo gia nhân đưa khách đến thư viện tạm nghỉ...

Vì không phổ biến ngoài dân gian nên nhiều người lầm tưởng Quân Phương Tập Khánh với tướng Quân Trần Hiến Thụy của Đào Tấn. Cũng có người bảo tướng Quân phương cũng là tác phẩm của Đào Tấn. Chắc không đúng, vì văn chương tướng này tuy chải chuốt, đẹp đẽ, song thiếu nét nhẹ nhàng sống động của Đào Tấn, nhiều khi dễ thấy rõ nét dụng công, chứ không được tự nhiên như văn Đào Tấn. Có một đặc điểm đáng lưu ý là soạn giả đã kích bợn tham quan ô lại không tiếc lời, và mặt trái của xã hội phong kiến được trình bày một cách đáo dể.

14. TIẾT CƯƠNG PHÁ THIẾT KHUÛ PHẦN

Thường gọi là Tiết Cương Phá Bia. Tướng Hán Nôm, không biết tên soạn giả, ra đời vào khoảng Thành Thái Duy Tân (1889 – 1916). Sự tích rút trong truyện Thuyết Đường của Trung Quốc. Đây chỉ là một lớp tướng, đại khái là: Võ Hậu cướp ngôi nhà Đường, dựng nên nhà Châu. Tể Nguyên Tiêu mở hội hoa đăng. Tiết Cương say rượu đánh chết con Võ Hậu. Võ Hậu sai binh tướng vây bắt. Tiết Cương tẩu thoát đến núi Ngọa Long Cang ở cùng vợ là Lan Anh. Không bắt được Tiết Cương, Võ Hậu sai bắt toàn gia Tiết Đình San (cha Tiết Cương) giết chôn chung một chỗ và lập 1 bia đá lớn gọi là Thiết Khuữ Phần, sai Võ Thừa Tự, Võ Thừa Nghiệp, mỗi ngày 2 bận bắn vào bia. Một đứa bé lên 3 trong dòng họ Tiết là Tiết Giao sống sót được Mã Đằng đem giấu, không mấy ai biết được. Quan trấn thủ Giang Hạ là Lý Hoài Hầu đến Ngọa Long Cang tìm Tiết Cương, cho biết rõ gia cảnh. Tiết Cương đau đớn quá chết giấc. Tỉnh dậy, Tiết Cương đem lâu la xuống Tràng An tể tảo song thân. Lan Anh xin theo, Tiết Cương không cho vì nàng có mang đã gần ngày. Hoài Hầu từ già vợ chồng Tiết Cương, về Hồ Quảng chiêu binh mãi mã, chờ cơ hội khôi phục nhà Đường. Tiết Cương xuống Tràng An, thừa đêm tối nhẩy vào thành vây quanh Thiết Khuữ Phần. Đốt bụi nhui lên dọc bia thấy lời lăng nhục Tiết gia là phường phản nghịch, Tiết Cương nổi giận vung búa đánh nát bia đá. Quân canh hay được tri hô. Võ Tam Tư một mặt đem quân đến vây Thiết Khuữ Phần, một mặt cho người về triều tâu cùng Võ Hậu. Võ Hậu sai Võ Thừa Tự và Võ Thừa Nghiệp đem binh đến hợp sức cùng Võ Tam Tư. Trình Giảo Kim và Mã Đằng lo sợ cho Tiết Cương, bàn nhau cách giải cứu. Mã Đằng giao Tiết Giao cho Trình Giảo Kim, rồi chạy theo 3 anh

em họ Võ, nói dối rằng vâng lệnh Hoàng Đế đến tiếp binh. Mã Đằng đề nghị cùng Võ Tam Tư cho mình vào bắt Tiết Cương. Tam Tư nói: “Anh em ta thiên tướng vạn binh còn bắt chưa được huống chi nhà ngươi nhất mã nhất nhân”. Mã Đằng thưa rằng mình là bạn học với Cương, vào gặp Cương sẽ thuyết ra hàng, nếu không hàng thì trong đánh ra ngoài đánh vô thế nào Cương cũng bị bắt. Tam Tư cho Mã Đằng vào gặp Tiết Cương. Mã Đằng đưa Tiết Cương đi ngõ hẻm, ra khỏi Thiết Khu Phấn. Chạy đến ải Kim Đầu, tướng giữ ải là người trung lương, quen biết Mã Đằng, mở cửa ải cho hai người qua. Binh Võ Tam Tư theo không kịp. Thoát khỏi nanh hùm sói, Mã Đằng về Quảng Giang, Tiết Cương về Ngọa Long Cang, hẹn nhau hợp lực cứu nước... Võ tướng này ngày xưa các gánh hát ở thôn quê thường dùng để hát cho các tư gia hoặc các đình các miếu, hát “cúng tạ kẻ khuất mặt”. Trong những đám hát lớn, trong các hý trường nơi đô thị, người ta thường dùng hát trước tuồng Hộ Sanh Đàn để cho có đầu đuôi, khán giả dễ hiểu cốt truyện. Về bốn tuồng này có hai thuyết: Người thì bảo rằng có trước tuồng Hộ Sanh Đàn; Người thì nói rằng vì thấy Hộ Sanh Đàn chỉ nói qua một lời “từ phu tướng Tràng An tể tảo...”, ít người hiểu “tể tảo ai”, và “vì sao đi tể tảo lại bị Võ Hậu sai binh tướng vây bắt”, nên các ông bầu hát mới nhờ người soạn “khúc đầu” một lớp này. Văn chương tầm thường. Không có hát khách, hát tấu, chỉ có nói lối, thán, hát nam, cho nên ít chữ Hán. Nguyên bản chữ Nôm chưa tìm thấy. Nhà họ Quách có một bản Quốc ngữ chép tay trên giấy học trò khổ 20 x 30, gồm 18 trang.

5. HOÀNG THỨC NHẬP NHOẠI

(Hoàng thúc là chú vua, tiếng tôn xưng Lưu Bị vì là chú vua Hiến Đế nhà Hán. Nhập nhạo (cũng đọc là Chuế, nhưng ở Quảng Nghĩa, Bình Định đọc là Nhoái chứ không đọc Chuế, cho nên tên phổ biến của tuồng là Hoàng Thúc nhập nhạo) là gởi rế). Tuồng nửa Hán nửa Nôm. Không biết tên soạn giả. Nhưng theo dõi chi tiết trong tuồng, đoán biết là sản xuất thời Pháp thuộc, khoảng Đông Khánh Duy Tân (1885 – 1916). Sự tích rút trong TAM QUỐC CHÍ DIỄN NGHĨA, hồi 54, 55. Đại lược là: Lưu Bị không chịu trả Kinh Châu lại cho Đông Ngô. Chu Du muốn dùng kế mỹ nhân, mật tấu cùng Tôn Quyền giả chước gả em gái, với Lưu Bị sang để lấy mạng người đổi đất. Khổng minh tương kế tựu kế, lật ngược thế cờ, làm cho Lưu bị được vợ, Chu Du bị hao binh và bị

mang tiếng: “*Chu lang làm khéo làm khôn, mất toi Quận Chúa lại còn tổn binh*” (Chu lang diệu kế an thiên hạ, Bồi Liễu phu nhân hựu chiết binh).

Tổng chia làm ba hồi.

HỒI THỨ NHẤT gồm hai lớp: *LỚP I*, với những nhân vật: *Lỗ Túc, Tôn Quyền, Lã Phạm và vợ, Lưu Bị, Khổng Minh, Tôn Càn, Triệu Tử Long, quân ba trạo và có 8 màn:*

1. Lỗ Túc ở Sài Tang, vâng lệnh Chu Du mang thư về Nam Từ dâng cho Ngô hầu Tôn Quyền.

2. Tôn Quyền xem thư Lưu Bị xin triển hạn trả Kinh Châu thì tức giận, nhưng xem đến mật kế của Chu Du “*mượn thực nữ gheo lòng quân tử, đề long ly lấy ngọc minh châu*” thì mừng rỡ sai Lã Phạm sang Kinh Châu làm mai Quận Chúa cho Lưu Bị.

3. Lã Phạm về khoe cùng vợ. Vợ chê chồng là “bất trí”, chồng chê vợ là “trương thiết” rồi chia tay.

4. Lưu Bị đương buồn về cảnh “*năm canh nửa gối*” thì Lã Phạm đến cho biết rằng Tôn Quyền nghe “*Cam Phu nhân viễn giá tiên hương*” nên sai y qua mời Hoàng Thúc sang Nam Từ đặng cùng “*Tôn Quận Chúa phối duyên phụng lữ*”.

5. Lưu Bị hỏi ý kiến Khổng Minh. Khổng Minh biết là mưu gian của Chu Du, nhưng sau khi sủi quẻ, khuyên Hoàng Thúc nên nhận lời. Lưu Bị chấp thuận. Khổng Minh liền sai Tôn Càn theo Lã Phạm sang Đông Ngô nạp sính lễ.

6. Lã Phạm đưa Tôn Càn vào yết kiến Tôn Quyền. Tôn Quyền vui mừng nhận sính lễ và thưởng công Lã, Tôn.

7. Tôn Càn về trình kết quả. Khổng Minh gọi Triệu Tử Long đến bảo theo phò Hoàng Thúc. Tử Long tỏ ý e ngại. Khổng Minh trao cho ba túi gấm và dặn cứ theo đó mà làm. Tử Long phụng mệnh và cùng Hoàng Thúc lên đường. Khổng Minh đưa đến bờ sông.

8. Lưu Bị và Tử Long xuống thuyền. Quân ba trạo rạp tay chào. Đến đất Ngô, Tử Long mở túi gấm thứ nhất ra xem, rồi một mặt cho quân sỹ ăn mặc sang trọng vào thành Nam Từ mua sắm các thức và phao lên rằng “*Lưu Hoàng thúc sang ở rể Đông Ngô*”, một mặt khuyên Lưu Bị đem lễ vật đến bái kiến Kiều Quốc Lão (cha vợ Chu Du và Tôn Quyền).

LỚP II với những nhân vật: *Kiều Quốc Lão, Lưu Bị, Triệu Tử Long, Ngô Quốc Thái Phu Nhân, Tôn Quyền, Lã Phạm, Giả Hưu, Hòa Thượng chùa Cam Lộ và ông Đổng, và có 6 màn:*

1. Kiêu Quốc Lão tiếp Lưu Bị và Tử Long. Lưu Bị trình rõ việc Lã Phạm sang làm mai Tôn Quận chúa. Quốc Lão mừng cho Lưu Bị: *“Trời chín trùng rồng đã gặp mây, sông muôn dặm kinh thêm dặm nước”*. Triệu Tử Long thưa: *“Cây núp bóng mừng thâm dặm phước, nhưng chim vào lồng sợ nổi mang tai”*, nên xin Quốc Lão yểm hộ Hoàng Thúc. Quốc Lão nhận lời. Chúa tể Tử Long bái biệt.

2. Quốc Lão sắm sửa lễ vật rồi vào triều khải hạ quốc hôn.

3. Ngô Quốc Thái phu nhân nghe Kiêu Quốc Lão nói đến mừng cuộc lương duyên của con gái mình thì ngạc nhiên hết sức. Quốc Lão cho biết rằng Lưu Bị đã sang Đông Ngô, hiện ở nơi sứ đình để đợi lệnh Quốc Thái và khắp thành Nam Từ ai cũng hay biết việc Quốc Thái gả quận chúa cho Hoàng Thúc. Quốc Thái liền sai đòi Tôn Quyền đến hỏi. Ban Đầu Tôn Quyền chối, nhưng trước nhân chứng có uy danh là Quốc Lão, Quyền phải thú thật rằng đó là mưu của Chu Du dụ Hoàng Thúc sang để bắt đổi Kinh Châu. Quốc Thái cho là việc bất nghĩa làm hại danh phận con gái bà *“chưa có chồng mà đã góa chồng”* nên trách mắng Tôn Quyền kịch liệt. Quốc Lão cũng cho là *“mưu bất thiện”*, dù cho lấy lại được Kinh Châu đi nữa cũng không sao tránh khỏi tiếng cười chê, chỉ bằng nhân sự từng sự, gả Quận Chúa cho Hoàng Thúc là vạn toàn. Tôn Quyền viện lẽ *“gái má hồng, trai đầu bạc”* mà khước từ. Quốc Thái phu nhân quyết định: Hẹn cùng Lưu Bị đến chùa Cam Lộ để bà xem mặt. Nếu không xứng ý bà thì Ngô hầu được phép tùy nghi xử trí, bằng bà nhận thấy xứng mặt đồng sàng thì bà đứng chủ hôn gả Quận Chúa. Tôn Quyền thuận tùng.

4. Hòa Thượng Cam Lộ đương sai biểu ông Đổng trông bông quanh chùa thì sứ giả đến truyền lệnh trần thiết Phương Trượng để cung nghinh Quốc Thái và Ngô Hầu. Kế Giả Hưu đem quân đến mai phục ở mái đông chùa và cấm Hòa Thượng không được tiết lộ.

5. Quốc Thái, Quốc Lão và Ngô Hầu đến chùa. Quốc Thái cho đi mời Lưu Bị. Lưu Bị cùng Triệu Tử Long đến. Tôn Quyền ra thêm đón Lưu Bị vào Phương trượng. Tử Long dừng lại nơi thềm. Lưu Bị làm lễ Quốc Thái. Trông thấy tướng mạo của Lưu Bị khác phàm, Quốc Thái rất hài lòng, truyền đem ngự tửu đãi Quốc Lão

và truyền Lưu Bị cùng Tôn Quyền “bả trắng đồng minh..”. Chợt Tử Long bước vào. Quốc Thái hỏi. Lưu Bị bẩm rõ danh tánh. Quốc Thái vốn đã nghe danh Tử Long, liền rót rượu ban thưởng. Tử Long bảo rằng vừa đi tuần quanh chùa thấy nơi mái đồng có binh phục, không hiểu lành dữ như sao. Quốc Thái lấy làm lạ, hỏi Hòa Thượng. Hòa Thượng thưa rõ sự tình. Quốc Thái nổi giận sai bắt Giả Hoa ra chém về tội cả gan đem binh đao ám phục trong nơi đương vậy cuộc thanh diên. Lưu Bị vội xin. Quốc Thái tha tội cho Giả Hoa và truyền Khảm Thiên Giám chọn ngày thành hôn cho Quận Chúa.

6. Quốc Thái cùng Quốc Lão ra về. Tôn Quyền và Lưu Bị ở lại cùng đi viếng phong cảnh quanh chùa, bói quẻ và luận bàn việc phong thủy...

HỒI THỨ NHÌ gồm hai lớp. **LỚP I**, với những nhân vật: Tôn Quận Chúa, Quân gia Bà, Quốc Thái phu nhân, Kiều Quốc Lão, Tôn Quyền, Lưu Bị, và có 6 màn:

1. Quận Chúa ngồi thờ than về phận gái rồi xách kiếm ra múa làm vui. Chợt Quốc Thái đến bàn việc hôn nhân.

2. Lễ thành hôn cử hành. Lễ xong Lưu Bị ngồi một mình uống rượu chờ đến giờ hợp cẩn.

3. Gia bà đến mời Lưu Bị vào phòng hoa chúc. Vừa đến cửa, Lưu Bị thấy thị nữ đeo kiếm đứng hai hàng và gươm dáo bày la liệt thì thất kinh dừng bước. Quận Chúa truyền dẹp binh khí và cho nữ binh lui ra. Lưu Bị vào phòng vậy duyên cùng Quận Chúa.

4. Tôn Quyền ngồi than thở nỗi thất cơ thành “*cột cọc lại mà nuôi, đem voi về phá mã*”. Chợt quân báo có mật thư của Chu Du đưa đến. Tôn Quyền mở thư xem thì là kế dùng giàu sang vui thích làm đắm say tai mắt, vùi lấp tâm tư khiến Lưu Bị nhụt dần trí cả, rồi sẽ cử binh đánh lấy Kinh Châu. Tôn Quyền y kế, truyền xây cất đền đài cho vợ chồng Lưu Bị ở.

5. Viên Quân binh được giao nhiệm lo đồn đốc quân lính dựng tân phủ ở hoa viên. Công việc xong, truyền quân lính đem cờ trống đi rước vợ chồng Hoàng Thúc. (Đây là 1 màn kịch hí lộng, có nhiều câu châm biếm quan trường rất cay).

6. Sống trong cảnh lâu dài lộng lẫy lại có nhiều gái đẹp rượu ngon, hát hay đàn ngọt, ngày ngày Lưu Bị không còn nghĩ đến gì ngoài việc truy hoan...

LỚP II với những nhân vật: Triệu Tử Long, Lưu Bị, Tôn Phu Nhân, Ngô Quốc Thái, và có 6 màn:

1. Triệu Tử Long ở nơi đình ngót 6 tháng trời không hề thấy mặt Lưu Bị. Biết rằng chúa mình đã “say giấc hải đường” quên việc lớn nên buồn lời thở than oán trách. Năm đã gần hết, “chìm đi địa rĩ tai lãg liú, gió cố hương sốt ruột bàng hoàng”, sức nhớ lời dặn của Khổng Minh, liền mở túi gấm thứ nhì ra xem. Mừng rỡ vội chạy thẳng vào phủ tìm Lưu Bị.

2. Lưu Bị cùng Phu nhân uống rượu nói chuyện nơi hoa viên. Lưu Bị tỏ ý không còn muốn nghĩ đến thế sự. Phu nhân bác đi và cho biết rằng mình muốn là muốn phải “Gánh vũ trụ toan lo việc nước, mặt tu mi phải gắng tiếng trai, dậy gió uy quét bụi trần ai, dựng đồ bá riêng trời thỏ vờ”, chớ cho tòa tân phủ là quý là đẹp mà cứ ở yên mãi thì chẳng khác gì đem mình làm cá chậu chim lồng. Nên khuyên Lưu Bị “chớ mê câu nhi nữ thường tình, mà quên chữ nam nhi tráng khí”. Đương bàn luận thì quân báo có Triệu Tử Long xin vào yết kiến.

3. Lưu Bị tiếp Triệu Tử Long. Quận chúa núp nghe. Tử Long hớt hải cho Lưu Bị biết rằng Tào Tháo cử đại binh đến đánh Kinh Châu, Khổng Minh đưa thư qua bảo Hoàng Thúc phải về lập tức, bằng không thì thành quách Kinh Châu sẽ tan tành. Lưu Bị thất kinh, nhưng lòng chưa quyết việc đi ở, nên bảo Tử Long lui về để bàn cùng Phu Nhân rồi sẽ liệu. Tử Long cố ý năn nỉ thúc giục. Lưu Bị bảo mình tự có đạo lý, đừng có quá lo.

4. Lưu Bị về phòng riêng, về mặt ảo não và rơm rớm nước mắt. Thấy Tôn Phu Nhân hỏi, Bị đáp rằng nhớ nhà! Nhưng phu nhân cho biết rằng mình đã rình nghe được câu chuyện giữa hai chúa tôi. Lưu Bị liền quì xuống tỏ thật nỗi lòng. Phu nhân đỡ dậy hứa sẽ tìm cách cùng về Kinh Châu với Lưu. Lưu Bị mừng rỡ. Phu Nhân hiến kế: Sáng sớm Mồng Một Tết, vào mừng tuổi Quốc Thái lấy cơ tân xuân phải làm lễ tổ tiên, xin phép ra bờ sông làm lễ bái vọng, rồi cứ lẳng lặng mà về Kinh Châu. Lưu Bị mừng rỡ liền tìm Tử Long.

5. Tử Long chờ tin nóng ruột toan vào phủ thì Lưu Bị đến bảo dẫn quân sỹ ra ngoài thành đợi sẵn.

6. Quốc Thái tiếp triều thần đến bái hạ xong, ngồi trông con rề. Lưu Bị và Quận Chúa đến. Sau khi mừng tuổi mẹ xong, Quận chúa xin phép cho vợ chồng ra bờ sông bái vọng tổ tiên. Quốc Thái khen là “hiếu tâm khả biểu” liền chấp thuận. Lưu Bị cùng Quận chúa ra thành gặp Triệu Tử Long và quân sỹ, cùng nhau nhắm hướng Kinh Châu đi thẳng.

HỒI THỨ BA gồm hai lớp: *LỚP I*, với những nhân vật: Ngô Hâu, Nội Thị, Phan Chương, Trình Phổ, Đinh Phụng, Lưu Bị, Tôn Phu Nhân, Triệu Tử Long, và có 7 màn:

1. Tôn Quyền uống rượu xuân say vui, đèn sáng Mông Hai tỉnh dậy mới được Nội Thị tâu việc Lưu Bị cùng Phu Nhân trốn đi. Tôn Quyền tức giận liền sai Phan Chương đem binh đuổi theo bắt lại.

2. Trình Phổ vào tâu Phan Chương không bắt được Lưu Bị, vì Quận Chúa từ thuở nhỏ, tính khí đoan nghiêm, các tướng đều sợ oai, nay đã chịu thuận phục Lưu Bị, ắt là đồng tâm quyết chí theo về. Quyền nghe nói nổi giận rút bảo kiếm đeo bên mình trao cho Trình Phổ đem binh đuổi theo, trước chém đầu “đứa con gái hướng ngoại”, sau chém luôn Lưu Bị để trừ hại về sau. Trình Phổ phụng mạng ra đi.

3. Lưu Bị cùng tướng sỹ đi đến tối, phải đóng trại tạm nghỉ.

4. Đinh Phụng vâng lời Chu Du đóng Quân theo yếu lộ để phòng Lưu Bị lên trốn.

5. Gà gáy Lưu Bị và xa mã lên đường. Đi được vài dặm thì nghe phía sau có tiếng binh đuổi theo và thấy phía trước có binh chặn lại, Lưu Bị than: “*Cuộc gian nguy nghĩ khó thoát thân, đường tiến thoái tính thôi hết nước*”. Tử Long bảo đừng lo, rồi mở túi gấm thứ ba trao cho Lưu Bị. Lưu Bị liền tới trước xe Phu Nhân ứa lệ kể hết tình đầu... Phu Nhân nghe rõ chuyện, nổi giận nói rằng anh đã chẳng thương tình cốt nhục thì không cần phải nể mặt anh, rồi bảo đẩy xe tới trước, cuộn rèm lên, trở tay quát mắng Đinh Phụng. Đinh Phụng ban đầu còn cậy có Chu Du, nhưng sau quận chúa mắng luôn cả Chu Du lại thêm có Triệu Tử Long lướt tới thì sợ hãi mở đường cho Quận Chúa và đoàn xa mã đi. Kịp Phan Chương đến bảo Đinh Phụng hợp sức đuổi theo.

6. Phan Chương, Đinh Phụng đuổi theo kịp Quận Chúa. Quận Chúa bảo Lưu Bị đi trước để mình cùng Tử Long cản hậu. Phan Chương đến, cùng bị Quận chúa thét mắng và bị Tử Long bắt lỗi, liền trở lui.

7. Đinh Phụng và Phan Chương sắp chia tay thì Trình Phổ đến. Liệu không đuổi kịp Lưu Bị, Trình Phổ báo Đinh Phụng về báo cho Chu Du biết đang đem thủy quân chặn ở đầu sông, còn mình và Phan Chương rượt theo đường bộ...

LỚP II với những nhân vật: Khổng Minh, Quân ba trạo, Chu Du, Đinh Phụng, Trình Phổ, Phan Chương, Lưu Bị, Từ Long,:

1. Khổng Minh đoán biết Hoàng Thúc đã về, đem thuyền đi đón.
 2. Chu Du nghe Đinh Phụng về báo, liền cử binh theo đường thủy chặn bắt Lưu Bị.
 3. Lưu Bị cùng đoàn tùy tùng chạy. Trình Phổ và Phan Chương đuổi theo.
 4. Lưu Bị chạy đến bờ sông thì Phổ, Chương đuổi theo gần kịp. Trước mặt có sông sâu, phía sau có quân đuổi, Lưu Bị đang lúng túng thì thuyền Khổng Minh vào đến bờ rước. Mọi người đều xuống thuyền. Phổ, Chương đến thì thuyền của Lưu Bị đã đi xa, đành trở về chịu tội.
 5. Thuyền Lưu Bị vừa ra được nửa sông thì chiến thuyền Chu Du đến. Khổng Minh báo chèo thuyền qua Bắc ngạn rồi bỏ thuyền lên bộ. Chu Du cũng bỏ thuyền lên bộ đuổi theo.
 6. Quan Vân Trường chặn Chu Du lại. Hai bên giao chiến. Chu Du bại tẩu. Vân Trường đuổi theo. Chu Du chạy chưa được bao xa lại bị Hoàng Trung và Ngụy Diên chặn đánh tới bờ, lại bị tướng Kinh Châu buông lời mai mỉa, tức hộc máu, phải cầm cổ mà chạy...
 7. Khổng Minh biết thế nào Chu Du cũng chạy ngang qua nẻo tắt, bèn cùng Lưu Bị, Quận Chúa, Triệu Vân lên gò cao đứng đợi. Chu Du chạy qua, Lưu Bị cất tiếng mời lên uống rượu để tạ ơn đã lập mưu kế, làm cho nèn vợ nèn chồng. Chu Du tức quá hộc máu lần thứ hai, chết ngất. Tương Đông Ngô phải cõng chạy xuống sông tìm đường tẩu thoát. Khổng Minh không cho đuổi theo, cùng Lưu Bị, Phu Nhân và các tướng về Kinh Châu...
- Tướng chưa in. Nguyên bản bằng Hán Nôm chưa tìm được. Trước đây ông Bửu Thù có mượn được một bản Hán Nôm ở Bình Định, chữ viết tay rất đẹp không biết đó là bản chính hay bản sao gồm 90 trang Bắc Đại. Ông ấy chụp lại bằng máy ảnh microfilm, khổ 24 x 36mm gồm 45 poes. Đã chép lại ra giấy và đã phiên ra Quốc ngữ. Văn chương chải chuốt. Lợp lang khéo sắp xếp. Một trong số tuồng hay ở Trung Việt.

16. PHỤC HOA DUNG ĐẠO

(Phục binh nẻo đường Hoa Dung).

Tuồng Hán Nôm. Không biết tên soạn giả. Sản xuất vào khoảng Thành Thái trở đi. Sự tích rút trong TAM QUỐC CHÍ DIỄN NGHĨA, hồi thứ 50: Toán liệu cao, Gia Cát chẹn Hoa Dung; Vì nghĩa cũ Quan Công tha Tào Tháo. Tuồng gồm 1 hồi 2 lớp.

LỚP THỨ NHẤT với những nhân vật: Triệu Tử Long, Khổng Minh, Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, Chu Du, Tào Tháo, Trương Liêu, Hứa Chử, và chia làm 6 màn:

1. Triệu Tử Long vâng lời Lưu Bị đem thuyền đi rước Khổng Minh.
2. Khổng Minh, sau khi cầu được gió đông để Chu Du dùng hỏa công đốt chiến thuyền Tào Tháo thì lên xuống thuyền con đi về Thục. Đi ra khỏi bến thì gặp thuyền Triệu Tử Long Khổng Minh lên thuyền Tử Long về nước.
3. Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, ngồi đợi tin Triệu Tử Long. Khổng Minh về cho biết rằng Tào Tháo bị bại ở mặt thủy, sẽ lên bộ chạy về Hứa Xương, nên xin cho tướng đi chặn bắt. Lưu Bị trao quyền điều khiển cho Khổng Minh. Khổng Minh khiến Triệu Tử Long đi phục binh ở Ô Lâm, Trương Phi đi mai phục ở Di Lăng. Còn Hoa Dung chưa biết sai ai thì Quan Công xin lãnh. Khổng Minh không cho vì bảo rằng Công sẽ vì tình cũ tha cho Tào Tháo. Quan Công phải làm đoạn văn, nếu tha Tào Tháo thì chịu tội điển hình. Khổng Minh chấp thuận và dặn phải đốt lửa để dụ địch. Quan, Trương, Triệu vâng lệnh kéo quân đi.
4. Chu Du thấy gió đông thổi liền ra lệnh xuất quân.
5. Tào Tháo đang ngồi chờ tin động tĩnh bên Đông Ngô thì quân báo địch phóng hỏa đốt thuyền. Tào Tháo biết mình bị thất bại, hoảng hốt lên bờ đào tẩu. Trương Liêu và Hứa Chử theo phò.
6. Chu Du thắng trận, thu binh trở về.

LỚP THỨ NHÌ, với những nhân vật: Tào Tháo, Trương Liêu, Hứa Chử, Triệu Tử Long, Trương Phi, Quan Công, Châu Thương, Lưu Bị, Khổng Minh, và chia làm 5 màn

1. Tào Tháo lên bờ bảo dẹp cờ xếp trống mà chạy, chạy đến Ô Lâm bị Triệu Vân chặn đánh, liền hồi hã chạy qua Di Lăng. Đường Di Lăng

bị Trương Phi chặn lại, Tháo cùng đoàn tùy tùng bèn chạy qua ngã đường Hoa Dung.

2. Hoa Dung có hai nẻo đường: Nẻo lớn dễ đi nhưng xa cách Hứa Đô, nẻo hẹp gần Hứa Đô nhưng đường xá khó đi, núi khe hiểm trở. Tháo còn đương phân vân chưa quyết thì trông thấy khói bốc nơi nẻo hẹp, liền quyết định theo đường tắt mà đi. Nhìn thấy địa thế trên nẻo đường, Tào Tháo cười Chu Du và Khổng Minh không hiểu binh pháp, bởi *“Phải chốn này mai phục binh đao, thì Tháo ắt tử vô táng địa”*.

3. Tào Tháo đương đắc ý về sự nhận xét của mình thì Quan Công cười xịch thố huy thanh long đao đến. Tào Tháo kinh hồn. Hứa Chữ xin ra đánh. Trương Liêu can ngăn và khuyên Tào Tháo ra “trần tình”. Tào Tháo ra kể lẽ tình cũ nghĩa xưa... Quan Công động lòng tha cho Tào Tháo đi. Châu Thương không chịu, chặn đánh Tào Tháo. Quan Công thét bảo mở đường. Châu Thương sợ không dám cản nữa.

4. Tào Tháo cùng Trương Liêu Hứa Chữ đi rồi, Châu Thương nhắc lại chuyện “đoạn văn”. Quan Công bảo rằng: *“Về trào trời mình chịu tội. Mặc lệnh quân sư tha giết, ơn đền rồi sống thác này bao. Sự này phú có thiên cao, Gươm Lưu đối động ơn Tào nữ von.”*

5. Về triều Tử Long và Trương Phi nạp binh khí thu được của Tào và được Khổng Minh khen ngợi. Còn Quan Công thì trối mình quì trước bệ. Khổng Minh hỏi duyên do. Quan Công đáp “đã tha Tào Tháo rồi”. Khổng Minh nổi giận thét đao phủ quân đem chém. Trương Phi xin, Khổng Minh không cho. Trương Phi cầu cứu Lưu Bị. Lưu Bị ngồi làm thỉnh. Trương đòi chết theo Quan Công cho trọn nghĩa đào viên. Lưu Bị lật đật xin Khổng Minh dung tha cho một phen. Khổng Minh nói rằng mình biết số Tào Tháo chưa chết nên để cho Quan Công báo đáp tiền ân, rồi truyền quân mở trối. Trương Phi mừng rỡ hồi Quan Công vào lạy tạ. Vua tôi anh em vui vẻ cùng ngâm: *Hạnh đắc tương phùng chơn hội hiệp, vu kim hỷ lạc thị hoan tình*.

Tuồng chưa được in. Bản nguyên văn Hán Nôm chưa tìm thấy. Những bản lưu hành đều là bản sao, phần nhiều đã diễn sang Quốc ngữ. Tuồng rất phổ biến. Điểm đặc biệt trong tuồng là Quan Công giữ vai chính nhưng lại là người ít nói nhất. Lột được tinh thần của vai này phải là một nghệ sỹ có tài.

17. SÁCH KINH CHÂU

Tướng Hán Nôm không biết tên soạn giả, viết vào khoảng Thành Thái Duy Tân (1889– 1916). Sự tích rút trong TAM QUỐC CHỈ DIỄN NGHĨA, đoạn đầu trong hồi thứ 54. Tướng chỉ có 1 lớp, 5 màn:

1. Lỗ Túc vâng lệnh Tôn Quyền sang Kinh Châu diếu tang Lưu Kỳ và đòi Lưu Bị trả chín quận đất Kinh Châu lại cho Đông Ngô theo lời hứa ngày trước.

2. Lưu Bị và Khổng Minh nghe tin báo có Lỗ Túc đến, liền ra thành đón.

3. Lỗ Túc dâng lễ diếu. Lưu Bị truyền lãnh trâu lợn vật và mở tiệc đãi Lỗ Túc. Lỗ Túc nhắc đến việc Kinh Châu. Khổng Minh đỡ lời Lưu Bị, đại khái nói rằng Kinh Châu là đất nhà Hán, vì Tào Tháo chuyên quyền nên bị cắt ra một phương riêng biệt, nay về tay Hoàng Thúc chẳng phải lẽ lắm sao? Tôn quyền vốn là "tiên nhân chi phạt" ý thế lực chiếm cứ 6 quận rồi, còn tham lam nổi gì mà đòi lấy Kinh Châu nữa? Huống hồ trước đây nếu không giúp cho có gió đông, thì lấy chi thắng được Tào Tháo, mà không thắng được Tào Tháo thì nhị Kiều đã vào cung Đồng Tước rồi. Đất mất nhà tan, còn chi mà đòi Kinh Châu nữa? Lỗ Túc đuối lý, lấy việc mình đã giúp Lưu Bị lúc lâm nạn Đường Dương, đã hết lời can Chu Du không cho hưng binh đánh chiếm Kinh Châu, tạm giao Kinh Châu cho Lưu Kỳ trấn giữ. Nếu nay Hoàng Thúc không giao lại thì mình sẽ bị Ngô hầu làm tội. Khổng Minh hiến kế: Hoàng Thúc viết văn tự hẹn khi nào lấy được Tây Xuyên thì trả Kinh Châu lại. Lỗ Túc chấp thuận. Để cho chắc chắn Khổng Minh ký làm chứng và đề nghị Lỗ Túc cùng ký vào cho văn thư thêm giá trị. Lỗ Túc vui mừng ký rồi từ giả về Nam Từ. Đi ngang qua Sài Tang, Túc ghé vào yết kiến Chu Du.

4. Chu Du ở Sài Tang ngồi nghĩ giận Khổng Minh đã chọc tức mình sanh bệnh. Lỗ Túc đến cho biết kết quả việc đi sứ của mình. Chu Du cho biết Túc đã mắc mưu Khổng Minh. Lỗ Túc lo sợ cầu Chu Du tìm phương cứu giúp. Chu Du bảo ở đợi quân đi thám Giang Bắc về xem tình hình ra sao rồi sẽ liệu. Chợt quân về báo rằng tại Kinh Châu trong thành thì treo cờ tang, ngoài thành lại có mộ mới. Hỏi ra thì vợ Hoàng Thúc vừa tạ thế. Chu Du mừng rỡ bảo cùng Lỗ Túc rằng: "Tôn hầu có người em gái tánh khí cương

đồng, nuôi vài trăm thể nữ tinh thông võ nghệ, đeo cung cầm kiếm hầu hạ hai bên màn, trong phòng thường bày la liệt vũ khí. Du sẽ viết mật thư về bẩm báo Ngô Hầu dùng kế mỹ nhân, với Lưu Bị sang Nam Từ để gả em. Lưu Bị vừa thất ngấu, nhất định sẽ đến Nam Từ... Ngô hầu cho bắt Lưu Bị về bỏ ngục rồi cho người sang đổi mạng lấy Kinh Châu... Lỗ Túc cho là diệu kế vừa cứu được mạng mình vừa lấy được Kinh Châu một cách dễ dàng mau chóng. Chu Du liền viết mật thư. Lỗ Túc hơn hờ lên thuyền về Nam Từ.

5. Tôn Quyền ngồi chờ tin Lỗ Túc... Lỗ Túc về kể hết mọi nôi, rồi trình thư Lưu Bị. Tôn Quyền xem thư chê Lỗ Túc thấp trí đã lắm mưu ngụy quyết. Lỗ Túc lại trình thư Chu Du. Tôn quyền vui mừng theo kế, kêu Lã Phạm vào sai sang Kinh Châu làm mai gả Ngô Quận Chúa cho Lưu Bị... Lã phạm lãnh mệnh ra đi. .

Bản nguyên văn Hán Nôm chưa tìm thấy. Bản dùng để biên soạn là một bản Quốc ngữ đánh máy. Vở tuồng ít phổ biến vì không có chi đặc sắc, về mặt văn chương cũng như về mặt nghệ thuật sân khấu.

18. GIÁN THẬP ĐIỀU

(Mười điều can gián)

Tuồng nửa Hán nửa Nôm, không biết tên tác giả, viết thời Nguyễn trước Tự Đức, sự tích dựa theo truyện Phong Thần (do đó tuồng có tên nữa là PHONG THẦN TRUYỆN THẬP ĐIỀU).

Nội dung, đại lược là: Vua Trụ nhà Thương hoang dâm, tàn bạo; say đắm Đắc Kỷ, nghe lời gian thần Phi Trọng, Vưu Hồn làm lầm điều phi luân, vô đạo, khiến trong nước trăm họ đồ thán, ngoài biên thủy giặc nổi dậy nhiều nơi. Để mua vui nhà vua còn lập đài Bá Lạc bắt dân phục dịch khổ sở đến nỗi phải bỏ nhà trốn đi. Lại truyền đúc một cột đồng bễ cao tám trượng lưng lớn ba ôm, trong lòng trống rỗng. Hễ quan nào đem lời can gián thì bắt bỏ vào lòng cột sau khi bỏ than củi đốt đổ cột đồng. Cột ấy gọi là Bào Lạc và hình ấy gọi là Bào Lạc hình. Do đó không còn ai dám hé môi. Vua Trụ mặc tình tác tệ. Thái Sư Văn Trọng đi đánh dẹp phương Bắc lâu ngày, trở về nghe biết mọi chuyện quyết “phời gan” thảo mười điều gián dâng lên Vua Trụ. Văn Trọng là một huân thần có tài có đức, vua Trụ rất kính nể nên khi xem văn biểu, bèn chối hết mọi điều. Song bị Văn Trọng làm dữ, nhà vua bằng lòng phê chuẩn 7 điều, còn 3 điều là phá Bá Lạc đài, biếm

Đắc Kỷ về làm thứ dân và giết Phí Trọng, Vu Hồn thì “xin miễn”. Vua tôi còn đang tranh thảo thì có tin giặc nổi ở cõi Đông. Vua Trụ hứa cùng Văn Trọng sẽ “*lấy đức vỗ bốn phương, ra nhân cảm mỗi nước*” và cậy Văn Trọng đem binh mã đi chinh Đông. Vì đại sự, Văn Trọng phải ra đi. Văn Trọng đi rồi Trụ Vương tánh nào giữ tật nấy: Vợ Hoàng Phi Hổ là Giả thị vào cung đứng lễ hạ cho thứ phi là em ruột Hoàng Phi Hổ, bị Trụ Vương hãm hiếp, không chịu nhục nhảy xuống lầu mà chết. Thứ phi can gián cũng bị Trụ đá rơi xuống lầu. Nghe tin vợ và em bị hại, Hoàng Phi Hổ cùng bốn người em kết nghĩa nổi dậy đánh phá nội thành rồi kéo nhau đi đầu Châu... Văn Trọng chinh Đông xong trở về, nghe tin Phi Hổ phản Trụ đầu Châu, liền kéo binh theo bắt lại. Phi Hổ hết lời phân giải, Văn Trọng vẫn buộc tội Phi Hổ là “*vị phu phụ chi tiểu án, phế quân thần chi đại nghĩa*” và nhất định giữ một lòng trung với nhà Thương mặc dù vua Trụ vô đạo, chặn đánh không cho Phi Hổ đi. Ban đầu Phi Hổ lấy tình lấy lý mà thương lượng, Nhưng vì Văn Trọng cố chấp, Phi Hổ phải dùng võ lực để thoát thân. Song phải vượt qua 5 ải có tướng tài canh giữ mới qua đến đất nhà Châu. Nhờ Quý Cốc tiên ông ám trợ, Phi Hổ đến cứu Phi Hổ thoát khỏi nhiều tai ách ở hai ải đầu. Đến ải thứ ba, nhờ hôn Giả Thị báo mộng mà Phi Hổ khỏi bị viên tướng giữ ải là Trần Ngò ám toán. ải thứ tư qua được dễ dàng. Nhưng đến ải thứ 5 thì bị một trở lực lớn: Tướng giữ ải là Hoàng Cồn, phụ thân Phi Hổ. Hoàng Cồn bảo: “*Vua đầu đức bạc, Tôi giữ niềm trung, mới phải đạo làm người*” nên quyết ý không cho con qua ải. Không thể đem tình đem ý làm chuyển lòng cha, Phi Hổ phải dùng mưu, vây Hoàng Cồn trong rừng rồi đốt cả binh trại, khiến Hoàng Cồn không có đường lui, phải theo con sang phò nhà Châu. Tuồng chia làm ba hồi.

HỒI THỨ NHẤT gồm 2 lớp. **Lớp I** có 3 màn:

1. Thái Su Văn Trọng dẹp giặc xong kéo quân về Kinh đô.
2. Bá quan ra đón Văn Trọng. Bị Văn Trọng chất vấn, bá quan đem mọi biến cố xảy ra trong nước, trong triều, trình bày cặn kẽ. Văn Trọng nổi giận viết văn biểu gồm mười điều gián vào triều dâng cho vua Trụ.
3. Vua Trụ tìm cách chống chũa. Nhưng bị Văn Trọng cưỡng bức phải phê chuẩn 7 điều... Chợt có tin giặc ở biên thùỵ, vua Trụ sai Văn Trọng đi đánh dẹp...

LỚP II có 5 màn: 1) Vua Trụ không còn bị trở lực, cùng Đắc Kỷ truy hoan. Nơi vườn hoa, Đắc Kỷ say rượu để lộ nguyên hình hồ ly, bị Hoàng Phi Hổ thả chim hoàng ly cắn mổ.

2. Đắc Kỷ về cung đem lòng oán Phi Hổ quyết tìm kế trả thù. Trụ Vương thấy Đắc Kỷ buồn tìm lời an ủi.

3. Giả Thị vào cung dâng lễ hạ cho Thứ phi. Đắc Kỷ với Thị đến cung mình. Trụ Vương thấy nhan sắc Giả Thị động lòng tà bèn hãm hiếp (đó là mưu của Đắc Kỷ).

4. Thế nữ chạy về báo cùng Phi Hổ rằng Giả Thị và Thứ phi đều bị Trụ Vương hại. Phi Hổ thương khóc. Bốn người em kết nghĩa nổi giận khuyên anh nổi dậy đánh bạo quân. Ban đầu Phi Hổ không nghe nhưng sau nhận thấy lời biện bạch về chữ Trung của các em là hợp lý bèn quyết định bỏ Trụ đi đầu Châu.

5. Trụ Vương nghe tin, cử binh theo đánh. Phi Hổ đánh ngã Trụ Vương, cùng các em chạy thoát...

HỒI THỨ HAI gồm 3 lớp. **LỚP I** có 4 màn:

1. Quỷ Cốc tiên nhân ở sơn động đoán biết Hoàng Phi Hổ bỏ Trụ về Châu, liền xuống núi giúp đỡ.

2. Văn Trọng chinh Đông về vừa gặp Phi Hổ phé Trụ qua đầu Châu, liền cử binh đuổi theo đánh.

3. Hoàng Phi Hổ cùng các người em ra khỏi thành, kéo quân chạy ra biên giới.

4. Văn Trọng đuổi kịp trách mắng Phi Hổ. Phi Hổ hết lời phân trần, nhưng Văn Trọng nhất định chặn đánh. Phi Hổ phải đánh lại và nhờ Quỷ Cốc ám trợ đánh lui được binh Văn Trọng.

LỚP II có 3 màn:

1. Phi Hổ đến ải đầu bị tướng Phụng Hoàng chặn lại. Phi Hổ đánh thắng Phụng Hoàng nhưng không qua ải được phải đóng trại nghỉ đợi sáng.

2. Phụng hoàng sai Tiêu Ngân nhân trời tối đem quân đến vây trại Phi Hổ. Ngân Tiêu vốn trước có mang ơn Phi Hổ nên cứu Phi Hổ thoát nạn và mở cửa ải cho qua.

3. Phụng Hoàng được tin kéo quân đuổi theo, bị Phi Hổ chém chết. Phi Hổ từ giả Tiêu Ngân. Tiêu Ngân trở về cố hương chờ thời vận tốt.

LỚP III có 4 màn:

1. Phi Hổ con Phi Hổ theo tiên từ lúc bé, được tiên sai về cứu nạn cho cha.

2. Phi Hổ đến ải thứ nhì thì bị Trần Đông chặn lại và đánh trọng thương ngã ngựa, nhưng nhờ 4 người em cứu khỏi bị bắt.

3. Phi Hổ bất tỉnh, nhờ Phi Hóa đem linh đơn đến cứu sống lại. Cha con gặp nhau vừa vui mừng vừa chua xót.

4. Trần Đông kéo quân đến đánh, bị cha con Phi Hổ hợp sức chém chết trong trận. Phi Hóa không thể theo cha từ biệt trở về núi. Phi Hổ cùng các em qua Châu địa.

HỒI THỨ BA gồm 3 lớp.

Lớp I có bốn màn:

1. Phi Hổ giáo đầu và truyền lệnh chuẩn bị quá quan.

2. ải thứ ba có Trần Ngò đóng giữ. Biết rằng mình không địch lại Phi Hổ, Trần Ngò bèn dùng mưu rước Phi Hổ vào ải và dọn một ngôi miếu cho nghỉ ngơi...

3. Đêm đến hồn Giá thị hiện về báo cho Phi Hổ biết rằng Trần Ngò sắp đốt miếu. Phi Hổ tỉnh giấc cùng các em, chuẩn bị thoát thân. 4) Trần Ngò kéo quân đến thúc quân phóng hỏa, nhưng chưa kịp trở tay thì bị Phi Hổ chém chết. Phi Hổ cùng các em qua ải.

LỚP II có 2 màn:

1. Hàn Vinh giữ ải thứ tư, nghe quân báo Phi Hổ kéo binh đến, liền sai Dư Hóa chạy ra chặn đánh.

2. Dư Hóa cùng Phi Hổ giao chiến. Dư Hóa lấy huỳnh phan làm phép bắt Phi Hổ. Phi Hổ gọi Hoàng Ly bay đến cứu Dư Hóa. Dư Hóa bị thua chết dưới ngựa. Phi Hổ cùng binh sỹ kéo ra Giới Bài Quan.

LỚP III có 3 màn:

1. Hoàng Cồn (cha Phi Hổ) trấn ải Giới Bài, nghe tin Phi Hổ bỏ Trụ kéo quân sang đầu Châu, liền kéo quân ra chặn.

2. Phi Hồ hết lời phân trần, Hoàng Cồn vẫn ngăn chặn không cho qua ải.

3. Anh em Phi Hồ dùng Mưu triệt đường thối lui của cha. Hoàng Cồn đành phải cùng Phi Hồ *“Phụ tử một đoàn đầu Châu phản Trụ”*.

Tuồng chưa in. Nguyên bản Hán Nôm chưa tìm thấy. Từ trước đến nay những bản lưu hành đều là bản sao, Nôm cũng như Quốc ngữ. Bản dùng để soạn từ là một bản. quốc ngữ chép tay, gồm 79 trang giấy học trò. Tuồng Gián Thập Điều tuy sản xuất dưới triều Nguyễn nhưng làng hát tuồng vẫn coi là tuồng cổ. Đào Tấn đã rút hồi thứ ba ra sửa chữa lại và đặt tên là Hoàng Phi Hồ quá Giới Bài Quan. Trong nam có tuồng Hoàng Phi Hồ Quá Quan, soạn giả là Lê Văn Vạng, diễn lớp Hoàng Phi Hồ được tin vợ bị Trụ Vương hiếp chết, bèn cùng 4 người em bỏ Trụ sang Châu. Tình tiết không có gì khác hơn Thập Điều, văn chương không hơn tuồng Thập Điều và thua tuồng Hoàng Phi Hồ quá Giới Bài Quan.

19. NGỌC KÍNH ĐĂNG

Tuồng Hán Nôm, không biết soạn giả, ra đời vào khoảng Duy Tân Khải Định (1907–1925). Viết theo truyện Hoàng Triều của Trung Quốc. (Xem Hoàng Triều Tân Truyện). Chia làm hai hồi. HỒI THỨ NHẤT: Chành quái thước, Công chúa thọ kỳ oan; Phanh hùng nga Hoàng Triều hoàn cự ước”.

Gồm hai lớp, **LỚP I** với những nhân vật: Hoàng Triều (Thái tử nước Ngô), Quân trạo, Ngô Vương, Văn vô bá quan, Kim Liên (Công chúa nước Yên), Thế nữ, Gia đình, Chim thước, Chó ngao, Người giữ vườn, Yên Vương, Du thần, Thủy tướng (cá voi), Thiết Trung Kim (tiểu phụ) và có 10 màn:

1. Hoàng Triều sau khi kết duyên cùng Kim Liên, từ già nước Yên đi đường biển trở về Ngô.

2. Ngô vương đương ngồi trông thái tử thì Hoàng Triều về tâu về việc mình đã tìm được bạn trăm năm. Vua mừng, bá quan mừng. Sau bữa yến hoan hỷ, nhà vua cho thái tử đem ngự thư và phẩm vật sang nước Yên rước Công chúa. Thái Tử vâng lệnh xuống thuyền.

3. Ở Yên bang, Kim Liên nhớ chồng cùng thế nữ đến hoa đình ngồi vừa xem hoa vừa ngâm thơ uống rượu, vừa thêu thùa. Chợt một con chim thước đến đậu trước cửa kêu dăng dôi. Nhớ câu thơ cổ “Người về đã gần đến, chim thước báo tin mừng”, Công chúa hồi

hộp, sai người ra bến tàu trông chừng. Nhưng hết người này đến người khác ra đi rồi trở về báo “không có chi cả”. Chim thước vẫn đứng kêu mãi, đuổi mấy cũng không đi. Công chúa tức mình lấy cây thước mà ném. Chim bị ném trúng, rớt xuống đất hóa thành một chàng trai, áo mao sang trọng nằm tắt thở! Công chúa kinh hồn, song nhớ câu “thấy quái không lấy làm quái thì quái tự tiêu” thì lấy lại bình tĩnh, sai thị nữ đem chôn sau vườn hoa và cấm không được tiết lộ cho một ai hay biết.

4. Trong khi ấy thì Hoàng Triều cùng đoàn thủy thủ trương buồm vượt bể, tiếng ca hát vang lừng. Đến bến nước Yên, Thái Tử cho thuyền đậu, chỉ đem theo một ít quân hầu và đoàn chó ngao, đi vào dinh Công chúa.

5. Được tin chồng về, Công chúa vội vã ra đón mừng. Vợ chồng cùng nhau hàn huyên.

6. Để mua vui, Hoàng Triều lững thững dạo vườn hoa một mình. Thấy bầy chó ngao cứ chạy quanh 1 gốc đại thụ vừa đánh hơi vừa sủa, Hoàng Triều sanh nghi, sai quân đào đất lên xem thì thấy 1 xác người chưa rã. Xem áo mao, mặt mày, Thái tử sanh lòng nghi vợ có ngoại tình, nghe tin mình về *“e khi ngại mặt nên mới đương tay”* liền nổi giận, không thèm nói cùng Công chúa nửa tiếng, một mình kéo ra bến tàu kéo quân về nước.

7. Thấy Thái tử xuống thuyền kéo đi, quân chạy về báo cùng Công chúa. Công chúa liền gọi người giữ vườn vào hỏi. Người giữ vườn trình bày mọi việc... Công chúa biết chồng ngờ oan mình, than khóc thảm thiết, rồi nhất quyết đi theo chồng.

8. Công chúa vào tâu với phụ vương tất cả mọi việc từ khi ném chim thước đến lúc Thái Tử bỏ đi và xin nhà vua cho mình đi theo chồng. Yên Vương thương tình cấp vàng bạc châu báu và sai 20 tướng cùng 500 quân theo hầu Công chúa, rồi cùng bá quan đưa Công chúa xuống thuyền.

9. Ở ngoài biển, Du thần vâng lệnh Thiên đình đi truyền Nhân ngư cứu mạng Yên Bang Công chúa.

10. Công chúa cùng binh tướng ra khơi, bị sóng gió nổi dậy đánh chìm tất cả thuyền và người. Thủy tướng (cá voi) cứu Công chúa đưa vào bờ.

11. Công chúa tỉnh dậy mừng vì thấy mình còn sống sót, lại thương xót tướng sỹ đều mạng vong. Rồi một mình lần theo đường mòn “*Bơ vơ góc bể lưng ngàn, thân này chẳng biết cơ hàn về đâu*”.

12. Tiểu phu là Thiết Trung Kim đi đón củi, gặp Công chúa ngồi bên đường. Thấy dáng dối rét nhưng tướng thanh cao, tiểu phu bèn hỏi lại lịch. Công chúa nói dối mình là người Nam Hải đi sang Bắc Kinh buôn bán bị chìm thuyền... Tiểu phu lấy cơm ra đãi. Ăn xong, Công chúa hỏi thăm tên họ tiểu phu và nhờ chỉ hướng lối sang Ngõ...

LỚP II với những nhân vật: *Mụ quản gia phủ Công chúa nước Ngõ, bọn ba que, xô lá, thấy tướng, thấy số, hành khát, du côn, Kim Liên, Nguyệt Huy Công chúa (Công chúa nước Ngõ), Hoàng Trừu, Hề đồng, Thị nữ, ... và có 10 màn:*

1. Mụ quản gia phủ Công chúa đi chợ phiên.

2. Nơi chợ tụ họp đủ hạng người trong xã hội, nhiều nhất là bọn bất hảo. Bọn này đua nhau khoe khoang tài nghệ. Công chúa Kim Liên đến Ngõ, bơ vơ đói rách, đến chợ ăn xin, bị bọn côn đồ ăn hiếp. Mụ quản gia đến can thiệp, rồi đem nàng về phủ Công chúa.

3. Công chúa tên Nguyệt Huy là chị ruột Thái tử Hoàng Trừu, có chồng, được một gái lên năm. Nàng đương tìm người để dạy dỗ con. Mụ quản gia giới thiệu Kim Liên. Nguyệt Huy nhìn dung nghi, xét phong độ Kim Liên, rất lấy làm vừa lòng, bèn hỏi lại lịch. Kim Liên đáp rằng mình ở Hà Tây, con nhà giàu có, vì cha mẹ ép gả cho tên “*bạch nhân phi nhân*” nên phải “*liều mình băng dấm ra đi*” “*lỡ bước khôn phương trở lại*”. Nguyệt Huy mừng rỡ cho Kim Liên ở lại phủ để giữ con.

4. Ở nơi hậu viên, Kim Liên thương thân xót phận, nhớ cha nhớ chồng, một mình than khóc. Rồi nhớ đến phận sự, nàng đến ẩm quận chúa đem đến hồ sen tắm gội. Nàng vừa tắm cho quận chúa, vừa xúc cảnh ngâm nga... Một đàn ngỗng bơi ngang qua bờ hồ để quần áo và nữ trang của Quận chúa. Con ngỗng đầu đàn thấy xâu chuỗi hạt trai liền dớp nuốt rồi cùng đoàn bơi đi. Khi tắm xong, Kim Liên thấy mất xâu chuỗi, kiếm tìm khắp nơi đều không có, đành ôm lòng lo sợ mà về.

5. Nguyệt Huy không thấy chuỗi hạt trai nơi cổ con, liền tra hỏi. Quận chúa trình bày sự thật. Nguyệt Huy nghĩ rằng tường cao cổng kín, không ai có thể vào ra và người trong phủ suốt buổi không ai đến bên hồ nên nhất quyết là Kim Liên tham lam lấy

đầu. Nàng toan dùng roi vọt “cho rõ phép nhà”. Nhưng Quận chúa xin tha. Chiu con, Nguyệt Huy tha đòn nhưng phạt “đầu không được bao khăn, chân không được đi tất, đến bữa ăn phải ăn sau tất cả hàng tỷ tất và có khách đến phải đội đèn đứng hầu” rồi đuổi xuống trù thất mà ở.

6. Hoàng Triều buồn nổi thất gia và hối hận rằng mình “*Đương khi bở ngỡ, không kịp hỏi han, tình chưa tỏ ngay gian, lý khôn phán khúc trực!*”. Nhưng đã lỡ rồi! Nước đổ khó thu. “*dạ cứu chi cho nặng, tình lơ vậỵ làm khuây*”. Chàng nhớ đến chị đi theo chồng đã lâu mà mình chưa đến thăm viếng, bèn lên xa giá đến phủ Nguyệt Huy.

7. Nơi phủ Nguyệt Huy, Kim Liên bị hàm oan “*chậu úp khôn soi đuốc, lệnh nghiêm bắt đội đèn*”, “*Ngọn đèn tàn, lửa cháy nọ thêm nhen; đĩa dầu cạn, nước mắt kia không ráo*”. Nhưng nàng nghĩ thương thân chứ không oán Nguyệt Huy vì nghĩ rằng “*nếu gia chánh không nghiêm thì làm sao giữ vững mối giềng cho được*”. Nàng đành cam tâm lo phận sự.

8. Thái tử Hoàng Triều đến phủ. Công chúa Nguyệt Huy ra đón. Chị em gặp nhau mừng rỡ. Sau chuyện hàn huyên thì tiếp đến yến tiệc. Chiều xuống, Nguyệt Huy truyền Kim Liên đội đèn ra hầu. Trông thấy nữ tội nhân đội đèn, Hoàng Triều sanh nghi. Chàng hỏi người ấy mắc tội gì mà chịu hình phạt kỳ quái thế ấy. Nguyệt Huy cho biết việc mất chuỗi ngọc trai... Chàng vừa bất bình lòng độc ác của chị vừa bối nghi đến Công chúa nước Yên mà nữ tội nhân trông phảng phất nên cứ ngồi nhấp rượu suông rồi giả say xin đi nghỉ.

9. Hoàng Triều nằm nghĩ: “*Xem dung nghi người thiệt giống người, ngắm nhan sắc dạ càng nghi dạ*”. Song lại tự nhủ: “*vả cha còn cấm mối giềng đây, há con lại nên nông nổi ấy*”. Để cho rõ “nàng ấy là ai”, chàng lập mưu sai hề đồng rằng mình cần một thể nữ hầu hạ. Bao nhiêu tùy nhi thị nữ trong phủ đưa đến đều bị chàng chê đuổi về. Sau cùng chỉ còn nữ tội nhân đội đèn. Lấy cớ “*huong kia dầu trái, dầu nọ thử chơi*”, chàng bảo đưa nàng đến. Kim Liên đến. “*Lời nói phô thanh nhã, cách tấn thoái lễ nghi*” khiến chàng thêm thương cảm. Hỏi về việc mất chuỗi hạt trai, nàng thưa rằng “do bất ý”. Chàng bảo rằng “*sự hàm oan cứu dễ như không*”, còn “*duyên hội ngộ nghĩ ra ít có*”. Nói rồi đứng dậy toan cầm tay. Kim Liên hốt hoảng thối lui, rồi khóc lóc thưa rằng

mình đã có chồng, xin cho được giữ tròn phụ đạo. Hỏi chồng là ai. Thưa rằng là một hoàng tử nước lớn. Hoàng Triều đã chắc nằng là Kim Liên, song muốn thử lần nữa cho chắc. Chàng trở lại việc mất chuỗi ngọc trai. Nàng đáp: *“chốn nghiêm cấm con mòng không lọt, (nên) dạ nghĩ ngờ đàn ngỗng đi qua...! Hoàng Triều liền sai Hề đồng đến bắt cùng Nguyệt Huy Công chúa rằng mình thêm thịt ngỗng xin lựa một con lớn nhất trong đàn làm thịt ngay và đem tất cả ruột mỡ cho chàng xem rồi sẽ nấu. Con ngỗng đầu đàn bị bắt làm thịt. Khi mổ ngỗng ra thì thấy chuỗi hạt trai ở trong mỡ... Hoàng Triều và Kim Liên nhận nhau: “Mặt nhìn mặt lòng đau quặn quai, tay cầm tay lụy nhỏ dầm dề”... Hoàng Triều cho mời Nguyệt Huy ra trách lòng độc ác. Nguyệt Huy nhận lỗi và xin em cùng Kim Liên xá quá. Hoàng Triều nước Kim Liên về cung bái yết Ngô Vương.*

10. Ngô Vương trông thấy Kim Liên, khen là “đáng mặt đại ban giai phụ” và phong làm “Hoàng Sứ Chánh Phi”. Nhà vua toan làm tội Nguyệt Huy về tội hành hạ người một cách quá đáng. Nhờ Kim Liên xin, Nguyệt Huy chỉ bị phạt nửa năm lương. Ai nấy đều tung hô “vạn vạn tuế”.

HỒI THỨ NHÌ: *“Phụng để mạng tiền đồng hạ giáng; Bằng Phật lực tướng sỹ hồi sanh”.*

Gồm có 2 lớp. **LỚP I** với những nhân vật: Kim Đồng, Chánh cung nước Yên, Yên vương, Thái Chiêm, Hoàng Triều, Ngô Vương, Bá quan văn võ nước Ngô, Sứ thần, Thiết Trung Kim, Kim Liên, (lúc này Hoàng Triều đã nối ngôi cha, Kim Liên đã thắng Hoàng Hậu), Thái tử và Nhị diện (2 con của Hoàng Triều), chia làm 7 màn:

1. Kim Đồng vâng lệnh Thiên đình xuống đầu thai làm Hoàng Tử nước Yên.

2. Hoàng Hậu nước Yên nằm mộng thấy Kim Đồng cỡi rồng bay vào cung, Kim Đồng chui vô bụng mình, còn rồng thì bay lên mây. Nhà vua vời Thái Chiêm vào đoán mộng. Thái Chiêm bảo là *“Mộng triệu thánh nhi kế thánh”*.

3. Bên nước Ngô, vợ chồng Thái tử Hoàng Triều sanh được hai trai; Ngô vương, tuổi già sức yếu nhường ngôi cho Thái tử.

4. Hoàng Triều lên ngôi vua, phong vương phụ làm Thái Thượng Hoàng, mẫu hậu làm Hoàng Thái Hậu dời sang cung Trường lạc; phong Sứ Phi Kim Liên làm Hoàng hậu, con trưởng làm Hoàng

Thái Tử, con thứ làm Nhị Điện và thăng thưởng tất cả văn võ bá quan mỗi người một bậc, lại đại xá tội nhân và mở *tiệc* ăn mừng trong ba ngày. Sau ba ngày vui, nhà vua treo bảng cầu hiền và theo lời tiến cử của Hoàng hậu, sai sứ thần đến Sơn Đông rước Thiết Trung Kim, người đã tặng cơm và chỉ đường sang Ngô cho Hoàng Hậu thuở trước.

5. Thiết Trung Kim thác tích nơi Sơn Lâm, thú vui cùng mè lộc mà lòng không quên hội long vân. Sứ thần tìm gặp Thiết, tuyên chỉ của nhà vua. Ban đầu Thiết còn ngần ngại nhưng rồi nhận thấy nhà vua quả có dạ cầu hiền, bèn theo sứ thần về triều bái mạng.

6. Nhà vua tiếp Thiết Trung Kim nơi long đình. Để vua quan thấy rõ tài mình, Thiết xách con thạch kỳ lân ở trước sân chầu, đi lại ba vòng rồi để lại chỗ cũ, một cách *thong* thả nhẹ nhàng. Nhà vua ca mừng phong chàng làm đại tướng, chức Vạn Thạch Hầu.

7. Bãi chầu vua vào cung. Hoàng Hậu tâu xin về nước Yên thăm lại hai đấng sanh thành. Nhà vua chuẩn y, cho Nhị điện cùng Thiết Trung Kim theo hầu. Nhà vua cùng Hoàng Thái Tử dẫn bá quan theo đưa đến Hải Tân mới trở lại.

8. Thiết Trung Kim ra lệnh cho *tướng* sỹ rước Hoàng hậu cùng Nhị Điện xuống thuyền. Thuyền ra khơi. Hoàng Hậu “đoái nhìn hải quốc băng khuâng, tạm xa điện các ngô gần đình vi”.

LỚP II, với các nhân vật: Yên Vương, Bá quan văn võ, Ngô hậu Kim Liên, Nhị Điện, Thiết Trung Kim, Sãi mâm, Ngũ Thông hòa thượng, Thị thần, Tăng đồ, Chuẩn Đề bồ tát, Cái nhân, Bạch Hạc đồng tử, Nam Cực tinh quân, và có 7 màn:

1. Ở Yên quốc, nhà vua cùng đình thần đương mở tiệc ăn mừng hoàng Hậu sanh Hoàng nam thì quân báo tin Ngô hậu Kim Liên đã về nước. Nhà vua mừng rỡ sai tướng sỹ đi rước. Cha con ông cháu gặp nhau vui mừng, kể lể nỗi lòng sau 10 năm xa cách. Đoạn Ngô hậu giới thiệu Thiết Trung Kim cùng Yên vương. Yên vương khen thưởng 10 cân vàng và ba chén ngự tửu. Thiết chỉ bái lãnh 3 chén rượu. Ngô hậu lại tâu về việc các tướng sỹ bị chết chìm ngày trước và xin vua cha lập đạo tràng cầu siêu, nhà vua chấp thuận. Hậu lại xin đi rước Ngũ Thông hòa thượng về chứng trai đàn. Nhà vua cũng y chuẩn. Hậu liền lên loan xa đến sơn tự.

2. Nơi sơn tự, Sãi Mâm “*xua một đũa côn quơng, nay biểu xưng Phụ động*” đương “*tự lột trần*” những sự bí ối dưới tấm áo nâu sồng của mình,

thì Ngũ Thông Hòa Thượng, nhờ có phép tiên tri, biết rằng Ngô Hậu sắp đến chùa nên chuẩn bị việc đón tiếp. Liền đó thị thần đến báo tin. Hòa Thượng đem tăng đồ ra cửa tam quan nghinh tiếp. Ngô hậu vào chùa dâng hương, rồi bạch cùng Hòa thượng việc lập đàn cầu siêu. Hòa thượng cho biết rằng mình không đủ uy đức để chứng đạo tràng và *khuyên* Hoàng hậu: Hôm sau lúc bình minh ra phía nam thành, hãy gặp người đầu tiên, bất kỳ phú quý bần tiện, nam phụ lão ấu thì đó là người phải nước. Nếu rồi không gặp người mà gặp súc vật cũng phải thành kính rước về. Nếu không thế thì lễ cầu siêu không có hiệu quả.

3. Chuẩn Đề bỏ tát, để thử lòng Ngô hậu, biến thành một người hành khất và biến con sư tử xanh thành một con chó ghê.

4. Trời vừa rạng đông, Ngô hậu kéo tướng sỹ ra cửa Nam thành thì gặp một cái nhân dật chó vừa đi vừa tán. Nhớ lời Hòa Thượng dặn, Hậu xuống xe đến thỉnh. Cái nhân *buông* lời mỉa mai. Hậu hết lời năn nỉ khiến chư tướng phải bất bình. Hậu quả chư tướng, rồi theo cầu khẩn cái nhân, mặc dù cái nhân hết dả kích tăng đến xúc phạm Phật. Cuối cùng, trước lòng thành kính của Ngô Hậu, Khất cái dật chó lên xe về triều.

5. Trai đàn thiết lập xong, chư tăng thỉnh khất cái lên ngồi phía tả đàn. Yên Vương dâng hương. Chư *tăng* tán tụng. Ngô hậu thành tâm quỳ mặt đất. Nơi tả đàn, Khất cái hiện nguyên hình Chuẩn Đề bỏ tát ngồi trên lưng sư tử xanh. Ai nấy đều thất kinh, đồng cất tiếng niệm Phật và cúi mình đánh lễ. Chuẩn Đề cho biết vì lòng thành của Ngô hậu cảm đến trời Phật nên Bỏ tát xuống chứng giám trai đàn. Đoạn gọi Bạch Hạc đồng tử đến truyền về thiên đình xin Ngọc chỉ đi tế độ vong linh. Liền đó muôn vạn hào quang chói ngời. Chuẩn Đề biến mất. Yên Vương, Ngô hậu, bá quan cùng chư tăng đồng tán thán công đức rồi giải tán.

6. Bạch Hạc đồng tử dâng văn giá vô *lên* Thiên Đình.

7. Nam Cực Tinh Quân vâng lệnh Ngọc Hoàng thượng đế đến Đông Hải truyền Long Vương cho 20 hồn tướng và 500 hồn quân được nhập xác trở về dương thế.

Tướng viết công phu. Văn chương chỉnh đốn. Cách xếp đặt gọn, khéo. Có nhiều đoạn châm biếm cho thấy những tệ nạn tệ hại trong xã hội phong kiến, như đoạn “chợ phiên”, đoạn “sãi Mắm”, đoạn Chuẩn Đề giả khất cái”. Nhưng cũng có nhiều khuyết điểm, nhất là về vai Kim Liên: Kim Liên, sau khi thoát nạn không hề

có một cử chỉ, 1 lời nói tỏ rằng mình có nuôi hay không nuôi hy vọng gặp chồng. Nàng có vẻ thụ động và an phận. Khi gặp Hoàng Triều, nàng không có chút đỉnh ngạc nhiên hay nghi ngờ chi cả. Đứng trước chồng mà từ cử chỉ đến ngôn ngữ, nàng vẫn tỏ như đứng trước người dưng, mãi đến khi mổ ruột ngỗng thấy chuỗi hạt trai, mới nhận ra chồng!!! Nàng không nhận biết thật sự hay giả đồ không biết để dò ý chồng? Xem diễn tuồng cũng như đọc văn, không ai đoán biết được tâm trạng nàng vì không có gì biểu lộ. Khuyết điểm thứ hai là soạn giả không cho biết “con chim thước hóa ra xác người con trai” là do “cái gì” mà ra thế? Đã biết là chuyện hoang đường, song phải có lý mới có thú.v.v.... Chưa tìm ra nguyên nhân vì sao, soạn giả đặt tên tuồng là Ngọc kính Đăng là kính hay đèn bằng ngọc, hay là Ngọc, gương, đèn hay là đèn bằng gương và ngọc? Tên thường gọi là Tuồng Hoàng Triều. Nguyên bản chữ Nôm chưa tìm thấy. Nhà ông Bửu Thù có một bản quốc ngữ viết tay trên quyển vở 200 trang, khổ 20 x 18.

20. ĐÀO PHI PHỤNG *(Tên nhân vật chính trong tuồng).*

Tuồng Hán Nôm soạn khoảng đầu nhà Nguyễn, không biết tên soạn giả, Đào Tấn nhuận sắc triều Thành Thái, vào khoảng 1889 – 1893. Tuồng gồm có 4 hồi. Nguyên bản chữ Nôm chưa tìm thấy. Hiện nhà ông Bửu Thù có bản phiên quốc ngữ chép tay, thiếu hồi thứ nhất.

HỒI THỨ NHÌ, với những nhân vật: *Huỳnh Sơn (bộ hạ của Đào Phi Phụng), Trương Nguyên (quan Thừa Tướng nước Lương), Lương Vương, Chấn Anh (bộ hạ của Diệm Cửu Qui), Đào Lệnh Công, (cha đẻ Đào Phi Phụng, cha nuôi thái tử nước Lương), Hoàng thái tử, Thương Đông, Thượng Hùng (em Thượng Nguyên), Liễu Nguyệt Tâm (Công Chúa Đông Liêu, vợ Phi Phụng), không chia lớp, các màn phân ranh bằng chữ “HẠ”, “ĐÔNG HẠ”:*

1. Huỳnh Sơn theo Phi Phụng đi đánh Đông Liêu. Thắng trận rồi, Phi Phụng ở lại giữ thành. Huỳnh Sơn vâng lệnh chủ tướng về triều dâng biểu.

2. Thượng Nguyên ở nhà ganh ghét cha con Phi Phụng, rắp tâm tìm cách hãm hại.

3. Tại triều, nhà vua xem biểu tấu ở biên trấn gởi về. Chấn Anh tâu trình công đánh dẹp của chủ là Diệm Cửu Qui đi bắc chinh. Nhà vua

thăng thưởng cho Diêm chức Quốc công đứng đầu *luống* ban văn võ. Đến lượt Huỳnh Sơn tâu trình chiến công của Đào Phi Phụng thì Thượng Nguyên hạch tội Phi Phụng đã kết duyên cùng Nguyệt Tâm với mưu đồ cùng nước ngoài để làm phản. Nhà vua nghe lời sàm tấu. Đào Linh Công và Thượng Nguyên, lời qua tiếng lại với nhau. Nhà vua tha cho Linh Công và giao cho Thượng Nguyên xét tội Phi Phụng minh bạch rồi sẽ gia hình.

4. Đào Công về tư dinh cùng Huỳnh Sơn. Huỳnh Sơn cho biết việc Phi Phụng kết duyên cùng Nguyệt Tâm là vì bị khốn phải quyền biến. Đào Công nổi giận đánh Huỳnh Sơn. Thái tử (ở làm con nuôi Đào Công) ra can. Đào Công bỏ đi. Huỳnh Sơn xin Thái tử cứu mạng Phi Phụng. Thái tử viết thư bảo Huỳnh Sơn đem ra Phiên trấn.

5. Thượng Nguyên vui mừng sai *Thượng* Đồng đem quân đi bắt Phi Phụng.

6. Nguyệt Tâm ở Đông Liêu nhớ chồng, đem thế nữ sang nước Lương.

7. Đào Phi Phụng đương ngồi trông tin tức Kinh đô thì Huỳnh Sơn về trình thư của Thái tử và cho biết mọi việc đã xảy ra nơi triều đường. Nghe tin gian thần vu mình phản quốc, nhà vua lại giao cho hấn xét xử mình, Phi Phụng không dẫn được lòng cảm phần.

8. Biết rằng Thượng Đồng sắp đem binh đến bắt Phi Phụng và tàn sát tùy tùng, Huỳnh Sơn truyền đóng chặt cửa thành chống lại. Thượng Đồng không vào được đứng ngoài thành thóa mạ. Nguyệt Tâm đến gặp Thượng Đồng. Sau khi hỏi biết rõ lai lịch của nhau thì hai bên giao chiến. Thượng Đồng bị Nguyệt Tâm giết. Nguyệt Tâm vào thành.

9. Được tin Nguyệt Tâm giết Thượng Đồng, Phi Phụng thất kinh té nhào bất tỉnh. Nguyệt Tâm kêu tỉnh dậy. Phi Phụng cho là Nguyệt Tâm đến gieo họa, rút gươm chém. Nguyệt Tâm phân trần. Phi Phụng vẫn không nguôi giận, vừa mắng vừa chém tiếp. Nguyệt Tâm đều tránh khỏi. Huỳnh Sơn can thiệp. Phi Phụng lấy cớ Nguyệt Tâm đang mang thai nên tha chết. Nguyệt Tâm tức giận bỏ đi. Phi Phụng giao thành cho Huỳnh Sơn, một mình về triều chịu tội.

10. Nguyệt Tâm ra khỏi thành toan trở về nước thì lại sợ Phi Phụng bị bọn gian thần hãm hại bèn sai thế nữ trở về trình với thúc thân coi giữ thành trì, còn nàng thẳng qua kinh đô Lương Quốc.

11. Lương vương vừa được tin Nguyệt Tâm giết Thượng Đồng thì Phi Phụng vào chịu tội. Đào Công nổi giận mắng nhiếc và vung quyền đánh Phi Phụng, rồi tâu xin chịu tội cùng con. Nhà vua tha tội cho Đào công vì “sinh nguồ bất sanh dác” và truyền Thái Su Thượng Nguyên dẫn Phi Phụng ra pháp trường hành quyết.

12. Hoàng Thái tử hay tin vội vã lên ngựa ra pháp trường cứu Phi Phụng.

13. Thượng Nguyên dẫn Phi Phụng đi. Đến pháp trường, đao sắp sửa khai thì Thái tử đến kịp, truyền đao phủ quân *đình thủ* và nặng lời quở trách Thượng Nguyên. Thượng Nguyên cho người chạy về tâu. Vua sai nội hoạn ra bảo Thái tử đừng nghịch mạng. Thượng Nguyên đắc thế toan ra lệnh xuống đao thì Nguyệt Tâm đến. Phi Phụng nổi giận bứt giầy, loạn đá Nguyệt Tâm. Thái tử can. Thượng Nguyên thấy Nguyệt Tâm đến, hô quân vây bắt. Nguyệt Tâm đánh quân lính chạy sấn lạc, cứu được Phi Phụng chạy khỏi pháp trường.

14. Nguyệt Tâm đi rồi, Thượng Nguyên mới dám ló ra phân trần cùng đám tàn quân (đây là một màn kịch giúp vui).

15. Phi Phụng được cứu thoát, chẳng những không biết ơn Nguyệt Tâm mà còn toan làm dữ. Thái tử can. Liền đó Nguyệt Tâm chuyển bụng dễ, đồng thời nghe tiếng quân reo. Vợ *chồng* Phi Phụng giao con nờu Thái tử che chở. Thái tử nhận hài nhi và dục vợ chồng đào tẩu.

16. Vợ chồng Phi Phụng đương chạy thì bị Thượng Hùng chặn đường đánh. Phi Phụng, Nguyệt Tâm thế cô, bị đánh bại, mỗi người chạy mỗi ngã. Thượng Hùng không đuổi kịp kéo quân trở về.

17. Thái tử ăm hài nhi về dinh Đào Công. Đào Công nghe tin Phi Phụng Nguyệt Tâm thoát nạn đã không mừng lại còn muốn chụp đứa bé dễ vật cho chết tuyệt “loài ngõ nghịch”. Chợt nội hoạn đến báo tin vua băng, Cát Thượng Nguyên trộm ấn vàng và sai người tầm tróc Thái tử. Đào Công khuyên Thái tử nên trốn còn mình ở lại tìm cách cứu vãn tình thế: “*mất lão phu hơn mất giang san; còn điện hạ những còn báu nước*”. Thái tử bồng hài nhi đi tỵ nạn.

HỒI THỨ BA với những nhân vật Cát Thượng Hùng, Đào Phi Phụng, Liễu Nguyệt Tâm, Quan Vân Trường, Châu Thương và Quan Bình. Cũng chép như hồi thứ nhì; những chữ “Hạ”, “Đồng Hạ” làm giới hạn cho màn:

1. Cát Thượng Hùng vâng lệnh tân triều đi lùng bắt Phi Phụng và Nguyệt Tâm.

2. Phi Phụng và Nguyệt Tâm đem nhau về Đông Liêu lánh nạn. Thượng Hùng đuổi kịp, hai bên đánh nhau. Phi Phụng và Nguyệt Tâm chiến bại, bỏn đảo. Thượng Hùng truy kích.

3. Vợ chồng Phi Phụng tẩu thoát, về được thành Đông Liêu của nước Liêu mà trước kia Nguyệt Tâm đóng giữ. Vừa vào thành thì Phi Phụng nhận được thư của Quốc Công cho biết Thượng Nguyên đã chiếm đoạt ngôi rồng và đã bắt Đào Công hạ ngục. Nghi mình “trung hiếu lưỡng giai vong”, Phi Phụng vô cùng đau xót. Nguyệt Tâm bảo phải “liệu làm sao chứ chẳng lẽ cứ ngồi mà khóc”. Phi Phụng bảo Nguyệt Tâm phải ở lại chiêu binh mãi mã để chàng về Trường An thám thính. Vợ chồng chia tay.

4. Chồng đi rồi, Nguyệt Tâm lại bươn bả đi theo. Đến ải quan bị quân canh chặn lại. Nguyệt Tâm giết chết quân canh, chạy qua ải.

5. Quân chạy về báo cùng Thượng Hùng. Thượng Hùng kéo binh truy nã.

6. Phi Phụng đương đi nghe tiếng quân reo hò, liền giục ngựa lên gò cao xem thì thấy Nguyệt Tâm cùng Thượng Hùng kịch chiến, rồi Nguyệt Tâm bại tẩu, Thượng Hùng truy kích. Cứu vợ thì vợ theo làm bận chân, không cứu thì vợ sẽ bị giết chết ! Tính thế lưỡng toàn, Phi Phụng cắt áo che mặt rồi xông vào đánh Thượng Hùng. Hùng thua bỏ chạy vào ải. Được người cứu nạn, Nguyệt Tâm muốn biết mặt ân nhân mà nàng giấu vóc dáng chân tay giống hệt chồng. Nàng muốn dùng thế gỡ không vãi che mặt ra xem nhưng lại sợ nếu không phải là chồng thì xấu hổ. Nàng khóc. Song rồi cương quyết “trộm lịnh chồng” phóng đến ra tay... Phi Phụng nổi giận mắng vợ “nữ hạnh nữ công chẳng có” nên xem “lời khuyên lời dặn như không”... rồi toan giục ngựa bỏ đi. Nguyệt Tâm níu áo lại. Phi Phụng đòi tự tử, Nguyệt Tâm mới chịu trở về, để chồng đi lo việc cứu cha giúp nước.

7. Phi Phụng đi đến chiều tối, không tìm được nhà được quán, bèn vào ngủ nơi một cổ miếu thờ Quan Vân Trường.

8. Quan Văn Trường cùng Châu Thương và Quan Bình lui chầu nơi Đế Khuyết, dâng văn về miếu.

9. Phi Phụng làm lễ trước án thờ, nhìn thấy pho tượng mặt đỏ râu dài thì ước mong được như vậy để bọn cừu thù không nhận biết. Thánh quân cảm lòng trung hiếu của Phi Phụng, khiến Châu Thương tía râu mình kết cho Phi Phụng và biến bạch diện thành châu nhan. Phi Phụng thức dậy thấy mình biến thành Mặt đỏ râu xanh thì hết sức mừng rỡ, khấu đầu lạy tạ thần linh, rồi vội vã đi lo phận sự.

HỒI THỨ TƯ cũng chép như những hồi trước, với những nhân vật: Quốc Tín, Thượng Lân, Huỳnh Sơn, Thượng Nguyên, Vạn Chung (tức Phi Phụng bỏ mặt đỏ râu dài, thi đấu Trạng làm quan với triều), Đào Công, Nguyệt Tâm, lần lượt xuất hiện:

1. Quốc Tín vâng lệnh chủ tướng trấn ải Lâm Đồng về triều xin viện binh.

2. Thượng Lân trấn ải Nam Quan với nhiệm vụ đánh dẹp binh tướng của triều Lương.

3. Huỳnh Sơn kéo binh đến đánh Thượng Lân. Hai bên giáp chiến, Lân thua chạy.

4. Thượng Lân chạy về thành, gọi quân mở cửa. Quân giữ thành trêu ghẹo rồi mới chịu mở. Vào thành, Lân vấn kế, quân cũng tìm cách trêu người. Vô kế khả thi, Lân sai quân về triều cầu cứu.

5. Thượng Nguyên lên ngôi vua cầm mỗi nước, đương ngồi khoe tài trị quốc an dân, thì Quốc Tín vào tâu: “*Nguyệt Tâm nổi loạn, vây ải Lâm Đồng...*”. Thượng Nguyên vấn kế quốc trạng Vạn Chung. Vạn Chung tâu rằng vì thù nhà mà dấy binh, nên xin lãnh Đào Công đem ra ải quan dụ địch. Thượng nguyên mừng rỡ ban gươm rồng ấn hổ và giao Đào Công cho Vạn Chung đi bình tặc.

6. Vạn Chung gặp Đào Công mừng quá buột miệng gọi “cha, cha...”, bị Đào Công cự là gọi bậy. Vạn Chung nói trớ... rồi cười... rồi khóc... Cười cũng bị Đào Công cự mà khóc cũng bị Đào Công cự... Vạn Chung đều nói trớ trôi xuôi. Cuối cùng Vạn Chung cho biết mục đích là nhờ Công dụ con và dẫu về dẫu hàng cùng tân trác Đào Công mắng nhiếc Vạn Chung: “*Thậm tiếc thay đai ngọc mào vàng; rất uổng bấy râu xanh mặt đỏ*”. Vạn Chung truyền quân đem Đào Công ra ải và dặn đối xử tử tế.

7. *Vạn Chung cùng binh tướng dẫn Đào Công lên đường đến ải Lâm Đồng.*

8. Nguyệt Tâm “Đại thừa phụ nghiệp Liêu Đông” đương ngồi nhớ chồng thì quân vào báo Vạn Chung cử binh vào quốc thổ. Nguyệt Tâm liền đem quân đánh.

9. Vạn Chung vừa trông thấy Nguyệt Tâm thì buột miệng gọi “vợ, vợ...” Bị Nguyệt Tâm mắng, Vạn Chung tìm cách nói quanh, rồi buông lời trêu ghẹo. “*Nghe qua thăm mật, thấy nói sôi gan; cầm thay loài lòng bối dạ lang, dám buông tiếng trêu hoa ghẹo nguyệt*”, Nguyệt Tâm liền múa kiếm đánh nhau. Vạn Chung địch không nổi bỏ chạy. Nàng đuổi theo.

10. Vạn Chung chạy vào thành bế thủ. Nguyệt Tâm cùng Huỳnh Sơn (sau khi Thượng Nguyên chiếm ngôi, Huỳnh Sơn cùng thái tử chạy sang Liêu Đông) đem quân đến vây thành. Vạn Chung đem Đào Công lên mặt thành, gọi nguyệt Tâm “hãy xem tướng ai đó”. Huỳnh Sơn nhận biết là Đào Công. Nguyệt Tâm thương xót khóc than. Vạn Chung dụ hàng nếu nàng không hàng thì sẽ giết Đào Công. Thương cha Nguyệt Tâm muốn siêu lòng. Nhưng Đào Công khẳng khái khuyên nàng hãy cố đánh trừ cho được bọn gian nịnh, chớ nếu hàng thì ông tự tử ngay. Nguyệt Tâm xin vâng phụ mệnh. Kế đó quân báo cùng Nguyệt Tâm rằng có đạo binh của Thái tử sắp đến. Nguyệt Tâm cho quân trở lui tâu rằng giặc đang dùng kế hoãn binh. Vạn Chung nghe biết có Thái tử ở Liêu thì lòng vô cùng phấn khởi, liền khai thành xuất trận.

11. Hai bên giáp chiến. Vạn Chung trá bại, dụ Nguyệt Tâm đến nơi hẻo lánh tỏ thật rằng mình là Phi Phụng. Nguyệt Tâm không tin, bởi “*phấn diện châu thân, Đào Phi Phụng nãi ngô phu tướng; Trường tu xích diện, Vạn Kim Chung thị nễ súc sanh*” (Má phấn môi son, Đào Phi Phụng cao sang chồng thiếp; râu dài mặt đỏ, Vạn Kim Chung, hèn hạ thân người). Vạn Chung thuật lại sự việc xảy ra sau khi biệt nhau giữa đường, vợ về Liêu, chồng đến Tràng An thám thính... vì lòng thành được Quan Thánh kết râu. Nguyệt Tâm chưa tin, hỏi ngày giờ nơi chốn kết duyên. Vạn Chung nói đúng hết. Cũng chưa thật tin, nàng báo cho biết những ấn tượng của đôi bên. Vạn Chung nói không sai một mảy. Lòng mừng không xiết kể. Vợ chồng liền chia tay. Nguyệt Tâm về Liêu bẩm bạch cùng Thái Tử định ngày trở về nước. Phi Phụng trở về thành chiêu binh mãi mã, đem Đào Công ra trận hợp cùng binh Thái Tử khôi phục giang san...

Tuồng cũng *thường* được gọi là Liễu Nguyệt Tim (Tim là Tâm đọc trại). Đào Tấn chỉ sửa qua những hồi trước. Hồi thứ tư được Đào Công chú ý hơn song cũng không dụng công tu chỉnh như đối với Sơn Hậu, Tam Nữ Đồ Vương...

21. NHỊ ĐỘ MAI

(Hai độ mai nở)

Tuồng Hán Nôm, không biết tên soạn giả, ra đời vào khoảng đầu thế kỷ XX. Sự tích mượn ở cuốn Trung Hiếu Tiết Nghĩa Nhị Độ Mai, truyện của Trung Quốc chép một câu chuyện xảy ra vào thời nhà Đường (Truyện này đã diễn ra *thơ* lục bát vào khoảng Lê mạt Nguyễn sơ). Tuồng chia làm 7 hồi. Hồi không chia lớp, màn, chép một mạch từ đầu đến cuối. Ở đầu mỗi hồi có một cặp đối liên nêu ý chính trong hồi. Nội dung đại lược là:

HỒI THỨ NHẤT: *"Mai Khôi quan vì nước bị diễn hình; Trần, Phùng công thương bạn hồi dân dã".*

1. Mai Khôi làm huyện giản nơi Thường Châu, chánh tích tốt. Trong huyện *"nhà mở cửa người vui chánh giáo; Ngục không tù dân chẳng bạo tàn"*. Mai Công có một người con trai tên Mai Lương Ngọc. *"Trung hiếu lòng hằng sẵn sóc; Tín thành dạ những trau dồi. Năm xe nhuận trái nghề văn; Ba lược lâu thông việc võ"*. Vợ Mai Khôi là Kỳ phu nhân, người hiền đức, đối với chồng con hết dạ cung từ. Tiếng tốt của Mai Khôi bay đến triều Đường. Đường Túc Tông bèn sai sứ thần đem chiếu văn ra triệu Mai Công về kinh phân chức Gián Nghị. Công rất vui mừng. Để có thể rảnh rang lo việc nước, công ra đi một mình, biết tánh chồng cương trực, còn sùng thần là Lư Kỳ thì gian trá hiểm độc, Kỳ phu nhân ân cần can dạn lúc phân kỳ: *"Gấm Lư Kỳ là người đặc chí, trăm họ đều gió thổi quyền gian; Vả Mai gia vốn mặt ngoài quan, chín bề hời gương lờ trung tín"*. Cho nên: *"nóng nảy xin lòng hãy dần lòng; kéo nữa sa sẩy ắt họa khôn tránh họa"*. Mai công khuyên vợ con đừng lo chi cho bạn. *"Đốc trung ái dạ đã quyết dạ, dù từ sanh lòng cũng ưng lòng"*. Rồi theo sứ thần lên đường. Dân chúng được tin Mai công về kinh, lũ lượt kéo nhau đi đưa. Ai nấy đều than: *"Bánh can võ rày đã vắng đó ; Bóng cam đường bao thuở thấy đây. Khúc cảm vội giục đông tây ; Giọt lụy khôn cùng Nam Bắc"*. Đưa chân vài dặm, dân chúng trở về, Mai công thẳng đường về Kinh.

2. Nơi biên giới tướng Phiên là Đạt Đáng cử đại binh vào đánh nhà Đường. Quan trấn ải là Viên Công đánh không lại, đóng kín cửa thành cố thủ và sai Vương Thành lãnh biểu chương về triều xin viện binh.

3. Mai Khôi về đến Kinh đô trước Vương Thành và vào thẳng đến vua báỉ mạng. Vua Túc Tông vui mừng ban quyền tước và khuyên "hết lòng nạp gián". Bải triều, quan Thái sư Lư Kỳ bắt lỗi Mai Khôi sao vô lễ, không đến ra mắt mình trước theo phép triều đình xưa nay. Hai bên tranh biện. Đại thần Trần Công tức Trần Đồng Sơ phải đứng ra hòa giải. Mai Công tức giận, thề quyết trừ gian nhưng trước "*phải đến đó giả tình tương đắc, ngỏ coi chừng chú ý sở vì*". Nhưng đến dinh Lư Kỳ thì thấy tám bìa "hạ mã" dựng ở trước cổng, rồi lại bị quân canh cửa đòi 10 lượng vàng, 1 cân bạc, để đem vào dâng, "*Bằng không thẻ bạc thẻ tiền, chớ nói đến hầu đến hạ*". Mai Công tức giận trở về dinh. Lư Kỳ hay tin, bàn cùng người con nuôi là Huỳnh Trung, tìm cách trừ khử kẻ đối thủ.

4. Quan Thái Phó Phùng Công, bạn thân của Mai Khôi nghe tin bạn về kinh lãnh chức *Gián Nghị*, liền mời *Trần Công* và *Đảng Công* đến dinh mình để trực đón Mai Công. Bạn cũ gặp nhau, đem hết tâm sự ra nói. Mai Công bàn đến việc Lư Kỳ chuyên quyền và trách ba bạn sao bấy lâu cấm khẩu. Công lại cho biết rằng mình quyết tâm "vì vua dẹp loạn, trừ bạo an dân". Trần, Phùng Đảng hỏi kể. Mai đáp rằng: nơi nơi bị đói khổ, nhân dân đổ thán, đó là do tay chân bộ hạ của Lư Kỳ tham tàn những nhiều; ngoài biên thù giặc dã nổi dậy, binh tướng hao tổn hằng ngày, đó là do Lư Kỳ đoạt hết lương hướng của quân, khiến quân bẽ trễ việc biên phòng, tướng tá không đủ sức chống cự. Đó là những tội lớn phải đặt lên để khuyết. Trần, Phùng, Đảng đều khuyên nên cẩn thận vì Lư Kỳ ở địa vị cao, nếu nhà vua không nghe lời gián thì khó mà thoát tay ác độc của gian tặc. Nên phải suy nghĩ kĩ rồi mới thi hành.

5. Lư Kỳ ăn mừng sanh nhật. Đình thần đều phải đến mừng thọ. Mai Khôi cũng đến. Con nuôi Lư Kỳ là Huỳnh Trung ra đãi khách. Huỳnh Trung tuy là con nhưng lại lớn hơn Lư Kỳ 12 tuổi. Nhân đó Mai Khôi mới buông lời mai mỉa. Lư Kỳ đem tích Hàn Tín, Tào Tháo ra nói: "*Trung Hàn Tín bất tổn tánh mạng; Nịnh Tào công vinh cấp tử tôn*". Mai Khôi sẵn trốn chỉ trích Lư Kỳ thậm tệ. Lư Kỳ cùng bộ hạ toan làm dữ. Triều thần lấy cớ Mai Công say rượu, xin Lư Kỳ "giảm uy" và vực Mai Công ra về.

6. Lư Kỷ cảm giận Mai Khôi đương tìm cách hãm hại thì Vương Khanh đến ra mắt và trình bày việc biên thù. Lư Kỷ thừa cơ đang đêm vào cung vua sàm tấu rằng Mai Khôi tư thông cùng quân Phiên tạo phản. Nhà vua bán tín bán nghi. Hôm sau thiết triều. Lư Kỷ đưa Vương Khanh vào chầu. Nghe tin tướng Phiên đoạt ải vây thành, nhà vua liền sai Trần công và Phùng công đem binh đi đánh dẹp. Mai Khôi tấu rằng “Văn thì an bang, võ thì định quốc. Trần, Phùng là văn thần làm sao cầm binh đuổi giặc được. Huống hồ quân Phiên dấy loạn là do Quan thần gây nên. Muốn dẹp yên giặc ngoài thì nên lo trừ giặc trong trước. *“Trung quốc ký an, tứ di tự phục”*. Đã sẵn nghi Mai Khôi có dị ý, vì lời sàm tấu của Lư Kỷ, lại nghe mấy câu trực ngôn của Công nữa, nhà vua quả quyết là công có gian tâm làm phản, nổi giận truyền đao phủ quân đem chém. Đáng công can gián. Nhà vua không nghe. Trần công và Phùng công tâu tiếp rằng lời của Mai Khôi là lời ngay, xét kỹ không có chi là gian nguy. Hai ông lại thêm rằng lâu nay *“triều thần thường cười thói Lệ U, thì không nên để cho hậu thế mỉa mai cũng là Kiệt Trụ”*. Nhà vua nổi giận lột chức đuổi hai ông về làm dân và truyền Giám sát Quan dẫn Mai công ra pháp trường hành quyết.

7. Túy Tòng Tử ở Bồng Lai vâng lệnh Ngọc Hoàng Thượng Đế xuống cứu mạng Mai Khôi. Giám sát Quan vừa đem Mai Khôi đến pháp trường thì gió to mưa lớn nổi lên làm cho đất trời mù mịt. Trần công và Phùng công chạy ra theo pháp trường thì không còn thấy gì hết, bèn than khóc mà trở về quê quán.

HỒI THỨ HAI: *“Đến Nghi Trung hỷ đồng tử tiết; Ân am tự Lương Ngọc dung thân”*.

1. Mai Khôi được cứu khỏi mạng đến một nơi xa lạ, đương bờ ngõ không biết đi về hướng nào để trở về kinh đô thì gặp một khách nhân du. Khách vốn là Túy Tòng Tử giả dạng, khuyên công không nên trở về triều mà nên theo về am mây nường ngày tháng để đợi thời cơ. Mai Khôi theo Túy Tòng Tử.

2. Lư Kỷ tướng Mai Khôi đã bị nước lụt nhận chìm, mừng là đã trừ được một đối thủ lợi hại. Để dứt hết nhánh rễ, y sai bộ hạ Võ Lang đem quân đến Thường Châu bắt hết vợ con Mai Khôi đem về tru lục.

3. Đồ Thân ở Tế Nam, trước kia vì nghĩa đánh chết một tên gian ác hiếp đáp dân lành, bị bắt bỏ ngục. Mai Khôi xét rằng “giết kẻ gian

không phải trọng hình” nên tha khỏi tội. Đồ Thân nhớ ơn đức, mong có lúc báo đền. Nhân đi chơi gặp binh Võ Lang kéo đến rầm rộ, mới dò hỏi biết rằng binh đi bắt toàn gia Mai gián nghị. Đồ Thân liền đi đường tắt đến tin cho Kỳ phu nhân và Mai Lương Ngọc biết việc Mai Công bị hại và binh triều dương kéo đến bắt. Gia đình Kỳ phu nhân liền bảo Lương Ngọc đi đến quận Nghi Trung nương nấu cùng Hầu Loan. Hầu Loan là bạn đồng Liều cùng Mai Khôi, hai bên đã hứa làm sui với nhau, dợi con lớn khôn sẽ làm lễ cưới. Phu nhân cho Hỷ Đồng đi theo Lương Ngọc và cho tất cả gia nhân đi tứ tán để lánh nạn, còn mình thì đến Sơn Đồng nương tựa cùng người em là Kỳ Công. Võ Lang đến, trong dinh thự không còn một người. Hối trùm ập thì bảo rằng “*Dư nửa tháng rõ ràng, không một người thấp thoáng*”.

4. Mai Lương Ngọc cùng Hỷ Đồng đi đến Nghi Trung, vào nghỉ nơi một quán ăn. “*Ngại ngừng lòng thế hai ba, Đưa thang ít mạt thêm hoa ghe người*”, nên Lương Ngọc dò hỏi về Hầu Loan. Biết dạng là người “*thương chẳng thương kẻ giàu sang, ghét thiết ghét người trung trực*..”, Hỷ Đồng bảo Lương Ngọc thay đổi sắc phục, thay đổi ngôi thứ, Lương Ngọc giả làm Hỷ Đồng, Hỷ Đồng giả làm Lương Ngọc, rồi sẽ vào yết kiến Hầu Loan. Hỷ Đồng lại mua để sẵn thuốc độc trong mình, để phòng bị..

5. Hầu Loan, vì chưa từng gặp Lương Ngọc nên không phân biệt được giả chân. Ban đầu y rất vui mừng được gặp rể nhưng sau khi nghe Giả Lương Ngọc trình bày mọi nỗi thì liền trở mặt, truyền quân bắt hạ ngục dạng đem nạp cho triều đình lấy thưởng. Giả Lương Ngọc hối Giả Hỷ Đồng lên trốn đi nơi khác, rồi nuốt thuốc độc mà chết. Hầu Loan truyền quân chôn xác và dấu nhem kéo mang tội cùng triều đình.

6. Lữ Đồng Tân ở Bồng Đảo thương Hỷ Đồng có nghĩa, sai Hắc Hồ đến bối mả, đem thi hài Hỷ Đồng về động...

7. Lương Ngọc tìm thăm mả Hỷ Đồng (trước khi cạp đến) rồi thì đi lang thang, “*Xông pha xóm lách bờ lau, Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà*”. Đi mỗi đến ngồi nghỉ nơi tam quan một nơi Sơn tự. Nghĩ tấm thân mang không biết bao nhiêu sầu thương khổ hận, không cha, không mẹ, không người thân thích, không nơi nương nấu..., thêm “*Dự sanh nầy bằng lậu tiếng tăm, Pháp vông nọ khỏi đâu sẵn lạc*”, nên chàng “*đành quyết liều một thác, ngỏ khỏi lụy trăm điều*”. Đoạn treo cổ mà chết. May chư tăng trong chùa cứu được. Hòa Thượng trụ trì là Hương Tri hỏi lai lịch, chàng nói dối rằng mình tên Hỷ Đồng

theo chủ đi làm ăn, giữa đường bị cướp dợt, thấy trò tán lạc. Bơ vơ đói khổ nên mới quỳên sinh. Thấy *“phong tư đáng mặt khoa danh, cốt cách nên trang thạch phủ”*, Hòa thượng hỏi xem sở học. Chàng viết chữ dâng lên. Hòa thượng khen ngợi cho ra an trú tại tăng phòng.

HỒI THỨ III: *“Trần Đông Sơ đạo chùa động công tử; nhị độ mai Lương Ngọc lậu chân tình”*.

1. Trần công tức Trần Đông Sơ từ khi bị cất chức đem gia quyến về Dương Châu dưỡng chí. Công có một trai tên Xuân Sanh, tài gồm văn võ, và một gái tên Hạnh Nguyên, bốn đức đã vẹn, văn chương lại không người hơn. Tuy được sống thanh nhàn, công vẫn không quên nỗi nước, tình bạn. Hai con thường khuyên cha trút bỏ việc đời, để cho thân tâm được an lạc. Nhớ đến anh là Hòa Thượng Hương Trì, Trần công cùng vài gia nhân đi lên Sơn Tự.

2. Hòa Thượng Thanh Trì buổi thiếu thời thi đậu thám hoa bên vô, lãnh chức Ngự Tiền bảo giá đồ úy, lần lần lập công được thăng lên chức đại nguyên soái. Sau chán *lợi* danh xuất gia đầu Phật. Đã tám năm tròn, Hòa thượng không gặp Trần Công. Tình cờ được Trần Công đến thăm, Hòa thượng hết sức mừng rỡ. Hỏi thăm chuyện cũ, mới hay em mình đã về điển lý, Hòa Thượng vui vẻ mà bảo rằng trường hợp của Trần Công là *“bất hạnh trung chi đại hạnh”*. Nhân thấy vườn chùa trăm hoa nở sum sê đều đặn, công hỏi thăm người trông coi. Hòa Thượng giới thiệu *“Hỷ Đồng”* và cho Hỷ Đồng theo về cùng Trần công.

3. Về nhà, Trần công giới thiệu Hỷ Đồng cùng cùng vợ Ngô Thị rồi cho đến ở nơi tây phòng trong hoa viên để coi sóc hoa kiểng.

4. Nhờ sự chăm non săn sóc của Hỷ Đồng, hoa viên của Trần công trở nên cảnh *“Tiêu Tương, Bồng Đảo”*. Một hôm Trần Công bày tiệc nơi vườn hoa cùng vợ con thưởng xuân, đương vui bỗng công ứa nước mắt. Phu Nhân hỏi, Công đáp rằng thấy mai nở chạnh nhớ đến Mai Khôi. Đoạn truyền gia nhân bày hương án nơi vườn để tế bạn. Công vái rằng nếu họ Mai sau này còn được vinh qui thì *“sống trung trinh, thác linh hiển”* xin bạn hãy cho vườn mai nở thêm nhiều. Đứng xa xa Hỷ Đồng xúc động, hướng vào hương án vừa khóc vừa lay. Hạnh Nguyên trông thấy cho là vô lễ, trình cùng Trần Công. Công hỏi, Hỷ Đồng đáp rằng chính mình đã thấy Mai Công bị thác oan, nên đứng trước tình nhớ bạn của Trần Công, chàng không cầm được nước mắt. Trần công bảo *“Vượt phận tuy rằng chẳng phải”* nhưng biết thương người trung nghĩa như

thế, *“Suy tình nghĩ cùng nên tha”*. Rồi bảo chàng canh coi hương án, để đợi xem lời nguyện của mình có linh thiêng.

5. Hỷ Đồng (tức Mai Lương Ngọc đội lốt) nhận thấy lòng chí thành của Trần công đối với cha mình thì có lòng mừng. Chàng quỳ trước án cầu xin *“phụ thân hiển ứng, phù trợ cho mai nở đầy cành”*. Vừa khấn xong thì gió thổi ùn ùn mây bay mịt mịt, trăm hoa đều rụng, mai không còn 1 bông! Cho là triệu bất tường, than khóc rồi ngã ra bất tỉnh. Cứu tỉnh lại, Hỷ Đồng cho biết sự kiện vừa xảy ra. Trần Công ra vườn thấy mai rụng hoa gãy nhánh thì cho là điềm báo tin chẳng lành về Mai Lương Ngọc. Công tin rằng họ Mai không còn phục hưng được nữa, nên chán nản, quyết ý đi lên chùa tu cho khuây khỏa nỗi buồn thương. Xuân Sanh và Hạnh Nguyên khuyên mấy cũng không được. Sau hai người xin cha nán lại ba ngày để cầu xin thần minh cho mai nở lại. Nếu *“trong ba ngày hoa chẳng lại cành; ngoài ngàn dặm cha dù trở bước”*. Công chịu lòng con. Liền đó Hạnh Nguyên thiết hương án tại vườn hoa. Hỷ Đồng lo giữ hương đèn ngày đêm, hai chị em thay phiên nhau đến cúng vái.

6. Hỷ Đồng *“Ngày mỗi mắt trông cành ngó cội, đêm treo lòng chờ nhụy trực hương”*, nhưng đã hai ngày qua *“mỗi miệng khấn hoàng thiên hậu thổ; đầy vườn y lá rụng hoa tàn”*, cho nên hết sức buồn bã, đứng thờ ngồi than. Lòng thành động đến Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thượng Đế sai Thành Hoàng truyền tiên nữ *“lãnh tiên hoa kíp xuống phàm trần, đến Trần phủ rải lên mai ngọc”*. Hỷ Đồng chợt nghe mùi hương bát ngát bay trong bóng đêm, lấy làm lạ, đốt đuốc đến bên khóm mai xem thì thấy đầy cành hoa đơm trắng xóa. Hỷ Đồng mừng rỡ bẻ 1 nhánh đem trình lên Trần công. Ai nấy đều cho là việc hy hữu, hoan hân vô hạn lượng. Trần công sai bày phẩm vật lên án cúng tế Mai công. Lễ xong thấy Hỷ Đồng cũng khóc cũng lay, Trần Công cho là Hỷ Đồng nhái mình, cả giận toan phạt. Hỷ Đồng quỳ thưa rằng cha mình ngày trước bị chết oan, nay thấy cúng tế, nhớ ơn sanh thành mà khóc lay, chớ đâu dám vô lễ cùng đại nhân. Trần Công xúc động, bảo gia nhân dọn cho chàng một mâm hào soạn để chàng cúng thân sinh. Rồi cùng phu nhân và Hạnh Nguyên, Xuân Sanh đi thưởng hoa. Đi đến tiểu đình thấy thơ đề trên vách, phong vị thanh tao, cốt cách tuấn đạt, Công hỏi Hỷ Đồng thơ ai làm. Hỷ Đồng thưa rằng *“nhân lúc thấy hoa trùng phát, xui mình xúc cảnh sanh tình”*. Trần Công cao hứng bảo Hạnh Nguyên và Xuân Sanh họa vận đề *“lưu truyền hảo sự”*, rồi trở vào dinh.

7. Hỷ Đồng nhận thấy Trần công đối với cha mình tận thành, đối với mình cũng thật lòng thương mến thì vững tâm nương náu đợi thời lai. Nghe nói Dương Châu là chốn phồn hoa đô hội, chàng khép cửa phòng, “đến đó xem qua”. Ở nhà Hạnh Nguyên nghĩ đến chàng “*dùng mao không phạm, vấn chương hơn chùng; nếu chẳng là mai bá lệnh lang, ắt cũng là danh gia quý tử*”. Thị nữ của Hạnh nguyên là Túy Huân. Túy Huân vào phòng thấy trên kỷ thờ 1 mộc bài, trước mặt đề “Hiển Khảo Mai Công”, sau lưng đề “Hiếu nam Lương Ngọc”. Hạnh Nguyên lấy mộc bài đem về trình Trần Công. Công rất mừng. Lương Ngọc đi chơi về thấy mất bài vị thì thất kinh. Túy Huân đến cho biết là bài vị đã vào tay Trần công rồi và chân tướng chàng mọi người trong nhà đều biết. Đến trước Trần Công, Lương Ngọc đành phải đem hoàn cảnh của gia đình sau khi Mai Công bị hàm oan ra kể lại. Trần công bảo chàng thay đổi y trang và cùng Xuân Sanh đến ở nơi thờ phòng để chung lo việc đèn sách. Công lại bàn với phu nhân về duyên đôi lứa của Hạnh Nguyên và Lương Ngọc. Phu nhân bảo: “*Thơ vịnh mai dù đã phân minh, tài thổ phụng còn chưa đích xác; nên dò cho biết nước, rồi sẽ thất mối tơ...*”

HỘI THỨ IV: “*Gặp ngày tốt Trần công thử rể; Bị mưu gian liệt nữ hòa Phiên*”.

1. Để thử lại tài Lương Ngọc, nhân gặp buổi tốt trời, Trần Công gọi Lương Ngọc và Xuân Sanh đến bảo làm thơ liên ngâm để trợ lực. Hai chàng vâng lệnh, trong khoảnh khắc làm xong một luật vịnh *cảnh* thanh trị thái bình. Trần Công hết lời tán thưởng. Trần phu nhân cũng khen là kỳ tài và chấp nhận lời đề nghị của chồng bữa trước.. Trần công bèn cho Lương Ngọc biết ý định. Lương Ngọc “*Ngửa đội hai trời che chở, dám đâu một dạ chối từ*” nhưng xin đợi lúc tìm được mẹ và lập được công danh rồi sẽ cử hành hôn lễ. Trần công chấp thuận.

2. Trần công tuy đã bị cất chức về làm dân, Lư Kỷ vẫn cứ tìm cách quấy rối. Nhân giặc Phiên cứ đánh phá biên thù không có tướng tài nào đẹp nổi, Lư Kỷ tâu xin dâng mỹ nữ cho Phiên chúa để cầu hòa và cử Hạnh Nguyên làm chủ đoàn la ý. Nhà vua y tấu, sai Lư Kỷ và Doãn công đem chiếu ra phong cho Hạnh Nguyên làm quận chúa đi hòa Phiên. Trần công giận mắng Lư Kỷ. Doãn công can và “*kỳ ba ngày lệnh nữ xuất quan, hòa hai nước giải nguy biên địa*”.

3. Lệnh vua không thể trái, cả nhà đành phải cắt ruột chia tay. Đối với Lương Ngọc, *“tuy dâng sáu lễ chưa thành, vốn thốt một lời đã định”* nên Trần công cho chàng và Xuân Sanh theo đưa Hạnh Nguyên. Doãn công trong lúc đợi ngày xuất tái, thân hành đến gặp Trần Công. Vâng lệnh Trần công, Lương Ngọc và Xuân Sanh ra bái yết Doãn Công. Trần Công giới thiệu Lương Ngọc và xin cho con rể theo đưa con gái. Sáng hôm sau, đoàn la ý gồm Hạnh Nguyên và 40 mỹ nữ theo quan quân lên đường. Hạnh Nguyên xin cho Túy Hườn theo mình, rồi lạy cha mẹ ra đi. Cha mẹ anh em của đoàn mỹ nhân theo đưa, than khóc thảm thiết.

4. Thấy mặt Lư Kỳ, Hạnh Nguyên chủ trích nặng lời. Trần công phải can thiệp. Ai nấy đều chê Lư Kỳ: *“Nực cười những kẻ gian mưu, mượn xương bồ liễu bắt cầu công danh”*. Qua mấy dặm trường đình, Trần Công từ giả Doãn Công trở về, Lương Ngọc và Xuân Sanh theo đưa: *“Trải qua mấy dặm quan san, đã xây lò than sưởi than mạch sâu”*.

5. Đến huyện Cam Đơn, Hạnh Nguyên thấy một ngôi cổ tự ở trên núi. Hỏi biết là chùa Trùng Đài, bốn mùa đều có cây tươi hoa tốt, Hạnh Nguyên xin cho đoàn nghỉ chân để nàng đi ngoạn cảnh lễ Phật. Doãn Công vào nghỉ nơi công quán. Xuân Sanh theo Hạnh nguyên đi hành hương. Lạy Phật xong, Hạnh Nguyên hướng về phía quê nhà mà lạy cha mẹ. Thừa nơi cảnh vắng, nàng cùng Lương Ngọc đem nỗi lòng bày tỏ cho nhau. Lương Ngọc nguyện suốt đời không lấy vợ. Hạnh Nguyên bác đi. Nàng bảo: *“Hễ làm thân nam tử, phải có chữ phụ cầu; làm sao rằng lo nợ cả báo ơn sâu, làm sao đặt trả thù cha báo oán cho vợ”*. Còn nàng thì quyết *“Sống làm người của Mai Thị chết làm quỷ của Trần gia. Đến sa mịch quyết liều nhất tử, để gia nương ngỏ đặt toàn danh...”*. Để thấy vật như thấy người, nàng tặng chàng một chiếc trâm ngọc và một bài thất tuyệt *“tả tình từ biệt, tỏ nỗi tâm giao”*. Chợt nghe Doãn công truyền lệnh lên đường. Ai nấy đều vội vàng xuống núi... *“Đường dè dặt thẳng vó câu, cỏ cây man mác sương thu lạnh lùng”*.

6. Đến biên giới Hạnh Nguyên đổi cung trang, bỏ quốc phục mặc Phiên phục. Phiên tướng là Thiên Sùng đem xa giá đến nghinh hôn. Hạnh Nguyên dẫn dò thêm hai người thân ít lời rồi gặt lệ chia tay. Phiên Nữ đưa ngựa hoa lư đến phò Quận Chúa lên yên. Hạnh Nguyên lấy có Phiên nữ không được sạch sẽ, cậy Lương Ngọc đỡ nàng lên lưng ngựa, để được cùng chàng than thở lần cuối cùng. Đoàn xa mã ra ải...

“Ài quan ngút tổ mây phong, trông theo đã khuất mấy trùng non cao”,
Lương Ngọc và Xuân Sanh theo Doãn Công đến Nam Thành.

7. Hạnh Nguyên đi được ít lâu thì thấy trên đỉnh non cao có một cổ miếu. Hỏi *quân* theo hầu thì biết đó là miếu thờ Tô Vũ đời Hán. Nàng liền truyền đình quân tạm nghỉ, rồi cùng các thế nữ lên miếu dâng hương.

8. Đến sông Hắc Thủy là nơi Chiêu Quân từ tiết, Hạnh Nguyên động lòng hoài cổ thương kim và nghĩ rằng áo Trung Hoa từ nay không còn dùng nữa, nàng đem thả xuống nước cho trôi, rồi cùng thế nữ lên Sơn Động là nơi có miếu thờ Chiêu Quân, để *vọng* bái. Trong miếu có tượng giai nhân dung mạo tươi như sống, bên tả Tào Công cầm châu báu, long kỳ, ngọc ẩn, bên hữu nữ sư ôm tỳ bà, bửu kiếm, loan cung, đứng hầu. Hạnh Nguyên đem tình cảnh của mình ra khẩn vái. Đêm đến Chiêu Quân ứng mộng, bảo nàng khi đến Thiên Sơn Lãnh thì lên nơi Vạn Trường Đàm, sẽ được tể độ đưa về nước.

9. Đến Thiên Sơn Lãnh, Nàng bảo dừng lại để nàng đi viếng cảnh. Ứng Thiên mấy lần khuyên can, nàng hăm nếu cản trở thì khi về đến đền vua sẽ tâu xin lấy đầu. Ứng Thiên đành phải để nàng cùng thế nữ lên núi. Đến đầm Vạn Trường trước cảnh mây khói ngút trời, tiếng sóng nghe như trâu rống sấm động, nàng sanh bàng hoàng: *“Nghĩ nào chịu con về Hồ cha ở Hán; lòng bao đành chống lại bậc vợ Phiên nam”*. Nàng than thở rồi nhảy xuống đầm tự nịch. Tào Công lực sỹ, vâng lệnh Chiêu Quân, vớt nàng đưa về Trung Quốc.

10. Ứng Thiên nghe báo hết hồn, toan giết hết bọn mỹ nữ rồi về Tràng An chịu tội. Nhưng đoàn mỹ nữ cho biết rằng trong danh sách ghi rõ họ tên 40 người, Túy Hườn không có trong số đó; dung nhan cũng như tuổi tác của nàng không kém Hạnh Nguyên nên dùng nàng thay thế thì phiên chúa không thể nào biết được. Ứng Thiên khen là diệu kế. Túy Hườn “muốn cho hai nước giao hòa, chỉ sá một mình phiêu bạt”, thay trang phục, lên ngựa, *“Dục đã từ nơi Sơn Lãnh, tưởng phận mình thêm chạnh lòng ai. Đá vàng tiết cả không hai, đầu lay chẳng núng đầu mài chẳng nao”*.

HỒI THỨ V: *“Đi nhậm chức, hiền nhân gặp cát sỹ; Xui trẫm mình, công từ được thuyền quyền”*.

1. Hạnh Nguyên được thần linh đưa đến nơi hồ sen trong vườn hoa Châu Bá Phù, ở phủ Đại Danh. Bá Phù đi làm quan xa, phu nhân ở nhà cùng với con gái là Vân Anh. Vân Anh là một giai

nhân, *"Bốn đức trước nhờ phụ giáo, sáu nghề sau nhờ sư truyền; Nước mười hai bến cửa đổ thuyền, tám đôi tám rào còn ngăn diệp"*. Nhân gặp buổi trăng trong gió mát, nàng cùng thế nữ ra vườn hoa ngoạn cảnh. Vẳng nghe tiếng thở than nơi đầm sen, nàng sai gia nhân đốt đuốc ra xem thì bắt gặp Hạnh Nguyên. Dem về trình cùng Châu phu nhân, Hạnh Nguyên thưa rằng mình tên Nguyệt Yến ở Dương Châu theo Trần thị đi hòa Phiên. Vì không muốn tới đất Hồ nên tự trầm nơi đầm sâu và nhờ Chiêu Quân hiển linh cứu đưa về cố quốc. Phu nhân thương tình nuôi làm con nuôi, sớm hôm cùng Văn Anh trau dồi công hạnh.

2. Sau khi đưa Hạnh Nguyên qua ải, Doãn Công đi trấn Nam Thành. Lương Ngọc và Xuân Sanh đi theo. Được nửa đường thì Võ Lăng kéo quân từ Kinh Đô đến cho công biết rằng Lư Kỷ về triều tâu việc Hạnh Nguyên xúc phạm, nhà vua giận cho bắt vợ chồng Trần Công hạ ngục và truyền ra tróc nã hai người con trai đi tống tiễn Hạnh Nguyên. Doãn công đáp rằng hai chàng đã trở về nhà họ Trần rồi, Doãn công khuyên Xuân Sanh và Lương Ngọc đi tìm nơi ty nạn, để chờ cơ hội đền ơn nước trả thù nhà.

3. Xuân Sanh và Lương Ngọc ra đi, *"phận đã cam lạc chợ phiên thành, bước chưa rõ đường quanh nẻo lắt"*. Cho nên bất ngờ gặp toán quân của Võ Lăng. Võ Lăng nhận biết, chặn bắt. Hai chàng ra sức xung đột, nhưng sau khi thoát khỏi vòng vây, thì kẻ Bắc người Nam, tìm nhau không thấy bóng. Lương Ngọc đứng trước cảnh lạ lòng vắng vẻ không biết đi về đâu, không biết hỏi thăm ai. Trời tối, chàng vào nghỉ nơi một cổ miếu bên đường...

4. Châu Bá Phù ở đô sát viện được bổ đi trấn đất Tây Xuyên. Công đi đường thủy. Nhân trời tối, thuyền ghé vào bờ nghỉ đêm. Quân đi tuần gặp Lương Ngọc nơi miếu, cho là gian thần, bắt đem về nạp cho Châu công trưng trị. Lương Ngọc thưa rằng mình họ Mai, tên Mục Vinh, quê ở Thường Châu. Hỏi có bà con cùng Lương Ngọc chăng? Đáp rằng chỉ mới gặp nhau một lần rồi chàng gặp gia biến đi lánh nạn nơi phương xa, biệt tích. Châu công cho biết chức phận, và sau khi thử biết tài năng của Lương Ngọc, vời chàng đến Tây Thành giúp việc.

5. Xuân Sanh tìm Lương Ngọc khắp nơi, *"Tôi lui quanh quē một mình, biết ai hầu tỏ chân tình với ai; Dặt dờ quán liễu lang mai, đắng cay đòi đoan, chông gai ghề đường"*. Nhớ đến người bạn Đồng Liêu của cha là Huỳnh Công, chàng hỏi thăm tìm đến, thì Huỳnh

Công bị Lư Kỷ vu làm phản, toàn gia bị bắt về kinh, tài sản bị tịch thu hết! Gia đình tan nát, thân thích không còn ai; *"Sau trước đã tuyệt đường, tới lui thêm trở nẻo"*, chàng chán nản quá bèn nhảy xuống sông Cửu Giang, *"đánh một thác cho liễu tình an phận"*.

6. Trên sông có một ngư bà sống với người con gái tên là Châu Thị Ngọc Thơ, dung nhan kiều diễm. Nhân đêm trăng sáng, hai mẹ con chèo thuyền đi đánh cá. Nghe tay lưới quá nặng, ráng sức kéo lên thì thấy một xác chết. Nhận thấy nơi mô ác còn ấm, Ngư bà liền sưởi lửa đổ thuốc cứu sống lại. Hỏi ra thì là Xuân Sanh. Biết rõ lai lịch, Ngư Bà bảo *"hãy giấu danh chờ hội long vân, chờ tỏ mặt mắc vòng lao lý"* và gả Ngọc Thơ cho chàng. Xuân Sanh lạy tạ và ở lại nơi thuyền.

7. Con quan Thái Thú Hà Đông là Gian Khôi, một tên gian manh dựa vào thế cha, *"Gọi rắn là rồng người phải sợ, chỉ hưu là ngựa chúng đều vâng"*, dong thuyền cùng bọn tay chân đi chơi trên sông Cửu Giang, thấy Ngọc Thơ liền động tà tâm, buông lời chòng ghẹo. Ngọc Thơ cự tuyệt. Biết nói ngọt không được, chàng bèn dùng cường quyền, sai người đem 10 thỏi bạc ném vào thuyền Ngư Bà rồi bắt Ngọc Thơ đem đi. Lúc bấy giờ Xuân Sanh đi khỏi. Ngư bà kêu cứu. Chức việc địa phương sợ Gian Khôi không dám can thiệp. Xuân Sanh về kịp, cùng ngư bà lo việc cứu nạn Ngọc Thơ. Chức việc địa phương cho biết rằng quan Tiết Độ sứ về kinh sắp đi ngang qua địa phận, mẹ con nên đón đường trần mình để nhờ tróc cường gian trừng trị thì mới xong. Mẹ con nghe lời, *"chóng chóng trông chừng tử mạch, họa may nhờ nguồn sạch bóng ngay"*.

8. Quan Tiết Độ sứ là Kỳ Chiêm, em ruột Kỷ phu nhân, tức em vợ Mai Bá Cao, là người chánh trực, *"Trị dân chẳng động roi bổ, người hiền cảm đức, kẻ ngu mến tình"*. Kỳ công bị mẹ con Xuân Sanh đón đường, bèn dừng lại hỏi. Nghe rõ sự tình bèn truyền đi bắt Gian Khôi đến. Gian Khôi trở lưới rằng Ngư bà đã bán con gái cho y 10 nén bạc, muốn trở trái làm mặt vu cho chàng là cướp gái đã có chồng. Chàng đưa chứng nhân là tay chân bộ hạ của chàng ra đối chất. Nhưng bọn này sợ đòn khai thật cả đầu đuôi. Kỳ công đòi thái thú đến quở trách việc không biết dạy con và đày Gian Khôi ra khỏi năm ngàn dặm. Công lại mời Ngư bà đem con rể theo mình.

9. Kỳ công ghé vào nhà thăm gia đình, đem chuyện Gian Khôi ra thuật lại cho vợ và chị nghe. Mai phu nhân bảo với Ngư bà và con rể vào hậu trạch để "hỏi cho rõ ý". Sau khi biết rõ lai lịch của Mai phu

nhân, Xuân Sanh bèn thuật lại những sự kiện xảy ra từ khi Lương Ngọc đến tìm cha vợ cho đến khi cùng mình lạc nhau. Phu nhân hết sức sầu hận! Kỳ công cùng phu nhân hết lời khuyên giải. Mai phu nhân nén buồn và xin vợ chồng em nuôi vợ chồng Xuân Sanh và Ngư bà. Ai nấy đều vui thuận.

HỒI THỨ VI: *“Đưa thơ nhận, Lương Ngọc gặp duyên lành; Thấy trâm vàng, Hạnh Nguyên vấy ước cũ”.*

1. Châu Bá Phù trấn thủ Hà Nam, được Mục Vinh (tức Lương Ngọc) phụ tá, nổi tiếng là minh chánh. Châu công được chỉ vua gọi về Kinh phụng sự, bèn sai Mục Vinh đem thư về phủ Đại Danh tin cho phu nhân biết, và ở đó đợi công.

2. Châu phu nhân cùng Vân Anh và Nguyệt Yến (tức Hạnh Nguyên) đương trò chuyện thì gia nhân báo rằng có người đem thư của Châu Công về. Phu nhân bảo hai chị em Vân Anh vào trong nhà, rồi ra nhà ngoài tiếp khách. Mục Vinh trình thư. Trong thư không những Công cho biết tin mình về Kinh, mà còn cho biết người đem thư là bậc hiền lương đáng sánh duyên cùng Vân Anh và dặn mẹ con phải hậu đãi. Thấy phong mạo của Mục Vinh khôi tuấn, biết là trang hàn uyển lưu nhu, phu nhân rất xứng ý, sai gia nhân dọn dẹp ngôi nhà nơi vườn phía Tây cho chàng ở. Phu nhân lại cho Vân Anh biết ý định của Châu Công. Nàng thưa: *“Biết đâu là trạc tức trạc anh, làm gái phải tùy duyên tùy phận”*.

3. Mục Vinh ở nơi Tây viên, ngày ngày nhớ đến cha mẹ, nhớ đến Hạnh Nguyên, kém ăn biếng ngủ, chàng lại thường đem trâm ngọc của nàng tặng ra ngắm nghía thở than. Thế nữ của Vân Anh là Xuân Hương trông thấy cho là chàng tương tự, về mách cùng chủ. Vân Anh không tin: *“Chàng ấy là người quân tử, dễ đâu học thói tiểu nhân”*. Xuân Hương bèn thừa dịp chàng không có trong phòng, lén vào cây rương lấy trâm đem về làm chứng cứ. Mục Vinh mất trâm đau buồn sinh bệnh.

4. Vân Anh biết rằng bệnh Mục Vinh do bị mất trâm mà sinh ra, vừa buồn vừa giận: *“Xưa tưởng rằng trong đá ẩn ngọc lành, nay mới biết trước hàng trung bạc giả”*. Nàng bảo đem trả trâm lại cho chàng hết bệnh *“kéo tốn thuốc tốn thang, thêm nhọc thấy nhọc tở”*. Chưa gặp dịp thuận tiện để trả trâm thì Nguyệt Yến (tức Hạnh Nguyên) đến. Thấy trâm ngọc hỏi nguyên lai. Vân Anh đáp ở Tây Châu thân phụ gửi về. Rõ là trâm mình tặng cho Lương Ngọc, mà *“trâm này*

không còn ở tay chàng, thân nọ đã lìa cõi thế”, Nguyệt Yến vội trở về phòng riêng, vật mình nằm thiêm thiếp, nước mắt chứa chan.

5. Vừa nghe Mục Vinh đau, lại nghe Nguyệt Yến đau nữa, Phu nhân hốt hoảng sai mời lương y. Lương y cho biết hai người đau tương tự như nhau, chỉ cho uống thuốc “an thần, hòa khí” là khỏi. Nhưng bệnh càng ngày càng nặng. Phu nhân đến thăm, Mục Vinh thưa rằng bệnh mình không thể chữa khỏi và xin khi chết chôn đầu trở về hướng Bắc; Nguyệt Yến cũng nói một lời và xin chôn mặt trở về hướng Nam.

6. Phu nhân đương còn suy nghĩ về hai chứng bệnh, hai lời nói thì thế nữ cho biết rằng Nguyệt Yến *“khi sắp sót khóc than ngọc giải, lúc mơ màng kêu gọi Mai Sanh”*. Phu nhân vội vào ân cần bảo Nguyệt Yến tỏ thật chân tình: *“Mai sanh nọ hà nhân nghe khóc kể; Ngọc trâm kia hà vật những than van”*. Nguyệt Yến biết đã “tàng đầu xuất vũ” bèn đem kể hết sự tình. Vân Anh nói riêng cùng mẹ việc lấy trộm trâm ngọc: *“Mất trâm nọ chàng sanh ra thất sắc, thấy ngọc kia nàng động thừa tâm tư”* và dò xem Mục Vinh có phải là Lương Ngọc hay chàng.

7. Vâng lệnh phu nhân, Xuân Hương học thuộc lòng bài thơ của Lương Ngọc tặng Hạnh Nguyên lúc chia tay mà Hạnh Nguyên vừa đọc cho phu nhân nghe, rồi đến tìm Mục Vinh. Mục Vinh đương nằm thiêm thiếp nghe Xuân Hương ngâm thơ, vùng chạy ra hỏi. Xuân Hương buộc chàng nói thực chàng là ai, thì nàng sẽ cho biết do đâu nàng có bài thơ ấy. Chàng liền thú thật mình là Lương Ngọc và kể lại tất cả những sự kiện xảy ra từ lúc được Trần công gả Hạnh Nguyên cho đến lúc cùng Hạnh Nguyên tương biệt. Xuân Hương, thể lời Lương Ngọc, kể lại cho chàng nghe cảnh ngộ của Hạnh Nguyên từ khi nhảy xuống đầm tự tử cho đến lúc thấy trâm ngọc sanh đau tương tự. Lương Ngọc mừng quá đỗi mừng, xin gửi lời thăm Hạnh Nguyên. Xuân Hương về tường trình kết quả. Hạnh Nguyên liền khỏi bệnh, xin phu nhân cho đi gặp Lương Ngọc. Hai bên gặp nhau mừng mừng tủi tủi, đem những chuyện xảy ra sau khi kể ra Bắc người vào Nam.

8. Châu Bá Phù về. Phu nhân và Lương Ngọc ra đón. Vân Anh và Hạnh Nguyên ra mừng. Phu nhân giới thiệu Hạnh Nguyên. Bá Phù nói: Hạnh Nguyên là con gái của Trần công và là vợ Lương Ngọc. Phu nhân nói rằng nghe nói Lương Ngọc là bậc tài danh, không biết đối với Mục Vinh ai hơn ai kém. Bá phù đáp rằng mình cũng nghe

đồn là văn võ toàn tài chớ chưa được gặp mặt, nhưng dù có giỏi mấy cũng khó mà hơn Mục Vinh. Phu nhân cười: “*Lan bắc lan nam nhân mạc biện. Mai huynh mai đệ bốn tương đồng*”. Phu nhân lại hỏi như vậy thì việc con gái mình công tính làm sao? Bá phù đáp là để hỏi lại Lương Ngọc và Hạnh Nguyên. Hai người đều hoan hỷ...

HỒI THỨ VII: “*Mưu bị lậu gian thần tan xác; thời đã lai trung nghĩa vang danh*”.

1. Châu Bá Phù được sắc tứ hồi hương. Sợ Lư Kỳ biết được tìm cách hãm hại, Công bảo Lương Ngọc cứ giữ tên Mục Vinh, và cứ ẩn danh chờ vận.

2. Phiên chúa biết được việc Hạnh Nguyên tử tiết, Túy Hườn thế hôn, liền cử binh đánh phá biên cương. Trong triều không ai đủ sức đánh bẹp. Doãn công tâu xin vua Đường mở khoa thi chọn kẻ có tài giúp nước. Trái lại, Lư Kỳ nhân dịp tốt âm mưu cướp ngôi. Y sai kẻ tâm phúc đem mật thư ra cho tướng Phiên là Đạt Đáng bảo cố sức đánh mạnh, mình sẽ làm nội ứng hiệp công.

3. Nghe vua mở khoa thi, Xuân Sanh và Lương Ngọc đều ra kinh ứng thí. Hai bên gặp nhau, đem sự tình của nhau ra kể lễ, rồi tìm vào dinh Doãn công để xin tìm phương tránh nanh vuốt Lư Kỳ. Doãn công liền vào triều xin nhà vua Ngự khảo điển trường.

4. Lương Ngọc dưới danh hiệu Mục Vinh, Xuân Sanh dưới biểu tự Khâu Khôi, vào trường văn rồi trường võ, đều trúng tuyển. Vua phong Mục Vinh làm Trạng Nguyên, Khâu Khôi làm Bảng Nhãn. Liền đó hai tân khoa dẫn binh tướng đi dẹp giặc.

5. Ở biên thùy Đạt Đáng đánh phá dữ dội. Tướng giữ ải là Tân Kiêm đánh không lại đóng cửa thành cố thủ. Binh triều đình ra, mới đánh nhau vài trận Đạt Đáng đã bị bắt sống. Hỏi vì sao Phiên chúa lại làm phản. Đạt Đáng đưa mật thư của Lư Kỳ ra. Lương Ngọc và Xuân Sanh tha Đạt Đáng trở về nước tâu với Phiên chúa phải xưng thần cống lễ, nếu cãi mạng sẽ bị diệt quốc.

6. Tên tâm phúc của Lư Kỳ biết việc bị hồng, chạy về báo cùng Lư Kỳ. Tìm mưu gỡ rối, Lư Kỳ tâu cùng Đường Vương rằng hai tân khoa vốn là con của Mai Khôi và Trần Đông Sơ. Vì muốn báo thù nhà nên không có lòng giúp chúa. Bởi vậy sai phạt Hồ lại tha Hồ hầu mong hiệp cùng ngoại bang cướp chín bệ. Nhà vua tin thiệt, sai Lư Kỳ và Võ Lăng đem quân ra ải quan bắt Lương Ngọc và Xuân Sanh về trị tội. Nghe quân báo có Lư Kỳ, Võ Lăng đem quân đến, Lương Ngọc

biết là có chuyện không lành sai bố trí rõ ràng rồi mới ra nghinh tiếp. Lư Kỳ tuyên chiếu. Lương Ngọc nói: *“Tha Phiên tặc gọi ta rằng phản, ký hòa Phiên thời đó không gian”*. Rồi truyền quân bắt Lư Kỳ và Võ Lăng về triều. Lương Ngọc làm biểu cáo dâng cùng bức thư hòa cơ của Lư Kỳ. Nhà vua vỡ lẽ là tất cả các việc từ án tử hình của Mai công cho đến việc phá rối của biên thù, của quân phiên đều do quỷ kế của Lư Kỳ, bèn hạ lệnh xử trảm Lư Kỳ và đồng lõa, và phục hồi quyền vị cho tất cả những người bị tội oan.

7. Nhớ đến Mai Bá Cao bị thác oan, nhà vua muốn ngự giá đến mộ để cáo tạ. Lương Ngọc tâu rằng linh cữu của cha còn quản nơi đền thờ Tướng Quốc. Nhà vua cùng Lương Ngọc và bá quan đến đền. Xa giá vừa đến nơi thì tự nhiên lửa phát khói bay, linh cữu bị cháy tan mất. Trền thính không nghe tiếng báo cho biết rằng thi hài trong linh cữu là thi hài giả; Mai Công đã được Túy Tông Tử đem về ở nơi Tu Trước Lãnh. Lương Ngọc xin đến Tu Trước Lãnh đón cha. Nhà vua và bá quan cùng đi theo. Ở Tu Trước Lãnh, Túy Tông tử đoán biết vận tốt của Mai công đã đến, bèn nói thiệt mình là ai, cho biết việc trước sau, rồi biến mất. Ngự giá đến. Vua tôi, cha con gặp nhau, bày tỏ nỗi lòng rồi cùng nhau về triều.

8. Vua hỏi việc gia thất của Mai trạng nguyên và Trần bảng nhãn. Biết rằng Mai đã cùng Hạnh Nguyên và Vân Anh kết tóc, Trần đã cùng Ngọc Thơ và Vân Tiên (con gái Kỳ công) xe tơ, nhà vua truyền đưa bốn nàng vào triều tứ hôn. Nhà vua trao long kiếm cho Lương Ngọc, sắc tứ cho chàng đi tuần thú bốn phương, để gặp người hiền tiết nghĩa thì phong, gặp kẻ tham gian loạn ác thì trị.

9. Lương Ngọc đến huyện Nghi Trung, hỏi chuyện cũ. Hầu Loan không ngờ trạng nguyên cùng rể cũ của mình là một. Lương Ngọc cũng không biết Hỷ Đồng đã được hắc hổ cứu đưa về tiên. Lương Ngọc lên án Hầu Loan, truyền đem chém bêu đầu, rồi đòi Đốc Phong đến phong chức huyện quan thay thế Hầu Loan. Đoạn cho xuất công khố, tu phần mộ cho Hỷ Đồng.

10. Lương Ngọc đi tuần thú xong trở về. Trong triều đã diệt hết gian nịnh, ngoài dân được hưởng thái bình, nhà vua truyền mở yến tiệc ăn mừng và thăng thưởng bá quan văn võ...

Tổng viết công phu. Văn chương tề chỉnh. Hát khách ít dùng lối phú, thường dùng thể thất ngôn luật thi. Trong những đoạn nói lối, ít khi chen những câu hường. Nhiều đoạn dài dùng toàn lối đối bất

văn (lối vè), bằng phẳng ít thú. Văn nói lối cũng như văn vè, có phần dụng công, nhưng bảy tình con người diễn tả không được sâu sắc, nhiều khi còn hơi hợt là khác, cho nên không lôi cuốn được người đọc người xem. Dân tộc tánh trong tuồng lại thiếu. Do đó tuồng không được phổ biến. Ở các miền hát bội thịnh hành, thỉnh thoảng mới đem ra trình diễn, song chỉ chọn một đôi hồi tương đối hấp dẫn như hồi một với vai Mai Khôi nóng nảy ngay thẳng, vai Lư Kỳ gian nịnh xảo trá, hồi 4 vai Hạnh Nguyên, Lương Ngọc trong cảnh mới hợp đã lia..., chứ không mấy khi hát trọn bộ. Nguyên bản Hán Nôm chưa tìm thấy. Hiện nhà họ Quách giữ được bản quốc ngữ đánh máy trên 186 trang pelure khổ 30 x 21.

22. TÁI SANH KỲ NGỘ

Tuồng Hán Nôm, không biết tên soạn giả, ra đời vào khoảng Duy Tân Khải Định (1907 – 1925). Mượn ở truyện Tái Sanh Kỳ Ngộ của Trung Hoa. Tuồng gồm 4 hồi, đại lược là:

HỒI I: Đào Kiến Phúc làm quan Thị Lang triều Tấn Tuyên Vương, bị cách chức về cư trú tại phủ Tế Nam. Đào công có một người con gái tên Băng Tâm, dung hạnh gồm đủ, và một người con trai, tài mạo hơn thường. Nhân tiết thanh minh hai chị em xin cha đi xem lễ tảo mộ. Mã Uy, con trai quan thái sư Mã Hùng, gặp chị em Băng Tâm, động lòng tà dục, buông những lời trắng hoa. Công Văn phản đối. Mã Uy không nhịn, truyền quân hầu bắt Băng Tâm. Một thư sinh, tên Lưu Sanh Ngọc, thấy việc bất bình, đánh Mã Uy cùng bọn quân hầu, cứu được Băng Tâm. Cảm ơn cứu nạn, chị em Băng Tâm ân cần mời Sanh Ngọc về nhà. Đào Thị lang thấy Sanh Ngọc dung mạo tuấn tú, lại tứ cố vô thân, bèn gả con gái và nuôi ăn học, để đền ơn cứu Băng Tâm khỏi mắc tay kẻ giàu sang mà không liêm sỉ. Sanh Ngọc bằng lòng nhưng hẹn khi nào “thỏa chí đèn sách” thì mới “bén duyên hương lửa”. Đoạn đến thư viện ở học. Băng Tâm nghĩ ngày vị hôn phu thành danh còn lâu mà cuộc đời lại thường thay đổi nên không ngại điều “ruộng dưa sửa dếp”, ban đêm đến tìm Sanh Ngọc, yêu cầu trao cho nàng một vật gì để làm tin. Sanh Ngọc trao cho nàng một cây phượng trăm, với lời “thề non hẹn biển”. Nàng trao lại cho chàng một chiếc kim xuyên và nguyện “giữ ngọc gìn vàng”. Kế đó Đào Thị lang được triều đình triệu về kinh cho phục chức. Thị lang đi ra kinh một mình. Khi ra đi trao cho Băng Tâm một tấm thiệp dặn trao lại cho Sanh Ngọc để ngày sau đi cưới nàng. Băng Tâm chưa

có dịp gặp Sanh Ngọc thì con thế nữ của Băng Tâm lên lấy trộm cánh thiệp và cây phượng trăm, rồi đến làm tỷ tất cho Mã Uy. Mã Uy từ ngày bị thất bại, phần cảm tức Sanh Ngọc, phần tỏ vương Băng Tâm nên sanh bệnh thần thờ thờ thần. Tỷ nữ bèn đem cánh thiệp và cây trăm vàng dâng lên chú rể “giải bệnh tương tư”. Mã Uy mừng đem trăm thiệp đến nhờ thầy học là Trần Kỳ Vân đứng làm mai, nói dối rằng Đào Thị lang nhờ cha chàng xin cùng vua đã được phục chức nên gả con gái cho chàng để đền ơn. Trần công vốn cũng là thầy học của Sanh Ngọc, vốn đã biết rõ mối lương duyên giữa Sanh Ngọc cùng Băng Tâm, nay thấy trăm thiệp lọt vào tay Mã Uy thì ngờ là Băng Tâm tham phú phụ bần, bèn cho Sanh Ngọc hay. Sanh vừa buồn vừa giận, đi tìm Băng Tâm. Nghe những lời mỉa mai chua chát của Sanh, Băng Tâm hết sức ngạc nhiên, không hiểu mình có lỗi gì khiến cho chàng giận lấy. Sau khi nghe hỏi cây phượng trăm thì vội vã vào buồng lấy... nhưng trăm không còn thấy mà cánh thiệp cũng không còn! “*Sơ hở cam đành tội lỗi, mặt sưng sờ khó nói cùng ai*”. Sanh Ngọc tức giận, hẹn trong ba ngày phải tìm cho ra, bằng không thì “*quyết không chung đôi một trời với ai*”, rồi trở về thư viện. Băng Tâm vừa bị tình lang dày vò, tiếp đến bị phu nhân trách mắng: Đào Thị lang gặp Trần Kỳ Vân nói chuyện Mã Uy thì tức tốc trở về nhà. Trách mắng con đủ điều rồi, Thị lang cho biết rằng vì Mã Uy có cánh thiệp trong tay nên ông buộc lòng gả Băng Tâm và hẹn trong mười ngày sẽ cử hành hôn lễ, đang “*hưởng cùng nhau của tía lâu son*” để cho ông và rể ông là Sanh Ngọc “*yên một phận chân trời góc bể*”. Không biết lấy gì chứng minh lòng chung thủy cùng với Sanh Ngọc, Băng Tâm đành “*hết trông người giải cấu lương duyên*”. Còn Mã Uy tuy đã được lời ưng thuận của Đào Thị lang, vẫn chưa chắc đã chiếm hữu được Băng Tâm và tình địch còn đó. Để đào tận gốc chàng sai quân hầu lên chất củi khô quanh thư viện chờ đến khuya sẽ đốt lửa thiêu chết Sanh Ngọc trước lễ thành hôn. Người nhũ nương của Mai Hoàng Cúc, em bạn dì với Mã Uy, biết được âm mưu của chàng, liền thông báo cùng tiểu chủ và khuyên rằng “*bến mê xuyên vớt kẻ tài ba*”, rồi “*duyên khang lệ trao lời Ngư nữ*”. Đêm đến Hoàng Cúc theo nhũ nương tới thư viện. Nhũ nương vào cho Sanh Ngọc biết mưu gian của Mã Uy và giục chàng sớm thoát thân. Nhũ nương lại cho biết ơn cứu mạng này là của Hoàng Cúc và đứng làm mai nàng. Sanh Ngọc “*vì nghĩa cúi vâng lời dạy*” rồi vội vã đào sanh. Sanh Ngọc vừa đi

khỏi thì Mã Uy đem quân đến đốt thư viện. Chàng gặp em gái, đoán biết Hoàng Cúc tư tình cùng Sanh Ngọc nên báo tin cho tình lang, bèn một mặt hối đốt thư viện, một mặt rượt theo bắt Hoàng Cúc. Phía sau bị anh rượt theo, phía trước bị sông chặn lại, Hoàng Cúc *“nhìn trước sau khác nẻo lạ đường, con túng bách chìm vàng đắm ngọc”*. Đỡ phu nhân tình cờ vớt được, đem nàng về kinh đô làm con nuôi. Mã Uy tưởng nàng đã chết đuối rồi, trở về lo đám cưới. Trong khi ấy thì thư viện bị cháy trụi. Một tên quân vô ý bị chết thui. Đào thị lang cứu hỏa thấy xác chết, tưởng là Sanh Ngọc, bèn đem về mai táng. Bểng Tâm thương khóc và xin cha cho nàng phục tang. Phần thương Sanh Ngọc phần bức nổi phải gả con cho *“tên súc sinh”*, Đào Thị lang nổi giận mắng rằng: *“Tham bả vinh hoa, quên hiếu quên tình, quên sỹ nhục; theo đường sắc dục, hết chồng, hết vợ, hết cha con”*. Rồi bỏ đi nơi khác. Bểng Tâm đành ngậm đắng nuốt cay. Đêm đến nàng phục tang cho Sanh Ngọc, rồi viết bức tâm thư để lại, một mình lên bước ra đi. Ra bến sông, nàng tự nhich: *“Bạc mạng gương này xin để lại, hồng nhan kiếp ấy động soi chung”*. Kịp Thuyền Xương đạo cô đến ngăn lại. Sau khi hỏi biết được duyên do, Đạo cô đoán rằng Sanh Ngọc còn sống và bảo nàng theo về sơn am học đạo để chờ hội tái phùng. Trước khi đi Đạo cô bảo nàng viết ít chữ để lại với chiếc hài trên bờ sông... Sáng hôm sau Công Văn và Mã Uy hay tin Bểng Tâm bỏ nhà ra đi, liền kéo nhau đi tìm. Đến bờ sông thấy thư và hài, tưởng rằng nàng đã chết rồi, Công Văn trở về trình cùng cha, còn Mã Uy thì đi ra Tô Châu tìm lạc thú. Phần Lưu Sanh Ngọc, sau khi từ biệt Hoàng Cúc, chàng đi thẳng ra Tô Châu tìm hai bạn thân là Hồ Minh và Triệu Tấn. Thấy Sanh buồn vì tình nương phụ bạc, Hồ Triệu bèn đưa chàng đến Thanh Phong Lâu, tiêu khiển. Mã Uy cũng vừa đến. Cừu nhân gặp Cừu nhân, trước thì lời qua tiếng lại, sau không ngăn được giận phải đánh nhau. Mã Uy bị Sanh Ngọc đánh chết. Tình cờ quan Thái Thú Tô Châu đi ngang qua Tữu lầu. Quan Thái thú tên Thành Đức, ông ngoại của Mã Uy. Thái thú *“thương phần trẻ rui ro, xui lòng già đau đớn”*, bèn hỏi *“ai gây ra án mạng”*. Triệu Tấn liền trối mình chịu tội. Thái thú cho chôn cất Mã Uy và truyền giải Triệu Tấn về dinh định án. Sanh Ngọc cùng Hồ Minh về nhà còn đương thương xót phần bạn vì nghĩa mà hy sinh, thì Triệu Tấn cũng trở về. Quan thái thú Tô Châu, xét rõ sự tình bảo Triệu Tấn khai là Mã Uy say rượu té xuống lầu mà

thác, rồi tha cho Triệu tội sát nhân. Anh em mừng rỡ dắt nhau đến Kinh Đô chờ ngày ứng thí.

HỎI II: Ra Kinh đô Lưu Sanh Ngọc gặp Đào Văn Công. Hai bên đem việc cũ kể cho nhau nghe, rồi cùng Hồ Minh, Triệu Tấn, vào trường thi. Quan Giám khảo là thừa tướng Mã Hùng và Hộ bộ Thượng thư Thành Liêm. Bốn người Lưu, Đào, Hồ, Triệu đều trúng tuyển. Thành Liêm trước kia đi thanh tra, giữa đường bị sơn tặc hành hung, nhờ Lưu Sanh Ngọc cứu nạn, nay gặp được chàng thì hết sức vui mừng. Trái lại, Mã Hùng vốn biết rõ chàng là kẻ địch giết con mình, nên quyết tâm trả thù, truyền lính bắt đem về tâu vua làm tội. Vua Tuyên Vương truyền đem chàng nịch tử. Thành Liêm được giao phó việc thi hành vương lệnh. Ông đem Sanh Ngọc về tư dinh, tìm phương cứu tử. Người lính hầu của ông là Lưu Hùng vốn xưa kia là người nhà của Sanh Ngọc, xin Thành Liêm cho chàng thay chủ cũ. Chàng cho biết rằng mình giỏi lội nước và đề nghị đóng một cái thùng, dưới đáy chừa cửa nhỏ; lúc nhận thùng dưới nước chàng sẽ mở cửa chui ra... Thành Liêm vui mừng theo kế và bảo Sanh Ngọc tìm nơi ẩn tránh để đợi thời. Ông lại muốn cho con gái kết duyên phu phụ cùng chàng. Nhưng Sanh Ngọc xin hẹn khi nào lập nên cơ nghiệp sẽ nghinh hôn. Sanh Ngọc đi rồi thì Mã Hùng đến để cùng Thành Liêm “dẫn phạm nhân nịch thủy”...

Nói về Bằng Tâm, từ ngày nàng được Thuyền Xương Đạo cô nhận làm đệ tử thì lo rèn luyện văn võ. Nghe vua mở khoa thi tuyển hiền tài, nàng bèn thưa cùng đạo cô rồi cải nam trang lấy tên là Đào Mỹ Chánh, xuống Trường An ứng thí. Quan Chánh chủ khảo là Lễ bộ Thượng thư họ Đỗ chấm nàng đậu đầu. Nhà vua thấy dung mạo diễm kiều, nghi là đàn bà nhưng khi nghe Quan Thượng thư họ Đỗ xin gả con gái mà Mỹ Chánh nhận lời thì tin là một “mỹ nam tử”. Nhà vua tứ sắc trạng nguyên lại phong cho chức Thượng thư Binh Bộ và tứ hôn cho kết duyên cùng Đỗ Thị. Đỗ Thị không ai khác hơn là Hoàng Cúc, người đã được Đỗ phu nhân vớt được trước đây. Hoàng Cúc được tin lấy chồng thì khóc lóc. Nhưng Đỗ Thượng thư cho là “nước mất ngày vu quy” nên không để ý cứ lo cử lễ thành hôn. Vào phòng hoa chúc nàng toan tự tử để giữ trọn tình nghĩa cùng Sanh Ngọc nhưng Mỹ Chánh ngăn kịp. Hoàng Cúc đem tình thật tỏ cùng Mỹ Chánh. Mỹ Chánh cảm động cũng đem tình thật tỏ cùng Hoàng Cúc. Biết rõ tình cảnh nhau rồi thì *“Ngoài mặt thời chống ượng nói cười, trong*

tình thiệt chị em yêu kính". Mỹ Chánh rất được nhà vua tin yêu. Một hôm nhà vua đi đến dâng hương ở Quan Âm Các, có quan thượng thư họ Đỗ, quan thái sư Mã Hùng cùng Mỹ Chánh hộ giá. Mã Hùng mật sai người tin cho tên cướp núi là Mã Cường hay để chặn đường cướp giá. Trong lúc nhà vua gặp gian nguy thì Lưu Sanh Ngọc đi ngang qua, cứu được nhà vua khỏi nạn. Mỹ Chánh gặp Sanh Ngọc, mừng quá đỗi mừng nhưng vẫn giả lơ, xin vua "cho nạp dụng người hiền, đừng khuôn phò dịp cả". Nhà vua nhớ lại chuyện cũ, phán hỏi "sao đã bị nịch thủy rồi mà còn sống động"? Sanh Ngọc tâu rằng "Vì gánh quân quốc trở chưa rồi nợ, nên ơn quý thần cứu khỏi ba đào". Vua phán rằng "tội xưa là việc nhỏ, cứu già là đại ân" nên phong là Vô địch tướng quân thuộc quyền Binh Bộ Thượng thư Đào Mỹ Chánh. Mỹ Chánh mừng thầm: "Kính luân trời về nên tài, Sấm thương tuy cách trúc mai lại vậy".

HỒI III: Vua Tấn, để cầu cho nước Thái Bình dân an lạc, truyền lập đàn tràng nơi cửa sông Tam Giang để cầu siêu cho oan hồn. Nhà vua đứng tế. Mã Hùng mật báo cùng cháu là Mã Đại bảo hiệp với Phiên bang đến Tam Giang khấu giết nhà vua đoạt ngôi báu. Mã Đại cùng tướng Phiên là Lý Hồng cử binh đến mai phục nơi bến sông. Tin nhà vua cầu siêu truyền khắp châu thôn, Công Văn, Hồ Minh, Triệu Tấn rủ nhau đến tế Lưu Sanh Ngọc và Đào băng Tâm vì cả hai cũng đều chết ở Tam Giang Khẩu. Đến ngày tế, nhà vua, Hoàng Hậu, Hoàng tử và triều thần xuống thuyền đến cửa Tam Giang. Đào Mỹ Chánh và Lưu Sanh Ngọc hộ giá. Chưa đến giờ tế, nhà vua cùng hoàng hậu vào hành cung nghỉ ngơi. Lưu Sanh Ngọc đi dạo thấy Đào, Hồ, Triệu đương tế mình và Băng Tâm. Chàng liền ghé thuyền đến gọi. Ba chàng hết sức kinh ngạc, tưởng Sanh Ngọc hiện hồn. Nhưng sau khi tỏ hết ngọn ngành thì ai nấy đều mừng. Sanh Ngọc lại nghĩ đến Băng Tâm và Hoàng Cúc, bèn đốt hương khẩn vái, rồi vừa khóc vừa ngâm thơ tỏ tình. Đào Mỹ Chánh đi ngang qua, trông thấy Công Văn, Sanh Ngọc đương tế mình thì ghé thuyền vào... Không ai biết Mỹ Chánh là Băng Tâm. Công Văn tỏ ý ngờ, song bị Mỹ Chánh đánh bật ý nghĩ. Mỹ Chánh lại dò ý Sanh Ngọc, biết chàng còn nặng tình đối với mình và Hoàng Cúc, lại biết thêm rằng chàng đã hứa hôn cùng ái nữ của Mai Hộ bộ. Đương trò chuyện thì chiêm trống nổi, vua cùng hoàng hậu ra tế đàn. Mỹ Chánh và Sanh Ngọc vội đi hộ giá. Đèn đuốc thấp sáng trưng.. nhà Vua và Hoàng hậu lên

đàn thì bốn mặt binh Phiên đổ ra vây đánh. Mỹ Chánh và Sanh Ngọc xông Nam đột Bắc giết được Lý Hồng và Mã Đại. Còn Vua và Hoàng hậu, Hoàng tử được Công Văn, Hồ Minh và Triệu Tấn cứu giá. Giặc tan nhà Vua phong chức cho ba anh em Triệu Tấn và thăng chức tước cho Mỹ Chánh và Sanh Ngọc. Vợ Lý Hồng là Tinh Tinh Lang được tin chồng bị giết, liền cử binh đi báo thù. Vua Tấn sai Đào Mỹ Chánh cùng Đào Công Văn đem binh đi cự địch. Tinh Tinh Lang nhờ có đạo sỹ giúp sức đánh bại Mỹ Chánh và Công Văn. Hai tướng chạy vào thành đóng cửa. Đạo sỹ làm phép, nước cuộn cuộn chạy đến ngập cả bốn phía thành. Mỹ Chánh và Công Văn kinh tâm, chắc mười phần phải chết ngập. May có Hồ Kỳ Tâm phụng mệnh tôn sư đến cứu Kỳ Tâm đốt bùa làm phép, nước không tràn được vào thành. Mỹ Chánh và Công Văn mừng khỏi chết ngập. Hồ Kỳ Tâm mừng được gặp chị là Hồ Thiên Hương, vợ Đào Công văn hiện ở với chồng. Nhưng nước tuy không vào được đến thành, nhưng ngoài thành vẫn lán lơi như lụt. Mỹ Chánh hỏi cách trị thủy. Kỳ Tâm lấy bức thiên thư của thầy ra rồi thiết hương án, mở ra đọc. Đại khái nói rằng “muốn trị thủy phải có Hồng Thủy Kính là bảo vật của Cao Quốc. Nếu sang Cao Quốc thì già gái kết duyên cùng Ngọc Hoa, mới lấy được Hồng thủy Kính”. Mỹ Chánh và Công Văn xin Kỳ Tâm giúp đỡ. Kỳ Tâm liền cải trang ra đi. Đến Cao Quốc đang gặp lúc nhà vua đương chọn cung phi mỹ nữ. Kỳ Tâm được trúng tuyển. Đông cung thái tử ra rước về. Đông cung mê nhan sắc Kỳ Tâm, nhưng không dám “phạm thượng”. Đến cung vua, Kỳ Tâm xin bái yết Hoàng Hậu trước. Vì phải lễ và hợp lễ, nhà vua phải nghe lời. Hoàng Hậu thấy Kỳ Tâm đẹp quá, sợ vua say mê, bèn bảo đưa vào cung Công chúa Ngọc Hoa làm thế nữ. Cao Vương bóp bụng chịu. Đông cung như mở cờ trong lòng. Kỳ Tâm xưng mình là Đào Văn Anh, nhớ lời thầy dặn, bèn tìm cách giao tình cùng Công chúa. “Mắt xanh đã gặp người tri kỷ, tơ đỏ càng sẵn mối tặc duyên”. Dò la biết được Hồng Thủy Kính nằm trong tay Đông Cung Thái Tử, Kỳ Tâm tìm cách đến Đông Cung. Thái Tử hết sức mừng rỡ. Thái tử toan giở trò trăng hoa, Kỳ Tâm vùng ôm bụng, lăn lộn... Hỏi duyên cớ, đáp rằng cơn đau bụng cố hữu và bị xúc động mà tái phát và chỉ có Hồng thủy Kính mới chữa khỏi, Thái Tử vội đi lấy Hồng Thủy Kính trao cho Kỳ Tâm. Kỳ Tâm cảm kính, giả đồ xoa lên bụng, thừa cơ mọi người không phòng bị, vọt chạy ra khỏi cung. Thái tử rượt theo. Quân báo cùng nhà vua rằng “Văn Anh

cùng Thái tử rủ nhau chạy trốn". Nhà vua nổi giận hối nự lâm quân theo mình đuổi bắt lại. Ngọc Hoa Công Chúa nghe tin tướng thái tử cướp mất chồng mình, vội vã chạy theo kêu. Hoàng hậu lại ngờ chồng mình mê gái... cũng hối hả chạy theo... Đến bờ sông, Kỳ Tâm gặp thuyền của Mỹ Chánh trực sẵn. Kỳ Tâm lên thuyền ra khơi. Thái tử đuổi đến, đứng gọi "tình nương"... Cao Vương đến gọi "ái khanh"... Công Chúa đến gọi "tình lang"... Hoàng hậu ngờ ngác...! Kỳ Tâm cho biết sự thật. Công chúa cho biết sự thật... Ai nấy đều hồi ôi!.. Kỳ Tâm hẹn đẹp Yên giặc Phiên rồi sẽ đem trả Hồng Thủy Kính và sẽ sống cùng Công Chúa đến trăm năm...

HỒI IV: Giặc giã dẹp yên, trong nước thái bình, nhà vua tứ hôn cho Lưu Sanh Ngọc cưới con gái Mai Hộ Bộ là Mai Thuấn Hoa như trước kia đã đính ước. "Vợ chồng" Đào Mỹ Chánh và Mai Hoàng Cúc nổi ghen nhưng sợ mang tội khi quân nên "chị em" đành tự an ủi nhau cho qua nỗi khổ. Tội cưới vợ, vua cũng cưới vợ thêm, vua vừa nạp con gái thừa tướng Mã Hùng làm quý phi. Mã quý phi thấy dung mạo của Đào Mỹ Chánh thì đắm mê, tìm cách gần gũi nhưng không được. Chẳng những Mã Quý phi mê Đào Mỹ Chánh mà nhà vua cũng mê. Nhà vua hết vờ Mỹ Chánh vào cung đánh cờ, lại vờ đến Hoa viên thưởng nguyệt. Sanh Ngọc từ ngày gặp Mỹ Chánh đã có ý ngờ là cố nhân, nhưng không có cách nào để "phối kiểm". Thấy nhà vua quyến luyến "vị đại thần dung nhan kiều diễm", chàng lại càng thêm nghi. Một hôm biết Mỹ Chánh uống rượu cùng vua nơi hoa viên, chàng lấy cớ đi tuần, để theo dõi. Đến khuya Mỹ Chánh ra về gặp Sanh Ngọc. Hai bên nói lấy nhau bằng những lời bóng gió. Chợt thấy thái sư Mã Hùng, Sanh Ngọc tránh đi ngả khác. Mỹ Chánh gặp Mã Hùng. Mã Hùng cho Mỹ Chánh đi đêm vào nơi cấm địa là phạm luật triều đình, hô quân bắt trị tội. Mỹ Chánh phản đối. Hai bên tranh luận không bên nào chịu thua bên nào. Nhưng Mã Hùng bị Mỹ Chánh "nói ruột" nhiều câu đau xót nên giận căm gan, toan làm dữ. Sanh Ngọc thấy vậy liền bước ra can thiệp. Mã Hùng ngậm oán hận mà đi nhưng không về nhà mà đi thẳng vào cung bàn mưu cùng Mã quý phi để hại Đào Mỹ Chánh. Vốn đã giận sẵn Mỹ Chánh không đáp lại tình của mình, Quý Phi liền vâng lệnh cha, nàng cho mời Mỹ Chánh vào cung rồi hô hoán rằng "chàng" đến thăm cung dâm loạn. Mỹ Chánh bị bắt đưa ra trước triều đường. Mã Hùng buộc tội là "bại luân lý để nhơ ngoại quốc". Mỹ Chánh tâu rằng mình chỉ có tội khi quân chứ không có tội dâm loạn. Lời của Mỹ Chánh

khiến cho cả nhà vua lẫn Sanh Ngọc đoán quyết rằng “phạm nhân” là gái giả trai. Nhà vua bèn sai đem giam lại để thẩm minh tội án. Đêm đến nhà vua giả làm quân giữ ngục đến rình. Nghe Mỹ Ngọc than thở, biết rõ là gái, nhà vua bước vào tỏ thật lòng mình yêu mến bấy lâu và cầu xin nhận chức thứ hậu. Mỹ Chánh cho nhà vua biết rõ sự thật. Nhà vua nghe qua cảm kích, nghĩ lại kính thương. Công kia tội nọ đồng cân; tình cũ duyên xưa chấp mối! .. Hôm sau thiết triều. Mã hùng lớn tiếng buộc tội. Trước mặt vua và bá quan văn võ, Mỹ Chánh bày tỏ hết nỗi niềm. Nhà vua đòi Mã quý phi ra thẩm vấn. Mã Quý Phi đổ tội cho cha. Mã Hùng không ngó chối. Nhà vua truyền đem chém. Biết rằng nhà vua sẽ tha Quý Phi, Hoàng Thái Hậu phải lâm triều buộc nhà vua giết Quý Phi để trừ hậu họa. Gian nịnh trừ xong nhà vua tứ hôn cho Lưu Sanh Ngọc nối duyên cùng Đào Băng Tâm và Mai Hoàng Cúc. Băng Tâm giữ ngôi Chánh thất, Hoàng Cúc giữ ngôi Thứ thê, Thuấn Hoa tuy làm lễ thành hôn trước nhưng xét lại thì duyên mới kết sau, nên giữ ngôi tiểu thiếp. *“Trăm năm âu cũng duyên hài, mới dựng một nhà hòa thuận”*.

Tuồng nầy không được phổ biến. Những gánh hát ở nông thôn không bao giờ dùng đến. Chỉ những gánh hát ở thành thị mới đủ điều kiện để diễn xuất, nhất là vì gồm bốn hồi, phải diễn đến bốn đêm mới hết, hai là nội dung chịu ảnh hưởng Tàu nhiều quá, chỉ thích hợp với những người sống ở nơi thị tứ chứ ít hợp với những người nơi thôn quê. Văn chương không có gì đặc sắc, chỉ xuôi xuôi để hát dễ nghe. Nhưng người chuộng về Mỹ Lệ cao nhã cũng ít thích. Thành thử bốn tuồng nầy không đi sâu vào đại chúng mà cũng không được hoan nghênh ở tầng lớp học thức. Nguyên bản Hán Nôm chưa tìm thấy. Nhà ông Bửu Thủ có giữ một bản Quốc Ngữ chép tay trên giấy học trò khổ 30 x 20 dày 119 trang.

23. BÍCH HÀ GIÁNG TUYẾT

Tuồng Hán Nôm, không biết tên soạn giả, ra đời trong khoảng gần đây (Khải Định – Bảo Đại – 1916 – 1945) Sự tích mượn trong tiểu thuyết Bích Hà Giáng Tuyết của Trung Quốc. Nội dung Đại lược là: Bích Hà, Công chúa nước Đông Liêu cử binh đi đánh nước Tống. Vua Tống, nghe lời Thái sư Chấn Oai, sai Thái tử Huỳnh Văn đem 10 vạn hùng binh ra cự địch. Huỳnh Văn ra gặp Bích Hà, hai bên ưa thích nhau, nguyện kết duyên chồng vợ. Huỳnh Văn đưa Bích Hà về triều xin vua cha tứ hôn. Tống vương chấp thuận. Huỳnh Văn cùng Giáng

Tuyết, Công chúa Bắc Phiên, đã có lời hẹn Châu Trần. Nghe tin Huỳnh Vân bội ước, Giáng Tuyết liền cử binh đánh Tống. Vua Tống sai vợ chồng Huỳnh Vân xuất chinh. Huỳnh Vân và Giáng Tuyết gặp nhau, bên này trách bên nọ là bạc tình, bên nọ trách bên này dù có chi cũng tin cho hay trước, chớ hung hăng cử binh xâm lấn biên cương như thế còn gì là tình là nghĩa. Khẩu chiến rồi giáp chiến. Giáng Tuyết làm phép, đánh ngã Huỳnh Vân. Huỳnh Vân vừa ngã ngựa thì Huỳnh Long hiện đến cứu đem ra khỏi trận. Bích Hà tiếp chiến. Giáng Tuyết đánh không lại, bỏ chạy, vừa chạy vừa làm phép gọi thiên binh thiên tướng đến hỗ trợ. Bích Hà cũng niệm chân ngôn gọi thổ thần, hỏa thần đến vây đánh. Giáng Tuyết bị khốn, xây xẩm mảy mặt té xuống ngựa bất tỉnh. Ông Địa hiện đến cứu sống dậy, tặng cho một bộ y phục, bảo cái nam trang lên non ẩn nấu, sau ba năm sẽ gặp lại chồng. Bích Hà thắng trận cùng chồng về trào. Vua Tống ban khen và mở tiệc ăn mừng. Thái sư Chấn Oai sàm tấu cùng Tống Vương rằng Đông Liêu và Bắc Phiên hòa hảo với nhau để mưu đoạt sơn xuyên của Tống. Nếu để Bích Hà ở trong triều thì là nuôi sẵn cho địch một tay nội ứng, nên xin vua trục xuất nàng ngay. Vua Tống nghe lời. Huỳnh Vân và Bích Hà phải cấn rằng tương biệt. Huỳnh Vân trao cho vợ một chiếc trâm vàng để làm tin và thẻ giữ lòng chung thủy. Còn Giáng Tuyết, sau khi bái tạ Ông Địa thì nhắm hướng cao mà đi. Đến chân núi thì bị chúa trại là Chấn Hồ chặn đường đòi tiền mãi lộ. Giáng Tuyết (đã cải nam trang và lấy tên là Triệu Văn), đánh cho một trận, Chấn Hồ không đương nổi, xin đầu hàng và tôn nàng lên làm chủ trại. Ở triều đình, Chấn Oai cướp ngôi nhà Tống. Thái tử Huỳnh Vân cùng hai người tôi trung là Xích Hạ và Xuân Mai, lấy được Ngọc tỷ chạy thoát. Chấn Oai sai em là Chấn Hùng đem binh truy tâm. Bị Chấn Hùng rượt đánh, Huỳnh Vân cùng hai tướng chạy thất lạc. Chấn Hùng lại đuổi theo Huỳnh Vân. Một Lão tướng chặn Chấn Hùng lại. Lão tướng đó tên là Huỳnh công, trước kia có làm quan ở Trảng An, sau từ quan về ở ẩn. Huỳnh công hỏi có gì mà kéo quân rượt bắt kẻ cô thế. Chấn Hùng cho biết rằng mình vâng lệnh tân Vương đi bắt Thái tử để lấy Ngọc tỷ. Huỳnh công nổi giận tung gậy đánh nhau, Chấn Hùng đại bại, kéo quân chạy trở lui. Kế đó Huỳnh công gặp Xuân Mai và Xích Hạ, công mời hai tướng về nhà mình tạm nghỉ rồi sẽ đi tìm thái tử. Thái tử thoát khỏi nanh vuốt của Chấn Hùng, chạy lên núi thì gặp Triệu Văn (tức Giáng Tuyết cải trang). Triệu Văn mời tạm lên sơn trại để nướng nấu. Được ít lâu thì Bích Hà cũng đi ngang qua sơn trại. Vì về Liêu nhớ chồng quá, không nài gian khổ, băng suối đèo qua tìm thăm. Gặp Bích

Hà, Giáng Tuyết hết sức mừng, bèn tỏ thiệt sự tình, và mời nàng về sơn trại. Để thử ý với Huỳnh Văn xem tình đối với mình như sao, Bích Hà trao cho Giáng Tuyết chiếc trâm chàng đã tặng lúc ly biệt và ghé tai nói nhỏ... phải làm như vậy như vậy... Triệu Văn về trại nói cùng Huỳnh Văn rằng mình ra sơn đầu gặp một nữ tướng tên Bích Hà. Hai bên giao phong, Bích Hà bị đánh bại, bèn xin làm vợ. Huỳnh Văn giết mình, nhưng nghĩ lại bảo với Triệu Văn rằng Bích Hà là người tiết nghĩa không bao giờ có chuyện phi vi. Triệu Văn liền đưa trâm vàng ra làm chứng cớ. Huỳnh Văn rồi ruột..., bảo đem nàng ra xem cho rõ mặt rõ mày *“kẻo để vậy lòng còn nghi ngại”*. Triệu Văn do dự... Huỳnh Văn thúc giục nài nỉ... Triệu Văn gọi Bích Hà ra. Bích Hà giả bộ sợ sệt nép vào lòng Triệu Văn... Huỳnh Văn nổi ghen trách mắng Bích Hà. Triệu Văn hỏi Bích Hà: *“ngày trước có tư tình với người ta hay sao mà nay người ta trách mắng như thế”*. Bích Hà đáp rằng *“ngày trước có nói chơi cùng người ta người ta lại bỏ em, nên em mới gặp lang quân đây”*. Triệu Văn nói cùng Huỳnh Văn: *“Vì phách lỗi đàn kia mới lỡ; bởi chồng hư nên vợ mới lia”* và bảo để chọn cho một người vợ khác. Nói đoạn bỏ ra ngoài. Còn một mình với Bích Hà, Huỳnh Văn bày tỏ nỗi lòng. Chợt Giáng Tuyết với y trang lộng lẫy bước vào... Huỳnh Văn sững sốt, vừa đau vừa tức: *“tuồng một đứa bạc, ai ngờ hai đứa cũng hư hết! Cả hai xúm vô lấy một thằng Triệu Văn”*! Nhưng sau khi nhận biết Triệu Văn là Giáng Tuyết, Giáng Tuyết là Triệu Văn thì vô cùng hoan hỷ. *“Cung sanh chờ thuở hóa rồng, tay ôm ấp phụng tay bằng bề loan”*...

Tuồng này ngờ là một “tuồng cương” (cũng gọi là tuồng đồ), tức là tuồng không soạn thành văn bản hẳn hoi. Các ca công dựa vào một quyển truyện, hay một câu truyện nào đó, rồi dựng thứ dựng lớp rồi bố trí nhân vật, đầu vào đấy. Khi ra sân khấu, diễn viên đóng vai này thì tự mình đặt lấy những câu nói lối, những câu nam câu khách thích hợp với vai tuồng, với hoàn cảnh... Điều cốt yếu là giọng cho tốt, bộ điệu cho khéo là được, còn văn chương thì miễn sao cho xuôi xuôi vậy thôi. Có nhiều vai đào vai kép có tài, xuất khẩu thành chương, truyền lại lắm câu giai tác. Nhưng phần đông đều mượn lại những câu hát cũ đã thuộc lòng, lắm khi câu ở tuồng nọ chấp nối với tuồng kia, cầm bà rập ông, khiến hàng khán giả có học không vừa ý. Tuồng Bích Hà Giáng Tuyết này, văn nói lối đối không chỉnh, nhiều câu không đối, song nghe xuôi. Những câu hát khách bằng Hán văn, nhiều câu non. Những câu hát Nam, có một số mượn ở các tuồng khác; còn những câu tự sáng tác thì có lắm câu bị lạc vần... Tuy vậy tuồng rất “ăn khách”

nên rất phổ biến ở miền Nam Việt Nam, từ Bình Định trở vào. Chưa tìm thấy nguyên bản Hán Nôm. Hiện nơi ông Bửu Thù có 1 bản quốc ngữ chép tay trên 37 trang giấy học trò khổ 30 x 20.

24. THỌ LÃO ÔNG

Tuồng Hán Nôm, không biết tên soạn giả, ra đời vào khoảng Duy Tân Khải Định (1907 – 1925). Cốt truyện dựa theo truyện Thọ Lão Ông của Trung Quốc. Đại lược là:

HỒI I: Tống Minh Vương không con trai, ngày đêm lo buồn. Quan binh bộ thị lang tâu nên ra ngoài thành, *“trước dạo chơi mai lành hà châu, ngỏ may gặp anh hoa phúc nhụy”*. Nhà vua y tấu, truyền xa giá lên Côn Sơn. Chiều xuống, ghé nghỉ đêm nơi nhà một ẩn giả dưới chân núi. Ẩn giả hiệu là Thọ Lão Ông, sống cùng con gái là Minh Châu, lấy việc câu cá hái rau làm sanh kế. Trông thấy Minh Châu tư dung đã mỹ lệ, phong thái lại đoan trang, nhà vua mừng *“trời khiến nước nhà vĩnh thiệu”*, bèn ngỏ ý muốn nạp làm Thứ phi. Lão ông thuận tình. Nhà vua về triều sai sứ đem vàng lụa cớ kiệu đến rước hai cha con. Lão ông không thích cảnh đô hội, để con gái đi một mình. Minh Châu lạy cha, ra đi: *“Riêng than phận gái mười hai, mất trong ba thảo lỗi ngoài mười ơn”*. Về cung được phong làm Thứ Hậu. Một hôm nằm mộng thấy rồng và phụng cuốn mây gió bay vào bụng, thức dậy mồ hôi ước dầm mình. Sáng hôm sau tâu lên nhà vua. Nhà vua đòi quản Thị lang vào cung đoán mộng. Thị lang tâu là điềm lành sẽ sanh một trai một gái. Tin bay đến Chánh cung. Chánh cung Hoàng Hậu là Tịnh Xuân Nương, em ruột Thái sư Trịnh Lân Hầu. Từ khi Minh Châu vào cung, Xuân Nương đem lòng ganh ghét, nay nghe tin hoài thai nữa thì không đành lòng được nữa, bèn viết mật thư cho anh để lập mưu *“trẩy nhánh dứt chồi”*. Trịnh Lân Hầu vốn đã lắm le chờ dịp cướp ngôi báu, nên được mật thư liền lo bố trí cơ quan. Còn Binh Bộ Thị lang từ ngày vào cung đoán mộng, thì lòng canh cánh lo âu: *“Ngoài Trịnh thị nhiều tay nanh vuốt, trong Tống triều ít kẻ cánh váy. Nếu một mai bóng ngã thành nghiêng, ắt không kẻ cật nâng vại đỡ”*, nên luôn luôn để ý tìm kiếm *“hiền sỹ phò bang”*. Nghe đồn nơi Bàng Khê có kẻ ẩn sỹ ẩn thời, Thị Lang mượn thú săn bắn đi tìm gặp. Giữa đường thấy một con bạch hổ liền trưng cung bắn. Bạch hổ biến mất, không tìm đâu thấy mà chỉ thấy một tráng sỹ nằm ngủ trên đá, nghe tiếng tên bay, vội thức dậy chụp lấy tên. Tráng sỹ ấy tên là Bửu Lâm Sanh ẩn trú nơi Bàng Khê cùng mẹ là quả

phụ Từ Nương. Sanh *“Vân chín đầu, lân kinh mã sử; Vô năm xe, điều trận xà đồ. Chiếm bảng rồng chực gặp hội phò vua; mang lột cộp những dóc lòng thảo mẹ”*. Hôm ấy Sanh đi hái củi, trưa nắng, nằm ngủ, tưởng tỉnh là bạch hổ xuất hiện, bị Thị lang không biết bắn lầm. Sanh chụp được tên, nổi giận toan hành hung. Thị lang vội phân trần. Sanh nguôi giận, cùng Thị lang đàm đạo. Sau khi hiểu lòng nhau, Thị lang tặng Sanh ba thỏi vàng để nuôi mẹ và dặn chiêu kết hiền sỹ để chờ ngày giúp nước cứu dân. Thị lang từ già Lâm Sanh về triều thì gặp lúc Thứ hậu Minh Châu gặp nạn. Thứ Hậu đến kỳ khai hoa thì tự nhiên *“tứ chi chuyển động, ngũ tạng bối hồi”*... *“Tai chỉ nghe tiếng trẻ oa oa, ruột những đứt từng con quận quận”*. Thế nữ chạy vào báo cùng Chánh cung Xuân Nương. Xuân Nương đến thì Minh Châu nằm bất tỉnh nhân sự. Xuân Nương đòi đem mẹ vào hậu cung đòi ngự y đến cứu chữa, tự tay gói lấy con đem vào cung mình mà hô rằng Minh Châu sanh một con lang đen và một con chuột trắng. Nàng sai thế nữ ôm “sản vật” ấy theo mình vào triều tâu cùng Minh Vương. Nhà vua nổi giận, truyền gia hình quan Thị lang về tội “man tấu”, và nịch tử Thứ Hậu cùng “quái sản dị thường”. Nhờ ngự đệ xin dùm nhà vua xá tội cho Thị lang, dày Thứ Hậu làm kẻ quét tước vườn ngự, còn “quái sản” thì đem quăng xuống sông. Trịnh Xuân Nương tự tay bỏ “quái sản” vào rương, phong kín, rồi sai thế nữ đem dìm xuống sông Vị Thủy. Thọ Lão Ông đi câu vớt được chiếc rương, mở ra xem thấy hai trẻ sơ sinh, 1 trai 1 gái, mặt mũi khôi ngô, bọc trong chiếc áo thêu rồng vàng, phụng đồ. Lão ông mừng rỡ đem về nhà nuôi và đặt tên trai là Kim Long, tên gái là Xích Phụng. Còn thứ hậu chịu hàm oan, *“ngửa mặt kêu trời trời chẳng chứng, cúi đầu than đất đất mất thình”*, ngày ngày thui thủi lo gánh nước tưới hoa và quét dọn vườn ngự. Nàng khấn cùng trời đất: *“nếu con còn thì cho đôi vú cứ cương sữa”* và xin cùng hoa cỏ: *“khi mẹ con chưa sum họp thì hoa khép nhụy cái, chùng nào được sum vầy thì hoa khai nhụy nở”*. Cùng một lúc, Ngọc Hoàng sai một tiên ông xuống núi Vân Phong mở trường *“đem quyền phép truyền cho Tống chúa, để sau phò Minh tộ, hầu kế trị Tống bang”*...

HỒI II: Thọ Lão Ông nuôi hai anh em Kim Long Xích Phụng đến khôn lớn. Một hôm Kim Long hỏi mẹ đâu không thấy. Lão ông bèn đem chuyện thực kể cho hai anh em nghe. Cả hai đều thương khóc. Lão Ông khuyên nhủ *“trẻ nên bớt chạnh lòng, để già khỏi thêm động ý”*. Nghe đồn nơi Vân Sơn Kim Long dóc lòng rên

văn luyện võ; nơi Bàng Khê Bửu Lâm Sanh ôm thao lược nằm chờ thời. Một hôm mẹ chàng ước được ăn thịt hưu, chàng bèn mang cung tên lên núi. Vào núi chàng không gặp hưu mà lại gặp cọp. Chàng vừa bắn được cọp, thì thấy một tráng sỹ rượt bắn được 1 con hưu. Tráng sỹ đó tên là Châu Võ Sỹ ẩn trú nơi Hoa Sơn. Chàng mở còi cha mẹ từ lúc nhỏ, anh em không có nhưng tài gồm cả võ lẫn văn. Một hôm chàng đi săn bị một tượng thần bằng đá xuất hiện chặn lối đi. Chàng bắn một phát, tượng thần biến mất để lại một cái búa bằng vàng. Biết là vật báu trời cho để dùng dẹp loạn cứu nước. Chưa gặp thời hữu dụng, chàng sang Bàng Khê chơi, tình cờ bắn được hưu... Thấy chàng bắn được hưu Lâm Sanh đem cọp xin đổi. Hai bên giáp mặt nhau, bên thì *"lẫm lẫm phong tư quán cổ"* bên thì *"đường đường mỹ lệ quang huy"* thì *"hai bên đều ngắm, hai lòng đều ưa"* bèn đem thân phận ra trình bày rồi chỉ trời vạch đất thề cùng nhau kết nghĩa tử sinh. Đoạn kể về Bàng Khê, người về Hoa Sơn, hẹn ngày tái ngộ. Ngày tháng trôi qua nơi hoa viên, Minh Châu vẫn thui thủi một thân... *"Chuỗi sáu càng cuốn càng dài, tiếng duyên dẻo dặt giữa trời kêu thương"*. Một hôm Minh Vương ra vườn giải muộn, rất lấy làm lạ: *"ngoài dân gian muôn cụm nở hương, trong thương, ửng trăm hoa khép nhụy"*. Nhà vua bèn vời quan Thị lang đến hỏi lẽ cát hung. Thị lang trình tâu: "Cứ kinh điển mà phân, thì Tể phụ bị hàm oan, trọn ba năm không mưa một giọt, còn Châu Diên bị hạ ngục vào nửa hạ mà sương đầy trời". *"Điểm ứng nơi cung trung... Lượn cao minh xin nghiệm"*. Nhà vua vẫn không biết ai là kẻ hàm oan. Thị lang nhớ đến việc đoán mộng ngày xưa, không dám bàn thêm cho vớ lẽ... Mười năm hoa vườn ngự vẫn không nở... và Kim Long theo thầy học đạo đã hai năm tròn. Nhận thấy đệ tử đã thành tài, tiên ông bèn cho về cùng dưỡng phụ. Cha con, anh em gặp nhau, lòng mừng khôn tả. Kim Long đem sở học ra trình diễn cho cha xem. Xích Phụng trong thấy đòi học tập. Kim Long đem những huyền cơ diệu võ ra dạy. Không bao lâu Xích Phụng đã lầu thông sáu thao ba lược. Lão Ông mừng lòng liền viết một phong thư bọc trong chiếc áo long phụng, trao cho hai anh em bảo đi xuống Tràng An mà bán, chóng thì một tháng, chầy thì hai tháng phải trở về Côn Sơn. Long Phụng đến Tràng an vừa gặp lúc con gái Ngự Đệ là Kỳ Hương đương lập trận đồ để luyện tập binh sỹ. Kim Long cao hứng nhảy vào phá trận. Kỳ Hương cho là phạm luật triều đình hô quân vây bắt. Kim Long phản đối và thách năng thử

sức cùng em mình. Xích Phụng và Kỳ Hương xáp đầu. Ngự Đệ trông thấy hai trẻ "tuổi còn chưa mấy" mà "tài đã nên cao", bèn bảo ngừng tay để hỏi chuyện. Kim Long đem tình thật thưa qua. Ngự Đệ bảo đưa hàng hóa ra xem, thấy cấm bào thêu Long Phụng là của báu trong cung, thì hết sức kinh ngạc. Hỏi rõ lai lịch Kim Long liền trao phong thư của Lão Ông. Thư kể rõ việc vớt được chiếc hòm... trên dòng Vi Thủy. Biết Thọ Lão Ông là thân sinh thứ hậu và nhìn hai trẻ trai thì giống Tống Minh vương gái thì giống Minh Châu Thứ Hậu. "*Xem tường thơ nọ... của đó người đó, tang đây tích đây...*" Ngự Đệ bèn đưa Kim Long Xích Phụng vào bệ kiến. Minh Vương có phần nghi ngại: "*Như cấm bào tang đã quá tang, còn long tích nghiệm chưa ứng nghiệm*". Liền đó lưng trời sấm nổ và trăm hoa nơi vườn ngự đều nở tung. Nhà vua hỏi điềm gì. Quan thị lang bèn đem việc thứ hậu ra kể cặn kẽ. Trịnh Lân Hầu bắt lời tâu của Thị lang, cho là vu khoát. Ngự Đệ bình vực Thị lang, đòi làm tội họ Trịnh. Nhà vua hòa giải rồi sai hoạn quan ra hoa viên với Thứ hậu vào ngự vấn. Minh Châu tâu rõ việc cầu nguyện cho hoa nở, sửa căng. Vua phán rằng điềm hoa nở đã ứng rồi, con việc sửa căng nên thí nghiệm cho được rõ. Minh Châu sai nội thị đem chung đến nặn sửa đưa cho Long Phụng uống. Long Phụng bưng chung sửa khấn trời đất nếu quả thật cho mẫu tử đoàn viên thì "nguyện lời thanh chẩn phạt". Lưng trời liền nổi sấm. Nhà vua rõ vụ án của Thứ Hậu là do bàn tay sắp đặt nơi hoàng cung, bèn giao cho Ngự Đệ điều tra tìm cho ra thủ phạm. Thứ hậu tâu rằng mẹ con được đoàn viên là quý, nếu phan phui chuyện cũ thì e bóng mặt trời khó lọt vào chậu úp, không khéo kẻ không tội mà phải oan, người thiệt gian lại khỏi hại". Nhà vua y tấu. Thứ Hậu trở về ngôi cũ, nhờ quan Thị lang đi rước mẫu thân. Kim Long Xích Phụng không đi theo được, đem vàng lụa và kẻ hầu hạ, nhờ Thị Lang dâng lên ngoại tổ. Còn Trịnh Lân Hầu không thực hiện được mưu gian này thì liền tìm mưu gian khác. Trịnh viết mật thư sai bộ thần sang Phiên quốc dâng cho Phiên chúa, ước hẹn hễ là ngoại công thì sẵn có nội ứng...

HỒI III. Binh Bộ Thị lang đem lễ vật lên rước Thọ Lão Ông. Thọ Lão Ông được tin mẹ con đoàn tụ thì mừng khôn xiết. Nhưng Ông chỉ nhận lễ vật con cháu gửi tặng, còn việc đến kinh đô thì Ông xin miễn. Trong lúc Thị lang đi vắng thì ở triều được tin Phiên chúa là Cao Xà đem quân đi đánh chiếm ải Đồng Quan. Minh Vương liền sai Ngự Đệ đi dẹp giặc. Để thi hành gian kế,

Trịnh Lân Hầu xin cho Trịnh Hổ cùng đi. Nhà vua chuẩn y. Ngự Đệ đem binh ra ải đánh cùng Cao Xà bất phân thắng bại, nhưng rồi mắc mưu địch, bị bao vây không thoát nổi. Trịnh Hổ ở ngoài không chịu giải cứu lại cho người về triều xin viện binh. Trong triều không tướng giỏi, Hoàng Tử Kim Long xin tiếp chinh. Nhà vua cấp cho vạn đội hùng binh đi giải vây cho Ngự Đệ và phạt Phiên binh thu lại quan ải. Quân báo tin cho Trịnh Hổ. Trịnh Hổ mừng: *“Chú già đã mắc chốn long đàm, cháu nay lại tới nơi hồ huyết”* bèn cho quân mai phục rồi ra đón Hoàng Tử vào trại. Hoàng Tử vào trại Trịnh Hổ cho mở tiệc tẩy trần. Hoàng tử trách Trịnh Hổ sao Ngự Đệ bị vây mà lại ngồi xem thành bại. Trịnh Hổ đáp rằng đã chuẩn bị tất cả rồi chỉ chờ binh cứu viện: *“Nay hoàng tử đã tới đây, thời hạ thần ra tay trừ đó”*. Vừa nói vừa ném chén rượu làm hiệu. Quân mai phục ủa ra. Hoàng tử vừa mắng Trịnh Hổ vừa đánh phá vòng vây. Trịnh Hổ truy kích. Hai bên kịch chiến Hoàng tử đánh không lại bỏ chạy. Trịnh hổ chạy theo đuổi sắp kịp thì bị Bửu Lâm Sanh chặn lại. Nguyên Lâm Sanh từ ngày gặp Quan Thị lang thì ở nhà nuôi dưỡng mẹ già và đợi thời ra giúp nước. Mẹ qua đời, Sanh báo hiếu xong thì tạ mộ phần, ra đi tìm bạn kết nghĩa là Châu Vô Sỹ. Nửa đường nghe tiếng binh reo, lên gò cao đứng xem thì thấy 1 viên tướng trẻ sắp lâm nguy, bèn chạy xuống đánh cứu. Lâm Sanh và Trịnh Hổ kịch chiến. Trịnh Hổ bị đánh bại chạy trở lui. Lâm Sanh đến ra mắt Hoàng tử. Hoàng Tử thâu làm bộ hạ cùng kéo quân đi giải vây Hoàng thúc. Ngự Đệ thoát khỏi vòng vây, hiệp quân cùng Hoàng Tử đánh Cao Xà. Nhận thấy bên Tống quân đông mà tướng ít, khó thắng nổi binh Phiên, Lâm Sanh tiến cử Vô Sỹ và xin cho người đi với chàng về phò tá. Hoàng Tử sai sứ mang thư Lâm Sanh đến Hoa Sơn. Được thư, Vô Sỹ liền theo sứ ra biên ải, hiệp lực cùng Lâm Sanh phò Hoàng Tử và Ngự Đệ đánh đuổi quân Phiên ra khỏi Đồng quan... Tuồng phân lớp lang chặt chẽ, văn chương gọn và trôi chảy. Chỉ phổ biến ở Nam bộ. Ở vùng Nam, Nghĩa, Bình, Phú, là vùng hát bội thịnh hành, ít người biết. Nguyên bản Hán Nôm chưa tìm thấy. Hiện nhà ông Bửu Thủ giữ được 1 bản phiên Quốc ngữ, viết tay trên giấy học trò 20 x 30.

25. SANH TÀI TÁ QUỐC

(Sanh người tài ra giúp nước).

Tuồng Hán Nôm, không biết tên soạn giả, ra đời vào khoảng đầu thế kỷ XX. Cốt truyện phỏng theo truyện Sanh Tài Tá Quốc của Trùng Hoa. Đại lược là: Thái tử nước Lương là Bất Tục cải trang giả thường dân, cùng hề đồng đi du sơn, giữa đường gặp Lý Cẩn Du, con gái quan bảo giá Lý Khuông Ban. Lý Khuông Ban trấn thủ nơi Đông Quan, được lệnh Lương vương triệu về Kinh Đô, cho con gái cùng nữ tỳ đi trước. Một chiếc hài của Cẩn Du bị đánh rơi, Bất Tục tình cờ bắt được. Nhân thấy Cẩn Du có nhan sắc lại nghĩ rằng “hài là chữ duyên hài” nên lấy trâm vàng ra đổi. Ban đầu Cẩn Du không nhận, nhưng sau biết là Đông Cung thì “cam đặc tội” và “lãnh kim trâm từ tạ mặt rồng, xin hứa hẹn còn ngày tái ngộ”. Bất Tục búi ngùi trông theo rồi cùng Hề đồng lên núi. Chiều đến hai thầy trò vào nghỉ nhờ nơi nhà vợ chồng ông tiều dưới chân núi. Nửa đêm một con cọp chạy vào nhà để, để xong chạy đi bỏ con lại: một đứa bé mặt mày kỳ dị. Bất Tục cho là “trời xui điềm lạ, Nước trở tướng tài”, bèn đặt tên là Hồ Thành Nhân. Chàng cho biết mình là Thái tử và đưa tiền cho vợ chồng ông tiều, nhờ nuôi hộ đứa bé cho đến lớn rồi sẽ tìm giao. Vợ chồng ông tiều phụng mạng. Thái tử trở về cung. Còn Lý Cẩn Du, từ khi gặp Thái tử tặng chiếc trâm vàng, thì “giấc điệp mơ màng nhớ bạn, thấy trâm vàng đòi đoạn vò tơ. Một mình ngơ ngẩn ngẩn ngơ. Song hồ ghé mắt đợi chờ tin sương”. Một hôm nằm mộng thấy Huỳnh Long phụ thể. Từ ấy “điềm dữ lành chưa hẳn một bề, lòng nghi ngại thêm lo nghìn nỗi”. Mối liên hệ giữa Cẩn Du và Thái tử, Lý Khuông Ban hoàn toàn không hay biết mấy may. Cho nên khi Lương Vương muốn “đính chữ hán hồ” cho Bất Tục thì Lý công liền xin đưa con gái vào cung để phối duyên cùng Thái tử. Lương Vương chấp thuận. Nhưng chưa kịp chọn ngày nghinh hôn thì có tin nước Yên “đã tuyệt nghĩa lân bang, còn ra binh phạm cảnh”, Lương Vương phải sai Bất Bạt đem quân đi chinh phạt. Ở triều viên thừa tướng là Mã Tự Lương thấy Lý Khuông Ban được kết thân cùng nhà vua thì sanh lòng ganh ghét, tìm cách hãm hại. Dịp may đưa đến: Tên Trù Phong của Tự Lương tư tình cùng con thị tỳ của Cẩn Du; thị tỳ cho tình lang biết rằng nữ chủ nhân của mình có hoang thai; Trù Phong mách lại cùng chủ. Tự Lương chụp ngay cơ hội, lập mưu tâu xin Lương Vương hạ chỉ cho mình đến Lý

phủ nhình hôn. Lý Khuông Ban không hề biết nội tình của con, đến khi bị Tự Lương tố giác thì chết diếng người, không biết nói năng làm sao: *"Công danh một phút tan tành, Lỗi sanh con dữ cam đành dăm than"*. Vâng lệnh Lương Vương, Tự Lương một mặt tống giam cha con Cẩn Du để điều tra, một mặt sai em là Mã Đại Hùng đem binh mã đi nà tróc toàn gia Lý Thị. Trong khi Lý gia gặp biến thì người con nuôi của Khuông Ban đi du học trở về thăm nhà. Đến nhà vừa được biết cha và em bị hàm oan thì Mã Đại Hùng kéo quân đến vây bắt, Bạch Văn Trung phải đánh Mã Đại Hùng để thoát thân. Sợ lệnh triều đình, Văn Trung không dám giết chết Mã Hùng mà chỉ phóng đao chém đứt cẳng ngựa chàng, rồi chạy qua ải Đồng Quan phò Đông Cung Bất Tục. Mã Tự Lương không tìm ra thủ phạm của hoang thai, bèn đem Bạch Văn Trung ghép vào tội, rồi tâu xin Lương Vương chỉ phán. Lương Vương truyền giam Lý Khuông Ban vào thiên lao và đem Lý Cẩn Du ra sông nịch tử. Cẩn Du vừa bị xô xuống nước thì Thủy thần nổi mây mưa sóng gió cứu đưa vào bờ. Khi tỉnh dậy nàng đi lạc qua nước Yên, bị quân tuần bắt đem nạp cho Đông soái Phi Hùng. Nàng thưa thật sự tình. Phi Hùng thương cảnh hoạn nạn, nhận nàng làm con nuôi. Liền đó nàng sanh được một trai, mặt mũi khôi ngô. Phi Hùng mừng rỡ đặt tên là Hùng Mộng Giác và hết lòng thương yêu chăm sóc: *"Không con nuôi đó làm con; không cháu nuôi đây làm cháu"*. Còn Thái Tử Bất Tục, vì chưa đẹp yên biên cảnh, nên con đóng quân nơi Đồng Quan. Bạch Văn Trung đến, được Thái Tử nhận làm bộ hạ. Kế đó Hồ Thành Nhân đến nữa. Hồ Thành Nhân lớn lên sức mạnh phi thường. Một hôm đi săn nghe tin viên trấn tướng là Mã Bất Kiên, con Mã Tự Lương, cậy quyền thế, cướp của giết dân lành, chàng nổi giận đến giết chết. Triều đình cho truy nã. Vợ chồng ông tiểu sợ hãi, đem giao chàng cho Đông Cung. Bất Tục được hai tráng sỹ phò tá, đánh đầu thắng đó. Đông Soái Phi Hùng cũng bị binh tướng Bất Tục đánh bại, phải đóng cửa thành không dám ra binh. Lúc bấy giờ Hùng Cát Mộng đã khôn lớn và văn võ gồm đủ. Thấy ông ngoại lo buồn, chàng vào xin ra cự địch. Phi Hùng cấp binh mã cho đi. Cát Mộng đánh cùng Văn Trung. Văn Trung trá bại để dụ chàng vào sấu trận địa. Cát Mộng đuổi theo, Hồ Thành Nhân chặn đánh. Hai bên kịch chiến. Thành Nhân xuất tướng tinh là cọp, Cát Mộng xuất tướng tinh là rồng. Rồng cọp đánh nhau kịch liệt. Thành Nhân thua bỏ chạy. Bất Tục và Văn Trung hè nhau xông

ra vây đánh. Cát Mộng không địch nổi, bị bắt sống. Thành Nhân muốn giết nhưng Bất Tục trông thấy Cát Mộng phảng phất giống mình lại có tài có sức nên thương không cho giết, bảo quân đem về ải giam và cho ăn uống tử tế. Được tin Cát Mộng bị bắt, Phi Hùng và Cẩn Du toan đem binh đi cứu thì có người tâm phúc của Mã Tự Lương là Trù Phòng đem mật thư đến báo hợp lực nội công ngoại kích để chiếm đoạt nước Lương. Cẩn Du đem sự lợi hại của chiến tranh ra bàn cùng cha nuôi và xin cha nhân cơ hội thích ứng này, cho nàng đến tìm Bất Tục để xin cầu hòa cùng Lương quốc. Phi Hùng chấp thuận giao mật thư và Trù Phòng cho Cẩn Du. Cẩn Du liền viết thư cho Bất Tục xin cầu hòa và hẹn cùng chàng đến sông Vỵ thủy là ranh giới giữa Yên – Lương để thương nghị. Đến kỳ hẹn nàng cải nam trang đi gặp Bất Tục. Bất Tục trách Yên chúa *“phân tâm thất ước. Đã không lẽ lại tàn lại hưng binh phạm cảnh”*. Cẩn Du đáp: *“Thất ước là nơi Lương Vương chớ Yên chúa lúc nào cũng thành tâm thủ tín”*. Nếu Lương Vương không để cho con Mã Tự Lương là Mã Bất Kiên cướp thương thuyền giết thương nhân của Yên Quốc vào Lương quốc kinh doanh theo lời giao kết giữa hai nước, thì đâu đến nỗi xảy ra chiến tranh. Cẩn Du lại trao bức mật thư của Tự Lương cho Bất Tục. Biết rằng mối họa của nước Lương do cha con Tự Lương gây ra, Bất Tục cảm ơn Yên sứ và bằng lòng nối lại tình giao hiếu cùng Yên Bang. Cẩn Du phụng mệnh và xin lui thuyền. Bất Tục cầm nán lại hỏi thăm lai lịch của Hùng Cát Mộng. Cẩn Du đáp rằng mình là cha Cát Mộng và là con trai Phi Hùng, vì cha cảm mạo chưa yên nên mình phải thay người đi thương nghị. Hai người đương trò chuyện thì giữa sông gặp sóng gió và trỗi lên một tấm bia chữ vàng óng ánh. Hai người kinh ngạc cho thuyền đến gần xem thấy mấy hàng chữ rõ ràng từng nét: *“Tranh chiến do cơ sủ, Lương Yên vật tương cự. Lý hoang thai nãi thị chân thai. Hùng Cát phù nãi Hùng Cát tử”*. (Nghĩa là: Chiến tranh xảy ra do cơ trời xui khiến. Nước Lương và nước Yên đừng đánh nhau nữa. Lý thị mang thai đó không phải là Hoang thai mà là chân thai. Hùng Cát cha đánh Hùng Cát con). Vừa đọc xong thì sóng gió nổi lên cuốn bia đi mất. Bất Tục cho là “Hữu anh linh chi sự” nhưng lòng khôn xiết hồ nghi bởi “Hùng Cát Mộng do Yên Sứ sanh ra, mà giữa Cát Mộng và Thái tử không có tình nghĩa thâm trọng.. thì sao bia lại để là phụ tử tương tàn”. Thái tử nhờ Yên sứ giải thích. Cẩn Du mặc dù ngầm hiểu trọn ý nghĩa, cố tìm lời thoái

thác, rồi xin bái từ. Thái tử Bất Tục trở về, đương chuẩn bị về triều thì Tự Lương kéo quân ra quan ải. Nguyên ở Trảng An Tự Lương mưu cùng 1 tên quân của mình giả làm quân ngoài quan ải về đầu cáo rằng Thái Tử khinh mạng triều đình, làm những điều phạm pháp: Trữ dưỡng tên dâm bốn phần nghịch là Bạch Văn Trung, Trữ dưỡng tên sát nhân bốn đào là Hồ Thành Nhân, tư hòa địch quốc, giao giới Yên bang mà không báo cho vua biết. Lương Vương cho là Thái tử sanh dị ý, liền sai Tự Lương đi bắt về chịu tội. Bất Tục không chối một điều và bảo sẽ về chịu tội. Đoạn đưa bức mật thư ra hỏi Tự Lương “thư ai viết, chữ ai ký”. Tự Lương không nhận là của mình, nhưng khi Trù Phòng ra đối chứng, thì cúi đầu làm thỉnh. Bất Tục sai trói lại rồi cùng tướng sỹ về kinh đô. Lương Vương thấu hết sự tình, truyền đem chém Tự Lương tức khắc. Liền đó Yên sứ là Cẩn Du đem phẩm vật đến tiến cống. Lương Vương vui mừng phóng thích Hùng Cát Mộng cho theo sứ thần về Yên bang và tha tội cho Hồ Thành Nhân và Bạch Văn Trung, cho theo phò Thái tử. Thái tử mời Cẩn Du sang tư dinh đãi yến. Nghi Yên sứ là gái, Thái tử giả say buông lời cợt nhả. Cẩn Du thừa cơ hỏi về việc gia thất của Đông Cung. Bất Tục đem việc Lý Khuông Ban gả con và Lý thị tư bốn bị phụ vương hạ chỉ đem ra sông nịch tử. Yên sứ hỏi trước hoàn cảnh ấy, lòng thái tử như sao. Đáp rằng *“thương cũng thương nhưng ghét đưa dâm ô; tiếc cũng tiếc nhưng giận loài uê đức”*. Đương chuyện trò thì Hùng Cát Mộng đến. Cát Mộng thấy mẹ mừng quá vội gọi “Mẹ”. Cẩn Du đưa mắt, Cát Mộng hội ý, gọi lại “Cha”. Bất Tục càng thêm nghi. Cát Mộng giục “cha” về kéo “ông ngoại” nhớ. Sợ ngồi lâu lậu sự, Cẩn Du vội xin từ giả, và để đền đáp lòng tốt của Đông Cung, xin tặng một chiếc trâm vàng làm kỷ niệm”. Bất Tục nhìn thấy vật cũ của mình thì nghi rằng *“Lý thị tư tình cùng Yên Sứ và đã tặng tình nhân chiếc trâm mình đã tặng trước kia”*, nên dùng dùng nổi giận đòi bắt Yên sứ làm tội. Cát Mộng can thiệp: “Cha tôi là gái, ai đời đàn bà mà lấy đàn bà bao giờ”. Đông Cung nghe nói dất Cát Mộng ra chỗ khác hỏi. Cẩn Du ra dấu, Mộng nhất định làm thỉnh. Bất Tục nhớ lại người xưa.. bèn tìm cách thử. Chàng rót rượu tạ tội cùng Yên sứ và mời Yên sứ “cạn thêm một chén nữa rồi sẽ về”. Đoạn lén dấu mất 1 chiếc chén ngọc, và tỏ ý ngờ Yên sứ “khuấy chơi”. Cát Mộng đề nghị soát trong người hai “cha con”. Bất Tục soát Cát Mộng trước, rồi soát Yên sứ sau. Yên sứ sợ sệt, ké né tránh. Bất Tục lừa ôm choàng.... Cát Mộng níu lưng Bất Tục

la lớn: “Sao ông cả gan dám ôm mẹ tôi”. Cẩn Du liền bảo con: “Đó là cha con đó”. Cha con chồng vợ nhìn nhau. Cẩn Du đem mọi việc kể tường tận cho Bất Tục nghe. Hai bên mừng mừng tủi tủi, rồi đưa nhau vào Cung vua xin tá tội cho Khuông Ban.

Tuồng gồm một hồi hai lớp. Lớp trước bắt đầu từ lúc Thái tử đi chơi núi gặp Cẩn Du cho đến lúc Cẩn Du thoát chết chìm sang làm con nuôi Phi Hùng và sanh ra Hùng Cát Mộng. Lớp thứ nhì bắt đầu từ Hùng Cát Mộng xuất trận cho đến lúc cha con vợ chồng Thái tử đoàn viên. Lớp chia màn mình bạch. Song có nhiều đoạn không soạn thành tuồng mà chỉ thuật qua sự việc. Ví dụ đoạn Bất Tục và hê đồng xin vào tá túc nhà vợ chồng tiểu phu... Đoạn Thủy thần cứu Cẩn Du đưa vào bãi, Cẩn Du tỉnh dậy đi lạc qua nước Phiên. Đoạn Hồ Thành Nhân giết Mã Bất Kiện rồi đưa vợ chồng ông tiểu đến Đồng Quan theo Bất Tục... Đoạn Bất tục đánh bại Phi Hùng.. vv... Trong đôi màn có xen đôi cảnh hài hước giúp cười cho khán giả, như cảnh Hê đồng của Bất Tục và tỳ nữ của Cẩn Du cãi lý với nhau; cảnh hê đồng ngủ quên gác chân lên bụng bà tiểu, khiến ông tiểu nổi ghen... Nhưng Tuồng có nhiều chỗ hớ, lớn nhất là không làm nổi bật ba vai tuồng Hồ Thành Nhân, Hùng Cát Mộng và Bạch Văn Trung để cho tương xứng với nhan đề “Sanh tài tá quốc”. Thứ đến là từ đầu đến cuối thái tử Bất Tục không có một lời gì hay một cử chỉ nào tỏ rằng mình biết người mình tặng trăm vàng là con gái Lý Khuông Ban, là Cẩn Du, thế mà khi Cẩn Du đưa trăm ra tặng.. thì lại nói rằng mình nhớ lại “giống dạng Lý Cẩn Du”... Văn chương không có gì đặc sắc nhưng gọn gàng trôi chảy, dễ hát dễ hiểu. Nguyên bản Hán Nôm chưa tìm thấy. Hiện nhà họ Quách giữ được một bản phiên Quốc ngữ, đánh trên giấy pelure, khổ 21 x 30 và gồm 38 trang.

26. KỶ THU VÂN THỌ NẠN

Tuồng Hán Nôm, không biết tên soạn giả, ra đời và khoảng đầu thế kỷ XX này, sự tích phỏng theo truyện Kỷ Thu Vân Thọ nạn của Trung Quốc. Đại lược là: Chấn Lôi kéo binh Bắc Phiên sang đánh nhà Châu. Con thứ Châu vương là Đinh Phụng đem quân kháng cự, bị binh Phiên bắt tống lao. Châu vương sai con trưởng là Đinh Long đi cứu em. Đinh Long đi đến núi Hắc Phụng Sơn thì bị nữ trại chủ là Kỷ Thu Vân chặn đánh. Đinh Long không địch nổi, phải theo ý muốn của nàng, hứa sẽ vấy duyên kim cẩu sau khi bình xong Phiên. Thu Vân liền giúp thêm quân sỹ cho Đinh Long. Đinh Long chiến thắng, cứu được Đinh Phụng

và tha cho Chân Lôi đem tàn quân trở về Phiên. Nhưng để củng cố việc biên phòng, Đinh Long ở lại nơi quan ải, bảo em lãnh đạo hồng kỳ về Trường An báo tiếp. Đinh Phụng đi ngang qua Hắc Phong Sơn, Kỷ Thu Vân tưởng lầm là Đinh Long khai hoàn, (vì hai anh em tướng mạo tương tự) đem thủ hạ ra đón tiếp. Biết là Thu Vân lầm nhưng vì lòng ham sắc đẹp, Đinh Phụng lại dại chỉ mà lại chẳng nhận mình là Đinh Long, và đưa nàng về Tràng An. Đinh Phụng về đến Tràng An thì Châu vương thăng hà. Đinh Phụng không tin cho anh biết, hiệp cùng thái sư là Mã Kiệt ép triều thần tôn mình lên kế vị nhà Châu. Một viên trung thần là Toàn Trung mật sai người ra báo cho Đinh Long hay tể trạng. Con gái Toàn Trung là Bạch Tuyết thấy cha lo phiên việc nước, bèn giả trai để giúp sức giúp mưu. Nàng cứu thoát được Liễu Nương Hoàng hậu là mẹ Đinh Long bị Đinh Phụng toan giết. Nàng trao Hoàng hậu cho hộ vệ, rồi xin ra quan ải hiểm trợ Đinh Long. Đinh Long được tin em chiếm ngôi, liền giao việc canh phòng cho tướng sỹ, kéo quân về trào. Đinh Phụng nghe tin Đinh Long hồi loạn, đem bá quan ra ngo môn nghinh tiếp. Nơi triều đường Đinh Long hỏi tội Đinh Phụng, Phụng thưa rằng tạm trị vì để gìn giữ cơ nghiệp trong lúc anh chưa về đến, nay anh đã về thì xin giao lại cho anh. Nhưng việc lớn sẽ bàn sau, Đinh Phụng xin đưa Chánh Cung ra lễ yết. Chánh Cung là Kỷ Thu Vân. Đinh Long và Kỷ Thu Vân thấy mặt nhau, cả hai đều sững sốt! Không nén được lòng đau xót, Đinh Long vội từ giả cung chương. Thu Vân chạy theo bày tỏ sự tình. Thái Sư Mã Kiệt bảo “Quái nhất điện vô nguỉ lỗi đạo, giữa điện đình quyền rử Chiêu dương” nên xin tâu vương hạ lệnh bắt về vấn tội. Đinh Phụng sai Đô đốc Mã Đằng đem binh đi thôi thúc. Mã Đằng theo kịp Đinh Long, đánh chàng ngã ngựa. Bạch Tuyết xuất hiện, dưới hình trạng tráng sỹ, đánh lủ Mã Đằng, cứu được Đinh Long. Đinh Long xin cho biết danh tánh để ngày sau đền ơn cứu tử. Bạch Tuyết chỉ cho biết mình là gái rồi giục Đinh Long lên đường ra ải mưu việc trừ gian, để nàng trở về bảo vệ Hoàng hậu. Vừa về tới nhà thì gặp Mã Đằng đương hô quân vây bắt cha và Hoàng hậu. Bạch Tuyết liền xông vào giết chết Mã Đằng, rồi cùng cha phò Hoàng hậu ra ải. Mẹ con gặp nhau, Đinh Long chịu tội bất hiếu, Hoàng hậu tuyên dương công cứu mạng của Toàn Trung và “hiệp sỹ” tùy tùng. Đinh Long tâu rằng “Hiệp sỹ” là gái và chính nàng cũng đã cứu chàng thoát chết dưới tay kẻ thù. Chàng lại xin nàng cho biết rõ lai lịch và xin kết duyên cùng nàng, hẹn dịp xong đảng nịnh sẽ cử lễ kết hôn. Toàn Trung cho biết đó là con gái mình và giục Đinh Long kíp lo việc lớn. Đinh Long kéo binh mã của năm ải về

Tràng An... Kỳ Thu Vân từ khi biết rõ sự tình thì giả điên bỏ cung đình đi lang thang khắp “đầu ghềnh cuối bãi”. Nghe tin Đinh Long cử đại binh về diệt giặc, nàng ra đón xin theo về trào “vạch tội tên gian ác”, rồi cắt tóc đi tu. Còn Đinh Phụng, khi được tin anh về vấn tội, thì liệu tội mình không còn chối cãi, mà cũng không còn đường để cao chạy xa bay, bèn lên lầu cao tự sát.

Tuồng gồm một hồi hai lớp.

LỚP THỨ NHẤT *chia làm 8 màn:*

1. Kỳ Thu Vân ở Hắc Phong lãnh nghe lâu la báo có quân đi ngang qua núi, liền đem bộ hạ xuống chặn.

2. Đinh Long bị cản đường, cùng Thu Vân tranh luận. Thu Vân buộc rằng muốn qua khỏi núi thì phải cùng nàng kết duyên. Đinh Long không chấp nhận. Hai bên đánh nhau. Đinh Long bị thua, phải hứa dẹp giặc xong rồi sẽ lo việc phối ngẫu. Thu Vân liền giúp thêm cho chàng 5 đội hùng binh và hẹn ngày tái hợp.

3. Chấn Lôi nghe báo binh nhà Châu kéo đến, liền ra trận giao chinh; nhưng mới đánh nhau vài hiệp thì bị Đinh Long bắt sống. Binh Châu kéo vào trại Phiên, cứu Đinh Phụng. Đinh Long tha cho Chấn Lôi trở về Phiên và sai Đinh Phụng về Trường An báo tiếp, còn mình thì ở lại phòng biên.

4. Thu Vân nghe tin chiến thắng, đương ngồi đợi Đinh Long thì lâu la báo rằng binh Châu đã về gần đến trại. Nàng vội vã ra trại tiếp đón. Đinh Phụng hỏi nàng là ai. Thu Vân ngỡ người cũ muốn trở mặt với mình, nên tỏ lời oán trách. Biết nàng lầm mình là Đinh Long, Đinh Phụng bèn nói trở là mình muốn thử bụng, rồi xin rước nàng về “Cung đình, tâu phụ vương tử hôn cầm sắc”.

5. Đến Kinh kỳ thì Châu Vương đã an giá, Đinh Phụng mưu cùng Mã Kiệt tiếm ngôi rồng.

6. Toàn Trung mật sai người ra ải báo tin cho Đinh Long. Và Bạch Tuyết xin cha cho mình giả trai để chung lo việc nước.

7. Mẹ Đinh Long là Liễu Nương Hoàng hậu đương ngồi than thở thì Đinh Phụng rút kiếm nhẩy ra toan hạ sát. Bạch Tuyết, (dưới hình trạng trắng sỡ) cứu thoát, đưa Hoàng Hậu về nhà cho cha bảo vệ, còn nàng lo đi yểm hộ Đinh Long.

8. Đinh Long được tin em tiếm ngôi, liền về Trường An vấn tội.

LỚP THỨ NHÌ *chia làm 8 màn:*

1. Đinh Phụng lên làm vua nghe tin anh về, đem bá quan ra ngọ môn cung nghinh. Về triều, anh em tranh biện. Rồi Đinh Phụng giới thiệu Chánh Cung. Đinh Long và Thu Vân gặp nhau, cả hai đều miếng ruột gan. “*Á khẩu nan đáp ngữ, bảo tâm thọ đoạn trường*”. Đinh Long liền bỏ đi. Thu Vân bèn nổi bước.

2. Nghe lời Mã Kiệt, Đinh Phụng sai Mã Đằng theo bắt lại.

3. Thu Vân theo kịp Đinh Long, tỏ bày sự lầm lẫn của mình và “*mong nhờ lượng cả bao dung*”. Nhưng Đinh Long cho biết “*Dứt tình thôi đã... đừng mong những ngày..*”

4. Mã Đằng đuổi theo Đinh Long. Hai bên đánh nhau. Đinh Long dọa mã. Bạch Tuyết đến cứu rồi cùng Đinh Long chia tay.

5. Toàn Trung được tin Mã Đằng vâng lệnh Đinh Phụng đến vây bắt, liền phò Hoàng hậu chạy trốn. Mã Đằng chặn lại. Toàn Trung chống cự không nổi. May Bạch Tuyết đến kịp, giết chết Mã Đằng rồi cùng cha phò Hoàng hậu ra ải.

6. Mẹ con gặp nhau, Hoàng Hậu và Đinh Long kể nỗi gian nan... Đinh Long xin kết duyên cùng Bạch Tuyết, rồi cử binh về Tràng An...

7. Thu Vân dưới hình dáng người điên, thở than thân phận, và cho biết rằng nàng sẽ theo Đinh Long về trào “*vạch mặt thẳng gian ác*” rồi “*nguyện thế phát quy y*”.

8. Đinh Phụng, nghe tin anh kéo binh về trào, tự kết án mình đã gây nhiều tội ác không mong được dung tha, nên quyết định “*thác trước là hơn*”. Tuồng chấm dứt nơi đây. Việc Đinh Long đem quân về trào diệt nịnh, việc Thu Vân đi tu và việc Đinh Phụng tự sát chỉ nói ra bằng lời chớ không biểu diễn thành cảnh. Trong tuồng có nhiều đoạn chỉ đưa sự việc ra trong đôi câu tự sự, để ca công tùy nghi biểu diễn bằng điệu bộ hay bằng ngôn từ tự mình tìm lấy.

Tuồng soạn có phần hơi hợt, không miêu tả nổi những cảnh éo le, những tâm trạng rắc rối, những nỗi vui buồn, mừng giận của từng nhân vật. Tuồng chịu ảnh hưởng tuồng Tam Nữ Đồ Vương, đề cao vai trò phụ nữ. Văn chương không được già dặn, không có câu hay đáng truyền. Nguyên bản Hán Nôm chưa tìm thấy. Hiện nhà họ Quách ở Nha Trang giữ được 1 bản phiên Quốc Ngữ (đánh máy).

27. TỔNG THÁI TỔ TRẨM TRỊNH ÂN

(Vua Thái Tổ nhà Tống chém Trịnh Ân).

Tuồng Hán Nôm, không biết tên soạn giả, sản xuất tại Nam bộ vào khoảng Duy Tân – Khải Định (1907 – 1925). Sự tích rút trong Tam Hạ Nam Đường Diễn Nghĩa. Đại lược là: Triệu Khuông Dẫn, Cao Hoài Đức và Trịnh Ân kết nghĩa anh em (như Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi đời Tam Quốc) cùng nhau chiến đấu dựng nên nhà Tống. Khuông Dẫn lên ngôi vua, nghe lời vợ là Hàn Tổ Mai giết Trịnh Ân. Vợ Trịnh Ân là Đào Tam Xuân nghe tin dữ, từ ải quan cử binh về đánh trả thù cho chồng. Nhờ Cao Hoài Đức can thiệp, Khuông Dẫn giao Tổ Mai cho Tam Xuân trị tội để nàng lui binh. Tuồng chỉ có 1 hồi. Nội dung không chia màn lớp, chỉ chép luôn một mạch từ đầu đến cuối nhưng có thể chia làm nhiều màn.

1. Trịnh Ân giáo đầu và cho biết mình đi binh giặc Khiết Đơn xong đóng binh nơi quan ải, đợi lệnh triệu hồi, mà lâu ngày không thấy, nhớ Khuông Dẫn bèn để cho vợ giữ ải kéo binh về Kinh đô.

2. Hàn Phụng, chú Hàn Tổ Mai, vào cung xin cháu cho phép mình dùng long xa phụng tán của nhà vua để đi dạo chơi một buổi. Nể lòng chú Tổ Mai phải chấp thuận.

3. Trịnh Ân vừa về đến Kinh Đô thì gặp long xa phụng tán đưa Hàn Phụng đi chơi, tưởng là xa giá của nhà vua, liền quỳ bên đường làm lễ. Khi biết là Hàn Phụng loạn phép thì nổi giận rượt đánh 1 giã gãy răng. Quân xúm lại can. Trịnh Ân nuốt giận để cho Hàn Phụng tẩu thoát.

4. Về trào Trịnh Ân tâu lý do mình kéo quân về và xin Tống Vương mở lượng khoan dung. Tống Vương xá tội. Liền đó Hàn Phụng trần tố việc Trịnh Ân dả thương. Tống Vương hỏi rõ nguyên nhân thì cho là hai bên đều có lỗi, nên xử huê.

5. Hàn Phụng vào cung tâu hết sự tình cho Tổ Mai và xui Tổ Mai trả thù cho mình. Để cho Tổ Mai thêm giận Trịnh Ân mà quyết dạ báo thù, Hàn Phụng nói thêm rằng Trịnh Ân chẳng những làm nhục mình mà còn xúc phạm đến Hoàng Hậu. Tổ Mai bảo chú an lòng trở về, cứ để mặc nàng lo liệu...

6. Tống Vương vào cung Tổ Mai. Tổ Mai bày tiệc rượu. Rượu ngon hát hay, Tổ Mai tiếp đãi khéo, Tống vương uống đến say. Tổ Mai bèn đem tội Trịnh Ân ra hạch, nào tội không triệu mà về,

nào tội cậy thế nhục mạ đại thần... Tống Vương ban đầu còn bình vực Trịnh Ân sau bị Tổ mai mê hoặc, bảo Tổ Mai viết chiếu xử trảm Trịnh Ân rồi xuống bút phê tức khắc. Tổ Mai truyền đao phủ quân đi bắt Trịnh Ân hành quyết và sai nội giám đem Long phụng Kiếm treo nơi giá bệ, cấm không cho các quan vào gặp vua.

7. Đương đêm quân đến bắt Trịnh Ân. Trịnh Ân thấy có chiếu vua rõ ràng, nên đành chịu chết. Con Trịnh Ân là Trịnh Ấn, nghe cha vô cớ mà bị tử hình, liền chạy đến giải cứu, nhưng bị cha trách mắng bảo trở về, và dặn không nên đem lòng thù oán. Trịnh Ấn không nghe bảo *"Chúa coi tôi như cỏ rác, thì tôi coi Chúa là cừu thù"*. Trịnh Ân tức mình giật kiếm toan chém thì tiên ở giữa không xuống bỗng Ấn bay mất. Quân dẫn Trịnh Ân ra pháp trường, than thở đôi lời rồi hồi quân khai đao.

8. Quân chạy báo cho quân sư biết việc Trịnh Ân bị bắt giải ra pháp trường. Quân sư thất kinh, không biết tội gì, vội vào cung can gián. Huỳnh môn quan không cho vào, vì long phụng kiếm treo nơi cửa cung cấm quần thần vào vô không ai được vào. Quân sư đành trở lui.

9. Cao Hoài Đức đi đánh giặc về, nghe tin dữ liền kéo quân đi thẳng vào thành nội. Huỳnh môn quan cũng không cho vào vì có lệnh cấm. Hoài Đức đành đợi.

10. Ở nơi ải quan Đào Tam Xuân trông không thấy tin Trịnh Ân, lòng bồi hồi lo ngại. Chợt có tin cho biết rằng Trịnh Ân bị vua giết và Trịnh Ấn bị "gió bay mất", liền than khóc thảm thiết rồi cử binh kéo về kinh đô trừ bạo chúa.

11. Sáng hôm sau Cao Hoài Đức vào triều, tìm ở triều đường không thấy Tống Vương, tìm ở Đông điện cũng không thấy, liền kích cổ đăng văn. Vua tôi nghe trống đánh liền kéo nhau đến triều. Hoài Đức hỏi Tống vương cơ sao lại giết Trịnh Ân. Vương bảo không giết. Liền đó Hàn Phụng đem thủ cấp Trịnh Ân dâng lên. Hoài Đức hét lên một tiếng, chụp thủ cấp Trịnh Ân ném lên cho Tống Vương, rồi rút kiếm chém đầu Hàn Phụng, bảo đó chính là gian thần tặc tử. Đoạn kể công Trịnh Ân và bắt tội Tống Vương *"Ỗ ngồi trên chín bệ, không nhớ thuở hề nghiêng"*. Rồi cỡi ấn soái giao lại cho Tống Vương lui về mai danh ẩn tích. Tống Vương vội cản lại, khóc lóc xin Cao nghĩ lại: *"Đạo chúa tôi dầu có lỗi lắm, niềm huynh đệ nữ dâu dứt bỏ"*. Thấy Tống Vương bị lụy

Hoài Đức ở lại và xây qua bắt tội triều thần sao vua lầm lỗi mà không can gián. Quân sư cho biết khi nghe tin dữ, vào cung không được, nên đành *"làm tôi phải giữ phận tôi, cãi chúa sợ không trung chúa"*. Hoài Đức chê là không có tài vương tá, thọ quyền tước chỉ uống thôi. Quân sư nhận tội, giao quyền tước lại ra về. Chợt nghe tiếng quân reo trước thành, Hoài Đức vâng lệnh lên mặt thành xem...

12. Hoài Đức xem thấy binh Đào Tam Xuân vào tâu Tống Vương rõ. Tống Vương biết lỗi, sợ không dám ra gặp Đào, nhờ Hoài Đức thay mặt. Hoài Đức ra phân trần cùng Đào Tam Xuân. Nhưng Tam Xuân bảo: *"Chúa đã không giữ nghĩa thì tôi không thể vì tình"*; đã quyết nhất tâm báo oán, nên chỉ muốn gặp Tống Vương thôi. Hoài Đức vào khuyên Tống Vương nên ra gặp và dặn nên hạ mình để cho được việc. Tống Vương nghe lời ra quỳ chịu tội: *"Xây hôn mê một phút, mà đoạn thủ tức chi tình. Tội qua làm qua chịu đã đành, dầu tha giết mặc em phân xử"*. Tam Xuân muốn hạ thủ. Nhưng Hoài Đức can và khuyên nên nghỉ lại: *"Chớ để đời nghị luận, rằng Đào thị thí quân. Tình phu thê với nghĩa quân thần, xử cho vẹn mới là người tri"*. Nghe lời Hoài Đức nói có lý, lại thấy Tống Vương thực tình hối quá, nên Tam Xuân nguôi giận... Tống Vương rước Tam Xuân vào thành để phân trần hơn thiệt.

13. Vào triều, Đào Tam Xuân hỏi Tống Vương chồng phạm tội gì mà bị giết. Tống Vương chưa kịp đáp thì Hoài Đức vừa gián tiếp trả lời cho Tam Xuân vừa hỏi Tống Vương: *"Việc này hệ trọng mà Hoàng huynh bảo là vì hôn mê một phút nên giết chết Nhữ Nam Vương (tức Trịnh Ân), thì liệu không nhầm lý. Vì dầu quả có hôn mê, thì phải có người làm cho Hoàng huynh hôn mê. Tội về người ấy. Luật pháp xưa nay hễ giết người thì đền mạng, xin bệ hạ làm tội người ấy, cho an lòng Trịnh đệ nơi chín suối"*. Tam Xuân biểu đồng. Hoài Đức lại hỏi người nào đã ra lệnh treo long phụng kiếm nơi giá bệ cấm văn võ bá quan vào can. Tống Vương ban đầu muốn nhận tất cả lỗi về mình để che trở cho Hàn Tổ Mai. Nhưng khi bị cật vấn và bị Đào Tam Xuân làm dữ thì phải gạt lệ đưa Hàn Tổ Mai ra chịu tội.

14. Đào Tam Xuân bắt Tố Mai lăn đèn đốt tế chồng rồi kéo quân về ải.

Tuồng này còn một tên nữa là ĐÀO TAM XUÂN LỘNG TRÀO.

Ở Trung bộ cũng có một vở tuồng về cái chết của Trịnh Ân, nhan đề là **TỔNG THÁI TỔ TUÝ TRÂM TRỊNH ÂN**, tương truyền là của Phan Xuân Thân, người Quảng Nam, soạn vào đầu thế kỷ XX này. Tuồng gồm đến 3 hồi. Hồi thứ nhất diễn sự tích Trịnh Ân và Cao Hoài Đức phụng mạng đi dẹp giặc ở biên thủy. Hồi thứ ba diễn tích Tiểu Thiên Diện xâm Tống. Đào Tam Xuân và Trịnh Ân dẹp Yên. Hồi thứ hai diễn tích Tống Vương say rượu giết Trịnh Ân. Hồi thứ nhất và hồi thứ ba ít phổ biến. Thường diễn là hồi thứ hai. Hồi thứ hai đây có nhiều chi tiết hơn vở tuồng Đào Tam Xuân loạn trào và có đôi điểm khác biệt:

1. Tuồng này chép Hàn Phụng là em Hàn Tố Mai.

2. Trịnh Ân sau khi đánh Hàn Phụng thì trời tối không vào triều được, sáng hôm sau vào chầu liền bị Tống Vương (say tuý lúy) ném linh tiễn truyền bắt đi chém. Khi Cao Hoài Đức đánh trống thiết triều, Tống Vương vẫn còn say. Đến khi tỉnh rượu và nghe tâu Trịnh Ân bị giết, than khóc thảm thiết, rồi thiết hương án thành phục. Trong lúc tế hồn Trịnh Ân nhập vào hồn Tố Mai, nói tất cả những thủ đoạn độc ác của chị em họ Hàn. Tống Vương liền bắt Tố Mai hạ ngục.

3. Đào Tam Xuân sau khi hoà cùng Tống Vương, đem thi hài chồng về quan ải và yêu cầu Tống Vương giải Hàn Tố Mai ra ải để bógiáo tể chồng. Tống Vương có ý thương tiếc không muốn rời Tố Mai nhưng Cao Hoài Đức can gián mới bóp bụng cho giải ra ải của Tam Xuân để thọ tội. Văn chương bản “miền Trung” lẫn hơn bản “miền Nam”. Nhưng dùng bản “miền Nam” làm tài liệu chính để biên soạn là vì hiện chưa tìm thấy hồi thứ nhất của bản “miền Trung”. Nhà họ Quách chỉ có hồi 2 và hồi 3. Tuồng nam thì có đủ trọn vở.

Soạn giả hai bản tuồng Trịnh Ân trên đây đều dụng ý ở gỡ tội Tống Thái Tổ bằng cách cho nhà vua say rượu...

Một bản tuồng thứ 3, tuồng Nhất Tiễn Song Điều của cụ tú Nguyễn Điều vạch mặt thiệt của Triệu Khuông Dẫn: mượn tay Hàn Tố Mai để giết Trịnh Ân, rồi mượn tay Đào Tam Xuân để giết Tố Mai: một mũi tên bắn rơi hai con chim.

Vì sao Triệu Khuông Dẫn lại có thủ đoạn độc ác như thế đối với hai người thân yêu của mình như thế?

Trong tập Đạo quanh Hý Trường, tôi đã nói rõ.

Bốn tuồng nhất tiễn song Diêu chưa tìm lại được nên không lược thuật nội dung... Để cho thấy rõ lòng cầu trệ của Khuôn Dấn, muốn biết xem Đạo quanh Hý Trường.

28. MAI LIỄU KỲ DUYÊN

(Duyên lạ giữa họ Mai và họ Liễu)

Truyện Nôm do Đặng Văn Thám, tú tài khoa 1891 soạn (Phòng theo truyện Mai Liễu kỳ ngộ đời Minh của Phùng Mộng Long). Văn bản Nôm do Đinh Văn Tuấn phát hiện tại nhà một người ở thôn Thuận Truyền (Nghĩa Bình) cùng với một bản phiên quốc ngữ năm 1917 do Ái Hoa đường chủ nhân “phụng dịch”. Nội dung gồm 854 câu lục bát viết liền một mạch không chia chương hồi, đại khái lấy từ một tích truyện cổ của Trung Quốc: Đời Tống Huy tông có đại tướng Mai Định Biên là người trí dũng thao lược, được vua sai đi trấn thủ Diên Châu cầm cự quân Tây hạ. Một gian thần là ngự sử Trương Nhữ Khuê thấy Biên có thanh gươm quý “Sương Đăng” thì thèm muốn, đòi mua 100 lạng vàng, nhưng không được. Tức giận, hấn cùng Thái Kinh tể tướng ở triều, mượn chiếu vua gọi Biên về, rồi cho quân mai phục dọc đường bắn chết. Trước khi tắt thở, Biên chỉ kịp trời lại tui tướng là Tống Hồ dặn báo thù và giao gươm báu cho con trai mình là Mai Phùng Xuân. Trong khi đó ở triều, Khuê vu cáo với vua rằng Biên “cùng binh độc vũ bấy lâu, khiến cho trăm họ oán sầu lắm than” và xin xử tội cả nhà, khi quân đến vây bắt, Mai phu nhân tự ai, còn Phùng Xuân thì trốn thoát nương náu ở nhà người bạn của bố mình là Hàn lâm Võ Như Bích. Tống Hồ, Lư Kỳ về đến kinh đô, đau lòng thấy nhà họ Mai tan nát, bèn lên núi Thái Hàng chiêu binh mãi mã xây dựng lực lượng đợi dịp báo thù. Trong khi đó Xuân được Võ Như Bích yêu thương hứa gả con gái là Lệ Ngọc và cho chung đèn sách cùng con là Như Châu. Xuân học giỏi bị Châu ghen ghét đi đến tố cáo Xuân với triều đình. Kết quả họ Võ bị đày. Lệ Ngọc bị ép gả cho con trai Khuê; Không chịu nhục nàng nhảy xuống sông tự tử, được thuyền của vợ chồng Thị lang Lý Cường vớt và nhận làm con nuôi. Còn Xuân may trốn thoát. Dọc đường chạy qua núi Kê Tráo, vấp dây ngã, bị lâu la bắt nộp chủ trại là Dương Thuần Thanh. Thấy chủ trại “mì thanh mục tú tóc huyền, nửa anh hùng nửa thuyền duyên lạ lùng”, Xuân kể lễ cảnh ngộ của mình và xin theo. Bên phía chủ trại thấy chàng “Phan An tài mạo tốt vời, văn hay, chữ tốt ít người dám so” thì đẹp lòng cho giữ việc từ hàn ở sơn

trại. Từ đó hai người mến nhau thường cùng xướng họa. Một hôm có trại chủ núi Thái Hàng gửi thư đề nghị hai bên phối hợp đem quân chặn đánh đoàn quân triều vận lương sắp đi qua. Khi Tống Hồ, Lư Kỳ đến làm lễ ăn thề với Dương Thuận Thanh thì Xuân nhận ra ngay, bèn đến khóc lóc, kể rõ chuyện mình lâu nay và trốn tránh ra sao. Hồ và Kỳ mừng rỡ, giao lại thanh gươm Sương Đằng cho chàng. Trận ấy họ đánh tan được quân triều thu lương thực và bắt sống tên quan, thì hoá ra đó là Như Châu, con trai Võ Như Bích, y nhờ công tố cáo nên được làm quan chuyển lương. Nhớ nghĩa cũ, Xuân xin tha tội cho hắn và đuổi đi.

Bấy giờ tại triều vua Tống Khâm Tông nối ngôi giữa lúc quân Kim xâm lược. Lý thị lang dàn hặc bọn Thái Kinh và Trương Nhữ Khuê bán nước cầu vinh. Bọn chúng bị đày đi Mạnh Châu, nửa đường qua núi Kê Trảo đều bị lâu la bắt và bị dền tội. Nhà vua xuống chiếu cần vương, Chiêu an các sơn trại. Bọn Dương Thuận Thanh, Tống Hồ, Lư Kỳ đều bỏ trại đến kinh đô xin hiệp lực. Ở dưới trướng của Lý thị lang họ đều lập chiến công, được vua phong thưởng. Thấy Dương Thuận Thanh anh hùng. Lý thị lang đem lòng yêu và gả con gái nuôi Lệ Ngọc cho chàng. Nhưng đến đêm hợp cẩn mới hay Thuận Thanh vốn tên Liễu Thuý Diệp con Liễu đề hạt bị gian thần hãm hại mới giữ trại lên núi chống triều đình. Lệ Ngọc cũng kể lại chuyện xưa từng được cha hứa gả cho Mai Phùng Xuân, Thuý Diệp cho biết mình từng cùng chàng sống ở sơn trại, rất yêu chàng song không muốn thổ lộ vì còn phải điều khiển lâu la. Họ bèn kết làm chị em, thú thật với Lý thị lang. Chuyện đưa lên vua. Vua khen thưởng nhận làm chủ hôn cho bộ ba Phùng Xuân, Thuý Diệp (chính thất) Lệ Ngọc (thứ thất), lại tha tội cho Vũ Như Bích. Mai Liễu kỳ duyên có nhiều đoạn đèo gọt chải chuốt lại thường dùng nhiều điển tích, vì vậy câu văn hàm súc, trang trọng nhưng thiếu vẻ mộc mạc giản dị.

(Đinh Văn Tuấn)

PHỤ LỤC
CÁC BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN
Đào Tấn Và Hát
Bội Bình Định

I. QUÁCH TẤN

1. Đoàn Hát Bội Thống Nhất Bình Định

“Mới chuộng cũ vong” là thường tình trong thiên hạ, mà cái gì đã bị phụ phàng thì lần lần mất hết tư thế rồi đi đến chỗ tiêu diệt.

Hát bội cũng không tránh khỏi thói thường.

Hiện nay hát bội chưa bị quên hẳn nhưng không còn giữ được địa vị cao quý thời xưa, nhất là thời Tự Đức. Cải lương và Tân nhạc đã hoàn toàn chiếm ưu thế nơi kịch trường. Đứng bên Cải lương và Tân nhạc, hát bội chẳng khác một bà lão bình dân đứng bên một tiểu thư đài các. Sự hơn kém về hình thức thật rõ rệt. Còn nghệ thuật thì bên Cải lương, Tân nhạc mỗi ngày mỗi tiến bộ. Còn hát bội chẳng những không giữ được nề nếp của ngày xưa mà còn chấp vá những điệu cải lương, tân nhạc vào cho “hợp thời trang”, thật chẳng khác một ông đồ nho thời Pháp văn thình vượng ngồi bàn về thơ Đường thịnh thoảng nói chen vào đôi câu tiếng tây sai mọ sai từ. Người thức giả dù rộng lượng đến đâu cũng phải khó chịu.

Vốn ưa thích hát bội nên trước đây hễ nghe gánh hát bội nào đến Nha Trang tôi cũng đi xem một đêm, nhưng lần nào ra về cũng mang theo nỗi buồn thương cho cảnh sương tàn của nghệ thuật cổ điển. Đang hát khách, hát nam ngon lành liền xuống câu ca Vọng cổ khiến văn chương hát bội thành “râu ông nọ cắm cằm bà kia”.

Một hôm, lấy tình thân quen tôi trách một ca công có danh ở Bình Định sao nỡ để cho nghệ thuật hát bội thoái bộ đến thế? Ca công cười:

– Nếu hát cho bác vừa lòng thì anh em chúng tôi chết đói!

Hỏi nguyên nhân, đáp:

– Bác chỉ để ý đến người hát mà không quan tâm đến người xem hát: Trong đêm hát, một số người ngồi kể cho nhau nghe câu chuyện trong tuồng; một số chỉ thích thú cảnh nháy múa đánh giặc, nói bông lơn; một số hễ nghe xuống câu vọng cổ thì vỗ tay đôm đốp. Còn những người biết thưởng thức câu hát hay, điệu bộ khéo... biết thế nào là hát đúng, thế nào là hát sai thì rất là ít. Nếu chịu theo một số ít thì lẽ tất nhiên là mất số đông. Cho nên chúng tôi vì kế sinh nhai mà phải hy sinh một phần lớn nghệ thuật để chịu theo thị hiếu của số đông.

Từ ấy tôi hết muốn đi xem hát bội. Không muốn đi xem không phải vì hết thích mà chính để cho sự “pha phách cổ kim” khỏi làm phai nhạt “hình ảnh Phan Phi lúc chưa lâm bệnh” trong sự yêu thích hát bội của tôi.

Vừa rồi, về Quy Nhơn thăm nhà, anh em bạn thân rủ đi xem đoàn “Hát bội Thống Nhất Bình Định” diễn tuồng “Trăm Trinh Ân”. Tôi ngần ngại:

– Tôi sợ họ không “Trăm Trinh Ân” mà lại “trăm nghệ thuật” thì buồn lắm.

Anh em cả quyết:

– Không đến nỗi thế. Hãy đi cho biết. Đoàn hát bội này gồm toàn những nghệ sĩ lão luyện và nổi tiếng ở Bình Định. Này nhé bên nam thì có:

+ Long Trọng: sở trường với vai kép độc, kép làng và rất xuất sắc về lão vắn. Nghệ thuật đã già dặn mà giọng lại tốt hơi lại dài, diễn xuất hấp dẫn.

+ Hoàng Chinh: độc đáo với vai kép mặc triều phục, diễn tả được phong cách của các vị vua quan thời xưa từ cách đi đứng, vuốt râu, uống rượu đến giọng hát lời thưa theo từng nhân vật.

+ Tư Cá: đóng vai kép mùi thì thật là vô song, vừa tự nhiên vừa duyên dáng linh động nhưng điệu bộ lại chừng chàng. Làn hơi đã dài mà lại âm vang dễ rung động lòng người mỗi khi cất giọng nam ai. Tư Cá lại có gương mặt khá ái, tầm vóc gọn gàng nên rất được mến mộ trong bất cứ vai tuồng nào.

+ Châu Văn: độc chiếm vai nịnh, có thể nói gót được các bậc đàn anh.

+ Ngọc Thanh: đặc sắc trong vai kép độc.

Đó là những kép chính.

Còn bên Đào thì có:

+ Hồng Thu: chuyên môn về đào chiến, uy nghi nhưng yếu điệu, chừng chàng nhưng vẫn hiên ngang làm nổi bật khí tượng của các vị cán quốc anh hùng. Lại xuất sắc trong vai mụ.

+ Thu An: độc chiếm vai đào thương và chuyên đóng vai đào triều phục. Dáng điệu đài các, giọng hát du dương. Nếu đóng chung với Long Trọng một hồi thì nhất định “ăn đứt thiên hạ”.

+ Khánh Dư: chuyên đóng đào lãng, đào ác.

+ Hạnh Đào: chuyên đóng vai tiểu thư.

Hai đào này tài nghệ đương độ nảy nở.

Đó là các vai chính. Trong đoàn còn nhiều nghệ sĩ khác nam cũng như nữ mà tài nghệ đều trên điểm trung bình.

Những anh chị em kể trên trước kia mỗi người ở mỗi gánh. Nay nhờ tản cư xuống Quy Nhơn hết nên mới hợp nhau lại thành đoàn Thống Nhất. Nhờ sự hợp tác của các nghệ sĩ mà đoàn Thống Nhất ăn đứt các đoàn trước đây. Tôi vỗ vai ông bạn cười:

– Chắc anh có phần hùn trong đoàn hát? Ông bạn cười lớn:

– Anh này tưởng mình là quảng cáo bán thuốc cù là. Mặc dù là hầu hết các anh chị em nghệ sĩ đang lâm vào cảnh tản cư, sống trong hoàn cảnh thiếu thốn đủ mọi mặt. Tôi có phải là nghệ sĩ đâu mà hùn vốn vào để chia bớt cảnh cực khổ của anh chị em trong đoàn. Anh có nghi cho tôi là “Bình Định để cao Bình Định” thì anh hãy đi coi một đêm cho biết.

Tôi đi theo các bạn đến rạp Cộng Hòa đường Trần Cao Vân. Đêm hát nhằm đêm 19 tháng 8 là một đêm “húy” đêm “ky” thế mà khán giả đông đến nỗi phải chen chân.

Tường rạp thấp, ghé ngồi sắp chặt cả lối đi, người chen nhau như cá hộp. Lại không có quạt máy, quạt trần, nức toát mồ hôi hột. Nếu không “nghiện nặng” chắc không ai nỡ hy sinh những ngọn gió biển, đem trăng để vào nơi nóng nức chen lấn này.

Rồi màn mở. Sân khấu trang trí nghèo nàn nhưng ấm cúng. Tiếng trống châu, trống chiến vang dội và đào kép lần lượt ra trình diễn trong những bộ y phục đã “dạn dày sương gió”.

Một ông bạn nói:

– Hình thức kém quá!

Một ông khác đáp:

– Chúng ta đi xem hát là đi xem nghệ thuật hát chứ đâu phải đi xem màu phong và áo quần bạn hát. Ngày xưa đồ trang trí sân khấu chỉ có tấm màn vải thùng và một chiếc hòm. Áo, mào, cân, đai cũng chỉ là những đồ xoàng xĩnh mà giá trị nghệ thuật có phải vì thế mà giảm sút đâu?

Tôi tán đồng lời ông bạn và lời ông bạn đã được chứng minh. Các vai tuồng lần lượt ra biểu diễn. Đào cũng như kép đều nỗ lực trở tài.

Văn chương tưởng đã hay mà tài biểu diễn của đào kép lại già dặn, cuốn hút toàn thể khán giả say mê theo dõi. Rạp tuy đông mà không ồn, tiếng trống chầu giòn tan và tiền thưởng bay như bướm bướm. Có nhiều đoạn tuyệt hay như trong hồi một: Khi được lệnh gia hình, Trịnh Ân nổi giận muốn vào Long Các để giáp mặt Triệu Khuôn Dã, bọn hoạn quan cản lại và nhắc câu: “Quân xử thần tử” Trịnh Ân liền hạ khí, chịu để cho đao phủ dẫn ra pháp trường. Nửa đường Trịnh Ân cản lại để hỏi cho biết tội trạng của cha. Với những câu phú lục, Trịnh Ân bảo cho con biết rằng mình vô tội chỉ vì vua bảo chết nên phải chết mà thôi.

- Phụ xử tử vong, tử hý tử mạc vong, phi tử đạo.

Quân sai thần phụng, thần tham sanh bất phụng, thị bất trung.

Trịnh Ân đáp:

Cha dạy như vậy chắc cha đã quên câu: Quân bất minh, thần dân tha quốc. Phụ bất tử, tử biệt thâm thương.

(Nam) Đem thân bù đắp nước nhà

Công danh chưa toại nay đã mang vong.

Hồi này Hoàng Chính trong vai Trịnh Ân đã lột hết tinh thần, từ điệu đến bộ thật đã lên đến điệu xứ. Trong vai Trịnh Ân một cô đào đã xuất thần biểu diễn thật hay khiến đoàn tuồng hoàn mỹ từ đầu đến cuối.

Đến hồi hai: Khuôn Dã tỉnh rượu mới hay Cao Hoài Đức hỏi trào một cách bất ngờ, không chiếu triệu. Hoài Đức hỏi duyên cớ giết Trịnh Ân, Khuôn Dã ngơ ngác. Biết rằng Khuôn Dã ngộ sự Hoài Đức liền áp phủ Khuôn Dã phóng chỉ tha Trịnh Ân. Quân vừa cầm chiếu ra đi thì Hàn Phụng đã ôm đầu Trịnh Ân vào dâng cho i Khuôn Dã. Khuôn Dã thất kinh chết điếng, khi tỉnh lại than:

Ai xui huynh đệ tương tàn

Mất sa máu lệ mơ màng hồn ba

Cao Hoài Đức than:

Công ai gây dựng san hà

(Tội anh dấy, trong khi các anh hý thỏ mã tỵ nạn, ai bán từng giọt dầu rái để nuôi anh rồi đến nay)

Nghĩa chia bao nỗi tình xa đoạn đành.

Hồi này Long Trọng trong vai Hoài Đức, Tư Cá trong vai Khuôn Dẫu đã vận dụng hết tuổi nghề, xuất thần trình diễn làm cho toàn thể khán giả phải bồi hồi, thốn thức hoặc hậm hực nòn nao theo từng giọng điệu.

Rồi đến đoạn Đào Tam Xuân vợ Trịnh Ân hỏi trào vắn tội. Đào Thu An đã lột hết vai tuồng mình đóng. Với giọng hát cao và thanh, với dáng điệu oai nghi và đầy phần nộ đã làm cho khán giả khi thì náo ruột, khi thì cảm hờn tuồng chùng chính mình là người trong cuộc.

Các vai khác trong các đoạn khác, đoạn nào vai nào cũng có nhiều điểm đáng khen ngợi. Hát vắn, một ông bạn hỏi tôi:

– Sao? Còn chê “nhảy cóc nhảy nhái” nữa không?

Tôi nửa vui nửa buồn đáp:

– Thiếu thốn đủ mọi mặt mà hát hay được như thế thì nếu được nâng đỡ, được bồi dưỡng thì nghệ thuật sẽ lên cao đến bậc nào!

Khán giả ra về bàn tán xôn xao.

– Hôm nay hát thật hay. Vai nào cũng đặc sắc, thật là thuần túy hát bội chứ không pha bữa như thường khi.

– Tại vỡ tuồng xưa.

– Không phải đâu. Tôi cho là vì hôm nay nhìn xuống các hàng ghế anh chị em đào kép thấy có nhiều nhà trí thức trong tình đến xem nên cố gắng.

– Cũng phải, chớ hát cho khô hơi khản tiếng, điệu bộ cho thật khéo thật đẹp mà không có người chịu khó thưởng thức thì cố công gắng sức để làm gì?

Một bà lão trầu xoáy áo vải nghe nói lấy khăn lau mép rồi bảo:

– Bộ các ông tưởng chỉ có các nhà trí thức mới biết xem hát à? Mà ai là trí thức? Nếu quả thật có các nhà trí thức thì môn hát bội là một môn nghệ thuật thuần túy Việt Nam sẽ được họ quý trọng, lo tô bồi cho mỗi ngày một thêm tốt đẹp, phải lo gìn giữ cho khỏi bị tiêu diệt vì những cái ngoại lai. Những người mà các ông bảo là trí thức đó có ai nghĩ đến việc bảo tồn và lo bảo tồn nghệ thuật hát bội chẳng?

Thấy bà lão nói thì quê mùa mà ăn nói sắc sảo ai nấy đều ngạc nhiên đứng im lặng. Bà lão nói tiếp:

– Bảo tồn nghệ thuật hát bội là chúng ta, đám bình dân ít học ít tiền. Nếu không có chúng ta thì anh em nghệ sĩ lấy gì mà sống. Còn các ông gọi là trí thức kia năm thừa mười thì mới đi một bữa hoặc nếu có đi thì

đi giấy mời. Anh em nghệ sĩ nhờ gì được nơi các ông ấy. Về mặt nghệ thuật chúng ta đây dốt nát thật song nhờ kinh nghiệm, nhờ ông cha ta ngày xưa truyền giọng chắc chi không rành điệu bộ bằng các nhà mệnh danh là trí thức kia. Nếu không phải vậy, sao các ông lại phê phán một cách xác đáng là “đêm nay hát hay hơn các đêm khác” và tôi lại biết được là các ông phê bình đúng.

Bà lão nói thật chí lý, về nhà tôi tự nghĩ:

Hát bội là bộ môn ca kịch vừa bình dân vừa bác học, đượm màu sắc dân tộc Việt Nam. Đó là nghệ thuật cổ điển của nước nhà.

Nước Nhật là một nước tiến bộ hơn nước ta, tân nhạc của họ được cả thế giới tán thưởng. Thế mà họ vẫn quý trọng, giữ gìn các môn kịch cổ truyền của họ, những nghệ sĩ cổ điển vẫn giữ địa vị cao sang trong kịch trường và ngoài xã hội. Còn ở xứ ta, mới chưa theo kịp người mà mà cũ thì đã bị phủ phàng. Anh chị em nghệ sĩ như anh chị em trong đoàn tuồng Thống Nhất “đêm đêm tắm mồ hôi, khô nước bọt” mà chỉ đủ cơm mắm ngày hai ! Quả như lời bà lão nói: “ Nếu không có đám bình dân còn ưa thích cái hay cái đẹp của ông cha truyền lại thì hát bội đâu còn được nuôi sống đến ngày nay. Phải chi nghệ thuật hát bội không ra gì và anh chị em nghệ sĩ kém tài nghệ diễn xuất cho cam. Huống hồ các bản tuồng cổ văn chương đã hay, cách dàn xếp thứ lớp đã khéo và các đào kép có tài có học thì nghệ thuật hát bội có giá trị cao. Sở dĩ các cuộc biểu diễn không ra gì chỉ vì các nghệ sĩ không được bồi dưỡng xứng đáng, không được khuyến khích, đề cao và sống trong một hoàn cảnh thiếu thốn về vật chất cũng như tinh thần.

Với đào kép như đào kép Thống Nhất Bình Định nếu được chính quyền và giới trí thức nâng đỡ về mặt tinh thần, các vị hào phú ủng hộ về mặt vật chất thì hát bội sẽ được phục hưng một cách dễ dàng. Một khi đã được chấn chỉnh lại rồi thì với sự tiến bộ của kỹ thuật kịch trường, hát bội sẽ có một sắc thái mới làm tăng giá trị cổ hữu bội phần.

Người hữu tâm đối với nghệ thuật cổ truyền của dân tộc không hiếm. Anh chị em đoàn hát bội “Thống Nhất Bình Định” ngoài kế sinh nhai, cố gắng trau dồi kỹ thuật. Biện Hòa bị đến hai lần chặt chân mà vẫn ôm giữ viên ngọc liên thành cho đến lúc gặp “Biết Ngọc” thì anh chị em cũng chớ nên nản lòng trước cảnh thiếu thốn tạm thời mà tôi tin là tạm thời vậy.

Q.T.

Trung thu năm 1966

2. Hát Bội Bình Định

Hát bội xuất phát tại Bình Định, do Đào Duy Từ biến chế lối hát chèo ở ngoài Bắc và lối hát ở địa phương bắt chước Chiêm Thành, mà tạo ra. Rồi mỗi đời mỗi phong phú thêm lên và đến đời Tự Đức, nhờ Đào Tấn, hát bội Bình Định lên đến tuyệt đỉnh, nghệ thuật cũng như văn chương. Những kép hát nổi danh đều ở thế hệ này. Những bốn tuồng còn để lại đều được các văn nhân tài tử tán thưởng.

Được hoan nghênh nhất là những bốn tuồng.

- Ngũ Hồ Bình Tây của cụ Tú Nguyễn Diêu ở Nhơn Ân.
- Hộ Sanh của cụ Đào Thụy Thạch, Đào Tấn nhuận. Trầm Hương, Tấn Dã, Cổ Thành, Hoàng Cầm.. của cụ Đào Tấn.
- Khuê các anh hùng, Sơn Hậu: Đây là tuồng thầy cổ...
- Hoang Phi Hổ. là những bốn tuồng cổ, cụ Đào tấn sửa lại đôi đoạn.
- Phụng Nghi Đình của cụ Tú Thám.
- Lưu Bình Dương Lễ của cụ tú Võ Kiêm.
- Mãi Tiều của cụ cử Huỳnh Bá Văn.
- Lý Phụng Đình (con vua Minh Mạng).

Đó là những bốn tuồng thường đem diễn.

Còn nhiều bốn khác rất hay, nhưng ít thông dụng vì hoặc khó hát, hoặc không đủ điều kiện như:

- Liệu Đố của cụ tú Nhơn Ân.
- Vạn Bửu Trình Tường, Quân Trán Hiến Thoại, Tứ Quốc Lai Vương của cụ Đào Tấn.

Ngoài những tác phẩm của Bình Định thượng dẫn, bạn hát cũng thường dùng những bốn tuồng có tiếng của các tỉnh Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Thừa Thiên.

Ngày xưa không có trường hát. Những đám hát thường tổ chức nơi sân đình, miếu, đền, từ...hoặc nơi các tư gia. Bạn hát được rước đến. Rạp đã được người đứng tổ chức cất sẵn, hát xong thì dỡ.

Sân khấu rất đơn sơ. Ngoài những câu liễn ở trước, tấm ngai môn ở trên, bên trong chỉ treo một tấm màn vải (thường là vải thừng) che khuất hậu trường, chớ không có phông, có cảnh chi cả.

Người đến xem không quan tâm đến đồ trần thiết, cũng không để ý đến đồ trang sức của bạn hát. Bao nhiêu tai mắt đều dồn vào câu tuồng, giọng hát và điệu bộ của đào, kép. Bởi vậy, chẳng những hát đúng nhịp, đúng cách, đúng điệu mà thôi, Đào, Kép phải rống lộn cho hết tinh thần của câu tuồng, của vở tuồng, bằng giọng, bằng hơi, bằng điệu bộ. Ngón ngữ, cử chỉ hành động của nhân vật biểu diễn đã đúng rồi, còn phải làm thế nào, trong khung cảnh “không có gì hết” khán giả thấy hiển hiện ra trước mắt, quang cảnh mô tả trong câu hát, trong vở tuồng. Như thế là hát hay.

Sau này những màn, những phòng....những áo xiêm rực rỡ, làm cho các ca công bớt nhọc sức về điệu bộ. Những cảnh núi sông, những cảnh lâu đài, hoa cỏ..... đã vẽ sẵn rồi, việc diễn tả không còn cần thiết lắm để làm nổi bật tình tứ trong văn chương.

Tuồng thì khác nhau. Nhưng đám hát nào cũng phải bế mạc bằng một màn “Tôn vương”, nhiều khi không liên quan chi đến vở tuồng diễn xuất cả. Màn “Tôn vương” bày ra để chúc tụng Triều Đình và cầu cho làng xóm, hoặc gia chủ gặp được nhiều may mắn. Cuối cùng, hát một câu hát vãn:

Ngũ sắc tường vân khai Bắc khuyết,
Nhứt bồi thọ tửu chúc Nam san.

Hoặc:

Rày mừng hải yến hà thanh,
Nhân dân an lạc thái bình âu ca

Còn trả tiền bạn hát có hai cách:

Một là hóa bao nhiêu đó có chừng. Hát hay càng tốt, hát dở cũng huê.

Hai là hát thương. Hay thường nhiều, dở thường ít.

Cách thứ hai thông dụng nhất, thường thường dùng thê, đôi nơi không sẵn thê mới thường tiền, cột từng xâu nhỏ cho khỏi văng mất. Trọng tài là người cầm chầu, hễ hát hay thì đánh trống thưởng rồi thường tiếp tiền đựng ở nơi mâm thau ở trước mặt. Tiền nhiều hay ít đều theo số tiếng trống chầu, nếu hát vừa đúng cách, hoặc hay vừa vừa thì chỉ thưởng trống mà thôi. Còn hát sai tuồng hoặc lỗi điệu, thì gõ tang... Người cầm chầu phải người có uy tín và rành điệu thì bạn hát mới kiên sợ, chủ nhà mới kính nể, đám hát mới được tốt đẹp vui vầy. Nhưng đâu phải nơi nào, lúc

nào cũng có người đủ tư cách. Nhiều khi có uy tín và không rành điệu cho lắm, sự thưởng phạt sẽ bất công. Còn rành điệu mà không uy tín thì sự thưởng phạt có công cho mấy, đối với chủ nhà cũng như bạn hát, đều kém giá trị. Bởi vậy trong mười đám có đến sáu bảy đám xảy ra những chuyện mịch lòng giữa bạn hát và người cầm chầu, hoặc giữa chủ nhà và người cầm chầu: thưởng ít thì bạn hát “sực” (tức là bất mãn), thưởng nhiều thì chủ nhà “sực”. Lắm khi người cầm chầu bị quăng đá ném đất lỗ đầu chảy máu! Thế mà nhiều người ưa cầm chầu lắm. Một nhà nho ở Phú Phong (Bình Khê) là NGUYỄN DẬT, có bài thơ “Cầm Chầu” rằng:

Ông cha thuở trước tội gì đâu
Con cháu sanh ra muốn đánh chầu.
Nghinh mặt lì lì ngồi phản ngựa,
Hươi tay lia lịa đập da trâu.
Múa hay nhảy lẹ ùm ba tiếng,
Ngọt giọng ngon hơi ném một xâu.
Bóp lắm vãi nhiều sao cũng sực,
Chủ nhà, bạn hát: đất loi đầu.

Người Bình Định rất ưa coi hát bội. Mỗi lần có đám hát dù xa mấy, lắm người cũng rủ nhau đi. Có người bị cha mẹ hoặc chồng cấm, cũng lén đi:

Nhưng Đông đông Lý Phụng Đình,
Dù chồng có đánh thì mình cũng đi.

Thích thì thích, nhưng lại không muốn con cháu hát bội:

Trồng trâu thả lợn dây tiêu
Con theo hát bội mẹ liều con hư.

Cha mẹ không ưng, nhưng nhiều khi con cháu muốn thì vẫn cứ trốn theo:

Mẹ ơi đừng đánh con đau
Để con theo hát làm đào mẹ coi.

Nhờ vậy mà hát bội vẫn tồn tại đến ngày nay.

Nhưng nghề gì cũng thế, hễ đã lên đến cực điểm rồi thì phải xuống. Hát bội không tránh khỏi lệ chung. Cảnh “Hoàng kim” thời Tự Đức, Thành Thái (1847 – 1907) xế bóng lặn lặn. Đến khi “Hát Cải lương” xuất hiện với vẻ rực rỡ của đồ trần thiết đồ trang sức, thì khán giả “ưa mới nới cũ”. Tiếp đến ca kịch, Tân nhạc....

cùng với Cái Lương thu hút hầu hết khách mua vui, nhất là phái trẻ mỗi ngày mỗi đông đúc. Không được nâng đỡ, khuyến khích, hát bội mỗi ngày mỗi sa sút thêm. Hiện nay hát bội Bình Định đương ở trong cảnh hoàng hôn. Ánh điều tia sáng chỉ còn thấp thoáng trên mặt nước đầu non.

Hát bội là một môn ca kịch thuần túy Việt Nam. Đứng trước cảnh “Cụm mây tàn bóng nhạt xa xa”, người hữu tâm không khỏi hồi hồi ảo não!

(Trích Nước non Bình Định)

3. Tuồng hát

Cụ tú Nguyễn Khuê và hai ông Nguyễn Thúc Mân, Nguyễn Quý Luân không sở trường về tuồng hát. Chỉ có ông Nguyễn Bá Luân và ông Nguyễn Trọng Trì, sau ngày khởi nghĩa chống Pháp (1885 – 1887) đi lánh nạn về, có soạn một số tuồng để gửi gắm nỗi lòng và để mua vui ngày tháng. Nhưng tuồng của hai ông không được phổ biến. Vì đối với bạn hát, thì khó hát, đối với người xem lại không lôi cuốn được lòng ham mê.

Khi cụ Đào Tấn về hưu ở Vinh Thạnh (1904 – 1907), hai ông đem tác phẩm của mình đến xin chỉ giáo. Cụ Đào thành thật nói:

– Văn chương thật giá trị. Song để đọc thì được chứ đem ra diễn không được vì thiếu kỹ thuật sân khấu; vì tuồng không nhập điệu. Muốn có một bốn hay thì chỗ mau chỗ chậm đoạn ngắn đoạn dài, phải cân xứng thanh điệu, âm vận phải hòa hợp bội, ca, xướng tương ứng, tương xứng, tương tùy...

Rồi những lúc gặp nhau, hai ông cầu học thêm nơi cụ Đào những cái hay cái khó cái mới lạ trong phép soạn tuồng. Hai ông trình cho cụ vài bản tuồng mới soạn. Cụ nói:

– Hai ông là hai nhà chí sĩ, tánh tình khảng khái cho nên trong tuồng của hai ông nhiều cương ít nhu. Tuồng đem ra diễn thì gợn gàng dễ hiểu, song khô khan. Xem xong ra về, người xem không mang theo nhiều dư âm dư vị. Hai ông nên để dành tài lỗi lạc của mình cho thi ca.

Hai ông theo lời.

Tuy vậy ông Nguyễn Trọng Trì vẫn nổi tiếng về tuồng hát và còn lưu thế hai bốn tuồng được các gánh hát thời Pháp thuộc thường dùng. Đó là tuồng Phụng Hoàng Anh và Lý Phụng Đình.

Hai vợ tuồng này thật ra là hai vợ tuồng cổ được ông Nghè nhuận sắc. Phụng Hoàng Anh là một vợ tuồng cương. Còn tuồng Lý Phụng Đình là một bốn tuồng cổ có ba hồi, ông Nghè nhuận chính hồi thứ nhất thành một vở độc lập.

Vở Lý Phụng Đình nhuận chính rất được khách mộ điệu hoan nghênh. Bình Định có câu:

Nhưng Đồng đóng Lý Phụng Đình
Dù chồng có đánh thì mình cũng đi

Và truyền rằng vì mê anh kép đóng Lý Phụng Đình mà một người con gái của Nguyễn Thân đã bị cha giết trong buổi hát.

Cốt tuồng đại khái như thế này:

Lý Phụng Đình là một tráng sĩ trẻ đẹp, mồ côi sớm, nhà nghèo, được một hươu quan là Thiện Hầu đem về nuôi. Thiện Hầu có người con gái tuyệt sắc. Một con thủy quái mê dung nhan Loan Dung, giả dạng Lý Phụng Đình, đương đêm đến phòng Loan Dung trêu ghẹo. Loan Dung cự tuyệt. Thủy quái bỏ đi. Loan Dung đến mách cùng cha, Thiện Hầu biết rõ tánh tình của Lý, đoán chắc là có sự hiểu lầm, bèn bảo con gái đến nơi phòng học của Lý để “trắc nghiệm”. Theo lời cha dạy Loan Dung buông lời tình tứ cùng Phụng Đình. Phụng Đình ban đầu đem lời phải trái ra nói sau thấy Loan Dung không chịu buông tha, liền xẵng giọng trách cứ. Thiện Hầu rình bên ngoài, thấy rõ đầu đuôi liền vào “giảng hoà”. Cha con Thiện Hầu vừa ra về thì thủy quái trở lại nuốt sống con thể nữ của Loan Dung và cướp Loan Dung đem về thủy phủ. Phụng Đình hay tin chạy đến giết chết thủy quái và cứu được Loan Dung. Thiện Hầu sai mổ ruột thủy quái – một con cá cực kỳ to lớn tu luyện đã nghìn năm sắp được hóa rồng – thấy thấy con thể nữ và đòi bảo kiếm thư hùng. Thiện Hầu bèn tặng cặp bảo kiếm và gả Loan Dung cho Phụng Đình.

Câu chuyện hoàn toàn hư cấu.

Văn chương trong bản cũ có phần kém bản nhuận sắc của ông Nghè. Trong bản cũ lại không có hát Nam. Do đó bản ông Nghè được hoan nghênh, và được hàng mộ điệu xem như sáng tác của ông Nghè. Bản cũ bị quên hẳn.

Xin trích một đoạn trong bản tuồng nhuận sắc của ông Nghè:

Đoạn Loan Dung cùng thể nữ đi chơi xuân, Loan Dung ngâm:

Kinh phong nhược thất trường như liễu
Khiếp võ phương tâm chính tợ hoa
Uyển chuyển chỉ dung oanh tác bạn
Điền cuồng khắng hứa điệp tương qua

Hữu viết:

Xuất đỉnh thật danh gia.
Thiếp Loan Dung biểu tự.

Như tôi:

Son phấn lòng hàng gìn giữ
Đá vàng dạ chẳng sai ngoa
Dám học đời Trung Vĩ thói tà
Nguyên theo đời Dã Bò tiết chánh
Thơ hồng điệp biết đâu tiền định
Mối xích thằng phó mặc lương duyên
Khuê môn phận gái phải ưu cần
Băng tuyết thói nhà thời thường nhất.
Tú chúc hốt phùng chánh nhật
Phương phi chính thị giai thời.

(các con) Muốn một phen cho toại tâm hoài,

(phải) Loan vậy bạn vui cùng cảnh vật.

Nam xướng:

Vậy bạn vui cùng cảnh vật
Chỉ đậm hờ ruối bước tầm xuân
Tùy nhi bắc xướng:
Lượng hoa điệp ý thiên khí khách
Đắc thủy ngư tình bất phạ nhân.
Loan Dung nam xướng:
Tình này nghĩa nợ khôn ngần
Non cao hoa thắm nội bằng cỏ xanh

Tùy nhi bắc xướng:

Đông tây khứ lộ hoàn đại lộ
Nam bắc trường đình phục đoán đình
Loan Dung nam xướng:
Quốc gia gặp hội thái bình
Ngâm câu phù dĩ thỏa tình nhân du

Hựu viết:

Cầm hoa về trăm màu
Thủy thảo thêu một bức
Lửa hồng hạnh, soi đường rật rật
Khói bích đào lấp nẻo mờ mờ
Ngưng màu vạn tượng thanh u!
Nhập nhân bách bang minh my
Tương chiếu cảnh tình ngẫu nhi
Hứng hoài cú vịnh phiêu nhiên

Ngâm:

Nhất giám phương đường thảo đới yên
Thủy quan vân ảnh lương tiên kiên
Tự gia mặc hội kỳ trung thú
Tâm đắc minh giao hương biệt truyền

Hựu viết:

Cảnh dương quan mắt vẫn (còn) ưa nhìn,
(nhưng) Vắng hồng nhật bóng đà ném xế.
(Tùy nhi! Chừ thời) Giữ ngả hảo hòa quần phản lý.
Cụ đồ tức tốc biệt bôn ba.

Bắc xương:

Tịch dương sơn ngoại nguyệt tà tà
Chung mã phi hồi đới lạc hà
Vãng tất hữu lai khan tạo vật
Hàn mai tương tận kiến xuân la.

Đọc một đoạn nhỏ cũng có thể đoán biết được giá trị toàn bản tuồng Lý Phụng Đình. Quả như lời cụ Đào Tấn nói: “Nhiều cương ít nhu”.

Cương là gọn gàng ít tình tiết
Nhu là rườm rà nhiều tình tiết.

Văn chương thanh lão. Song chỉ hai thầy trò hát qua hát lại với nhau những câu Nam câu Khách thiếu hương tán xen lẫn, chẳng khác một nhánh hoa chỉ có cọng và hoa, thiếu lá. Còn trên sân khấu chỉ có hai nhân vật, giọng điệu dù hay đến đâu, bộ tịch dù

khéo đến đâu cũng vẫn thấy khô khan, vẫn thấy “nguội” không hấp dẫn.

Các đoạn khác cũng thế.

Nhưng bốn tuồng được nhiều người ưa thích, nhất là phái phụ nữ, là nhờ kép đóng vai Lý Phụng Đình. Người kép phải đẹp trai và có tài biểu diễn, nhất là tài biểu diễn một mình đóng hai vai, một vai Lý Phụng Đình thật và một vai Lý Phụng Đình giả. Giả và thật khác hẳn nhau từ cử chỉ đến ngôn ngữ, thái độ giả, thiệt “lộn sòng” làm cho người xem phải hồi hộp.

Vai Lý Phụng Đình rất khó đóng cho nên ít gánh hát dám diễn tuồng Lý Phụng Đình mặc dù “rất ăn khách”.

(Trích Họ Nguyễn thôn Vân Sơn)

4. Ma đòi xem hát bội Bình Định

Truyền rằng từ ngày giặc Pháp đánh thành Diên Khánh, ngoài một số chiến sĩ ra lương dân trong thành nhiều người bị thiệt mạng. Oan hồn không tiêu, hóa thành ma quái. Những đêm thanh gió mát, người ta thường trông thấy bóng ma đi thò thẩn chung quanh dinh trại và hành cung. Có lắm người bị vương vẩy, phải cúng kính mới nạn khỏi tai qua. Hay quây phá nhất là ba nữ quái, tục gọi là Ba Cò. Ba Cò, cô nào cũng trẻ cũng đẹp, nhiều khi hiện hình cả lúc ban ngày và nói cười như người sống. Những chàng trai trẻ không biết, có điều bất kính, thường bị bắt đau ốm có khi đến đến điên cuồng.

Quan tỉnh lo sợ, lập một cái am nhỏ ở trước dinh thờ phụng. Từ ấy bớt tác quái và ai cầu gì cũng linh ứng.

Am ấy tục gọi là am Cô. Thời Pháp thuộc, tất cả các quan đầu tỉnh đều tổ lòng cung kính. Khói hương không mấy lúc tàn.

Dưới triều Duy Tân (1907 – 1916) xảy ra một chuyện khó tin rằng có kho ngờ rằng không.

Thời bấy giờ cụ Đào Phan Duân, đậu Phó bảng, người Bình Định, ngồi Tuần Vũ. Nhân ngày Quốc Khánh mừng 2 tháng 5 (Gia Long phục quốc) cụ rước ban hát Bình Định vào hát mừng. Các kép nổi danh trong tỉnh đều có mặt. Cầm đầu toàn ban là Bát Phàn, Cửu Khi và Chánh ca Đưng.

Ngày mồng 2 sau khi bái mạng ở hành cung rồi, thì khởi sự hát cho đến xế. Buổi chiều bạn hát nghỉ để dưỡng sức hát buổi tối.

Đèn vừa đỏ, trong dinh Tuần Vũ các quan cùng thân hào nhân sĩ lo vào tiệc để rồi đi xem hát cho sớm. Ngoài rạp, đào, kép đã về mặt bận áo xong xuôi, ngồi đợi các quan ra khai mạc.

Bát Phàn, Chánh ca Đụng và Cửu Khi đương ngồi uống nước dưới trang tổ, chợt thấy ba người thiếu nữ ăn mặc theo kiểu thành thị và toàn đồ trắng, má phấn môi son, đầu trần, tóc bỏ xỏa, vệt màn bước vào, tươi cười nói:

– Lũ bay ra làm tuồng cho chị em ta coi. Khi sáng mắc đi vắng không được thưởng thức tài nghệ Bình Định.

Mọi người đều tưởng là người trong dinh. Bát Phàn đáp:

– Chúng tôi không được lệnh, nếu quý cô muốn xem sớm thì vào xin phép cụ.

– Lũ bay vào xin đi.

– Chúng tôi không dám.

– Chị em ta cũng không dám.

Nói rồi biến mất. Chừng ấy mới biết là ma.

Thấy trước dinh Tuần Vũ có am thờ. Anh em nghệ sĩ hỏi ra hay đó là Ba Cô thờ trong am. Ai nấy đều thất kinh.

Câu chuyện ma đòi xem hát bội Bình Định, Do ông Thọ Nguyên, môn đệ thân tín cụ Đào Phan Duân được chính cụ Đào thuật lại. Chuyện có vẻ liêu trai, song cụ Đào là bậc túc nho, tuổi cao đức trọng nên lời của cụ không thể nghi ngờ được.

(Trích Xứ Trầm Hương)

5. Ma và tuồng Trầm Hương

Dưới triều Khải Định (1916 – 1925) ở Bình Định có một kép hát tên Cai Tư, đóng vai Đắc Kỷ tuyệt diệu. Xuất sắc nhất là đoạn Đắc Kỷ bị Hồ ly tinh hớp hồn và mượn xác. Khi bị hớp hồn thì thân Đắc Kỷ mềm như không xương sống và mặt nhợt nhạt như người chết trôi. Nhưng khi Hồ ly đã nhập vào xác Đắc Kỷ rồi thì vụt một cái toàn thân trở lại lạnh lẽo một cách dịu dàng nhịp nhàng và nét mặt trở lại hồng hào, đôi mắt sáng trưng như gương bén.

Một hôm quan huyện Bình Khê lỵ sở lúc bấy giờ đóng ở Gò Sắt thuộc làng Trinh Tường (phía tây Phú Phong) tổ chức hát tuồng Trầm Hương (Trụ Vương mê Đắc Kỷ). Cai Tư đóng vai Đắc Kỷ. Tuồng vẫn lúc nửa đêm. Cai tư xuống Phú Phong nghỉ. Đến trước lầu ông Tấn Sĩ có cây đa cổ thụ thì có chuyện lạ xảy ra.

Nguyên cây đa cổ thụ sống đã lâu đời. Gốc và rễ quây quần, doanh lộn như rắn như rồng uốn khúc và tàn như một cây long xanh vĩ đại chống giữa trời. Người ta đồn rằng có Hồ ly tinh ẩn náu.

Khi Cai Tư vừa đến gốc đa thì từ trong bóng cây đa xuất hiện một con tinh, đầu bù xù mặt vàng vện. Cai Tư vốn dạn gan và có võ nghệ nên không hoảng hốt. Tinh chặn đường nói: “Sao mày dám giả dạng tao”. Vừa nói vừa hươu quyền đánh. Cai Tư ra sức chống đỡ. Hai bên hỗn chiến cho đến gà gáy... Nghe tiếng gà tinh liền biến mất. Cai Tư về nhà sợ hãi thể không đóng vai Đắc Kỷ nữa. Và tuồng Trầm Hương từ ấy bạn hát ít đem ra diễn và có diễn cũng ít người đến xem.

(Trích Bông ngày qua)

6. Đào Duy Từ và Đào Tấn

Theo các bậc tiền bối tỉnh Bình Định thì hát bội do cụ Đào Duy Từ sáng chế, các tài tử đời sau cải tiến lần lần đến cụ Đào Tấn thì nghệ thuật cũng như văn chương lên đến tột đỉnh. Vì vậy bạn hát bội thờ cụ Đào Duy Từ làm tiền hiền và cụ Đào Tấn làm hậu hiền.

Nói đến cụ Đào Duy Từ và cụ Đào Tấn, tôi chợt nhớ đến một câu chuyện rất nên thơ:

Một người Bình Định họ Đào đến hỏi cụ Đào Tấn không biết cụ Đào Duy Từ có phải là vị sơ tổ họ Đào Bình Định chăng? Trước khi trả lời, cụ Đào xin kể chuyện Địch Thanh đời Tống, rằng:

Địch Thanh sau khi bình Tây nhung về được phong vương tước, Có người đem một bức cổ họa đến dâng và bẩm:

– Đây là di tượng của ngài Địch Nhân Kiệt, gia đình tôi truyền cho nhau đã ba đời nay. Tuy rằng gia bảo song tôi tự nghĩ vị trung thần đời Đường chắc là tiền nhân của vị trung thần đời Tống là ngài nên tôi xin đem đến dâng ngài để làm kỷ niệm.

Địch Thanh đứng dậy tạ từ:

– Nhận một vật gia bảo truyền thế của người, tôi thật không dám nhận. Còn bảo tôi là miếu duệ của ngài Định Nhân Kiệt thì tôi rất ngại. Bởi ngài là một bậc trung thần danh lưu thiên cổ, tài đức kiêm toàn. Còn tôi nhờ đức quân vương mà làm nên được đôi chút danh phận. Nếu quả tôi là cháu chất của ngài hẳn ngài buồn cho hậu duệ mình lắm lắm. Cho nên tôi cũng không dám nhận là hậu duệ của ngài.

Cụ Đào kể chuyện xong nói tiếp:

– Nghi tôi với ông đều họ Đào mà không biết có bà con với nhau chẳng, hướng hồ từ ngài Lộc Khê Hầu đến chúng ta đã gần 300 năm, thì làm sao biết được có phải hay không phải sơ tổ của họ Đào, mà người họ Đào hiện nay không làm nên được công nghiệp gì thì chỉ thêm làm cho ngài xấu hổ, như lời Định Thanh đã nói. Bằng ngài không phải sơ tổ họ Đào mà họ Đào lo tu thân lập công thì ngài cũng vui mừng rằng người Bình Định nói riêng, người Việt Nam nói chung, không đến nỗi tệ.

Thật là một bài điệp khúc không cần vần điệu mà ý vị như một bài thi bài ca.

Cụ Đào Duy Từ tuy là người Thanh Hóa nhưng con cháu đều ở Bình Định, hiện còn từ đường ở làng Tài Lương huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định. Đại Nam Nhất Thống Chí chép cụ vào hàng danh nhân Bình Định và từ trước đến giờ người Bình Định kính trọng và yêu quý cụ như các nhân vật tiền bối của địa phương.

(Trích Hương Vườn Cũ)

7. Nguyễn Diêu

Nguyễn Diêu người làng Nhơn Ân, phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định, tức xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Nghĩa Bình hiện thời. Nhà nghèo cha mất sớm, nhờ mẹ nuôi ăn học. Đậu tú tài khoa Canh Thân, năm Tự Đức thứ 13 (1860).

Lúc đi học, ở trọ nhà một phú ông làng Xuân Quơn (gần Qui Nhơn), ông giao tình cùng một người con gái phú ông. Sau khi thi đậu, ông xin mẹ đi cưới nàng. Bà mẹ coi tuổi không hợp nên không chịu, ông năn nỉ mấy cũng không được. Sau phải vâng lời mẹ đi cưới nơi khác. Nàng nghe tin thất tình nhảy xuống giếng tự tử. Lúc khám liệm người cha mới biết rằng nàng đã có thai. Ông hết sức đau khổ:

Ruột dương dao cắt chín chiều
Sương bay trước mặt gió hiu bên đàng
Mối duyên Chúc Nữ – Ngưu Lang
Cầu Ô đã bắt lại toan dứt cầu
Dùng dằng nghĩa trước tình sau
Giấy phiến dó buộc chuỗi sầu đây mang.

(Ngũ Hồ Bình Tây)

Cái chết của người yêu luôn luôn ám ảnh ông. Và mỗi lần ông vào trường thi thì thấy nàng hiện đến, tay bồng con, tóc tai quần áo ướt đầm đìa. Tâm thần ông sanh hoảng hốt, hoặc làm vấy mực vào quyển, hoặc viết phải chữ cấm bị phạm trường quy. Nên sau khoa Canh Thân, ông đi thi tiếp ba khoa nữa mà vẫn không trúng được cử nhân, mặc dù tài cao học rộng nổi tiếng khắp bốn tỉnh Nghĩa, Bình, Phú, Khánh là những tỉnh có học trò thi trường Bình Định. Chán việc thi cử, ông ở nhà mở trường dạy học. Môn đệ thành đạt rất nhiều như Đào Tấn là một.

Bên mình tuy có học trò có vợ con, yên vui đầm ấm., nhưng ông không gỡ nổi mối thương tâm. Để giải bớt ưu sầu ông soạn tuồng Ngũ Hồ Bình Tây, mượn Định Thanh thay mình, Trại Ba công chúa thay người yêu, nói lên những niềm đắng cay chất chứa, nói lên nỗi giằng co, xung đột giữa trung – hiếu – tình:

- Muốn cho trọn nghĩa quân thân
Thời phải dứt tình phu phụ
- Đã quyết lòng vì quốc,
Phải cam chữ vô tình.
- Chẳng phụ người chứng có trời xanh

Ghi dạ mổ đầu đem thối bạc
Thối bạc gỡ cho xong rồi
Cùng lo đền quốc trái quân ân
Gìn lòng hiếu tử trung thân
Giữa trời soi sáng một vầng trăng thu ...

Đó là những lời Định Thanh than thở khi vì mẹ bị vua nhà Tống bắt bỏ ngục, chàng phải trốn Trại Ba đem binh tướng đi bình Liêu. Và đó cũng là lòng của Nguyễn Diêu, sau khi vì hiếu mà “cam chữ vô tình”. Chẳng những than mà thôi, ông còn mượn lời Trại Ba trách mắng:

– Vô duyên thay chút phận đàn bà!
Bạc tình bấy cũng người quân tử!

Hình hài ai khí huyết ai (mà bỏ đi lo) Sự nghiệp ấy, công danh ấy?!

Trách mắng là trách mắng ông, chứ ông vẫn biết rằng người yêu không căm thù mẹ ông, nên ông đã “nhờ” Trại Ba nói cùng Địch Thanh:

Mẹ Tề như mẹ Tấn, lòng đó cũng lòng đây...
Dầu có chi cũng chẳng can chi!
Bởi thương lắm cho nên giận lắm.

Và lúc nào nàng (là Trại Ba, mà cũng là người yêu của ông Tu) cũng giữ một niềm thủy chung:

– Thờ chồng đạo muốn vuông tròn,
Dầu cho uống tuyết cũng son tám lòng.

Đó là lý trí chứ tâm thời:

Cực thân chàng thủy viễn thiên trường,
Khổ nổi thiệp vân mề dạ tịnh.
Dạ tịnh vân mề tứ cố,
Cảnh mờ hồ xuân thọ mộ vân.
Mai cốt cách tuyết tinh thần,
Hơi hương đã nhuộm bóng trăng lại mờ.
Chỉ miền cố quốc chân dò,
Ôm lòng ráng bước qua đò âm dương.

Trại Ba xa Địch Thanh chỉ xa trong một thời gian, xa rồi sẽ gần. Nhưng vì cái chết của người yêu ám ảnh, cái xa không bao giờ gần lại, đã được in sâu vào tâm khảm, nên tác giả thốt ra những lời tuyệt vọng, khí văn quá sức âm đạm thê lương! Nhất là câu:

– Chỉ miền cố quốc chân dò
Ôm lòng ráng bước qua đò âm dương.

“Cố quốc” đây là gì? Chẳng phải là “nơi tử quy” sao?

“Đò âm dương” là gì? Chẳng phải là “ranh giới” giữa chết và sống sao?

Lại câu nầy nữa cũng là lời của Trại Ba công chúa:

– Cẩn rằng đành ngậm chữ đoạn tràng;
Nhắm mắt lại chờ ngày tái hợp.

“Ngậm chữ đoạn tràng” có khác gì “ngậm cười chín suối”.

“Nhắm mắt lại” để “chờ ngày tái hợp”, có phải là chết đi để mong gặp ở kiếp sau?

Tác giả Ngũ Hồ Bình Tây, nếu không có những nỗi đau lòng thì không thể nào thốt ra những lời bi đát đến thế, mà cũng không nỡ nào “bắt” Trại Ba phải than những lời bi thương đến thế.

Cho nên Ngũ Hồ Bình Tây không phải soạn để mua vui cho thiên hạ, mà chính để ký thác tâm sự. Đó là “thốn tâm thiên cổ” như lời của Trần Tử Ngang.

Tổng Ngũ Hồ Bình Tây, sau được Đào Tấn dâng lên vua Tự Đức. Nhà vua khen là “tuyệt tác”. Nhân đó hỏi lý lịch của tác giả. Đào công tâu trình cặn kẽ. Nhà vua bảo soạn những bài thi hương bị đánh hỏng ra xem, thấy văn chương trang nhã uẩn súc, tài tiến sỹ hoàng giáp có dư, bèn ra lệnh cho thi khoa Hoàng tử. Nhưng lúc bấy giờ ông Tú đã già yếu, không đi thi được. Tuy vậy vẫn mang ơn tri ngộ, nhân lúc bấy giờ nhà vua có bảo Đào Tấn soạn một bốn tổng về ghen, ông tú bèn nhận làm thế để tỏ lòng tri ân. Ông để hết tâm vào việc soạn tổng. Tổng soạn xong, lấy tên là LIỆU ĐỐ. Dâng lên ngự lãm, vua Tự Đức khen là rất mực tài tình, ban thưởng cho mười nén vàng và ba cây lụa đậu tư. Bản tổng Liệu Đố hay thì hay thật, nhưng chỉ hay về mặt văn chương, còn về nghệ thuật sân khấu thì không bì kịp tổng Ngũ Hồ, vì văn chương quá “bác học” rất khó hát, cốt truyện lại không có gì đặc biệt, hát thấy người cho nên không được phổ biến nơi kịch trường.

Ngoài hai bốn tổng trên, NGUYỄN ĐIỀU còn để lại một bài phú “Hàn sỹ vịnh” và một số thơ thất luật, chữ Hán có chữ Nôm có (hiện còn không được nhiều).

NGUYỄN ĐIỀU là một nhân vật nổi danh ở Bình Định. Người Bình Định dù không thọ nghiệp cùng ông, vẫn coi ông như thầy. Nói đến ông từ trước đến giờ, người trong tỉnh không mấy khi gọi tên mà chỉ gọi “cụ tú Nhơn Ân”. Người ta kính trọng ông, chẳng những vì văn chương, mà còn vì đạo đức. Việc “phụ tình” được che khuất dưới bóng hiếu thảo đối với mẹ, khoan hòa, nhân hậu, tín nghĩa...đối với mọi người trong làng trong nước, công tác thành đạo dưỡng đối với môn sinh....trong quyển “DANH NHÂN BÌNH ĐỊNH” của Bùi Văn Lãng, xuất bản năm 1942 và quyển “NHÂN

VẬT BÌNH ĐỊNH” của Đặng Qui Định xuất bản năm 1971 có nói đến ông. Nhưng về sự nghiệp văn chương cũng như về thân thế của ông, hai quyển sách kia nói sơ lược quá, không tương xứng với một người có uy danh và có một tác phẩm tuồng Ngũ Hồ Bình Tây mà các nhà soạn tuồng xưa nay đều liệt vào hàng “tuồng thầy” về loại tuồng tình cảm

(Trích Hương Vườn cũ)

8. Đào Nhữ Tuyên

Ông Đào Nhữ Tuyên, con thứ cụ Đào Tấn, là một tay phong lưu tài tử. Hát bội hay, điệu hát rành. Đậu cử nhân được bổ làm tri huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi.

Vừa nhậm chức bữa hôm trước thì sáng hôm sau đã thấy hai bên trụ cổng huyện bốn chữ “HÁT HAY và HỌC DỐT” viết cân đối nhau. Lính vào bẩm, ông Đào mỉm cười rồi sai lấy bút mực ra viết thêm vào mỗi bên trụ năm chữ vừa thành hai vế đối vừa hợp cảnh vừa hợp tình:

Hát hay rõ kếp Qui Nhơn thật
Học dốt làm quan Quảng Nghĩa chơi.

Câu chuyện na ná với chuyện Án Bình Trọng, quan đại phu nước Tề sang sứ nước Sở. Bình Trọng thân vóc nhỏ bé nhưng tài trí xuất quần. Vua Sở trông thấy liền hỏi:

– Quái lạ! Người nước Tề không có ai hay sao mà lại sai đứa bé này đi sứ.

Bình Trọng đáp:

– Nước tôi có lệ: Người hiền sang nước hiền, người ngu sang nước ngu, người bé sang nước bé. Tôi thân phận hèn mọn nên được phụng mệnh sang quý quốc.

Chợt có ba bốn người vũ sĩ giải một tù nhân đi ngang qua đền vua. Sở vương hỏi:

– Tù nhân người nước nào? Phạm tội gì?

Vũ sĩ tâu:

– Người nước Tề, can vụ trộm.

Sở Vương mỉm cười hỏi Bình Trọng:

Dễ thường người nước Tề hay ăn trộm lắm sao?

Bình Trọng đáp:

- Tôi trộm nghe noi quýt ở xứ Giang Nam đem trồng sang xứ Giang Bắc thì dù ngọt mấy cũng hóa chua. Đó là tại phong thổ không giống nhau, nay người nước Tề khi ở Tề thì không ăn trộm mà lúc đến ngụ nước Sở thì lại ăn trộm. Đó cũng tại phong thổ cả. Sở Vương hối hận than:

- Ta tìm cách để làm nhục người, chẳng ngờ lại bị người làm nhục!

(Trích Hương Vườn cũ)

9. Nguyễn Trọng Trì

Văn chương của cụ Nguyễn Trọng Trì về bên Hán tự đã được cụ Huỳnh Thúc Kháng ca tụng trong tập Thi Từ Tùng Thoại. Ở đây chỉ xin giới thiệu một ít thi ca quốc âm. Và trước khi nói đến văn chương xin nói qua về thân thế của cụ.

Ở Bình Định các sĩ phu thường gọi cụ Nguyễn là cụ nghề Văn Sơn chứ ít khi gọi tên. Đó là do kính trọng bậc có tài có đức, có danh vọng cao.

Văn Sơn là tên làng của cụ.

Còn Nghề là tiếng tôn xưng những người được triều đình ban cho hàm Hàn lâm viện. Nguyên lúc trước Các của vua được gọi là nhà nghề. Các ông Đại khoa được đưa vào Các gần vua gọi là ông Nghề. Các ông Đại khoa ở Các khi mới vào làm thừa chỉ thừa báí và ở viện hàn lâm. Về sau không chỉ đại khoa mà cử nhân, người học giỏi cũng ở Các. Rồi lần lần mở rộng đến cả các thừa phái, thừa biện không cần ở Các, không khoa mục thậm chí đến cả những kẻ chạy chọt hàm Hàn lâm cũng được gọi là Nghề.

Cụ Văn Sơn được hàm Hàn lâm là vì cụ đậu cử nhân và có xuất sĩ. Cụ làm tư vụ cơ mật dưới quyền Tôn Thất Thuyết.

Tôn Thất Thuyết là người tàn bạo, những quan lại lớn nhỏ đều sợ khiếp vía, nhất là các quan hành tẩu, thường gọi là ông nghề, mỗi lần ôm trap công văn đến hầu chử là mỗi lần khổ tâm. Phải chầu chực cả buổi mới được vào hầu. Lắm lúc còn bị trách mắng thậm tệ. Cụ Văn Sơn cũng là một trong những vị quan bưng trap đi hầu chử nhưng được Tôn Thất Thuyết biệt đãi. Ông Thuyết biệt đãi cụ là vì cụ không sợ uy quyền, hể thấy việc trái là nói, nghe

lời trái là cãi, và ông Thuyết biết cù là người có tài, lại có tâm huyết. Ông Thuyết biết tài cù từ khi cù chưa vào ngạch quan lại.

Nguyên một hôm nhân trời mưa vua Tự Đức ra câu đối:

Thủy trích bích tường sanh Khổng tử

Nghĩa là: “Nước mái hiên nhỏ xuống thêm sanh những giọt nhỏ nhỏ không đứng yên”.

Đình thần không ai đối được. Không đối được là vì từ “khổng tử” vừa là những giọt nước nhỏ không đứng yên vừa là tên của đức thầy muôn đời.

Lúc bấy giờ cù Văn Sơn đang nằm nơi quán trọ chốn Thần Kinh để đợi bổ dụng. Nhân quen cùng người thân cận ông Thuyết nên biết được câu đối của nhà vua. Ngồi nhìn ra hồ sen trước quán, thấy lá biếc gió lay, cù cao hứng đối ngay câu đối vừa nghe đọc:

Phong xuy hà điệp kiến Nhan uyên.

Nghĩa là: “Gió thổi lá sen làm cho người trông thấy mặt ao”. Nhan uyên vừa là mặt ao vừa là tên một vị trong bảy mươi hai ông hiền môn đồ đức Khổng tử. Ai cũng khen là tài. Được một người có tài ở dưới quyền mình, ông Thuyết cũng rất lấy làm hãnh diện, cho nên đối với cù Văn Sơn có phần kiêng nể yếu vì. Tuy thế cù không cho là vinh. Cù có bài thơ tự trào:

ÔNG NGHÈ

Tro mặc thương thay mấy chú nghề
Biểu dùng bốn tợn biểu dùng khoe
Ngày hai cơm quán ăn qua bữa
Tháng một lương vua lãnh lấy lễ
Chỉ thăm đeo bài trông cũng lịch
Tráp sơn hầu chữ gấm mà ghê
Mặt dù lơ lảo quan trên quở
Cho nữa làm chơi chẳng nữa về.

Được ít lâu, kinh thành Huế thất thủ. Chê ông Thuyết là người ngu lỗ không đảm đương được việc lớn, cù bỏ về Bình Định cùng anh hùng Mai Xuân Thưởng ứng nghĩa Cần Vương.

Nghĩa binh Cần Vương bị bại, các võ tướng đều tuân tiết. Cù là văn quan được tha chết về sống một cuộc đời ẩn dật lấy thơ rượu, dạy học làm vui cùng ngày tàn.

Thơ quốc âm cũng như thơ Hán tự của cụ còn truyền được nhiều. Vì cụ có nhiều học trò thành đạt. Mỗi người nhớ một ít, tích thiếu thành đa.

Văn chương quốc âm của cụ rất thanh lão như bài “Ông nghề”. Cũng lắm bài hùng tráng. Như bài “Vịnh cây đa”, cặp trạng:

Chẳng cán tham thiên sao có một
Cũng tàn tuế nguyệt mới nên ba.

Bên cạnh những bài thơ “Tải đạo” như bài Vịnh Chử Trung, cũng có những bài thơ tình như: Gởi nhắn người tiểu tỉnh:

Nửa năm hơi tiếng mới vừa quen
Hương lửa bao đành phụ tác duyên
Kháng khí nợ đà mang lấy nợ
Đèo bồng duyên cũng nặng vì duyên
Tin xa khôn nhắn nhàn khôn thấu
Nước thăm thơ trông cá lống phiền
Tình có soi cùng hay chẳng nhẽ?
Mưa dầm ai bạc trách ai đen.

Nguyên cụ đã lớn tuổi mà chưa có con trai nên phải cưới tiểu tỉnh hầu mong khỏi mang cầu bất hiếu. Nhưng về ăn ở vừa được nửa năm thì đành phải kẻ nam người bắc bởi vì bà chính thất không có lượng bao dung. Bài thượng dẫn là thư cụ gởi cho người cũ.

Chân tình chan chứa!

Cụ là người giàu tình cảm và sống theo lý trí. Tuy tánh hiền ngang, lòng chính trực, cụ thường bị tình cảm lôi cuốn. Ví dụ:

Một hôm cụ đi chợ Tết, mình mặc chiếc áo đoạn của một người học trò cũ may tặng. Tình cờ cụ gặp người quả phụ của một người bạn đồng chí. Hỏi thăm gia thất biết rằng mẹ con sống trong cảnh bần hàn, cụ liền cởi chiếc áo đoạn:

– Chị hãy đem bán đi để sắm chút đỉnh gì cho lũ cháu.

Bà quả phụ chưa kịp ngỏ lời, cụ bỏ áo vào rổ bà ta, rồi vội vã đi thẳng, lưng phơi trần vì không mặc áo lót.

Thường cụ rất nghiêm, lắm khi nghiêm đến khác. Những môn đồ, nhiều người đã có địa vị trong xã hội mà rui có nhiều sơ xuất lọt vào tai mắt cụ thì nhất định là bị quở trách nếu là lỗi nhẹ và bị đánh đòn nếu là lỗi nặng. Một ông hương hào bị căng đánh trước sân đình

Phú Phong vì ham chơi tài bàn, ba vị tân khoa bị căng đánh tại chợ Vân Sơn vì ham xem hát quên giữ lễ phép.

Nghe những chuyện ấy, nhiều người tưởng rằng không bao giờ cụ cười cợt bông đùa. Sự thật, cụ không hay câu nệ và những khi không có điều bức tức trong lòng thì rất hiền từ vui vẻ. Để mua vui cụ thường làm thơ châm phúng hài hước. Song vui đùa chừng mực, chớ không bao giờ đi đến chỗ khinh bạc như Tú Xuất, Tú Xương. Xin trưng một bằng chứng:

KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG LÔNG

(Đi để vi vận).

Lẽ thường ắt có có sao không?
Trong đục mơ màng khổ nỗi chồng!
Gắn ước tiện nơi xa cũng ước
Sớm trông gặp hội muộn càng trông
Thẹn thùng hiên nguyệt người chào bóng
Mong mỏi vườn xuân khách bẻ bông
Ướm hỏi thể tình hay chẳng nhĩ.
Trông bông lông vậy nhớ bông lông.

Những thơ Đường luật của cụ hầu hết văn chương đều tao nhã như các bài thượng dẫn.

Tôi được đọc một số bài theo thể lục bát, song thất lục bát, ca trù... lời thơ cũng rất trôi chảy, óng chuốt. Rất tiếc hiện không có trong tay để đưa ra cho bạn đọc đồng lãm.

Ngoài ra cụ còn để lại hai bốn tướng hát bội là Lý Phụng Đình và Phụng Hoàng Anh. Về tướng Lý Phụng Đình thì được nhân gian rất ham mê, ưa thích. Bình Định có câu ca dao:

Nhưng Đông đóng Lý Phụng Đình,
Dù chồng có đánh thì mình cũng đi (đi coi).

(Trích Hương Vườn Cũ)

10. Võ Kiêm

Cụ Võ Kiêm người ở Hưng Trị huyện Phù Cát đậu tú tài triều Thành Thái. Là một vị túc nho và học Phật cùng Hòa Thượng Bích Liên có danh là cư sĩ Minh Tịnh.

Cư sĩ Minh Tịnh lúc thanh xuân là một tay phong lưu tài tử. Cho nên mặc dù quy y Tam Bảo tánh tình vẫn khoáng đạt hào

hoa. Tác phong trông có vẻ tiên hơn vẻ phật. Cho nên văn chương lúc già cũng như lúc trẻ không bị bệnh hữu thanh vô vận, hữu cán vô ba. Cư sĩ còn để lại:

– Một tập thi nhan là Minh Tịnh thi tập. Gồm trên 100 bài chữ Hán, trên 100 bài chữ Nôm.

Một bốn tuồng hát bội nhan là Lưu Bình – Dương Lễ. Tập tuồng này rất được tán thưởng.

Tuồng hát bội từ xưa đều dùng chữ Hán vào các câu hát khách, câu ngâm, câu bạch, câu thần... và thường diễn sự tích Trung Hoa. Tuồng Lưu Bình – Dương Lễ phá lệ: tất cả các lối đều dùng Quốc âm và diễn sự tích phổ thông của người Việt.

Tôi còn nhớ được bài thơ của Lưu Bình ngâm lúc bị Dương Lễ bạc đãi:

Bạn bè như thế thế thời thôi!
Ôm tấm lòng này ý ỷ ôi!
Sống thác đã thể chung giữ một
Sang hèn sao vội rẽ làm đôi
Tiếng đàn tri kỷ nghe sao vắng
Chén rượu đồng tâm lạt hẳn rồi
Miệng cắn răng cười, cười lại khóc
Bạn bè như thế thế thời thôi!

Cụ tú Võ Kiêm có người cháu họ là thầy tú Võ Trấp (1891–1951) cũng ở làng Hưng Trị. Thầy rất rành hát bội, thơ Nôm có một số bài thơ đăng trên tạp chí Từ Bi Âm (1932 –1938).

(Trích Hương Vườn Cũ)

11. Thơ Hàn luật trong tuồng hát bội

Thi hào Nguyễn Du để lại cho chúng ta tập Đoạn Trường Tân Thanh, một áng thơ lục bát quán tuyệt kim cổ và ba tập thơ chữ Hán: Thanh Hiên tiền hậu tập, Nam Trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục, gồm gần 250 bài Đường luật, cùng những bài văn tế, những bài song thất lục bát bằng quốc âm. Nhưng không có một bài Hàn luật nào cả!

Trạng nguyên về tuồng hát bội, Đào Tấn, để lại cho chúng ta, một kho tuồng Hán Nôm mà vua Tự Đức đã khen là thần kỳ và những tập thi từ khúc: Mộng Mai ngâm thảo, Mộng Mai thi tồn,

Mộng Mai từ lục, Mộng Mai văn sao... bằng chữ Hán. Nhưng chỉ còn lại ngoài nhân gian một bài Hàn luật làm lúc 54 tuổi:

Năm mươi bốn tuổi biết chi chưa?
Ngắm nghía mây râu cũng đã vừa
Chén rượu nhớ hoài người lớp trước
Cung đàn quên phút ngón ngày xưa
Mẹ già tám kỷ trông hôm sớm
Vua trẻ nhiều phen gọi móc mưa
Ngoảnh lại rào đông muôn dặm cách.
Cụm từng khóm trúc hãy còn thưa.

Văn chương thật là tao nhã. Phong cách của tao nhân hiện rõ trên nét bút. Gần đây nhân đọc tuồng Diễn Võ Đình của Đào Công, tôi được biết thêm một luật nữa:

Luồn chỉ thắm chấp tơ mảnh
Dóng thẳng đường ngay nhận nẻo quanh
Cúc trắng mai vàng thơ thới nhụy
Chim xanh lá đỏ ngẩn ngơ tình
Uyên ương lẻ bạn còn lơ lảo
Phỉ thúy chào duyên khéo rập rình
Dệt phụng thêu rồng tài đáng mấy
Dùng kim sững nhớ hẹn ba sinh.

Giàu hình ảnh, giàu âm nhạc, đọc nghe “ngọt lịm cả hàm răng” nhưng để thấu triệt tình ý trong thơ tuồng nên biết qua sự tích bốn tuồng.

Triệu Khánh Sanh hậu duệ Triệu Khuôn Dã bị triều đình nghe lời Bàng Hồng bắt tội, phải tìm đường lánh nạn. Khánh Sanh cải trang làm gái lấy tên là Bích Đào, đến nương nấu nơi nhà một công thần triều Tống là Vương Quý. Vương Quý thương yêu như con đẻ, cho theo con gái là Kiều Quang, học nữ công. Bài trên đây là lời của Triệu Bích Đào và Kiều Quang vừa thêu vừa ngâm.

Kiều Quang vô tình, Bích Đào hữu ý: “Đường ngay nẻo quanh” lộn lạo, mỗi tơ lòng quanh co lằng lịu có khác nào đường chỉ trên bức thêu. Muốn biết đâu là ý của Bích Đào, đâu là tình của Kiều Quang, chúng ta phải để lòng mình vào hai nhân vật ấy hoặc đi xem đào kép lành nghề biểu diễn nơi kịch trường.

Chỉ xem qua hai thiên thất ngôn bát cú trên, chúng ta cũng đủ thấy rằng thơ Luật của Đào công không kém gì thơ lục bát, chắc

Tiên Điền cũng thế. Nhưng thật không hiểu vì sao một vị ít sử dụng thơ Hàn luật, một vị lại hoàn toàn không để tâm?

Phải chỉ hai vị để lại cho hậu thế mỗi vị mười mười lăm thiên, thì vườn thơ Hàn luật được thêm hương thêm sắc biết bao nhiêu.

Rõ là: “được voi đòi tiên” thật không mấy khả ái, song không đến nỗi khả ố, nếu có đánh đòn vị tội tham lam thì tưởng nên đánh bằng cánh hoa thơm mới nở.

Nhân khúc ngâm trong Diển Võ Đình của Đào Tấn, xin nói qua điệu ngâm trong tuồng.

Trong tuồng cổ ngâm cũng như xướng thường dùng thơ chữ Hán. Rất ít khi dùng thơ Quốc âm. Phải chăng dùng thơ Quốc âm không du dương bằng thơ chữ Hán?. Hoặc vì các soạn giả đem hết tâm lực vào thơ lục bát và văn nói lối, chuyển ngòi bút sang thơ Hán luật có phần khó khăn? Chưa qua sông không dám đoán mò khúc cạn khúc sâu.

Ngâm mà dùng thơ Quốc âm tôi mới được thấy ở Diển Võ Đình là một và trong Lưu Bình – Dương Lễ của cụ tú Võ Kiêm là hai. Lưu Bình sau khi bị Dương Lễ hát hủi ra ngồi nơi Nghinh xuân quán ngâm:

Bạn bè như thế thế thời thời!
Ôm tấm lòng này ý ý ôi!
Sống thác đã nguyên chung giữ mật
Sang hèn sao vội rẽ làm đôi
Tiếng đàn tri kỷ quên đâu mất!
Chén rượu đồng tâm lạt hẳn rồi!
Miệng cười răng cười lại khóc
Bạn vàng mà lại bạc đường vui.

Thanh điệu dấu có nhượng Đường thi, ngâm lên thật du dương uyển chuyển. Nhưng thầy tú Võ Trấp chế câu kết non vì ý sáo, cách chơi chữ cũng quá thường, đề nghị dấu đuôi nhập một làm thể “thủ vĩ ngâm”. Cụ tú Võ Kiêm khen phải và sửa lại trong bốn tuồng.

Vào năm 1978 ông bạn Bửu Thù một người đã sưu tầm hàng trăm bốn tuồng cổ chép cho xem một bài thơ Hàn luật ở trong hồi thứ ba tuồng Ngũ Hồ Bình Liêu của cụ tú Nguyễn Diêu.

Ngồi những đợi đứng những trông
Nghĩa cao tình thắm với non sông
Thành Nam mất mỗi mây ngàn lớp

Viện Bắc sâu đưa gió nửa rèm
Đệt gấm thơ phong vì tuyết đóng
Trông chồng đá ố bởi sương lồng
Chuyện trò khó nói cùng mai liễu
Cái chữ thâm tình có có không?

Đó là lời ngâm của Trại Ba công chúa, bài này không thấy trong các vở tuồng lưu hành ở Bình Định.

Câu thứ 4 xuống vận “rèm” bị lạc vận. Ngờ rằng ông bạn chép lộn chữ “phòng” ra chữ “rèm”. “Viện Bắc sâu đưa gió nửa phòng” mới đúng vận. Tôi viết thư hỏi, bạn đáp rằng: Trong bản tuồng chữ Nôm chép rõ ràng chữ “liêm có nháy là chữ rèm”. Tam sao thất bổn chưa biết nguyên tác ra sao?

Trừ văn “rèm” còn ở trong nghi vấn bài thơ có đủ thanh, sắc, vị đủ sức truyền cảm sang lòng người, giữ hứng nơi lòng người: Một bài thơ cao giá.

Điệu hát bội cũng như thể thơ Đường luật, đã bị lỗi thời từ ngày người Việt Nam đua theo văn hóa Âu Mỹ, không còn mấy lắm người mộ điệu, không còn mấy lắm người biết quý những văn nghệ phẩm của ông cha để lại, thành ra nghệ thuật hát bội mỗi ngày một xuống thấp, những bốn tuồng cổ bằng Hán, Nôm phần nhiều chưa được phiên ra Quốc ngữ, chưa được xuất bản thành sách lớp bị nạn đổ ngư lớp bị nạn Tần Thủy Hoàng, hiện nay không còn sót được bao nhiêu. Thậm chí những bốn tuồng tàng trữ nơi thư viện Bảo Đại Huế như Vạn Bửu Trình Tường, Quân Trân Hiến Thoại, Quân Phương Tập Khánh..v..v.. là những bốn tuồng to lớn và đầy hoa gấm cũng bị ném cho thần Chúc Dung!.

Trong các bốn tuồng xưa thế nào cũng có, như Diễn Võ Đình, Lưu Bình – Dương Lễ, Ngũ Hồ Bình Liêu, những thiên Hàn luật có giá trị.

Nếu ra công tìm lại được những bốn tuồng cổ, tìm được phần nào hay phần nấy thì có lợi cho nền văn học Việt Nam nói chung, cho nền thơ Hàn luật nói riêng không phải ít.

(Trích Hứng Phấn Nang Hương)

II. QUÁCH TẠO

1. (Thư thứ I)

Hà Nội 31-7- 1982

Anh chị thân mến!

Nội dung tập Hứng Phần Nắng Hương, tôi đọc đi đọc lại, càng lâu càng thấy thú vị, càng thấy những nhận xét, đề xuất thú vị tinh vi cần cho người muốn học làm thơ, muốn thấm thía tình thơ, ý thơ, tứ thơ, muốn đánh giá một bài thơ đến mức nào. Tuy nói về thơ Đường luật nhưng lại cũng xác đúng với thơ nói chung...

... Tôi xin gửi theo đây một số tư liệu để anh bổ túc: về thơ Hàn luật trong tuồng hát bội:

Về ngâm, anh Dương Chi (chánh ca Đông) Mi, có mượn 4 câu cũ trong bài Vọng Phu II của anh để ngâm khi đóng Định Thanh ở Du Long dịch (bị bắt tội dày nơi Du Long dịch).

Bóng nhận chiều thu tê tái ruột
Giọng quên đêm hạ ngẩn ngơ hồn
Nỗi niềm ai biết, ai không biết?
Lơ lửng vầng trăng khuyết lại tròn.

Đó là 4 câu trong bài em Vọng Phu của anh khi còn sơ thảo, tôi đã dùng để nhờ Chánh ca Đông dạy ngâm. Chánh ca Đông ngâm, rồi truyền dạy thật là bì cảm làm tê tái lòng người nghe. Nhất là những chữ “tê tái ruột”, “ngẩn ngơ hồn”. Anh ấy ngâm nghe lạnh cả người mà lại hận cháy lòng. Đến 5 chữ “ai biết, ai không biết?” thì hai chữ ai, hai chữ biết trong một câu mà ngâm lên hiện rõ ấm áp của tấm lòng tri kỷ và sự hờ hững vô tình.

Anh ấy tự chữa đi chữa lại trên 10, 15 lần cách diễn đạt trên âm thanh và trên bộ điệu và mỗi lần như thế đều có nâng lên một mức kỹ thuật để sau cùng thành một nghệ thuật tinh vi.

Anh ấy thích thú với câu thơ, với cách biểu diễn và nói: Nếu đưa 4 câu này ngâm vào lúc Định Thanh uống rượu một mình ở Du Long dịch thì hay biết chừng nào. (Anh giáo Bốn (quên tên thật) thầy tuồng cũng xác nhận lời ấy) để khi nào vào Nha Trang gặp thầy Tấn, tôi sẽ sắm khay trầu rượu xin thầy cho 4 câu ấy để đem trình diễn trên sân khấu.

Tuy chưa được sự đồng ý của anh nhưng tôi đã mạo phép anh cho anh Chánh ca Đông thử dùng 4 câu ấy khi đóng vai Dịch Thanh ở Du Long dịch khi diễn hát ở Châu Ổ và Châu Me Đông. Bốn câu ngâm ấy đã thu hút sự đồng cảm của tất cả khán giả thuộc các tầng lớp và ai nấy cũng đều suýt xoa khen là hay thấm thía (nhiều chị đâm ra say anh Chánh ca Đông).

Các ông Nho như Hồ Nguyễn Phong, Vũ Hàn đã nói:

– Bốn câu thơ đã hay mà ông Mi ngâm còn nâng thành những tiếng nội tâm nào ruột má âm thanh, nét mặt, cử chỉ, bộ điệu, đã cộng hưởng đưa nó vào tận đáy lòng từng người. Bào không rung động, không đồng cảm sao được.

Từ năm 1937 đến mãi năm 1945, chắc Chánh ca Đông chưa gặp anh để xin phép dùng. Mà với lòng tự trọng và lễ nghĩa của mình, chưa chắc anh ấy đã dám tự tiện đem dùng. Kể cũng uống, uống nhất là nay tôi đã hột hơi, mất giọng nên không còn minh họa được đầy đủ qua những điều đã học được những sáng tạo của nghệ nhân...

(Trích thư ngày 31 – 7 – 1982)

2. (Thư thứ II)

Hà Nội, 28 – 3 – 1983

Anh Chỉ thân mến !

Độc Đạo Quanh Hỷ Trường rất thích thú và thật không ngờ anh biết được nhiều câu chuyện lý thú rất bổ ích về tuồng hát bội như thế. Có những câu chuyện đi sâu vào quan điểm phê phán rất tế nhị của tác giả như trong tuồng “Nhất tiền song điều” hoặc “Phong Ba đình”, vạch cái ti tiện, hiểm độc của hai vua Tống để gợi ý về ý nghĩa trung quân. Nhất Tiền Song Điều lâu nay tôi chưa được xem và đọc, chỉ được xem hai vở Tống Thái Tổ trăm Trịnh Ân và Túy Trảm Trịnh Ân do đoàn Quảng Nam diễn mà thôi. Và quả thật xem hai tuồng ấy ta chỉ oán chú cháu Hàn Tô Mai, vừa giận vừa thương cho vua Tống, mà không thể nào thấy được dụng tâm tố cáo của Quỳnh Phủ Tiên Sinh. Xem vở Nhạc Phi – Tần Cối cũng thế. Phải chăng các nhà nho, các thầy tuồng và khán giả không ai hiểu hoặc không ai chú ý đến dụng tâm ấy? Chắc không phải, vì chính cụ Đào cũng đã nói ra, và các ông Tuấn án quán Thúc Dạ Thị, Nguyễn Đình Hiến là những túc nho rất thích tuồng đều có đủ khả năng, điều kiện để thấy. Như thế vì sao mà hai viên ngọc quý ấy lại bị bỏ cho bụi thời gian vùi trong lãng quên mà phải tạo ra

những bản tuồng khác rất tầm thường? Có lẽ vì: để diễn cho được các bản tuồng quý ấy, diễn viên phải có một trình độ nghệ thuật rất cao, phải luyện cho đoàn đội nghệ sĩ cùng diễn vai ấy phải có một hiểu biết tương ứng, đồng bộ, ăn khớp nhau và có một đối tượng khán giả thật tri âm, nếu không thì diễn rất tinh vi, có những cử chỉ, thái độ rất tinh tế cũng chỉ uống công.

Có lẽ vì vậy mà phải tìm một bản khác để diễn hơn, để được thông cảm hơn.

Nhưng không riêng ở hai bản tuồng rất hay bị thay thế ấy, mà ngay cả ở hai bản rất phổ biến được cụ Đào chỉnh biên và được biểu diễn đúng như sửa chữa là Sơn Hậu và Tam Nữ, thì “dụng ý phê phán luật tru di tam tộc” cũng ít ai biết, ít ai để ý. Hai bản tuồng ấy dân Bình Định quen lắm, gọi Tam Nữ là “Cha trung con nịnh, cha nịnh con trung”, Sơn Hậu là “Em nịnh chị trung”, nhưng cũng chỉ dừng đến đó thôi. Cái thâm ý của cụ Đào lấy hiện tượng “Phụ tử gia đình phân học thuật” để đánh vào luật trách nhiệm liên đới vì huyết thống vô nhân đạo ấy quá sâu, không ai nghĩ tới. Thế nhưng còn là hiểu tuồng hơn các thầy tuồng ngày nay, có chức tước vụ trưởng, cục trưởng văn hóa, chuyên viên hát bội mà lại đổi tên Khuê Các Anh Hùng, Tam Nữ Đồ Vương thành Ngọn Lửa Hồng Sơn tức là ngay cả chữ “đồ” của bản tuồng cũng vứt đi để đưa vào một đầu để không ăn nhập gì cả,

Còn Hộ Sanh Đàn, cho đến nay, đọc tập này, tôi mới hiểu vì sao trong bao nhiêu tình tiết đáng thương đáng phục đáng được nêu là ý chính của tuồng không được chọn mà lại chọn 1 chi tiết “đề rơi” để đặt làm tên cho tác phẩm – Thâm thúy quá! Không trách các ông thầy tuồng đương thời không hiểu, đã thay đổi tên vở tuồng thành: Tiết Cương Chông Búa và lại tự cho là có quan điểm quần chúng. Và ngay cả thi sĩ Xuân Diệu cũng không biết Hộ Sanh Đàn là gì mà có lúc đã viết theo ông Bích là Hộ Sanh Đường.

– Về khoản cụ Đào Tấn khi làm phủ doãn Thừa Thiên được vua Đồng Khánh ban Phương kiếm và cho phép tiền trăm hậu tấu (Thượng phương kiếm triều Tống).

Việc này có thể không đúng. Ban kiếm và trao quyền “tiền trăm hậu tấu” chỉ có các loại đại thần nhất thời trong trường hợp đặc biệt và kinh ngoại:

1. Tiết Chế hoặc Túc Liệt tướng như Nguyễn Thân.

2. Khám Sai Đại Thần đi tuần thú địa phương.

3. Kinh Lược Sử như Nguyễn Hữu Độ, Hoàng Cao Khải.

Tổng đốc cũng được tiền trăm hậu tấu, vì đó là một chức quan trấn thủ nhất phương (Bình Phú, Nam Ngãi, An Tịnh, Thanh Hóa ...) kiêm cả văn võ – Nhưng chỉ khi có tặc biến (Đó là Tổng Đốc cũ, sau này ngay cả cái quyền cai trị cũng không còn).

Nguyễn Thân khi làm Tổng Đốc Bình Định chém Bá Huệ (Ông Bá Huệ nói: “Quan lớn đánh tôi từ đầu Thân đến mót Đậu...”)
phải giả tạo ra một việc phiến loạn phá trại giam. Khi ra Nghé An chém con quan Tổng Đốc An Tịnh vì cỡi ngựa đi ngang qua viên môn mà không hạ mã (để trả thù việc khi Nguyễn Thân vào Bình Định đánh Mai Xuân Thưởng, ngày đêm nổi trống hát bội trước dinh Tổng Đốc, bị quan Tổng Đốc cho một viên đội cầm gươm ra để chém đầu người nào làm náo loạn trong thành. Viên đội ra, không dám chém Nguyễn Thân mà chỉ khoét trống châu cầm mảnh da về nạp. Sau Nguyễn Thân lên Tổng Đốc Bình Phú còn ông Tổng Đốc ấy lại ra Tổng Đốc An Tịnh, Nguyễn Thân lại được phong Túc Liệt Tướng ra đánh dẹp Cần Vương Phan Đình Phùng, thế là oan gia gặp lại nhau.

Nhân con trai quan Tổng Đốc cỡi ngựa đi quan quân doanh, Nguyễn Thân cho bắt hỏi: Sao dám loạn quân doanh. Người con Tổng Đốc đáp: “Đây là quân doanh à! Quân doanh sao lại đặt bàn đèn ở giữa, người nằm hút hai bên không có nghi vệ gì cả”. Nguyễn Thân quát truyền chém. Người dưới trưởng trình là con quan Tổng Đốc. Nguyễn Thân bảo trói lại và cho người vào dinh Tổng Đốc hỏi mượn thanh Phương kiếm để chém kẻ loạn quân doanh, ý là để cho Tổng Đốc phải xuống nước ra năn nỉ cầu xin. Gia đình ông Tổng Đốc khóc và xin ông hãy nhún mình cứu con. Nhưng quan Tổng đốc không hạ thể xin tên tiểu nhân phi nhân ấy mà trả lời cho người mượn kiếm: “Mày về thưa với quan Tiết Chế là Phương kiếm không phải để chém người lương dân vô tội, và Phương kiếm không thể bàn tay bẩn nào cũng cầm được. Nếu quan Tiết Chế không có kiếm thì lấy dao xắt chuối mà chém”.

Lính về trình lại. Nguyễn Thân sai lấy dao xắt chuối chém người con quan Tổng Đốc đến 15 nhát mới chết...

Nhưng khi đã được phong Cần Chánh, Quận Công tức là tuyệt đỉnh danh vị triều đình, mặc dù vẫn còn kèm thêm hàm Túc Liệt

tướng, nhưng đã phải nạp lại Phương kiếm cho vua và không còn được tiền trăm hậu tấu nữa.

Thân Trọng Huê, lúc được trao chức Khâm Sai Đại Thần đi kinh lý Kinh Bắc với Phương kiếm và đặc quyền tiền trăm hậu tấu. Khi ra cửa Thượng Tứ gặp Hồ Đắc Trung cỡi ngựa chạy qua. Huê sai bắt để chém vì cỡi ngựa chạy qua quân đoàn của Khâm Sai, nhưng vì chưa ra khỏi kinh thành nên cho trời giải lên vua quyết định.

Chức Phủ Doãn cho tới đời Khải Định mới nâng lên đứng đầu các Tuần Vũ (Đề đưa Thái Văn Toản qua làm), còn trước đó chỉ có hạn Bử Chánh. Như thế không thể nào lại được giao Phương kiếm và quyền tiền trăm hậu tấu. Huống chi lại còn trong kinh thành, và lại không phải giao theo một nhiệm vụ đặc biệt có tính chất quân sự, mà giao thành một quyền thường xuyên là không có lý. Vì vậy cả đoạn nói về chém Bồi Ba nên xem lại. Có thể là cụ xử án tử hình (trảm quyết) chứ không phải tiền trăm hậu tấu.

Còn kiếm của phủ doãn, chỉ là kiếm tượng trưng: Giao chức Thứ Sử thì phải có ấn kiếm của vua. Ấn là tín, kiếm là uy (sau nay ghép thành uy tín) Chỉ Tổng Đốc mới có Tiết Việt...

Thế sự huyền như xuân mộng; không phải đoán.

Ôm bụng chịu, chịu.. Để 3 dấu nặng tiếp nhau hát không hay mà chùn. Thường hát:

Ôm lòng chịu, chịu càng...? Để chữ vui sướng không được. Nhà Đường mat về tay Võ Hậu, mình bị tru di tam tộc, bản thân bị đánh xơ xác, vợ chồng lìa xa, rồi lại bị đưa phản bắt bỏ củi đưa đi nạp. thì vui sướng gì? Nói vui sướng còn có Tiết Giao chăng? Hy vọng mong manh, một đứa bé còn ẩm ẵm hiện ly loạn không biết còn mất thế nào, mà nếu còn, chắc gì nó được việc lớn tày trời mà mình không biết gỡ thế nào?

Vì vậy nên đề: Chịu càng cay đắng.

Cay đắng cho tình cho cảnh...

Để chữ vui sướng thấy gương quá. Còn cái ý Hộ sinh là của tác giả chứ không thể do đương sự nói ra được. Nói về Tiết Quý Tiết Giao chỉ là một hy vọng: May thân mà còn... chứ không thể nói Càng vui sướng được.

(Trích thư ngày 28 - 3 - 1983)

3. Đôi nét tâm tư của cụ Đào Tấn

Từ sau giải phóng miền Nam tỉnh Bình Định rồi tiếp tỉnh Nghĩa Bình đã nghiên cứu, tuyên truyền, đề cao về nhà thơ, nhà sáng tác kịch tuồng hát bội Đào Tấn. Nhiều cuộc Hội nghị tỉnh toàn quốc đã thu nhập nhiều tư liệu về cuộc đời, về sáng tác thơ từ, tuồng của ông quan có thi tài lỗi lạc và có những tác phẩm tuồng nổi tiếng cả nước ấy và đều có một thắc mắc chung: Con người có văn tài có tấm lòng ưu ái phơi bày rõ trong thơ, tuồng. Một ông quan liêm khiết có tình với các nhà yêu nước, tham gia Đảng cách mạng và được nhân dân và sĩ phu Nghệ Tĩnh kính phục về đức độ về tài hoa về võ an nhân dân trong tỉnh suốt mười mấy năm trời, về tình cảm rõ ràng với các nhà yêu nước, các nghĩa sĩ cần vương.... một người như thế sao lại trốn tránh không chịu tham gia phong trào cần vương tỉnh nhà?

Giả thuyết giải đáp thắc mắc này nhiều lắm, như:

– Vì Đào Tấn thấy rõ sự chia rẽ trong phong trào cần vương, đánh nhau, giết hại người có công, tranh quyền.....

– Vì thấy rõ lực lượng yếu thiếu người chỉ huy, thiếu vũ khí, thiếu người thao lược, khởi nghĩa non thất như tự sát.

– Vì Đào Tấn chống việc sát Tà chỉ tán thành Bình Tây, vậy mà ở Bình Định giết (chôn sống) hàng trăm gia đình công giáo.

– Vì Đào Tấn thuộc nhóm chủ hòa.

– Vì sợ liên lụy đến cha mẹ già vì ông là một người con chí hiếu.

– Vì Đào Tấn, từ hồi còn nhỏ đã khinh ghét ông Đào Doãn Dịch là thiếu nhân cách nên khi nghe thấy ông Dịch lãnh chiếu cần vương đứng ra hô hào nhân dân nổi dậy thì không hưởng ứng được.

– Vì Đào Tấn không tán thành những việc quyền thần bỏ di chiếu, bỏ Dục Đức (đem giam bỏ đói đến chết) lập Hiệp Hòa rồi lại truất ngôi, giết Hiệp Hòa lập Kiến Phước rồi lại ám sát Kiến Phước lập Hàm Nghi, rồi Thuyết đánh úp tòa khâm bị thất bại hoàn toàn, bách vua bỏ chạy ra lập chiến khu... Tất cả những công việc ám muội tàn ác và non kém ấy, làm cho Đào Tấn mất hết tin tưởng bỏ quan về (bị giáng 4 trật) và coi tất cả việc làm của triều đình dưới sự lũng đoạn khống chế của Thuyết, Tường đều là trái, thiếu chín chắn, thiếu suy nghĩ, bốc đồng không thể hưởng ứng được. Trong lúc vì thiếu thông tin, đang hoang mang ấy, quân thứ do nghề Trì dẫn đầu kéo đến vây nhà để bắt, ông càng hoảng sợ núa

đem cùng một lão bộc vượt rào trốn lên ẩn tích tại chùa Linh Phong. Tôi nghiêng về cách giải thích cuối cùng này.

Năm 1987 người bạn cũ Lê Hồng Long về hưu ở Quảng Ngãi trở lại thăm Hà Nội, ghé thăm tôi. Vừa bước lên thang gác, nghe tôi hát câu của Quan Công trong tuồng Cổ Thành Hội:

“Nặng nhật hàng Tào (cũng là việc bất đắc dĩ thôi) nhưng mà bất tể sự (anh không suy nghĩ chín) thị kỳ ngu dã (thật anh ngu quá...)”

Ngoài cửa có hai tiếng trống chầu miệng dùng dùng Lê Hồng Long xô cửa vào nói “lão già này giọng còn khá hê”. Khách còn rôm rả hân chấn lắm! Chúng tôi cười bắt tay nhau hân huyền, chén rượu ngũ xà hâm nóng hai lòng già. Anh Lê nói:

– Nghe anh hát câu phú ông (câu hát khách của Quan Công cách hát và láy luyến rất nghiêm nghị và có hơi hám riêng biệt ở Nghĩa Bình gọi là phú ông) này, tôi nhớ lại chuyện cũ của bản thân. Năm 1935, 36 gì đó anh em tôi cùng năm hát đoạn Quan, Trương gặp nhau ở Cổ Thành ấy và phẩm bình cùng nhau chê cụ Đào Tấn tiếng là hay chữ, giỏi tuồng mà đặt vào miệng Quan Công một câu tầm thường của một người bình thường cầu xin tha thứ không có được một lập luận một phản bác gì cho thật hùng hồn, làm mất hân khí thể anh hùng của Quan Công. Đang huênh hoang phê phán và cùng tìm cách biện bạch thay, cãi nhau sôi nổi thì cha tôi (cụ Lê Hòa) từ nhà trên xuống về mặt nghiêm nghị nói: “Lâu nay cho chúng mày đi học, tưởng đã có thêm hiểu biết gì, nay nghe bàn cãi về một câu tuồng mới thấy là cạn cợt, dốt nát mà lại huênh hoang tự đắc. Thật là xấu hổ. **Bất tể sự thị kỳ ngu dã, đó là lời biện bạch một điều không biện bạch được. Lời của Quan Công nói với em mà cũng chính là tấm lòng của cụ Đào bộc bạch với muôn đời.** Lâu nay có một việc muốn nói cho các con biết rõ để mà suy nghĩ nhưng vì chúng mày còn nhỏ dại và thời thế chưa thể nói được. Nay chúng mày đã lớn, đã dám tham gia phong trào chung (lúc ấy anh em ông Long đã tham gia phong trào công khai quần chúng của Đảng, phong trào đón Gaudard, phong trào tự do, cơm áo, hòa bình..v.v..) cha sẽ nói cho các con biết.

Rồi ông cụ lấy thang trèo lên lấy một cái ống tre buộc trên thượng lương xà chính nhà trên xuống. Mở ra, ngoài gia phả và giấy tờ khác của gia đình còn có một miếng giấy bồi cũ vàng mốc, trong đó có ghi mấy dòng chữ Hán

giấy mời họp của cụ Trùng Xương gửi ông
 Tân Khoa Nguyễn Trung Đình:
 (họp tại nhà ông Nguyễn Bá Loan ở đây
 với thầy, cùng các tân học ở Võ hội)

咸在陶哥
 宜武公黎
 二会有新
 年既請科
 五於
 月初
 二日
 詳
 日
 合

鄭老筆

Tôi đã gầy vẽ lại y như bản ở Long
 sao đúng theo thực thể bản chính.

Ký tên: Lê Tân Khoa (tức ông Lê Trung Đình, người sau này
 lãnh đạo Cần Vương Quảng Ngãi). Phiên âm:

Đào công hữu thỉnh ư dương tiết nhật, hội tại Võ hội
 Nguyễn (nhà ông Nguyễn Bá Loan mà văn thân dùng làm
 Võ hội).

Hàm Nghi nhị niên (tức 1885) tháng 5 ngày 2

Trịnh lão bút

(Trịnh Xáng tú tài)

Người đem thư này đến Lê Trung Đình rồi đến một số người khác là học trò Trịnh Xáng, (cụ Lê Hòa thân sinh anh Long). Giấy mời họp của cụ Trịnh Xáng gửi ông tân khoa Lê Trung Đình họp tại nhà ông Nguyễn Bá Loan lúc ấy vẫn thân dùng làm trụ sở Võ hội.

Cụ Lê Hòa nói với anh em Lê Hồng Long:

– Đây là giấy mời họp các hội viên văn thân tỉnh Quảng Ngãi gửi ông tân khoa cử nhân Lê Trung Đình làm hội trưởng, họp tại nhà ông ấn Loan là hội trưởng Võ hội (văn thân có hai hội là Văn hội và Võ hội) ngày dương tiết tháng 5 Hàm Nghi nhị niên (1885)

Giấy mời do ông tú tài Trịnh Xáng viết giao cho học trò là cụ Lê Hòa làm tiên lạc đi mời, Cụ Lê Hòa giữ làm kỷ niệm và cất kỹ trên ống tre treo trên xà nhà từ đó đến năm 1937, 36 khoảng 50 năm.

Đào Công hữu thỉnh. Đào Công là cụ Đào Tấn từ kinh trở về dinh ưu cho cụ thân sinh (khi quan lớn gặp tang cha mẹ được nghỉ việc ba năm về báo hiếu gọi là dinh ưu).

Cụ Đào Tấn vào năm 1883 sau khi Tự Đức mất, quyền thần là Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết là phụ chánh đã bỏ di chiếu không đưa Dục Đức lên ngôi thay Tự Đức như di chiếu đã quyết định mà bắt giam (hò đói đến chết), cử em Tự Đức làm vua hiệu Hiệp Hòa. Nhưng Hiệp Hòa mới lên đã tỏ ý chấp nhận hiệp ước bảo hộ của Pháp, bị hai ông phụ chánh chủ chiến Tường, Thuyết giết bằng thuốc độc (làm được 4 tháng) lập Dương Thiện làm vua Kiến Phúc (6 tháng sau cũng bị giết).

Trong lúc ấy Decourcy chỉ huy quân đội Pháp và Khâm sứ Champeau đóng bên kia sông Hương lòng hành, vì vậy có câu:

Nhất giang lương quốc nan vì Thuyết

Tứ nguyệt tam vương triệu bất Tường.

Trần Tiến Thành một trong ba vị phụ chánh thấy việc làm tàn ác sai trái ấy phản đối bị Tường, Thuyết giết. Cụ Đào lúc ấy làm Phủ Doãn Thừa Thiên lấy cớ có cha mẹ già bỏ về phụng dưỡng bị Triều đình nghị kỷ luật truất 4 trật, nhưng lại vừa lúc thân sinh cụ vừa mất, được dinh ưu nên cụ lại được phép trở về Bình Định.

Trước khi lên đường, Tường, Thuyết mời cụ vào đưa cho xem hịch của tướng sĩ của Thanh Nghệ cổ động phong trào văn thân

và dặn dò về liên lạc giúp đỡ phong trào Nam, Ngãi, Bình, Phú, Khanh, củng cố tổ chức, chuẩn bị võ trang khởi nghĩa.

Cụ Đào trình bày lại là không tán thành chủ trương **Sát Tả**. Lúc này phải đoàn kết tất cả các lớp dân chúng để chống xâm lược mà lại gây sự chém giết nhau trong nội bộ mình là tối nguy hiểm. Hơn nữa người theo đạo gia tô có tội gì? Nếu có người nào đó vì tin các cha cố mà theo Tây phản lại nước đó là việc cá nhân, ta cứ xử trị như kẻ phản quốc nào khác dù có đạo hay không? nay đưa ra chủ trương **Sát Tả** thì tức là huynh đệ tương tàn, tự chặt tay mình trước khi cầm vũ khí đánh giặc.

Hai ông phụ chánh đều nói: “Ông phân chí phải, chúng tôi và cả đình thần cũng có bàn, đều không tán thành chủ trương ấy, nhưng bệch do văn thân Thanh Nghệ làm và đã được truyền sâu, được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ, chúng tôi đã cho một số ông ra đó bàn lại đề nghị bỏ về hai (về **Sát Tả**) nay giao ông đem chủ trương ấy vào Nam, Ngãi, Bình, Phú, Khanh truyền đạt lại và nếu có nghĩ sai, chủ trương quá khích và manh động thì cần thuyết phục và chỉnh đốn lại. Cơ mật tin ở tài của ông và xin ông hết sức giúp đỡ. Ông Đào trình: Chủ trương này phát nguyên từ văn thân yêu nước Văn Nghệ Tĩnh nhưng nay nội các nắm lấy thì không nên để phát triển theo cách bột phát tùy tiện từng vùng mà cần có tổ chức chặt chẽ có chương trình huấn luyện, phát triển, hoạt động, đào tạo, tuyển chọn chỉ huy....vv...

Tường, Thuyết rất tán thành ý kiến của ông Đào và hứa sẽ cùng đình thần bàn kỹ và thực hiện.

Ông Đào về truyền đạt ở Quảng Nam xong vào Quảng Ngãi, tìm đến cụ Trịnh Xáng là một bạn đồng khoa rất thân phục nhau (mặc dù cụ Xáng lớn hơn ông Đào đến 10 tuổi). Hai ông bàn bạc với nhau rồi viết giấy tại Võ hội là nhà ông ám Loan (Nguyễn Bá Loan con cụ án Nguyễn Bá Nghi) cụ Lê Hòa được cụ Xáng phái đi mời họp. (Nhưng nhà Bá Loan chỉ là một trạm, còn nơi họp lại được tổ chức tại sân Di Lăng do ông Thái tổ chức). Về sau còn có hai cuộc họp ở Đập Đá và ở Phù Cát (Bình Định).

Sau cuộc họp ở Di Lăng cụ Đào lại đi vào Bình Định gặp ông án Nguyễn Duy Cung rồi vào Phú Yên, Khánh Hòa. Khi trở ra thì bị ốm phải nằm lại Gò Dúi tỉnh Phú Yên.

Chính trong thời gian nằm bệnh ở Phú Yên thì phong trào Cần Vương xảy ra ở cả 8 tỉnh. Có vài người diu cù về thì coi như công việc đã đổ nát ngay từ đầu. Ông án Duy Cung bị Tổng đốc Lê Bá Thận phản bội hàng Pháp bắt giam. Ông làm hịch gửi ra báo nhân dân và huyết thư gửi các vị lãnh đạo cần vương vạch rõ sự phản bội của Tổng đốc, dặn đừng liên lạc nữa mà phải coi nó là địch (viết trong mảnh áo, bằng máu trước khi tự ái).

Trong khi ấy trong nhân dân xảy ra nhiều vụ Sát Tả trả thù và quân thù cũng có sự tàn sát hàng chục hàng trăm người một lần, gây khủng khiếp căm thù. Nhân dân như bị kẹp giữa hai cuộc khủng bố, không biết theo ai!

Chính trong bài hịch của ông án Duy Cung cũng than trách về sự sai trái ấy:

Tự thù di ưu, khả hận, khả liên hoàn khả tích.

Dự ta bạc phúc, tương thân tương ái nhân tương tàn.

Cái điều ông Đào căn dặn kỹ, quân thứ Cần Vương không thực hiện, việc vũ trang chuẩn bị không chu đáo, quân ô hợp, thiếu vũ khí, thiếu luyện tập, thiếu chỉ huy, có đủ khả năng đã bị đè bẹp ngay từ trận đầu, nội bộ quân thứ sát hại nhau, tranh giành ảnh hưởng, địa vị...

Cụ là người đem chủ trương về truyền đạt, dặn dò nay cuộc khởi nghĩa hưởng ứng Cần Vương lại làm ngược lại. Người tin cậy có uy tín có khả năng bị bọn phản bội tổng ngục, tự sát. Cụ hoang mang không biết đó có phải là chủ trương mà mình đem về không? Vì vậy đành phải về nằm nhà cho người đi tìm bạn bè thăm dò tin tức.

Lúc ấy quân thứ do ông nghề Trì dẫn đầu đến vây nhà để bắt. Cụ phải cùng một lão bộc vượt rào trốn ra ẩn náu ở Linh Phong Tự (tức chùa Ông Núi).

Khi Hàm Nghi xuất bôn, Tôn Thất Thuyết phò giá đi, nhưng Tường lại được giao nhiệm vụ ở lại để nắm lấy triều đình, hạn chế đến mức tối đa sự truy lùng bao vây của quân Pháp và tìm khách giúp đỡ chiến khu.

Tường về giữ chức vụ Viện trưởng viện cơ mật. Nhưng khâm sứ Champeau đã nắm bộ binh, đặt ông Hoàng Thọ Xuân làm Giám quốc. Chúng buộc ông Tường cam kết trong hai tháng phải ổn định tình hình, thu xếp mọi việc cho xong. Nó lại rút Nguyễn Hữu

Độ kinh lược Bắc kỳ và Phan Đình Bình tổng đốc Nam Định về tham gia cơ mật với Tường. Nhưng Độ và Bình trước khi về đã trình cho toàn quyền và khám sứ một kế hoạch giải quyết việc lớn triều đình, kế hoạch ấy là phế Hàm Nghi cử vua khác và cho quân đánh diệt chiến khu Quảng Trị.

Tường chống lại chủ trương ấy, Độ bỏ về Bắc không cộng tác. Ngày 27-7-1885 hết hạn Tường cam kết. Ngày 28-7-1885 Decourcy bắt giam Tường, kéo Độ trở về kinh, đưa Nguyễn Trọng Hiệp ra làm kinh lược Bắc kỳ và chúng nó lập ngay Chính Mông làm vua tức là Đồng Khánh. Trước khi tấn phong lên ngôi Chánh Mông phải thân qua tòa khám sứ làm lễ thụ phong.

Năm 1885, Hàm Nghi nhậm niên và xuất biên cũng là năm Đồng Khánh lên ngôi. Vì vậy năm Ất Dậu 1885 vừa là Hàm Nghi nhậm niên vừa là Đồng Khánh nguyên niên nhưng Đồng Khánh bắt chước cha nuôi là Tự Đức lấy năm sau Bính Tuất làm Đồng Khánh nguyên niên còn năm Ất Dậu niên đại Đồng Khánh thì gọi là Đồng Khánh Ất Dậu.

Vì vậy từ mà sau khi Đồng Khánh lên ngôi 28-7-1885 đến khi có niên hiệu Đồng Khánh nguyên niên (Bính Tuất) thì ở kinh giấy tờ công văn, khắc tự đều ghi niên hiệu Đồng Khánh Ất Dậu. Còn các tỉnh kinh Nam, kinh Bắc, và Bắc kỳ lại tiếp tục ghi Hàm Nghi nhậm niên. Có câu ca dao:

Ngắm xem thế sự mà rầu

Chính giữa Đồng Khánh hai đầu Hàm Nghi

Câu này cũng bộc lộ: Nhân dân và chính quyền cả nước (trừ tại kinh thành) chưa thừa nhận Đồng Khánh vì phong trào Cần Vương đang phát triển và có tinh chính quyền cũ còn trốn tránh.

Khi Tường trở lại nắm cơ mật viện thì có thư gửi ngay mời Đào Tấn về kinh. Nhưng thư đi vòng vèo trong các vùng đang sôi nổi ạt phong trào Cần Vương nên đến tay cụ Đào sau khi có chỉ Đồng Khánh nguyên niên triệu về kinh làm tham Cáo. Trước đó mấy ngày có công văn của tỉnh đường mời cụ ra làm Thương biện tỉnh vụ nhưng cụ còn do dự chưa đáp. Khi được chỉ vua và có thư Tường nên cụ quyết định ra đi. Gần một năm trốn tránh trên chùa Ông Núi cụ thật tị mủn tin tức trong triều, ngoài quân. Nay biết được Đồng Khánh, tức là Chánh Mông, người con nuôi thứ hai của Tự Đức lên ngôi thì mừng vì như thế là chính thống. Chính Mông là

anh ruột Hàm Nghi, lẽ ra sau khi Kiến Phước chết (và đúng ra khi bỏ Dục Đức) thì Chánh Mông là người kế vị chính đáng phải lên ngôi thay.

Khi cụ Đào phó kinh lần này tuy là công hành nhưng không hoàn toàn công khai vì phong trào Cần Vương vẫn chưa bị dập tắt hẳn, nên phải đi đường tắt và đi bộ, cụ trở ra Quảng Ngãi tìm cụ Trịnh Xáng và chính cụ Lê Hòa lại được cử đi đưa đường.

Chính trong lần tiếp xúc này với Trịnh Xáng cụ Đào đã nói nỗi lòng của mình rất buồn vì những điều mình đã truyền đạt, căn dặn như: Không được nêu khẩu hiệu Sát tã, phải xây dựng lực lượng võ trang, phải chọn người có tài võ lược, v.v... quân thứ không thực hiện, giết hại tràn lan bao nhiêu người vô tội, nội bộ nghi kỵ sát hại nhau ... Nay cần về kinh hỏi xem kế hoạch cứu vãn tình thế tiếp tục hay chuyển hướng, hành động như thế nào?.

Cụ đọc cho Trịnh Xáng nghe câu của ông Án Duy Cung:

Tự thử di ưu, khả hận khả liên hoàn khả tích.

Dư ta bạc phước, tương thân tương ái nhữn tương tàn.

Ra đến Huế cụ mới biết rõ Tường đã bị dầy ra nước ngoài. Bạn tương đắc, chung ý chí cũ như Nguyễn Trọng Hiệp, Hà Bình, Nguyễn Thuật đều cáo quan về vườn. Buồn tẻ tái chỉ tự biện minh cho việc mình trở lại làm quan ở triều Đồng Khánh theo kiểu: “hàng Hán chứ không hàng Tào” của Quan Vân Trường nhưng “biết đâu Quan Vũ chẳng hàng Tào?”. Và Quan Vũ đã chứng thật cái dụng tâm hàng Hán không hàng Tào bằng một hành động dứt khoát treo lại ấn và vàng bạc rồi một đao lên ngựa ra đi tìm anh, còn cụ Đào, lấy gì, hành động gì để chứng minh là bất đắc dĩ phải dụng quyền?

Đó là điều u ẩn, mà khi nghiên cứu thi, từ nhất là tưởng của cụ để mà thường thức sâu sắc ẩn ý trong từng câu. Và như thế mới thấy hết ý tại ngôn ngoại, ý tại kịch ngoại.

Điều u ẩn của cụ Đào, cũng như của Nguyễn Văn Tường khi nửa đường hộ giá xuất biên phải trở về nắm lại triều đình để làm thế ý dắc. Người đương thời không hiểu rõ bí mật của quyết định nên chê trách là bỏ vua giữa đường chạy trở lại với công danh. Khi ông Tường trở về có bài thơ bạch nỗi lòng mình:

Sơn sắc kỷ trùng minh túy liễn
Thần tâm bất nhĩ luyện đan đình
Thị phi phú dữ thiên thu luận
Xã tắc quân vương thực trọng khinh.

(Bài thơ này do nhà thơ Trần Mạnh Hảo, chất ngoại cụ Tường chép cho xem và dịch).

Sắc núi trùng trùng sáng kiêu loan
Dạ thần vẫn một tuyến chung sơn

Chê khen xin phó ngàn sau vậy
Vua nước đòi đường nhẹ nặng hơn

Trần Mạnh Hảo

Được mấy tháng tin đưa về cho biết Nguyễn Văn Tường đã chết tại nơi bị đày (Guyane Française – Nam Mỹ) Đào Tấn có đôi điều văng:

Quốc kế thị phi lân sử định
Thiên phương sinh tử nhận thư biên

(Việc kế sách giữ nước cứu nước đúng sai sẽ do lân sử xét định. Nay ở tự phương trời lại có tin nhận đưa đến báo việc mất còn).

Câu 1 nhắc đến câu 3 bài thơ của Nguyễn Văn Tường và chính là thông cảm nỗi u uẩn của Tường nên câu 2 nói lên nỗi thương xót của mình đối với Tường. Hai mươi năm sau khi cụ Đào mất, ông Trịnh Xáng đi điều cụ lại dùng ngay câu thứ 1 của cụ điều ông Tường:

Quốc kế thị phi lân sử định
Công tâm ưu ẩn kịch thi lưu.

(Việc đúng sai về quốc kế lân sử sẽ xét định; Lòng ưu ẩn của ông đã có thi và kịch lưu lại).

Cụ Trịnh Xáng giới thiệu 2 bản kịch tuồng Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan và Cổ Thành Hội để tìm thấy ưu ẩn của cụ Đào.

Cụ Lê Hòa nói:

– Trong Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan cụ Đào Tấn đã lấy ngay một câu đối trong bài hịch của Án Sát Nguyễn Duy Cung viết trong ngục trước khi tự ái:

Tự thủ di ưu khả hận khả liên hoàn khả tích.

Du ta bạc phúc tương thân tương ái nhĩn tương tàn

Làm câu khách cho Hoàng Cẩn hát trách việc tàn ác của vua Trụ đưa đến hại cả nước nhà. Nhiều người đã phê phán: Câu ấy đau lòng về sai lầm Sát Tả của Cẩn Vương mà đặt vào miệng của Hoàng Cẩn hận trách sự tàn bạo vô đạo của vua Trụ là không sát. Chính cụ Đào cũng nhận thấy nó không thật sát, nhưng cái cảm phần thương tiếc:

Khả hận
Khả liên
Hoàn khả tích
Tương thân
Tương ái
Nhấn tương tàn!

Đặt vào miệng một vị trung thần, già, bất lực hát lên, hẳn rõ từng chữ, hẳn rõ từng bộ từng cái chau mày từng tiếng rít của giọng hát khách mới nói lên một cách đầy đủ nỗi đau lòng, thất vọng của mình.

Các vị văn thân của phong trào Cẩn Vương biết rõ xuất xứ và ý nghĩa câu ấy sẽ càng thấm thía sai lầm của mình và hiểu rõ hơn ưu ẩn của cụ.

Trong Cổ Thành Hội, việc biện minh cho sự tòng quyền của Quan Vũ không cần thiết nữa, không cần lý luận giải thích nữa mà do thực tiễn hành động chứng minh. Đối với em, không cãi lý mà gợi tình, dù sao anh cũng có lỗi gây nên cảnh trắng soi chậu úp này.

“Năng nhật hàng Tào, cũng là bất đắc dĩ thôi, nhưng mà bất tể sự, thị kỳ ngu dã”.

Bất tể sự như thế nào?

Khi đầu Tào, Quan Vũ đã nêu 3 điều kiện.

1. Hàng Hán không hàng Tào.

2. Chăm nuôi hai chị dâu cho tử tế.

3. Sau này nếu biết Lưu Bị ở đâu thì sẽ cáo từ đi tìm anh ngay.

Trong điều thứ nhất là hàng Hán không hàng Tào, tưởng như thế là phân minh phân vị, không thấy rằng Tào Tháo đã khống chế thiên tử, sai sử đình thần và chế ước chư hầu thì hàng Hán cũng chỉ là hàng Tào trên thực tế thôi.

(Cũng như bản thân Đào Tấn vui mừng và tin tưởng khi nghe Đồng Khánh tức là Chánh Mông con nuôi thứ hai của Tự Đức lên ngôi thay cho em ruột là Hàm Nghi. Đó là chính thống đúng như ngụ ý của tiên đế, nên đã ra làm với Đồng Khánh tưởng là chính đáng chứ không biết rằng Đồng Khánh chỉ là con bù nhìn trong tay thực dân và triều đình cũng toàn là bọn tay sai của thực dân).

Điều ấy lúc ấy anh chưa nghĩ chín thật là ngu vậy! Nhưng nay rõ ràng anh đã bỏ Tào đưa hai chị về tìm anh cả may gặp em ở đây đó là điều đáng vui mừng, xin em hãy tha thứ sai lầm sự thiếu chín chắn của anh.

Thật là chí lý, chí tình đối với đứa em rất tốt, trung thực mà nóng tính đang vì hiểu lầm mà giận dữ cảm xà mầu toan đâm mình thì điều trước tiên là không nên làm cho nó tức giận thêm mà có thể xảy ra việc đáng tiếc. Cũng không thể phân giải, trình bày dông dài. Lấy một thực tế rõ ràng trước mắt: anh đã bỏ Ngụy đem hai chị cả về đây để chứng minh.

Nhận lỗi rồi xin tha thứ sau đó sẽ phân tích rõ, trình bày thực trạng việc mình đã làm, lúc bình tâm em sẽ hiểu hơn (đã làm khi vào thành).

Thử hỏi trong trường hợp đặc biệt nguy hiểm khó khăn ấy còn có lời lẽ nào, thái độ nào hợp tình hợp lý, có tác dụng hòa giải hơn? Có phải lúc nào cũng lấy hùng biện, lý luận thuyết phục được đâu. Cái u uẩn trong người gây nên mối hoài nghi đâu phải chỉ lấy lời lẽ mà biện bạch. Mà chỉ thực tiễn biện hộ.

(Tôn Thọ Tường đã dùng văn chương đưa ra những bài thơ rất hay như Từ Thứ quy Tào, Tồn phu nhân quy Thục để phân trần nhưng có ai tin).

Chữ hiểu ít nhiều trời đất biết
Chút tình ưu ái chị em chung.

(Là vì đó chỉ là lời biện minh không có một thực tiễn nào làm cơ sở).

Anh Lê Hồng Long có nói thêm:

Cụ Đào viết đến Cổ Thành Hội thật là thiết một Toà án công khai xử một vụ quyền biến. Dẫu hàng dịch hay là chỉ ngộ biến tông quyền, câu hỏi mà Trương Phi vận đi vận lại khi than thở suy ngẫm một mình, lúc thì buộc tội lúc thì gỡ tội đều có lý nhưng mà

cái gì sẽ quyết định có tội thật hay không? khi công khai đòi chất trước ba quân trước cửa thành thì càng thấy rõ là thực tiễn chứng minh chân lý.

Phiên tòa xử Quan Công chỉ một bị can (Quan Công) một quan toà (Trương Phi) đối diện, trình bày, phản bác. Nhưng trên thực tế có ít nhất hai bị can là Quan Vũ và cụ Đào. Và đúng hơn là hàng trăm hàng ngàn người khán giả là các quan, là người cộng tác với Tây, là bất cứ người khán giả nào đã từng lấy thuyết quyền biến để biện minh cho hành động theo địch của mình.

Và trong khi xem hát cũng như sau đó mỗi người đều soát lại mình xem cái thuyết quyền biến tự bảo vệ mình có đúng không? Có thực tiễn chứng minh hay chỉ là lời lý luận suông? Đám Hoàng Cao Khải, Tôn Thọ Tường chắc cũng đã nằm mơ thấy ngọn bút xà mâu của Trương Phi xuyên qua mình như Tào Tháo. (Về phiên tòa xử vụ quyền biến này tôi đã nói cho cháu Quách Giao nghe và cháu đã sử dụng viết một đoạn trong bài báo đăng trên báo văn hóa Nghĩa Bình năm 1988 khi bàn về cái tên Cổ Thành hay Cổ Thành Hội. Cháu đã ghi rõ là “cụ Lê Hồng Long nói chuyện với chú tôi đã nêu hình ảnh phiên tòa xử Quan Công...”)

Tương trình bày sự việc mà cụ Lê Hòa nói lại với các con như trên cũng đủ để giải thích vì sao cụ Đào lại chạy trốn không tham gia Cần Vương ở Bình Định. Nhưng có người sẽ thắc mắc hỏi: “Cụ Đào đã biết hàng Hán cũng chính là trên thực thế hàng Tào, sao không bắt chước Quan Vũ xả Ngụy đi tìm anh?”

– Mỗi hoàn cảnh một đối sách. Điều kiện khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, cụ không xả Ngụy cũng không phế Trụ đầu Châu mà lại dùng khả năng cai trị “lân tuất thương sinh” vỗ an và nuôi dưỡng chí khí thân sĩ, nhân dân bằng cách đề cao anh hùng liệt sĩ cách mạng, ám trợ người nghĩa khí yêu nước, dùng sở trường (kịch tuồng) giáo dục tiết, nghĩa, trung, can và bản thân cũng tham gia tổ chức vận động cách mạng.

Bao nhiêu thực tiễn ấy mà thân sĩ Nghệ Tĩnh mà nhân dân Huế, Phú Xuân và sĩ phu cả nước đều xác thực cũng đủ để chứng minh việc quyền biến của mình để thanh thản ra đi sau một cuộc sống đầy đặn hữu ích.

Cụ nghề Tri, một lãnh tụ cần vương là người đã từng đem nghĩa binh đang đêm đến vây bắt cụ Đào, nhưng đến sau biết

rõ mọi việc và hiểu tấm lòng cụ Đào đã trở thành một người quý và phục cụ Đào về cả Tài lẫn Đức và kết thành bạn tâm giao. Người, lẽ ra không đời nào dung thứ cho việc Đào Tấn bỏ trốn không tham gia phong trào Cần Vương, lại là người ca ngợi đức độ và tấm lòng cụ Đào.

Điều đó cũng đã phần nào giải đáp thắc mắc chung.

(Trích hồi ký Xã hội quanh tuổi thơ của tôi)

4. Yến Lan hát bội để gửi niềm tâm sự

... Chế Lan Viên tuy bận nhiều công tác nhưng mỗi khi gặp nhau đều hỏi thăm tình hình gia đình anh Tấn ở miền Nam và thường nhắc đến những kỷ niệm xưa lúc ở Nha Trang, Bình Định, một cách trìu mến thân thương. Trong những bài văn, thỉnh thoảng Chế Lan Viên có nhắc đến những kỷ niệm học tập thơ văn, những tình cảm quý mến một cách kín đáo e dè.

Riêng Yến Lan thì tình cảm thân thương hơn. Tình cảm của Yến Lan đối với anh Tấn như tình một người em đối với một người anh hơn là một đôi bạn. Những kỷ niệm đẹp khi Yến Lan sống với anh Tấn ở Nha Trang, ở Bình Định, Yến Lan nhiều lúc muốn gửi vào văn, thơ song không viết. Tấm lòng của Yến Lan trong những ngày sống bên tôi ở miền Bắc đối với anh Tấn thật thiết tha, thật thông cảm.

Một hôm anh em ngồi bàn luận về thơ văn Đào Tấn. Chợt câu chuyện chuyển qua vở tuồng “Cổ Thành Hội”. Tôi cất giọng hát về đoạn Trương Phi tại Cổ Thành:

Thừa Hạ Bì phò nhị tẩu xa
Đầu Tào Tháo phụ tam nhơn ước
Bãi khai nhất chước
Nhuận ngà thiên sấu.
Nghĩ quái cho nhị ca Phi: Đầu? đầu? đầu?
Là đầu làm sao hề?
Thương hại cho ca ca Phi: Khô? khô? khô?

Tôi hát đến đó thì Yến Lan hát nối tiếp:

Nhất nhận hoành phi vân tế lộ
Cô đăng trường chiếu nguyệt biên thành.

Vừa ngâm xong hai câu này thì Yến Lan ngừng lại nói lối:

“Nghĩ lại nhị ca Phi, thân phò nhị tẩu, quy thuận Tào man, hay.... Hay là người quyền giả nhất thời? Ừ ... ừ .. Quyền phải? Biến phải?

Rồi lại hát tiếp:

Anh hùng tự hữu quyền nghi xứ
Khả hận vong đồ thủ túc tình.

Khi Yến Lan hát dứt câu hát thì lưng Yến Lan ngồi thẳng lên, mắt long lanh như có ngân lệ và nét mặt băng khuâng.

Yến Lan đã sống trọn vẹn trong âm thanh giọng hát, trong ý nghĩa bài hát, trong tâm sự nhân vật Trương Phi.

Sau đó Yến Lan có tâm sự với tôi là không tin anh Tấn đi theo địch mà anh Tấn cũng giống như Quan Công vì tông quyền mà phải đầu Tào. Mỗi lần hát đến đoạn này là lòng Yến Lan vừa đau xót, vừa ngơ ngai thương cảm.

Tôi tuy biết rõ là việc anh Tấn khi ở lại Bình Định tham gia vào chính quyền miền Nam là do tổ chức sắp đặt mà chính tôi là người đứng làm trung gian cho đồng chí Trịnh Quang Xuân nguyên Trưởng ty Công an Bình Định. Song vì cần phải giữ bí mật tuyệt đối nên tôi không thể nói cho Yến Lan rõ. Tuy nhiên vì tấm lòng tin tưởng nơi anh Tấn, một người bạn thơ có tài, một người anh thuần hậu đã từng sống bên nhau với tình thân nồng hậu, với những nếp sống đậm bạc đầy chất lượng hồn nhiên. Cho nên Yến Lan cũng như Chế Lan Viên đã biết rõ con người của anh Tấn và đã tin tưởng vững chắc là anh Tấn vẫn luôn luôn giữ được tấm lòng trong sạch đối với Đất nước...

(Trích Hồi ký của Quách Tạo)

5. Chung quanh cuốn Hý Trường Tùy Bút của Đào Tấn

Năm 1981 Sở Văn Hóa và Thông Tin tỉnh Nghĩa Bình ấn hành tập Hý Trường Tùy Bút của Đào Tấn do hai ông Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm, phiên âm và dịch nghĩa.

Nội dung tập Hý Trường Tùy Bút gồm:

- Một phần trích trong tập Hý Trường Tùy Bút của Đào Tấn.
- Tập Hý Trường Tùy Bút hậu lục do Đào Thụy Thạch (con Đào Tấn chấp bút).

– Một số bài trích trong tập Mộ Chân Sơn Nhân Thi Văn Từ Tập của Nguyễn Bá Huân.

– Một số bài trích trong tập Vân Sơn Tập Bút của Nguyễn Trọng Trì.

Văn bản Hý Trường Tùy Bút là một trong 7 văn bản sao chép và dịch thuật được xem như là tác phẩm về lý luận tuồng của Đào Tấn. Trong bản sao chép có 32 bài và bản dịch chỉ chọn có 30 bài.

Năm 1986 Sở VH TT tỉnh Nghĩa Bình có dự trù tái bản cuốn Hý Trường Tùy Bút sau khi thẩm định lại nội dung cuốn sách này. Hội đồng thẩm định sơ bộ do hai Giáo sư Nguyễn Huệ Chi và Giáo sư Đỗ Văn Hỷ nghiên cứu trong thời gian hai tháng đã nêu lên toàn diện các vấn đề giám định văn bản bộ sách trong bản “Những nhận định sơ bộ về tập “Hý Trường Tùy Bút” của cụ Đào Tấn”. Dài 9 trang đánh máy khổ A9.

Tham gia vào việc thẩm định có nhà nghiên cứu tuồng Quách Tạo, ông đã đóng góp bài dự thảo góp ý kiến bản kết luận thẩm định của hai Giáo sư Nguyễn Huệ Chi và Đỗ Văn Hỷ. Trong thời gian biên soạn ông Quách Tạo có trao đổi thư từ cùng với nhà thơ Quách Tấn (anh ruột) về Đào Tấn.

Chúng tôi xin đăng nguyên văn bài “Dự thảo của ông Quách Tạo và trích đoạn bản thẩm định của hai Giáo sư Nguyễn Huệ Chi và Đỗ Văn Hỷ, đồng thời trích đăng các bức thư của nhà thơ Quách Tấn và em ông là Quách Tạo. Trao đổi với nhau về cuốn Hý Trường Tùy Bút”.

Sau đây chúng tôi xin tóm lược các ý kiến của hai Giáo sư Nguyễn Huệ Chi và Đỗ Văn Hỷ về cuốn Hý Trường Tùy Bút của hai ông Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa, ấn hành năm 1981 và đăng nguyên văn bản góp ý kiến của ông Quách Tạo về bản kết luận thẩm định của hai Giáo sư Nguyễn Huệ Chi và Đỗ Văn Hỷ.

I. NHỮNG NHẬN ĐỊNH SƠ BỘ VỀ TẬP “HÝ TRƯỜNG TÙY BÚT” CỦA CỤ ĐÀO TẤN (TÓM LƯỢC)

1. Vấn đề xuất xứ văn bản

Toàn bộ văn bản Hý Trường gồm có 9 tập tổng cộng 124 bài nhưng chỉ chọn dịch có 53 bài. Sự sắp xếp toàn bộ văn bản (không có bản gốc chỉ có bản sao chép) hoàn toàn không có trật tự, hợp lý.

Nhan đề các tập sách cũng không thống nhất. Khi thì Kịch Trường Tuy Bút sau đổi là Hý Trường Tuy Bút Lục.

Vấn đề được đặt ra là hai ông dịch giả đã dựa vào đâu để sao chép? Tìm được nguồn gốc nguyên bản là vấn đề ưu tiên được nêu ra.

2. Tình trạng văn bản

a. Sự mâu thuẫn rõ rệt trong văn pháp:

Văn pháp trong “Hý Trường Tuy Bút” rất phức tạp, khi thì văn ngôn khi thì dùng bạch thoại.

“Đào Tấn là người sống ở thế kỷ 19, chết năm 1907. Vậy ông viết xen bạch thoại cũng là dễ hiểu thôi. Nhưng chỗ lạ lùng là có những phần, những chương thì ông viết thuần túy văn ngôn mà là văn ngôn tối cổ, lại có những phần ông viết bạch thoại mà là bạch thoại rất mới chỉ có ở Trung Hoa đầu thế kỷ 20 mới có chứ ở Việt Nam ngay cả Phan Bội Châu, trước khi sang Tàu, sang Nhật cũng chưa dùng. Đào Tấn là người ở suốt đời ở trong nước, chết trước khi Phan Bội Châu xuất dương hai năm, vậy có thể tiếp xúc với văn học mới của Trung Hoa để viết những chương như trong Hý khúc đã dẫn được chăng?”

(Trích tham luận của Nguyễn Huệ Chi và Đỗ Văn Hỷ)

b. Sử dụng thuật ngữ Hý khúc Trung Quốc

Trong tập bản thảo Hý Trường Tuy Bút có nhiều thuật ngữ chuyên môn của Hý khúc cổ Trung Quốc mà tưởng hát VN thật ra không hề dùng hoặc quy chế lễ nhạc của ta chưa có bao giờ. Ví dụ như chữ Tự là một thuật ngữ rất cổ của Hý khúc Trung Quốc, ngay các nhà Nguyên, Minh không còn dùng nữa và đời Thanh đã không còn biết là chữ gì: mà trong Hý Trường Tuy Bút lại có thuật ngữ đó.

Cũng như trong bản thảo đã có câu “Tự Đức sơ, mệnh Trương Quốc Dụng chế chư diễn truyện dĩ bị nhạc phủ diễn tập (đầu đời Tự Đức vua sai Trương Quốc Dụng soạn các tích tuồng để dự trữ cho cơ quan nhạc phủ diễn tập) thì cơ quan nhạc phủ ở Việt Nam chưa bao giờ có.

c. *Ngữ pháp Hán văn non và vụng*

Trong 9 tập bản thảo có những phần viết văn theo lối văn ngôn già dặn, bạch thoại trôi chảy song lại có những câu những chữ dùng non nớt và vụng về mà một nhà đại nho như Đào Tấn không thể dùng đến như:

“Hát chèo mà có chỗ dịch là Trạo Hý, lại có chỗ dịch là Trạo Xướng, có chỗ dịch là Trạo Khúc... đều là cách dịch “mép” vì trạo là chèo, “trạo xướng” là hát chèo, trạo hý là tuồng chèo...

Không chỉ có thế mà trong bài số 9 tập I có câu:

“Nhâm Ngọ thu, dư soạn Vạn Bảo Trình Tường thành dư hữu hoặc ngữ dư viết: Thi diễn truyện dã vi quyển thập, vi mục nhị bách, thành văn thập dư vạn ngôn tuy vi tinh thẩm diệc phân bác hy” (mùa thu Nhâm Ngọ, tôi soạn xong bộ Vạn Bảo Trình Tường, bạn tôi có người nói với tôi: bộ tuồng này là 10 quyển là 100 mục, thành văn hơn 10 vạn lời, tuy chưa xét kỹ nhưng cũng thật phong phú sâu rộng vậy.)

Chỉ nghe lời dịch cũng thấy ngay những chữ vi quyển, vi mục, vi văn đặt ở đây làm hỏng cả cú pháp Hán văn.

3. Mối quan hệ giữa văn bản “Hý Trường Tuy Bút” và các tập luận văn Hý Khúc Trung Quốc

Có thể nói rằng trong 9 tập bản thảo đều có những hiện tượng vay mượn lộ liễu hay tinh vi trong sách vở Trung Quốc. Có trường hợp vay mượn rồi để nguyên đem vào trọn cả đoạn. Có trường hợp vay mượn rồi cắt xén, lấy đoạn này ở sách này chấp với đoạn nọ ở sách nọ. Có trường hợp chỉ vay mượn vài câu, lại có những trường hợp vay mượn nhưng lại đổi địa danh, nhân danh để người đọc tưởng như đây là chuyện tuồng hát đất nước. Mà diện sách dùng để vay mượn thì khá rộng rãi, luận thuyết có, tản văn có, thi thoại có và phổ biến nhất là sách lý luận hý khúc như Khúc thuyết, Kịch thoại, Kim nhạc khái chứng, Giáo phường phả chí của nhiều đời khác nhau.

Kết luận chung là sau khi so sánh văn bản giữa 9 tập Hý Trường Tuy Bút và các sách vở Trung Quốc thì tất cả những chỗ giống nhau mà do một nguyên nhân duy nhất là có người đã hữu ý lấy văn chương Trung Quốc, biến cải đôi chút rồi chen vào các trứ tác của Đào Tấn.

4. Những vấn đề thuộc về nội dung

Trong 9 tập bản thảo Hý Trường Tuy Bút có vẻ như chứa đựng những quan điểm, tư tưởng tiến bộ đi trước thời đại. Trong bối cảnh lịch sử cuối thế kỷ thứ 19 chưa cho phép Đào Tấn nghĩ và nói như vậy.

Ví dụ 1- Trong một vài bài mục Đào Tấn tỏ thái độ thương tiếc và cảm phục Cao Bá Quát và chê bai luật triều đình Tự Đức là tàn khốc. Có thể nghĩ được như thế không? Trong khi Đào Tấn cho đến cuối đời vẫn là một đại thần của nhà Nguyễn và vẫn sợ sệt không dám viết tuồng Thủy Hử vì sợ xúc phạm đến triều đình.

Ngoài sự tiến bộ về quan điểm về tư tưởng, về chính trị 9 tập bản thảo Hý Trường Tuy Bút còn có những ý kiến mới mẻ, tạo bao đáng ngạc nhiên trong quan điểm thẩm mỹ, quan điểm nghệ thuật. Điều này cũng khiến cho chúng ta khó nghĩ. Chẳng hạn về đề tài, Đào Tấn từng có nêu một vấn đề rất hay: Viết tuồng, khó nhất và cũng có lý thú nhất là viết về kẻ cướp. Trong thực tiễn sáng tạo nghệ thuật, ngòi bút tài hoa của Đào Tấn có thể sáng tạo nên nhiều nhân vật ăn cướp đặc sắc, điều đó, không có gì lạ. Nhưng trong nhận thức thẩm mỹ mà cho việc sáng tạo nhân vật ăn cướp hay hơn việc sáng tạo nhân vật vua giời tôi hiền thì thật không phải dễ hiểu. Vì điều đó đòi hỏi một sự đột biến quan trọng của tư duy nghệ thuật để có sự chuyển hóa từ ăn cướp đến người nghĩa dũng mà ở nhiều chỗ Đào Tấn còn rất sợ hãi, không dám viết về bọn cướp Lương Sơn Bạc kia mà...

2 - Một thí dụ khác, có chỗ Đào Tấn nêu kết cấu có hậu của truyện Kiều và tỏ ý không muốn một kết cấu như thế. Điều đó đương nhiên là một suy nghĩ đột xuất nhưng thời đại đã làm sao có thể cấp cho Đào Tấn sự suy nghĩ vượt bậc này? Phương thức phương Đông với phương thức Châu Á từ bao giờ cũng quấn quanh trong vận động tuần hoàn và chính vì tuần hoàn cho nên trong nghệ thuật bao giờ cũng đi đến hiện tượng “Đại đoàn viên”, một giấc mơ có hậu để thay cho sự thật phũ phàng là: mọi sự lại trở về

cái cũ, về ở điểm xuất phát. Hơn thế nữa, tư tưởng phương Đông cũng chịu ảnh hưởng rất nặng của “Thiên nhân hợp nhất” nên xem kịch tuồng, cũng như trong ứng xử hằng ngày ai cũng muốn mọi chuyện diễn ra đều êm đẹp như giấc mơ của mình. Đào Tấn với tất cả gánh nặng của điều kiện lịch sử đè trên lưng ông, làm sao dễ dàng hất bỏ được đi để đưa ra một quan niệm nghệ thuật không có hậu được?

Chỉ khi văn học Châu Âu du nhập, điều đó trở thành hiện thực.

3. Ngoài ra còn việc Đào Tấn đàm đạo nghệ thuật với Phan Thanh Giản là không hợp với sự kiện lịch sử vì khi cụ Phan Thanh Giản còn tại triều thì cụ Đào Tấn chưa đỗ đạt và khi cụ Đào Tấn vào triều thì cụ Phan lại vào Nam. Cũng như cụ Đào Tấn có nói đến việc các nàng kỹ nữ ở kinh đô được vào hát ở trong cung đình. Việc này chỉ có thể xảy ra ở Trung Quốc và “Biết đâu đây chẳng là tài liệu Trung Quốc bị cắt xén và du nhập vào bộ sách của ông Đào”

(Giáo sư Nguyễn Huệ Chi – Giáo sư Đỗ Văn Hỷ)

II. BẢN DỰ THẢO GÓP Ý KIẾN BẢN KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH 17 – 1 – 87 CỦA HAI GIÁO SƯ: NGUYỄN HUỆ CHI VÀ ĐỖ VĂN HỶ VỀ TẬP: HÝ TRƯỜNG TÙY BÚT CỦA CỤ ĐÀO TẤN

Trước tiên tôi xin hết sức thần phục hai đồng chí Giáo sư đã tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, đối chiếu một cách khoa học, nghiêm túc và đã phát hiện nhiều khuyết tật, nhược điểm gây nên những nghi ngờ, phân vân về xuất xứ, về sự chính xác của tác phẩm. Những điều hai Giáo sư đã nêu lên đều là những vấn đề cần được xác định, cần được giải đáp rõ, trước khi tái bản tập Hý Trường Tùy Bút.

Và hai đồng chí Giáo sư đã kết luận:

1. Có người đã hữu ý lấy văn chương Trung Quốc biến cải đôi chút rồi chen vào các trứ tác của Đào Tấn....

2. Cần phải tìm ra cho bằng hết những đoạn văn như những ví dụ trên và loại bỏ khỏi tập Hý Trường Tùy Bút tái bản.

Và hai Giáo sư cũng có nêu lên 3 điểm về nội dung, đáng nghi ngờ:

1. – Trong tập Hý Trường Tùy Bút có vẻ như chứa đựng những quan điểm, tư tưởng tiến bộ đi trước thời đại (bối cảnh lịch sử hồi cuối Thế kỷ XIX chưa cho phép Đào Tấn nghĩ và nói như vậy).

2. – Hý Trường Tùy Bút lại còn đi đến những ý kiến mới mẻ, táo bạo đáng ngạc nhiên trong quan điểm thẩm mỹ, quan điểm nghệ thuật. Điều này cũng khó nghĩ không kèm vấn đề đã nêu ở trên...

3. – Những hiện tượng phi lịch sử như việc Đào Tấn đàm đạo nghệ thuật với Phan Thanh Giản. .

I. Về hai quan điểm kết luận thẩm định

Tôi xin góp ý kiến về hai điểm kết luận trên như sau: Tôi rất tán thành ý kiến thứ hai của hai Giáo sư về việc cầm tù và loại bỏ những đoạn sao chép sách lý luận Trung Quốc nhất là những đoạn chỉ có tính chất lịch sử của Trung Quốc, không liên quan gì đến lý luận sân khấu tuồng. Nhưng đoạn ấy để lại không thêm gì cho lý luận tuồng, mà chỉ có hại cho tập sách.

Về ý kiến thứ nhất: “Có người hữu ý lấy văn chương Trung Quốc biến cải đôi chút, rồi chen vào các trứ tác của Đào Tấn”, tôi xin nói điều tôi biết như sau:

a. – Trước khi đọc được bản HÝ TRƯỜNG TÙY BÚT xuất bản năm 1983, tôi chưa nghe nói đến tác phẩm ấy của Đào Tấn, trong thư mục của ông do gia đình lưu lại mà tôi đã có dịp biết trước kia, không thấy ghi tập sách lý luận sân khấu tuồng ấy. Chắc chắn là cụ Đào Tấn chưa viết những suy nghĩ, kinh nghiệm về viết tuồng về đạo diễn tuồng, về nghệ thuật tuồng ra thành sách hoàn chỉnh. Vì nếu sách đó đã viết xong, đã đặt tên là HÝ TRƯỜNG TÙY BÚT, thì nhất thiết gia đình không thể bỏ quên không ghi vào thư mục hoặc nếu chỉ mới viết về sơ thảo, chưa đặt tên, thì nhất thiết gia đình cũng sẽ ghi vào thư mục với một tên gì đó. Một bộ sách 7 tập (không kể 2 tập của Nguyễn Bá Huân và Nguyễn Trọng Tri) không phải là một quyển vở nhỏ, có thể bỏ quên không ai biết để ghi lại.

b. – Trái lại những lý luận riêng về nghệ thuật tuồng chép trong bộ Hý Trường Tùy Bút, cũng như những trích dẫn sách lý luận Hý Khúc Trung Quốc ghi trong Hý Trường Tùy Bút không thể của ai khác đưa vào, mà lại chính là của Đào Tấn. Hai Giáo sư đã tra cứu, tìm tòi thấy rằng những đoạn trích dẫn, ghi chép ấy

nằm rải rác trong nhiều tập lý luận Hý Khúc cũ của Trung Quốc ở nhiều triều đại. Ít ai có đủ điều kiện và cần nghiên cứu, tìm tòi những lý luận Hý Khúc như Đào Tấn: Điều kiện là: ông giao du rất rộng và có cả những học giả hoa kiều và vì ông ở “Cái” nhiều năm để viết tuồng, có cả một kho sách lớn được thường xuyên bổ sung của Vua để học, nghiên cứu, không thể nói là người nào đó đã đem nhét thêm vào trữ tác của ông. (Lại càng không thể nghĩ rằng: Chính những người sưu tập được đã thêm vào để tăng giá trị cho Hý Trường Tuy Bút để bán được giá).

c. – Thế thì tại sao lại có 9 tập lấy chung tên là Hý Trường Tuy Bút và vì sao lại sắp xếp lộn xộn, phân chia tùy tiện, những chỗ sao chép sống sượng, những lời viết bất thông, què vụng, lủng ca lủng củng trong 9 tập ấy?

Ý kiến tôi xin trình bày là:

1. – Cụ Đào Tấn chưa tự tay viết ra tập lý luận về Hý Khúc tuồng một cách hoàn chỉnh (nên con cháu không ghi vào thư mục) nhưng cụ đã ghi những ý, những lập luận, những nhận xét riêng về tuồng cũng như những điều đọc được trong sách lý luận Hý Khúc cũ của Tàu và đã dùng những “notes” ghi nhớ đó để giảng dạy ở Học Bộ đường và nhất là trong các cuộc đàm thoại, trao đổi ý kiến về tuồng về sân khấu, về diễn xuất, về viết kịch bản... với con (Thuần, Tuyên, Thạch) với các bạn tri âm (Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Tri, Võ Kiêm ...).

2. – Con cũng như các bạn nghe, có ghi lại, có chép lại những đoạn cụ đã ghi hoặc đã chép ở sách ra. Có cụ về sau gom góp lại, tự mình chấp nối, viết lại để rồi dùng đem dạy lại cho học trò mình, hoặc trao đổi với bạn bè, với người đồng điệu. Nhưng cũng có cụ chỉ nghe, nhớ nói lại mà không ghi chép gì. Những người nghe lại, cũng như những người nghe lớp thứ ba, cũng sử dụng như thế, những kiến thức, kinh nghiệm khẩu truyền của cụ Đào.

Cụ nói chuyện, giảng dạy bằng tiếng Việt, các người nghe lớp thứ nhất, cũng như lớp thứ nhì, lớp thứ ba lại phải tự mình dịch ra chữ Hán để ghi, ít ai ghi tiếng Nôm. Vì vậy trong các bản ghi lại có thể có ba loại văn: Một là văn ngôn già dặn, hoặc Bạch thoại đúng đắn, do chép lại những điều cụ đã ghi, đã chép trong sổ tay.

Hai là: Những lời dịch lại câu chuyện tiếng Việt.

Ba là: Phát biểu ý kiến riêng của mình, thuật lại những điều tâm đắc, hoặc được nghe cụ khuyên bảo.

Vấn trong hai loại này đúng đến mức nào, thô hay tao nhà, tùy thuộc vào trình độ Hán học của người ghi chép lại (phần nhiều chỉ ghi chép cho mình nhớ mà không hẳn là dụng ý viết thành sách để lưu truyền).

Thầy Nghè Trì truyền dạy lại thầy Tú Mậu, cũng như cụ Võ Kiêm truyền lại cho cụ Tú Trấp đều qua những ghi chép riêng như thế. Rồi các cụ Tú Mậu, Tú Trấp, cũng ghi lại, truyền lại như thế. Và học trò của các cụ ấy, lại ghi, lại dịch, lại truyền, giảng dạy... Chính khi ghi chép lại những điều cụ Đào đã tự tay viết hoặc chép trong sổ tay, các cụ sau cũng không chú ý phân biệt đoạn nào, ý nào của cụ, đoạn nào ý nào là cụ chép trong sách Tàu, người sao chép thế hệ 2, thế hệ 3 càng không phân biệt, có khi cũng không hiểu ý nghĩa câu văn. Đó là lý do tại sao mà có tình trạng ngọc đá vàng thau lẫn lộn trong một tác phẩm gây nghi vấn khó hiểu.

d. – Hý Trường Tuy Bút đã được trích dịch, xuất bản năm 1983, không phải do cụ Đào Tấn đã viết thành bài hoàn chỉnh, sắp xếp thành tập và đặt tên Hý Trường Tuy Bút (như đã trình bày trên kia).

Nhưng những ý, những lập luận, những trích dẫn sách cũ trong các tập ấy, lại chính là của cụ, những đoạn ghi chép của cụ, những lời cụ đã truyền đạt, đàm luận với bạn bè, được người nghe, hoặc nghe lại chấp nối, dịch lại ghi thành bài.

Cần biết rõ: 9 tập nói chung là Hý Trường Tuy Bút ấy từ đâu ra? Đây là điều cần trao đổi lại với anh Nguyễn Thế Triết để biết rõ. Qua đó sẽ tìm ngược lên xem người gom góp ghi chép lại, thuộc học trò thế hệ thứ mấy? Là ai? con cháu còn ai? để có thể trực tiếp hỏi thêm những điều bổ ích về xuất xứ của tập Hý Trường Tuy Bút. Nếu không tìm được ta cũng có thể duyệt lại để:

- Loại bỏ những đoạn sao chép, không liên quan đến lý luận sân khấu tuồng Việt Nam.

- Chính lại cách viết, lời văn, những đoạn có ý tứ hay, gắn liền với lý luận sân khấu tuồng, những đoạn viết không nhã thuần, sai văn phạm, cú pháp...

- Loại bỏ những đoạn rõ ràng không phải của cụ Đào, như trong hai tập của anh em cụ nghè Trì. Nếu đoạn nào liên quan đến quan

điểm nghệ thuật tưởng của cụ Đào, nhận xét về sáng tác tưởng của cụ Đào, những lời khuyên bảo của cụ Đào trong việc sáng tác, đạo diễn tưởng, do các cụ ấy viết thì nên để thành mục riêng phụ thêm vào bản chính đã hiệu chỉnh.

Còn tên sách thì cũng cần hỏi lại anh Triết cho rõ hơn.

(Và sau đây xin nói thêm về việc vay mượn và văn phạm).

Trước khi trình bày về những tiến bộ vượt bậc trên quan điểm, tư tưởng và nghệ thuật của Đào Tấn.

A. Xin nói thêm về vấn đề vay mượn văn từ sách cổ Trung Quốc khi sáng tác văn học ở nước ta trước kia.

Ngày trước, các nhà viết văn của ta vận dụng sách cũ bằng hai cách:

1. – Viện dẫn ý, lời sách xưa để chứng minh, để tăng trợ, làm đầu đề cho một luận văn, một ý kiến, một quan điểm của mình. Trong trường hợp này, thường ghi rõ xuất xứ như nói: Gia Cát Võ Hầu viết... Mạnh Tử viết...

2. – Nhưng cũng lắm khi lấy hẵn một đoạn, một ý, một câu hoàn chỉnh, của cổ nhân, mà không cần chú rõ là lời của ai, chép ở sách nào.

Như: Phùng Khắc Khoan viết một quyển sách về thi pháp, được Lê Quý Đôn khen hay, nhưng thật ra trong đó có nhiều đoạn, nhiều câu sao chép nguyên văn của sách cũ Trung Quốc.

Hoặc như: Cao Bá Quát để tựa tập thi của Tùng Thiện Vương đã chép y một đoạn dài trích trong Tù Viên Thi Thoại, mà không hề ghi chú là lời của Viên Mai.

Và dễ thấy hơn nữa là bài Bình Ngô Đại Cáo nổi tiếng của Nguyễn Trãi đã sao chép nhiều đoạn văn, nhiều hình ảnh nghệ thuật, nhiều hình tượng triết lý của người xưa trong nhiều sách Trung Quốc.

Nói thêm điều này để chúng ta không nên quá chặt chẽ, câu chấp về những lời những ý mượn của sách cũ, trong các áng văn Việt Nam trước đây.

Vì vậy, nếu trong Hý Trường Tù Bút có một đôi đoạn nào sao chép của sách Tàu, nhưng nội dung ý nghĩa phù hợp với lý luận

tuông, cần thiết để bổ sung, để làm sáng tỏ lập luận của tác giả thì cũng không nên nhất thiết loại bỏ (vì lý do vay mượn).

B. Xin nói thêm về vấn đề văn phạm, ngữ pháp.

Trong bản kết luận của hai Giáo sư, có chỉ ra một số câu viết không đúng văn phạm Trung Quốc, ngữ pháp lại theo cách nói Việt Nam v.v...

Trên kia tôi đã nêu ý kiến: Những đoạn văn ghép nối, những đoạn văn nói về mình, về ý người khác... phần lớn là những câu dịch từ các lời thảo luận trao đổi bằng tiếng Việt, và tùy theo trình độ Hán học của người ghi lại mà đúng hay sai, thuần hay thô.

Nhưng cũng nên chú ý một điều là các cụ ta ngày trước học chữ Hán không như học sinh Đại Học của ta hiện nay, không hề được học văn phạm ngữ pháp, mà “chỉ học thuộc lòng những câu sách, nhớ nhiều câu, nhiều cách đặt câu... Đến khi viết ra văn, chủ yếu là mượn câu sẵn đã học, đã nhớ được, thay đổi động từ, danh từ, tính từ cho đúng ý mình muốn nói thế là thành câu. Vì vậy mà nhiều khi lấy 1 verbe intransitif thay vào 1 verbe transitif của câu cũ, thành sai văn phạm mà không biết. Nhất là khi gặp những động từ được dùng làm danh từ hay ngược lại thì việc thay thế càng dễ nhầm hơn...”. Ý kiến này là của ông Phan Khôi.

Ông Phan Khôi, viết trên báo phụ nữ Tân Văn (hoặc Thời Đàm không nhớ rõ, vào khoảng 1931– 1932. Mở đầu việc giới thiệu phương pháp học chữ Hán...) Ông Phan Khôi có nhận xét chung là người Việt Nam chúng ta, chỉ trừ Cao Bá Quát chưa có người nào viết thật đúng văn phạm Trung Quốc. Chính như người hay chữ bậc nhất cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ 20 là cụ Phan Bội Châu, cũng viết chưa đúng văn phạm Trung Quốc. Dẫn chứng là Lương Khải Siêu giới thiệu tập Việt Nam vong quốc sử của cụ Phan Bội Châu có viết: “Lời văn chưa được nhã thuần, nhưng vì là người Việt Nam viết về lịch sử Tổ quốc mình, nên không dám sửa chữa” để xin lỗi bạn đọc Trung Quốc.

Như thế chúng ta cũng không loại trừ, trường hợp chính các cụ nghệ Tri, Bá Huân dịch lời đàm thoại trong khi trao đổi ý kiến với cụ Đào, cũng viết sai văn phạm mà không biết (nếu nhận xét của Phan Khôi đúng). Hơn nữa nếu chỉ là phóng bút viết ghi chú để nhớ mà không chú ý nhiều đến ngữ pháp, văn phạm...

II. Về ba vấn đề nội dung 2 giáo sư đã nêu lên

Sau khi nêu lên hai kết luận về tác phẩm Hỷ Trường Tùy Bút (HTTB) hai Giáo sư có nêu thêm 3 điểm về nội dung cần xem xét lại:

– HTTB hình như chứa đựng những tư tưởng, quan điểm tiến bộ đi trước thời đại mình.

– HTTB lại có những ý kiến mới mẻ, táo bạo đáng ngạc nhiên trong quan điểm thẩm mỹ, quan điểm nghệ thuật.

– Những hiện tượng phi lịch sử, như đàm luận nghệ thuật với cụ Phan Thanh Giản.

Hai điểm 1 và 2 nêu lên nghi vấn “Bối cảnh lịch sử hồi cuối thế kỷ XIX chưa cho phép Đào Tấn nghĩ và nói như vậy...”. Hoặc “một người như Đào Tấn, không dám viết về Thủy Hử vì sợ động phạm triều đình, mà lại có nhận thức thẩm mỹ cho sáng tạo nhân vật ăn cướp hay hơn sáng tạo nhân vật vua giỏi tôi hiền... hoặc tỏ ý không muốn một kết cấu có hậu... hình như không đúng.

Rất tiếc là hiện tại tôi không có trong tay quyển HTTB để đọc xem trong tập lý luận Hỷ Khúc ấy viết về hai vấn đề ấy như thế nào để góp ý kiến cho sát.

Những nghi vấn nêu ra, rất hay và theo ý tôi thì cái Vĩ Đại của Đào Tấn, sẽ càng được chứng tỏ hơn khi ta chứng minh được rằng: Thiên tài của Đào Tấn đã đẩy quan điểm tư tưởng, quan điểm thẩm mỹ, nghệ thuật tiến bộ vượt lên trước thời đại của mình.

Chứng minh sự tiến bộ vượt thời đại này, không chỉ xét nội dung của HTTB, mà phải xét toàn bộ các loại tác phẩm Văn học, nghệ thuật sân khấu tuồng của Đào Tấn. Và qua đó sẽ có đầy đủ hơn những chứng lý cụ thể để xác nhận một thiên tài. Và đó lại là một việc khác, không thuộc phạm vi góp ý kiến về bản kết luận thẩm định HTTB này.

Nhưng dù ở đây chưa đi sâu vào phân tích nội dung, nghệ thuật của các bản tuồng của Đào Tấn, để chứng minh những tiến bộ vượt thời đại của Đào Tấn, tôi cũng xin nêu một số ý kiến sau đây:

– Không nên đồng nhất sự cảnh giác đề phòng, không chui đầu vào ngục văn tự, với việc không đảm bảo chính nghĩa, không dám phê phán những luật lệ tàn ác của triều Nguyễn (như hình phạt tru di tam tộc) xin đọc lại Tam Nữ Đồ Vương, Sơn Hậu sẽ thấy rõ. Và cần biết rõ cái lưới “NGỤC VĂN TỰ” đã chụp huyệt

Đào Tấn như thế nào, để càng thông cảm với thái độ của cụ là: “Đừng đại dốt chui đầu vào Ngục Văn Tự”, để càng thấy rõ ràng sự răn đe của Ngục Văn Tự, chỉ làm cho cụ cảnh giác thận trọng mà không hề mất dũng khí vạch trần, tố cáo sự tàn bạo, sai trái (Phản Trụ, đầu Châu, phế hôn quân chi tàn bạo).

– Cũng đừng nên suy luận rằng: con người đã cảnh giác, khôn khéo không viết tuồng về Thủy Hử sợ động chạm đến triều đình (cũng tức là tránh lưới Ngục Văn Tự) lại có thể cho việc sáng tạo nhân vật ăn cướp hay hơn sáng tạo nhân vật vua giỏi tôi hiền. Đó là điều khó hiểu! Nhưng nếu đi sâu hơn phân tích các vai Tiết Cương, Kỷ Lan Anh, hoặc Châu Thương v.v... thì có lẽ thấy rõ hơn, ba anh chị chúa trại ấy, chỉ huy hàng trăm lâu la, đón đường cướp của, sống bất hợp pháp nơi lục lâm lại có một đời sống, một tâm tình thật dễ cảm, dễ thương. Gương mặt thật dễ sợ mà người xem lại mến thương...

– Thời đại làm sao đã cấp cho Đào Tấn sự suy nghĩ vượt bậc không muốn có “kết cục có hậu” trong khi tư tưởng phương Đông và phương thức châu Á từ bao giờ vẫn quẩn quanh trong vận động tuần hoàn, hướng nghệ thuật phải đi đến hiện tượng Đại đoàn viên “một giấc mơ có hậu”. Điều đó xin nhường cho các nhà nghiên cứu có thẩm quyền, các nhà xã hội học tìm ra câu giải đáp. Chúng tôi chỉ xin lưu ý đến những bản tuồng: Diễn Vô Đình, kết thúc với câu của Triệu Khánh Sinh bỏ ra đi:

Chút thân liễu gửi cung dâu

Đố con lương mã biết đâu là nhà?....

Tướng Phong Ba Đình, với cái chết oan ức của tướng Nhạc Phi, tướng Hộ Sinh Đan kết thúc khi vợ chồng lạc nhau, bơ vơ vô sở định, tương lai chỉ trong ước mong v.v... Cái kết mà chưa kết, cái hậu chỉ manh nha, để cho người xem tự đoán lấy... rất cao tay.

Về điểm thứ 3: Hiện tượng phi lịch sử: Ông Đào Tấn đàm luận về nghệ thuật với Phan Thanh Giản thời điểm nào? Khi ông Phan ở kinh thì Đào Tấn chưa đỗ đạt. Khi Đào Tấn ở kinh thì ông Phan đã vào Nam giải quyết vấn đề rắc rối trong đó, rồi mất ba tỉnh miền Đông, rồi mất ba tỉnh miền Tây, rồi tự vận. Thì Đào Tấn không có điều kiện cùng cụ Phan trao đổi (theo 2 Giáo sư).

Về điểm này, tôi thấy đây là vấn đề cụ thể cần tra cứu lại, chỉ lưu ý rằng: Cụ Phan vào trấn thủ lục tỉnh không phải ở luôn trong đó mà có nhiều lúc được điều về kinh bàn luận với triều đình về việc đối phó với mưu đồ xâm lược, về kế hoạch cụ thể sang Pháp xin chuộc lại 3 tỉnh, và khi về lại kinh tấu, thỉnh ý... Có lẽ không phải chỉ ở lại kinh đô dăm ba ngày, một vài chuyến mà có thể hàng nhiều lần, mỗi lần hàng tháng nằm chờ chực. Lại gì thỉnh khí ứng cầu, hai người có tâm tư, có tài học và biết tài nhau, lại không tìm đến nhau đàm đạo?

Ngày 22 tháng 2 năm 1987

Quách Tào

III. Thư từ giữa Quách Tấn và Quách Tào về tập Hý Trường Tùy Bút

1. Hà Nội 10 – 12 – 1986

Anh chị kính mến!

Sau khi ông Nguyễn Th Khoán (Mịch Quang) và ông Hoàng Chương phó Viện trưởng viện sân khấu Trung ương đến trao đổi và mời họp bàn về tập Hý Trường Tùy Bút của cụ Đào, tôi không đến dự vì khi ấy chưa được điện của anh. Nhưng trong cuộc họp họ đã nêu một số ý kiến của tôi về tập ấy. (Không biết nêu thế nào).

Vào cuối tháng 11– 1986 có ông Viện trưởng viện Văn học (con trai ông Nguyễn Đồng Chi) và chị Hảo (người biên tập về thơ của anh cho từ điển Văn học), đến nói rằng:

Có điện của đồng chí gì phụ trách văn nghệ Nghĩa Bình mời đích danh đồng chí Viện trưởng ấy và tôi vào Nghĩa Bình để duyệt xem bản sao Hý Trường Tùy Bút có đúng là của cụ Đào Tấn không? Vì sau khi Nguyễn Thế Triết dịch và Nghĩa Bình xuất bản, có hai người nghiên cứu so sánh thì thấy có những đoạn dài sao y những sách lý luận về sân khấu của các đời Nguyên, Minh, Thanh. Lại hơn nữa là có chép cả một đoạn của Lương Khải Siêu viết năm 1907 là năm mà cụ Đào Tấn đã mất rồi. Vì vậy mà nhiều người nghi ngờ là Nguyễn Thế Triết vẽ rắn thêm chân, đem những ghi chép ấy thêm thắt vào để tăng giá trị, kiếm tiền.

Đồng chí Viện trưởng Viện Văn học ấy là một người nghiên cứu, nêu vấn đề. Vì vậy họ mời vào, còn tôi vì trong cuộc họp có

nêu ý kiến bảo vệ quyền Hy Trường Tùy Bút ấy nên mời vào để trình bày thêm. Tôi rất ngạc nhiên và nói với ông ấy rằng: Tôi không hề dự cuộc hội nghị nói trên và không biết ai đã thay mặt và nhân danh tôi phát biểu tại hội nghị ấy. Sự thật là tôi chưa hề được đọc bản Tùy bút ấy của cụ Đào và nếu có đọc thì chắc chắn cũng không thể nào biết được đoạn nào thật của cụ, đoạn nào cụ trích dẫn sách Tàu, đoạn nào người sau thêm thắt vào. Đây không phải là một việc suy đoán mà là một công việc nghiên cứu khoa học rất thận trọng, với đủ tài liệu tư liệu, phải biết rõ văn phong, bút pháp của cụ Đào mới phân tích được. Nay Nghĩa Bình nhờ hai người làm trong mười hôm cho kịp kết luận ở cuộc hội nghị lớn về Đào Tấn... thì thật là giao cho một anh thợ mã về lại La Joconde trong một ngày.

Ông Viện trưởng nói:

Viện Văn học, Viện Sân khấu, Tuyên giáo Nghĩa Bình dự định đưa cụ Đào Tấn thành một danh nhân thế giới, mà nhu thế là rất xứng đáng. Nếu xét được Hy Trường Tùy Bút đúng là của cụ thì cụ vừa là nhà thơ (poète) vừa là nhà viết kịch (dramatique) tầm cỡ Quốc tế, đáng được tổ chức kỷ niệm 150 năm ngày sinh trên toàn thế giới.

Nếu không đúng của cụ hoặc là nội dung vay mượn quá nhiều thì ta không cần đưa thêm ra. Chỉ các bản tuồng, thi, từ của cụ cũng đủ lắm rồi. Nhưng đúng như lời bác nói: “nghiên cứu xác định này là một công trình khoa học liên quan đến Văn học Trung Quốc, và đòi hỏi thời gian. Nay có lẽ họ đã có định kiến rồi nếu mình nói đúng theo ý nhận xét của họ thì trách nhiệm đó sẽ đổ trên đầu mình. Nếu ý kiến mình khác, họ vẫn bất chấp cứ làm, nhưng để nghị bác cứ nhận lời chúng ta vào xem ra sao rồi nói rõ cho họ biết là không nên hấp tấp, yêu cầu có thời gian tra cứu kỹ, nhân tiện sẽ cùng vào Nha Trang thăm bác Quách Tấn hỏi thêm. Tiền máy bay khứ hồi và chi tiêu họ chịu cả.

Tôi dứt khoát từ chối vì theo đúng câu “Pas plus haut que les chausses” Hơn nữa con ếch có xin thêm mười năm cũng không phồng to dần bằng con bò được. Mà biết không làm được vẫn cứ nhận lời là một sự lợi dụng, malhônête. Rất tiếc cơ hội, nhưng lương tâm cắn...

(Trích thư Quách Tạo gửi Quách Tấn ngày 10-12-86)

2. Nha Trang, 3 tháng 1 năm 1987

CHÚ TẠO!

Thư ngày 10-12-86 của chú đã đến!

Tôi muốn góp phần xây dựng nền văn học tinh nhà, nhưng một số người quyền thế ở địa phương lại tìm cách ngăn trở !!! Àu là mình cứ viết rồi để đó làm “danh sơn sự nghiệp”, chỉ mong sao văn mình không bị “lụy phần dư”.

Về HÝ TRƯỜNG TÙY BÚT: tên sách không phải tên của cụ Đào đặt mà hoặc Nguyễn Thế Triết hoặc Ty Văn Hóa Nghĩa Bình tự đặt ra. Một việc làm quá táo bạo đối với cổ nhân. Thật thiếu lễ!

Cụ Đào lúc về hưu ở Vinh Thanh thường đem những sở đắc của mình ra truyền cho đoàn hậu học, và thường bàn cùng hai anh em cụ Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Tri và cụ Tú Võ Kiêm... về công dụng của tuồng hát bội, về nghệ thuật soạn tuồng và diễn tuồng. Cụ Đào mất, cụ tú Võ có dạy được một số nghệ nhân ở Phù Cát, còn cụ nghệ Trì thì đào tạo được một người học trò xuất sắc là thầy tú Lâm Thúc Mậu ở Nhơn Ngãi.

Năm 1929, sau khi đậu bằng Cao Đẳng Tiểu Học rồi, tôi bị khám huyết, xuống Qui Nhơn điều trị, tôi gặp cụ tú Võ Kiêm và tôi được nghe cụ nói chuyện cùng ông Tô Phong, cha vợ anh Nguyễn Tráp, cụ tú Võ Kiêm và thầy tú Võ Tráp có việc xuống ở Qui Nhơn ngót cả tháng. Để có nơi rộng rãi mát mẻ hai ngài đêm đêm đến ngủ tại chùa Quang Đông, nơi chúng mình ở trọ ngày trước. Tôi nằm bệnh viện Qui Nhơn, tối tối cũng ra đó hầu chuyện hai ngài. Lúc ấy tôi chưa biết gì về hát bội, nhưng nghe có nhiều điều trong phép soạn tuồng bổ ích cho việc làm thơ nên thích nghe. Nghe chăm chỉ nhưng chỉ ghi nhớ những gì có thể ứng dụng vào thơ.

Thời kháng chiến chống Pháp, tôi được thường gần gũi cùng thầy tú Lâm. Mỗi lần gặp, thầy thường đem những cái hay cái thú trong nghề ra nói cho tôi nghe. Những điều thầy nói, một số tôi đã được nghe cụ tú Võ nói rồi, nhưng thầy nói tỉ mỉ hơn, rành mạch hơn. Nhờ đã có chút ít vốn trong người, nên tôi thu thập dễ dàng. Để cho khỏi quên tôi lại ghi chép những nét chính. Thấy tú bảo tôi về nghiên cứu kỹ và viết lại để lưu truyền hậu thế, thầy viết quốc văn không thạo nên lâu nay cái này chỉ để bụng. Tôi nghĩ đến chú, vì chú rành về hát bội, nhưng chú bận công tác, tôi

lại “bận tản cư” nên học mà không hành được. Năm 1960, tôi gặp lại thầy Lâm, thầy nhắc tôi về việc ấy và nói:

– Ông không lo làm sớm thì khi tôi mất rồi không còn ai chỉ dẫn.

Lúc ấy tôi còn đương làm công chức và đương lo việc văn thơ, tôi định lúc về hưu rồi, rảnh rang sẽ liệu. Nhưng khi tôi rảnh rang thì thấy tú không còn nữa. Tôi cũng có hơi tiếc, song không tiếc lắm, vì việc thơ là “phận sự” của tôi mà tôi lo chưa xong, thì việc hát bội không lo xong cũng không tiếc mấy. Huống nữa lúc bấy giờ hát bội đã bị xem khinh, thì viết cho ai những cái hay cái đẹp trong môn nghệ thuật ấy?

Chẳng ngờ những gì mình đã thu thập được không đến nỗi vô dụng:

+ Năm 1978, ông Nguyễn Đồng Chi với tư cách Viện trưởng Viện Hán Nôm Hà Nội viết thư vào mời tôi cộng tác trong công việc biên soạn bộ TỪ ĐIỂN THƯ TỊCH HÁN NÔM. Tôi liền nhận viết những bài “lược thuật tuồng cổ”. Nhờ có hiểu biết được ít nhiều về tuồng hát bội, tôi viết được dễ dàng và nêu được đôi đặc điểm, trong mỗi tuồng của mỗi tác giả. Tôi viết cho đến ngày ông Nguyễn Đồng Chi tạ thế. Vì có nhiều người viết về hát bội, nên tôi chỉ viết có 24 bài. Sau khi ông Nguyễn mất, tôi không được thư từ gì của Viện cả, mặc dù tôi vẫn gửi bài và có thư... Tôi không hiểu những bài tôi viết gửi cho Viện có được đăng vào bộ TỪ ĐIỂN hay chẳng và bộ TỪ ĐIỂN có tiếp tục sau khi ông Nguyễn qua đời chẳng? Tuy vậy cũng có thể gọi là “con tầm đã nhả được ít nhiều tơ để dền nợ dẫu” rồi vậy.

+ Năm 1982, ông Nam Hà Ty trưởng Văn hóa Nghĩa Bình đi công tác Sài Gòn về, ghé Nha Trang mời tôi về Qui Nhơn cùng anh em văn nghệ sỹ địa phương xây dựng thư viện Đào Tấn. Tôi hoan hỷ nhận lời. Về Qui Nhơn, trong bữa cơm thân mật do Ban Nghiên Cứu Nghệ Thuật Tuồng Cổ đãi, tôi có kể nhiều giai thoại về hát bội. Ông Hồ Đắc Bích Phó Ty trưởng Văn hóa Nghĩa Bình, phụ trách việc nghiên cứu tuồng cổ, nói:

– Về việc xây dựng Thư viện Đào Tấn, Ty sẽ làm hợp đồng với anh. Trong khi chờ đợi, Ban Nghiên Cứu Nghệ Thuật Tuồng Cổ xin “đặt hàng” anh viết một tập về giai thoại như những mẫu chuyện anh vừa kể, để Ban Nghiên Cứu cho xuất bản.

Về Nha Trang tôi lo viết. Những điều “nghe thấy” nằm sẵn trong trí rồi, nên viết ra không đến nỗi khó khăn. Chỉ trong vòng

không đầy một tháng, tôi hoàn thành tập ĐẠO QUANH HÝ TRƯỜNG. Tôi nhắn cho Qui Nhơn biết, ông Vũ Ngọc Liễn một thành viên trong Ban Nghiên Cứu Nghệ Thuật Tuồng Cổ, vào nhận tập ĐẠO QUANH HÝ TRƯỜNG. Tôi đưa cho ông ấy xem qua rồi nói:

– Tôi sẽ giao tác phẩm sau khi hợp đồng ký xong.

Tôi học được tánh cẩn thận đó nơi Xuân Diệu.

Xuân Diệu được mời tham dự “Hội Nghị Đào Tấn” do Ty Văn hóa Nghĩa Bình tổ chức. Vào Nha Trang chơi, Diệu đến mượn tôi mấy quyển tuồng của Đào Tấn để viết bài “tham luận” đọc ở Hội Nghị. Tôi cho mượn, Diệu viết biên nhận với kỳ hạn trả sách, tôi bắt ngay:

– Diệu tưởng mình không tin Diệu hay sao?

Thành thật và tự nhiên Diệu đáp:

– Anh không nên tin ai hết, không phải ai cũng có những vật cổ như thế này. Hễ cho mượn mà không nhớ đòi thì mất.

Lại dặn thêm:

– Tôi nghe anh đã bị lợi dụng nhiều lắm. Anh nên cẩn thận, làm việc gì... cũng phải... “Giấy trắng mực đen”.

Thời tiền chiến, Xuân Diệu không ưa tôi. Trong làng thơ 1930 – 1945, tôi chỉ coi C.L.V, Y.L, Bích Khê là bạn thân. Không ngờ thời Cách Mạng, những người trước kia mình coi là bạn thân, trở thành bạn sơ, còn người không phải bạn ngày xưa, lại trở thương mình thế ấy! Tôi cảm động hết sức. Và lời chân tình của Xuân Diệu khắc sâu vào lòng tôi.

Vì đòi “hợp đồng” mà mãi đến nay vẫn không thấy đâu cả, nên ĐẠO QUANH HÝ TRƯỜNG (DQHT) vẫn còn nằm trong tủ sách gia đình.

Khi Vũ Ngọc Liễn vào gặp tôi để lấy tập D.Q.H.T. có tặng tôi một quyển Hý Trường Tùy Bút do Ty Văn Hóa Nghĩa Bình vừa xuất bản. Xem qua tập này, tôi mừng quá đỗi mừng: những gì tôi kể trong D.Q.H.T, phần nhiều đều có chép đại khái trong H.T.T.B.

Nhưng tên Hý Trường Tùy Bút không tìm thấy trong bản kê tác phẩm Đào Tấn mà tôi đã lần lượt bổ sung từ trước. Hỏi ra mới

biết tên sách do ông Triết, người phiên âm và dịch nghĩa tập sách, hoặc Ty Văn Hóa Nghĩa Bình mới đặt khi cho sách ra đời.

Tôi đoán chắc rằng cụ Đào Tấn không viết riêng một tập sách về hát bội. Những bài trong Hý Trường Tùy Bút chắc chắn ông Triết đã rút trong tập Mộng Mai Văn Sao. Đó là những bài Ký, như Linh Phong Tự Ký, Tang Sự trích biên..., xếp thành một chương trong tập Văn Sao. Đó là tôi ước đoán mà thôi.

Nghe nói Hý Trường Tùy Bút ra đời có nhiều báo chí ở Hà Nội chỉ trích. Tôi không được xem những báo chí ấy. Có người dựa theo các báo chí bảo rằng ông Nguyễn Thế Triết đã giả mạo sách. Nói thế là đề cao ông Triết thái quá, bởi ông Triết người tân học dù có giỏi chữ Nôm, và chữ Hán đến đâu đi nữa, cũng không đủ sức viết một tập văn bằng chữ Hán mà ít nhà cựu học viết được như thế. Lại có người cũng dựa theo báo chí, bảo rằng ông Triết đã lấy những lý luận sân khấu trong các sách đời Nguyên, Minh, Thanh và của Lương Khải Siêu đem vào tập Hý Trường Tùy Bút để làm tăng giá trị quyền sách này dạng bán được nhiều tiền. Nói thế cũng là đề cao ông Triết, bởi những sách “lý luận về sân khấu” của Trung Hoa, xưa kia khi Hán học còn thịnh hành, đã ít thấy ở Việt Nam, huống hồ ngày nay ông Triết làm gì có để trích đem vào Hý Trường Tùy Bút? Mà dù ông Triết có sách cổ trong tay cũng không đủ khả năng để “nhổ râu Quan Văn Trường kết cho Đào Phi Phụng”.

Theo tôi, nếu quả trong Hý Trường Tùy Bút có những đoạn lý luận về sân khấu giống các sách Nguyên, Minh, Thanh đó là do cụ Đào Tấn đã đọc những sách Trung Hoa, học được những lý luận của cổ nhân và đem thực hiện, kết quả được thành công mỹ mãn, bèn viết ra để truyền lại cho hậu sinh. Cũng như ông trạng Phùng Khắc Khoan viết một tập Thi pháp để dạy con em, ông Lê Quý Đôn khen là nhiều ý kiến hay và mới. Nhưng những gì ông Phùng đã viết ra sách đều đã có trong các sách của Tống, Nguyên, Minh... Hai vị tiền bối đều không nêu tên những quyển sách mà mình rút ra những “lý luận” kia, là vì Sở học đã thành Sở hành rồi thì “mặt ong là của ong chứ đầu còn là của hoa nữa”.

Bàn là bàn cho vui vậy thôi. Chớ muốn rõ sự thật sao không mời ông Triết đến với bản văn chữ Hán mà ông ấy đã dùng... để hỏi cho cặn kẽ. Ông Triết vẫn còn ở Qui Nhơn làm giáo viên trong một trường cấp II kia mà.

Tôi không quen ông Nguyễn Minh Triết. Tôi biết được những việc xảy ra chung quanh ông Triết, từ khi những tác phẩm bằng chữ Hán chữ Nôm của cụ Đào và các danh sỹ Bình Định được phát kiến cho đến khi ông Triết “bán chữ” cho Ty Văn Hóa Nghĩa Bình, là nhờ ông Phạm Văn Diêu thầy học của ông Triết và bạn của tôi.

Sau khi tập Hý Trường Tùy Bút bị chỉ trích, dường như Ty Văn Hóa Nghĩa Bình có mời ông Triết đến hỏi, nhưng không thành công, có nhiều lý do, trong đó có “thái độ đối xử” của một số cán bộ không được mấy đẹp. Con rùa vừa ló đầu ra liền bị gậy đập lên đầu, thì phải thụt đầu vào và giữ thế cho khỏi bị đập nữa. Đoàn người đập đầu rùa, ngoài người ở Nghĩa Bình, còn thêm đôi người ở Hà Nội, trong đó có Lê Ngọc Cầu.

Lê Ngọc Cầu là một giáo viên, thời kháng chiến chống Pháp đã cùng tôi dạy học ở trường cấp II Hòa Bình (An Nhơn). Ông Cầu được ông Viện trưởng Hán Nôm Nguyễn Đồng Chi phái vào liên lạc cùng ông Triết để mua những sách của Đào Tấn mà ông Triết tìm được. Không biết ông Cầu đã tỏ thái độ “không đẹp” như sao, nên ông Triết bất mãn... Lại một ông khác – tôi không biết tên – cũng ở Hà Nội vào nói chuyện với ông Triết về di sản tinh thần của danh nhân Bình Định, như ông Cầu. Ông ấy nói thế nào không biết, mà ông Triết đã có lời xúc phạm đến anh Nguyễn Hiến Lê và tôi... mặc dù chúng tôi hoàn toàn vô can.

Khách làng văn làng thơ được gọi là khách phong nhã mà ít thấy người phong nhã theo đúng nghĩa của chữ, thì chú tránh là phải lắm. Tôi nhận thấy văn nghệ sỹ ở Nghĩa Bình, kẻ thì ngấm ngấm đồ hiền, tìm cách chặn đường những người có chút ít tài năng học vấn mà không phải người của Cách Mạng, không cho họ góp phần vào công cuộc xây dựng nền văn học tỉnh nhà, kẻ thì đặt quyền lợi riêng lên trên quyền lợi chung, kẻ thì có tâm lại không có quyền. Nên tôi dứt khoát bỏ ý định đem đôi chút hiểu biết của mình về phục vụ tỉnh nhà. Đề thì giờ viết ra những gì mình có thể viết được, làm “danh sơn sự nghiệp” như Tư Mã Thiên, nếu văn chương mình “hữu mệnh” thì không sợ gì “lụy phần dư”.

(Trích thư Quách Tấn gửi Quách Tào ngày 3-1-87)

3. Hà Nội, 10 – 02 – 1987

Anh, chị kính mến!

Tôi xuống Cẩm Phả ăn Tết mới về thì tiếp được thư của Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình hoan nghênh việc tôi đồng ý vào giúp chuẩn bị Hội nghị khoa học về Đào Tấn, và phần nản không rõ vì sao giấy mời của Sở Văn hóa gửi cho tôi một lần với giấy mời Giáo sư Huệ Chi lại không tới mà để chậm đến mãi tháng 1 – 1987 mới đến thành ra tôi không vào được kịp trước Tết để cùng các Giáo sư Huệ Chi và Đỗ Văn Hỷ, hội đồng thẩm định tập Hỷ Trường Tuy Bút, trước khi tái bản, dịch lại và bổ sung. Họ lại gửi đến cho tôi một tập đánh máy kết luận thẩm định của hai Giáo sư, đề nghị tôi xem kỹ lại và góp ý kiến về những nhận xét của hai thẩm định viên ấy. Đồng thời mời tôi chuẩn bị để tham luận trong Hội nghị sẽ mở vào khoảng tháng 7 năm nay về Đào Tấn.

Tiếp đó Giáo sư Huệ Chi đến gặp và trình bày lại về việc hai ông đã vào Nghĩa Bình và làm việc trong 15 hôm, nghiên cứu, đối chiếu và làm bản nhận xét về bản thảo 9 tập Hỷ Trường Tuy Bút. Ông Huệ Chi cho biết là có vào Nha Trang thăm anh. Có người ở Nha Trang nói nhỏ với ông ấy rằng: Anh có tham gia bản tuyên ngôn gì đó và gợi ý không nên gặp. Nhưng ông ấy xét: “Ông Quách Tấn là một nhà thơ có tầm cỡ, người chí thú về văn chương rất tự trọng, chắc chắn không làm việc ám muội, nên cứ nhân danh Viện Văn học và cá nhân vào xin tiếp kiến, trao đổi. Ông ấy rất thích thú được trao đổi với anh, biết thêm nhiều điều về Đào Tấn và nhất là tranh thủ đọc được một số sáng tác của anh và Quách Giao. Sau khi trở lại Nghĩa Bình ông ấy đã trao đổi lại với Sở Văn hóa và Lãnh Đạo của tỉnh. Sở Văn hóa và tỉnh đã đồng ý:

Một là: Anh sẽ đứng tên trong số nhân vật Nghĩa Bình cùng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Yên Lan, Bích Khê....

Hai là: Họ rất tán thành về việc Viện Văn học đã đưa tên tuổi anh vào từ điển Văn học mà họ coi là xứng đáng và vừa đủ.

Ba là: Họ sẽ xuất bản quyển sách của anh viết về Đào Tấn trong việc tuyên truyền đề cao Đào Tấn để đấu tranh được liệt vào số danh nhân thế giới được Liên Hiệp Quốc kỷ niệm.

Và họ sẽ tiếp xúc, thương lượng với anh để anh tham gia vào công việc chuẩn bị cho Hội nghị khoa học về Đào Tấn.

Về phần ông Huệ Chi, khi về Hà Nội đã trao đổi với Viện Văn học và đang thương lượng với nhà xuất bản để cho in tập Nhà Tây Sơn của anh và Quách Giao mà ông ấy cho là hay và rất cần thiết để bổ sung và đính chính một số điểm lâu nay viết sai về Tây Sơn.

Để thúc đẩy cho việc xuất bản tập ấy, ông đề nghị tôi viết một vài bài về Tây Sơn để đăng vào tạp chí Văn học của Viện Văn học, đính chính và điểm sai của Giáo sư sử học Phan Huy Lê và của nhóm sử học Thừa Thiên Huế, về Đặng Văn Long, và Võ Văn Dũng

Về kết quả thẩm định bản thảo 9 tập về Hý Trường Tùy Bút của hai Giáo sư Huệ Chi và Đỗ Văn Hỷ tôi sao gửi theo đây để anh xem và cho tôi ý kiến.

Theo tôi, sơ bộ nhận xét thì họ làm rất công phu, tra cứu, thẩm định, đối chiếu khá tỉ mỉ, cách làm khoa học và đảm bảo tính vô tư. Nhưng trong nhận xét có phần hơi cực đoan, và hình như theo một logic hơi máy móc.

Về phần trong 9 tập có nhiều đoạn sao chép y hoặc có chế biến, thay đổi chút ít những lý luận Hý Khúc của Trung Quốc từ Nguyên, Minh, Thanh... và cho rằng có thể không phải do cụ Đào Tấn đạo văn, vay mượn mà có thể do người nào đó thêm thắt vào...

Tôi thấy rằng: Những người khác chưa chắc đã có người đọc và nghiên cứu được nhiều như thế để thêm.

Có lẽ như thế này:

Cụ Đào Tấn không viết hẳn ra tập Hý Trường Tùy Bút mà chỉ nói chuyện, bàn bạc với một số bạn thân (như anh em cụ nghệ Trì, cụ tú Kiêm... v..v). Trong khi nói về tuồng ta có thể có “citation” một số đoạn lý luận của Trung Quốc mà cụ đã đọc để tăng trợ cho nhận xét của mình. Các cụ nghe, sau về ghi chép lại, viết thành bài, không phân biệt ý của cụ Đào và những “citation” minh họa, tăng trợ nên đưa vào trở thành lũng củng. Cũng có thể các cụ nghe chỉ ghi lại không sắp xếp không phân đoạn, ghi để nhớ. Sau con cháu thấy những điều ghi không đầu không đuôi, tự đem sắp xếp, viết lại, móc nối đoạn này sang đoạn kia thành bài. Do đó mà xen cả những đoạn viết sai cả văn phạm, ngữ pháp. Điều đáng chú ý là: một tập lý luận quan trọng gồm 9 tập 124 bài, là một công trình lớn, thế mà trong bản kê tác phẩm Đào Tấn từ trước để lại, không thấy nói đến thì rõ ràng nó chưa thành tập, còn nằm tản mạn đâu đó, có khi nó chưa

thành văn mà chỉ trong những cuộc đàm thoại được người này, người khác ghi chép lại...

– Về phần nhận xét nhiều tiến bộ vượt lịch sử trong tư tưởng, trong quan điểm nghệ thuật như: Phản đối luật lệ hà khắc của nhà Nguyễn, như việc kết thúc không cần có hậu, như viết về kẻ cướp hay hơn viết về vua hiền tôi trung... mà các ông Giáo sư Huệ Chi, Đỗ Văn Hỷ cho là khó tin.... thì điều ấy cũng dễ hiểu vì các ông ấy chỉ biết Đào Tấn qua tập Hỷ Trường Tuy Bút mà chưa đọc chưa thấy ông Đào Tấn qua các bản tuồng mà cụ đã đem cả tâm can mình dựng nên.

Hơn nữa các ông ấy cũng chưa thấy hết được cái vĩ đại của Đào Tấn vượt xa trước thời đại và hoàn cảnh của thời mình như thế nào. Và đó mới thật là cái vĩ đại của Đào Tấn cũng như cái vĩ đại của Nguyễn Du đã vượt xa thời đại trước.

Lấy chuyện ông Đào không dám viết về Thủy Hử vì sợ động phạm đến triều đình để cho rằng: Đào Tấn không thể nào dám phản đối luật lệ hà khắc và bênh vực Cao Bá Quát được... nói như thế là rõ ràng lẫn lộn giữa sự “cảnh giác không tự chui đầu vào ngục văn tự” với sự phản nộ trước sự hà khắc của luật lệ tru di tam tộc và thủ đoạn giết hại những khai quốc công thần của triều Nguyễn.

Không đại dốt chui đầu vào ngục văn tự là để cho mình và ngòi bút được tồn tại viết lên những điều tố cáo những sự độc hại của triều đình. Nếu các ông ấy đã xem, đã đọc Tam Nữ Đồ Vương, Sơn Hậu (bất chi, đổi mẹ) thì sẽ thấy ngay rằng: Triệu Văn Hoán chiếm ngôi không thể đem giết Triệu Tư Cung (con). Tà Kim Hùng phò tên cướp ngôi, không thể buộc tội cho cha nó là Tà Ngọc Lân, em gái nó là Tà Phương Cơ, cũng như không thể vì đại nghịch tội của Tà Thiên Lăng mà xử tử bà Nguyệt Cảo...

Còn kết thúc không cần có hậu thì rõ ràng đã thực hiện trong Diễn Võ Đình.

Viết trộm cướp hay hơn vua hiền tôi trung thì Tiết Cương, Kỳ Lan Anh được bao nhiêu thế hệ khán giả thương mến là ai nếu không là chủ trại tướng cướp mà bộ hạ gọi là lâu la? Chuyển một Châu Xương trú tại Ngọa Ngưu Sơn để đón cướp đường thành một anh hùng vị phùng thời được chúng ta yêu mến.... Rõ ràng đó là thực hành cái quan điểm nghệ thuật mới và táo bạo của mình.

Anh đọc kỹ bản kết luận của hai Giáo sư và cho tôi biết ý kiến để đóng góp với Nghĩa Bình. Tôi cũng đồng ý với hai ông Giáo sư là những chỗ sao chép vay mượn lộ liễu – mà không cần cho lý luận kịch tuồng hoặc những chỗ nghi ngờ thì bỏ đi (như việc Phạm Ngũ Lão và mặt nạ, việc dùng Tự của Tàu cổ).

Cũng cần nói rõ, tên Hý Trường Tuy Bút không thấy trong mục lục tác phẩm Đào Tấn mà đây chỉ là gom góp lại những điều về lý luận hý kịch của cụ Đào đã nói ra, bè bạn dịch lại, chép lại....

Quách Tào

(Trích thư ngày 10 – 2 – 87)

4. Nha Trang, ngày 25 tháng 2 năm 1987

Chú Tào thân mến!

Thư bảo đảm R – 464, ngày 10/2/87 đã đến sớm hơn mấy năm trên. Một điều đáng mừng trong lúc xuân mới sang.

Tôi hoàn toàn đồng ý với chú về những nhận xét về Hý Trường Tuy Bút. Tôi cũng đã nói qua với ông Nguyễn Huệ Chi về ý kiến của tôi. Có lẽ ông ấy không lưu ý nên chỉ nhắc đến lời nói của tôi về hai chữ Tuy Bút...

Tên Hý Trường Tuy Bút là tên của người sau đặt cho quyển sách mình đem ra dùng. Nếu quyển “nói về hát bội” quả có thật, quả thật cụ Đào tự tay viết ra, thì tên phải là Hý Trường Tạc Ký, mới đúng. Những điều tôi viết trong thư bảo đảm 610 gửi cho chú ngày 8/1/87, tôi đều có nói với ông Huệ Chi.

Sau khi viết xong Đạo Quanh Hý Trường chừng nửa năm, ông Vũ Ngọc Liễn, cán bộ Văn Hóa Nghĩa Bình vào Nha Trang có việc, ghé tặng tôi một quyển Hý Trường Tuy Bút mà Ty Văn Hóa Nghĩa Bình mới xuất bản. Xem xong tập nầy tôi mừng quá đổi mừng: Những điều tôi nói trong Đạo Quanh Hý Trường đều có trong Hý Trường Tuy Bút. Lại mừng hơn nữa là trí óc tôi còn sáng suốt, những gì đã vào tai vào mắt tôi, vẫn nằm sâu trong đáy lòng và theo ngòi bút tuôn ra một cách trung thành chớ không bị thời gian làm méo mó hoặc sai lệch... Tôi không thạo Hán văn, nhưng xem những bài Hán văn được phiên âm trong tập, tôi ngờ rằng không phải cụ Đào tự viết, mà có lẽ là cụ đã sai hai ông con là Đào Nhữ Tuyên và Đào Nhữ Thuần viết (ông Đào Thụy Thạch đã qua đời rồi). Hoặc như lời chú nói, cụ Đào chỉ nói cùng bạn bè con cháu lúc sinh thời, sau khi cụ

mất rồi, bè bạn hoặc con cháu mới chép lại những điều cụ nói, như các đệ tử của Phật đã chép kinh. Nếu hỏi đó “các người chép lại” viết thạo chữ Quốc ngữ như bây giờ thì quyển ấy chắc là bằng Quốc ngữ, hoặc chữ Nôm. Cũng như các người học chữ Pháp ngày xưa, nói tiếng Pháp rành hơn và dễ dàng hơn tiếng Việt, các ông chép lại ấy, bèn dùng chữ Hán, song với thứ chữ Hán “Pas Chinois” cũ, cũng “Pas Chinois” mới.... Tôi không nghĩ rằng Hỷ Trường là sách mạo danh Đào Tấn. Ngoài cụ Đào ra, những người đương thời và hậu sanh buổi Hán học thanh hành chưa chắc có nhiều người đã được đọc sách lý luận về ca kịch của Tàu. Những sách này chỉ trong Các mới có – cụ Đào nhờ làm việc ở Các nên đọc được, rồi nói ra... Ông Nguyễn Thế Triết không làm gì có sách ấy để đọc và không đủ sức để trích dụng... Mà giả mạo để làm gì? Để bán lấy tiền ư? Tiền được bao lăm, mà phải nhọc công nhọc sức “ăn cơm nhà vác ngà voi”.

Trong Mộng Mai Văn Sao không biết có Hỷ Trường... hay chẳng? Tôi không hề nghe bà Đào Chi Tiên nhắc đến. Cụ Võ Kiêm và thầy tú Lâm Thúc Mậu cũng không hề nói rằng cụ Vinh Thanh có viết về Lý Luận Sân Khấu. Cụ tú Võ đã được tai nghe những điều hay của cụ Đào. Thầy tú Lâm đã nghe được những điều hay của cụ Đào qua cụ nghề Trì và ông Bát Phàn. Và tôi đã được nghe trực tiếp những điều hay ấy nơi thầy tú Lâm và cụ tú Võ, nghe thời Pháp thuộc và thời kháng chiến chống Pháp. Thầy tú Lâm đã nhắc đi nhắc lại rằng “ông nên lo viết về hát bội đi, kẻo tôi chết rồi không còn ai để hướng dẫn. Tôi tự thấy không đủ sức, tôi đợi chú rảnh việc sẽ cùng nhau làm việc... Bây giờ đã có thể làm việc với nhau, thầy tú lại không còn nữa!!

Vì đã được nghe, nên tôi tin chắc rằng: “Văn trong Hỷ Trường Tùy Bút, không phải văn của cụ Đào Tấn, song những ý kiến, những tư tưởng trong Hỷ Trường là của cụ Đào. Có những điểm trùng với sách Trung Quốc, đó là do cụ Đào đã đọc được, đã đem ra áp dụng có hiệu quả, nên đem ra truyền cho đám hậu sinh. Ông Phùng Khắc Khoan viết thi pháp cho tứ đệ học, hoàn toàn lấy những phép trong các sách Đường, Tống... Người đời sau là Lê Quý Đôn khen là mới mẻ, cao sâu...

Ông Nguyễn Huệ Chi ngờ rằng cụ Đào Tấn “không thể vượt qua trước thời đại để có những tư tưởng những quan điểm nghệ thuật: phản đối Luật hình của Gia Long, kết thúc tuồng không có hậu...”. Ông Huệ Chi ngờ là vì “chưa đọc hết số tuồng của Đào Tấn mà mới đọc Hỷ Trường Tùy Bút”. Thật quả như lời chú nói. Vì

làm gì ông Huệ Chi có đủ tuồng và đủ thì giờ để đọc và suy ngẫm. Có nhiều người chuyên môn viết về Đào Tấn mà còn chưa đọc kỹ những bốn tuồng phổ biến nhất của Đào Tấn, huống hồ người có nhiều công việc quan trọng hơn là nghiên cứu tuồng Đào Tấn, như ông Huệ Chi. Thêm nữa ông Huệ Chi chưa biết rõ sỹ khí của người Bình Định, người Bình Định nhất là giới sỹ phu, có nhiều tư tưởng tiến bộ lắm... Tôi sẽ bàn trong một dịp khác. Xin trở lại với việc “chỉ trích luật tru di nhà Nguyễn”.

Điều này chính cụ Bùi Văn Lăng đã hỏi tôi thời kháng chiến chống Pháp, trong dịp tôi cùng thầy Mai Cao Lương, anh Nguyễn Đình Mẫn, anh Trần Thiệu Du, chú Tàu Sáu Diệp Trường Phát xuống Cù Lâm thăm cụ. Ý nghi ngờ của cụ Bùi giống y ông Huệ Chi. Câu chuyện đi thăm cụ Bùi, tôi có kể lại trong tập Đạo Quan Hỷ Trường thứ II (Tập này tôi viết xong năm 1985, sau tập Bồ Túc Luật Thơ Sơ Yếu, tôi đã gói kỹ với những bài sửa lại về Nhà Tây Sơn, để chờ người ra Hà Nội gửi cho chú). Rất tiếc khi gặp tôi, ông Huệ Chi không đưa ra ý nghi ngờ ấy để tôi trình cho ông xem những lời người Bình Định đã giải thích cặn kẽ.

Cái ý “chỉ trích luật tru di” ngụ trong Khuê Các Anh Hùng và Sơn Hậu. Cụ Võ Kiêm đã nói: “Nếu không phải cụ Đào nói ra thì không mấy người nhận thấy” Chẳng những một mình cụ Võ được nghe cụ Đào nói, mà nhiều sỹ phu khác ở Bình Định cũng có nghe. Ông Bùi Gia Huệ, thân sinh Bùi Gia Tường ở Xuân Hòa, thầy hương bốn Nguyễn Dật ở Phú Thọ học trò cụ nghề Tri và thầy tú Lâm cũng học trò cụ nghề, cũng đã có lần nói đến “sự cằn gan ấy”. Những chỗ dụng ý sâu sắc của cụ Đào trong các vở tuồng, mãi sau khi về hưu (1904 – 1907) cụ mới nói khê cho một số nhân sỹ có tâm huyết biết mà thôi. Lúc ấy Nam triều đã hết quyền trong tay rồi, còn sợ gì nữa.

Anh em mình phải tham gia vào công việc “đấu tranh cho Đào Tấn được liệt vào số danh nhân thế giới” mà Nghĩa Bình đương tiến hành. Những ý kiến của chú trong thư 10/2/87, tôi hoàn toàn biểu đồng.

Còn về hành trạng của hai Đại Tướng Tây Sơn Võ Văn Dũng, Đặng Văn Long, lâu nay tôi đã có ý viết kỹ lại, mà chưa viết được. Nay xin viết gửi ra chú xem. Nếu chú thấy đáng báo được thì gửi cho Viện Văn học.

(Trích thư ngày 25-2-87 – Quách Tấn)

5. Hà Nội ngày 2 – 3 – 1987

Anh chị thân mến!

Nghiên cứu xong bản kết luận thẩm định của hai Giáo sư Huệ Chi và Đỗ Văn Hỷ về Hý Trường Tùy Bút, tôi đã dự thảo bản nhận xét (đính theo đây) xin gửi anh xem cho thêm ý kiến nhận xét và bổ khuyết những điều tôi chưa rõ về Đào Tấn.

Độ tháng 5 sẽ có cuộc họp tại Hà Nội hoặc Quy Nhơn để duyệt lại xem nên để, bỏ đoạn nào, câu nào trước khi tái bản Hý Trường Tùy Bút. Tôi sẽ dự cuộc họp ấy. Ý kiến tôi trong bản dự thảo chưa đề cập nhiều đến nội dung vì nội dung phải đi sâu vào các bản tuồng mới sáng tỏ và cụ thể, không thể chỉ bằng vào một đôi ý trong tập lý luận mà đánh giá được. Và cũng không thuộc chuyên môn “văn bản học” của hai Giáo sư.

– Có thể trong Hý Trường Tùy Bút có nói đến một quan điểm tư tưởng, nghệ thuật mới mà trong tuồng không biểu hiện. Đó là lý luận mượn hoặc đột xuất chưa biến thành hiện thực.

– Có thể trong tuồng có mà tác giả chưa đúc kết nâng lên thành quan điểm nghệ thuật mới, có lý luận.

– Đó là hai trường hợp so le giữa lý luận và thực tiễn trong một tác giả.

– Nhưng ở cụ Đào thì rõ ràng những điểm tiến bộ vượt thời đại, những quan điểm nghệ thuật táo bạo và mới mẻ. Tổng kết trong Hý Trường Tùy Bút lại thể hiện rõ ràng, cụ thể và đầy đủ trong các bản tuồng. Như thế không thể nghi ngờ gì nữa về lý luận, quan điểm trình bày trong Hý Trường Tùy Bút, mà cho rằng đó là điều khó hiểu.

Nhưng hai Giáo sư về Trung Quốc học và văn bản học, chưa nghiên cứu các bản tuồng, chỉ mới thẩm định về văn bản tất nhiên chưa có thể cùng bàn về nội dung được.

Vì vậy tôi chỉ nói qua, sẽ nói sâu hơn khi thảo luận chung.

(Trích thư Quách Tào ngày 2-3-87)

6. Nha Trang, 11- 3 – 1987

CHÚ TẠO !

Nhận được thư bảo đảm 060 của chú gửi ngày 2/3/87 rồi.

Bài chú nhận xét về bản KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH của hai Giáo sư Huệ Chi và Văn Hỷ về Hý Trường Tùy Bút, rất chính xác và đầy đủ. Tôi tán đồng những ý kiến của chú.

Tôi thiết tưởng không nên cho tái bản tập Hý Trường Tùy Bút do Ty Văn Hóa Nghĩa Bình đã xuất bản. Bởi không phải là một tác phẩm hoàn chỉnh của cụ Đào Tấn. Trong thư tịch của cụ Đào đã không ghi tên tập nầy mà bà Đào Chi Tiên, bà Đào Trúc Tiên cũng không hề nhắc đến.

Nhưng những lý luận về kỹ thuật sân khấu, những quan niệm, những kinh nghiệm nêu trong tập Hý Trường, đúng như lời chú nói, là cụ Đào đã nói cùng các sỹ phu Bình Định mộ điệu hát bội, lúc cụ về trí sỹ ở Vinh Thanh, và đã đem ra dạy tử đệ trong Học Bộ Đường. Những điều cụ Đào nói ra đã được cụ nghề Trì truyền cho thầy tú Mậu, cụ tú Kiêm truyền cho thầy tú Tráp, như chúng ta đã biết. Hai thế hệ trước đều truyền khẩu cho nhau, hoặc chỉ ghi chép những nét đại cương (như kiểu tôi học thi pháp và học lý luận hát bội). Những người hậu học muốn truyền lại cho con cháu bèn chép lại những điều mình đã học được, nhưng vì viết bằng tiếng Việt khó khăn hơn bằng chữ Hán (như học trò trung học thời Pháp thuộc làm luận pháp văn “hay” hơn luận quốc văn). Thứ chữ Hán “pas chinois” (cũng như chữ Pháp “pas français” của bọn mình), rất phổ thông ở Việt Nam. Tập Hý Trường Tùy Bút có nhiều chỗ non nớt, sai văn phạm là vậy đó. Cũng có thể ngờ rằng tập nầy do ông Tuyên hay ông Thuần “thông ngôn” lại lời cụ Đào, mà không được cụ Đào duyệt lại. Bài Linh Phong Tự Ký do ông Thạch và ông Tuyên chấp bút, cụ Đào duyệt định nên văn vững vàng, song vẫn thối. thú như khi đọc bằng các bài ký của Tàu.

Tên “Hý Trường Tùy Bút” là do anh em văn nghệ sỹ sau nầy đặt ra. Sách đã không phải chính tay cụ Đào thảo lấy, tên sách lại của người khác đặt lấy, thì không nên gán vào cho cụ Đào. Dù có sửa văn lại cho chính cũng không làm vinh dự cho cụ Đào được. Mà sao lại tự thị mình giỏi, dám sửa văn người khác?

Thử xem những điều cụ Đào đã nói ra, cụ Văn Sơn và cụ Hưng Trị đã nghe được rồi truyền lại cho con cháu đó, cụ Đào đã thực hiện chưa và thực hiện đã được chưa. Muốn vậy thì phải đọc cho hết và hiểu cho trọn tuồng Đào Tấn. Ai đã đọc và đã hiểu thấu đáo tuồng Đào Tấn? Ai đã có đủ tuồng Đào Tấn để đọc? Tôi thấy có nhiều người tự xưng mình là chuyên môn nghiên cứu tuồng cổ,

mà chưa đọc hết những bốn tuồng phổ biến nhất của Đào Tấn. Có người đã đọc hết những bốn tuồng ấy, nhưng không phân biệt được bốn nào là bốn đúng hoặc gần bản chính, bốn nào là bốn đã bị các “thầy nhắc tuồng” pha trộn “cái dốt” của mình vào. Những bốn tuồng mà bà Đào Chi Tiên đã chép tặng tôi, và những bốn sao lại nơi thầy tú Mậu, tuy không đúng hẳn nguyên tác, song có thể tin cậy hơn. Té ra những điều mình nghe cho vui, ghi chép lại cho vui, ngày nay lại trở thành có ích phần nào cho việc nghiên cứu tuồng cổ. Tập Đạo Quan Hỷ Trường thứ II của tôi và tập Đôi Nét Về Đào Tấn của Giao, sẽ giúp ích cho chú thêm trong việc thảo luận về Đào Tấn. Nhưng làm sao gửi ra bây giờ? Đợi người tin cậy, không thấy! Gửi bưu điện? Đến nơi thì e chỉ còn kịp “sắm sanh nếp tử xe châu...”

Chú nên nhấn mạnh thêm về những điểm nêu trên. Và nhấn mạnh thêm những điểm này nữa:

– Cụ Đào KHÔNG MUỐN VIẾT chứ không phải KHÔNG DÁM VIẾT tuồng theo những truyện trong Thủy Hử là vì quyển Thủy Hử là một quyển sách đã bị các triều đình đã tự cho là “chính thống” liệt vào loại sách “phản loạn”. Những nhân vật trong bộ sách đều là những “phản tử bất hảo” đối với triều đình. Nếu đem các ông ấy ra “vẽ mày vẽ mặt” thì triều đình buộc tội ngay là “đồng lõa” là “muốn tuyên truyền cho bọn chống triều đình”. Tiết Cương cũng chống triều đình, nhưng triều đình mà Tiết Cương chống là triều đình Ngụy. Để tránh né bớt những mũi tên của triều đình bắn vào kẻ cầm bút có lương tâm, có lòng yêu nước mà không tâm phục triều đình, cụ Đào đã mượn Tam Nữ Đồ Vương và Sơn Hậu để gửi gắm ý mình. Cụ nhuận sắc những đoạn hợp với cụ để cho những người đồng thanh đồng khí biết mà hưởng ứng. Nếu người ngoài tinh ý thấy được thì đã có cổ nhán đứng trước che chở cho rồi. Tập Diễn Võ Đình đã bị Nguyễn Thân hạch tội rằng cụ Đào đã mượn Triệu Khánh Sanh để ám chỉ Phan Bội Châu... Nếu ông vua hời đó không phải là Thành Thái thì “đó con lương mã biết đâu là nhà”.

Cái ý “chỉ trích luật tru di của Gia Long” sâu sắc lắm. Cụ Võ Kiềm đã thú thật: “Nếu không phải tự cụ Đào nói ra thì không mấy ai nhận thấu”. Thời kháng chiến chống Pháp, thầy Trợ Lương, anh Tam Hà, chú Tàu Sáu cùng tôi xuống Cù Lôm thăm cụ Bùi Văn Lăng, chính cụ Bùi cũng thắc mắc về điểm “làm quan được ưu đãi mà có tư tưởng chống đối

triều đình”. Tôi đã đem lời cụ Võ Kiêm ra để cời mở thắc mắc ấy. Nói về điểm “ngắm chỉ trích triều đình của cụ Đào” thầy tú Mậu đã nói: “Nếu gan không lớn bằng trời thì không khi nào dám”.

VỀ KẾT THÚC CÓ HẬU VÀ KHÔNG CÓ HẬU

Kết thúc tuồng cổ hầu hết đều có hậu. Nhưng có một số kết thúc không có hậu, như Phụng Nghi Đình của tú Thám, kết thúc bằng màn: Đồng Trác vác kích đâm Lã Bố, bị Lã Bố gặc té nằm vĩnh rầu. Lã Bố chạy mất. Điều Thuyền đỡ dậy đưa vô buồng... (hạ màn). Sau thấy đột ngột quá mới thêm màn: Đồng Trác gặp Lý Nho, Lý Nho khuyên nên hòa cùng Lã Bố, rồi hai người cùng hát câu “thái bình”. Dịch Thanh Ly Thợn kết thúc bằng “Chi miến cố quốc lần dò, ôm lòng rắng bước qua dò âm dương” (Ngũ Hồ Bình Tây, vốn cụ Nhơn Ân chỉ soạn hồi thứ hai để ký thác tâm sự. Sau mới thêm đầu nối đuôi, cho nên đầu người mà đuôi không hay bằng khúc giữa). Diễn Võ Đình cũng không có hậu. Nhưng thử nghĩ kỹ xem có “tuyệt hậu” chăng? Gặp câu “đố con lương mã biết đâu là nhà” có phải là câu nói “tuyệt vọng” không? Đã “Đố” thì phải “biết rồi mới đố” chứ. Câu này phải hát giọng nam xuân để gợi trong tâm trí người xem hát, cái kết quả tốt đẹp của kẻ ra đi. Câu này, theo tôi cụ Đào dựa vào câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” để nhắc các chí sỹ xuất dương đừng sanh vọng tâm bám chặt vào cường quốc nào đó không chân thành giúp mình.

Còn những “ý kiến mới mẻ”, táo bạo đáng ngạc nhiên trong quan niệm thẩm mỹ, quan niệm nghệ thuật mà ông Huệ Chi nêu ra, không làm cho những người đã đọc kỹ tuồng Đào Tấn, đã biết rõ tâm tánh khí tiết của sỹ phu Bình Định... không lấy gì làm lạ. Những “tư tưởng quan điểm tiến bộ đi trước thời đại mình”, ở Bình Định riêng gì Đào Tấn mới có. Ví dụ khi ông Võ Văn Dũng đến nơi ông Đặng Văn Long chung sức để khôi phục lại nhà Tây Sơn, ông Long nói: “Tôi ra giúp vua Quang Trung đánh quân Mãn Thanh, đâu phải vì nhà Tây Sơn. Nếu giặc không xâm lấn nước nhà thì tay tôi không bao giờ dính máu... Chính Cảnh Thịnh đã làm mất nhà Tây Sơn. Song nếu vua Quang Trung không bỏ chánh lập kế thì đâu đến nỗi xảy ra cảnh rối loạn trong triều đình khiến cho thế nước càng ngày càng yếu... Nhà Tây Sơn nhờ nhân tâm mà được ngôi. Nay ngôi đã mất mà nhân tâm cũng mất thì làm gì được nữa? v.v...

Nghiên cứu Đào Tấn mà chỉ đọc qua đôi quyển tuồng, nghe qua đôi câu chuyện, mà không đi sâu vào tâm sự, vào sỹ phong sỹ khí của người Bình Định cổ kim, về văn hóa, về lịch sử của Bình Định thì không thể nhìn rõ “bản lai diện mục” của Đào Tấn. Chú nên nhấn mạnh điều đó.

(Trích thư Quách Tấn ngày 11-3-87)

III. QUÁCH GIAO

CỔ THÀNH HAY CỔ THÀNH HỘI

Trong cuốn “THƯ MỤC TƯ LIỆU VỀ ĐÀO TẤN” xuất bản năm 1985 (tác giả Vũ Ngọc Liễn, Bùi Lợi, Mạc Côn, Ngô Quang Hiến) trang 54 viết:

“Lâu nay khá nhiều người lầm tưởng rằng Cổ Thành là cái thành xưa, có người tự tiện đặt cho nó cái tên khác: Quan Công hồi Cổ Thành, hoặc Cổ Thành Hội, phỏng y tên “kịch của Trung Quốc”.

Thực ra Cổ Thành là địa danh huyện Cổ Thành, sau khi thất thủ Hạ Bì anh em Lưu Bị mỗi người thất lạc một nơi, Trương Phi chiếm cứ chỗ này, dồn binh tích thảo chờ cơ hội phục thù. Đào Tấn sáng tác vở này vào những năm 1898 – 1902 (Thành Thái thứ 10 – 14) lấy địa danh Cổ Thành làm tên kịch với mục đích mệnh danh chủ đề. Bởi chính nơi đây xung đột kịch dữ dội. Trương Phi nghi ngờ Quan Vũ phản bội.”

Ở trang 57 viết: “Chúng tôi tạm chia vở này làm 6 lớp: giáo tuồng, quá quan, ải Hầu Đôn, bước cô chinh, gặp Châu Thương, đến Cổ Thành. Năm lớp trước chẳng qua là phương thức giao đãi, dắt dẫn chuyện kịch đến lớp thứ 6 mới bộc lộ đầy đủ của kịch, cũng là kết thúc kịch. Ngôn ngữ kịch ở lớp cuối chiếm tỷ lệ xấp xỉ năm lớp trước.”

Tư liệu này căn cứ vào bản Cổ Thành khảo dị và chú giải (không rõ do ai chép lại) hiện lưu trữ tại tủ sách nghiên cứu nhà hát tuồng Nghĩa Bình.

Năm 1987 Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình xuất bản tuyển tập tuồng Đào Tấn, gồm hai vở: Cổ Thành và Khuê Các Anh Hùng, do Vũ Ngọc Liễn khảo dị, sắp xếp, hiệu đính và phiên

dịch. Ở trang hai tuyển tập, lời dẫn có ghi “sau đó Quan Vũ cùng hai chị dâu (vợ Bị) bỏ Tào Tháo đi tìm Lưu Bị dọc đường chém tướng, vượt các ải rồi gặp Trương Phi ở huyện Cổ Thành. Vì vậy võ tướng lấy tên là Cổ Thành.”

Như vậy, các tác giả cuốn Thư Mục tư liệu về Đào Tấn khẳng định rằng: Tên bản tuồng là Cổ Thành chứ không phải là Quan Công hồi Cổ Thành hoặc Cổ Thành Hội, như một số người nào đó đã tự tiện đặt cho nó.

Không rõ khẳng định như thế là dựa vào yếu tố nào hoặc tư liệu nào?

Nếu chỉ dựa vào bản Cổ Thành khảo dị và chú giải, hoặc một bản chép tay Hán Nôm nào khác, thì cũng chưa chắc hẳn bản ấy đã chép y bản gốc, và tên ghi ở bìa đúng là tên được tác giả Đào Tấn đặt cho tác phẩm của mình.

Hiện tại chúng tôi có một quyển tuồng chữ Hán Nôm, được chép theo nguyên bản của cụ nghệ Nguyễn Trọng Tri đã sao lại. Tập tuồng này, nội dung không khác mấy tập Cổ Thành được xuất bản nói trên nhưng tên của bản tuồng này, viết nơi bìa sách lại là Cổ Thành Hội nơi trang 2 còn ghi: có tên nữa là Trương Cổ Thành.

Cụ nghệ Tri là bạn thân của cụ Đào Tấn, rất phục tài, trọng đức của cụ Đào. Hai cụ đã thường xuyên trao đổi ý kiến về tuồng, về nghệ thuật tuồng, về những vở tuồng do hai người đã biên soạn. Cụ nghệ Tri đã có công sưu tập, biên chép lại nhiều bản tuồng của cụ Đào. Người xưa kính trọng nhau, khi sao chép tác phẩm của nhau để lưu hậu thế, nhất thiết không khi nào lại tùy tiện thêm bớt, sửa chữa dù chỉ là một chữ.

Không rõ khi đặt tên Cổ Thành Hội, tác giả có phỏng theo kịch của Trung Quốc hay không (cũng có thể) nhưng nếu nghĩ rằng cụ nghệ Tri đã phỏng theo ý tên kịch Trung Quốc để chữa lại tên bản tuồng, thì rõ ràng không thể có: một người thức giả như cụ nghệ Tri, không khi nào có hành vi vô lễ ấy. Vì vậy chúng tôi tin rằng Cổ Thành Hội, đúng là tên vở tuồng được cụ Đào đặt ra.

Nhưng dù sao cũng không thể chỉ bằng một bản sao tay chưa xác định được là Y Sao Bản Gốc, để khẳng định rằng tên ghi ở bìa bản tuồng ấy chính là tên do tác giả đặt ra, và từ đó cho những bản sao khác ghi tên tuồng một cách khác là: Tự tiện sửa đổi được.

Chúng tôi tin rằng: Tên của vở kịch đúng là CỐ THÀNH HỘI không phải chỉ căn cứ ở bìa bản Hán Nôm mà chúng tôi có trong tay do chép từ bản sao của cụ nghệ Trì, mà chính là bằng vào nội dung của vở tuồng. Nội dung của vở tuồng ấy đòi hỏi phải được đặt tên là: “CỐ THÀNH HỘI”.

Qua bản tuồng, chúng ta có thể hình dung cuộc hành trình của đoàn Quan Vũ từ lúc xuất phát đến khi hội về Cố Thành như một dòng sông khi thì lặng lẽ trôi, khi thì cuộn cuộn vượt qua ghềnh thác. Khi lại bị cuốn xoáy hút xuống vực thẳm...

Ở hai lớp đầu, dòng sông trôi trầm lặng, mượn lời Trương Liêu và lời Quan Vũ tóm tắt thuật lại giai đoạn đã qua, nói rõ mục đích của cuộc truy tầm, một đoạn đường đầy nguy hiểm mà tuồng đã bỏ qua không diễn tả trên sân khấu.

Rồi ghềnh đá Hạ Hầu Đôn đột hiện, sừng sững, chắn ngang. Dòng sông tưởng chừng như bị nghiền tắt lại, cảnh tượng trên sông đoạn này trông thật hùng vĩ. Tiếng sóng đao thương vỗ vào vách đá âm ầm sôi réo bọt nước mịt mờ.....

Rồi bài quan xuất hiện kêu gọi đình chiến đầu.

Giao tranh chốc lát tạm dừng, rồi lại tiếp diễn, ô ạt, quyết liệt.

Rồi Trương Liêu theo kịp truyền lệnh cho Hạ Hầu Đôn phải để cho Quan Vũ ra đi... khai thông cho dòng nước vượt qua thác ghềnh.

Dòng sông cô chinh tiếp tục xuôi dòng, lại thu nhập được thêm một dòng suối nhỏ, đó là cuộc gặp gỡ và thu nạp Châu Xương.

Rồi khi gần đến Cố Thành, trước khi hội về bể cả, dòng sông lại gặp một vực xoáy dữ dội cơ hồ cuốn hút cả cuộc cô chinh xuống tận đáy vực thẳm... Sự nghi ngờ của Trương Phi vô cùng quyết liệt, vô cùng nguy hiểm... nhưng lại được giải quyết gọn... và kết thúc tốt đẹp cuộc truy tầm nghìn dặm.

Dòng sông nghìn dặm trường chinh, khi lặng lẽ trôi, khi cuộn cuộn vượt ghềnh, khi bị cuốn xoáy vào vực thẳm... nhưng dù gặp cảnh huống nào vẫn không dừng lại, vẫn không đổi hướng thay dòng. Và đoàn cô chinh vẫn:

“Vọng Nhữ Nam thiên lý dề huê”.

quyết một lòng đi tìm gặp lại Hoàng thúc.

Cái mong ước của đoàn là Trùng phùng, Hội tụ Đoàn viên, đó chính là mục đích của cuộc trường chinh gian khó, đầy nguy hiểm trở ngại. Cái ước vọng tha thiết bất di bất dịch ấy, như một sợi chỉ hồng xuyên suốt cả các màn các cảnh của bản tuồng.

Vừa xuất hiện Quan Vũ đã nói rõ:

“Tù thuở Hứa Đô thê tít

Riêng cảm vì thừa tướng khoan dung

Nhất phạn ân lòng dễ nguôi lòng

(mà) Tam nhân ước, nghĩa càng trọng nghĩa”.

Tam nhân ước luôn luôn canh cánh bên lòng, là động cơ thúc giục ra đi, củng cố quyết tâm tạo thêm sức mạnh để khắc phục khó khăn, để san bằng chướng ngại, để hội tụ anh em.

Trên đường đi, dù gặp hoàn cảnh nào, tình huống nào, cái nguyện ước Hội tụ Trùng phùng, Đoàn viên cũng hiện lên thành ý, thành lời chỉ rõ hướng tiến lên, đích phải tới.

Gặp Hạ Hầu Đôn ngăn chặn, gài gò đòi bắt, đòi đánh. Quan Vũ đã nói rõ là mình: “Cảm Tào công hậu ý vị thường. Nên chi ta ẩn nhẫn đó mà thôi, chớ còn....

Khán nhủ bối dung tài nan địch...

Và: Nhân trung kỳ ký, dĩ phùng thời ưng tụ phấn dương.

Dĩ phùng thời tức là thời cơ, đã đến đó là thời cơ gì?

Đây là nhắc lại chuyện quy Hán ngày trước, trong 5 điều kiện Quan Vũ nêu ra đã được Tào Tháo chấp thuận có điều kiện thứ 3 là: “sau này bất cứ lúc nào, hễ nghe được anh tôi ở đâu thì lập tức tôi sẽ tìm ngay đến đó để theo anh tôi”. Nay thời cơ chờ đợi đã đến, không ai có thể cản ngăn được.

Đối với Trương Liêu là người bạn thân biết nhau, quý nhau từ trước đã từng có ân qua nghĩa lại, cứu giúp nhau thì cuộc chia tay giữa đường thật vô cùng cảm động:

“Ốc thủ nan vi biệt

Đồng bôi vị khả kỳ

Kim nhật trường đình lao viễn tống

Minh triều lương địa phí tương tư

Xót xa thay lúc phân kỳ

Tình kia nghĩa nợ xin ghi tấc lòng”.

Tình cảm như thế mà lúc đầu thoát nghe Trương Liêu có ý thuyết phục trở lại Hứa Đô thì dứt khoát đáp ngay:

“Hay a! Quân ngồn thâm thiện
Nhưng mà
Ngã chí bất di...”

Rồi truyền quân khởi hành.

Đến lúc gặp Châu Xương, cái mộng ước, cái mục đích đoàn tụ cũng bộc lộ thành lời của nhị tấu: Muốn khuyên chàng về núi Ngọa Ngưu.

“Khi nào ta tầm đắc Hoàng thúc, an cư định sở rồi
Sẽ tin tới cho chàng khởi mã”.

Quan Vũ, nhị tấu ước mong hội ngộ và quyết tâm đi tìm, mà thực ra cũng chưa biết rồi sẽ gặp lại cách nào, gặp lại ở đâu? Hoàng thúc hiện cư trú ở Nhữ Nam, mà Nhữ Nam là đất của Viên Thiệu, phải đâu là đất lành để chim về hội tụ...? Nhằm Nhữ Nam đi đến nào ngờ nơi tụ họp của cả gia đình, anh em vợ chồng lại được chuẩn bị sẵn sàng ở Cổ Thành.

Qua suốt màn Trương Phi độc diễn, chúng ta đều mừng thầm là đoàn cô chinh sắp đến được nơi an toàn để tạm nghỉ và cũng là nơi đủ điều kiện để rồi sẽ thực hiện mục đích đoàn viên.

Thì ra trong khi đoàn cô chinh trải muôn vàn gian hiểm trên con đường ngàn dặm ôm ấp trong lòng niềm mong ước đoàn viên thì tại Cổ Thành này tam đệ Trương Phi cũng ngày đêm nghĩ nhớ hai anh, cho đi thăm dò tin tức, đồng thời lại cố gắng xây dựng một căn cứ vững bền để chờ ngày tái hợp. Nỗi gian khổ của những người đi tìm cũng như bao nhiêu đau thương lo buồn mong nhớ của người mòn mỏi đứng đợi, cũng đều hướng vào một mục đích, một ước vọng chung: Đoàn tụ.

Cổ Thành chính là nơi hội tụ, nơi mỗi mộng ước biến thành hiện thực. Ước vọng tái hợp trùng trùng, đoàn viên xuyên suốt các màn các cảnh của bản tuồng để đơm hoa kết quả ở Cổ Thành. Và chính bản thân của vở tuồng cũng tự kết thúc bằng sự vui mừng tái hợp:

“ Từ Châu nhất biệt thành thiên lý
Thử nhập trùng phùng đỉnh túc duyên
Nhữ quận hữu thời tương khế hội
Quân thần, huynh đệ khánh đoàn viên”

Rõ ràng nội dung của bản tống đã phản ánh chủ đề CỐ THÀNH HỘI của bản tống.

Hơn nữa nội dung “HỘI” không chỉ ước vọng nhất quán của các nhân vật tống, mà còn là mộng ước da diết của tác giả Đào Tấn, một mong ước nung nấu từ lâu không tiện nói ra lời, nên đã mượn diễn biến trong vở tống để gửi gắm.

Đau lòng trước cảnh đất nước bị kẻ thù chia cắt làm 3 kỳ, có chế độ cai trị khác nhau, tác giả cũng như nhiều chí sĩ yêu nước đương thời đều ước mong cho ba kỳ được thống nhất giống như ba anh em Lưu, Quan, Trương cùng tái hợp ở Cổ Thành. Vì vậy “yếu tố Hội” trong tên kịch Cổ Thành Hội, là không thể thiếu để tác giả ký thác mộng ước của mình.

Vì những lý lẽ trên: chúng tôi thấy rằng tên của bản tống phải là “CỐ THÀNH HỘI mới đầy đủ. Nếu chỉ là tên CỐ THÀNH, thì danh từ ấy chỉ nói lên ĐỊA ĐIỂM CỐI MỞ KỊCH CUỐI CÙNG, mà không thể nào bao hàm được nội dung phong phú của vở kịch và niềm ký thác tâm sự của tác giả.

Một điều quan trọng cần chú ý là Cổ Thành Hội tức cuộc tái hội ở Cổ Thành được thực hiện bằng cách giải quyết một mâu thuẫn gay gắt ngay trong nội bộ những người cùng mong ước và đấu tranh cho cuộc hội tụ ấy. Đó là giải quyết mối nghi ngờ của Trương Phi đối với Quan Vũ... Đó là vấn đề tòng quyền bất đắc dĩ hay là thực sự theo dịch để hưởng ân huệ. Lấy gì để phân biệt được hai thái độ khác nhau về cơ bản nhưng lại tương tự nhau trên một số hiện thực? Phải phân biệt cho được để khỏi lẫn lộn TA, DỊCH, để khỏi mất bạn, khỏi nhầm với thù.

Vấn đề tòng quyền gây nghi ngờ mâu thuẫn gay gắt trong nội bộ không chỉ là một trở ngại lớn trong kịch bản tống mà cũng chính là một hiện tượng khá phổ biến trong xã hội thời Đào Tấn, gây bao nhiêu sự ty hiềm, bao nhiêu cuộc bút chiến, thiệt chiến trong tầng lớp văn thân (ông cử Trị họa thơ Từ Thứ quy Tào; Tôn phu nhân quy Thục của Tôn Thọ Tường...). và chính bản thân tác giả Đào Tấn cũng ở trong trường hợp bị hiểu lầm, bị đánh giá sai rất đau lòng như thế.

Để phân biệt cho được bản chất với hiện tượng, vạch ranh giới giữa thị và phi, tác giả đã giao cho Trương Phi điều tra, lập hồ sơ và đưa ra phiên tòa công khai xét xử vụ Quan Vũ quy thuận Tào Tháo.

Cụ Lê Hồng Long, một cán bộ lão thành, trí sự tại Quảng Ngãi, trong khi cùng chú tôi bình luận về vở tuồng CỎ THÀNH HỘI, đã có một nhận xét sâu sắc và lý thú. Cụ nói: “Ông Đào Tấn sáng tạo ra một cảnh tuồng thật độc đáo, giao cho Trương Phi xét xử Quan Vũ về tội hợp tác với kẻ thù. Trước phiên tòa này, ngoài một can phạm chính yếu là Quan Vũ còn có nhiều can phạm khác, không bị truy tố mà ngồi ở ghế khán giả; chính bản thân cụ Đào Tấn cũng tự mình ra ngồi ghế bị can để cùng Quan Vũ chịu sự phán xử vì mình cũng đang làm việc cho những ông vua bù nhìn của địch.

“Trương Phi chỉ tuyên án xử Quan Vũ, còn những can phạm khác, khán giả và tác giả, thì chiếu theo lý lẽ được phân tích, tự mình phán quyết lấy, đồng thời công luận cũng sẽ sáng suốt vận dụng án lệ ấy mà xét xử từng người. Thật là sáng suốt và cũng thật là dũng cảm”.

Trương Phi nghe tin Quan Vũ quy thuận Tào Tháo thì nổi giận mắng nhiếc thậm tệ, lên án là phụ tam nhân ước, là phản bội nhưng rồi nghĩ lại:

“Như nhị ca Phi là nhất trang nghĩa khí cái thế anh hùng, có lẽ nào lại manh tâm phụ ước cho đành? Chừ Phi nghĩ lại: có lẽ nhị ca Phi quy thuận cùng Tào Tháo chẳng qua: “là quyền già nhất thời chi dụng đó mà thôi”. Ờ, ờ....quyền phải, thuận phải
“Anh hùng tự hữu quyền nghĩ xử ...”

Thương anh quý anh, tin ở lòng nghĩa khí, ở tánh chất anh hùng của anh. Trương Phi giận thì giận mà xét việc vẫn có lý có tình, vẫn sẵn sàng lấy lẽ “ngộ biến tông quyền” để gỡ tội cho anh.

Đó là xét theo tình cảm, xét theo quá khứ, còn trường hợp thực tế của Quan hầu đầu hàng Tào Tháo hiện nay thì sao?

“Thượng mã đề kim hạ mã đề ngân, thất nhật đại yến, tam nhật tiểu yến...” nhận tặng vàng bạc, yến ẩm cùng Tào, hưởng thụ như thế thì sao gọi là tung quyền, thì còn nhớ gì đến tình nghĩa anh em:

“Khả hận đồ vong cốt nhục tình”

Với nhận định theo thực tế. Gạt bỏ biện luận theo tình cảm như thế cho nên lúc gặp Quan Vũ. Trương Phi đã buộc tội bằng những lời lẽ, những lập luận thật đanh thép, hết sức nghiêm khắc và chính xác.

“Quái quan hầu, thậm thị phi nhân. Quan hầu Phi hỏi:

Ấn Đinh hầu người thống lĩnh Tào quân (sao còn).

Ngựa xích thố dám trì khu ngô cảnh làm chi hử?”.

Câu nói phủ đầu, bất ngờ làm cho Quan Vũ luống cuống, phải cầu chứng ở hai chị. Nhị tẩu biện hộ bằng cách dẫn chứng cụ thể là: Quan hầu đã bỏ Tào Tháo ngay khi nghe tin Hoàng Thúc tru ngụ ở Nhữ Nam, lên đường phò hai chị đi tìm. Trải qua bao nhiêu khó khăn gian hiểm mới tới được đây.

Bằng chứng rõ ràng, nhân chứng đáng tin, cộng với lập luận “ngộ biến tông quyền” trước đã vận dụng, tưởng cũng đủ minh oan cho Quan Vũ xóa sạch hiểm nghi.

Nhưng Trương Phi lại đề cao ý thức cảnh giác, đáp:

“Thậm nghi, thậm nghi, bất thính, bất thính, (thưa hai chị, hai chị chưa biết đó thôi, số là)

“Tào Tháo gian hùng, bĩ tàng dĩ thiên phương loạn chi (hai chị tin Quan hầu Phi hỏi:)

“Quan hầu nghĩa khí (ý làm sao mà). Bất năng nhật tử thù tri”.

Câu buộc tội nghiêm khắc và chặt chẽ đúng theo lễ giáo, mà lúc đó không còn có những chứng lý cụ thể nào để viện dẫn, biện minh. Quan Vũ chỉ còn biết thành khẩn nhận sai lầm:

“Tam đệ vật đa từ, ngu huynh chán hữu quá!”

“ Thử nhật hàng Tào (cũng là sự bất đắc dĩ thôi) (mà anh lại) bất tể sự thị kỳ ngu dã” (nay anh cùng nhị tẩu đã về đây).

“ Kim triều xá Ngụy (là may mắn lắm mà) hạnh tương phùng, duy nguyện thứ chi”.

Chỉ viện lẽ bất đắc dĩ tông quyền và lấy thực tiễn đã cùng về đến đây để chứng minh đã bỏ Ngụy. Nhưng thực tế ấy vẫn còn nghi vấn: Bàn tay xảo trá gian ác của Tào Tháo có thể chui vào sắp xếp gì trong việc bỏ Ngụy tìm về đây không?

Giữa cơn bối rối chưa phân giải được oan lòng thì Thái Dương xuất hiện làm cho mối nghi ngờ của Trương Phi như lửa đổ thêm dầu, càng bốc cao:

“Thôi nhầm rồi: quả thị phục binh tập ngã”.

Máu thuẫn được kích lên đến cực độ. Nhưng sự bất ngờ tai hại ấy đối với Quan Vũ lại chính là một thực tế nóng sốt để chứng tỏ ngay thực của mình. Đầu của Thái Dương dâng lên đã giải tỏa tức khắc mọi nghi ngờ của Trương Phi.

Can phạm chính, QUAN VŨ được phiên tòa công khai tuyên cáo: VÔ TỘI. Là vì, ngoài nhân cách bình sinh “một trang nghĩa khí, cái thế anh hùng”, một quá khứ trong suốt, đảm bảo còn có đầy đủ bằng chứng, hành động cụ thể chứng minh sự hàng Tào là trường hợp “bất đắc dĩ từng quyền” trước sau không hề có hành động hoặc ý thức phản bội.

Những chứng lý cụ thể ấy chẳng những đủ gây tông tín (conviction) cho người xét xử mà còn thuyết phục cả công chúng theo dõi phiên tòa. Và chắc chắn những người đồng can không bị truy tố, ngồi ghế khán giả, cũng đồng tình là cuộc sống và hành động cụ thể của Quan Vũ chứng minh đầy đủ tính chất vô tội của người.

Và cũng chắc chắn, mỗi đồng can khán giả ấy, cũng như chính tác giả bản tuồng, cũng đều dựa vào lý lẽ của phiên tòa để tự mình đối chiếu với trường hợp phạm lỗi của mình mà tự tuyên cáo là mình có tội hay vô tội.

Riêng đối với những hạng người (như Hoàng Cao Khải, Tôn Thọ Tường...) thường vẫn mượn lẽ “ngộ biến từng quyền” để bào chữa cho việc theo địch của mình, xem xong vở tuồng dù không dám phan phui cuộc đời hàng địch của mình để tự xác định mức độ tội lỗi, nhưng chắc chắn cũng không thể không nhận thấy rằng, cuộc sống phè phỡn bám chặt vào lưng địch, phục vụ cho quyền lợi địch, chống lại quyền lợi nhân dân, để được hưởng bổng lộc, chức tước, quyền thế... rõ ràng không thể có một chứng tích gì để biện minh cho sự từng quyền bất đắc dĩ.

Ước vọng đoàn tụ của ba anh em bị ly tán, cũng như ước mong được thấy đất nước bị kẻ thù chia ba thống nhất lại của tác giả và các nhân sỹ yêu nước đương thời, đều quện chặt với lý thuyết “từng quyền” rất khó biện minh. Phải giải quyết cho được rõ ràng đâu là thực sự theo địch, để xóa bỏ các mối nghi ngờ trong nội bộ, gắn chặt, đoàn kết, nhất trí thì mới có điều kiện thực hiện ước mong đoàn tụ thống nhất.

Khó khăn trở ngại cho việc thực hiện đoàn viên hội tụ, chia làm hai loại: khách quan và chủ quan.

Vở tuồng đã giải quyết dứt điểm mỗi loại ở từng hồi một:

Trong hồi thứ nhất Trương Liêu đã mở màn và cũng chính Trương Liêu gỡ nút bằng hành động truyền lệnh cho Hạ Hầu Đôn lui quân. Những trở ngại về đường sá nhiều khe cùng những cản trở bằng vũ trang và tâm lý chiến của lực lượng địch tuy rất nguy hiểm nhưng cũng chỉ là trở ngại khách quan, chỉ với quyết tâm bằng chính nghĩa, bằng sự nỗ lực chủ quan cũng có thể vượt qua được.

Trong hồi thứ hai, Thái Dương mở màn và cũng chính do Thái Dương gỡ nút bằng cách đem đầu mình làm vật chứng để giải mọi nghi ngờ giữa anh em Quan, Trương. Trở ngại chủ quan này gay go nhất. Đó là mâu thuẫn nội bộ, sự nghi ngờ giữa anh em, phải được giải quyết bằng tình cảm, bằng lý trí nhưng phải có thực tiễn chứng minh và chính do thực tiễn này quyết định.

Trước đây khi vở tuồng đem ra trình diễn thì thường được chia ra diễn làm hai đêm. Mỗi đêm có thể biệt lập với nhau. Trong mỗi đêm có hai hành động kịch nổi bật.

Đêm đầu trong hồi một nổi lên một cảnh gặp Hạ Hầu Đôn chặn đường, dấy sóng gió sát khí đằng đằng, đao thương xò xát... và một cảnh chia tay thật cảm động giữa hai người bạn tâm tình... Mục đích của cuộc cô chinh, sự quyết tâm thực hiện ước vọng đoàn viên không gì lay chuyển nổi được trình bày rõ nét trên sân khấu.

Đêm thứ hai trong hồi hai nổi lên một cảnh gặp gỡ và thu nạp Châu Xương hùng tráng và chân tình hết sức cảm động ... và đến một cảnh Cổ Thành, cái gút cuối cùng, gay cấn nhất, hào khí nhất, gặp gỡ Trương Phi. Cả hai hành động kịch trong hồi này đều hay và hấp dẫn, gây nhiều hồi hộp thích thú cho nên người ta lại cắt đôi hồi hai này để diễn thành hai đêm:

– Một đêm lấy trọng tâm là cảnh thu nạp Châu Xương đặt tên là **Ngọa Ngưu**.

– Một đêm là cuộc gặp gỡ Trương Phi, lấy tên là **Trương Cổ Thành**. Khi đã chia hồi hai làm hai thì toàn vở **CỔ THÀNH HỘI** chia diễn thành ba đêm mang tên là:

1. Quá quan hoặc Phò nhị tẩu quá quan.
2. Ngọa Ngưu sơn.

3. Trương Cổ Thành.

(Nếu chia ba hồi thì Thái Dương xuất hiện ở đầu hồi ba để kết thúc vào cuối hồi ba).

Hồi Ngọa Ngưu sơn rất hấp dẫn và cảm động. Trước kia có ông NHÚNG YẾN ở Phổ Trạch (Tuy Phước) là người đóng vai Châu Xương hay nhất và làm mẫu cho những ca công sau này. Châu Xương là một tướng cướp mà trước kia đã là đồ đảng của Trương Bửu Huỳnh Cán. Riêng lai lịch nặng nề ấy cũng đủ làm cho người đã tình nguyện đi đánh Huỳnh Cán trước đó là Quan Vũ thù ghét rồi... Thế mà khi nghe lời cầu xin có lý có tình và thấy hành động dứt khoát của Châu Xương, giải tán lâu la, vất búa xin làm lại cuộc đời thì người anh hùng đã phải bất đắc dĩ hàng Tào rất cảm thông với người trảng sỡ có tài. Quan Vũ đã cảm thông được hoàn cảnh của Châu Xương, không đắc chí phải ẩn mình trong chốn lục lâm cũng là bất đắc dĩ từng quyền cho nên gạt bỏ tất cả những thành kiến cũ, những đánh giá thông thường để thu nạp tạo điều kiện cho người có tài được chỗ đất tốt mà phát huy năng lực giúp đời.

Tính nhân đạo, biết trọng tài biết người, làm cho công chúng thích thú tán thưởng.

Giá trị kịch của Cổ Thành Hội như thế thì không thể cho rằng: Chỉ đến lớp thứ sáu mới bộc lộ đầy đủ cái lõi của kịch, cũng là kết thúc kịch còn năm lớp trước “chẳng qua là phương thức giao đãi dắt dẫn chuyện kịch”.

Bản thân năm lớp đầu đã có thể cắt làm hai hồi để diễn riêng trong hai đêm mà người xem vẫn thưởng thức một cách trọn vẹn. Cả hai đêm diễn đều hấp dẫn, đều đầy đủ ý nghĩa, đều xúc động tình cảm người xem và nêu lên được nhiều bài học sâu sắc... y như một vở kịch độc lập và trọn vẹn. Nếu quan niệm năm lớp đầu chỉ là để dắt dẫn chuyện kịch thì rõ ràng là bỏ phí một cách thiếu ý thức, nội dung vô cùng phong phú những bài học rất sâu sắc của các lớp ấy.

Nội dung, bài học của một đoạn Ngọa Ngưu, đem diễn riêng cũng đủ làm cho khán giả say mê thưởng thức đâu phải chỉ là một sợi dây để đeo hạt ngọc, mà chính là bản tuồng là một tràng hạt ngọc có giá trị tương đương nhau. Cái gút cuối cùng gồm kịch tính gây nhiều hồi hộp lo âu, nhưng thật ra cũng chỉ là một “tặng thưởng

duyên” thêm vào đúng lúc để gây một bước nhảy vọt, biến lượng thành chất mà thôi. Đột biến là do nhiều tiệm biến gây nên.

Nếu chỉ chú trọng việc cởi mở nút cuối cùng để mà xem nhẹ nội dung và bài học của các lớp khác thì rõ ràng là chỉ nhìn bản tuồng qua kỹ thuật sân khấu mà không tìm hiểu và tiếp thu cái thâm thúy của nội dung và yêu cầu của bản tuồng cùng niềm gửi gắm tâm sự sâu thẳm và tinh vi của tác giả. Đó chỉ là lấy kỹ thuật, cái gút (mâu thuẫn) và tính cách nhân vật coi là cốt lõi của vở tuồng mà không thấy cái tâm trạng của tác giả và mâu thuẫn gay gắt của xã hội đương thời, được đưa ra để giải quyết trên sân khấu. Nếu nhận định như thế chỉ ở trong một bản tham luận đóng góp vào một cuộc thảo luận chung thì đó là một khía cạnh cần để ý. Còn trình bày trong một cuốn sách với dụng ý hướng dẫn nhận thức, cách hiểu về các tác phẩm tuồng Đào Tấn thì không được sâu sắc và rộng rãi lắm.

Tóm lại CỐ THÀNH HỘI là một vở tuồng có 2 (hoặc 3) hồi. Nếu tách ra diễn riêng thì mỗi hồi thì có một trọng điểm riêng, một nội dung trọn vẹn và một yêu cầu đầy đủ như một vở tuồng độc lập. Nhưng nếu dồn chúng lại thì rõ ràng là một vở tuồng thống nhất, các hồi các lớp liên quan với nhau chặt chẽ. Có hai yêu cầu lớn xuyên suốt từ đầu đến cuối, gây nên phút cuối cùng, mà mở gút được là khai phóng được cả hai yêu cầu ấy. Nội dung bản tuồng gồm hai yêu cầu quện chặt vào nhau và được giải quyết cùng loạt. Đó là:

1. Yêu cầu thực hiện ước vọng đoàn viên, tái hợp.
2. Yêu cầu phán định rõ đâu là bất đắc dĩ theo dịch, đâu là thực tâm theo dịch.

Đó là ước vọng gửi gắm vào bản tuồng và lập luận của tác giả.

Vì vậy chúng tôi nghĩ rằng: Tác giả đã xây dựng xung đột kịch dữ dội ở Cố Thành không chỉ với mục đích “khắc họa tính cách nhân vật Quan Vũ – Trương Phi theo quan niệm của ông” mà chính là để gửi gắm mộng ước của mình, đồng thời để giải quyết một mắc mứu chung thời ấy chung quanh hai chữ TÙNG QUYỀN.

Để chứng thực rằng chính tác giả đã có ước vọng hợp nhất ba kỳ và định giải quyết vấn đề từng quyền qua bản tuồng Cố Thành Hội này thì phải cần trình bày đầy đủ cuộc đời học thuật và sĩ hoạn của cụ Đào Tấn để xác định đầy đủ hơn nữa cụ là một nhà yêu nước chân chính,

lấy văn chương (thi, từ, tuồng) làm phương tiện biểu hiện tấm lòng và ước nguyện của mình.

Nhưng đó là một việc lớn, không thể nói gọn ở đây được.

(Trích trong Tạp chí Bình Định – 1988)

MỤC LỤC

Thư ngỏ	5
Dạo quanh Hỷ trường	9
1. Đào Tấn sửa tuồng cụ Nguyễn Diêu	10
2. Đặng Văn Thám chê tuồng Đào Tấn	14
3. Nét độc đáo trong tuồng Đặng Văn Thám	18
4. Cụ Đào Tấn chém tên Bồi Ba	20
5. Nguyễn Thân, Tiết Nghĩa và Thói Kiêng Tên.....	23
6. Cụ Đào Tấn và điệu bộ diễn tả	30
7. Thân tình giữa cụ Đào Vinh Thạnh và hai cụ Văn Sơn	35
8. Mối thù giữa Đào Tấn và Nguyễn Thân	38
9. Nguyễn Thân chém con gái mẹ kiếp hát	44
10. Cụ Đào Tấn sửa tuồng cổ	47
11. Chỗ dựng ý trong tuồng hát và vai vua.....	53
12. Những món võ trong tuồng cổ	59
13. Vì sao tuồng Tiết Cương gọi Hộ Sanh Đàn	63
14. Quan tuồng cổ miếu Văn Ca	66
15. Sự thành tựu của một vở tuồng	69
16. Tuồng Dịch Thanh Ly Thợn	74
17. Bệnh nghiện hát bội ở Bình Định	84
18. Các bốn tuồng được cụ Đào Nhuận Chính	90
19. Tuồng Vạn Bửu Trình Tường	95
20. Nói về thanh, sắc, văn trong tuồng hát	97

21. Nói về Lục Tự Trong tuồng hát	102
22. Về tuồng Cường	105
23. Giai thoại trong tuồng hát	113
24. Tổ hát bội là ai? Người nổi danh và tuồng nổi danh	122
Đôi nét về Đào Tấn	128
Thân thế	129
Vợ con	159
Sự nghiệp văn chương	165
Giá trị văn chương trong tuồng	195
Văn thơ chữ Hán	223
Thơ Nôm	241
Kết luận	243
Các điệu hát và các thể văn thường dùng trong tuồng hát bội	
Bình Định	246
Kết luận	319
Lược thuật tuồng hát bội cổ	320
Lời dẫn	321
Phụ lục các bài viết liên quan đến Đào Tấn và hát bội Bình Định	442

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

19 Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội.

ĐT: 04.8264239 - 8229046

CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

7 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08. 8222859

Đào Tấn & hát bội Bình Định

Quách Tấn – Quách Giao

Chịu trách nhiệm xuất bản

LƯU XUÂN LÝ

Chịu trách nhiệm bản thảo

NGUYỄN THỊ HÀ THÀNH

Biên tập: BẠCH MAI PHƯƠNG

Bìa: HUỖNH PHI HẢI

Trình bày: THANH BA

In 800 cuốn, khổ 16*24 cm, tại Công ty Cổ phần In Tiền Giang.

ĐKKHXB số: 327-2006/CXB/29-211/VHDT.

Quyết định số: 107-M/QĐ-VHDT cấp ngày 17/8/2006.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2007.



ĐÀO TẤN

*hạt bội
bình định*



bát hành tại



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH

NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỬ

288B An Dương Vương, Q.5, TP.HCM

ĐT/Fax: 08. 8392516 Website: sachthanhnghia.vn

Giá: 79.000đ